MẬT THƯ TỘI ÁC CỦA

CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN

Stéphane Cuourtois,
Nicolas Werth,
Jean-Louis Panné,
Andrzej Paczkowski,
Karel Bartosek,
Jean-Louis Margolin

Dịch sang tiếng Việt bởi René Fossion và Trần Hữu Sơn

MẬT THƯ TỘI ÁC CỦA CHỦ NGHĨA CÔNG SẢN

Mật thư tội ác của Chủ nghĩa Cộng sản o Nguyên tác: Le Livre noir du communisme o Stéphane Courtois et Al. o dịch giả: Foisson René & Trần Hữu Sơn o Layouted & Published by Midway Press o 2016

Stéphane Cuourtois, Nicolas Werth,
Jean-Louis Panné, Andrzej Paczkowski,
Karel Bartosek, Jean-Louis Margolin

MẬT THƯ TỘI ÁC CỦA CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN

MW
PRESS
2016

LỜI TỰA

Đây là công trình của ông René Fossion và ông Trần Hữu Sơn, những người quốc gia đã hy sinh thời giờ và công ăn việc làm của mình để đóng góp phần nào cho cuộc tranh đấu chung, khi dịch cuốn sách Le Livre noir du communisme, *Nhà xuất bản Robert Laffont 1997, của các học giả Stéphane Courtois, Nicolas Werth, Jean Louis Panné, Andrzej Packowski, Karel Bartosek, JeanLouis Margolin tố cáo tội ác của Cộng Sản thế giới.*

Ngoài ra Ông Trần Minh Tâm đã tận tình đánh máy trên 1000 trang.

Ông René Fossion, ông Trần Hữu Sơn, và ông Trần Minh Tâm không sống về nghề làm báo, hay viết văn. Ngày thì làm công hai bữa, tối về nhà cặm cụi làm việc dưới ánh đèn cô đơn.

Nay thì bản dịch đã hoàn tất nên cho phổ biến trên internet để mọi người thấy rõ "bộ mặt thật của Cộng Sản". Mong rằng quý độc giả rộng lượng bỏ qua nếu có điều gì không đúng lắm vì "traduire c'est

trahir" (nói nôm na: dịch một bản văn đôi khi còn phản nghĩa điều mà tác giả muốn nói).

Mong quý độc giả cứ tự tiện phổ biến cho bất cứ ai cần đến. Đó là ý nguyện của chúng tôi.

Mong lắm thay.

LỜI NÓI ĐẦU

Người ta có thể nói rằng lịch sử là môn khoa học chuyên về nỗi đau khổ của con người. Thế kỷ bạo động trong đó chúng ta đang sống, đã chứng minh hùng hồn điều này. Trong các thế kỷ trước, các cường quốc Âu châu đã làm giàu trong các cuộc buôn bán người nô lệ da đen. Nước Pháp với chính sách thuộc địa đã ghi lại biết bao nhiêu ghê tởm trong lịch sử. Xã hội Hoa Kỳ vẫn còn duy trì nền văn hoá bạo động phát sinh từ hai tội ác trọng đại: việc khai thác người nô lệ và việc tiêu diệt các giống thổ dân Da Đỏ.

Nhưng nếu nói về sự bạo động, thế kỷ chúng ta đang sống đã vượt hẳn các thế kỷ trước. Thế kỷ của chúng ta đã có quá nhiều thảm hoạ do con người gây ra: hai trận thế chiến, chế độ Đức Quốc xã, các thảm trạng xảy ra ở Armenia, Biafra, Rwanda và một vài khu vực khác. Đế quốc Ottoman của Thổ Nhĩ Kỳ chủ mưu tiêu diệt các sắc dân gốc Armenia. Đức Quốc xã tiêu diệt dân Do Thái. Mussolini tàn sát dân Ethiopie. Nhưng những sự

tàn sát này vẫn không thể nào so với tội ác của cộng sản đã gây ra.

Chủ nghĩa Cộng Sản, một hiện tượng lớn của thế kỷ 20, bắt đầu từ năm 1914 và kết thúc vào năm 1991 tại Mạc Tư Khoa. Chủ nghĩa Cộng Sản ra đời trước chủ nghĩa Quốc Gia Xã Hội, gọi tắc là Quốc Xã. Chủ nghĩa Cộng Sản sống lâu hơn Quốc Xã và nó lan rộng ra khắp năm Châu.

Chúng ta cần phân biệt giữa Chủ nghĩa và hành động.

Về phương diện lý thuyết chính trị, chủ nghĩa Cộng Sản đã có từ nhiều thế kỷ, nhiều ngàn năm trước. Nhà hiền triết Hy Lạp Platon đã đề cập đến Chế độ cộng hoà trong đó người dân không bị lệ thuộc vào tiền bạc hay quyền lực. Trong xã Hội đó chỉ có sự khôn ngoan, công lý và lẽ phải ngự trị mà thôi.

Một nhà tư tưởng lớn của Anh, ông Thomas More cũng đã vạch ra một quốc gia lý tưởng nhưng đã bị bạo chúa Henri VIII chặt đầu. Những tư tưởng này là những nguồn sinh khí những đóng góp quý giá cho các nền dân chủ về sau.

Còn chủ nghĩa Cộng Sản được đề cập ở đây không có vị thế của các nguồn tư tưởng trên. Đây là chủ nghĩa Cộng Sản hành động. Nó đã diễn ra ở một thời điểm nhứt định, tại các quốc gia được biết rõ qua các cuộc khủng bố, đàn áp, kiểm soát biên giới, kiểm soát các phương tiện truyền thông, bắt giam và cho lưu đày các thành phần đối lập.

Những ký ức về khủng bố đã làm cho người ta không

quên được chủ nghĩa Cộng sản. Người ta không quên Mao Chủ Tịch vĩ đại của Trung Cộng, Kim Nhật Thành của Bắc Triều Tiên, Hồ Chí Minh của Việt Nam, Fidel Castro của Cuba v.v.... và gần với lịch sử hiện đại của chúng ta là: Maurice Thorez, Jacques Duclos, Georges Marchais.

Nhưng tội ác của Cộng Sản đã không được đánh giá trên cả luật pháp cũng như trên bình diện bình thường. Qua các trang sách này, lần đầu tiên chúng tôi đặt vấn đề với cộng sản về tội ác mà chủ nghĩa này đã gây ra. Sẽ có nhiều người cho rằng phần lớn các tội ác được coi là hợp pháp vì các tội ác này do được thực hiện theo lệnh của các lãnh tụ mà nước Pháp đã đón tiếp họ một cách nồng hậu.

Các tội ác mà chúng tôi trình bày trong quyển sách này không dựa trên các tài liệu pháp lý của chế độ Cộng sản. Chúng tôi sẽ dựa trên các văn bản bất thành văn. Nói một cách khác, các tài liệu này không được viết ra như các đạo luật thiêng liêng về luân lý của nhân loại.

Chúng ta có thể không lưu tâm đến các cuộc xử bắn các con tin, sự tàn sát nhóm nhân công nổi loạn, các mồ chôn tập thể của những người nông dân chết đói, do hoàn cảnh gây nên. Chúng tôi chỉ đề cập đến chiều sâu của tội ác mà Cộng sản đã coi đó như là cứu cánh của toàn thể hệ thống lãnh đạo.

Chúng tôi sẽ nói lên những gì? Chúng tôi sẽ đưa ra những tội ác nào?

Có vô số tội ác: Trước hết là tội ác về văn hoá của các quốc gia Cộng sản thống trị và văn hoá của nhân loại.

Staline đã ra lịnh phá bỏ hàng trăm giáo đường của các tôn giáo tại Nga. Nhà độc tài Ceaucescu của Lỗ Ma Ni đã ra lịnh phá hủy trung tâm lịch sử châu Âu đó là thành phố Bucaresti. Pol Pot đã cho tháo gỡ từng viên gạch của thành phố Nam Vang, thủ đô nước Cao Miên. Trong cuộc cách mạng văn hoá, Hồng Vệ Binh của Mao đã phá hủy vô số kho tàng văn hoá vô giá của nhân dân Trung Hoa.

Chúng tôi chỉ ghi lại tội ác của một số người được coi là linh hồn của các vụ tàn sát. Tuỳ theo mỗi chế độ, các phương tiện khủng bố được thi hành dưới nhiều hình thức khác nhau. Xư bắn, xử treo cổ, nhận chìm trong nước, đánh bằng gậy gộc, dùng chất khí độc, cho chết đói, đưa đi lưu đày, gây ra tai nạn trong lúc đưa đi lưu đày, bắt đi bộ trên các quãng đường dài hàng trăm cây số, lao động khổ sai, kiệt sức,...

Chúng tôi thống kê danh sách con số người đã bị Cộng Sản giết chết. Đây chỉ là con số tối thiểu.

Phải cần thời gian mới có thể đưa ra con số chính xác. Sau đây là con số người nạn nhân đã bị Cộng Sản giết chết:

Trung-Quốc: 65 triệu;

Liên-Xô: 20 triệu;

Bắc-Hàn: 2 triệu;

Miên: 2 triệu;

Phi-châu: 1,7 triệu;

A-Phú-Hãn: 1,5 triệu;

Đông-Âu: 1 triệu;

Việt-Nam: 1 triệu;

Trung-Mỹ: 1,150 triệu.

Các phong trào Cộng sản quốc tế, các đảng cộng sản đang nắm chính quyền: vài chục ngàn. Tổng số người chết lên đến con số gần 100 triệu.

Nếu tính theo tỉ lệ thời gian thì Pol Pot đứng hàng đầu gây tội ác. Trong vòng 3 năm, Pol Pot đã tiêu diệt một phần tư dân số dân tộc Miên. Mao đã gây tội ác trầm trọng trong cuộc cách mạng văn hoá. Bàn tay của Lenine và Staline đẩm máu vì cái lôgích tư tưởng của mình.

Nếu chỉ suy tư về tội ác thì không thể nào đánh giá được phẩm chất chiều sâu của nó được. Công việc này phải được xét xử trên tiêu chuẩn khách quan và trên khía cạnh pháp lý.

Tại toà án Nuremberg vào năm 1945, các lãnh tụ Đức Quốc xã đã bị kết án về tội diệt chủng trong thế chiến thứ hai căn cứ theo điều 6 của toà án quốc tế. Điều luật này ghi 3 trọng tội: chống lại hoà bình, tội ác gây ra trong chiến tranh và tội chống lại nhân loại.

Nếu căn cứ vào điều luật thứ 6 này thì Lenine, Staline cũng như tất cả chính quyền Cộng sản đã gây ra tội ác đều phải bị kết án.

Theo điều luật thứ 6A, các hành động như chỉ đạo, sửa soạn và theo đuổi cuộc chiến tranh xâm lăng hay

tiếp tay vào các cuộc chiến tranh vi phạm các thỏa ước quốc tế đều bị ghép vào tội chống lại hoà bình. Như vậy Staline phải bị kết án. Staline bí mật ký hai hiệp ước với Đức Quốc xã vào ngày 23 tháng 8 và ngày 28 tháng 9 năm 1938 để rảnh tay ở hai mặt trận phía Đông và phía Tây. Hai hiệp ước này đã khởi đầu Đệ nhị thế chiến. Ngoài ra Staline còn vi phạm vào tội giúp khí giới cho Bắc Triều Tiên đem quân xâm lấn Nam Triều Tiên vào ngày 25 tháng 6 năm 1950. Staline cũng đã xua quân tiến chiếm Phần Lan vào ngày 30 tháng 9 năm 1939.

Mạc Tư Khoa đã chỉ đạo các đảng Cộng sản đàn em, mở các cuộc chiến tranh phá hoại một số quốc gia khác. Tại A Phú Hãn, Mạc Tư Khoa đã vi phạm vào điều luật thứ 6A khi đưa quân vào giúp đảng Cộng sản nước này để cướp chính quyền vào ngày 27 tháng 12 năm 1979. Nó mở đầu cho cuộc chiến kéo dài cho đến ngày nay vẫn chưa kết thúc, mặc dù quân Nga đã rút ra từ năm 1989.

Điều luật 6B nêu ra các hành động vi phạm trong lúc chiến tranh. Các điều khoản này đã được ghi rõ trong bản giao ước quốc tế ra đời năm 1907 tại thành phố La Hague của nước Hoà Lan. Nó bao gồm các điểm: hành động ám sát, hành hạ, ngược đãi, lưu đày khổ sai, hành quyết các con tin, cướp bóc hay tước đoạt tài sản, tàn phá các thôn xóm, hạ giá tiền tệ không có lý do cho chính đáng cho nhu cầu quân sự,...

Staline đã cho thủ tiêu hầu hết các sĩ quan của

quân đội Ba Lan bị bắt làm tù binh vào cuối năm 1939. Tại thành phố Katyn khi cho khai quật mồ chôn tập thể 4.500 tử thi, mỗi tử thi điều có vết đạn ở sau ót. Ngoài ra còn các vụ giết người trầm trọng khác cho đến giờ này không có mấy người biết đến đó là các vụ tàn sát hàng trăm ngàn tù binh Đức ở các trại giam khổ sai từ năm 1943 cho đến năm 1945. Vụ Hồng Quân Nga hãm hiếp phụ nữ Đức trên các phần đất Đức bị chiếm.

Điều luật 6C ghi các tội chống lại nhân loại. Nó gồm các hành động như sau: Tàn sát, tiêu diệt, biến thành nô lệ, bắt đi lưu đày, ngược đãi vì lý do chính trị, kỳ thị chủng tộc hay tôn giáo,..

Trong bản cáo trạng tại toà án Nuremberg, Tổng Biện Lý Francois de Menton nhấn mạnh tính chất ý thức hệ của các tội ác này như sau:

Tôi cho rằng tất cả các tội ác đã gây ra cho một khối đông đảo quần chúng là tội ác chống lại tư tưởng. Tôi muốn nói lên một chủ nghĩa đã chối bỏ tất cả giá trị luân lý của nhân loại. Tội ác chống lại tư tưởng là nguồn gốc của chủ nghĩa Quốc Xã. Đó là chủ nghĩa kỳ thị chủng tộc. Đây không phải là một tại nạn rủi ro, không phải là một sự việc tình cờ. Trái lại các hành động kỳ thị đã được nghiên cứu kỹ lưỡng và được tổ chức trong khi thi hành.

Các bản tuyên cáo của toà án Nuremberg nhấn mạnh đến một điểm chính của điều khoản chống lại nhân loại: lạm dụng quyền lực của nhà nước để phục vụ cho một chính sách và thi hành các tội ác.

Căn cứ vào điều luật này, thì tất cả các hành động xảy ra dưới thời Lenine, Staline và tại các quốc gia nằm trong tay Cộng sản đều phải bị kết án.

Cộng sản nhân danh nhà nước, nhân danh một ý thức hệ để tiêu diệt hàng chục triệu người vô tội, chỉ vì họ là quý tộc, là thành phần trung lưu, trí thức, địa chủ,...

Khái niệm về tội ác chống lại nhân loại rất phức tạp. Ngoài tội diệt chủng dân Do Thái do Đức Quốc xã gây nên, ngày 9 tháng 12 năm 1948 Liên Hiệp Quốc xác nhận như sau: giết hại, vi phạm tinh thần hay thân thể, cưỡng ép từ bỏ điều kiện sinh sống để dần dần bị tiêu diệt đối với một nhóm dân, một sắc dân hay một tôn giáo đều bị ghép vào tội chống lại nhân loại.

Bộ hình luật mới của Pháp định nghĩa từ diệt chủng rộng rãi hơn. Đó là thỏa hiệp đưa đến việc tiêu diệt một phần lớn hay toàn thể một khối người, một sắc tộc, một giai cấp trong xã hội hay một tôn giáo. Quan điểm này cũng không khác nào tư tưởng của André Frosɛ sard. Theo ông ta, nếu một người bị giết vì lý do đã được sinh ra trong một giai cấp xã hội, một sắc dân hay theo một tôn giáo,... đều bị coi như tội ác chống nhân loại.

Trong quyển sách *Cuộc khủng bố đỏ ở Nga* xuất bản năm 1927 tại Bá Linh, sử gia người Nga ông Serguei Melgounov kể lại một mẩu chuyện của một người chỉ huy đầu tiên của cơ quan tình báo chính trị Xô Viết, có tên là Latziv. Ngày 1 tháng 11 năm 1919 ông ta ra lịnh cho một tên công an dưới quyền là tìm bắt những người

thuộc giới trung lưu mà không cần cứu xét tội lỗi. Câu hỏi đầu tiên phải đặt ra là: anh thuộc thành phần nào, gốc gác từ đâu, trình độ học vấn, nghề nghiệp,...

Chính Lenine và đám thân cận của ông ta cũng không dung thứ các đối thủ chính trị. Những đối thủ chính trị này cần phải tiêu diệt ngay. Hành động diệt chủng của nhóm người Bolshévik thực sự tiến hành kể từ năm 1920 khi họ cho giải thể nhóm dân Cosaques. Đàn ông bị xử bắn. Người già, phụ nữ và trẻ em bị đưa đi lưu đày. Làng mạc, nhà cửa bị phá hủy.

Trong những năm 1930, 1932 công tác giải thể nhóm dân Cosaques mạnh mẽ và toàn diện hơn. Staline xử dụng bộ máy tuyên truyền trong nước cũng như bên ngoài về việc kết án xử bắn, đưa đi lưu đày những ai chống lại lịnh tập thể hoá. Tuy rằng những người đưa đi lưu đày không bị giết ngay nhưng với các điều kiện lao động cực khổ, trong điều kiện thời tiết giá lạnh của mùa Đông ở vùng Bắc Tây Bá lợi Á, chẳng còn được bao nhiêu người sống sót. Cho đến nay con số tử vong chưa được chính thức đưa ra, nhưng phải kể đến hàng trăm ngàn.

Trong vụ nạn đói ở vùng Ukraine vào những năm 1932-1933 và những vụ chống tập thể hoá đã có đến trên 6 triệu người chết. Tại vùng này đã diễn ra hai hình thức diệt chủng: diệt chủng giai cấp và diệt chủng sắc dân.

Quốc Xã Đức xử dụng khoa học kỹ thuật hiện đại để thiết lập các phòng hơi ngạt và lò thiêu để giết dân Do Thái. Trong khi Cộng sản xử dụng vũ khí đói để tiêu

diệt các sắc dân. Cộng sản tìm đủ mọi cách để kiểm soát lương thực. Họ chỉ phân phối lương thực cho các phần tử mà họ cho là xứng đáng. Họ phân biệt giữa nhóm người này, nhóm người khác. Tình trạng này đã dẫn đến các nạn đói làm chết hàng triệu người tại các nước Cộng sản.

Bản tổng kết đầu tiên toàn bộ các tội ác được ghi như sau:

Trong những năm 1918-1922 có hàng chục ngàn con tin bị xử bắn mà không được xét xử. Hàng trăm ngàn công nhân và nông dân bị tàn sát vì chống đối chính sách tập thể hoá của Cộng sản.

Nạn đói năm 1922 đã làm cho 5 triệu người chết.

Hàng trăm người Cosaques sống quanh sông Don bị tiêu diệt.

Hàng chục ngàn chết trong các trại tập trung vào những năm 1918-1930.

Hàng trăm ngàn phú nông, trung lưu, trí thức bị đưa đi lưu đày.

Trên 6 triệu dân Ukraine bị chết đói trong năm 1932-1933.

Hàng trăm ngàn người thuộc các sắc dân Ba Lan, Ukraine, dân Bắc Âu, dân sống trong vùng Moldave bị đi lưu đày trong những năm 1939-1940 và tái diễn trong những năm 1944-1945.

Năm 1941, nhóm dân Đức nhưng làm việc cho Nga sinh sống dọc theo sông Volga bị đi lưu đày. Năm 1975-1979 dân ở các thành phố Cao Miên bị đi lưu đày và bị thủ tiêu.

Tiêu diệt từ từ dân Tây Tạng do Cộng sản Trung quốc chủ trương từ năm 1950.

Cho tới nay người ta chưa tính hết tội ác do Lenine, Staline gây ra. Và các tội ác này cũng tái diễn dưới bàn tay của Mao Trạch Đông, Kim Nhật Thành và Pol Pot.

Về phương diện ngôn ngữ của các sử gia, cần phải đưa ra một vấn đề: Sử gia có quyền xử dụng các từ thuộc lãnh vực pháp lý như tội ác chống lại nhân loại hay tội diệt chủng trong lúc nghiên cứu về tính chất của chiến tranh hay không? Mặt khác, các khái niệm này cũng không nên quá phức tạp để giữ tính khách quan trong lúc sưu tầm tài liệu lịch sử.

Về điểm thứ nhất, lịch sử cho chúng ta thấy tội ác diệt chủng không phải là tội ác độc quyền của Đức Quốc xã. Hãy nhìn những gì đã xảy ra gần đây ở các nước Bosnie, ở Rwanda, chúng ta sẽ bằng lòng điểm này.

Phần thứ hai là chúng ta sẽ không trở lại cái thế kỷ 19. Vào thời điểm đó, sử gia chỉ tìm hiểu sự việc mà không phán đoán.

Nhưng đứng trước thảm hoạ của nhân loại, sự phá vỡ phẩm giá của con người, các sử gia có thể bỏ qua một số nguyên tắc để cứu xét vấn đề. Sử gia Jean Pierre Azema đã kết án chế độ Đức Quốc xã có tội ác chống lại nhân loại. Và ông Pierre-Vielal Naquet cũng tuyên bố tương tự khi kết án tên Touvier, một người Pháp công tác viên đắc lực cho Đức Quốc xã.

Cũng như vậy, chúng tôi làm những công việc sưu

tầm để đưa ra ánh sáng những tội ác do Cộng sản đã gây ra.

Ngoài ra còn phải đặt trách nhiệm của các chế độ Cộng sản đang nắm quyền hành. Họ là những kẻ tòng phạm. Năm 1987, bộ hình luật của Gia Nã Đại tu chính các điều 3.76 và 3.77 ghi các điểm thuộc tội ác chống lại nhân loại, gồm có: mưu toan, tòng phạm, khuyến khích, giúp đỡ để thực hiện tội ác chống lại nhân loại, âm mưu và tòng phạm sau khi đã xảy ra sự việc.

Vậy mà trong khoảng thời gian từ năm 1920 đến 1950 những người Cộng sản trên thế giới đã hô hào cổ võ cho hai tên gây tội ác Lenine và Staline. Hàng trăm ngàn người tham gia vào phong trào Cộng sản quốc tế. Trong những năm 1950, 1960, 1970 hàng triệu người sùng bái Mao Trạch Đông của Trung Quốc trong cuộc cải cách văn hoá. Và gần đây còn có nhiều người ca tụng Pol Pot. Về sau họ chỉ trả lời: chúng tôi đâu có biết. Mà quả thật không dễ gì biết những gì Cộng sản làm. Bí mật là phương châm hoạt động của Cộng sản. Nhưng có nhiều người ngày nay đã biết sự thật nhưng họ vẫn êm lặng.

Năm 1969 ông Robert Conquest, một trong những sử gia đầu tiên nghiên cứu về tội ác của Cộng sản, đã viết: Một việc rất rõ là có nhiều người chấp nhận các cuộc thanh trừng diễn ra ở thành phố Mạc Tư Khoa trong các năm 1936, 1937 và 1938 theo lịnh của Staline. Chính sự chấp thuận này là sự đồng lõa cho các vụ thanh trừng toàn diện tiếp theo sau. Nhiều người ở bên

ngoài đã thừa nhận các vụ hành quyết là đúng. Những người này dù chỉ có lời bình phẩm về các vụ thanh trừng này cũng phải chịu trách nhiệm và phải được coi là tòng phạm trong các vụ án chính trị.

Joseph Berger, một cán bộ trong tổ chức Quốc Tế Cộng Sản, người đã từng nếm mùi ở các trại lao động khổ sai, đã kể lại một lá thư của một nữ tù nhân đảng viên Cộng sản được trả tự do sau khi lưu đày với nội dung như sau: các người Cộng sản thế hệ chúng tôi chấp nhận quyền lực của Staline. Họ chấp nhận hành động bạo ác của Staline. Và cả những người Cộng sản khác trên khắp thế giới. Đây là một vết nhơ mà chúng tôi đã vi phạm. Để phá bỏ vết nhơ, chúng tôi phải làm sao cho các tội ác này không còn tái diễn. Điều gì đã diễn ra? Phải chăng chúng tôi mất cả lý trí? Phải chăng chúng tôi là những kẻ phản bội Cộng sản? Thật ra chúng tôi, kể cả những nhân viên thân cận của Staline đều đã vi phạm các tội ác. Chúng tôi đã tưởng rằng đó là những đóng góp quan trọng cho việc chiến thắng của Chủ nghĩa xã hội. Chúng tôi cũng tin tưởng tất cả các việc làm để củng cố quyền uy cho đảng Cộng sản ở Liên Xô cũng như cho các đảng Cộng sản trên toàn thế giới. Chúng tôi không bao giờ nghĩ đến có sự tranh chấp giữa chính sách và luân lý.

Những người Cộng sản Tây phương, mặc dù họ không bị khống chế bởi cơ quan NKVD - Bộ nội vụ- của Liên Xô nhưng họ vẫn mù quáng ca ngợi Liên Xô và nhà độc tài Staline. Phải chăng họ đã uống phải liều

thuốc tiên nào đó nên luôn luôn tôn sùng quy phục quyền lực tối uy của Liên Xô.

Trong quyển sách nói về cách mạng của Nga, nhà văn Martin Malia đã vén cho chúng ta thấy tấm màn nghịch lý của một tư tưởng lớn và đã dẫn đến một kết luận: đó là một tội ác lớn.

Bà Annie Kriegel, một nhà phân tích lớn về chủ nghĩa Cộng sản đã cho thấy hai mặt của chủ nghĩa: Mặt tươi sáng và mặt tối.

Ý thức hệ Cộng sản dự phóng một xã hội tốt đẹp. Điều này đã mê hoặc nhiều người. Nhưng xã hội Cộng sản tước đoạt tất cả trách nhiệm của chúng ta. Họ quyết định mọi việc. Nhiều người ở bên ngoài vì sợ chịu trách nhiệm và tự do đã chấp nhận chủ nghĩa Cộng sản. Nhưng những người sống trong chế độ độc tài Cộng sản thì quá chán ngán. Họ chỉ mong có sự thay đổi. Trong luận đề *Sự sợ hãi của ý thức tự do* ông Fromm tuyên bố: tình nguyện làm đầy tớ cho chủ nghĩa Cộng sản.

Những người tình nguyện làm đầy tớ cũng là những kẻ tòng phạm. Khi chấp nhận làm gạch nối cho công tác tuyên truyền che dấu sự thật cũng là tòng phạm.

Phân tích hiện tượng Cộng sản khi đang nắm chính quyền là một việc làm khó khăn.

Ông Jean Ellenstein cho rằng Staline là một hiện tượng vừa mang tính chất bạo tàn của thời cổ Hy Lạp, vừa mang tính độc tài của Đông phương. Nhận định này tương đối chính xác nhưng chưa khai thác được

chiều sâu của tính độc tài. Một vài so sánh sau đây sẽ giải thích rõ vấn đề.

Chúng ta bằng lòng dưới thời Nga Hoàng dân chúng bị áp bức. Người bolshévik chiến đấu chống lại chế độ Nga Hoàng. Nhưng một khi quyền hành nằm trong tay những người bolshévik thì sự áp bức còn kinh hoàng hơn ở thời Nga Hoàng rất nhiều. Nga Hoàng đưa những tù chính trị ra trước toà án xét xử, đúng luật lệ của một toà án. Có nghĩa là có luật sư biện hộ cho tội nhân, có nhân chứng, có dư luận của quần chúng. Đối với Cộng sản, các sự việc trên không hề xảy ra. Người tù trong chế độ Nga Hoàng hưởng đủ quy chế tù nhân. Họ có quyền đọc sách, viết thơ và nếu bị lưu đày, họ đi cùng với gia đình. Họ có quyền đi săn, đi câu cá và có quyền giúp đỡ tù nhân khác,... Chính Lenine và Staline cũng đã từng ở tù và bị lưu đày dưới thời Nga Hoàng. Cả hai đã có những kinh nghiệm này.

Trong tác phẩm *Kỷ niệm ngôi nhà của người chết*, nhà văn Dostoïevski đã làm cho độc giả của ông ta xao xuyến. Nhưng nếu so với các thảm cảnh của thời Lenine, Staline thì chẳng đáng vào đâu.

Từ năm 1888 đến năm 1917, nước Nga xảy ra rất nhiều cuộc rối loạn và bị đàn áp. Đã có 6.360 người bị kết án tử hình. Trong số này có 3.922 người bị xử bắn. Nhưng so với 4 tháng đầu tiên lên nắm chính quyền, người bolshévik đã xử tử nhiều hơn so với con số này.

Vào những năm 1920 đến năm 1940, Cộng sản lên tiếng phản đối các cuộc khủng bố của chính quyền

quân phiệt ở các nước khác. Chúng ta thử xét xem những gì xảy ra ở Ý. Chế độ Phát xít Ý có ngược đãi các nhà chính trị đối lập. Trong năm 1935 nhà độc tài Mussolini đã bắt vài trăm đối thủ chính trị vào tù và vài trăm người khác bị quản thúc tại các đảo. Trên thực tế có vài ngàn người lưu vong. Đó là những gì mà thế giới đã kết án nhà độc tài Mussolini và chính quyền của ông.

Trong kỳ thế chiến thứ hai, Đức Quốc xã đã ra tay đàn áp các thành phần chống đối họ như các người Cộng sản, nhóm xã hội, nhóm vô chính phủ và một số nghiệp đoàn. Đức Quốc xã công khai đàn áp và bắt giam những người này. Từ năm 1933 đến 1939 Đức Quốc xã đã kết án và xử bắn 20.000 người. Đó là chưa kể đến con số người bị bắn chết vì lý do không đủ tiêu chuẩn sắc tộc thuần tuý tóc vàng, da trắng; những người bịnh tâm thần, tật nguyền hay già yếHitler đã ra lịnh giết chết những người già, người bịnh tâm thần bằng hơi ngạt. Từ năm 1933 đến năm 1940 đã có 70.000 người chết vì hơi ngạt. Khi Giáo hội lên tiến phản đối, chương trình dùng hơi ngạt mới ngưng hoạt động. Sau này rút kinh nghiệm đã dùng hơi ngạt giết chết lớp người thứ ba, đó là giống dân Do Thái.

Thoạt đầu có vài trăm người Do Thái bị giết chết. 35.000 người bị bắt giam vào các trại tập trung và sau đó bị đưa vào các trại tử thần. Khi tấn công vào Liên Xô, quân Đức đã giết 15 triệu dân ở các vùng chiếm đóng. Có 5,1 triệu dân Do Thái, 3,3 triệu tù binh Xô Viết

và 1,1 triệu dân đã bị bắt vào các trại tử thần. Ngoài con số nạn nhân này, cũng cần phải kể đến vài trăm ngàn dân Tziganes, 8 triệu người bị cưỡng bách lao động khổ sai và 1,6 triệu người còn sống sót lại trong các trại tập trung.

Toà án Nuremberg đã kết án những tội phạm và đã công bố những tội ác mà họ đã gây ra. Sau cùng khi tiết lộ hành động diệt chủng giống dân Do Thái đã làm cho lương tâm nhân loại xúc động.

Ở đây chúng tôi không muốn đưa ra một danh sách so sánh về con số kinh hoàng hay bản kết toán về sự ghê tởm về những gì Cộng sản đã làm. Nhưng sự kiện tội ác của Cộng sản đã quá rõ ràng. Chế độ Cộng sản đã giết chết hàng trăm triệu người so với 25 triệu nạn nhân của Đức Quốc xã. Với bản đúc kết này, ít ra chúng ta cũng thấy được sự khác nhau giữa hai chế độ trong thế kỷ này. Năm 1945, Đức Quốc xã bị kết án là chế độ bị vi phạm quá nhiều tội ác trong thế kỷ. Trong khi đó chế độ Cộng sản lại được duy trì cho đến năm 1991 với tất cả tính cách pháp lý quốc tế của nó. Cho cả đến ngày hôm nay, Cộng sản vẫn còn ngự trị trên một vài quốc gia với một số tín đồ. Và mặc dù có một vài nước Cộng sản nhìn nhận tội ác của Staline, của Lenine nhưng cho đến nay họ vẫn chưa chịu từ bỏ các nguyên tắc của Lenine và họ cũng chẳng hề bị kết án có liên hệ gì với tội ác này cả.

Các phương pháp của Lenine và sau này được Staline hệ thống hoá, đã được tay chân bộ hạ của hai ông

thi hành làm cho chúng ta liên tưởng đến những gì đã xảy ra trong thời Đức Quốc xã. Có một số tội ác đã xảy ra trước thời Hitler.

Roudolf Hoess là người được uỷ nhiệm thiết lập trại tử thần Auschwitz. Về sau trại trưởng của trại này tiết lộ cho biết ông có nhận chỉ thị của Uỷ ban trung ương về an ninh một số chi tiết về các trại tập trung của Xô Viết. [Nên nhớ là đầu năm 1918, Lenine đã ra lịnh cho lưu đày các chính trị đối thủ và và năm 1933 Đức Quốc xã cũng áp dụng như vậy]. Tài liệu còn nhấn mạnh Xô Viết tiêu diệt toàn bộ một số dân bằng cách bắt họ lao động khổ sai.

Với mức độ và kỹ thuật gây tội ác cho một số quần chúng đông đảo mà những người Cộng sản đã khai trương áp dụng, và sau đó Đức Quốc xã đã làm theo. Dưới cái nhìn của chúng tôi, người ta có thể minh chứng một chân lý về sự liên hệ trực tiếp giữa chế độ Cộng sản và sự ra đời của chế độ Đức Quốc xã.

Vào các năm cuối của thập niên 20, cơ quan GPV, một danh xưng mới của cơ quan tình báo chính trị Xô Viết, cho cho ra đời chính sách tỉ lệ phân vùng. Mỗi vùng phải tìm cách bắt đi lưu đày một tỉ lệ thành phần thù địch nào đó do nhà nước chỉ định. Sau năm 1920, Hồng quân đánh bại quân Hoàng gia Bạch quân], đã xảy ra các cuộc lùng bắt khủng khiếp các sắc dân địa phương Ba Lan và 3 nước vùng Baltique. Việc chuyên chở các người lưu đày trên các toa xe lửa dùng để chở súc vật đã được tái diễn tại các trại tập trung của Đức

Quốc xã. Năm 1943-1944 trong lúc chiến tranh đang diễn ra ở khắp nơi, Staline, thay vì cung cấp cho chiến trường, ông ta đã dùng hàng ngàn nhân viên của cơ quan tình báo chính trị cùng với hàng chục ngàn toa xe vào công việc chuyên chở các dân thuộc sắc tộc sống trong vùng Caucase đi lưu đày trong vòng vài ngày.

Đối chiếu những gì đã xảy ra dưới chế độ Đức Quốc xã và dưới chế độ Cộng sản, chúng ta sẽ thấy kỳ lạ. **Vassili Grossman là người đầu tiên đã nêu ra tội ác xảy ra ở khám đường Treblinka.** Mẹ

ông đã bị lính Đức Quốc xã giết chết trong khu biệt giam của vùng Berditchev. Ông cũng là một trong những người trưng bày tội ác của Đức Quốc xã đã tiêu diệt người Do Thái cư ngụ trên lãnh thổ của Xô Viết.

Trong tập truyện ngắn *Rồi tất cả cũng đi qua* - Tout passe, ông đã đưa một nhân chứng của vụ chết vì đói ở vùng Urakine. Ông viết: các văn sĩ, kể cả Staline cho rằng phú nông là những người ăn bám, những ký sinh trùng. Họ là những kẻ đã đốt bỏ bông lúa và giết chết trẻ em... Staline cũng còn công khai khuyến khích quần chúng nổi dậy chống lại quần chúng, tiêu diệt tất cả những người mà họ gọi là tầng lớp xấu xa. Staline cho còn cho biết muốn giết họ thì hãy coi thành phần phú nông không phải là người cũng giống như Đức Quốc xã coi dân Do Thái cũng không phải là người.

Đức Quốc xã dự trù cho một xã hội tương lai của một sắc dân thuần chủng. Cộng sản chuẩn bị cho ngày mai một xã hội của những người vô sản. Hai cách

cải tạo xã hội tuy có khác nhau về cách xử dụng tiêu chuẩn nhưng giống nhau ở mục đích. Nếu cho rằng chủ nghĩa Cộng sản là một chủ thuyết tổng quan thì thật là sai lầm. Nếu nó mang tính chất toàn cầu, thì quả thực một nửa nhân loại không còn xứng đáng để sinh tồn. Bởi nó mang tính chất của chủ nghĩa Quốc xã. Nếu có khác chăng là khác ở chỗ, Cộng sản phân chia ra nhiều giai cấp trong khi Quốc xã phân chia ra giống dân và lãnh thổ.

Tội ác của Lenine, Staline và hình ảnh dân Cao Miên dưới thời Pol Pot đã đặt ra một câu hỏi mới cho các luật gia, các sử gia và cho cả nhân loại: phải xếp vào tội nào đối với những người đã tiêu diệt các thành phần bị ghép vào tội thù địch vì lý do chính trị, tư tưởng, không phải ở phạm vi vài ba cá nhân mà cả tập thể đám đông quần chúng xã hội. Phải chăng cần đặt ra một tội danh mới? Người Anh đã dùng danh từ Politicide, bao gồm ý nghĩa cuả Chính trị - politipue - và Giết chết - Cide. Người Tiệp Khắc gọi là Tội ác Cộng sản.

Người ta biết gì về những tội ác Cộng sản gây ra? Người ta muốn biết cái gì, loại nào? Và tại làm sao phải chờ mãi đến cuối thế kỷ này nó mới có các cuộc nghiên cứu nghiêm túc?

Việc nghiên cứu tội ác của Quốc xã đã có từ lâu và đã đi khá xa so với việc nghiên cứu các cuộc khủng bố của Lenine, Staline. Nói chung, có sự khác biệt khá lớn giữa các cuộc nghiên cứu cần phải vượt qua mặc dù các nước Đông Âu đã gia tăng các cuộc nghiên cứu này.

Một số khác biệt đã được phát hiện. Năm 1945, lực lượng Đồng minh thắng trận đã chính thức lên án tội ác diệt chủng những người đầu não của Đức Quốc xã. Nhiều công trình nghiên cứu có hệ thống và đạt nhiều kết quả trong công tác kết án này. Hàng ngàn quyển sách xuất bản, hàng trăm cuốn phim trình chiếu. Như *Đêm và sương mù* - Nuit et Brouillard; *Sự chọn lựa của Sophine* - Le choix de Sophine; *Danh sách của Schindler* - La liste de Schindler. Chỉ riêng ông Raul Hilberg, ông ta đã sưu tầm các chi tiết về thủ tục và phương pháp giết người dân Do Thái dưới thời Đệ Tam Đế Quốc Đức.

Những tên như Himmler, Eischman được thế giới biết đến như biểu tượng của tàn ác, và dã man của thời đại. Nhưng người ta không hề nói đến những hung thần Cộng sản. Các tên ác ôn như Djerjinski, Iagoda hay Iejev nào có ai biết đến. Còn các tên Lenine, Staline, Hồ Chí Minh, Mao Trạch Đông, thì lại được sùng kính đáng ngạc nhiên. Lại có một viên chức nhà nước Pháp, Le Loto đã dùng các hình ảnh này vào trong chương trình quảng cáo. Có ai bao giờ thấy các hình ảnh của Hitler hay Goebbels trong các sinh hoạt tương tợ hay không?

Việc nghiên cứu tội ác của Quốc Xã Đức được chính thức xác nhận. Nguyện vọng của những người sống sót được đáp ứng. Các nhà nghiên cứu được công nhận và các lãnh tụ của quốc gia liên hệ đã làm sáng tỏ giá trị của nền dân chủ. Nhưng tại sao chỉ có tiếng vang rất

nhỏ về lời khai của những người sống sót trong chế độ Cộng sản? Tại sao có sự êm lặng chính trị một cách ngượng ngùng như vậy? Và nhất là sự êm lặng của quý vị trong Hàn Lâm về thảm hoạ của Cộng sản từ hơn 80 năm qua đã gây cho hơn 1/3 dân số trên 4 lục địa. Tại sao chúng ta bất lực để đặt yếu tố Tội ác vào trọng tâm trong công việc nghiên cứu chế độ Cộng sản? Tội ác đối với tập thể đông đảo quần chúng; tội ác hành động có âm mưu; tội ác chống lại nhân loại.

Phải chăng chúng ta không có đủ khả năng hiểu biết? Hay đó chỉ là sự từ chối không muốn biết chỉ vì sợ hãi?

Lý do của sự che dấu này rất phức tạp. Trước hết đó là hành động cổ điển của những người chủ mưu gây tội ác. Họ muốn xoá bỏ những gì họ đã làm. Họ không muốn ai nhắc đến.

Năm 1956 Khrouchtchev đọc một bản văn bí mật nhìn nhận tội ác của Cộng sản, tội ác của các nhà lãnh đạo Cộng Sản, những người hiện đang nắm quyền hành cũng đã nhúng tay vào. Theo lời của một hung thủ, họ mong được che đậy các tội ác và cứ đổ lỗi cho Staline. Họ chỉ là người thừa hành. Vì muốn che dấu các đồng chí của ông ta nên Khrouchtchev chỉ nêu lên những người Cộng sản là nạn nhân trong các cuộc khủng bố này. Dĩ nhiên cũng có người Cộng sản là nạn nhân thật. Nhưng so với con số thường dân chết, con số nạn nhân là người Cộng sản quá nhỏ. Thay vì kết án, Khrouchtchev chỉ nói rằng đó là sự lạm dụng dưới thời Staline để mong bào

chữa cho sự liên tục của chế độ. Khrouchtchev cũng trình bày cho biết những trở lực và những người chống đối trong khi viết bản phúc trình mật này. Kể cả nhân vật thân cận của Staline. Tên Kaganovitch là một đảng viên thân cận với Staline. Ông ta có thể cắt cổ cha ông ta nếu như có lịnh, chỉ cần một cái nheo mắt của Staline. Ông ta cho rằng thi hành lịnh của Staline là để phục vụ cho sự nghiệp của đảng. Cũng phải được hiểu là cho cả sự nghiệp của Staline. Sau này Kaganovitch giải thích cho hành động của ông ta là vì ông muốn bảo tồn mạng sống của mình. Ông ta chỉ còn muốn có một điều là làm sao xoá bỏ tội ác của ông. Công việc này chỉ có thể thực hiện được bằng cách phải bảo vệ bí mật các văn khố dự trữ, không ai được tham khảo; kiểm soát toàn diện báo chí; kiểm soát các người ra nước ngoài; tuyên truyền và phóng đại các thành quả của chế độ; các cơ quan truyền thông thực hiện các công tác đầu tiên là ngăn chận tất cả các đề nghị đưa ra ánh sáng các sự thật về tội ác của Cộng sản.

Vì không bằng lòng với những gì họ đã làm trong quá khứ, những tội phạm tìm mọi cách chống lại những ai muốn tìm hiểu sự thật.

Sau đệ nhi thế chiến, tại Pháp có hai vụ tố cáo tội ác của Cộng sản. Từ tháng 4 đến tháng giêng năm 1949, toà án Ba Lê đã xét vụ án ông Victor Kravchenko, cựu công chức cao cấp Xô Viết và là tác gia quyển *Tôi chọn tự do* - Je choisis la liberté.

Từ tháng 11 năm 1950 đến tháng giêng năm 1951

cũng tại toà án BaLê, ông Aragon đã kiện ông David Rousset, một nhà trí thức có khuynh hướng trotskiste.

Rousset đã từng bị lưu đày trong các trại tập trung của Đức trong đệ nhị thế chiến. Năm 1946 ông đoạt giải văn chương Renaudot với tác phẩm *Vũ trụ tập trung* - Univers concentrationaire. Ngày 12 tháng 11 năm 1946, ông Rousset kêu gọi những tù nhân ở Liên Xô hãy thành lập ủy ban điều tra các trại tập trung khổ sai. Báo chí Cộng sản lúc bấy giờ mở chiến dịch chống phá Rousset kịch liệt và chính quyền Xô Viết cho biết là không hề có trại lao động khổ sai ở xứ này. Hưởng ứng lời kêu gọi của Rousset, tờ báo *Figaro Litteraire* số ra ngày 25 tháng 2 năm 1950 cho đăng một bài báo tựa đề: *Trại tập trung khổ sai của Xô Viết, Cái gì khốn khổ nhất: Địa ngục hay trại Belzebuth?* trong đó bà Magaret-Neuman với tư cách là nạn nhân, tường thuật lại những gì bà đã trải qua trong trại tập trung của Xô Viết và của Quốc Xã Đức.

Những nhà độc tài Xô Viết tìm mọi cách chống lại lương tâm của con người. Họ mở ra một mặt trận rộng lớn với một số vũ khí đồ sộ để can thiệp vào mọi nơi trên thế giới. Họ tuyên bố bài trừ, đe doạ, và làm mất niềm tin đối với những người như Soljenitsine, Boukovski, Zinoviev, Plioutch,... Họ đuổi

những người này ra nước ngoài hay cho đi lưu đày biệt xứ. Họ quản thúc ông Sakharov, nhà bác học đầu tiên chế ra bom nguyên tử tại thành phố Gorgi. Cho Tướng Piotr Grigorenko an trí trong nhà thương điên...

Trước sự đe doạ quá lớn cùng vơi sự che đậy bịp bợm, các nạn nhân không đủ can đảm để phát biểu và cũng không còn khả năng để hội nhập vào cái xã hội còn đầy rẫy những tên chỉ điểm, những hung thủ đang sống nghênh ngang. Trong tác phẩm *Rồi mọi việc cũng qua*, tác giả Vassili Grossman tỏ vẻ thất vọng khi so sánh hai thảm kịch. Thảm kịch Do Thái đã được chính người Do Thái trên toàn thế giới chu lo tưởng niệm. Trong khi thảm kịch của những nạn nhân của chế độ Cộng sản không hề có quyền đòi hỏi bồi thường, cho dù chỉ làm một lễ tưởng niệm nhỏ. Tất cả đều bị cấm kỵ.

Một khi Cộng sản không còn che dấu được một số sự thật như các vụ xử bắn, các trại tập trung, gây ra các nạn đói,.., thì chúng vội vàng chạy tội vụng về. Sau khi nhìn nhận có xảy ra các cuộc khủng bố, họ tìm cách biện minh hợp lý. Họ cho rằng khi người ta đốn gỗ trong rừng thì có các dâm cây bay ra ngoài. Hay muốn chiên trứng gà thì phải đập vỏ trứng. Nhưng nào có chiên trứng gà nào đâu! Cái bịp bợm nhất là cách xử dùng ngôn ngữ của Cộng sản. Hình thức tập trung chúng gọi là trại cải tạo. Các tên cai tù thì mệnh danh là các tên quản giáo. Họ cố biến những tù nhân của chế độ cũ thành những người của chế độ mới. Ở các trại tù Xô Viết, các tên cai tù dùng bạo lực bắt tù nhân phải thừa nhận chính quyền. Tại Trung Cộng, các tù nhân là những sinh viên bị cưỡng bách đi lao động. Họ bị bắt buộc phải học các tư tưởng do đảng đưa ra và phải sửa sai tư tưởng cá nhân. Phải nói láo những sự thật. Nó

làm cho tư tưởng của con người trở nên loạn thị về xã hội và chính trị. Tuy vậy sự méo mó về đường lối tuyên truyền của Cộng sản còn có thể sửa đổi được, nhưng khó có thể đưa những cái đã vi phạm tư tưởng trở về cái tri thức thích nghi. Cái ấn tượng đầu tiên đã trở thành thiên kiến. Những người Cộng sản nhờ guồng máy tuyên truyền mạnh mẽ, khó có ai sánh kịp, cộng thêm vào đó với cách xử dụng ngôn ngữ điếm xảo, đôi khi còn dùng vũ lực để chống lại các lời tố cáo về các hành động khủng bố của chúng, chúng tạo được một hàng ngũ chặt chẽ, kéo theo cảm tình viên, lập lại chủ nghĩa Cộng sản. Các người Cộng sản biết xử dụng một cách có hiệu lực nguyên tắc đầu tiên của hệ tư tưởng. Ông Tertullien đã từng tuyên bố: tôi tin, dù cho phi lý.

Nằm trong khuôn khổ tuyên truyền, nhiều nhà trí thức khoa bản đã bán đứng lương tri của họ. Vào năm 1928, văn hào nổi danh của Nga, ông Gorki đã chấp nhận đi viếng các vùng thuộc quần đảo Solovski. Nơi đây là thí điểm tập trung mà sau này theo nhận xét của Soljenitsine, trở thành hệ thống trại tù Goulag. Sau chuyến viếng thăm, nhà đại văn hào Gorki viết các bài báo ca tụng chế độ Xô Viết và quần đảo Solovski. Một nhà văn Pháp, ông Henri Barbusse sau khi đoạt giải văn chương Goncourt vào năm 1916 đã viết bài nịnh hót chế độ Staline. Năm 1928 ông cho xuất bản quyển *Xứ Georgie tuyệt vời*. Đó là quê hương của Staline. Tại nơi này, Staline cùng với thân cận Ordjonikidze vào năm 1921 đã mở một cuộc tàn sát rùng rợn.

Gần đây, Mario Maccio đã ca tụng Mao và Alain Peyrefitte cũng làm như vậy. Bà Danielle Mitterand cũng từng ca tụng Fidel Castro. Lòng gian tham, sự nhu nhược, tính khoe khoang và sự hư ảo đã bị bạo lực cách mạng thôi miên. Các chế độ độc tài, dù với động cơ nào, vẫn luôn luôn có người sùng bái và ca tụng. Và họ cũng cần những người này. Chế độ độc tài Cộng sản cũng vậy.

Đứng trước các lời tuyên truyền của Cộng sản, các nước Tây phương có thái độ mù quáng lạ lùng. Hầu hết các nước Tây Âu đã tỏ ra quá ngây thơ đối với chế độ Cộng sản xảo quyệt. Phải chăng họ khiếp sợ trước sức mạnh của Xô Viết hay vì cái vô liêm sỉ của các chính khách? Tại hội nghị Yalta vào năm 1945 đã hiện diện sự mù quáng này. Tổng Thống Hoa Kỳ đã buông rơi các nước Đông Âu cho Staline và Staline hứa sẽ cho tổ chức bầu cử tại các quốc gia này. Năm 1944, Tổng thống De Gaulle tại Mạc Tư Khoa, đã bỏ rơi Ba Lan cho bạo chúa Staline để đổi lấy sự chấp thuận của lãnh tụ Cộng sản Pháp Moris Thorez về một bảo đảm an ninh xã hội và chính trị trên đất Pháp khi chiến tranh kết thúc.

Việc làm mù quáng này đã củng cố một cách hợp pháp lòng tin của những người Cộng sản Phương

Tây và các thành phần khuynh tả. Họ cho rằng ở phía sau bức màn sắt là thiên đàng chủ nghĩa xã hội. Nhiều cuộc tranh luận về vấn đề này trong các nước dân chủ. Họ cho rằng phía bên kia bức màn sắt là một thực thể. Bà Simone Veil nhấn mạnh rằng công nhân

cách mạng rất sung sướng vì họ được nhà nước yểm trợ. Một nhà nước ủng hộ chính thức các hoạt động của công nhân. Chỉ có nhà nước mới có quyền ban cho. Chủ nghĩa Cộng sản tự xưng là con đẻ của truyền thống giải phóng, con người và xã hội, một giấc mơ về sự bình đẳng thực sự, một hạnh phúc cho tất cả mọi người. Trong cái hào quang sáng chói này, Cộng sản đã phơi bày tất cả những điều nhơ nhớp mà chủ nghĩa xã hội đã gây ra.

Dù muốn hay không, sự không biết về chiều sâu của tội ác do Cộng sản gây ra mỗi lúc một gia tăng. Một phần cũng tại sự thờ ơ của các người cùng thời với anh, cha chúng ta. Không phải con người có quả tim chai đá. **Ông Tzvetan Todorov nhấn mạnh: ký ức tang chế của cá nhân ta đã cản trở ta cái tri giác cảm xúc các nỗi đau khổ của người khác...**

Thế kỷ 20 là thế kỷ xảy ra quá nhiều tang thương. Con người đã gánh chịu quá nhiều nỗi đau khổ cho nên chẳng mấy ai còn có thể động lòng trắc ẩn trước sự đau khổ của người khác.

<u>Có ba lý do che dấu tội ác của Công sản:</u>

1. Trước hết là vấn đề liên hệ đến ý thức cách mạng. Cho tới ngày nay nhiều người vẫn còn sùng bái ý niệm cách mạng của giữa thế kỷ thứ 19. Các biểu tượng như lá cờ đỏ, bài quốc tế ca, nắm tay giơ lên cao, có dịp xuất hiện khi có sự tranh chấp xã hội. Hình ảnh Che Guerava trở thành cái mốt thời trang. Nhiều nhóm người làm cách mạng, sinh hoạt công khai, lên tiếng phản đối

những ai chỉ trích về tội ác của những người làm cách mạng đi trước. Họ không ngần ngại đọc các bài diễn văn ca tụng những tội phạm như Lenine, Staline, Mao,... Có rất nhiều tác giả viết nhiều sách ca tụng và tin tưởng vào những lời tuyên truyền của Cộng sản.

2. Lý do thứ hai của hành động che dấu tội ác của Cộng sản là bởi Xô Viết đã tham gia vào cuộc chiến tranh chống Hitler và đã chiến thắng. Đó là cơ hội để cho những người Cộng sản chính thức đeo mặt nạ của những người ái quốc lương thiện hòng đạt cho kỳ được mục tiêu tối hậu là nắm lấy chính quyền.

Từ đầu tháng 6 năm 1941, khi quân Đức xua quân xâm chiến lãnh thổ Xô Viết, tất cả các đảng viên đảng Cộng sản ở các quốc gia bị Đức chiếm đóng, đồng loạt đứng lên, chiến đấu vỏ trang chống lại Quốc Xã Đức hay Phát xít Ý. Những người Cộng sản cũng đã chịu cùng số phận của các tổ chức chính trị khác. Hàng ngàn đảng viên Cộng sản bị hành hung, bắt giam, lưu đày lao động khổ sai hay bị xử bắn. Cộng sản đã thần tượng hoá những đảng viên bị tù đày hay bị xử bắn để nâng cao lý tưởng của chúng và còn dùng để chỉ trích những ai tố cáo tội ác của chúng. Ngoài ra, còn có rất nhiều người không phải là Cộng sản, cùng sát cánh với Cộng sản trong các cuộc chiến tranh chống ngoại xâm, không chịu mở mắt ra. Tại nước Pháp, quân của cánh De Gaulle vì cùng chung chống Đức Quốc xã với quân của Xô Viết nên họ theo De Gaulle trở thành bộ phận của Xô Viết đối chọi với Hoa Kỳ.

Việc các người Cộng sản tham gia chống Phát xít được coi như là mẫu mực của phe tả. Những người Cộng sản tự coi mình là tiêu biểu của lực lượng chống Phát Xít. Nhân danh nhãn hiệu chống Phát xít này, Cộng sản đã làm câm họng những ai chỉ trích họ.

Francois Furet đã nhấn mạnh rất nhiều về cái điểm cốt cán này. Đức Quốc xã thua trận, các nước gọi là điều ác. Những người Cộng sản chiến thắng Đức, đó là điều thiện. Trong toà án Nuremberg, Cộng sản ngồi vào ghế biện lý. Chính nhờ vậy, họ đã che lấp các hoạt động xấu xa đối với giá trị dân chủ của các nước Tây phương. Cộng sản đã từng ký hoà ước với Đức Quốc xã vào năm 1939, cùng với quân Đức tàn sát các sĩ quan Ba Lan tại Katyn vào mùa xuân 1940. Nhân dân các quốc gia bị Đức chiếm đóng và được các nước Đồng Minh Anh, Hoa Kỳ giải phóng thì tỏ ra vô cùng biết ơn Hồng quân Nga và cùng chia sẻ với nhân dân Xô Viết về những sự mất mát vì chiến tranh. Ngành tuyên truyền của Cộng sản khai thác triệt để các sự kiện này. Đồng thời, bộ máy tuyên truyền của Cộng sản cũng tìm cách che dấu những tội ác của chúng gây nên tại các quốc gia chúng chiếm đóng. Các nước Tây Âu cũng như dân chúng trên toàn thế giới đâu biết những gì đã xảy ra. Sử gia đã chia các cuộc chiến giải phóng ra làm hai loại: một là dân chủ hoá các quốc gia nằm trong khối Đồng Minh Tây Âu. Hai là thiết lập chế độ độc tài ở các quốc gia thuộc quyền kiểm soát của Hồng quân Nga. Ông Witold Gombrowicz diễn tả thảm cảnh

của các quốc gia bị Hồng quân chiếm đóng như sau: chiến tranh đã kết thúc nhưng không giải phóng cho người dân Ba Lan. Tại khu vực đau khổ Trung Âu này, đó chỉ là sự thay đổi bóng tối này bằng một bóng tối khác. Các hung thủ của Staline đến thay các hung thủ của Hitler mà thôi. Trong khi đó, tại thủ đô Ba Lê của nước Pháp người ta ca hát chào mừng nhân dân Ba Lan đã được giải phóng khỏi gông cùm phong kiến..**3. Lý do thứ ba của sự che dấu tội ác rất tế nhị.**

Sau năm 1945, sự kiện diệt chủng dân Do Thái đã trở thành một hiện tượng dã man hiện đại. Hiện tượng này xâm chiếm tất cả tâm tư của con người. Trước thế chiến, Cộng sản cho rằng họ không hề có hành động ngược đãi dân Do Thái. Và họ biết rất rõ là họ sẽ đạt được nhiều thắng lợi trên mặt trận tuyên truyền một khi họ khuyến khích phong trào chống Phát xít. Gần đây, tại các nước Cộng sản lại xảy ra vụ xét lại tội diệt chủng dân Do Thái, với mục đích làm mờ đi tội ác tương tự của chúng.

Khúc quanh lớn đã diễn ra vào ngày 24 tháng 2 năm 1956. Đó là ngày chính thức nhìn nhận tội ác của Cộng sản. Buổi chiều ngày hôm ấy, Bí thư thứ nhất của đảng Cộng sản Liên Xô, ông Nikita Khrouchtchev khai mạc Đại Hội lần thứ 20 của đảng Cộng sản. Đại hội họp trong phòng kín. Các đại biểu êm lặng và căng thẳng ngồi nghe Khrouchtchev vạch tội Staline, ròng rã 30 năm là người hùng của chủ nghĩa Cộng sản thế giới. Bản phúc trình mật từ ngày đó đã là nguyên nhân

của sự chuyển hướng căn bản của chủ nghĩa Cộng sản ngày nay. Và đây là lần thứ nhất một người lãnh đạo cao cấp Cộng sản chính thức thừa nhận những người lãnh đạo từ năm 1917 đã gây ra tội ác.

Có nhiều lý do đã thúc đẩy Khrouchtchev phá vỡ một trong những điều cấm kỵ của Cộng sản. Mục đính chính của Khrouchtchev là tìm cách quy tội cho một cá nhân để chạy tội cho chính sách dã man của chủ nghĩa Cộng sản. Trong kế hoạch này, ông tấn công và khai trừ các đảng viên tay chân của Staline, những người theo Staline và chống lại ông. Kết quả cho chúng ta thấy rõ vào mùa hè năm 1957, tất cả các đảng viên thân Staline ở mọi ngành, mọi nơi đều bị cách chức. Thí dụ điển hình này chỉ là một chi tiết tầm thường. Trên thực tế còn nhiều điều kinh hoàng hơn. Khi ông ta còn ở chức vụ Bí Thư vùng Ukraine, được coi như là lãnh chúa của vùng, trong nhiều năm phát động nhiều vụ tàn sát khủng khiếp. Trong tập hồi ký, ông chỉ ghi lại những thành quả tốt đẹp của ông mà thôi. Đại hội kết thúc với những quyết nghị và chương trình thi hành các nghị quyết. Nhưng rồi họ làm được những gì. Ông ta viết: vậy chúng ta phải làm gì cho những người bị xử bắn vô tội; phải làm gì cho những người bị bắt và bị thủ tiêu? Chúng ta có bằng cớ rõ ràng rằng họ là những người công dân lương thiện, họ là những đảng viên trung thành với đảng. Họ đã hy sinh cho chủ nghĩa Cộng sản. Sớm hay muộn gì, những người hiện còn bị giam trong các khám sẽ được trả tự do. Họ sẽ kể lại cho thân nhân

nghe những gì đã xảy ra. Vì vậy tôi phải thú nhận trước các đại biểu hiện diện ngày hôm nay về đường lối lãnh đạo sai lầm của đảng trong những năm đó. Làm sao chúng ta có thể nói là chúng ta không hề biết gì chuyện đó. Chúng ta phải biết rằng đó là một thời kỳ đàn áp và độc đoán ở trong đảng. Chúng ta có nhiệm vụ phải trình bày trước đại hội những gì chúng ta biết. Trong cuộc sống, những người phạm tội sẽ nhận khoan hồng nếu như họ thú tội.

Cũng có một số trường hợp hối hận xảy ra. Nhiều người trước kia tham dự trực tiếp vào các vụ tàn sát thời Staline, tiêu diệt các đảng viên khác để chiếm giữ các chức vụ quan trọng, nay cũng tự phê bình, tự kiểm điểm. Đó chỉ vì sự cưỡng bách mà phải làm. Ai đó có thể trực tiếp đứng ra ngăn chặn sự tàn sát này? Đó là Khrouchtchev. Nhưng rồi cũng chính Khrouchtchev vào năm 1956 đã ra lịnh cho Hồng quân kéo xe tăng vào đè bẹp dân chúng Hung Gia Lợi.

Trong các phiên họp đại hội thứ 22 của đảng Cộng sản, Khrouchtchev lại một lần nữa cho rằng đảng viên Cộng sản là nạn nhân của Staline. Ông cho xây đài tưởng niệm những người Cộng sản này. Ông đi trở lại con đường độc tài. Con đường độc tài tuyệt đối dành riêng cho Cộng sản.

Vào năm 1962 khi còn tại quyền Tổng bí thư đảng, ông Khrouchtchev cho xuất bản quyển *Một ngày của Ivan Denissovitch* của Alexandre Soljenitsine. Ngày 24 tháng 10 năm 1960 Khrouchtchev bị truất phế, nhưng

không bị thủ tiêu. Ông mất âm thầm vào năm 1974. Chẳng ai hay biết, ngoại trừ thân nhân. Nhiều người nhìn nhận rằng bản phúc trình mật của Khrouchtchev phá vỡ căn bản chính sách của Cộng sản trong thế kỷ thứ 20.

Ông François Furet, một đảng viên Cộng sản Pháp ly khai năm 1954, cho rằng bản phúc trình mật chỉ là một sự thú nhận quanh co. Bản phúc trình chỉ đề cập đến những người Cộng sản là nạn nhân của Staline. Nhưng theo ông, dù sao bản phúc trình mật cũng xác nhận là có xảy ra các vụ tàn sát kinh hoàng và ở mức rộng lớn trên đất nước Nga. Điều mà có nhiều người từ lâu nay vẫn nghi ngờ. Nhiều lãnh tụ đảng Cộng Sản ở các quốc gia khác không chịu thừa nhận tội ác như Khrouchtchev đã làm. Mãi đến năm 1979, đảng Cộng sản Trung Quốc mới chịu phân tích con đường chính trị của Mao. Họ cho rằng Mao đã có công rất lớn cho đến năm 1957. Sau đó họ Mao đã làm sai. Cộng sản Việt Nam chỉ đề cập đến điểm này xuyên qua việc tố cáo hành động diệt chủng của Pol Pot. Còn Castro thì cho rằng không hề có bạo lực xảy ra dưới thời của ông.

Cho đến lúc này, chỉ có những người chống đối Cộng sản, những thành phần ly khai lên tiếng kết án tội ác của Cộng sản. Kết quả của các vụ tố cáo chẳng đi đến đâu. Chỉ có những người sống sót được trong các trại tù của Đức Quốc xã, của Cộng sản mới đủ ý chí quyết liệt tố cáo tội ác. Nhưng ở Pháp khô-

ng mấy ai chịu nghe họ. Pháp có trên 10.000 công dân sinh sống trong hai vùng Alsace và Lorraine, bị Quốc xã sát nhập vào Đức. Trong chiến tranh, những người Pháp này bị Đức gởi đi ra mặt trận trên đất Nga. Họ bị Hồng quân bắt làm tù binh và bị ngược đãi. Cho đến ngày hôm nay, 50 năm sau, gia đình của họ không hề biết được tin tức gì cả. Chính phủ Pháp chưa giải quyết thỏa đáng.

Tháng hai năm 1956, bản phúc trình mật do Khrouchtchev đọc trước Đại hội Đảng lần thứ 20 đã làm đảo lộn hàng ngũ Cộng sản. Lời tố cáo không phải xuất phát từ Phương Tây Tự Do mà từ Thánh địa Mạc Tư Khoa. Ý niệm Cộng sản bị lung lay, không phải chỉ ở Nga mà còn dao động ở các nước Cộng sản chư hầu. Bởi vì lời tố cáo không phải phát xuất từ một đảng viên bình thường do bất mãn, trái lại, nó do chính Chủ tịch nhà nước đương kim Đệ nhất Bí Thư Khrouchtchev đích thân tuyên đọc. Sự kiện này khiến cho người ta tự hỏi, liệu chủ nghĩa Cộng sản còn đáng được tin tưởng hay không? Cả hội trường, không một đảng viên đại biểu nào phát biểu chống lại, chứng tỏ bản phúc trình mật có một giá trị sức mạnh ghê gớm.

Từ đầu năm 1917, đã xảy ra nhiều sự kiện lịch sử nghịch lý. Một nhóm tỏ vẻ hồ hởi đón nhận cái gọi là tia sáng lớn lóe ra từ phương Đông. Nhóm khác cực lực chỉ trích các hoạt động của người bolshévik. Các

cuộc tranh cải giữa hai khuynh hướng nhằm vào các cuộc khủng bố bạo lực của Lenine.

Trong những thập niên 20 và 50, cũng có nhiều người lên án bộ mặt thật của những người bolshévik. Nhưng phải đợi đến khi người Cộng sản tự thú thì tốc độ tố cáo mới có phần gia tăng. Nhiều uỷ ban thành hình có nhiệm vụ thu nhập những ký ức của nạn nhân. Như Uỷ Ban Quốc Tế về chế độ Trại tập trung của David Rousset hay Ủy ban về sự thật tội ác của Staline,... Nhưng tiếng nói của các Ủy Ban bị lấn át bởi tiếng trống tuyên truyền của Cộng sản và được nối tiếp bởi sự yên lặng hèn hạ gần như thờ ơ. Ngay cả khi Soljenitsine cho xuất bản quyển *Quần đảo Goulag* và tác phẩm *Ảo ảnh chết người* của Pin Yathay dư luận ở Tây phương vẫn tiếp tục êm lặng. Xã hội Tây Phương vẫn từ chối nhìn nhận sự thật đã xảy ra trước mắt họ: chủ nghĩa Cộng Sản từ căn bản, ở mỗi cấp độ, tất cả đều đã nhúng tay vào tội ác.

Từ năm 1920 đến năm 1950 vì Cộng Sản bưng bít, nên các nhà nghiên cứu các tài liệu về các tội ác, chỉ có thể căn cứ vào những lời khai cuả các nhân chứng trốn thoát khỏi địa ngục Liên Xô.

Năm 1959 một viên chức cao cấp của cơ quan tình báo Xô Viết KBG rời bỏ hàng ngũ chạy qua Tây Phương tìm tự do. Ông ta trình bày tất cả các chi tiết về các trại Goulag và được viết lại trong tác phẩm Chế độ trại tập trung của Xô Viết từ 1930-1957, tác giả là Paul Barton. Sách do nhà xuất bản Plon phát hành năm 1959. Ông

Paul Barton là ai. Ông ta là người Tiệp Khắc lưu vong. Tên thật của ông là Jiri Veltrusky. Ông là một trong những người tham dự cuộc nổi dậy ở thủ đô Prague của Tiệp Khắc vào năm 1945 chống lại Đức Quốc xã. Năm 1948 ông trốn qua Pháp.

Vào những thập niên 70-80, Soljenitsine cho ra đời tác phẩm *Quần đảo ngục tù Goulag*.

Dư luận có chú ý, nhưng Soljenitsine cũng đã gặp nhiều khó khăn khi tìm cách phá vỡ cái lớp lừa bịp. Vào năm 1975, một ký giả của tờ báo lớn ở Pháp, tờ *Humanité* đã ví Soljenitsine, người đạt giải thưởng Nobel văn chương, như các ông Pierre Laval, Doriot và Deat [các ông này bị toà án Pháp kết tội tử hình vì đã nghinh đón quân Đức như đón những đoàn quân giải phóng].

Những gì ông Soljenitsine viết, cũng như những gì ông Chalamov kể về Kolyma hay ông Pin Yathay nói về Cao Miên đều là những nhận thức quyết định đầu tiên về ý thức.

Gần đây, ông Vladimir Boukovski, một trong những người ly khai trong phong trào ly khai dưới thời Brejnev, đã phản kháng trong tác phẩm *Xử án tại Mạc Tư Khoa* - Jugement à Moscou. Ông ta kêu gọi thành lập một toà án quốc tế như toà án Nuremberg để xử tội ác của chế độ Cộng Sản. Tác phẩm của ông ta được thế giới Tây phương tiếp nhận nồng hậu. Nhưng đồng thời chúng ta cũng thấy các tài liệu kêu gọi phục hồi danh dự và sự nghiệp của Staline.

Ngày hôm nay các trung tâm văn khố trưng bày

các sự thật, đã thúc đẩy công việc sưu tầm các tội ác. Trung tâm văn khố của Liên bang Xô Viết cũ, của các nước Đông Âu, của Cao Miên đã đưa ra ánh sáng những sự kiện kinh hoàng. Đã đến lúc phải mở một cuộc điều tra theo phương pháp khoa học về tội ác của Chủ nghĩa Cộng sản mà không sợ bị chi phối vì lý do chính trị. Câu hỏi được đặt ra là phải quy trách tội ác của Cộng sản ở cấp độ nào cho đúng?

Để trả lời thỏa đáng cho câu hỏi này, cần phải có những đóng góp đặc thù trong công tác nghiên cứu.

Điểm thứ nhất, chúng tôi làm bổn phận của chúng tôi đối với lịch sử.

Đối với sử gia, không thể có áp lực nào cho dù chính trị, tư tưởng hay cá nhân riêng tư cấm đoán họ nghiên cứu bất kỳ một đề tài nào. Ngày nay không ai có thể ngăn chận sự tìm hiểu, khai quật và phán quyết những gì đã xảy ra và nhất là những sự kiện từ bấy lâu nay bị dấu kín trong các văn khố cũng như trong lương tâm của con người.

Vấn đề nghiên cứu chủ nghĩa Cộng Sản không thể chỉ giới hạn trong tầm vóc một quốc gia, một xã hội hay chỉ trong lãnh vực văn hoá. Bởi với chính sách cực quyền, Cộng sản không những chỉ hoạt động trên phần đất Âu Châu và còn bao trùm khắp cả thế giới.

Nói một cách khác, vấn đề tội ác Cộng Sản không những chỉ xảy ra trên phần đất Nga mà còn cả trên lãnh thổ Trung Quốc của Mao Trạch Đông, trên Bắc Triều Tiên, ở Việt Nam, trên đất Chùa Tháp Cao Miên

của Pol Pot nữa. Tại các quốc gia này, Cộng sản thực hiện mẫu mực những gì đã xảy ra trên đất Nga, trở thành phòng trào Cộng sản thế giới. Sự kiện lịch sử mà chúng ta đang trực diện có liên quan đến toàn thể nhân loại trên trái đất.

Lịch sử và ký ức được quy định trong nhiều hình thức khác nhau. Ở một nơi, nó liên hệ đến các quốc gia mà nơi đó Cộng sản không có một chút ảnh hưởng nào trong lãnh vực kinh tế hay xã hội. Như ở các quốc gia Anh, Úc, Bỉ,...

Ở một nơi khác, chủ nghĩa Cộng sản tỏ ra đáng ghê sợ. Như ở Hoa Kỳ sau năm 1946. Cộng sản có thể cướp lấy chính quyền ở Pháp, ở Ý, ở Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha hay ở Hy Lạp. Tại một số quốc gia Đông Âu, Cộng Sản ngự trị hàng chục năm, cho tới những năm gần đây mới bị dân chúng hạ bệ. Và ngọn lửa Cộng sản vẫn còn chập chờn gây đe doạ tại Trung quốc, Bắc Triều Tiên, Cuba, Lào và Việt Nam.

Tuỳ theo hoàn cảnh và thái độ của những người đương thời, vấn đề lịch sử cũng như những ký ức không giống nhau. Trường hợp tại các quốc gia nói trên, thái độ của họ chỉ là những cuộc vận động đơn giản về suy tư. Nhưng ở trường hợp khác, họ còn phải đương đầu với một số vấn đề cần thiết cho sự hoà giải quốc gia trong những quyết định trừng phạt hay tha thứ cho những tội phạm đã gây ra tội ác. Nước Đức là một trường hợp đặc biệt. Việc thống nhất nước Đức quả là một phép mầu nhiệm. Nó không giống

như Tiệp Khắc chia làm hai quốc gia riêng biệt. Còn Nam Tư thì tan rã ra từng mảnh nhỏ. Các nước Ba Lan, Miên thì vẫn còn còn ray rứt với cái quá khứ tội ác. Ở một mức độ nào đó, hiện tượng quên đi những gì trong quá khứ có thể chấp nhận để hàn gắn vết thương luân lý và tâm lý của từng cá nhân hay của tập thể.

Tại các nước Cộng sản, thì việc chối bỏ tội ác được thực hiện một cách có hệ thống. Trung Cộng, Cuba, Bắc Triều Tiên, Việt Nam vẫn còn cai trị bằng bạo lực.

Về phương diện luân lý, không ai có quyền phủ nhận bổn phận cuả họ đối với lịch sử và ký ức.

Không một ai có quyền bảo rằng ai cho anh cái quyền nói đến Thiện và Ác. Giáo Hội Thiên Chúa Giáo, qua thông Điệp Mit Brennender Sorge đề ngày 14 tháng 7 năm 1937 của Đức Giáo Hoàng Pio XI, đã chính thức lên án Chủ nghĩa Quốc xã. Thông Điệp thứ hai Divini Redemtoris đề ngày 19 tháng 3 năm 1937 Đức Giáo Hoàng tố cáo Cộng Sản. Thông Điệp thứ hai nhấn mạnh những đặc quyền của Thiên Chúa ban cho loài người. Quyền sinh sống, Quyền được toàn vẹn thân thể, Quyền được hưởng những nhu cầu cần thiết hằng ngày, Quyền được sống đến ngày cuối cùng theo con đường Chúa đã vạch định, Quyền được hội họp, Quyền tư hữu, Quyền xử dụng các tư hữu này. Cho dù ai có mỉa mai cái đạo đức giả nào đó của Giáo Hội khi cho phép những người làm giàu quá mức bằng cách chiếm đoạt tài sản của người

khác, nhưng vấn đề nhắc nhở con người phải tôn trọng nhân phẩm vẫn là điều cần thiết.

Năm 1931, trong một Thông Điệp, Đức Giáo Hoàng XI nhận định rằng, Cộng Sản hoạt động công khai và tìm đủ mọi cách kể cả bạo lực để đạt cho kỳ được hai mục tiêu. Đó là: luôn luôn đấu tranh giai cấp và hủy bỏ hoàn toàn quyền tư hữu.

Cộng sản xử dụng mọi phương tiện để đạt cho được hai mục tiêu này. Cộng sản chẳng tôn trọng cái gì cả. Nơi nào Cộng sản nắm chính quyền thì nơi đó Cộng sản cho thi hành khủng bố tàn bạo. Các cuộc tàn sát ở Đông Âu và ở Á Châu đã chứng tỏ điều này. Lời cảnh cáo của Đức Giáo Hoàng mang nhiều ý nghĩa vì nó phát xuất từ một cơ chế tồn tại qua nhiều thế kỷ.

Nếu cho rằng Giáo Hội giữ vai trò kiểm duyệt về luân lý, thì những người viết sử phải viết làm sao về các mẫu chuyện mang tính chất anh hùng của những người Cộng sản và những mẫu chuyện thống thiết của các nạn nhân của Cộng sản? Trong tác phẩm Hồi ký của nấm mồ - Memoiries d'outretombe, nhà văn François René de Chateaubriand viết: trong sự êm lặng của đê hèn, người ta không còn nhớ đến những tiếng kêu của dây xích của người nô lệ hay không nghe tiếng nói của người tố cáo. Trong khi mọi người khiếp sợ trước bạo chúa, các sử gia đứng ra làm công việc báo thù cho dân tộc. Nhưng ở vào những ngày cuối cùng trong đời, Chateubriand không còn tin tưởng vào việc báo thù cho dân tộc. Và với tư cách là

sử gia, với khả năng khiêm tốn, người viết sử cho dù không muốn mình là phát ngôn viên của nạn nhân, cũng phải sẵn sàng nói lên sự thật những gì mà họ đã trải qua. Người viết sử thực hiện công việc của ý thức. Công việc của sử gia là thiết lập các sự kiện thực đã xảy ra. Ngoài ra còn có sự liên hệ của sử gia với chế độ Cộng sản. Họ đã bị bắt buộc phải viết lên lịch sự của sự lừa dối. Mặc dù các cánh cửa của các văn khố đã mở toanh, các tài liệu trình bày ra trước mặt, nhưng sử gia cũng phải đề phòng để khỏi trở thành quá thơ ngây trong một số vấn đề phức tạp, có nhiều hậu ý, cần phải tranh luận.

Nhưng các sự hiểu biết về lịch sử không thể không kể đến sự phán xét, nếu muốn tôn trọng giá trị của nền dân chủ, và nhất là việc tôn trọng nhân phẩm. Trong cái ý niệm này, sử gia phán xét những chủ chốt của lịch sử. Ngoài những lý do khách quan đã thúc đẩy các sử gia sưu tầm các tội ác lịch sử, còn có lý do của cá nhân họ. Có nhiều vị cộng tác trong tập tài liệu này đã từng là những người bị lý thuyết Cộng sản mê hoặc. Các vị này cũng từng ủng hộ chủ nghĩa Cộng sản chính thống Lenine-Staline hay chủ nghĩa Cộng sản ly khai Trotsky-Mao Trạch Đông.

Việc nghiên cứu để so sánh các việc xảy ra ở Trung Quốc, Liên Xô, Cuba và cả ở Việt Nam cần phải có một cuộc sưu tầm rộng rãi. Đến nay chúng tôi chỉ có một số ít tài liệu. Ở vài nơi, các trung tâm văn khố mở cửa. Có nơi chỉ hé mở. Và nơi khác thì vẫn còn

đóng kín. Với tình trạng này, chúng tôi chưa đủ để có thể bắt tay vào công việc nghiên cứu. Chúng tôi biết rằng chúng tôi có một số tài liệu tuy không toàn bộ, nhưng phát xuất từ những tổ chức đáng tin cậy, được coi như là bước khởi đầu. Chúng tôi mong rằng đây là phát súng khai trương cho các cuộc nghiên cứu rộng lớn sau này.Chúng tôi khởi đầu bằng một cuộc điều tra các sự việc đã xảy ra. Các sự việc này rất là quan trọng và không thể nào chối cãi được.

Quyển sách của chúng có quá nhiều chữ và có rất ít hình ảnh. Ngày hôm nay, con người tiếp nhận thường xuyên các tin tức, hình ảnh qua các hệ thống truyền thanh, truyền hình và trên báo chí. Ảnh hưởng của các cơ quan truyền thông có tác dụng rất lơn trong quần chúng để đánh giá phải trái các sự việc đã xảy ra. Chúng tôi chỉ có một số ít hình ảnh. Các trại tập trung Goulag chúng tôi không có hình. Chúng tôi có vài tấm ảnh của các trại cải tạo ở Trung Quốc. Hình ảnh các nạn đói của Bước tiến nhảy vọt của Trung Quốc thì không dễ gì có được. Ai cũng biết, đối với Cộng Sản các hình ảnh như vậy là tuyệt đối phải giữ bí mật.

Những người thắng trận ở toà án Nuremberg có đủ điều kiện tự do để quay phim chụp hình, kể cả quay cảnh hàng ngàn người chết ở Bergen-Belsen. Họ cũng còn tìm thấy các bức ảnh do các hung thủ Đức Quốc xã chụp các lính Đức bắn chết một người đàn bà trên tay đang bồng đứa con. Đối với chế độ

Cộng sản thì không thể chụp hình như vậy được vì các vụ khủng khiếp này luôn luôn xảy ra trong vòng bí mật.

Xin quý độc giả rộng lượng chấp nhận một số ít hình ảnh sưu tầm trong quyển sách.

Xin quý độc giả hãy đọc thật kỹ từng trang một và suy tư về nỗi thống khổ mà hàng chục triệu người đã chịu đựng.

Xin quý vị hãy tưởng tượng tấn bị kịch vĩ đại đã diễn ra. Nó đã ám ảnh nhân loại trên toàn thế giới từ mấy thập niên qua và sẽ còn kéo dài mấy thập niên về sau.

Câu hỏi chính yếu được đặt ra là: tại sao những người như Lenine, Staline, Trotsky hay các đồng chí của họ phải tiêu diệt những người mà họ cho là kẻ thù?

Tại sao những người này có quyền giết người? Như vậy họ đã vi phạm vào điều luật, mặc dù không thành văn, nhưng đã chi phối nhân loại: người không được giết người.

Đoạn cuối của quyển sách sẽ là phần trả lời cho các câu hỏi này.

Stéphane Courtois et al.

PHẦN I
TÀN SÁT, KHỦNG BỐ, ĐÀN ÁP

CHƯƠNG 1
NGHỊCH BIỆN VÀ SỰ HIỂU LẦM CUỘC CÁCH MẠNG THÁNG 10

Sau khi chủ nghĩa Cộng sản sụp đổ, cái huyền thoại về cuộc Đại cách mạng được coi là một sự kiện lịch sử không thể tránh được không còn giá trị gì cả. Cái mốc thời điểm 1917 nay chỉ còn là một sự kiện lịch sử bình thường. Rất tiếc là xã hội chúng ta chưa có sử gia nào sẵn sàng đứng lên phá vỡ cái huyền thoại của năm khởi đầu cho tương lai của dân Nga: Sống trong hạnh phúc hay nhận lấy thảm họa.

Một sử gia đương thời người Nga nhận định rằng các cuộc bút chiến về cuộc cách mạng 1917 sau 80 năm vẫn còn diễn ra.

Theo quan điểm của nhóm chủ trương tự do, cuộc cách mạng tháng 10 chỉ là cuộc đảo chánh. Một nhóm người cuồng tín, mặc dù không có cơ chế căn bản nào

trong xã hội Nga vào thời đó, nhưng có tổ chức, đã khéo léo dùng bạo lực trấn áp một xã hội thụ động. Vì không hiểu được chiều sâu của xã hội và lịch sử, nhiều người, trong đó có các sử gia, giới tríthức và những người lãnh đạo nước Nga hậu Cộng sản đã đánh giá cuộc cách mạng tháng 10 như là một bước đi lạc hướng của một xã hội Nga phong phú, cần cù và đang tiến trên con đường dân chủ.

Một nhóm khác, gồm các thành phần ưu tú, một giai cấp được ưu đãi dưới thời Xô Viết, cương quyết đoạn tuyệt với cái gọi là dấu ngoặc quái đản chủ nghĩa Xô Viết, thể hiện dưới chiêu bài giải phóng xã hội. Thành phần này đã tỏ ra hối hận trong suốt thời kỳ đổi mới [1985-1991] ở Nga, khi họ biết được sự thật vô cùng đau đớn đã xảy ra dưới thời Staline.

Nếu cuộc đảo chính năm 1917 do những người Bolshévik chủ xướng, được coi như là một tai nạn, thì chính nhân dân Nga là nạn nhân.

Với nhận định này, những nhà viết sử Liên Sô đã cố gắng giải thích cuộc cách mạng tháng 10 năm 1917 là kết quả hiển nhiên của một sự kiện có thể tính trước, phải xảy ra. Nó nằm trong lịch trình giải phóng của khối đông dân chúng cùng với ý thức chủ nghĩa Bolshévik. Do cách thay đổi các từ, những nhà viết sử đã biến các cuộc bút chiến về biến cố 1917 trở thành một sự kiện lịch sử hợp pháp của chế độ Sô Viết. Nếu quả thật cuộc Đại cách mạng tháng 10 có nhiệm vụ hoàn thành lịch sử, biểu tượng cho một thông điệp giải

phóng các dân tộc trên thế giới, thì nó phải chống lại những sai lầm do Staline gây ra. Ngày nay, chế độ Sô Viết đã sụp đổ, chứng tỏ tính cách bất hợp pháp của cuộc cách mạng tháng 10. Biện chứng Mát Xít trở thành tầm thường. Nói theo luận điệu Bolshévik, biện chứng Mat Xít bị ném vào thùng rác lịch sử. Tuy vậy, cũng giống như cái sự sợ hải, cái ký ức tầm thường vẫn còn đeo dai dẳng bên người, bên trời Tây nhiều hơn ở Liên Bang Sô Viết cũ.

Nếu chúng ta không chọn hai khuynh hướng tự do và Mát Xít thì sẽ có khuynh hướng thứ ba. Khuynh hướng này đặt ý thức hệ lịch sử ra ngoài cuộc cách mạng. Họ cho rằng đó là cuộc nổi dậy của một nhóm nhỏ quần chúng.

Trong số rất nhiều câu hỏi được đặt ra về năm 1917, các sử gia đã bác bỏ những sơ đồ đơn giản của trường phái tự do.

Chính sách quân sự hoá nền kinh tế có liên hệ gì đến việc đế quốc Nga tham dự vào cuộc thế chiến thứ nhất. Phải chăng hiện tượng bạo lực xã hội là môi trường phát sinh bạo lực chính trị, và từ đó chống lại xã hội? Tại sao, nếu cho rằng đó là cuộc cách mạng quần chúng có tính cách sâu rộng, lại có thể để cho một nhóm nhỏ người độc tài, nhiều tham vọng lãnh đạo?

Ngược thời gian, nghiên cứu các công trình sử liệu tranh chấp về quan điểm, chúng ta có thể coi cuộc cách mạng tháng 10 là tụ điểm của hai phong trào. Một phong trào có chuẩn bị kỹ lưỡng để nắm lấy chính

quyền do một đảng phái có tổ chức, có hệ tư tưởng chủ động. Cuộc cách mạng xã hội đã diễn ra theo nhiều giai đoạn và dưới nhiều hình thức khác nhau. Khởi đầu là cuộc khởi nghĩa của nông dân. Đó là một tập hợp đông đảo của các tầng lớp nông dân sống ở miền quê, có nguồn gốc lâu đời trong lịch sử Nga. Không những họ chống đối giai cấp địa chủ mà còn phẫn nộ với những người ở sống trong thành phố, những người sống bên ngoài nông thôn và những người tham gia vào chính quyền.

Vào mùa hè và mùa thu năm 1917, họ đã hoàn toàn thắng lợi. Chu kỳ nổi loạn khởi đầu từ năm 1902, bước vào đỉnh cao năm 1905-1907 và hoàn tất vào năm 1917. Cuộc cách mạng ruộng đất giữa những người nông dân và thành phần địa chủ về vấn đề chia đất canh tác đang ở trong giai đoạn quyết định. Kế hoạch canh tác dựa trên nhân khẩu như bấy lâu nay chờ đợi đã diễn ra để cắt đứt ảnh hưởng của thành thị đối với giới nông dân miền quê. Thời điểm 1917 trở thành cái mốc của các chu kỳ kế tiếp. Các cuộc nổi dậy vào những năm 1918-1922 rồi vào cao điểm của những năm 1929-1932, chính sách tập thể hoá nông nghiệp hoàn toàn thất bại.

Trong năm 1917, song song với cuộc cách mạng của nông dân, lại diễn ra sự tan rã hàng ngũ quân đội trên 10 triệu. Đó là tập hợp của các thành phần nông dân đi quân dịch theo quy chế 3 năm. Họ chẳng biết đi quân dịch để làm gì và tại sao họ phải thi hành. Các Tướng lãnh phàn nàn về tinh thần ái quốc của những quân

nhân này. Họ không có ý thức chính trị và cũng chẳng hiểu biết gì về trách nhiệm công dân.

Lực lượng căn bản thứ ba xuất thân từ một thiểu số của xã hội, chỉ có thể đại diện cho 3% dân số, nhưng họ tập trung ở thành phố lớn, có ý thức chính trị. Đó là giới công nhân thợ thuyền. Hãng xưởng là nơi phát sinh những mâu thuẫn xã hội. Cuộc cách mạnh kỹ thuật ở đầu thế kỷ đã phát sinh ra một phong trào đòi hỏi quyền lợi cho tầng lớp công nhân thợ thuyền. Khẩu hiệu mang tính chất cách mạng của họ là: quyền kiểm soát thuộc về giới thợ thuyền, chính quyền thuộc về Sô Viết.

Phong trào thứ tư cũng là tập thể cuối cùng tham dự vào công cuộc giải phóng đó là những dân tộc thuộc địa của Nga Hoàng đứng lên giành lại độc lập. Mỗi phong trào, mỗi nhóm mang lấy màu sắc riêng tư. Từ tính năng động, tổ chức nội bộ, thời gian hoạt động cho đến mục đích,... mỗi tổ chức hoạt động riêng rẽ. Nó không biểu tượng những khẩu hiệu tuyên truyền của Bolshévik; nó cũng chẳng mang tính chất chính trị của đảng phái này.

Vào năm 1917, các lực lượng này đã góp công rất lớn vào sự phá hủy hệ thống chính quyền Nga Hoàng. Trong khoảng thời gian rất ngắn, vào cuối năm 1917, những người thiểu số Bolshévik hoạt động lẻ loi trong đám đông quần chúng. Mục tiêu trước mắt cũng như chiến lược lâu dài của những người Bolshévik hoàn toàn khác với các đoàn thể chung quanh. Nhưng tạm thời họ đứng chung trong một chiến tuyến để tiến

hành cuộc đảo chính và thực hiện cuộc cách mạng xã hội, trước khi xảy ra sự xung đột trong nhiều thập niên sau này.

Mùa Thu 1917, các phong trào xã hội cũng như các dân tộc thuộc địa đứng lên đòi tự trị trong một điều kiện lịch sử vô cùng thuận tiện. Một mặt do tình hình chiến tranh xảy ra toàn diện của cuộc thế chiến thứ nhất; mặt khác do sự thoái hoá về chính trị, khủng hoảng kinh tế, xã hội phá sản của nước Nga. Cuộc thế chiến thứ nhất không những chẳng đem lại cho Nga Hoàng sự thống nhất lãnh thổ mà trái lại còn làm lung lay thành quả cuộc cách mạng 1905-1906. Chiến tranh đã làm kiệt quệ nền kinh tế, non trẻ, chưa kịp hiện đại hoá vì lý do vốn tư bản cũng như chuyên viên kỹ thuật ngoại quốc. Chiến tranh đã dựng lại sự cách biệt giữa một nước Nga kỹ nghệ hoá và một nước Nga nông nghiệp. Về mặt chính trị, cái hố ngăn cách giữa nông thôn và thành thị mỗi lúc một sâu.

Nga Hoàng dự trù cuộc chiến sẽ kết thúc sớm. Nhưng khi các eo biển bị phong tỏa, nước Nga đã trở thành một quốc gia hoàn toàn lệ thuộc vào viện trợ ngoại quốc. Từ năm 1915, các vùng đất phía Tây của Nga đã bị liên quân Đức-Áo-Hung chiếm đóng. Do vậy nguồn cung cấp từ BaLan, một quốc gia phát triển kỹ nghệ mạnh nhất trong vùng, bị cắt đứt. Nước Nga không còn sức để theo đuổi cuộc chiến. Ngay từ năm 1915, hệ thống hỏa xa bị ngưng trệ. Đồ phụ tùng không có để thay thế vì phải nhập từ nước ngoài. Việc

chuyển hướng công nghệ phục vụ cho chiến tranh đã làm xáo trộn sản phẩm kỹ nghệ cung cấp cho xã hội. Hậu phương thiếu nhu yếu phẩm, hãng xưởng thiếu nhân công. Nạn lạm phát gia tăng. Ở nông thôn hiện tượng suy sụp trầm trọng hơn. Ngưng cấp phát tín dụng nông nghiệp. Chính quyền trưng thu ruộng đất. Nông dân bị động viên vào quân đội. Nông sản phẩm bị trưng dụng. Các hàng hoá trao đổi giữa nông thôn và thành phố sa sút. Tất cả những sự kiện này dẫn đến sự trì trệ quá trình hiện đại hoá các cơ sở nông nghiệp do Thủ Tướng Pior Stolypin nhen nhúm từ năm 1906. Ông bị ám sát vào năm 1910. Trong suốt ba năm chiến tranh, nông dân đã coi chính quyền như kẻ thù. Nhất là quần chúng nông thôn. Hằng ngày trong quân đội quân nhân bị đối xử tồi tệ. Họ cảm thấy như là kẻ nô lệ hơn là những người dân thi hành nghĩa vụ. Xung đột giữa sĩ quan và quân nhân dưới quyền gia tăng. Thêm vào đó, quân Nga thua liên tục trên các chiến trường đã làm giảm uy tín chính quyền.

Bản chất bạo động của thời xa xưa vẫn còn hiện diện ở nông thôn. Nó đã bộc phát dữ dội vào những năm 1902-1903 và giờ đây nó xuất hiện rõ ràng vào năm 1917.

Chính quyền thật sự mất quyền kiểm soát kể từ năm 1915. Tại nhiều nơi, nhiều uỷ ban và hiệp hội tự đứng quản lý sinh hoạt hằng ngày thay chính quyền. Như săn sóc các thương binh từ các mặt trận đưa về. Chính quyền phải khuyến khích và yểm trợ cho một

phong trào lớn đang được diễn ra từ cơ sở hạ tầng cho đến cơ cấu tối cao để chận đứng và tiêu diệt các mầm móng khác đang tìm cách phá hoại cơ chế xã hội Nga lúc bấy giờ.

Thay vì phải liên kết ngay với các phần tử tiến bộ trong Xã hội, Nga Hoàng Nicolas II cứ ôm lấy chế độ Quân Chủ Bình Dân. Nga Hoàng muốn duy trì mình là người cha của Nông dân. Nga Hoàng đích thân giữ chức Tổng Chỉ Huy Quân Đội. Đó là một hành động tự sát của một chế độ chuyên chế. Tổng hành dinh đóng ở Mongilev bị cô lập. Việc nước kể từ năm 1915 nằm trong tay Hoàng Hậu Alexandra, một người đàn bà gốc Đức, không được lòng dân. Đến năm 1916, chính quyền gần như tan rã. Quốc Hội Douma, do dân bầu nhưng chỉ là Đại diện cho một thiểu số dân, hằng năm chỉ họp vài tuần. Chính phủ và Bộ trưởng thay đổi liên tục. Dân chúng không tin tưởng vào Quốc Hội và Chính Quyền.

Trong lúc khủng hoảng chính trị, vụ ám sát Raspoutine vào đêm 31 tháng 12 năm 1916 đã làm sôi nổi dư luận quần chúng. Các cuộc biểu tình đã một thời lắng dịu vì chiến tranh, nay có dịp tái bộc phát, sâu rộng hơn. Các cuộc nổi dậy lan rộng trong hàng ngũ quân đội. Hệ thống tiếp tế tan rã.

Số phận của chính quyền thực sự đã được quyết định từ tháng 2 năm 1917.

Sau năm ngày biểu tình liên tục do giới công nhân thợ thuyền chỉ đạo, cùng với cuộc nổi loạn của vài ngàn quân nhân trong thành phố Petrograd, Chế Độ Nga

Hoàng hoàn toàn sụp đổ. Bộ Tổng Tham Mưu không dám huy động quân đội để đàn áp các cuộc nổi loạn như vậy trong thành phố. Chính quyền thiếu chuẩn bị chính trị để dàn xếp các đảng phái đối lập. Nội bộ đảng phái chia rẻ trầm trọng, từ những người Tự Do của Đảng Dân Chủ Lập Hiến cho đến những người dân chủ Xã Hội.

Cuộc nổi loạn bắt đầu từ ngoài đường phố và kết thúc trong văn phòng của Điện Tauride, trụ sở Quốc Hội Douma. Những Đảng viên Tự Do run sợ trước những người ngoài đường phố. Trong khi đó cánh Xã Hội lại coi đây là cuộc cách mạng của giai cấp Tư Sản. Họ cho rằng cứ theo thời gian, cuộc cách mạng tư sản sẽ dẫn đến cuộc cách mạng xã hội toàn diện. Sau nhiều cuộc thương thuyết, các phe đối lập thỏa hiệp một công thức chưa từng xảy ra: thành lập hai chính quyền. Một bên là Chính Quyền Lâm Thời, có nhiệm vụ tái lập trật tự để tiến tới một nước Nga Tư Bản, liên kết với Đồng minh Anh, Pháp. Phía bên kia là chính quyền Sô Viết của thành phố Petrograd, thuộc phe Xã Hội. Họ tự nhận là những người nối tiếp truyền thống Sô Viết Saint Petesbourg vào năm 1905, Đại diện cho khối quần chúng cách mạng.

Từ ngày 2 tháng 3 đến ngày 25 tháng 10 năm 1917 đã có 3 chính phủ lâm thời liên tiếp thay đổi. Tất cả đều tỏ ra bất lực trong việc giải quyết các vấn đề do chế độ cũ để lại: giải quyết khủng hoảng kinh tế; tham

dự cuộc chiến; giải quyết đời sống cho giới công nhân thợ thuyền; vấn đề ruộng đất,...

Nhóm Tự Do Dân Chủ Lập Hiến chiếm đa số trong hai chính phủ đầu tiên. Nhóm menshévik và nhóm Xã Hội chiếm đa số trong chính phủ kỳ ba. Họ thuộc thành phần trí thức tiến bộ của một xã hội dân sự trong thành phố. Họ tin tưởng một cách mù quáng vào nhân dân. Họ cũng sợ các lực lượng núp trong bóng tối đang bao vây họ. Họ không biết những người trong bóng tối là ai và âm mưu những gì?

Đa số những người mới lên cầm quyền cảm thấy cuộc cách mạng diễn ra ôn hoà. Họ để cho cao trào đòi hỏi dân chủ làm sụp đổ chế độ Nga Hoàng và cố tạo ra một nước Nga Tự Do hơn cả các quốc gia trên thế giới. Đó là ước mơ của những người quá lý tưởng như ông Hoàng LVOV, từng giữ chức Thủ Tướng trong hai chính phủ đầu tiên.

Trong bản tuyên cáo đầu tiên ông Hoàng LVOV nói rằng bản chất cuả dân Nga là tinh thần dân chủ toàn diện. Tinh thần này sẵn sàng hòa hợp với các nước khác để cùng tiến lên tiếp nối con đường của cách mạng Pháp, đặt căn bản trên các nguyên tắc lớn: Tự Do Bình Đẳng và tình nghĩa anh em.

Tin tưởng vào các niềm tin này, Chính phủ lâm thời ban hành các biện pháp dân chủ. Chính Phủ nhìn nhận các quyền tự do căn bản như bãi bỏ các đạo luật kỳ thị sắc tộc, tôn giáo; Cho phổ thông đầu phiếu; Nhìn nhận quyền tự quyết của các sắc dân trong cộng đồng

Nga; cho các quốc gia Ba Lan, Phần Lan quyền tự trị... Qua các biện pháp này, chính phủ hy vọng sẽ tạo sự đoàn kết trong dân chúng , cùng nhau chiến thắng cuộc chiến, tiến tới hợp tác với các nước dân chủ Đồng Minh Tây Phương. Vì quá lo cho vấn đề pháp lý, chính phủ lâm thời đã khước từ một số biện pháp căn bản để bảo đảm cho tương lai trước khi triệu tập Quốc Hội vào mùa Thu năm 1917. Vì chỉ giữ vai trò lâm thời, Chính Phủ không giải quyết các vấn đề hệ trọng như vấn đề Hòa Bình, vấn đề ruộng đất. Và vì cuộc chiến còn đang diễn ra, nên Chính phủ Lâm Thời trong thời gian ngắn ngủi, cũng chẳng giải quyết được gì cho cuộc khủng hoảng kinh tế của nước Nga. Tình trạng khan hiếm nhu yếu phẩm vẫn diễn ra hằng ngày. Vấn đề tiếp tế lương thực, và sinh hoạt trao đổi thực phẩm giữa thành thị và nông thôn bị tắc nghẽn. Hãng xưởng đóng cửa; con số thất nghiệp của giới công nhân thợ thuyền gia tăng. Tất cả những sự kiện trên làm cho tình hình xã hội càng lúc càng căng thẳng.

Đứng trước thái độ chờ thời của Chính Phủ Lâm Thời, nhiều tổ chức xã hội dân sự tự động đứng ra giải quyết vấn đề. Trong vòng vài tuần lễ đã có hàng ngàn tổ chức Sô Viết, ủy ban công xưởng, ủy ban các khu phố, các đội tự vệ võ trang công nhân, mệnh danh là các Vệ Binh Đỏ, các uỷ ban nông dân, các uỷ ban quân nhân,... tự thành hình và tự hành động. Các cuộc hội thảo, các quyết định, các yêu sách, những đòi hỏi của quần chúng quay quanh về vấn đề chính trị. Đúng là

sinh hoạt giải phóng. Cuộc tranh đấu mỗi ngày mỗi lớn mạnh hơn. Cuộc cách mạng tháng hai này mở đầu cho các sự câm thù và các việc chiếm đoạt đất đai đã ấp ũ từ lâu. Hầu hết các yêu sách mang tính chất chính trị của các tổ chức xã hội đã được chính phủ Lâm thời chấp thuận.

Giới công nhân thợ thuyền quay cuộc đấu tranh qua mặt trận kinh tế. Họ đòi hỏi mỗi ngày làm việc 8 tiếng đồng hồ. Bãi bỏ chế độ tiền phạt vạ. Thành lập các ủy ban bảo đảm an sinh xã hội và tăng lương. Đòi hỏi thay đổi mối quan hệ xã hội giữa chủ nhân và công nhân. Thành lập uỷ ban cứu xét đơn xin việc làm và cho nghỉ việc. Họ đòi hỏi quyền kiểm soát trong sản xuất. Nhưng muốn thực hiện quyền kiểm soát của công nhân trong các nhà máy, họ đòi phải có một chính phủ khác. Đó là Chính quyền Xô Viết.

Chỉ có cơ chế này mới có thể thi hành các biện pháp cấp tiến, có quyền trưng thu các công xưởng, xí nghiệp, đưa đến chính sách quốc hữu hóa các công cụ sản xuất. Yêu sách này chưa ai hề nghe biết vào đầu năm 1917. Thế mà chỉ sáu tháng sau, việc quốc hữu hóa được nói đến thường xuyên.

Trong cuộc cách mạng tháng hai và tháng mười năm 1917, những người lính gốc nông dân với một quân số 10 triệu, họ đã giữ một vai trò quyết định. Quân Hoàng Gia tan rã mau chóng vì lính đào ngũ và không muốn chiến tranh. Ngay từ ngày đầu, Chính Phủ Lâm Thời ra tuyên cáo số 1 về Hiến chương của quân nhân.

Theo tuyên cáo này, quân nhân không còn bị ràng buộc bởi luật lệ của chính quyền cũ. Quân nhân có quyền chọn lấy vị quan quan cho nhóm mình hay không cần sĩ quan cũng được. Quân nhân có quyền tham gia trực tiếp vào các chiến lược quân sự. Một sự kiện chưa hề xảy ra. Nhưng đó là các luật lệ lót đường cho chế độ Bolshévik. Theo nhận định của Đại Tướng Broussilov, thì quân nhân chẳng biết gì về chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa vô sản và hiến pháp. Họ muốn có hoà bình, họ muốn được chia đất đai canh tác, được tự do sinh sống không cần đến pháp luật, không có sĩ quan mà cũng chẳng có địa chủ. Chủ nghĩa Bolshévik của họ, trên thực tế là sự khát khao lớn để được có tự do, không bị ràng buộc. Đó là chủ nghĩa vô chính phủ.

Tháng 6 năm 1917, các cuộc phản công của quân Nga hoàn toàn thất bại. Quân Nga bắt đầu tan rã. Hàng trăm sĩ quan bị lính bắt giam vì tình nghi là các phần tử phản cách mạng. Có một số sĩ quan bị ám sát. Số lính đào ngũ gia tăng hằng ngày. Sang đến tháng 8, tháng 9, hằng ngày có trên hàng chục ngàn lính đào ngũ. Những người lính gốc nông dân này chỉ mong có dịp là trở về miền quê của họ để khỏi mất phần chia đất đai và gia súc thuộc sở hữu của các địa chủ. Từ tháng 6 tháng 10 năm 1917 có trên hai triệu quân nhân quá mệt mỏi vì chiến tranh và vì thiếu ăn lâu ngày trong các chiến hào. Họ quyết định rời bỏ hàng ngũ, mang theo vũ khí, trở về quê, gây thêm rối loạn ở những vùng đó.

So với các cuộc nổi loạn vì đất đai của những năm 1905-1906, thì các cuộc nổi loạn vào mùa hè 1917 xảy ra rất ít. Và chính quyền còn làm chủ được tình hình. Sau khi nghe tin Nga Hoàng thoái vị như họ chờ đợi, các hội đồng nông thôn mở các phiên họp làm thỉnh nguyện thư, trình bày nguyện vọng và những lời phê phán của họ. Yêu sách đầu tiên là đất đai phải thuộc quyền sở hữu của những người đang canh tác. Phải phân chia đất đai của các địa chủ hiện đang bỏ trống. Họ yêu cầu xét lại thuế má, giảm tô. Dần dần, nông dân tự thành lập ủy ban điền địa từ đơn vị xóm, thôn đến làng, xã. Họ cử các người có học như thầy giáo trong làng, các vị linh mục, các chuyên viên nông nghiệp lãnh đạo các uỷ ban. Họ đề cử các y tá săn sóc sức khỏe cho nông dân.

Nhưng từ tháng 5, tháng 6 năm 1917, các ủy ban trở nên cứng rắn hơn. Các ủy ban nông nghiệp khởi đầu tước đoạt các nông cụ và gia súc của các địa chủ. Họ tự động chiếm hữu các vùng đất không canh tác và các khu rừng của tư nhân. Cuộc chiến đấu khởi đầu từ thời tổ tiên xa xưa của họ. Nhờ cuộc cải cách ruộng đất của cựu Thủ Tướng Stolypine, một số người dân trước kia đã ra công khai thác ruộng đất và lâu dần trở nên giàu có, sở hữu một số đất đai. Trước cuộc cách mạng tháng 10, những người nông dân giàu có, hay còn gọi là địa chủ này là đối tượng đấu tranh của nhóm người bolshévik. Giới địa chủ bị Bolshévik kết tội là các thành phần bóc lột, cho vay nặng lãi, những tên tư sản nông thôn, thành

phần hút máu nhân dân,... Những người Bolshévik kêu gọi địa chủ hiến dâng ruộng đất, tài sản, dụng cụ sản xuất của họ vào quỹ cộng đồng để trở về với cộng đồng nông thôn. Họ cũng hưởng theo nguyên tắc bình đẳng được phân chia theo khẩu phần ăn.

Vào mùa hè năm 1917, tình trạng ở nông thôn trở nên căng thẳng hơn khi các người lính đào ngũ mang theo vũ khí trở về làng xóm. Khi nhận ra chính phủ không giữ lời hứa phân chia đất đai gia súc, họ nổi loạn tấn công vào các trang trại lớn trong đó có chứa các nông cụ hiện đại, thuộc quyền sở hữu của giới quí tộc. Họ đập phá, nhục mạ và đuổi các chủ gia ra khỏi làng xóm.

Tại các vùng ở Ukraine và các địa phương thuộc khu vực Tambov, Penza, Voronej, Saratov, Orel, Toula, Riazan, đã có hàng ngàn nông trại, khu nhà bị đốt phá và hàng trăm chủ gia bị tàn sát.

Đứng trước tình trạng vô chính phủ, giới chủ nhân, địa chủ cùng với các lãnh tụ của các đảng phái có khuynh hướng tự do cùng quyết định phải xử dụng quân đội để dàn xếp. Họ đề nghị Tướng Kornilov đứng ra thành lập chính phủ. Nhưng đề nghị này không được Chính Phủ Lâm Thời do ông Alexandre Kerenski chấp thuận. Người ta chờ đợi cuộc đảo chánh nhưng cuộc đảo chánh do Tướng Kornilov chủ trương xảy ra trong 3 ngày kể từ ngày 24 đến ngày 27 tháng 8 năm 1917 bị thất bại. Tình hình chính trị cũng như các vấn đề xã hội trở nên bi đát hơn. Chính phủ lâm thời không còn

kiểm soát được bộ máy thông tin của nhà nước. Trong lúc đó, tại các cơ quan đầu não xảy ra các vụ tranh chấp quyền hành giữa hai phe dân chính và quân sự. Phe quân nhân muốn nắm trong tay các quyền Tư Pháp, Hành Chánh, và Quân đội.

Phải nhận rằng có tiến bộ trong các hoạt động của các tổ chức xã hội dân sự. Phải chăng họ đã bị Bolshévik hoá? Điều này không có gì chắc chắn. Mặc dù cùng dùng các khẩu hiệu Công nhân kiểm soát các xí nghiệp , hay Tất cả quyền lực thuộc về Sô Viết,... nhưng mỗi bên hiểu và giải thích theo lối suy tư của mình. Trong quân đội, hiện tượng Bolshévik hóa thể hiện sự khát khao hòa bình của các người lính. Họ tham dự cuộc chiến khá lâu và số thương vong lên quá cao , so với tất cả cuộc chiến trong quá khứ.

Với tập thể nông dân, cuộc cách mạng của họ có cùng mục đích với lực lượng cách mạng xã hội, thuận lợi cho việc chia đất chia đai. Nhưng đối với những người Bolshévik, mục đích của họ là quốc hữu hóa tất cả đất đai, thành lập đơn vị tập thể lớn để sản xuất nông sản. Những người ở thôn quê không hề hiểu biết gì cái tên Bolshévik. Những người lính đào ngũ trở về làng đã kể cho họ nghe những gì đã xảy ra. Trong khi đó những người Bolshévik với con số đoàn viên không mấy chính xác một đến hai trăm ngàn trong tháng 10 năm 1917, đi tuyên truyền trong quần chúng dưới khẩu hiệu Hòa bình và ruộng đất. Nhưng dù sao giữa lúc nước Nga vô chính phủ, quyền lực nhà nước nằm trong

tay các Ủy ban, các hội đoàn xã hội dân sự, các Sô Viết,... thì chỉ cần có một hạt nhân nhỏ có tổ chức là có thể chiếm lãnh quyền hành to lớn. Đó là điều những người Bolshévik đã làm. Họ đã đạt mục tiêu nắm lấy chính quyền. Họ đã thành công vào thời điểm đó.

Từ ngày thành lập đảng vào năm 1903, những người Bolshévik cho thấy đường lối chính trị của họ khác hẳn với các đảng phái xã hội dân chủ trong nước Nga cũng như tại các nước ở Âu Châu. Đảng được tổ chức chặt chẽ, kỹ luật sắt; họ là những người làm cách mạng chuyên nghiệp. Họ thi hành các biện pháp mạnh, dứt khoát và mau lẹ để giải quyết các trật tự xã hội hiện hành.

Trận thế chiến thứ nhất đã xác định tính chất đặc trưng của chủ nghĩa Bolshévik theo định nghĩa của Lenine. Đặc trưng của khuynh hướng Lenine là không bao giờ hợp tác với các luồng tư tưởng Xã hội-Dân chủ. Lý thuyết của Lenine được trình bày trong tác phẩm *Chủ nghĩa Đế Quốc, giai đoạn cuối cùng của chủ nghĩa Tư Bản*. Ông cho rằng cuộc cách mạng sẽ không diễn ra ở các nước giàu có mà là sẽ xảy ra tại các nước còn đang phát triển, non yếu như nước Nga. Nhưng cũng theo Lenine, cuộc cách mạng phải do một tổ chức tiên phong, có kỹ luật chặt chẻ lãnh đạo, tiến tới một chính phủ Độc Tài của những ngươ vô sản, một nền Độc Tài Vô Sản. Nó sẽ biến cuộc chiến Đế-quốc-hoá thành một cuộc nội chiến.

Trong bức thơ đề ngày 17 tháng 10 năm 1914 gởi cho ông Alexandre Chliapnikov, một trong những người lãnh

đạo nhóm Bolshévik, Lenine viết: Chế độ Nga Hoàng thua trận chỉ là một thiệt hại nhỏ. Nhiệm vụ và công tác của chúng ta là cố kéo dài có phương pháp với mục đích là biến cuộc chiến tranh này thành cuộc nội chiến. Cho tới giờ phút này chuyện đó chưa xảy ra. Chúng ta chờ đợi thời cơ chín mùi và thúc đẩy một cách có hệ thống cho thời cơ chín mùi. Hiện nay chưa cho phép chúng ta hứa hẹn một điều gì về cuộc nội chiến và cũng chưa làm gì để cho cuộc nội chiến xảy ra. Chúng ta chỉ có thể tạo ra cơ hội để cho cuộc nội chiến xảy ra, dù phải chờ đợi. Chúng ta đi về hướng này.

Ông nêu lên những mâu thuẫn của Đế Quốc. Cuộc chiến của đế quốc sẽ làm đảo lộn các danh từ giáo điều Mát-xít. Nó sẽ nổ ra ở đất Nga chớ không ở nơi nào khác. Trong suốt thời gian của cuộc thế chiến thứ nhất, Lenine đã vận động lực lượng Bolshévik tìm mọi cách phát động cuộc nội chiến ở Nga.

Tháng 9 năm 1917 Lenine nhận định, những ai nhìn nhận cuộc chiến tranh giai cấp đều phải chấp nhận một cuộc nội chiến. Trong xã hội có giai cấp, luôn luôn xảy ra cuộc chiến tranh chấp về giai cấp.

Trong cuộc nổi dậy thành công vào tháng 2 năm 1917 không có một nhân vật cao cấp Bolshévik nào tham dự cả. Hoặc họ đang lưu đày hay đang ở nước ngoài. Lenine tiên đoán chính sách dung hoà, thành lập chính phủ Lâm thời sẽ thất bại. Ở thành phố Petroh grad, nhóm Sô Viết đã thành lập xong Chính Phủ Lâm Thời, gồm các phe Xã hội cách mạng và Xã hội dân

chủ và một số nhóm khác. Trong thời gian từ 20 đến 25 tháng 3 năm 1917, trong lúc lánh nạn ở Zurich, Thủ Đô Thụy sĩ, Lenine viết bốn lá thơ gởi về. Tạp chí Sự Thật Pravda chỉ đăng có lá thư thứ nhất. Ba lá kia không được lên báo vì Lenine đòi nhóm Xô Viết ở thành phố Petrograd hãy đoạn giao với Chính Phủ Lâm Thời để chuẩn bị cho giai đoạn Vô sản cách mạng.

Theo Lenine, sự xuất hiện các nhóm Sô Viết là dấu hiệu cho thấy đã vượt qua giai đoạn Cách mạng giới trung lưu. Cho nên không còn phải chần chờ gì cả. Các tổ chức cách mạng phải nắm lấy chính quyền bằng cách xử dụng vũ khí, chấm dứt chiến tranh đế quốc, cho dù phải lao vào một cuộc chiến khác, cuộc nội chiến. Và như vậy tình hình đã diễn ra theo sách lược cách mạng.

Trong thời gian chiến tranh Nga-Đức, Lenine được chính quyền Đức cấp cho giấy thông hành di chuyển trên đất Đức. Ông trở về Nga vào ngày 3 tháng 4 năm 1917. Lúc này Lenine vẫn còn quá khích. Trong các bài viết nổi tiếng của ông với tựa đề *Luận Đề Tháng Tư*, ông nhắc lại sự phản đối của ông về việc thành lập một nền Cộng Hòa Đại Nghị dựa vào nguyên tắc dân chủ.

Ông bị các nhóm Sô Viết ở thành phố Petrograd phản đối kịch liệt. Nhưng ngược lại, những người mới gia nhập ủng hộ triệt để. Staline cho rằng những người chống đối là những người thực tiễn. Trong vài tháng sau, các phần tử bình dân, trong đó có các nông dân bị động viên đã giữ vai trò chính. Và do số đông, những

nông dân không có ý thức chính trị tràn ngập cả các giới trí thức và dân thành phố, là những người đã có kinh nghiệm đấu tranh và có ý thức tổ chức. Chính do cái truyền thống bạo động phát xuất từ nền văn hóa nông dân, họ không hiểu, hay nói đúng hơn, họ không bị chủ thuyết giáo điều Mát xít chi phối. Họ tiêu biểu cho thành phần Bolshévik bình dân. Họ, vì thế, đã làm mờ chủ nghĩa Bolshévik chính thống. Họ không cần phải đặt câu hỏi, phải chăng giai đoạn trung lưu cần thiết để tiến lên xã hội chủ nghĩa? Họ thuộc thành phần hoạt động trực tiếp, xử dụng bạo động. Họ là những người nhiệt thành hoạt động cho chủ nghĩa Bolshévik. Họ không cần hội thảo lý thuyết. Họ chỉ cần phải học thuộc lòng một điều căn bản được coi như là nhật lịnh: cướp lấy chính quyền.

Nhưng trong số những người thuộc thành phần Bolshévik bình dân này đã có một số đông bắt đầu lo lắng. Như các thuỷ thủ đóng ở căn cứ Hải quân Kronstadt nằm ngoài khơi thành phố Petrograd, một vài đơn vị thuộc quân khu thủ đô và một số Hồng vệ binh. Họ sợ nổi dậy sớm, sẽ bị thất bại. Vì thế họ cho rằng Lenine quyết định quá nông nổi và hạn hẹp. Trái với các tin đồn, suốt năm 1917, lực lượng Bolshévik thật sự vô cùng khủng hoảng và chia rẽ. Vào đầu tháng 7 năm 1917, đảng Bolshévik gần như tan rã. Các cuộc biểu tình vào ngày 3 và 5 ở thành phố Petrograd bị chính phủ cấm và bị coi là bất hợp pháp. Các thành phần đầu

não của đảng bị đặt ra ngoài vòng luật pháp. Họ phải bỏ trốn ra nước ngoài như trường hợp của Lenine.

Nhưng vì chính phủ bất lực trước các vấn đề của xã hội, uy tín chính quyền, quyền lực truyền thống giảm sút, thêm vào đó cuộc đảo chánh thất bại của Tướng Kornilov, đã giúp cho đảng Bolshévik sống lại. Cuối tháng 8 năm 1917, đảng Bônsôvich đã tập hợp lại các đảng viên, cùng với các cảm tình viên, trở thành một khối đông và mạnh. Họ đã đủ mạnh để chuẩn bị cướp chính quyền.

Thêm một lần nữa, Lenine giữ vai trò lý thuyết gia và chiến lược gia, vai trò quyết định để chiếm lấy chính quyền. Một vài tuần trước ngày đảo chính 17 tháng 10 để thành lập nhà nước Bolshévik, Lenine đã hoạch ra một kế hoạch chu đáo cho cuộc bạo động. Ông ta tiên liệu ngăn ngừa sự bộc phát của các phần tử cực đoan trong đảng và những hoạt động bất ngờ của khối quần chúng. Ông cũng tiên liệu tránh cái Pháp lý cách mạng cuả lãnh tụ Bolshévik như Zinoviev hay Kamenev. Hai lãnh tụ này đã bị cháy trong các vụ biểu tình hồi đầu tháng 7 vừa qua vì còn tin tưởng vào sự hợp tác với các đảng xã hội dân chủ và xã hội cách mạng.

Từ nơi trú ẩn ở Phần Lan, Lenine liên tục gởi về Ủy Ban Trung ương Đảng Bolshévik ở thành phố Petrơ grad những lời kêu gọi nổi dậy cướp lấy chính quyền. Ông viết:

Nếu chúng ta tái lập nền hoà bình và phân chia ruộng đất cho nông dân, thì chúng ta sẽ thành lập được

chính quyền mà không có ai lật đổ được. Nếu chúng ta chờ đợi cho có nhiều người ủng hộ thì sẽ không bao giờ có. Không có cuộc cách mạng nào chờ đợi như vậy. Lịch sử sẽ không tha thứ nếu chúng ta không nắm lấy chính quyền ngay bây giờ...

Phần đông người Bolshévik hoài nghi lời kêu gọi của Lenine. Họ cho rằng cần gì phải đột phát. Cứ theo tình hình này thì rõ ràng rất thuận lợi cho họ và còn có vẻ cấp tiến nữa. Chỉ cần nắm lấy khối đông quần chúng và khuyến khích họ bạo động; hoặc kết hợp với các phần tử thuộc các phong trào xã hội cùng các lực lượng của chính phủ đang tan rã, khuyến khích họ hành động và chờ đến kỳ Đại Hội Liên bang các Sô Viết kỳ II ngày 20 tháng 10 năm 1917. Vào kỳ Đại Hội, phe Bolshévik sẽ chiếm ưu thế vì có các đã có các đại diện trong các trung tâm đông đảo thợ thuyền công nhân, cùng với các một số lớn đại diện các Ủy ban của các quân nhân gốc nông dân. Trong khi đó đại diện của các Sô Viết ở nông thôn có khuynh hướng xã hội cách mạng. Nhưng theo Lenine, nếu các Sô Viết nông thôn có khuynh hướng xã hội này được đại hội chấp thuận cho đứng ra thành lập chính phủ thì cũng sẽ là chính phủ Liên Hiệp. Nhóm Bolshévik sẽ chia quyền cùng với các nhóm xã hội khác. Như vậy, theo ông, Bolshévik chỉ có thể nắm lấy chính quyền nếu dùng vũ lực nổi loạn trước ngày khai mạc Đại Hội. Ông ta cũng tiên đoán rằng các phe phái khác sẽ lên án cuộc đảo chánh,

tách ra trở thành phe đối lập, giao quyền hành cho người Bolshévik.

Ngày 10 tháng 10 năm 1917, từ biên giới Phần Lan Lenine bí mật trở về thành phố Petrograd. Ông triệu tập ngay một phiên họp với sự hiện diện của 12 lãnh tụ trong số 21 Uỷ Viên Trung Ương Đảng Bolshévik. Sau 10 tiếng đồng hồ hội thảo, ông đã thuyết phục được đa số các Ủy viên để thi thi hành một quyết định mà từ trước đến nay chưa hề xảy ra. Đó là kế hoạch nổi dậy bằng vũ lực trong một thời gian ngắn sắp tới. 10 phiếu chấp thuận kế hoạch. Hai phiếu chống của Zinoviev và Kamenev.

Ngày 16 tháng 10, mặc dù nhóm cách mạng Xã Hội trong tổ Sô Viết thành phố Petrograd chống đối, Trotski cũng quyết định thành lập một tổ chức quân sự. Trên nguyên tắc, nó thuộc quyền quyết định của Ban chấp hành Sô Viết Petrograd. Uỷ ban lấy tên là Ủy Ban Quân Sự Cách Mạng, viết tắc CMRP, được uỷ nhiệm thực hiện một cuộc nổi dậy quân sự cướp lấy chính quyền, khác hẳn các trường hợp nổi dậy của nhân dân trước đây.

Theo như kế hoạch của Lenine, con số người tham dự trực tiếp vào cuộc cách mạng tháng 10 rất hạn chế. Vài ngàn lính của quân khu Petrograd, một số Hải quân ở cảng Kronstadt, một số Hồng vệ binh và một số lãnh tụ Bolshévik thuộc các uỷ ban công xưởng. Cuộc nổi dậy chỉ chạm súng lẻ tẻ. Con số thương vong không đáng kể. Việc chiếm lấy chính quyền không mấy khó khăn. Ủy ban Quân Quản nắm lấy quyền hành. Như

vậy quyền lãnh đạo nhà nước hoàn toàn nằm trong tay của một tổ chức, do Ủy Ban trung ương Bolshévik giao phó. Không một ai có quyền tham dự cho dù có tổ chức Đại Hội.

Chiến lược tạo một sự việc đã rồi của Lenine đã thành công. Nhóm xã hội ôn hòa rời bỏ phòng họp Đại Hội để phản đối hành động mưu phản quân sự do nhóm Bolshévik chủ mưu, qua mặt các tổ chức Sô Viết. Phòng hội giờ chỉ còn nhóm Bolshévik và các đồng minh của họ. Những đại biểu hiện diện trong hội trường lúc bấy giờ đã tán thành cuộc nổi dậy đồng thời bỏ phiếu chấp thuận nghị quyết do Lenine đưa ra: tất cả các quyền lực đều về tay các Sô Viết.

Nghị quyết này chỉ làm cho có hình thức để thừa nhận sự việc người Bolshévik được ủy quyền. Đó là một sự tưởng tượng đã lừa bịp nhiều thế hệ của những người nhẹ dạ, dễ tin. Họ nhân danh nhân dân trong các nước Sô Viết đứng ra cai trị đất nước. Chỉ vài tiếng đồng hồ sau khi chấp thuận nghị quyết, thành lập tân chính phủ Bolshévik, Đại Hội II bế mạc. Tân chính quyền Bolshévik do Lenine làm chủ tịch. Các Ủy viên đã chấp thuận các nghị quyết cho tái lập hòa bình và tiến hành phân chia ruộng đất. Đó là công tác đầu tiên của tân chế độ.

Không lâu sau đó, tân chính quyền phải đối đầu ngay những sự xung đột và những sự hiểu lầm giữa chính quyền và các thành phong trào xã hội. Các phong trào này cho rằng chính họ đã tạo nên sự tan rã

mau chóng chế độ cũ cả về phương diện xã hội cũng như về kinh tế.

Sự hiểu lầm đầu tiên là công việc chia ruộng đất.

Nhóm Bolshévik chủ trương quốc hữu hóa đất đai. Nhưng vì tương quan lực lượng bất lợi cho họ nên họ phải chấp thuận theo kế hoạch phân chia ruộng đất của các nhóm xã hội cách mạng. Một nghị quyết về ruộng đất đã hủy bỏ quyền tư hữu đất đai. Ruộng đất bị tịch thu không bồi thường và đặt dưới quyền của ủy ban nông nghiệp địa phương. Ủy ban này sẽ tái phân phối ruộng đất cho nhân dân. Trên thực tế, việc hợp pháp hóa các việc làm của cộng đồng làng xã đã bắt đầu từ mùa hè năm 1917. Những người Bolshévik đã tước đoạt tàn nhẫn đất đai của điền chủ, của những người giàu có. Nhưng vì phải dựa vào cuộc cách mạng của nông dân, cuộc cách mạng đã giúp cho người Bolshévik cướp lấy chính quyền, cho nên họ phải chờ đến 10 năm sau mới thực hiện được chương trình riêng của họ. Đó là chính sách quốc hữu hóa. Các cuộc tập thể hóa ở nông thôn là một cuộc chạm trán gay go giữa chính quyền và nông dân. Đó là kết quả của sự hiểu lầm về nghị quyết do cách mạng tháng Mười tạo ra. Một sự hiểu lầm bi thảm nhất của năm 1917.

Việc hiểu lầm thứ hai là vấn đề giao tế giữa đảng bolshévik và các thể chế mới.

Các thể chế mới này là những tổ chức đã tham gia vào các hoạt động nhằm xóa bỏ cơ chế quyền lực cũ, và cũng đã giữ vững lập trường. Đó là các Ủy Ban của

các công xưởng, xí nghiệp, các nghiệp đoàn, các đảng xã hội, các uỷ ban khu phố, các Hồng vệ binh, và nhất là các tổ Sô Viết. Chỉ trong vòng vài tuần lễ, các thể chế mới này bị tước bỏ quyền lực. Họ phải chịu sự chỉ đạo của đảng hay giải tán. Khẩu hiệu Tất cả quyền lực thuộc về Sô Viết trở thành khẩu hiệu phổ thông trên nước Nga trong tháng 10 năm 1917, nay bị trở cờ, quyền lực nằm trong tay đảng. Đảng quản lý các Sô Viết.

Dưới khẩu hiệu Công nhân kiểm soát xí nghiệp, các người Bolshévik, các người vô sản của thành phố Petrograd và các thành phố kỹ nghệ đã hất cẳng các chủ nhân và nhân công nhà máy ra ngoài, dành quyền kiểm soát. Họ tự nhận là công nhân. Tình trạng chống đối và lo âu xảy ra trong giới thợ thuyền. Vật giá gia tăng, dẫn theo nạn lạm phát.

Tháng 12 năm 1917, chính quyền gặp phải sự chống đối của công nhân. Họ đình công. Chỉ vòng trong vài tuần lễ, những người Bolshévik gần như mất hết niềm tin mà họ đã gây được trong lòng giới lao động trong suốt năm 1917.

Việc hiểu lầm thứ ba là sự đối xử với các sắc tộc, cựu thuộc địa của Nga đưới thời Nga Hoàng.

Cuộc đảo chính của người Bolshévik đã làm cho các sắc dân muốn tách ra khỏi mẫu quốc Nga. Chính quyền mới bảo đảm yêu sách này bằng cách họ chấp thuận sự bình đẳng, chủ quyền và quyền tự quyết gia nhập hay ly khai của các sắc dân. Chỉ trong vòng vài tháng các sắc dân Ba Lan, Phần Lan, Baltique, Ukraine, Armenie

tuyên bố độc lập. Đứng trước tình trạng rầm rộ ly khai chính trị, chính quyền Bolshévik phải đưa ra các vấn đề khác để tìm cách chận đứng sự ly khai. Họ cho rằng vì cần phải bảo vệ vụ lúa mì ở Ukraine, vùng dầu hỏa ở Caucase, và những quyền lợi của nhà nước khác, họ quả quyết lãnh thổ này là do nhà nước thừa hưởng của chế độ Nga Hoàng. Họ còn đòi hỏi nhiều hơn những gì chính phủ lâm thời đã làm.

Do nhiều hình thức khác nhau của các cuộc cách mạng xã hội và của các sắc dân nên xảy ra cuộc va chạm mang tính đa dạng. Chính sách thực thi đường lối chính trị độc tài, không chấp nhận phân chia quyền lực, đã dẫn ngay đến các cuộc đối kháng, xung đột mãnh liệt từ phía quần chúng trong xã hội, từ đó đưa đến các cuộc đàn áp đẫm máu, khủng bố dã man của phía chính quyền.

CHƯƠNG 2
LỰC LƯỢNG VŨ TRANG CỦA CHUYÊN CHÍNH VÔ SẢN

Chính quyền mới là một tập hợp đa dạng. Bộ phận chính là trung tâm quyền lực của các Sô Viết, kết tụ thành một Ủy Ban Hành Chánh Trung Ương. Ủy Ban này bao gồm một chính phủ hợp pháp và một hội đồng đại biểu nhân dân. Họ cố tìm hậu thuẩn và sự thừa nhận chính thức của dân chúng trong nước và của thế giới bên ngoài.

Bên cạnh đó, một bộ phận cách mạng khác có cơ chế hoạt động nằm giữa hệ thống quyền lực, đó là Ủy Ban Quân Quản thành phố Petrograd.

Feliks Dzerjinski nhận định vai trò của Ủy ban Quân quản như sau: đó là một cơ cấu nhẹ nhàng, uyển chuyển, không có một pháp chế chi tiết, có thể thi hành công tác khẩn cấp. Không một định chế pháp lý nào có

thể cản trở các hoạt động của Ủy ban nhằm đương đầu và tiêu diệt các kẻ thù của Lực Lượng võ trang chuyên chính vô sản.

Trong những ngày đầu của tân chế độ, Lực lượng võ trang của chính quyền độc tài vô sản hoạt động như thế nào?

Theo lời của Dzerjinski, và sau này chính cơ quan công an chính trị Tcheka xác nhận, chương trình hành động của lực lượng võ trang rất đơn giản và ngắn gọn. Lúc đầu, Ủy Ban, có tên gọi tắt CMRP, gồm có 60 thành viên, trong đó nhóm Bolshévik chiếm 48 ghế. Số còn lại gồm một vài thành viên thuộc nhóm Xã hội cách mạng thiên tả và một số thành viên độc lập. Chủ tịch là một đảng viên đảng Xã hội và bốn phó chủ tịch thuộc đảng Bolshévik, trong đó có Dzerjinski và Antonov-Ovseenko.

Trong thực tế, trong suốt thời gian cầm quyền, chỉ có 20 thành viên của ủy ban thực sự đứng ra ký tên cho khoảng chừng 6.000 văn thư hay án lịnh với danh nghĩa là thư ký hay chủ tịch của ủy ban.

Qua hình thức chỉ thị, nghị quyết, Ủy ban CMRP đã tổ chức một mạng lưới hoạt động với chừng 1.000 nhân viên được gài vào trong các đơn vị quân đội, các ban chấp hành Xô Viết, các tổ chức phường khóm. Các nhân viên này chỉ thi hành theo chỉ thị của Ủy ban CMRP mà thôi. Họ không lệ thuộc vào chính phủ cũng như không lệ thuộc vào Bộ chính trị trung ương.

Trong khi các đảng viên Bolshévik còn đang bận

rộn thành lập chính phủ, ngày 26 tháng 10, một số nhân vật không tên tuổi đã đưa ra một số biện pháp để củng cố chính quyền độc tài vô sản, như:

- Cấm phát hành các truyền đơn phản cách mạng.
- Đóng cửa 7 tờ báo có khuynh hướng tư sản quý tộc và khuynh hướng xã hội ôn hòa.
- Kiểm soát bưu điện và đài phát thanh.
- Thành lập ủy ban kiểm kê tài sản, nhà cửa, xe hơi,...

Lịnh đóng cửa báo chí được phê chuẩn sau đó hai ngày. Nhưng phải chờ sau một tuần lễ tranh luận sôi nổi, giữa chính quyền và Bộ chính trị trung ương Bôsêvich, lịnh đóng cửa báo chí mới chính thức cho thi hành bằng một quyết nghị.

Trong giai đoạn đầu, vì chưa tin tưởng vào khả năng của mình, đảng Bolshévik khuyến khích tiếp tục áp dụng chiến thuật đã giúp họ thành công trong các biến cố của năm 1917. Đó là lợi dụng tinh thần quá khích và bồng bột của quần chúng.

Khi đại diện của tỉnh Pskov đến chất vấn về tình trạng vô chính phủ, Dzerjinski trả lời: nhiệm vụ của chúng ta là phá bỏ trật tự cũ. Nhưng chúng ta chưa đủ lực lượng để làm công tác này. Vì thế chúng ta phải lợi dụng sự cuồng nhiệt của quần chúng. Quần chúng cho rằng chính họ tự động đứng lên giải phóng. Trong giai đoạn kế tiếp, chúng ta sẽ hướng dẫn họ hành động. Dưới quyền lãnh đạo của chúng ta, chúng ta trở thành tiếng nói của quần chúng và cùng với nhân dân chống lại kẻ thù của giai cấp vô sản. Chúng ta sẽ trở thành

những người xây đường cho các dòng thác cách mạng. Chúng ta sẽ khai thác sự căm thù và kích thích ý chítrả thù hợp lý của tầng lớp bị trị đối với tầng lớp áp bức.

Trong một phiên họp của ủy ban CMRP hôm 29 tháng, nhiều thành viên của ủy ban đề nghị phải tiến hành ngay các biện pháp đối phó và đánh phá kẻ thù của nhân dân. Ngày 13 tháng 11 để đáp ứng lời đề nghị của các thành viên, ủy ban CMRP ra thông báo:

Công chức của các công sở hành chánh, ngân hàng, hỏa xa, bưu điện,... đang phá hoại các chính sách của nhà nước Bolshévik. Kể từ ngày hôm nay, họ là kẻ thù của nhân dân. Tên tuổi của những người này sẽ được đăng trên các báo và sẽ được niêm yết ở những nơi công cộng.

Tiếp theo sau mấy ngày niêm yết, là một bản cáo trạng kết án.

Những người bị nghi ngờ phá hoại, đầu cơ hay chiếm đoạt tài sản bị giam tức khắc vì bị coi như là kẻ thù của nhân dân. Trong vòng vài ngày, Ủy ban CMRP đã cho ra đời hai tội trạng đáng sợ: kẻ thù của nhân dân và kẻ bị tình nghi.

Ngày 28 tháng 11, Chính quyền ban hành một nghị quyết do Lenine ký để hợp thức hóa cụm từ kẻ thù của nhân dân. Nghị quyết xác nhận tất cả thành viên của đảng Dân Chủ Lập Hiến đều là kẻ thù của nhân dân. Những người này sẽ bị bắt và đưa ra tòa án nhân dân. Theo các điều khoản của nghị quyết, tất cả các luật lệ của các đảng dân chủ xã hội cũng như của đảng xã

hội cách mạng đều đi ngược lại quyền lợi của giai cấp nông dân thợ thuyền. Trong khi chờ đợi soạn thảo bộ luật mới, Tòa án phải dựa theo các luật lệ hiện hành xét xử sao cho phù hợp với trật tự của cách mạng.

Nội dung của nghị quyết thật mơ hồ. Nó sẽ dẫn đến những hậu quả do sự lạm dụng quyền hành.

Các Tòa án cũ được thay thế bởi các Tòa án nhân dân và Tòa án cách mạng. Các Tòa án này có toàn quyền xét xử các tội phạm chống đối nhà nước vô sản, tội phá hoại, tội làm gián điệp, tội lạm dụng quyền thế và tội phản cách mạng.

Ông Rourski, ủy viên nhân dân phụ trách Tư pháp từ tháng 2 năm 1918 đến 1928 xác nhận rằng, Tòa án nhân dân không phải như các Tòa án thường. Đó là Tòa án của chính quyền chuyên chính vô sản. Nhiệm vụ của các Tòa án này là kết án với mục đích tiêu diệt và loại trừ các phần tử chống lại chính quyền Bônsêvic hơn là mục đích xét xử.

Một trong các toà án này là tòa án chuyên về báo chí. Nó có nhiệm vụ tuyên xử các tội vi phạm các điều khoản của nghị quyết chính quyền về báo chí. Tòa án ra lịnh đình bản các nhật báo, tuần báo, và các tạp chí cố ý phổ biến sai lệch các tin tức.

Bên cạnh sự hình thành các cơ quan Tư pháp, Ủy ban CMRP cũng ráo riết củng cố cơ cấu của mình.

Tình hình lương thực vô cùng nguy cập. Kho dự trữ lương thực của thành phố Petrograd chỉ còn có thể cung cấp một ngày ăn không đầy đủ cho dân có phiếu

tiếp tế thực phẩm. Để đối phó với tình trạng thiếu lương thực, ngày 4 tháng 11, chính phủ thành lập Ủy ban lương thực. Nhiệm vụ của uỷ ban là đi tìm lương thực. Thông cáo đầu tiên của ủy ban lương thực nhắm vào những người giàu có, thành phần chiếm hữu của cải. Ủy ban lương thực trưng dụng số lương thực thăng dư của họ.

Ngày 11 tháng 11, ủy ban lương thực gởi một số nhân viên về các tỉnh đi truy lùng, thu mua ngũ cốc, lương thực để tiếp tế cho dân thành phố Petrograd và cho binh lính của Hồng quân đang chiến đấu với quân Đức. Các nhân viên này được lấy từ các toán quân của các binh chủng bộ binh, hải quân, Hồng vệ binh, công nhân và thợ thuyền.

Một ủy ban đặc trách truy lùng tàn quân nhân cũng như nhân viên cảnh sát của Nga Hoàng thành lập vào ngày 10 tháng 11. Các toán truy lùng còn có nhiệm vụ thanh toán các đảng viên của các đảng tư sản và cả các công chức bị tình nghi.

Trong tình cảnh rối ren của thành phố vì nạn đói, các toán Hồng vệ binh phối hợp với toán tự vệ ô hợp mới được thành lập, lục soát nhà cửa của nhân dân. Các toán này tịch thu tài sản, bắt bớ người một cách vô cớ, đòi tiền chuộc mạng sống,... Họ mạo danh Ủy ban cách mạng hăng say cướp bóc tài sản, tịch thu lương thực và hành hung những ai chống lại. Các vụ thanh toán vì tư thù xảy ra quá nhiều. Các vụ cướp có vũ khí nhắm vào các tiệm buôn, kho hàng, kho rượu trong lâu

đài Mùa Đông của Hoàng Gia Nga. Hiện tượng hống hách càng ngày càng gia tăng. Dzerjinski phải đích thân ra lịnh bài trừ các phần tử gây rối loạn và hiện tượng say sưa của các toán trưng thu.

Ngày 6 tháng 12, Ủy ban chống gây rối và bài trừ say rượu ban hành tình trạng khẩn trương và lịnh thiết quân luật trên toàn thành phố Petrograd để chấm dứt tình trạng vô trật tự do các phần tử bất hảo núp dưới danh nghĩa cách mạng gây ra.

Ngoài các vụ nổi loạn, chính quyền Bolshévik còn phải lo đối phó các cuộc đình công lan rộng của công chức xảy ra hồi ngày 25 tháng 10. Do sự đe dọa này, nhà nước cho thành lập Ủy Ban thân Nga để chống lại các hành động phản các mạng, chống luôn các vụ đầu tư kinh tế, chính trị và các vụ phá hoại. Ủy ban có tên là Vetchka, và được thế giới biết đến với cái tên Tcheka: ủy ban công an chính trị.

Trước khi cho ra ban công an chính trị Tcheka, các lãnh tụ Bolshévik cho giải tán ủy ban CMRP.

Lực lượng võ trang của chính quyền độc tài vô sản đã bảo vệ những người Bolshévik như thế nào trong bối cảnh chính trị hỗn loạn của Nga thời bấy giờ?

Trong phiên họp ngày 6 tháng 12, các lãnh tụ Bolshévik ủy nhiệm cho Dzerjinski được toàn quyền, thành lập ngay một Ủy ban đặc biệt. Ủy ban của Dzerjinski có quyền xử dụng mọi khả năng của cách mạng để tìm ra một biện pháp nhằm chận đứng các cuộc đình công của công chức và chống lại các vụ phá hoại.

Trước đó vài ngày, Lenine bày tỏ sự phấn khởi về diễn tiến và thành quả của cuộc cách mạng Pháp 1789. Ông cho rằng cách mạng tháng 10 năm 1917 của Nga là sự tái diễn của cách mạng Pháp. Lenine nói với viên thư ký V. Bontch Brouevitch phải tìm cho được một người vô sản tiến bộ và nhiệt tình. Người đó có thể thay thế vai trò công tố viên Fouquier Tinville. Chính công tố viên này đã thủ tiêu nhiều người, mà ông gọi là những phần tử phản động trong thời các mạng Pháp. Lenine nghĩ rằng Dzerjinski có thể đóng vai trò đó. Trong thời gian điều hành Ủy ban CMRP, Dzerjinski đã chứng tỏ khả năng của mình trong chức năng này. Lenine còn cho người thư ký biết thêm rằng chính Dzerjinski đã từng bị ông Okrankha, trưởng ban an ninh Hoàng Gia Nga bắt giam. Vì thế Dzerjinski biết rất rõ, anh ta phải làm gì trong vai trò đó.

Trước khi Cơ quan công an chính trị Tcheka mở phiên họp đầu tiên vào ngày 7 tháng 12, Lenine gởi thơ cho Dzerjinski, dặn dò: Theo đề nghị của đồng chí trong bản phúc trình ngày hôm nay, chúng ta có thể viết ra một thông cáo, với nội dung: bọn trưởng giả âm mưu nhúng tay vào tội ác, bằng cách chiêu dụ các thành phần cặn bã của xã hội để gây rối loạn. Đồng lõa với bọn này là những cán bộ cao cấp trong các cơ quan, công sở. Chúng sẽ tham gia vào các cuộc đình công và phá hoại để làm yếu dần chính sách của chính phủ. Cuối cùng chúng thay đổi cơ chế xã hội. Bọn trưởng giả sẽ tìm đủ mọi cách để cản trở kế hoạch cung cấp lương

thực, và như vậy, sẽ có hàng triệu người chết đói. Phải thi hành ngay một số biện pháp đặc biệt để đối phó với các phần tử phá hoại, phản cách mạng.

Trong phiên họp tối ngày 7 tháng 12, Dzerjinski đọc bản dự thảo tuyên cáo trước ủy ban. Dzerjinski cho rằng: cách mạng đang bị đe dọa trầm trọng ở khắp nơi. Đây là mặt trận nguy hiểm nhất. Vì thế chúng ta phải vận dụng các đồng chí cứng rắn, cương quyết, không tình cảm, sẵn sàng hy sinh và sẵn sàng hành động cho dù rất tàn ác, để đạt cho được mục tiêu của cách mạng. Không có công lý gì cả. Chúng ta không đi tìm công lý. Chúng ta đang bị bao vây trong một trận chiến ác liệt. Kẻ thù tấn công chúng ta khắp nơi, nhưng chúng nó không chịu lộ diện. Đây là mặt trận sống mái, một mất, một còn. Tôi yêu cầu, hãy thành lập một Ủy ban có đầy đủ thẩm quyền để giải quyết ngay những khó khăn, thanh toán ngay bọn phản cách mạng bằng phương châm cách mạng và lòng trung thành với người Bolshévik.

Ủy ban có nhiệm vụ:

1. Chủ động, thanh trừng và cô lập hóa các âm mưu phá hoại của các phần tử hay đảng phái phản cách mạng trên toàn quốc.

2. Đưa tất cả các phần tử chống cách mạng ra tòa án nhân dân.

Ủy ban sẽ mở các cuộc điều tra sơ khởi. Nếu tình hình đòi hỏi, Ủy ban sẽ chia ra làm ba công tác:

a/ Tình báo.

b/ Tổ chức.

c/ Hành động.

Ủy ban sẽ thành lập một bộ phận chuyên môn theo dõi và khám phá các hoạt động phá hoại, báo chí, và các cuộc đình công của bọn dân chủ cách mạng hữu phái và bọn dân chủ lập hiến.

Ủy ban sẽ cho thi hành các biện pháp sau đây: tịch thu tài sản, trục xuất ra khỏi nơi cư trú, tịch thu thẻ phân phối lương thực, công bố danh sách kẻ thù nhân dân,...

Ngày 12 tháng 12, nhóm Bolshévik thương lượng với nhóm xã hội cách mạng thiên tả. Họ bằng lòng chia 6 ghế cho đảng cách mạng xã hội để giải tỏa tình trạng cô lập chính trị trong Quốc hội. Vì là nhóm thiểu số, nên nhóm Bolshévik áp dụng chiến thuật hòa hoãn.

Ban công an chính trị Tcheka bắt đầu bành trướng và khởi sự hành động trong khi chưa được pháp lý thừa nhận. Dzerjinski cũng như Lenine không muốn có một sự ràng buộc nào trong khi hành động. Theo hai ông, cuộc sống sẽ hướng dẫn các hành động của Tcheka. Đó là sự khủng bố dân chúng và các vụ bạo động trên đường phố. Những người Bolshévik tạm thời bỏ qua những nghi ngờ của họ về tính quá khích của quần chúng. Họ cố tình khuyến khích quần chúng nổi loạn.

Ngày 1 tháng 12, với trách nhiệm của ủy viên đặc trách chiến tranh, Trotski báo động: trong vòng một tháng, các cuộc bạo động của quần chúng sẽ gia tăng cường độ khủng khiếp hơn những gì đã xảy ra trong cuộc cách mạng 1789 của Pháp. Lúc bấy giờ sẽ không

còn nhà tù để chứa. Lúc đó phải dùng đến máy chém, một phát minh quan trọng của cách mạng Pháp. Lợi điểm của máy chém là làm giảm số lượng người. Và máy chém sẵn sàng đón chờ kẻ thù của chúng ta.

Trong một buổi nói chuyện với hiệp hội nhân công thợ thuyền, Lenine, lại một lần nữa nhấn mạnh: bạo lực khủng bố là công lý của cách mạng vô sản. Chính quyền Sô Viết phải hành động như vậy và bắt buộc phải hành động như vậy trong cuộc cách mạng vô sản. Nhờ đó mà chúng ta mới đập tan được công lý của bọn tư sản trưởng giả, công cụ của giai cấp bốc lột thống trị. Quân nhân và công chức phải đứng lên để tự cứu lấy mình. Không chờ ai giúp cả. Nếu đám đông quần chúng không đứng lên đấu tranh, chúng ta sẽ mất hết. Nếu chúng ta không khủng bố chống bọn đầu cơ và không bắn vào đầu chúng trước đám đông quần chúng thì chúng ta sẽ hoàn toàn thất bại.

Những lời kêu gọi bạo động này thật sự đã xảy ra trước khi những người Bolshévik lên nắm chính quyền.

Khởi từ mùa Thu năm 1917, nông dân nổi loạn cướp phá hàng chục ngàn nông trại và tàn sát hàng ngàn điền chủ. Bạo động ngự trị trên đất Nga trong suốt năm đó. Nó bộc phát dưới nhiều hình thức khác nhau. Ở đô thị, bạo động là phản ứng của tương quan quyền lợi giữa các giới tư bản. Ở nông thôn, nó là hệ quả của sự xung đột trường kỳ giữa giới nông dân và địa chủ.

Ba mặt bạo động: nông thôn, thành thị và chiến tranh đã tạo cho nước Nga ở trong một tình trạng bùng

nổ mà hậu quả của nó là sự tàn phá đặc biệt trong giai đoạn sôi sục cách mạng. Nó đánh dấu một phá sản của trật tự và quyền lực. Nó tạo sự nghi kỵ giữa những người sống ở miền quê với lớp dân thành thị. Nông dân cho rằng thành thị là nơi xuất phát các quyền lực và áp bức. Trái lại, một số chính trị gia xuất thân từ giới trí thức cho rằng nông dân là dân bán khai, còn mang thú tính, cần phải phục tùng những người sống có tổ chức ở thành phố. Giới trí thức và các chính trị gia đều nghĩ rằng, các cuộc bạo động của nông dân sẽ làm suy giảm quyền lực của chính phủ. Đây là cơ hội tốt cho nhóm bolshévik lên nắm chính quyền trong khoảng trống chính trị của thời đó.

Cuối năm 1917 và đầu năm 1918, không có lực lượng đáng kể nào chống lại chính quyền.

Chỉ trong vòng một tháng, đảng Bolshévik chiếm một phần lớn đất đai ở miền Bắc và miền Trung cho đến tận trung lưu khu vực sông Volga. Họ kiểm soát nhiều thị trấn vùng Caucase, thành phố Bakoa và thành phố Tachkent vùng Trung Á.

Ukraine và Phần Lan đã ly khai và không có hành động nào chống lại chính quyền Bolshévik. Một toán quân nhân độ chừng 3.000 người do hai tướng Alexeiev và Kornilov lãnh đạo ở phía Nam nước Nga là tổ chức duy nhất chống lại quân bolshévik. Đơn vị này là tiền thân của Bạch Quân sau này. Hai Tướng lãnh Alexeiev và Kornilov đặt nhiều hy vọng vào giống dân Cosaque sinh sống trong vùng sông Don và Kouban. Dưới thời

Nga Hoàng, những người Cosaque có nhiều đặc quyền so với nông dân thường. Khi phục vụ trong quân đội đến 36 tuổi, họ được phép giải ngũ và được cấp 30 mẫu đất để canh tác. Nguyện vọng của họ là mong giữ được phần đất mà họ đã được cấp phát. Họ rất sợ các cuộc đấu tố nhắm vào phú nông. Chính vì muốn bảo vệ đất đai của mình, người Cosaque quyết tâm tham gia vào các tổ chức chống lại nhóm Bolshévik vào mùa Xuân 1918.

Cuộc nội chiến thực sự diễn ra từ mùa Đông năm 1917 và mùa Xuân năm 1918 khi nhóm quân tình nguyện độ vài ngàn người chống lại các cuộc đàn áp của trên 6.000 quân Sô Viết, đặt dưới quyền chỉ huy của Tướng Sivers ở miền nam nước Nga. Cuộc đàn áp diễn ra rất thô bạo. Quân Sô Viết đàn áp luôn cả thường dân.

Vào tháng 6 năm 1919, Tướng Denikine, chỉ huy trưởng lực lượng quân sự miền Nam nước Nga cho mở cuộc điều tra về tội ác của nhóm bolshévik. Sau vài tháng làm việc, ủy ban điều tra tội ác đã đúc kết một danh sách các tội phạm của các vụ đàn áp ở Ukraine, Kouban, vùng sông Don và bán đảo Crimée. Các bằng chứng tội ác, các nhân chứng còn sống sót đã được S.P. Melgounov ghi lại đầy đủ trong cuốn sách *Cuộc khủng bố đỏ trên đất Nga từ năm 1917 đến hết năm 1924*. Sách xuất bản ở Luân Đôn. Nội dung của quyển sách ghi lại tội ác do bọn Bolshévik gây ra kể từ tháng giêng năm 1918. Sách được xem như tài liệu giáo khoa trong các trường học.

Tại Tangarog, những người bolshévik trói tay 50

địa chủ và sĩ quan Bạch quân và đẩy họ vào trong các lò nấu thép đang sôi sục.

Tại Evpatoria, hàng trăm sĩ quan và các nhà tư sản quý tộc bị trói chân tay, bị tra tấn dã man trước khi bị quăng xuống biển.

Tại các thành phố chiếm đóng khác như Sebastopol, Yalta, Alouchta, Simíeroplo,... cũng xảy ra nhiều vụ giết người man rợ tương tự. Nhất là ở những vùng có dân Cosaque sinh sống.

Ủy ban điều tra tội ác liệt kê chi tiết về các vụ giết người như sau:

các xác chết mất tay, thiếu chân, không đầu, xương hàm bể nát, bộ phận sinh dục phá hư,... Theo tác giả Melgounov của tài liệu về tội ác, khó có thể xác nhận tội ác do chính phủ ra lịnh thi hành theo chính sách khủng bố, hay do các thành phần cuồng tín gây ra trong các cuộc giao tranh mà các cấp chỉ huy không kiểm soát được. Cho đến tháng 8 năm 1918, không có một tài liệu nào xác định công an Tcheka địa phương đã ra lịnh các cuộc tàn sát. Trên thực tế có một số công an cơ sở nhúng tay. Nạn nhân của các vụ tàn sát không những chỉ là những đảng viên của các tổ chức thù địch , mà còn cả những người bị tình nghi là kẻ thù của nhân dân và các thường dân vô tội nữa.

Đầu tháng 3 năm 1918, trong số 240 người bị giết tại Yalta, có 165 sĩ quan , 70 tù chính trị , luật sư, ký giả, giáo sư. Các toán công an võ trang, Hồng vệ binh, và các đảng viên Bolshévik đã giết họ.

Tiêu diệt các phần tử thù địch là hệ quả tất nhiên của của cuộc cách mạng chính trị và xã hội, với một bên là kẻ chiến thắng và phía bên kia là kẻ bại trận. Quan niệm này không phải chỉ được mới biết sau tháng mười năm 1917. Nhưng những người Bolshévik đã chính thức hợp thức hóa nó.

Trong một bức thư của một Đại úy trẻ viết vào tháng 3 năm 1918, đã kể lại những gì đã xảy ra trong trung đoàn của anh. Giữa chúng tôi - sĩ quan và binh sĩ - đã có một vực thẳm ngăn cách không ai lường trước được. Bình thường chúng tôi là chủ của đám lính. Nhưng vì đây là cuộc cách mạng xã hội và chính trị, chúng tôi là người thua cuộc, nên các binh sĩ lên tiếng nói rằng giờ đây họ là những người chủ của chúng tôi. Họ tưởng rằng họ đã trả được mối thù sau nhiều thế kỷ làm tôi tớ.

Đối với đám đông quần chúng, người Bolshévik giải thích các hành động phục thù xã hội như chỉ điểm, khủng bố là làm đúng theo lời của Lenine.

Ngày 15 tháng 12 năm 1917, Dzerjinski cho đăng trên tờ *Izvestia* lời kêu gọi các Xô Viết phải thành lập các toán công an chính trị Tcheka. Kết quả của lời kêu gọi này là sự xuất hiện vô số ủy ban, phân đội, cơ quan đặc biệt,... nhiều đến nổi, chính quyền không thể kiểm soát. Vài tháng sau, mượn lời than phiền của quần chúng, chính quyền ra lịnh dẹp các toán công an Tcheka. Sau đó, chính quyền trung ương tự đứng ra thành lập một mạng lưới công an khác để tiện việc theo dõi.

Tháng 7 năm 1918, Dzerjinski báo cáo thành quả

của ngành công an trong nửa năm đầu: Trong khoảng thời gian này, chúng tôi bắt tay ngay vào việc. Chúng tôi còn mò mẫm cho nên không hoàn tất sứ mạng. Đến ngày hôm nay, bản tổng kết về thành quả của các vụ đàn áp chống lại những cái tự do được coi là khá súc tích. Khởi đầu, Tcheka chỉ có chừng 100 nhân viên. Nửa năm sau con số nhân viên tăng lên 12.000 cán bộ.

Ngày 11 tháng giêng năm 1918, Dzerjinski gởi báo cáo về cho Lenine: ban đầu tổ chức của chúng ta còn khiêm nhường. Mặc dù đã đạt được một số thành quả đáng kể nhưng chúng tôi vẫn còn ở trong tình trạng chưa thể được. Chúng tôi không có nguồn tài trợ nào cả. Chúng tôi làm việc suốt ngày đêm. Chúng tôi không có bánh mì, bơ phó mát để ăn và không có cả trà, sữa, đường để uống. Xin đồng chí cho phép chúng tôi xử dụng thực phẩm trưng thu của các nhà giàu để làm lương thực hằng ngày.

Dzerjinski chiêu mộ được lối chừng 100 bạn cũ đã từng sát cánh với ông trong thời hoạt động bí mật. Phần lớn họ thuộc sắc dân Ba Lan, Baltes. Họ làm việc trong ủy ban quân sự cách mạng thành phố Petrogad. Vài người trong số này về sau trở thành lãnh tụ của Bộ Nội Vụ trong năm 1930. Như các ông Latsis, Menjiinski, Messing, Moroz, Peter, Trilisser, Unchlicht và Iagoda.

Công tác của ban công an chính trị Tcheka là phá tan các cuộc đình công của công chức thành phố Petrograd.

Phương pháp làm việc của các toán công an rất đơn

giản. Họ bắt các người chủ chốt các cuộc đình công với lý do là ai không làm việc thì người đó không có chỗ đứng trong xã hội... Dzerjinski ra lịnh bắt các dân biểu thuộc đảng cách mạng xã hội và đảng Menshévik trong quốc hội lập hiến. Ông Steinberg, ủy viên nhân dân đặc trách tư pháp thuộc cánh xã hội thiên tả cực lực phản đối hành động chuyên quyền này của Dzerjinski. Steinberg đặt vấn đề thẳng với Lenine về vai trò của ủy ban nhân dân đặc trách tư pháp. Liệu ủy ban tư pháp của ông có còn cần thiết nữa hay không. Hay đặt cho nó cái tên ủy ban phá hoại xã hội như đã xảy ra có lẽ đúng hơn. Lenine trả lời: "Đúng vậy. Tôi cũng muốn gọi như vậy nhưng không thể được."

Lenine tìm cách giải hòa Dzerjinski và Steinberg. Steinberg muốn ban công an chính trị Tcheka trực thuộc cơ quan tư pháp, nhưng Dzerjinski viện cớ rằng tư pháp còn chịu ảnh hưởng quá nhiều của chế độ cũ, chỉ làm lợi cho chế độ cũ. Dzerjinski chỉ muốn ban công an chính trị Tcheka chịu trách nhiệm trực tiếp với chính phủ mà thôi.

Ngày 6 tháng giêng năm 1918 xảy ra một biến cố quan trọng, nhằm gia tăng quyền lực cho chế độ độc tài Bolshévik. Khóa họp Quốc Hội đầu tiên chỉ có 175 dân biểu hiện diện. Con số quá ít so với tổng số 707 dân biểu. Công an chính trị Tcheka đến giải tán phiên họp. Không có một phản ứng đáng kể nào chống lại hành động chuyên quyền này. Chỉ có một cuộc biểu tình nhỏ, nhưng bị quân đội dẹp tan ngay. 20 người

tham dự cuộc biểu tình bị bắn chết. Đó là kết quả đau thương của bài học về dân chủ và bài học dân chủ chỉ kéo dài trong vài tiếng đồng hồ.

Sau khi giải tán Quốc Hội, Chính quyền Bolshévik của thành phố Petrograd trở nên bấp bênh. Bởi vì lúc bấy giờ tại thành phố Brest-Litosk, các ủy viên nhân dân Trotski, Kamenev, Ioffe và Radek đang thương lượng hòa bình với các nước Đức, Áo, Hung và Thổ Nhĩ Kỳ.

Ngày 19 tháng 1 năm 1918 chính quyền Bolshévik vội vàng công bố dời thủ đô về Mạc Tư Khoa. Không phải người bolshévik sợ quân Đức tấn công vì Nga và Đức đã ký hòa ước ngày 15 tháng 12 năm 1917, nhưng chính là họ lo sợ lực lượng công nhân thợ thuyền nổi dậy chống đối.

Từ hai tháng nay, sự bất mãn ở những khu vực lao động lên cao. Tình trạng lính đào ngũ gia tăng làm giảm số phiếu đặt hàng ở các công xưởng phục vụ cho quân đội. Các hãng xưởng không có việc làm cho nên phải đóng cửa. Hàng chục ngàn thợ thất nghiệp. Thực phẩm thiếu thốn. Khẩu phần ăn giảm sút, chỉ còn 250g bánh mì cho mỗi đầu người. Không còn cách nào cứu vãn tình thế, Lenine phải đem xử bắn các người đầu cơ để làm vật tế thần. Ông ra lịnh cho xí nghiệp phải cử người đi truy lùng và tịch thu lương thực. Công nhân nào không tuân lịnh sẽ bị tịch thu thẻ tiếp tế thực phẩm.

Ngày 31 tháng 1 năm 1918, sau khi đi Brest-Litovk trở về, Lenine thành lập ủy ban đặc biệt chuyên lo vận

chuyển và tiếp tế lương thực. Trotski và Tsiouroupa chịu trách nhiệm ủy ban này. Đó là quyết định để dẫn đến vai trò độc quyền tiếp tế lương thực của chính quyền cộng sản.

Trung tuần tháng hai, Lenine chuyển cho ủy ban một dự án, nhưng ủy ban không thi hành. Theo Lenine, nếu dự án hình thành, nông dân bắt buộc phải nộp một số lương thực thặng dư cho chính quyền. Nhà nước sẽ trả bằng giấy chứng nhận thay vì tiền. Sau một thời hạn thu hoạch muà mà nông dân không giao đủ số lượng lương thực thì sẽ bị xử bắn. Tsiouroupa viết trong tập hồi ký: sau khi đọc bản dự án, chúng tôi tưởng như sét đánh. Nếu thi hành dự án của Lenine, chắc chắn sẽ xảy ra một cuộc hành quyết nông dân tập thể. Cuối cùng chúng tôi bác bỏ dự án.

Ở thời điểm này có nhiều sự kiện giúp chúng ta khám phá các sự thật. Đầu năm 1918, Lenine bị dồn vào ngõ cụt vì chính sách của ông. Ông rất sợ kế hoạch tiếp tế lương thực cho các trung tâm kỹ nghệ thất bại. Ông có cái cảm tưởng các trung tâm kỹ nghệ là những ốc đảo nằm giữa đại dương nông dân. Chính vì lo sợ, ông sẵn sàng ra lịnh tịch thu tất cả lương thực của nông dân thay vì chỉ thay đổi vài ba điểm trong chính sách.

Sự xung đột vì thế không thể nào không xảy ra.

Một bên là tập thể nông dân cương quyết giữ lấy sảm phẩm do sức lao động của mình làm ra.

Phía bên kia là tân chính quyền bolshévik vì muốn chứng tỏ quyền hành, không cần quan tâm đến các

nguyên tắc vận hành kinh tế. Họ coi các diễn biến hiện tại là dấu hiệu của một xã hội vô trật tự.

Cuộc thương lượng ở Brest-Litovk ngày 18 tháng 2 năm 1918 bất thành. Quân Đức tràn vào lãnh thổ Nga. Chính quyền Bolshévik công bố tình trạng tổ quốc lâm nguy. Nhà nước kêu gọi dân chúng chống lại quân Đức, kèm theo các lời cảnh cáo: xử bắn tất cả những ai làm gián điệp, những kẻ đầu cơ, những người xách động chống phá chính quyền cách mạng.

Ngày 3 tháng 3 năm 1918, Nga ký hòa ước với Đức. Các biện pháp thi hành trước đây tạm thời bãi bỏ. Nhưng đến ngày 16 tháng 6 chính quyền cho tái thi hành lịnh xử bắn. Trên thực tế, công an chính trị Tcheka đã ra lịnh xử bắn nhiều người nhưng chẳng ai phản đối.

Khi chính phủ rời Petrograd dọn về Mạc Tư Khoa, ban công an chính trị Tcheka chiếm các cơ sở của chính phủ và các công ty bảo hiểm nằm dọc theo đại lộ Bolchaia-Loubianka, cạnh điện Cẩm Linh làm văn phòng chính cho cơ quan mình. Cơ sở này , theo thời gian thay đổi thành GUEPON, NKVD, MVD và cuối cùng là KBG đến ngày Xô Viết cáo chung.

Từ con số 600 nhân viên vào tháng 3 lên đến 2.000 vào tháng 7, công tác tại Mạc Tư Khoa. Đó là chưa kể đến các nhân viên thuộc lực lượng công an đặc biệt. Trong khi đó Bộ Nội Vụ chỉ có 400 nhân viên phục vụ.

Trong đêm 11 rạng 12 tháng 4 năm 1918, Công an tung ra 1.000 nhân viên mở cuộc càn quét thủ đô Mạc

Tư Khoa. Họ tấn công vào 20 cao ốc, nơi cư trú của các thành phần vô chính phủ. Sau nhiều giờ kháng cự, công an bắt giữ 520 người. 25 người bị bắn tại chỗ với tội danh các tên ăn cướp. Từ đó công an gán cho tội trạng ăn cướp vào những ai mà họ muốn thủ tiêu.

Sau đêm càn quét được coi là thành công, Các toán công an tiếp tục mở các cuộc ruồng bắt trong chiến dịch mà họ gọi là bình định.

Trong một văn thư gởi cho Ủy Ban Trung Ương đề ngày 29 tháng 4 năm 1918, Dzerjinski xin tăng thêm lực lượng để có thể trấn áp các cuộc chống đối càng ngày càng lớn của nhân dân.

Từ tháng 10 năm 1917 đến nay, chính quyền Bolshévik không cải thiện được gì cho đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân như chính quyền đã hứa hẹn trong cuộc cách mạng hồi tháng 2 năm 1917.

Dưới con mắt của nông dân, Bolshévik là những người cộng sản, không hơn không kém. Những người Bolshévik tịch thu lương thực do nông dân làm ra. Nông dân đặt câu hỏi liệu có khác gì giữa những người Bolshévik của ngày hôm qua khi họ phân phối đất đai cho nông dân và những người Bolshévik của hôm nay ra khi họ ra lịnh tịch thu lương thực, trưng dụng đến cái áo sơ mi cuối cùng của những nông dân lương thiện?

Vào mùa Xuân 1918, tình hình quân sự cũng như chính trị trên toàn nước Nga chưa phân chia thắng bại. Tại một số Sô Viết, dân chúng còn làm chủ tình hình. ơ đó, sinh hoạt chính trị là sự liên hiệp giữa hai

bên quốc cộng. Giữa đảng Bolshévik và đảng dân chủ xã hội. Các tờ báo đối lập vẫn còn xuất hiện mặc dù bị truy lùng. Tại một số địa phương đã xảy ra các cuộc tranh quyền giữa hai đảng phái đối cực. Đảng xã hội ôn hòa và đảng Menshévik cũng đạt nhiều thành quả tốt đẹp. Trong các cuộc bầu cử tại các Sô Viết, mặc dù bị áp lực và bất công trong các cuộc vận động, các đảng xã hội cũng chiếm 19 trong số 30 Sô Viết địa phương.

Đứng trước tình thế bất lợi này, chính quyền Bolshévik phản ứng lại bằng cách cho áp dụng chính sách độc tài trên hai lãnh vực chính trị và kinh tế.

Hệ thống giao thông tồi tệ, phương tiện di chuyển thiếu phụ tùng thay thế đã dẫn đến tình trạng khó khăn trong chính sách phân phối lương thực. Sản phẩm kỹ nghệ từ thành phố không đến tay nông dân, trong khi đó nông sản của nông dân không đến thành phố để tiêu thụ. Vấn đề then chốt của chính quyền là làm sao có đủ lương thực để cung cấp cho các thành phố và binh sĩ trên các chiến trường. Đó là hai trung tâm quyền lực của chính quyền. Có hai giải pháp phải chọn:

Hoặc trở lại nền kinh tế thị trường trên cơ sở của một nền kinh tế đổ nát hiện nay.

Hoặc áp dụng chính sách cưỡng bách trưng thu lương thực. Đảng Bolshévik đã chọn con đường thứ hai. Bởi họ tin rằng chỉ có cưỡng bách mới có thể phá vỡ được chế độ cũ.

Vào ngày 29 tháng 4 năm 1918, ngỏ lời trước Ủy ban nhân dân trung ương, Lenine tuyên bố thẳng: tầng lớp

tiểu tư sản hiện đang đứng vào hàng ngũ của chúng ta để cùng nhau lật đổ bọn tư sản và địa chủ. Nhưng tình hình ngày nay đã thay đổi. Bọn tiểu tư sản không chịu sinh hoạt trong tổ chức có kỷ luật. Nay chúng ta phải thẳng tay với những người có chút ít tài sản này.

Vài ngày sau đó, ủy viên nhân dân đặc trách lương thực cũng nói rằng chỉ có dùng súng đạn mới thu mua được lương thực. Trotski hô hào một cuộc nội chiến để trưng thu lương thực của nông dân.

Trong bài viết của một lãnh tụ Bolshévik, ông Radek Karl vào năm 1921 cho chúng ta thấy chính sách của chính quyền Bolshévik vài tháng trước khi cuộc cách mạng bùng nổ. Ông Radek Karl viết: những người nông dân vừa tiếp nhận đất đai là những người lính vừa ở mặt trận chống Đức trở về. Họ còn vũ khí trong tay. Họ không coi chính quyền ra gì cả. Họ muốn làm gì thì làm. Cơ cấu hành chánh cũ đã hủy bỏ, trong khi đó chưa hình thành cơ cấu mới. Chính quyền có đến trưng thu hiện vật, thì cũng chẳng có gì để thu. Nông dân chỉ chịu nộp thuế cho nhà nước khi nào họ bị cưỡng bách.

Nửa năm sau, chính quyền bolshévik cho thi hành hai biện pháp quan trọng.

Ngày 13 tháng 5, chính phủ ủy quyền cho ủy ban nhân dân đặc trách tiếp tế lương thực thành lập một đội quân tiếp tế. Giữa tháng 6, đội quân tiếp tế tuyển dụng 12.000 nhân viên, đa số là dân thất nghiệp trong thành phố Petrograd. Đến năm 1920 con số này lên đến 20.000 người. Nhiệm vụ của đội quân là tiến hành công

tác trưng thu lương thực. Họ được trả lương theo tỉ lệ lương thực mà họ trưng thu được của nông dân.

Nghị quyết thứ hai ban hành ngày 11 tháng 6 năm 1918, cho tuyển dụng một số nông dân nghèo vào toán tiếp tế để họ đi thu các nông phẩm thặng dư của các điền chủ. Về sau các bần cố nông này lần lượt thay thế các Sô Viết địa phương, vì chính quyền không còn tín nhiệm các Sô Viết này nữa. Động cơ chính thúc đẩy những nông dân nghèo tham gia vào các toán trưng thu là họ được quyền tịch thu nông phẩm của các địa chủ, điều mà bấy lâu nay họ thèm muốn. Hơn nữa họ được quyền ăn chia một số lương thực tịch thu này.

Chúng ta có thể tưởng tượng ra hình ảnh của những người đại diện của chính quyền tại các vùng nông thôn. Chế độ mới gồm những người chỉ nghĩ đến quyền lợi. Sự hiểu biết chính trị và xã hội quá nông cạn. Họ hành động cốt chỉ để đạt được tham vọng riêng tư qua các hình thức cổ điển. Như đánh đập thuộc cấp, rượu chè say sưa, làm lợi cho mình và cho gia đình mình. Điều đó có thể cho chúng ta thấy mặt thật của cuộc cách mạng. Đó là lời nhận định của ông Grziosi.

Lúc đầu, ủy ban tiếp tế thu hoạch được một số kết quả. Nhưng việc dùng nông dân nghèo vào công tác thu mua nông phẩm chứng tỏ chính quyền Bolshévik không am tường về đời sống ở nông thôn. Theo một cách suy tính đơn giản, người cộng sản cho rằng nông thôn phân chia nhiều giai cấp và xung đột nhau. Nhưng trên thực tế, xã hội nông thôn liên kết nhau rất

chặt chẽ để chống lại kẻ thù bên ngoài, nhất là chống lại những người ở thành phố. Một khi bắt buộc phải nộp nông phẩm thặng dư, cả làng họp lại để giải quyết bình đẳng việc đóng góp. Thay vì chỉ có nông dân giàu nộp số nông phẩm thặng dư, họ quyết định chia nhau đóng góp tùy theo khả năng từng gia đình.

Nhưng vì bị cướp mất quá nhiều nông sản, nông dân bắt đầu phản đối. Nhiều vùng nông thôn nổi loạn. Trước các hành động hung bạo của các toán trưng thu, các cuộc chống đối của nông dân thật sự mang tính chất của một cuộc chiến tranh du kích.

Cuộc chiến khởi đầu từ tháng 6 năm 1918.

Trong tháng 7 và tháng 8 nông dân gây 110 cuộc nổi loạn.

Các cuộc nổi loạn này lan tràn đến các vùng dưới quyền kiểm soát của người Bolshévik. Trong vòng vài tuần lễ, uy tín của chính quyền tiêu tan. Trong suốt ba năm thi hành chính sách trưng thu tài sản, đã xảy ra hàng ngàn cuộc chống đối. Chính quyền đã phải dùng quân đội để can thiệp vào một số cuộc nổi loạn của nông dân.

Do việc áp dụng chính sách độc tài cứng rắn, một số tờ báo không thuộc nhóm Bolshévik bị đóng cửa vĩnh viễn. Các cuộc đình công của thợ thuyền bị đàn áp thẳng tay. Thành viên của các đảng đối lập bị truy lùng khắp nơi.

Trong hai tháng, 5 và 6, có 250 tờ báo của phe đối lập bị đóng cửa. Các Sô Viết mà đa số thành viên thuộc

các đảng Menshévik và đảng xã hội cách mạng ở các địa phương Kalouga, Tver, Riazan, Kostrama, Tov, Oerel, Vologda,.. đều bị giải tán bằng võ lực.

Hình thức giải tán tại hầu hết các Sô Viết diễn ra giống nhau. Sau vài ngày bầu cử, vì là nhóm thiểu số tại các Xô Viết, đảng Bolshévik yêu cầu chính quyền đưa quân đội đến giải cứu. Các toán công an Tcheka tuyên bố lịnh giới nghiêm và cho nhân viên lùng bắt các đại diện của các đảng đối lập đắc cử trong các Sô Viết. Dzerjinski đề cử các đảng viên cộng sản trung tín đến các Sô Viết làm cuộc đảo chánh, chiếm quyền hành.

Trong văn thư ngày 31 tháng 5 năm 1918 đề cử ông Eidok đến Tver, Dzerjinski chỉ thị: công nhân thợ thuyền đang chịu ảnh hưởng nhóm Menshévik và nhóm xã hội cách mạng. Họ đình công, biểu tình và đòi thành lập chính phủ của những người xã hội. Đồng chí phải cho niêm yết khắp nơi và thông cáo rằng các toán công an Tcheka sẽ hành quyết ngay tại chỗ các tên trộm cướp, các thành phần đầu cơ, các bọn phản cách mạng, và những ai có âm mưu chống lại chính quyền Bolshévik. Đồng chí ra lịnh bắt giam những người tư sản quý tộc, trung lưu không thường xuyên đóng góp lương thực cho nhà nước. Kiểm tra và lập danh sách. Danh sách này rất cần thiết cho chúng ta nếu họ chống đối. Đồng chí hãy chọn trong các toán công an những người cương quyết, những người biết rõ rằng chỉ có bắn vào đầu người khác, mới bắt họ câm mồm tuân lịnh. Kinh nghiệm dạy cho tôi biết, chỉ cần một số ít

người cứng rắn có thể làm thay đổi cán cân thắng bại...

Việc giải tán các Sô Viết có các nhóm đối lập chiếm đa số và việc trục xuất các người menshévik và đảng xã hội ra khỏi Ủy Ban nhân dân trung ương đã gây phẫn nộ trong dân chúng. Công nhân thợ thuyền tổ chức đình công tại các trung tâm kỹ nghệ. Tình trạng tiếp tế lương thực ngày càng tồi tệ. Tại vùng Kolpino gần thành phố Petrograd, thị trưởng ra lịnh cho quân đội bắn thẳng vào toán biểu tình chống nạn đói. Có 10 công nhân tham dự biểu tình bị bắn chết.

Tại nhà máy Berezoski gần thành phố Ekaterinp bourg, Vệ binh đỏ bắn chết 15 người trong toán biểu tình tố cáo nhóm Bolshévik biển thủ 150 rúp và chiếm đoạt các công ốc cao đẹp nhất của thành phố. Ngày hôm sau, cả vùng bị giới nghiêm. Công án bắn chết 15 người không làm báo cáo về trung ương.

Trong khoảng thời gian từ 15 tháng 5 đến 30 tháng 6 năm 1918, xảy ra rất nhiều cuộc biểu tình đẫm máu ở Sormovo, Iaroslavl, Toula và tại các thành phố kỹ nghệ Oural, Nijni-Taguil, Belorektsk, Zlatous, Ekaterinbourg. Các toán công an địa phương gia tăng các cuộc đàn áp.

Trong ba ngày, từ 8 đến 11 tháng 6, Nha công an chính trị Tcheka họp đại hội toàn quốc dưới sự chủ tọa của Dzerjinski. Có tất cả 100 đại biểu của 12.000 nhân viên thuộc 43 đơn vị công an địa phương về tham dự. Cuối năm 1918, con số nhân nhiên của Tcheka lên đến 40.000. Và con số cao nhất của ngành này đã từng lên

đến 280.000 nhân viên. Nhiều người cho rằng ngành công an còn đứng trên cả các Xô Viết và trên cả đảng cộng sản nữa.

Nội dung của đại hội ngành công an nhằm xác định vai trò tiêu diệt các âm mưu phản cách mạng của Tcheka trên toàn lãnh thổ Cộng Hoà Sô Viết. Tcheka còn là cơ quan quyền lực hành chánh của Sô Viết. Đại hội đã lập ra một sơ đồ tổ chức và kết thúc đại hội bằng một chương trình hành động, giao cho ban công an Tcheka thi hành trước khi làn sóng phản cách mạng nổi lên vào mùa hè năm 1918. Tất cả các toán công an địa phương phải thi hành theo mẫu tổ chức của trung ương Loubianka và phải hoàn thành trong một thời gian ngắn nhất. Công tác thực hiện từng bước như sau: Thu nhận tin tức tình báo; điều nghiên các hoạt động của quân Menshévik , quân Bạch Nga, các trường sĩ quan và hạ sĩ quan, các nhóm cách mạng thiên hữu, các nghiệp đoàn công nhân thợ thuyền, kiều dân ngoại quốc, thường dân và cả Hồng quân. Tóm lại, công an có nhiệm vụ điều tra và thành lập lý lịch từng người. Hồ sơ cá nhân được xếp theo từng loại, có ban phụ trách và quản lý riêng. Như ban quản lý sĩ quan, ban phụ trách nghiệp đoàn,... Các ban phụ trách này khi cần, sẽ tham dự các cuộc hành quân lục soát cùng với các toán công an.

Hai ngày sau khi kết thúc đại hội, chính phủ cho tái lập án tử hình. Án này đã được hũy bỏ sau cuộc cách mạng tháng 2 năm 1917, nhưng được áp dụng tại chiến

trường, ở những vùng có lịnh giới nghiêm vào tháng 7 trong cùng năm đó. Đại hội kỳ hai, ngày 26 tháng 10 năm 1917 biểu quyết bãi bỏ án tử hình. Quyết định này đã làm cho Lenine phẫn nộ. Lenine cho rằng bãi bỏ án tử hình là bày tỏ thái độ yếu đuối không thể chấp nhận được. Lenine và Dzerjinski luôn luôn đề nghị tái lập tính cách pháp lý của bản án tử hình. Nhất là xử dụng cơ quan siêu pháp lý của ngành công an để thi hành án tử hình. Bản án tử hình hợp pháp đầu tiên do tòa tuyên án ngày 21 tháng 6 năm 1918 là bản án chống lại cách mạng của Đề đốc hải quân Tchastnyi.

Vào ngày 20 tháng 6 năm 1918, lãnh tụ Bolshévik của thành phố Petrograd là ông V. Volodarski, bị ám sát. Vụ ám sát xảy ra trong lúc tình hình ở cố đô rất căng thẳng. Mấy tuần lễ trước, sự liên hệ giữa đảng Bolshévik và lực lượng công nhân thợ thuyền hết sức tồi tệ. Có hơn 70 vụ đụng độ giữa hai thế lực này trong tháng năm và tháng sáu.

Để đối phó các cuộc đình công, chính quyền ra lịnh đóng cửa các hãng xưởng lớn, mặc dù các hãng xưởng này đã quốc hữu hóa. Về sau, các xí nghiệp nhỏ cũng bị đóng cửa luôn, nhằm để bẽ gãy hoàn toàn các âm mưu đình công.

Sau vụ ám sát V. Volodarsk, một số thợ thuyền trong trong thành phố Petrograd bị bắt. Ban đại diện công nhân thợ thuyền Menshévik của thành phố cũng bị giải tán. Hai ngày sau, công an bắt giam 800 công nhân thợ thuyền. Lực lượng thợ thuyền tổ chức cuộc biểu tình

phản đối đại quy mô vào ngày 2 tháng 7 năm 1918.

Trong thơ của Lenine gởi cho Zinoniev, bí thư thành phố Petrograd, cho chúng ta thấy cái suy tính chính trị bất thường của Lenine. Lenine đã nhận định sai lầm về các cuộc nổi loạn của công nhân thợ thuyền sau vụ ám sát thủ lãnh V. Volodarski. Lenine tưởng rằng mục đích các cuộc biểu tình là để bày tỏ sự thương tiếc về cái chết của Volodarski.

Lenine viết:

Đồng chí Zinoniev,

Tôi vừa nhận được tin cho biết giới thợ thuyền ở Petrograd biểu tình đòi hỏi phải có hành động đối với vụ ám sát đồng chí Volodarski, nhưng đồng chí [không thể là đồng chí của ủy ban nhân dân thành phố Petrograd] đã chống lại. Tôi cương quyết phản đối đồng chí. Chúng ta bị tổn thương. Mặc dù chúng ta cổ võ khủng bố quần chúng theo như nghị quyết của thành phố, nhưng nếu làm như vậy, đồng chí sẽ làm bế tắc tất cả sáng kiến đứng đắn của nhân dân. Điều này chúng ta không thể chấp nhận. Chúng ta đang ở trong thời chiến. Chúng ta cần hô hào nghị lực của quần chúng để chống lại bọn phản cách mạng đặc biệt là tại thành phố Petrograd. Nó quyết định thành quả của cuộc cách mạng.

Chào đồng chí.

CHƯƠNG 3
KHỦNG BỐ ĐỎ

Ngày 3 tháng 8, Đại sứ Đức Karl Helüerich từ Mạc Tư Khoa gởi một bản phúc trình về cho chính phủ Đức với nội dung như sau: các lãnh tụ Bolshévik rất lo sợ về số phận mỏng manh của họ trước tình hình hỗn loạn đang lan tràn ở Mạc Tư Khoa. Có tin đồn bọn phản động đã xâm nhập vào Thủ đô.

Chưa có lúc nào người Bolshévik lo sợ như vậy. Từ mùa Hè năm 1918, các cơ sở quyền lực của họ hoàn toàn sụp đổ. Họ chỉ còn kiểm soát các vùng phụ cận quanh Thủ đô lịch sử Mạc Tư Khoa.

Thủ Đô bị bao vây bởi ba cánh quân.

Cánh quân thứ nhất quây quanh vùng sông Don, bao gồm binh sĩ thuộc sắc dân Cosaque dưới quyền

lãnh đạo của Tướng Krasnov và quân Bạch Nga của Tướng Denikine.

Cánh quân thứ hai là quân của Đức và lực lượng Rada của Ukraine.

Cánh quân thứ ba nằm dọc theo đường xe lửa xuyên Tây Bá Lợi Á do các đạo quân của người Tcheques. Cánh quân này chiếm đóng nhiều thành phố và được chính quyền của đảng Xã Hội cách mạng ủng hộ.

Trong các vùng do ngươi Bolshévik kiểm soát đã có 140 cuộc nổi loạn. Các cuộc chống đối nổ ra lớn nhất vào mùa Hè năm 1918. Nguyên nhân của các cuộc nổi loạn là chính sách cưỡng bách trưng thu lương thực của chính quyền cộng sản. Nông dân chống lại các toán trưng thu. Nông dân còn chống lại các biện pháp của chính phủ nhằm hạn chế kinh doanh tư nhân, chống lại lịnh động viên bắt thanh niên gia nhập Hồng Quân. Nông dân kéo đến bao vây, đe dọa và đốt phá các trụ sở của Xô Viết địa phương, tại các làng xã ở gần họ.

Các toán công an bảo vệ trụ sở nhà nước nổ súng ào đám đông nông dân để giải vây. Các cuộc đụng độ càng ngày càng gia tăng.

Chính quyền Bolshévik cho rằng Bạch quân chủ mưu, hướng dẫn các cuộc gây rối chống nhà nước.

Ngày 9 tháng 8 năm 1918, trong bức thơ trả lời cho chủ tịch Ủy ban nhân dân Sô Viết thành phố Nijni-Hogorod về các cuộc chống đối của nông dân, Lenine viết: Các đồng chí hãy thành lập ngay bộ chỉ huy bộ ba gồm có Đồng chí, Markin và một đồng chí khác. Các

đồng chí phải thi hành ngay lịnh khủng bố quần chúng. Xử bắn hay bắt bỏ tù gái mãi dâm, các cựu sĩ quan Bạch quân. Hãy mở các cuộc lục soát càng nhiều càng tốt. Phải hành động quyết liệt. Bắn tại chỗ những ai đi ngoài đường có mang theo vũ khí. Lưu đày các phần tử thuộc nhóm Menshévik và các phần tử tình nghi.

Ngày hôm sau, 10 tháng 8 năm 1918, Lenine cũng gởi công lịnh cho viên chủ tịch Ủy ban nhân dân Sô viết ở Penza. Ông viết:

Đồng chí, Bọn phú nông gây rối loạn tại 5 khu vực thuộc phạm vi kiểm soát của đồng chí. Đồng chí phải thẳng tay triệt hạ. Vì quyền lợi của cách mạng, đồng chí phải cương quyết thi hành. Khắp nơi, các cuộc chiến cuối cùng tiêu diệt bọn cường hào phú nông đã bắt đầu. Hãy tịch thu tất cả thóc lúa dự trữ của họ. Tìm bắt các tên mà tôi đã nêu lên ngày hôm qua. Các đồng chí phải làm thế nào để các làng ở xa hàng trăm cây số ai ai cũng đều nghe biết, để họ khiếp sợ. Họ sẽ truyền miệng với nhau rằng người Bolshévik giết chết các cường hào địa chủ và sẽ tiếp tục xử bắn những ai bị nghi là những kẻ khát máu. Hãy gởi điện văn cho tôi biết khi nào đồng chí cho thi hành chỉ thị này.

Ký tên Lenine.

Ghi chú: hãy tìm thêm các phụ tá cứng rắn.

Nếu đọc kỹ các phúc trình của các toán công an về các cuộc nổi loạn trong mùa hè 1918, chỉ có các vụ xảy ra ở Iazoslavl, Rybink, và Mouron là do Liên Minh Bảo Vệ Tổ Quốc, dưới quyền lãnh đạo của Boris Savinkov

và công nhân thợ thuyền công xưởng sản xuất vũ khí Ijevsk chủ xướng. Liên Minh chịu ảnh hưởng của hai lực lượng Menshévik và Xã Hội cách mạng địa phương và dường như có chuẩn bị trước. Các cuộc nổi dậy của nông dân bộc phát chống lại các toán trưng thu lương thực, các toán bắt lính. Hồng quân và các toán công an đàn áp thẳng tay. Chỉ có thành phố Iazoslavl dưới quyền chỉ huy của Boris Savinkov là còn cầm cự được 15 ngày. Sau khi thành phố này thất thủ về tay Hồng quân, Dzerjinski gởi một ủy ban đến điều tra. Sau 5 ngày làm việc, từ 24 đến 28 tháng 7 năm 1918, Ủy ban ra lịnh hành quyết 428 người.

Trước ngày thi hành lịnh khủng bố đỏ, ngày 3 tháng 9 năm 1918, các lãnh tụ Bolshévik Lenine và Dzerjinski liên tiếp gởi điện văn đến các các toán công an địa phương chỉ thị họ áp dụng các biện pháp phòng ngừa các cuộc nổi loạn. Theo Dzerinski, một trong các biện pháp hữu hiệu nhất là bắt giữ các con tin trong giới tư sản qúy tộc đã ghi trong các danh sách. Bắt các con tin giam vào các trại tập trung.

Ngày 8 tháng 8, Lenine ra lịnh cho Ủy viên nhân dân phụ trách tiếp tế Tsourioupa thiết lập ở mỗi đơn vị sản xuất ngũ cốc một danh sách gồm có 25 người làm ăn giàu có. Bắt giam họ và cho họ biết, nếu không nạp đủ chỉ tiêu trưng thu thì tính mạng của họ không được an toàn. Ủy viên Tsourioupa không chịu thi hành chỉ thị của Lenine. Ông ta viện cớ các cuộc lùng bắt con tin đang gặp khó khăn. Lenine gởi ngay điện văn thứ hai

giải thích thêm: Tạm thời ngưng vụ bắt giam con tin, nhưng phải quản lý họ tại địa phương. Những người giàu có vì muốn bảo vệ tính mạng nên phải bắt họ chịu trách nhiệm thu góp lương thực trong địa phương. Họ phải hoàn thành công tác góp thu lương thực và giao cho các toán trưng thu.

Ngoài biện pháp bắt giam con tin, các lãnh tụ Bolshévik còn cho thi hành biện pháp trại tập trung.

Ngày 9 tháng 8 năm 1918, Lenine gởi công điện cho Ủy ban nhân dân tỉnh Penza, ra lịnh cho bắt giam vào các trại tập trung tất cả cường hào địa chủ, quân lính Bạch Nga, các Giáo sĩ, các phần tử nghi ngờ chống chính phủ. Vài ngày trước đó, Lenine và Dzerjinski cũng đã đề nghị giam con tin vào các trại tập trung. Các trại tập trung mọc lên ở những nơi Hồng quân đang chiếm đóng.

Trong số những người bị bắt vì tình nghi hay để phòng ngừa, gồm có lãnh tụ của các đảng đối lập còn đang được tự do hoạt động.

Ngày 15 tháng 8, Lenine và Dzerjinski ra lịnh bắt các lãnh tụ nhóm Menshévik. Đó là các ông Martov, Dan, Petresscov và Goldman. Các tờ báo của Mensevich bị đóng cửa. Đảng viên của họ bị loại ra khỏi các chức vụ trong các Ủy ban Sô Viết.

Đối với người Bolshévik, không có ranh giới cho đối lập. Trong thời nội chiến, luật lệ có định nghĩa riêng của nó. Trong thời nội chiến, không có các sắc luật thành văn. Ông Latsis, một thân cận của Dzerjinski

viết trên báo *Izvestia* số ra ngày 23 tháng 8: cuộc nội chiến có những nguyên tắc riêng. Không những nó buộc phải tiêu diệt các tiềm năng đối phương mà nó còn chứng tỏ cho thấy, kẻ nào chống lại trật tự của giai cấp vô sản sẽ bị tiêu diệt ngay. Những người vô sản không cần biết và cũng không dùng các luật lệ do tầng lớp tư sản thiết lập trước đây. Họ đã giết hàng ngàn chiến sĩ của chúng ta. Ngược lại chúng ta giết từng người một, sau khi đưa họ ra tòa án nhân dân. Trong thời kỳ nội chiến, không cần sự hiện diện, hay nói rõ ra không cần tòa án nào cả. Nếu chúng ta không giết họ, thì họ sẽ giết chúng ta. Vậy nếu chúng ta không muốn bị giết, thì chúng ta phải giết họ...

Có hai vụ ám sát xảy ra ngày 30 tháng 8 năm 1918. Một vụ nhắm vào ông M.S. Outriski, chỉ huy trưởng công an thành phố Petrograd và một vụ nhắm vào Lenine. Hai vụ mưu sát làm dao động đảng Bolshévik. Trên thực tế hai vụ mưu sát không có liên hệ gì với nhau. Cuộc ám sát viên chỉ huy công an thành phố Petrograd xảy ra theo truyền thống của các cuộc khủng bố cách mạng bình dân do một nhóm sinh viên trẻ tuổi thực hiện để trả thù cho các bạn đồng khoá của họ vừa mới bị công an hành quyết vài ngày trước đó.

Vụ mưu sát Lenine, mà bấy lâu nay vẫn cứ tưởng là do cô Fanny Kaplan, một nữ lãnh tụ thân cận với nhóm vô chính phủ và nhóm xã hội cách mạng chủ mưu, thực sự do cơ quan công an dàn cảnh để tạo sự kích thích ra mặt của quần chúng. Cô Fanny bị công an bắt và bị

hành quyết không xét xử. Nhưng sự việc xảy ra vượt qua kế hoạch của người tổ chức. Sau vụ mưu sát, chính quyền Bolshévik quy tội cho nhóm Xã hội hữu phái là những kẻ âm mưu và là những phần tử tay sai cho đế quốc Anh Pháp. Liền ngay sau đó, báo chí đăng lời kêu gọi của chính phủ mở mặt trận khủng bố.

Tờ *Sự Thật* số ra ngày 31 tháng 8 năm 1918, đăng lời kêu gọi: Hỡi đồng bào! Đã đến lúc chúng ta phải tiêu diệt bọn tư sản trưởng gia. Nếu không, bọn chúng sẽ tiêu diệt chúng ta. Chúng ta cần tẩy sạch các phần tử ung thối tư sản ra khỏi thành phố. Phải ghi các người này và các thành phần có thể làm nguy hại đến cách mạng vào một quyển sổ đen. Bài hát chính thức của giai cấp thợ thuyền là bài hát kêu gọi hận thù và báo thù.

Trong cùng ngày, Lenine cùng với cộng tác viên Peters kêu gọi giai cấp công nhân với lời lẻ tương tự: Hỡi giai cấp công nhân! các người hãy phát động cuộc khủng bố quy mô và vĩ đại. Bọn tư sản là những con thủy súc phản cách mạng. Tất cả kẻ thù của giai cấp công nhân, khi bị bắt có mang theo vũ khí thì phải xử bắn ngay tại chỗ. Bất kỳ ai có cử chỉ hay lời lẽ nhỏ nào chống lại cách mạng sẽ bị bắt giam và bị đưa vào trại tập trung.

Sau lời kêu gọi này, ngày 3 tháng 9, Ủy viên nhân dân phụ trách công tác nội vụ ông N. Petroski cho đăng một huấn thị trên tờ *Izvestia*. Ông phàn nàn là mặc dù lịnh khủng bố các thành phần chống lại giai cấp công nhân đã ban hành từ lâu, nhưng cho đến nay ở nhiều

nơi vẫn chưa thi hành. Ông viết: Đã đến lúc phải chấm dứt tình cảm yếu đuối. Phải bắt giam ngay các phần tử xã hội cách mạng. Bắt làm con tin tất cả các sĩ quan Bạch quân và tư sản trưởng giả. Nếu họ chống cự, chúng ta đem đi hành quyết tập thể. Cơ quan hành chánh địa phương phải có sáng kiến riêng trong công tác này. Cơ quan công an và quân nhân cách mạng phải phát hiện và bắt giam tất cả các người tình nghi. Cho hành quyết ngay những ai có liên hệ đến các hành động phản cách mạng. Nhân viên hành chánh thẩm quyền địa phương phải phúc trình lên Bộ Nội vụ các việc làm nhu nhược hay mập mờ của các Sô Viết ở địa phương mình. Thái độ lưỡng lự, chao đảo không thể chấp nhận trong khi thi hành công tác khủng bố quần chúng.

Đây là văn kiện chính thức xác nhận tinh thần phát động quy mô chiến dịch KHỦNG BỐ ĐỎ.

Theo lời kêu gọi của Dzerjinski và Peters, cuộc khủng bố đỏ chỉ là kết quả của sự phẫn nộ của quần chúng chống lại hai cuộc mưu sát ngày 30 tháng 8 năm 1918, chớ không phải theo lịnh của chính phủ đưa ra.

Thật ra, khủng bố đỏ chính là do sự căm thù của các cấp lãnh đạo bolshévik đối với những người trước đây đã đàn áp họ. Những người bolshévik sẵn sàng thủ tiêu, không phải từng cá nhân mà cả từng giai cấp.

Trong tập hồi ký của Raphael Abramovitch - một lãnh tụ Menshévik - ông tường thuật lại mẫu đối thoại của ông và ông Dzerjinski hồi tháng 8 năm 1917:

- Abramovitch, anh còn nhớ bài diễn văn của

Lasalle, nói về nguyên thể của hiến pháp không?

- Tôi còn nhớ.

- Ông Lasalle nói rằng, hiến pháp được quy định bởi mối tương quan quyền lực trong xã hội của một quốc gia trong một thời điểm nào đó. Tôi tự hỏi , tương quan nào giữa chính trị và xã hội có thể thay đổi?

- Đó là quá trình phát triển của kinh tế và chính trị với sự phát sinh một hình thức mới về kinh tế, sự nâng cao các giai cấp xã hội như anh biết.

- Như vậy chúng ta thay đổi mối tương quan xã hội này. Ví dụ như bắt một vài giai cấp nào đó phục tùng chính quyền hay thủ tiêu các giai cấp này.

Cách suy tư lô-gích của các lãnh tụ Bolshévik về một cuộc chiến tranh giai cấp là một sự tàn ác, lạnh lùng và vô liêm sĩ.

Tháng 9 năm 1918, một nhân vật cao cấp trong hàng ngũ lãnh đạo Bolshévik, ông Grigori Zinoviev tuyên bố: Để đánh bại kẻ thù, chúng ta phải ra tay khủng bố. Chúng ta phải kéo 90 trong số 100 triệu dân Nga về phía chúng ta. Số còn lại, chúng ta không cần quan tâm. Họ sẽ bị tiêu diệt.

Ngày 5 tháng 9, chính quyền Xô viết chính thức ban hành lịnh KHỦNG BỐ ĐỎ.

Để bảo vệ chính quyền Bolshévik, các toán công an tăng cường hoạt động để chống lại kẻ thù của giai cấp vô sản. Công an bắt giam, cô lập hay xử bắn các phần tử có liên quan đến Bạch Quân, liên quan đến các cuộc chống đối, có mưu toan gây rối loạn, tham gia vào các

cuộc biểu tình,... Tên tuổi của những thành phần bị kết án, xử bắn đều được đăng trên báo kèm theo những lý do hành quyết.

Về sau, Dzerjinski xác nhận: các văn bản ngày 3 và 5 tháng 9 năm 1918 đã hợp thức hoá các hành động thanh toán các phần tử chống đối chúng tôi. Mặc dù có nhiều người phản đối, nhưng chúng tôi có quyền thủ tiêu kẻ thù mà không cần thông báo cho ai cả.

Trong một thông cáo nội bộ ghi này 3 tháng 9, Dzerjinski ra chỉ thị cho tất cả Sô Viết địa phương phải nhanh chóng thủ tiêu các phần tử còn lại. Nhưng các cuộc thanh toán đã diễn ra ngày 31 tháng 8. Trên tờ *Izvestia* số ra ngày 3 tháng 9 cho biết, công an đã giết 500 con tin tại thành phố Petrograd. Trong tháng 8 công an xử bắn 800 người. Trên thực tế, con số này vẫn còn rất thấp so với con số chính thức. Một nhân chứng cho biết, có 1.300 người bị giết chết trong thành phố Petrograd. Đó là chưa kể đến con số thường dân và sĩ quan trong thành phố Konstadt bị giết nhưng không ghi trong hồ sơ lưu trữ. Công an cho đào các hố lớn rồi bắt 400 dân và sĩ quan Bạch quân đứng cạnh hố, bắn từng người.

Ông Peters, cánh tay mặt của Dzerjinski, khi trả lời trên báo *Outo Moskvy*, ông nói rằng: công an của thành phố Petrograd vì quá nhiệt tình và xúc động nên không còn lý trí khi thi hành công tác khủng bố. Trước khi xảy ra vụ mưu sát Ouritski, không hề có vụ hành quyết nào cả. Các ông hãy tin lời tôi. Tôi không phải là

người khát máu như người ta đã gán cho tôi.

Tại thủ đô Mạc Tư Khoa, sau vụ mưu sát Lenine, có vài Bộ trưởng của thời Nga Hoàng bị hành quyết. Theo tờ *Izvestia*, vào ngày 3 và 4 tháng 9, tại thủ đô chỉ có 29 con tin bị hành quyết. Trong số này có hai vị bộ trưởng thời Nga Hoàng, ông N. Khvostov - Bộ trưởng nội vụ và I. Chtcheglovitov - Bộ trưởng tư pháp. Nhưng theo lời khai của những người bị bắt giam, có hàng trăm vụ xử bắn xảy ra trong tháng chín.

Trong thời gian thi hành chiến dịch Khủng bố đỏ, Dzerjinski cho xuất bản tuần báo *Ejenedelnik VCK* - cơ quan phát ngôn của công an Tcheka. Tờ báo công khai ghi công trạng của các toán công an và khuyến khích nhân viên của các toán này hãy báo thù cho số đông quần chúng. Sau 6 tuần lưu hành, Ủy ban trung ương đảng ra lịnh đóng cửa. Nhiều lãnh tụ Bolshévik lên án hành động quá lộ liễu của công an về các vụ công bố các hành động quá dã man trong các cuộc lùng bắt các thành phần đối lập, các trại tập trung hay các vụ hành quyết,...

Chính nhờ tuần báo này mà ngày nay người ta mới biết ít nhất những gì đã xảy ra của chiến dịch KHỦNG BỐ ĐỎ trong tháng 9 và 10 năm 1918.

Ngày 31 tháng 8 năm 1918, thi hành lịnh của Nicolas Boulganine, công an Tcheka của thành phố Nijini-Novgord bắt nhốt 700 người và đem xử bắn 141 con tin. Ông Boulganine sau này làm chủ tịch Cộng Hòa Liên Bang Xô Viết từ năm 1954 đến 1957.

Tại thị trấn Viatka, công an địa phương vùng Ouralsau khi rút khỏi thành phố Ekateringbourg, ra lịnh giết chết 23 cựu hiến binh, 154 người phản cách mạng, 8 người vô chính phủ và 10 đảng viên Menshévik khuynh tả. Toán công an khu vực Ivan Voznessenk bắt giam 181 người. Cho hành quyết 25 người thuộc thành phần chống cách mạng và xây một trại tập trung chứa chừng 1000 người. Trong thị trấn nhỏ Sebejsk có 16 điền chủ và một Linh Mục bị bắn chết. Vị Linh Mục bị bắn vì đã làm lễ cầu nguyện cho Nga Hoàng II.

Tại Tver, Công an bắt giam 130 và bắn chết 39 người.

Ở vùng Perm có 50 người bị giết,...

Chúng ta cò thể đọc một danh sách dài đầy tang tóc và đau thương trong tuần báo Ejenedelnik phát hành suốt trong 6 tuần lễ.

Mùa Thu 1918, trên các báo đều có ghi lại hàng ngàn các cuộc hành quyết. Như tờ *Izvestia Tsaritsynskoi Goubtcheka*, tiếng nói của nhân dân vùng Tsarytsine, đăng tin vụ thảm sát 103 người trong tuần lễ từ 3 đến ngày 10 tháng 9 năm 1918.

Tờ *Izvestia Penzenskoi Goubtcheka*, cơ quan phát ngôn vùng Penza, loan tin không lời bình luận: Vụ ám sát đồng chí Egorov, một công nhân cư ngụ tại thành phố Petrograd trong lúc công tác trưng thu lương thực và vụ hành quyết 152 Bạch quân là do lịnh của công an địa phương. Bất kỳ ai có mưu đồ chống lại lực lượng võ trang chuyên chính vô sản đều bị trừng phạt gắt gao.

Các bản phúc trình mật của công an địa phương gởi

về Trung ương vừa mới công khai cho phép tham khảo, cho thấy các vụ đàn áp dã man đã diễn ra khi nông dân phản đối lịnh trưng thu lương thực hay chống lại lịnh bắt lính của nhà nước. Dưới tội danh các cuộc nổi loạn của bọn địa chủ phản cách mạng, nông dân bị đàn áp liên tục, dã man và đẫm máu trong suốt mùa hè 1918.

Không thể tìm ra con số chính xác nạn nhân của cuộc khủng bố đỏ đầu tiên. Một trong những thủ lãnh chính trong ngành công an là ông Latsis, đã tiết lộ, trong sáu tháng sau cùng của năm 1918, công an đã giết 4.500 người. Ông ta nói một cách vô liêm sĩ: người ta lên án các toán công an và các công tác quá hăng say của họ. Nhưng thật ra các thành viên của cơ quan công an Tcheka chưa thi hành đứng đắn và chưa thi hành tối đa các hình phạt tử hình. Phải dùng bàn tay sắt để giảm bớt nạn nhân.

Cuối tháng 10 năm 1918, ông Iouri Martov, một lãnh tụ khác của ngành công an, ước lượng con số nạn nhân do công an thủ tiêu là 10.000 người. Chúng tôi nghĩ rằng con số chính xác có thể lên tới 15.000.

Cuộc khủng bố đỏ rõ ràng là phương tiện của nhà nước Bolshévik dùng để tiêu diệt tiềm năng phản kháng của các lực lượng chống đối. Trên thực tế nó là một hình thức nội chiến, dùng các phương tiện giết người không nương tay như Latsis thường nói: Nội chiến có luật chơi riêng của nó. Biến cố xảy ra tại công xưởng sản xuất vũ khí Motolivikha là một vụ điển hình. Công nhân của

công xưởng vũ khí đình công để phản đối chính sách phát thẻ tiếp tế lương thực dựa trên giai cấp xã hội và phản đối sự lạm quyền của công an địa phương. Nhà nước ghép công nhân vào tội phá rối và không chịu nói chuyện với công nhân. Nhà nước ra lịnh đóng cửa công xưởng, sa thãi công nhân và bắt giam ban tổ chức đình công. Trong suốt mùa hè năm đó, chính quyền Bolshévik cho thi hành chính sách này.

Đến mùa thu, ngành công an tái tổ chức và phân chia công tác tích cực hơn. Dựa vào các lời khen thưởng của Trung ương, công an địa phương càng hăng hái tiến xa vào công tác đàn áp. Họ ra lịnh thủ tiêu 100 công nhân tham dự đình công.

Nếu đem con số người bị công an Bolshévik giết chết 10.000 trong hai tháng so với nạn nhân do chế độ Nga Hoàng thủ tiêu, thì chúng ta sẽ thấy rõ sự cách biệt trong chính sách đàn áp của hai chính quyền.

Chúng tôi xin nhắc lại, từ năm 1825 đến năm 1917, các toà án thời Nga Hoàng xử tử 6.321 người kể cả các tù chính trị bị xét theo quân luật. Cao điểm là cuộc nổi loạn năm 1905. Có 1.310 vụ bị kết án tử hình và bị hành quyết vào năm 1906. Suốt gần một thế kỷ -92 năm- Nga Hoàng xét xử có bản án, có điều tra và có luật sư biện hộ, chỉ bằng một phần ba hay một nửa con số nạn nhân của chính quyền Bolshévik xảy ra trong hai tuần lễ đầu của năm 1918. Không phải bản án nào dưới thời Nga Hoàng cũng bị hành quyết. Một số tội

phạm được hưởng giảm án tử hình và chuyển sang chung thân khổ sai.

Nhưng những hình thức kết án trong chế độ cộng sản còn đi xa hơn con số nạn nhân. Việc đặt ra các cấp hạng kết tội mới như: bị tình nghi, kẻ thù của nhân dân, tòa án cách mạng, toà án nhân dân, thi hành biện pháp phòng ngừa,... là những lịnh hành quyết không cần xử án. Có cả hàng trăm, hàng ngàn người bị các toán công an chính trị bắt giữ. Các toán công an này hoạt động trên cả pháp luật nhà nước.

Diễn tiến các cuộc cách mạng xảy ra ngoài dự tính của nhóm người Bolshévik. Các cuộc bút chiến trong tháng 10 giữa các lãnh tụ Bolshévik về vai trò của ngành công an chính trị đã nói rõ lên sự kiện này. Trong lúc Dzerjinski phải dấu tên đi Thụy sĩ chữa bịnh, vào ngày 25 tháng 10 năm 1918, Ủy ban trung ương nhóm họp để bàn về cơ chế tổ chức và vai trò của ban công an Tcheka. Các đảng viên lão thành như Bonkharine, Olminski và Ủy viên bộ nội vụ Petrovski chỉ trích hành động đứng trên chính quyền của ngành công an. Họ đưa ra các biện pháp chế ngự và giảm quyền hành của công an, mà theo họ là những tên giết người, bạo dâm và là những phần tử bần cùng trong ngành công an. Trung ương thành lập một Ủy ban kiểm soát. Ông Kamenev, một nhân vật đòi hủy bỏ ban công an chính trị Tcheka, được bổ nhiệm làm chủ tịch ủy ban kiểm soát. Nhưng chẳng bao lâu, các ủy viên thuộc ban công an Tcheka chiếm ưu thế trong ủy ban kiểm soát. Nhóm

này củng cố lại uy thế của công an. Vai trò lãnh đạo của ủy ban kiểm soát trở lại trong tay của Dzerjinski, Sverdlov, Staline, Trotski và cả Lenine nữa.

Ngày 19 tháng 12 năm 1918, thể theo lời yêu cầu của Lenine, Ủy ban trung ương đảng Bolshévik đưa ra một nghị quyết cấm tất cả báo chí đăng các bài chỉ trích các cơ quan của đảng và nhà nước, kể cả ban công an chính trị Tcheka. Bởi vì các cơ quan này đang thi hành những nhiệm vụ khó khăn. Như vậy là xong. Lực lượng chuyên chính vô sản đã được thừa nhận hoạt động hợp pháp, hành động đúng. Như có lần Lenine nói: Một nhân viên công an chính trị Tcheka giỏi là một người cộng sản tốt.

Đầu năm 1919, Dzerjinski đề nghị thành lập một chi bộ đặc trách an ninh quân đội. Ngày 16 tháng 3 năm 1919 Dzerjinski được bổ nhiệm vào chức vụ Ủy viên nhân dân đặc trách Bộ nội vụ. Dưới sự hướng dẫn của ban công an chính trị Tcheka, Dzerjinski phân phối các dân quân vệ binh, các binh đoàn và các lực lượng hỗ trợ quân đội vào các cơ quan hành chánh. Tháng 5 năm 1919, tất cả các đơn vị phục vụ hỏa xa, phụ trách tiếp vận và tiếp tế lương thực,... cùng có chung một danh xưng. Đó là Lực Lượng Đặc Biệt Bảo Vệ An Ninh Nội Chính. Quân số của Lực lượng này trong năm 1921 lên đến 200.000 người.

Lực lượng có nhiệm vụ canh gác các trại tập trung, các yếu điểm chiến lược quân sự, các ga xe lửa, các cuộc hành quân truy lùng và trưng thu tài sản, đàn áp các

cuộc biểu tình, chận đứng các cuộc bạo động chống đối nhà nước,... Với quân số 200.000, lực lượng đặc biệt bảo vệ an ninh nội chính là một bộ phận đáng kể trong quân đội Hồng quân. Mặc dù trên giấy tờ Hồng quân có tới 3 hay 4 triệu quân, nhưng hầu như đã tan rã. Số lính đào ngũ quá cao, khó có thể huy động trên 500.000 người.

Một trong những công tác đầu tiên của Ủy viên nhân dân đặc trách Bộ nội vụ là cứu xét lại quy chế tổ chức các trại tập trung thành lập từ năm 1918 nhưng tới nay chưa có căn bản pháp lý. Nghị quyết ký ngày 15 tháng 4 năm 1919 phân trại tập trung ra làm hai loại: trại cưỡng bách lao động dành cho các tội nhân đã bị kết án; trại thứ hai dành cho những người bị bắt làm con tin. Nhưng sự phân chia chỉ có tên giấy tờ mà thôi. Theo chỉ thị đề ngày 17 tháng 5 năm 1919, mỗi tỉnh phải thành lập một trại tập trung chứa ít nhất 300 tù nhân. Theo chỉ thị này, tù nhân được chia ra làm 16 loại. Gồm có: tư sản trưởng giả, công chức chế độ cũ, hiệu trưởng các trường trung học, các luật sư của Toà án, Xã trưởng và phụ tá, Quận trưởng, Tỉnh trưởng, các thành phần ăn bám xã hội, gái mãi dâm, ma cô, lính đào ngũ, tù binh,...

Con số bị bắt vào trại tập trung và vào các trại cưỡng bách lao động càng ngày càng nhiều.

Trong năm 1919, con số tù cải tạo là 16.000. Vào tháng 9 năm 1921 con số này lên đến 70.000, chưa kể đến con số người bị bắt vì nổi dậy chống chính quyền.

Riêng tỉnh Tambov, vào mùa hè 1921 đã có 50.000

người thuộc gia đình của những người bị bắt làm con tin vì có dính líu đến những phần tử mà họ gọi là những tên ăn cướp.

50.000 tù nhân này được đưa vào 7 trại tập trung do những toán đang thi hành công tác trưng dụng và đàn áp các cuộc chống đối quản lý.

CHƯƠNG 4
CUỘC CHIẾN BẢN THỈU

Dưới cái nhìn tổng quát, một số phân tích gia cho rằng cuộc chiến tranh ở Nga là cuộc nội chiến giữa phe Bolshévik Đỏ và phe Bảo Hoàng Trắng.

Nhưng trên thực tế, ngoài các cuộc giao chiến giữa hai phe Hồng Quân và Bạch quân ra, vấn đề quan trọng là những gì xảy ra ở hậu tuyến sau khi chiến tuyến di chuyển về phía trước. Đặc điểm của những diễn biến ở hậu phương là các cuộc đàn áp bằng vũ lực tại những nơi mà Hồng quân hay Bạch quân chiếm đóng.

Tại các vùng do Hồng Quân kiểm soát, các cuộc đàn áp được tổ chức có phương pháp và rất quy mô. Đối tượng là quần chúng của mọi tầng lớp. Đặc biệt đối với lãnh tụ của các đảng phái chính trị hay các đoàn thể

chống đối, các công nhân đình công đòi hỏi yêu sách, các người trốn quân dịch, lính đào ngũ. Đơn giản hơn nữa là các công dân thuộc các giai cấp xã hội bị tình nghi thù địch với cái tội là đã sinh ra và lớn lên trong các thành phố của phe đối nghịch nay được tái chiếm.

Điểm quan trọng của cuộc nội chiến là cuộc đương đầu của hai phe trước hàng triệu nông dân, lính đào ngũ, bất phục tùng. Họ là yếu tố quyết định thành hay bại của cuộc chiến cho cả Hồng Quân lẫn Bạch quân.

Suốt trong mùa hè 1919, những người nông dân đã nhiều lần nổi lên chống chính quyền Bolshévik ở các vùng trung lưu sông Volga, sông Don và trên toàn vùng Ukraine. Nhờ các cuộc nổi loạn này, Đô đốc Koltchak và Tướng Denikime đã phá vỡ hằng trăm cây số sâu vào chiến tuyến của Bolshévik. Nhưng sau đó vài tháng, Koltchak đã tính toán sai lầm khi ông quyết định trao trả ruộng đất lại cho các địa chủ. Nhóm nông dân vùng Tây Bá Lợi Á kịch liệt chống lại quyết định của Koltchak. Vì thế Bạch quân dưới quyền chỉ huy của Đô Đốc Koltchak thất trận.

Các cuộc hành quân của Bạch lẫn Hồng quân chỉ diễn ra từ cuối năm 1918 đến đầu năm 1919, nghĩa là chỉ hơn một năm, trên thực tế không phải là cuộc nội chiến. Đó là các cuộc chiến vô cùng bẩn thỉu với mục đích là đè bẹp các thế lực của nông dân nổi dậy ở những vùng họ chiếm đóng. Ở các vùng đất do Bolshévik kiểm soát, đã diễn ra các cuộc đấu tranh giai cấp, chống lại lớp người giàu có, các phần tử mà họ cho là xa lạ với

xã hội, truy lùng lãnh tụ của các phe đối lập, đàn áp những người đình công, tấn công những đơn vị Hồng quân bị nghi ngờ tiếp tay trong các cuộc nổi dậy của nông dân.

Trong các vùng do Bạch quân chiếm đóng, những người bị tình nghi gốc Do Thái thân Bolshévik bi truy nã gắt gao. Không phải chỉ có Bolshévik mới đàn áp. Các cuộc khủng bố trắng đã diễn ra ở vùng Ukraine để tàn sát những người Do Thái xảy ra vào mùa hè 1919 dưới quyền chỉ huy của Tướng Denikine và các lực lượng võ trang Petioura. Họ đã giết lối 150.000 người Do Thái. Những nhà nghiên cứu nhận định rằng không thể đánh giá các cuộc khủng bố đỏ cũng giống như đánh giá các cuộc khủng bố trắng. Cuộc khủng bố đỏ được tổ chức có hệ thống, có phương pháp, có suy tính kỹ lưỡng và được thi hành trước khi xảy ra cuộc nội chiến. Nó được lý thuyết hóa để chống lại tất cả mọi tầng lớp trong xã hội.

Trong khi đó, cuộc khủng bố của Bạch quân chỉ do các đơn vị ngoài tầm kiểm soát của quân Bạch Nga. Nó không nằm trong kế hoạch hay tính toán của bộ chỉ huy Bạch quân. Các cuộc đàn áp này thường do các toán công an, cảnh sát hay các toán phản gián thực hiện. Tướng Denikine đã nhiều lần lên án các cuộc khủng bố này. Để đối đầu với cơ quan phản gián của Bạch quân, phía Hồng quân đã cho cơ quan tình báo chính trị Tcheka kết hợp với Lực lượng bảo vệ nội

chính cộng hòa lập thành một lực lượng có nhiều đặc quyền và được tổ chức rất chu đáo.

Khó có thể trình bày hết các hình thức khủng bố của cuộc nội chiến. Ở đây chúng tôi chỉ nêu những điểm tiêu biểu về các cuộc đàn áp của nhóm Bolshévik. Tuỳ theo phương pháp thực hiện và tuỳ ưu tiên giải quyết, các cuộc đàn áp đều đã xảy ra trước cuộc nội chiến. Cuộc đàn áp thực sự mở rộng vào cuối mùa hè năm 1919. Chúng tôi chỉ chọn ra đây các sự kiện rõ ràng và xảy ra liên tục theo thời gian để có thể theo dõi từ đầu của chế độ bolshévik:

Các vị lãnh tụ chính trị không thuộc phe Bolshévik, từ những người thuộc phe bảo Hoàng đến các thành phần vô chính phủ.

Các công nhân thợ thuyền đấu tranh cho quyền lợi sơ đẳng của họ, như có việc làm, có cơm ăn, có quyền tự do căn bản và tôn trọng nhân phẩm.

Các nông dân, lính đào ngũ có liên hệ đến các cuộc chống phá chính quyền của lực lượng nông dân, hay các đơn vị Hồng quân nổi loạn.

Các người Cosaques bị coi là thành phần chống chính quyền Bolshévik vì họ thuộc giai cấp riêng biệt của xã hội. Họ bị lưu đày từng khối đông quần chúng. Hiện tượng giải trừ người Cosaque là một điểm báo hiệu cho các cuộc lưu đày của thành phần giàu có cùng với các sắc dân đã diễn ra với mức độ quy mô trong những năm 1930 sau này. Nó nói lên tính liên tục trong chính sách đàn áp của Lenine và Staline.

Các phần tử xa lạ với xã hội, kẻ thù của nhân dân, các thành phần bị tình nghi, các con tin,... bị thủ tiêu, đã từng xảy ra ở các thành phố trước khi người bolshévik rút lui vì Bạch quân tấn công hay khi tái chiếm.

Người ta biết rất nhiều về các cuộc lùng bắt các đối thủ đảng phái chính trị đối lập chống lại chính quyền bolshévik.

Các lãnh tụ có tên tuổi của các đảng phái chính trị thường để lại các chứng từ. Có số còn bị tù đày, có vị lưu vong ra nước ngoài, hiện đang còn sống. Các lãnh tụ gốc nông dân hay công nhân là những thành phần nồng cốt thường bị xử bắn không cần xét xử. Có khi họ bị thanh toán trong các cuộc hành quân truy lùng do tổ chức công an chính trị Tcheka phát động. Điển hình là cuộc đàn áp diễn ra ngày 11 tháng 4 năm 1918 tại Mạc Tư Khoa nhắm vào thành phần vô chính phủ. Họ đã bắn tại chỗ hàng chục người. Các cuộc hành quân truy lùng các thành phần vô chính phủ vẫn tiếp tục mấy năm liền sau đó. Lực lượng gọi là vô chính phủ vừa chống lại chính quyền chuyên chế của Bolshévik, vừa chống lại những người của chính quyền cũ. Như lãnh tụ Makkno gốc nông dân thuộc lực lượng vô chính phủ. Lúc đầu ông hợp tác với Hồng quân để chống lại Bạch quân. Khi thanh toán xong Bạch quân, ông quay ra chống Hồng quân. Họ bị Hồng quân và các toán Tcheka kết tội là các tên lưu manh phá rối và bị xử bắn. Trong số đó có rất nhiều nông dân bị giết. Theo bản thống kê của những người nông dân còn sống sót

bỏ chạy qua Đức hồi năm 1922 cho biết con số người bị bắn lên đến 138 người vào năm 1919 đến 1921. Cho đến ngày 1 tháng giêng năm 1922 có tất cả 608 người bị bắt cầm tù.

Từ mùa hè 1918 cho tới tháng 2 năm 1919, nhóm Xã hội thiên tả vẫn còn là đồng minh của chính quyền Bolshévik nên được đối đãi khoan hồng. Nữ lãnh tụ Spiridonova của phe xã hội cách mạng được phép chủ tọa một phiên đại hội của đảng. Nhưng khi lên án về các vụ đàn áp của các toán công an chính trị Tcheka, bà bị bắt cùng với 210 đảng viên của bà vào ngày 19 tháng 2 năm 1919. Tòa án cách mạng bolshévik kết tội họ là những người điên nên giam họ trong các trung tâm người bịnh tâm thần. Đây là hình thức đàn áp người đối lập chính trị đầu tiên của chính quyền chuyên chế Sô Viết. Bà Maria Spiridonova vượt ngục và tiếp tục bí mật chỉ huy lực lượng xã hội cách mạng thiên hữu. Theo báo cáo của cơ quan công an chính trị Tcheka, trong năm 1919, họ đã phá vỡ 58 tổ chức xã hội cách mạng và năm 1920 phá vỡ 45 tổ chức khác. Trong vòng hai năm này, có tất cả 1.875 người thuộc đảng xã hội cách mạng bị bắt cầm tù. Ngày 19 tháng 3 năm 1919, Djerjinski tuyên bố, ông ta sẽ không phân biệt các Bạch quân thuộc cánh xã hội cách mạng hay thuộc phe Krasnov nữa. Các đảng viên đảng xã hội cách mạng cũng như các thành phần Menshévik sẽ bị bắt giam làm con tin. Họ sẽ bị kết án tùy theo các hoạt động chính trị của các đảng của họ.

Đối với chính quyền bolshévik, đảng xã hội cách mạng luôn luôn là đối thủ chính trị nguy hiểm của họ. Người ta còn nhớ kết quả của cuộc tuyển cử tự do vào tháng 11 và 12 năm 1917. Trong cuộc bầu cử tự do này, đảng xã hội cách mạng thiên hữu đã chiếm đa số tuyệt đối trong Quốc Hội. Ngay sau khi Quốc Hội lập hiến giải tán, đảng xã hội các mạng vẫn còn tham dự chính quyền từ cấp địa phương cho đến Ủy ban hành pháp trung ương Xô Viết. Nhưng đến tháng 6 năm 1919, đại diện của nhóm Xã hội cũng như nhóm menshévik bị đẩy ra khỏi các cơ quan chính quyền. Từ đó các đảng chính trị này kết hợp với nhau thành lập đơn vị chính quyền tạm thời tại Samara và Omsk. Nhưng chẳng bao lâu họ cũng bị Đô đốc Bạch quân Koltchak giải tán. Đứng giữa hai thế lực Hồng và Bạch quân, các tổ chức chính trị của nhóm Menshévik cũng như nhóm cách mạng xã hội không chọn được con đường chính trị nào để hoạt động. Hơn thế nữa họ còn bị các tổ chức xã hội đối lập khác xâm nhập, phá hoại, trở nên yếu thế.

Ngày 20 tháng 3 năm 1919, khi Bạch quân tấn công, chính quyền Bolshévik cho phép nhóm Xã hội cách mạng tái bản tờ báo của đảng dưới cái tên *Dân Quyền - Delo Naroda*.

Ngày 31 tháng 3, cơ quan công an chính trị Tcheka mở cuộc bố ráp tìm bắt các phần tử của nhóm xã hội cách mạng và menshévik, mặc dù họ được phép hoạt động. 1.900 đảng viên của hai đảng này bị bắt tại

Mạc Tư khoa và tại các thành phố Toula, Somolensk, Voronej, Penza, Samara và Kostroma.

Ngày 28 tháng 8 năm 1918, Lenine viết một bài báo đăng trên tờ *Sự Thật - Pravda*, kết án nhóm xã hội cách mạng và Menshévik là những tên tay sai của Bạch quân, địa chủ và tư bản. Liền sau đó, cơ quan công an chính trị Tcheka bắt giam 2.380 người.

Ông Victor Tchernov, vị chủ tịch Quốc Hội một ngày, nhân các thợ xếp chữ tổ chức lễ đón chào phái đoàn nhân công Anh ngày 23 tháng 5 năm 1920 đã giả dạng lên diễn đàn tố cáo hành động lố bịch của chính phủ và cơ quan Tcheka. Sau đó chính quyền chuyên chế truy lùng ông và những đảng viên xã hội khác. Tất cả gia đình ông bị bắt giữ làm con tin.

Trong một bản tin nội bộ của cơ quan Tcheka đề ngày 1 tháng 7 năm 1920 có ghi những lời đểu cáng như sau: Nếu không cho họ hoạt động công khai, thì họ sẽ hoạt động bí mật. Và như vậy rất khó kiểm soát. Tốt hơn hết là để cho họ hoạt động bán hợp pháp. Muốn bắt họ lúc nào cũng được, và nhất là cho người trà trộn vào để chỉ điểm các cán bộ nòng cốt của tổ chức họ. Đối với các đảng chống Xô Viết, làm như vậy chúng ta dễ kiểm soát. Khi muốn bắt chúng ta chỉ cần kết tội như gây chia rẽ, tạo rối loạn, loan các tin thất thiệt,... Lợi dụng tình hình nội chiến, chúng ta ghép họ vào các tội phản động, phản cách mạng, phản tổ quốc, lũng đoạn hậu phương, làm gián điệp cho địch.

Đầu năm 1918, đảng Bolshévik, nhân danh giai cấp

công nhân đứng lên cướp chính quyền, đã mở các cuộc đàn áp lại công nhân. Các cuộc đàn áp kéo dài đến năm 1919, 1920 và đạt cao điểm vào năm 1921. Điển hình nhất là cuộc đàn áp công nhân đình công biểu tình ở thành phố Kronstad. Từ đầu năm 1918, công nhân Mạc Tư khoa đã biểu lộ sự nghi ngờ của họ đối với chính quyền Bolshévik.

Ngày 2 tháng 7 năm 1918, công nhân tổ chức đình công nhưng thất bại. Đến tháng 3 năm 1919 chính quyền Bolshévik bắt giam một số lãnh tụ đảng xã hội cách mạng. Trong đó có bà Maria Spidonova. Mới trước đó bà được các nhân công nghinh đón khi bà đến viếng các công xưởng trong thành phố Petrograd. Các cuộc lùng bắt tiếp tục diễn ra trong lúc tình hình đang căng thẳng vì các cuộc đình công, chống đối.

Ngày 10 tháng 3 năm 1919, nhân một kỳ đại hội của công nhân công xưởng Poutilov, 10.000 công nhân đã đọc tuyên cáo long trọng lên án chính quyền Bolshévik. Họ cho rằng chính quyền Bolshévik là chính quyền độc tài Cộng sản, cai trị bằng các toán công an chính trị Tcheka và các toà án cách mạng. Bản tuyên cáo đòi hỏi trao quyền lại cho các Xô Viết công xưởng; công nhân có quyền tự do chọn ban đại diện; bãi bỏ hạn chế lương thực; được quyền mang thực phẩm mỗi lần 24 ký từ miền quê về thành phố; trả tự do cho những đảng viên các đảng chính trị còn bị giam giữ kể cả bà Maria Spiridonova,..

Để chận đứng phong trào chống đối mỗi ngày một

lớn rộng, đích thân Lenine phải trở lại Petrograd ngày 12 và 13 tháng 3 năm 1919. Nhưng khi Lenine lên diễn đàn trong các công xưởng để nói chuyện, các công nhân không cho ông nói. Họ trương biểu ngữ và phản đối Lenine và Zinoviev. Họ hô khẩu hiệu: đả đảo Do Thái và các ủy viên. Họ đã ghép phong trào bài trừ người Do Thái cùng với bài trừ Bolshévik vào một. Những thiện cảm của họ trong những ngày đầu của cuộc cách mạng tháng 10 giờ đây gần như tiêu tan. Bằng chứng, những lãnh tụ Bolshévik lớn như Trotski, Zinoviev, Kamenev, Rykov, Radek,... đều là gốc Do Thái. Vì thế dưới mắt của quần chúng, có sự trùng hợp giữa Bônsôvich và Do Thái.

Ngày 16 tháng 3 năm 1919, các lực lượng võ trang công an Tcheka tấn công công xưởng Poutilov đã bị lực lượng công nhân thợ thuyền chống trả. 900 công nhân bị bắt và sau đó 200 người trong số này bị hành quyết, tại Schlusselbourg, cách Petrograd 50 cây số. Không hề có phiên tòa nào xét xử họ cả. Và theo luật lệ mới, tất cả công nhân đình công đều bị sa thải. Muốn làm trở lại, họ phải làm bản tự khai là họ đã bị các tên đầu sỏ phản động lạm dụng gây ra tội ác. Từ đó công nhân bị kiểm soát gắt gao. Vào mùa Xuân, cơ quan công an Tcheka tổ chức mạng lưới các tên chỉ điểm trong các công xưởng. Những tên chỉ điểm có nhiệm vụ theo dõi công nhân rồi báo cáo cho cơ quan công an theo tiêu chuẩn lao động cần cù, thành phần phản động hay thành phần lười biếng.

Cũng trong mùa Xuân 1919 cũng đã xảy ra các cuộc đình công và bị đàn áp dã man ở các trung tâm kỹ nghệ Toula, Sormovo, Orel, Briansk, Tver, Ivanovo-Voznessesk, Astrakhan. Họ cùng có một nguyện vọng. Dù được tiếp tế phiếu thực phẩm, nhưng với đồng lương chết đói, họ chỉ có thể mua lối 250 gram bánh mì mỗi ngày. Công nhân đòi hưởng khẩu phần hằng ngày bằng khẩu phần của Hồng quân và của nhân viên thuộc cơ quan công an Tcheka. Ngoài ra, nguyện vọng của họ cũng có tính cách chính trị. Họ đòi bỏ các đặc quyền dành cho Cộng sản; đòi trả tự do cho các tù chính trị; đòi tự do bầu ủy ban thợ thuyền của công xưởng; bãi bỏ tất cả các cuộc trưng binh của Hồng quân; đòi tự do báo chí, tự do tư tưởng,..

Sự kiện vô cùng nguy hiểm cho chính quyền Bolshévik là các đơn vị Hồng quân đóng ở các khu kỹ nghệ Orel, Briansk, Gomel, Astrakhan nổi loạn và đứng về phía công nhân. Dưới khẩu hiệu đả đảo bọn Do Thái và các ủy viên chính trị, các đơn vị Hồng quân nổi loạn chiếm đóng một phần các thành phố. Nhưng sau nhiều ngày giao chiến, lực lượng chính phủ cùng các toán công an võ trang đã tái chiếm. Lại xảy ra các cuộc lùng bắt, đàn áp dã man. Hàng trăm người bị hành quyết. Hàng ngàn công nhân bị sa thải, bị tịch thu thẻ tiếp tế lương thực. Cuộc đàn áp quan trọng nhất xảy ra tại Toula và Astrakhan trong tháng 3 và tháng 4 năm 1919. Chính Dzerjinski có mặt trong các cuộc đàn áp này. Toula là thành phố sản xuất vũ khí cho nước Nga. Vũ

khí này dùng để chống lại các cuộc đình công của công nhân xưởng sản xuất vũ khí. Vào mùa Đông 1918-1919 xưởng đã chế tạo 80% vũ khí cho Hồng quân trên toàn nước Nga.

Trước đó có nhiều vụ bất ổn xảy ra tại Toula. Những tay nghề giỏi trong các hãng xưởng Toula lại là các thành viên của nhóm Menshévik và nhóm Xã hội cách mạng. Đầu tháng 3 năm 1919, các cuộc truy lùng khởi đầu. Hàng trăm thành viên đảng xã hội cách mạng bị bắt đã làm nổ bùng cuộc chống đối. Cao điểm của cuộc nổi loạn xảy ra vào ngày 27 tháng 3 khi công nhân mở cuộc tuần hành đòi tự do và chống đói. Có cả hàng ngàn công nhân và nhân viên hỏa xa tham dự cuộc tuần hành. Ngày 4 tháng 4, Derjinski ra lịnh bắt 800 người cầm đầu cuộc tuần hành. Quân chính phủ dùng vũ lực giải tỏa các công xưởng bị chiếm đóng từ nhiều tuần lễ qua. Công nhân lại bị sa thải. Thẻ tiếp tế không còn giá trị. Nạn đói đang diễn ra. Muốn được cấp phát thẻ tiếp tế để được mua 250 gram bánh mì mỗi ngày thì họ lại phải làm đơn cam kết nếu bỏ sở làm thì sẽ bị kết án tử hình.

Ngày 9 tháng 4, cơ quan Tcheka đem xử bắn 26 người. Ngày hôm sau các hãng xưởng hoạt động trở lại.

Thành phố Astrakhan nằm trên cửa sông Volga, là địa điểm chiến lược then chốt cuối cùng của người Bolshévik để ngăn chận sự liên lạc giữa các toán quân của Đô đốc Koltchak ở phía Đông và cánh quân của Tướng Denikine ở hướng Tây Nam. Tháng 3 năm 1919

xảy ra cuộc nổi dậy và cuộc đàn áp kinh hoàng các cuộc đình công của nhân công thợ thuyền. Khởi đầu vì lý do kinh tế, vì các tiêu chuẩn cấp phát lương thực. Sau đó với lý do chính trị, đòi thả các chính trị phạm. Ngày 10 tháng 3, Trung đoàn 45 có nhiệm vụ đàn áp cuộc biểu tình, nhưng đã quay súng lại và gia nhập lực lượng công nhân thợ thuyền. Họ đập phá trụ sở bolshévik, giết chết nhiều cấp lãnh đạo đảng. Chủ tịch ủy ban quân quản Serge Kirov của thành phố Astrakhan ra lịnh dùng hết mọi phương tiện để tiêu diệt không nương tay những con rận của Bạch quân. Các đơn vị còn trung thành với chính phủ khóa chặt các ngõ vào thành phố, cho truy lùng bắt công nhân và tái chiếm lại thành phố. Vì không đủ chỗ nhốt, họ dùng xà lan chở công nhân và quân nhân, cột vào các cục đá, xô xuống sông Volga cho chết chìm.

Ngày 15 tháng 4, nhà nước mở chiến dịch đánh tư sản. Họ viện lý do, những người tư sản đã xúi giục các cuộc nổi dậy. Trong hai ngày liền, các căn nhà sang trọng của các thương gia, tư sản trong thành phố Astrakhan bị nhà nước tịch thu và đem chủ gia ra bắn. Có lối 600 người bị bắn và 1.000 bị chết chìm. Từ trước đến nay người ta được biết tại thành phố này chỉ có các cuộc đụng độ giữa phe Hồng và Bạch quân. Gần đây, các tài liệu lấy từ trung tâm văn khố cho biết đó là các cuộc tàn sát công nhân tàn bạo, vĩ đại và xảy ra trước các cuộc tàn sát ở thành phố Kronstadt do người Bolshévik chủ trương.

Cuối năm 1919 và bước qua năm 1920, vì phải động viên trên 2.000 công nhân cho chiến trường cho nên đã tạo nên một bầu không khí tồi tệ giữa chính quyền Sô Viết và công nhân. Trotski đề nghị quân sự hoá các cơ xưởng trong kỳ đại hội đảng lần thứ tư tổ chức vào hồi đầu tháng 3. Theo ông, con người vốn lười biếng. Dưới chế độ Tư bản người ta phải làm việc vì để sinh tồn, vì lẽ kinh tế thị trường hướng dẫn nhân công. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, sự hữu dụng của công nhân là nguồn năng lực lao động thay thế cho thị trường. Nhà nước có nhiệm vụ hướng dẫn, xử dụng và chỉ huy công nhân. Công nhân phải tuân theo lịnh như quân nhân trong khuôn khổ một nhà nước công nhân, bảo vệ quyền lợi giai cấp vô sản. Đây là căn bản và hướng đi của công cuộc quân sự hóa các lực lượng lao động. Một số lãnh tụ Bolshévik và nghiệp đoàn chỉ trích quan điểm của Troski. Theo quan điểm này, còn có nghĩa là cấm đình công, cấm đào nhiệm trong thời chiến và tăng cường quyền kiểm soát cho các ban giám đốc các xí nghiệp. Từ nay các nghiệp đoàn và các ủy ban công xưởng lệ thuộc vào sự chỉ đạo của cấp trên. Công nhân không được phép rời nhiệm sở. Họ sẽ bị trừng phạt khi vắng mặt hay đi trễ. Hiện tượng vắng mặt và đi trễ xảy ra thường xuyên trước đây vì công nhân còn phải tìm công việc khác làm thêm để có thể nuôi gia đình. Sự kiểm soát giờ giấc, vì thế gây thêm khó khăn cho công nhân. Họ không kiếm được thêm tiền. Nạn đói đe dọa. Trong bản phúc trình đề ngày 6 tháng 12 năm 1919

của cơ quan công an Tcheka gởi về chính phủ đã viết: nhiều công nhân trong nhiều công xưởng luyện kim ở Mạc Tư Khoa tỏ ra thất vọng và bất mãn. Họ sẵn sàng đình công, bạo động, nổi dậy nếu chúng ta không giải quyết cấp bách vấn đề tiếp tế lương thực.

Đầu năm 1920, mức lương hằng tháng trung bình của công nhân ở thành phố Petrograd là 7.000 đến 12.000 rúp. Với đồng lương này không thể nào so với giá thị trường 700 rúp cho một lít sữa, 3.000 rúp nửa ký thịt heo, 5.000 rúp nửa ký thịt bò. Mỗi công nhân được phân chia một số lượng thực phẩm tùy theo loại hạng.

Cuối năm 1919 ở Petrograd, công nhân làm việc nặng mỗi ngày lãnh 250 gram bánh mì; mỗi tháng được quyền mua 250 gram đường, 1 ký cá khô và 125 gram dầu ăn.

Trên lý thuyết, công nhân được chia làm 5 loại bao tử lao động. Hạng nhất là các công nhân làm công việc nặng. Kế đến là quân nhân của Hồng Quân. Trí thức được xếp vào hạng ăn không ngồi rồi, không được cấp phát gì cả. Tuy phân chia như vậy nhưng trên thực tế, phức tạp và bất công hơn nhiều. Trong hạng nhân công còn phải chia ra nhiều đẳng cấp. Ưu tiên dành cho các công nhân phục vụ trong các cơ quan thiết yếu cho sự sống còn của chế độ.

Mùa đông 1919-1920, tại Petrograd có tất cả 33 loại phiếu mua thực phẩm. Mỗi phiếu chỉ có giá trị trong một tháng. Với phương pháp tập trung phiếu phân phối thực phẩm, chính quyền Bolshévik đã xử

dụng vấn đề đói và no như là một vũ khí quan trọng để thưởng hay trừng phạt những ai hưởng ứng hay chống lại chính quyền.

Ngày 1 tháng 2 năm 1920, Troski báo cáo cho Lenine biết, phải cắt giảm số lượng bánh của các công nhân không phục vụ để cung cấp thêm cho các công nhân phục vụ cho ngành vận tải. Nếu cần phải bỏ chết đói hàng ngàn người để cứu chế độ, họ sẵn sàng cho chết đói ngay. Trước tình trạng này, những ai còn có thân nhân ở miền quê, họ phải trở về quê để xin thêm thực phẩm. Nhưng con số người có thân nhân ở miền quê rất ít. Chính sách quân sự hóa lao động các công xưởng kể như thất bại. Năng xuất sản xuất rất thấp. Nhiều cuộc đình công, bỏ việc và bạo động xảy ra liên tục, rồi các cuộc đàn áp thẳng tay.

Báo *Sự Thật-Pravda*, số ra ngày 12 tháng 2 năm 1920 cho rằng nhân công đình công là những con muỗi vàng phá hoại. Chỗ đứng của họ là các trại tập trung.

Theo thống kê chính thức của Bộ Lao Động, 77% các công xưởng đủ loại ở Nga đã tham gia vào các cuộc đình công phá hoại trong sáu tháng đầu của năm. Xí nghiệp quan trọng nhất là các xưởng luyện kim, hầm mỏ, hỏa xa vì các nơi này chính sách quân sự hóa được thi hành triệt để. Các phúc trình được coi như là tối mật của cơ quan công an chính trị Tcheka gởi về Trung Ương đã nói rõ các vụ đàn áp công nhân chống lại chính sách của nhà nước. Các công nhân bị bắt vì bị truy tố là những phần tử phá hoại, đào ngũ, rồi bị

đưa ra tòa án cách mạng. Tháng 4 năm 1920, tại thành phố Simbirsk có 12 công nhân phục vụ trong ngành sản xuất vũ khí đã bị Tòa án Cách mạng buộc tội đình công, tuyên truyền chống phá chính quyền Bolshévik. Nếu ta phân tích chính sách Cái lưỡi gỗ, chúng ta có thể biết các công nhân đã ngưng làm việc khi họ chưa được phép. Họ chống đối ban giám đốc khi bị bắt buộc đi làm thêm vào ngày chủ nhật. Họ cũng đã tố cáo những người Cộng sản có quá nhiều đặc quyền, tố cáo tiền lương quá thấp.

Ngày 29 tháng giêng năm 1920, các cuộc đình công lan tràn đến các vùng Tây Bá Lợi Á. Lenine gởi điện văn cho Smirnov, chỉ huy trưởng ủy ban quân sự cách mạng quân khu 5 và khuyến cáo: P. đã báo cáo cho tôi hay, công nhân ngành hỏa xa phá hoại và công nhân vùng Ijevsk cũng gây nổi loạn. Tôi lấy làm ngạc nhiên tại sao đồng chí chấp nhận sự việc như vậy. Tại sao đồng chí không ra lịnh đàn áp các vụ phá hoại...

Vào năm 1920, do chính sách quân sự hóa lao động, tại vùng Ekaterinbourg đã xảy ra nhiều vụ đình công. Có 80 nhân công bị bắt hồi tháng 3 và bị giam trong các trại tập trung. Trong tháng 4 có 100 nhân viên hỏa xa phục vụ trên đường xe lửa Riazan - Oural bị kết án. Tháng 5, trên đường xe lửa Mạc Tư Khoa - Koursk 120 nhân viên. Xưởng luyện kim Bransk có 152 công nhân bị bắt trong tháng 6. Sự kiện quan trọng hơn hết, đó là vụ đàn áp ngày chủ nhật 6 tháng 6 tại xưởng chế tạo vũ khí Toula. Công nhân xưởng vũ khí từ chối không

chịu làm thêm giờ phụ trội. Họ viện cớ ngày chủ nhật là ngày duy nhất để họ trở về miền quê mua thêm thực phẩm. Ban giám đốc nhờ cơ quan an ninh Tcheka đưa nhân viên đến bắt các người thợ. Quân luật được thi hành tại xưởng. Họ thành lập một ủy ban gồm có lãnh tụ đảng, đại diện công an, tố cáo âm mưu chống cách mạng do các tên gián điệp Ba Lan chủ mưu cùng với 100 tên mọi rợ [ám chỉ các thành phần đảng xã hội cách mạng và nhóm Menshévik]. Cuộc đình công lan tràn rất nhanh. Kế hoạch đấu tranh thay đổi. Cả ngàn nhân công cùng với vợ con đến bao vây văn phòng của công an và xin được bắt giam luôn. Họ làm như vậy để chứng tỏ lời buộc tội cho họ chống phá cách mạng là vô căn cứ. Bị phản ứng bất ngờ, các chỉ huy công an địa phương không biết giải quyết bằng cách nào và cũng không biết phải báo cáo làm sao với cấp trên. Một ủy ban hỏi cung đã tra hỏi hàng ngàn nhân công và vợ con họ hầu tìm ra thủ phạm chính. **Muốn được thả ra, được làm việc trở lại và được cấp thẻ lương thực thì nhân công phải làm tờ tự khai với lời lẽ như sau:**

Tôi, ký tên dưới đây là một con chó hôi thúi, phạm tội ác, đã ăn năn trước tòa án cách mạng và Hồng quân. Tôi đã kê khai các tội của tôi. Tôi hứa sẽ làm việc chăm chỉ trở lại.

Không như ở các trung tâm khác, công nhân ở trung tâm Toula chỉ bị kết án nhẹ. 28 người đưa đi trại giam, 200 không cho định cư tại Toula.

Vì thiếu tay nghề nên ban giám đốc phải giữ lại một

số thợ chuyên môn. Việc đàn áp cũng như việc tiếp tế lương thực vì thế cũng tuỳ thuộc vào từng loại công nhân. Mặt trận chống lại công nhân chỉ là một trong những mặt trận nhỏ của cuộc nội chiến. Mặt trận chính của chính quyền Bolshévik chính là mặt trận chống lại lực lượng vũ trang nông dân. Các tài liệu mật ngày nay phơi bày cho chúng ta thấy trận chiến đàn áp đẫm máu, cuộc chiến bẩn thỉu là cuộc chiến của chính quyền Bolshévik tấn công những người lính gốc nông dân. Trong cuộc chiến quyết định giữa người Bolshévik và toàn thể khối nông dân dẫn đến sự hình thành một chính sách khủng bố. Derjinski chê trách nông dân là những người không hiểu biết đâu là quyền lợi vật chất của họ. Ông coi nông dân là những con thú, cần phải dùng súng đạn để chế ngự. Trotski thì cho rằng phải dùng cây chổi sắt để thanh toán họ như đã thanh toán đẫm máu các băng đảng ăn cướp ở Ukraine. Các băng đảng này do các lãnh tụ nông dân và lãnh tụ Nestor Makhno lãnh đạo.

Các cuộc nổi dậy của nông dân bắt đầu từ mùa Hè năm 1918 sang đến mùa Hè 1919. Cuộc nổi loạn mỗi lúc mỗi gia tăng. Cao điểm của nó là vào mùa Đông 1919-1920. Đến lúc này chính quyền Bolshévik thấy nguy nên họ nhượng bộ. Có hai lý do gây nổi loạn. Thứ nhất là vì nhà nước trưng dụng lương thực. Kế đến là lịnh bắt nông dân đi lính.

Tháng giêng 1919, xảy ra các cuộc lùng kiếm lương thực quá bừa bãi. Trung ương cho tái tổ chức. Mỗi tỉnh,

quận, xã, tổ hợp nông dân bắt buộc phải đóng cho nhà nước một số lương thực nhất định và định kỳ từng mùa. Số lương thực này không chỉ riêng ngũ cốc mà còn gồm cả 20 loại khác. Khoai tây, mật ong, trứng gà, bơ, sữa, thịt,... Mỗi tổ nông dân đều phải chịu trách nhiệm giao đủ số lượng lương thực. Chính quyền địa phương chứng nhận và sẽ trao đổi vật dụng do các nhà máy sản xuất, cần dùng cho cuộc sống hằng ngày. Nhưng đến cuối năm 1920, số lượng cung cấp chỉ bằng 15% nhu cầu. Nhà nước chỉ trả một số tiền tượng trưng theo giá quy định của nhà nước. Trong lúc đó đồng rúp mất 96% giá trị.

Từ năm 1918 đến năm 1920 chỉ số trưng dụng lương thực tăng lên gấp 3. Khó mà biết con số chống đối của nông dân có tăng theo tỉ lệ này hay không.

Lý do thứ hai của các cuộc nổi loạn này là số lính đào ngũ trong trận chiến tranh với Đức. Họ gọi đó là cuộc chiến đế quốc. Các quân nhân gốc nông dân rời bỏ hàng ngũ chạy vào các khu rừng, tổ chức thành quân đội xanh, chống lại chính quyền Bônsevich. Có khoảng 3 triệu lính đào ngũ trong hai năm 1919-1920. Các toán công an lùng bắt trở lại khoảng 500.000 quân nhân trong năm 1919. Qua đến năm 1920, các toán công an phối hợp với ủy ban chống đào ngũ, truy lùng và bắt được 700.000 đến 800.000 lính đào ngũ. Một số lính đào ngũ trốn về nông thôn, nơi họ quen biết địa hình nên dễ lẫn tránh, trốn thoát các cuộc truy nã. Trước tình trạng đào ngũ trầm trọng này, chính

quyền phải cho thi hành các biện pháp mạnh. Họ xử bắn hàng ngàn lính đào ngũ và bắt thân nhân của các quân nhân này giữ làm con tin. Chính sách bắt làm con tin được áp dụng từ mùa hè năm 1918. Theo lịnh của Lenine ký ngày 15 tháng 2 năm 1919, các toán công an địa phương bắt các con tin đi quét tuyết trên các đường xe lửa. Nếu không thi hành chu toàn, công an có quyền đem họ ra xử bắn.

Ngày 12 tháng 5 năm 1920, Lenine ra chỉ thị cho các ủy ban cách mạng tỉnh phải chống lại việc đào ngũ. Các quân nhân đào ngũ được gia hạn một tuần lễ để ra trình diện. Bất kỳ ai giúp đỡ hay che chở các đào binh đều bị kết án như là những con tin và sẽ bị trừng phạt. Tuy vậy, mức độ đào ngũ cũng không thuyên giảm. Cuộc chiến dẹp quân đào ngũ đã diễn ra rất tàn ác, gay go, đẫm máu và kéo dài có nơi đến 4, 5 năm.

Ngoài lý do bị trưng thu tài sản, bị bắt đi lính, giới nông dân còn cho rằng các ủy viên cộng sản là những người ngoại lai. Cán bộ cộng sản đã xâm phạm vào quyền lực nội bộ của địa phương. Họ lý luận đơn giản rằng chính sách tịch thu lương thực của cộng sản khác với chính sách cải cách điền địa của người Bolshévik năm 1917. Ở nông thôn, sau các hành động bạo tàn của Bạch quân, rồi kế tiếp chính sách trưng dụng của Hồng quân đã làm họ vô cùng khốn khổ.

Ban kế hoạch của cơ quan tình báo công an chia lực lượng võ trang nông dân ra làm hai loại. Loại tổ chức từng nhóm nhỏ vài trăm người và tổ chức định kỳ. Loại

thứ hai đông hơn, có khi lên đến hàng chục ngàn nông dân tham dự. Loại này được tổ chức có kế hoạch, có đường lối chính trị do các lãnh tụ cách mạng xã hội lãnh đạo. Họ có khả năng chiếm đóng các vùng rộng lớn ở nông thôn cũng như ở thành phố.

Đầu tháng 4 năm 1919, lính đào ngũ và nông dân nổi dậy chống chính sách của nhà nước về việc bắt lính, thu mua lương thực và trưng dụng tài sản tại vùng Lebiadinski thuộc tỉnh Tambov. Họ trương khẩu hiệu Đả đảo cộng sản! Đả đảo Sô Viết. Dùng vũ lực, các toán nông dân phá 4 trụ sở Uỷ ban hành chánh cách mạng và dùng cưa, cưa 7 cán bộ cộng sản cho đến chết. Lực lượng tiếp trợ của cộng sản cùng với tiểu đoàn 212 công an đến dẹp tan nhóm nông dân nổi loạn. 60 người bị bắt và 50 người bị bắn tại chỗ. Khu hoàn toàn bị phá hủy.

Ngày 11 tháng 6 năm 1919, vào lúc 16 giờ 15, tỉnh Voronej báo về trung ương: Tình hình trở lại bình thường. Cuộc nổi loạn ở Novokhopersk đã bị đè bẹp. Phi cơ của chính phủ đã san bằng thị trấn Trechia nơi bọn phản loạn nông dân khởi xướng. Cuộc tảo thanh vẫn còn tiếp tục.

Ngày 23 tháng 6 năm 1919, cuộc nổi loạn của lính đào ngũ ở Volost Petropavlovskaia đã bị đàn áp. Thân nhân của các đào binh bị bắt làm con tin. Khi chúng ta đem một thân nhân ra xử bắn thì đào binh của thân nhân này từ trong rừng ra đầu hàng. Chúng ta đã xử bắn 34 đào binh để làm gương.

Ba bản phúc trình kể trên được lấy ra trong hàng ngàn bản phúc trình khác trong thư khố của cơ quan chính trị công an Tcheka vừa mới cho phép công chúng tham khảo. Điều này đã nói lên sự kinh hoàng trong trận chiến của chính quyền Bolshévik chống lại giới nông dân. Phương cách của chính quyền cộng sản áp dụng là bắt thân nhân của những người lính nông dân đào ngũ đem đi xử bắn và dùng phi cơ san bằng nhà cửa, làng xóm của nông dân. Bất kỳ ai che chở đào binh đều bị xử bắn, nhà cửa bị tiêu diệt.

Từ ngày 15 tháng 10 đến ngày 30 tháng 11 năm 1918, trong 12 tỉnh ở Nga đã xảy ra 44 cuộc nổi loạn loại nhỏ có vài trăm người tham dự. Có 2.320 người bị bắt giam, 620 người bị giết chết và 982 người bị xử bắn. Đồng thời cũng có 480 cán bộ cộng sản và 112 nhân viên của các toán trưng thu bị giết chết.

Trong tháng 9 năm 1919, tổng kết 48.375 lính đào ngũ trong 10 tỉnh của nước Nga. Bị bắt lại 7.325, giết chết 1.826 và đem xử bắn 2.230 người. Phía chính quyền chết 430. Đó là chưa kể con số thương vong của thường dân.

Cao điểm của các cuộc nổi loạn xảy ra ở các thời điểm và tại các vùng khác nhau. Vùng Trung lưu sông Volga và Ukraine vào tháng 3 đến tháng 8 năm 1918. Vùng Samara, Oufa, Kazan, Tambov từ tháng 2 đến tháng 8 năm 1920.

Từ cuối năm 1920 đến giữa năm 1921, nông dân ở các vùng Ukraine, lưu vực sông Don, Kouban, bị đàn

áp nặng nề. Ngọn lửa chống đối của nông dân tàn lụi khi nạn đói khủng khiếp của thế kỷ thứ 20 bắt đầu bao trùm trên toàn nước Nga.

Hai vùng đất phì nhiêu Samara và Simbirk đã cung cấp 1/5 lương thực cho toàn nước Nga vào năm 1918. Và cũng chính nơi này và cũng vào thời điểm này, các cuộc nổi loạn chính thức bùng nổ. Một lực lượng nông dân võ trang với chừng 30.000 tay súng đã chiếm đóng nhiều thị trấn trong một thời gian khá lâu. Chính quyền Sô Viết mất tỉnh Samara. Cuộc nổi loạn này đã giúp cho Bạch quân của Đô đốc Koltchak tiến chiếm vùng Volga. Sau đó Hồng quân đến tiếp viện và đánh bật lực lượng nông dân, tái chiếm tỉnh Sanara. Nông dân đòi bỏ chính sách trưng thu; đòi cho tự do thương mại; đòi tự do bầu cử và đòi chấm dứt giai cấp cai trị của cộng sản.

Ngọn lửa của cuộc nội chiến ở tỉnh Samar vừa tạm lắng xuống, thì tại Ukraine bùng nổ dữ dội. Sau khi ký hòa ước với Đức và quân Đức Hung rút khỏi đất nga vào cuối năm 1918, chính quyền cộng sản dồn nỗ lực đàn áp nông dân Ukraine. Đây là 2 vùng trù phú nhất của nước Nga thời Nga Hoàng. Chính vùng này đã cung cấp thực phẩm nuôi những người vô sản ở Petrograd và Mạc Tư Khoa. Vì phải cung cấp với chỉ tiêu quá cao, cộng thêm vào đó bị quân Đức-Hung tịch thu trước khi rút đi, dân Ukraine không còn đủ lương thực để sống chờ đến vụ mùa năm tới. Dân Ukraine không đủ ăn. Trước đó vùng Ukraine bị tái phân chia đất đai

theo chính sách mới của nhà nước năm 1917, nay lại bị quốc hữu hóa, kế hoạch canh tác thay đổi. Nông dân trở thành người làm công. Họ bất mãn và chống lại chính quyền. Họ học nhiều kinh nghiệm chiến đấu trong thời kỳ bị quân Đức-Hung chiếm đóng.

Đầu năm 1919, Ukraine có chừng vài chục ngàn nông dân võ trang. Các cấp chỉ huy có nhiều kinh nghiệm gốc Ukraine như Simon Petlioura, Nestor Makhno, Hryhoryiv và Zeleny. Họ chủ trương lấy đất cho nông dân, cho tự do thương mại, cho bầu cử tự do các Xô Viết, không bị chi phối bởi những người ở thủ đô Mạc Tư Khoa và những tên Do Thái. Họ coi dân thành phố Mạc Tư Khoa, Bolshévik và người Do Thái là một. Tất cả những thành phần này sẽ bị đuổi ra khỏi Ukraine. Sự kiện này giải thích tại sao các cuộc nổi dậy và đàn áp đã diễn ra trong một thời gian quá lâu giữa những người Bolshévik và lực lương nông dân. Hơn thế nữa, nông dân cũng chống lại Bạch quân vì họ không muốn tái lập chính sách đại điền chủ như xưa.

Cuộc nổi loạn lớn nhất xảy ra hồi tháng 4 năm 1919 chống lại các toán trưng thu nông sản của chính quyền. Có 93 cuộc bạo động xảy ra ở tỉnh Kiev, Tchernigov, Poltava và Odessa. Trong 20 ngày đầu tháng 7, công an ghi nhận có 210 vụ chống đối với trên 100.000 nông dân võ trang và hàng trăm ngàn người dân ủng hộ.

Dưới quyền của lãnh tụ Hryhoryiv có trên 20.000 tay súng mà phần lớn là thuộc các đơn vị Hồng quân ngã về phía nông dân. Với 50 khẩu đại bác, 700 súng

đại liên, họ đã chiếm đóng các thành phố phía nam Ukraine như Tcherkassy, Kherson, Nikolaiev và Odessa trong tháng 3 và tháng 4. Họ thành lập tại các vùng này các cơ quan hành chánh tự trị với khẩu hiệu: Tất cả chính quyền thuộc Sô Viết của dân Ukraine. Đất Ukraine của người Ukraine, không có người Bolshévik cũng không có người Do Thái.

Dưới tay lãnh tụ Zeleny cũng có khoảng 20.000 tay súng, kiểm soát gần hết tỉnh Kiev, ngoại trừ thành phố. Họ tổ chức thanh toán người Do Thái sinh sống trong các thành phố.

Lãnh tụ Nestor Makhno chủ trương tinh thần quốc gia, xã hội và vô chính phủ. Dưới trướng ông phục vụ vài chục ngàn tay súng. Ông chống lại sự nhúng tay của chính quyền vào nội bộ của nông dân. Ông đòi quyền tự trị cho nông dân, dựa trên căn bản các Sô Viết do dân bầu ra.

Hàng trăm cuộc nổi loạn của nông dân đã đóng vai trò quyết định ở hậu phương của Hồng quân. Nhờ đó, Bạch quân của Tướng Denikine mới đạt được một số chiến thắng.

Bạch quân xuất phát từ phía nam Ukraine vào ngày 19 tháng 5 năm 1919. Họ tiến quân mạnh mẽ đánh phá Hồng quân, trong khi lực lượng này đang bận tay đối phó với nông dân.

Ngày 12 tháng 6, Bạch quân chiếm Kharkov; ngày 28 tháng 8 chiếm Kiev và ngày 30 tháng 9 chiếm Voronej.

Trong lúc tháo chạy, Hồng quân ra lịnh giết hàng

loạt các con tin mà họ còn bắt giữ. Khi rút qua các làng mạc có quân du kích nông dân, Hồng quân cũng như lực lượng võ trang công an ra tay tàn phá nhà cửa và đàn áp gắt gao dân chúng địa phương và hành quyết vô số lính đào ngũ.

Đầu năm 1920, trừ một vài đơn vị nhỏ Bạch quân dưới quyền của Tướng Wrangel đang ẩn núp trong vùng Crimée, toàn thể Bạch quân đều tan rã. Cuộc chiến bấy giờ chỉ là các cuộc đụng độ giữa nông dân và Hồng quân cho đến cuối năm 1922.

Trong tháng 2 và tháng 3 năm 1920 xảy ra cuộc nội loạn lớn từ vùng sông Volga đến Oural trong các tỉnh Kazan, Simbirsk và Oufa. Trong vùng này có các sắc dân Nga, dân lấy tên đạo quân con Ó Đen với quân số trên 50.000 người. Lực lượng chính phủ dùng súng đại liên càn quét những chiến sĩ Ó Đen trong tay chỉ trang bị chỉa ba hay gậy gộc. Chỉ trong vài ngày, hàng ngàn nông dân nổi loại bị giết, hàng trăm nhà rụi.

Sau vụ đàn áp mau lẹ lực lượng nông dân chỉa ba, cuộc nội loạn lan tràn xuống các vùng dọc sông Volga, rồi đến vùng Tambov, Penza, Samara, Saratov và Tsaritsyne. Lãnh tụ Bolshévik, Tướng Anton-Ovssenko, chỉ huy các cuộc đàn áp nông dân vùng Tambov xác nhận chương trình trưng thu năm 1920-1921 sẽ dẫn đến nạn đói lớn. Các toán trưng thu chỉ để lại cho mỗi người khoảng 16 ký lúa mì, 24 ký khoai tây sống trong một năm. Với số lượng thực này họ chỉ có thể sống trong một năm. Nó khởi đầu cho cuộc chiến đấu sống

còn của nông dân từ mùa hè năm 1920. Cuộc đấu tranh diễn ra liên tục và kéo dài trong hai năm.

Cuộc đấu tranh lớn thứ ba diễn ra trong vùng Ukraine giữa chính quyền và nông dân trong năm 1920. Hồng quân đánh bại Bạch quân và tái chiếm các thành phố của Ukraine từ tháng 12 năm 1919 đến tháng 2 năm 1920. Nhưng nông thôn vẫn còn trong tay nông dân. Khác với toán quân Ó Đen, lực lượng nông dân này phần lớn là lính đào ngũ có mang theo vũ khí tối tân dưới quyền lãnh đạo của Tướng Makhno. Vào mùa hè năm 1920, quân số lên đến 15.000 trong đó có 2.500 kỵ binh. Họ có 100 khẩu đại liên, 20 súng đại bác và 2 xe thiết giáp. Họ tổ chức thành hàng trăm nhóm từ vài chục đến vài trăm tay súng. Họ mãnh liệt chống lại các cuộc tấn công của quân chính phủ.

Chính quyền Bolshévik vào đầu tháng 5 năm 1920 bổ nhiệm ông Felix Dzerjinski làm tư lệnh chiến trường hậu tuyến Đông nam. Cũng nên biết, ông Dzerjinski là chỉ huy trưởng lực lượng công an chính trị Tcheka. Ông ở lại Kharkov hai tháng để tổ chức 24 đơn vị An ninh nội chính đặc biệt của cộng hòa Nga. Đơn vị này bao gồm các toán kỵ binh và các phi đội có khả năng săn đuổi các tổ chức nổi loạn. Nhiệm vụ của họ là trong vòng 3 tháng phải giải quyết xong các nông dân chống chính phủ. Trên thực tế, các cuộc hành quân bình định phải kéo dài hơn 2 năm, từ mùa hè năm 1920 đến mùa thu năm 1922. Hàng chục ngàn nông dân cũng như quân chính phủ bị giết chết.

Kế đến là giai đoạn tiêu diệt người Cosaque trú ngụ dọc sông Don và Kouban. Đó là nhóm dân riêng biệt nằm định cư trong một khu vực đặc biệt.

Đây là lần đầu tiên, tân chính quyền thi hành chính sách phân loại, tiêu diệt và lưu đày tập thể đông đảo một sắc dân. Đây không phải là cuộc trả đũa mang tính chất quân sự. Chính sách này đã được hoạch tính từ lâu. Nhiều nghị định hành chính do các nhân vật lớn trong chính quyền Xô Viết ban hành. Như các ông Lenine, Ordjonikidze, Syrtov, Sokolnikov, Reingold.

Năm 1919, chính quyền thất bại trên nhiều mặt trận. Qua năm 1920, Hồng quân tái chiếm các vùng dọc sông Don và Kouban. Chiến dịch tiêu diệt người Cosaque tái diễn tàn bạo và ác liệt hơn lần trước.

Tháng chạp năm 1917 tất cả quy chế họ được hưởng dưới chế độ Nga Hoàng đều bị bãi bỏ. Người Bolshévik xếp dân Cosaque vào loại quân cướp, kẻ thù của giai cấp. Dân Cosaque đồng loạt đứng dưới cờ của lãnh tụ tinh thần Krasnov. Ông ta liên minh với Bạch quân ở phía nam nước Nga vào mùa Xuân 1918.

Mãi đến tháng 2 năm 1919, Hồng quân mới tổng tấn công vào Ukraine và miền Nam nước Nga. Các toán tiền phương của Hồng quân xâm nhập được vùng đất của dân Cosaque dọc theo sông Don. Liền ngay sau đó, Hồng quân cho thi hành một số biện pháp, nhằm tiêu diệt các đặc tính của dân vùng này. Họ tịch thu ruộng đất sở hữu của người Cosaque phân chia cho các người

khai hoang gốc Nga, là những người không được hưởng quy chế của người Cosaque. Họ ra lịnh dân Cosaque phải giao nạp vũ khí. Không thi hành mệnh lệnh bị tử hình. Hội đồng hàng tỉnh, hội đồng điền địa bị giải tán và đặt ra ngoài vòng pháp luật. Một nghị quyết đã được Bộ chính trị đảng cộng sản bí mật soạn thảo từ ngày 24 tháng giêng năm 1919, nhằm tiêu diệt dân Cosaque: Xét vì cuộc nội chiến chống người Cosaque, vì nhu cầu tối hậu chính trị trong cuộc chiến mất còn, phải áp dụng một cuộc khủng bố toàn diện chống lại các người Cosaque giàu có. Biện pháp tiêu diệt phải được được áp dụng cho tới người cuối cùng.

Reingold, chủ tịch Ủy ban cách mạng vùng sông Don được lệnh phải áp dụng trật tự Bolshévik trên vùng dân Cosaque sinh sống. Ông ta nhìn nhận: chúng tôi có khuynh hướng tiêu diệt toàn bộ người Cosaque, không phân biệt loại nào.

Trong vòng vài tuần lễ, từ 15 tháng 2 đến 15 tháng 3 năm 1919, các toán công an đặc biệt đã bắn chết 8.000 người Cosaque. ơ mỗi thị trấn, chính quyền Bolshévik thiết lập một toà án nhân dân. Họ chỉ cần vài phút kết tội, tuyên án tử hình các phần tử mà họ cho là phản cách mạng. Đứng trước hành động quá tàn bạo này, dân Cosaque chỉ còn có một con đường sống duy nhất là kết hợp với nhau chống lại tân chính quyền. Cuộc nổi dậy bắt đầu ngày 11 tháng 3 năm 1919 tại thị trấn Veshenski. Được tổ chức khéo léo, họ kêu gọi động viên tất cả nam giới tuổi từ 16 đến 55. Họ gởi các điện

văn đến các vùng dọc sông Don, đến các vùng lân cận tỉnh Voronej, kêu gọi dân chúng chống lại Bolshévik. Điện văn viết: Chúng tôi không chống lại các Xô Viết. Chúng tôi đòi hỏi có bầu cử tự do. Chúng tôi chống lại các người cộng sản, các hợp tác xã, các người Do Thái, chính sách trưng thu, các cuộc hành quyết do công an chủ trương.

Vào đầu tháng 4 năm 1919, lực lượng Cosaque lên đến 30.000 chiến sĩ võ trang thiện chiến. Họ tấn công vào phía sau lưng của Hồng quân, trong khi cánh quân này đang giao tranh với các đơn vị Bạch quân của Tướng Denikine ở vùng phía nam của Nga.

Đầu tháng 6, quân Cosaque bắt tay được quân Bạch nga trong vùng sông Don. Dân Cosaque được giải phóng khỏi bàn tay ô nhục của Mạc Tư khoa, của Bolshévik, của Do Thái. Nhưng người Bolshévik lật ngược lại tình thế. Họ phản công mạnh vào tháng 2 năm 1920. Vùng đất của dân Cosaque bị tái chiếm lần thứ hai. Cuộc đàn áp tái diễn với mức độ khủng khiếp hơn lần trước bội phần. Nhà nước Bolshévik ra lịnh trưng thu hàng trăm ngàn tấn nông phẩm. Một con số vượt mức sản xuất của nông dân. Họ ra lịnh tịch thu tất cả dụng cụ, vật dụng, kể cả cái ấm nấu nước của dân Cosaque. Trước tình thế này, ai còn có thể cầm súng chống lại nhà nước đều gia nhập vào lực lượng Cosaque.

Bị chận đứng ở Crimée, Tướng Wrangel mưu toan thoát khỏi vòng vây của Hồng quân, tìm cách bắt liên lạc với các toán Cosaque ở Kouban, ngày 17 tháng 8

năm 1920 ông cho 5.000 quân đổ bộ ở Novorossiski. Dưới sức tấn công của ba cánh quân: Bạch quân, quân Cosaque và phe nông dân nổi loạn, Hồng quân phải rút ra khỏi thị trấn Ekaterinodar. Tướng Wrangel tiến quân và phía nam Ukraine. Nhưng cuộc chiến thắng của Bạch không kéo dài được lâu. Hồng quân đưa quân vào trận, tràn ngập quân của Tướng Wrangel. Tháng 10, quân của Tướng Wrangel rút lui về Ukraine. Cuộc tháo chạy rất hỗn loạn, làm cản trở cuộc thoái quân. Hồng quân tái chiếm vùng .. Đây là giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến giữa hai cánh Hồng và Bạch quân. Cuộc thảm sát lớn nhất đã diễn ra tại đây. Hơn 50.000 thường dân bị quân Bolshévik tàn sát.

Vì thua trận, dân Cosaque lại một lần nữa hứng chịu các đòn đàn áp trả thù. Karl Lander, thuộc sắc dân Letton, chỉ huy trưởng công an Tcheka được bổ nhiệm đặc trách tòan quyền Bắc Caucase và vùng sông Don. Ông cho thiết lập các tòa án đặc biệt xử tội dân Cosaque. Chỉ trong vòng tháng 10 năm 1920 đã lên án và đem đi hành quyết 6000 người. Thân nhân, hàng xóm của những binh sĩ lần lượt cũng bị bắt làm con tin, đưa đi giam trong các trại tập trung, còn gọi là trại tử thần. Trong bản phúc trình gởi về Mạc Tư Khoa, trưởng cơ quan công an vùng Ukraine, ông Martynlatsis viết: các con tin gồm có phụ nữ, trẻ em, người già, tập trung vào một trại ở gần Maikop. Họ sống trong một hoàn cảnh thật kinh hoàng. Họ sống trong những vũng bùn, trong

cơn lạnh và đầy tuyết rơi của tháng 10. Họ chết như các con ruồi. Phụ nữ chấp nhận những hành động xấu xa để thoát chết. Các binh lính canh gác lợi dụng tình trạng này để bán các phụ nữ vào những việc đê tiện.

Kháng cự lại lịnh của trại đều bị trừng phạt nặng nề.

Theo ông Lander, viên toàn quyền Bắc Caucase, các cuộc khủng bố đỏ xảy ra rất bình thường. Hằng ngày có trên 300 người bị xử bắn. Công an địa phương nhận lệnh phải thiết lập danh sách ở mỗi vùng một số người nhất định. Chính vì trình trạng này đã xảy ra các vụ tố cáo nhau vì tư thù. Tại Kislovodsk, vì không biết cách nào tìm ra phạm nhân nên họ đem các bệnh nhân trong bịnh viện ra bắn cho đủ chỉ tiêu. Phương pháp tiêu diệt mau lẹ là thiêu đốt tất cả làng mạc và tống dân Cosaque đi lưu đày. Trong tập hồ sơ lưu trữ của ông Sergo Ordjonikidze, chủ tịch ủy ban cách mạng vùng Bắc Caucase còn lưu lại một số phúc trình về các cuộc đàn áp dân Cosaque từ tháng 10 đến trung tuần tháng 11 năm 1920.

Ngày 23 tháng 10, Sergo Ordjonikidze ra lịnh:

- Tiêu hủy hoàn toàn làng Kalinovskaia.

- Đuổi tất cả dân cư sống trong các làng Ermoloá vskaia, Rmanovskaia, Samachinskaia và Mikhailosa–kaia đi nơi khác sinh sống.

- Nhà cửa phân phối cho sắc dân Tchchene, là giống dân luôn luôn trung thành với chế độ Bolshévik.

- Cho cán bộ công an hộ tống đưa đi đày tất cả đàn

ông tuổi từ 18 đến 55 lên các vùng phía Bắc lao động khổ sai.

- Trục xuất phụ nữ và trẻ em, đưa đến các làng ở phía Bắc.

- Trưng thu tất cả gia súc, tài sản.

Ba tuần lễ sau, Sergo Ordjonikidze phúc trình về diễn tiến các cuộc hành quân như sau:

- Làng Kalinovskaia bị tiêu hủy và lưu đày 4.220 người.

- Làng Ermolovskaia lưu đày 3.128 người.

- Làng Romanovskaia đợt một lưu đày 1.660. Vì thiếu xe số còn lại là 1.661 người.

- Làng Samachinskaia đợt một đưa đi 1.018. Số còn lại vì thiếu xe 1.900 người.

- Làng Mikhailovskaia đợt một đưa đi 600. Số còn lại 2.200 người.

Ngoài việc đưa đi lưu đày, chính quyền còn xử dụng 154 toa xe lửa chở lương thực trưng thu. Những người bị lưu đày thuộc thành phần thân nhân của các người chống đối chính phủ. Thành phần còn ở lại là những người thân chính quyền, gia đình của Hồng quân, công nhân viên nhà nước cộng sản.

Công tác chuyển vận người lưu đày gặp nhiều trở ngại vì thiếu phương tiện. Cho nên, thay vì đưa tất

cả lên miền Bắc, một số di chuyển xuống miền hầm mỏ Donetz, gần đó hơn. Hệ thống đường xe lửa không được tu bổ hoàn hảo, cũng là một trong những lý do chậm trễ. Chiến dịch tiêu diệt dân Cosaque là một

kinh nghiệm tổ chức cho chính quyền cộng sản để 10 năm sau họ áp dụng vào chính sách đàn áp điền chủ, phú nông.

Dân Cosaque trả một giá quá đắt khi họ chống lại chính sách đàn áp của chính quyền Bolshévik. Theo các ước lượng đáng tin cậy, với dân số không quá 3 triệu, đã có khoảng từ 300.000 đến 500.000 người bị giết hay bị đưa đi đày và chết trong các trại tử thần trong 2 năm, 1919 - 1920.

Con số người bị giết trong chiến dịch khủng bố đỏ, tiêu diệt các thành phần phản động trong nửa năm sau của năm 1918, không thể nào biết chính xác được. Để thiết lập một xã hội mới trên căn bản con người mới, giai cấp mới, theo người cộng sản, họ phải liên tục thi hành các cuộc tàn sát như vậy.

Trong tờ nhật báo *Thanh kiếm đỏ - Krasnyi Metch*, tiếng nói của công an Tcheka, số ra đầu tiên, phát hành tại Kiev, viên chủ bút nhận định: Tất cả việc làm của chúng tôi đều được cho phép. Chúng tôi bác bỏ quan niệm của chế độ cũ về luân lý và nhân đạo. Đó là những điều do bọn tư sản trưởng giả đặt ra để bóc lột và đàn áp giai cấp thấp kém hơn. Quan niệm luân lý của chúng tôi từ trước đến nay chưa hề có. Quan niệm nhân đạo của chúng tôi dựa trên căn bản của một lý tưởng mới. Tiêu diệt tất cả các hình thức áp bức và bạo động. Đối với chúng tôi, mọi hành động đều được cho phép, vì chúng tôi là những người đầu tiên trên thế giới không phải vung gươm lên để áp bức, tạo ra chế độ nô

lệ, mà để giải phóng nhân loại thoát khỏi xiềng xích. Phải đổ máu! Và máu chảy thành sông! Máu đào sẽ nhuộm đỏ các ngọn cờ đen của bọn trưởng giả ăn cướp. Cuối cùng tiêu diệt thế giới cũ để giải thoát chúng ta ra khỏi các con chó ăn xác chết. Những con chó này sẽ không bao giờ trở lại.

Lời kêu gọi này đã gợi trong tâm tư các hành động bạo lực và ý chí trả thù xã hội của các thành viên thuộc cơ quan công an Tcheka, phần lớn được kết nạp là những tên tội phạm, bất hảo trong chế độ cũ.

Trong văn thư đề ngày 22 tháng 3 năm 1919, lãnh tụ Bolshévik Gopner mô tả hành động của công an ở vùng Ekaterinoslavl như sau: Có 5 tên công an phạm tội ác, bạo động, ngang ngược và chuyên quyền. Họ bị giựt dây bởi các thành phần đê tiện và các tên mang bản án. Họ có súng trong tay. Họ bắn bất cứ người nào họ muốn hay họ ghét. Họ lục soát, cướp bóc, hãm hiếp phụ nữ. Họ muốn bắt ai thì bắt.

Mua bán giấy tờ giả, đòi tiền hối lộ. Rồi tố cáo những người đưa hối lộ để đòi thêm tiền,.

Trong văn khố của Ủy ban trung ương cũng như của Dzerjinski còn lưu lại một số phúc trình về hành động say máu bạo động của các nhân viên công an. Vì không có căn bản pháp lý nào nên các nhân viên công an tỏ ra vô trách nhiệm, tự thi hành các hành động khát máu, vô nhân đạo.

Sau đây là ba bản báo cáo lấy ra từ hàng chục bản

báo cáo về các hành động suy thoái của công an địa phương trong một xã hội vô luật pháp.

Ngày 22 tháng 3 năm 1919, một huấn luyện viên công an vùng Systran thuộc tỉnh Tambov gởi báo cáo về cho Dzerjinski: Tôi đã kiểm soát lại các vụ nổi loạn ở vùng Volost Novo-Matrionskaia. Việc bắt người rất hỗn loạn. Tôi đọc lời khai của 70 người bị tra tấn mà tôi chẳng hiểu gì cả. Ngày 16 tháng 2, có 5 người bị xử bắn. Ngày hôm sau 13 người. Trong khi đó lệnh xử bắn đề ngày 28 tháng 2. Khi tôi hỏi viên chỉ huy công an giải thích cho tôi, ông trả lời là ông không có thời giờ lập biên bản.Và cũng chẳng lập biên bản làm gì. Công việc chính là tiêu diệt các thành phần tư sản, kẻ thù của giai cấp.

Ngày 26 tháng 9 năm 1919, viên thư ký đảng Bolshévik vùng Iaroslavl báo cáo các nhân viên công an cướp bóc và bắt bớ người vô cớ. Họ biến văn phòng công an trở thành ổ điếm. Họ mang các phụ nữ tư sản về trụ sở. Họ ăn nhậu say sưa và còn dùng thuốc phiện.

Ngày 16 tháng 10 năm 1919, phái đoàn thanh tra Rosenthal gởi bản phúc trình từ vùng Astrakhan về trung ương: Atarbekov, viên chỉ huy lực lượng đặc biệt của quân đoàn 9 không còn nhìn nhận quyền lực của Trung ương. Ngày 30 tháng 7, khi đồng chí Zakovski từ Mạc Tư Khoa phái đến để kiểm soát các việc làm của lực lượng đặc biệt, khi gặp vị chỉ huy trưởng, ông ta cho biết là hãy nói lại với Dzerjinski, ông ta không chịu sự kiểm soát nào cả. Không có một tiêu chuẩn hành

chánh nào để cho nhân viên tuân theo. Hồ sơ công tác hầu như không thiết lập. Riêng về các vụ tuyên án tử hình, tôi không thấy hồ sơ nào cả. Họ chỉ đưa cho tôi các danh sách không đầy đủ và thường chỉ viết có vài chữ: Đã bị xử bắn theo lịnh của Atarbekov. Khó mà biết rõ những gì đã xảy ra trong tháng 3 năm 1919. Nhậu nhẹt xảy ra hằng ngày. Hầu hết các nhân viên công an nghiện bạch phiến. Họ cho rằng phải dùng bạch phiến mới có thể chịu đựng các cuộc bắn giết hằng ngày. Họ quá say máu bạo hành. Cần phải kiểm soát họ.

Các báo cáo nội bộ của công an và của đảng cộng sản đã được nhiều nhân chứng xác nhận.

Tướng Denikine thành lập một ủy ban điều tra tội ác của các người Bolshévik. Các tài liệu này trước kia lưu trữ ở thủ đô Tiệp Khắc. Sau năm 1945, văn khố dời về Mạc Tư Khoa. Ngày nay dân chúng có thể đến tham khảo.

Từ năm 1926, nhà viết sử Nga Serge Melgounov đã lập bản kê khai trong tác phẩm của ông. Các cuộc khủng bố Đỏ, các cuộc tàn sát các con tin, các vụ hành quyết tập thể, các giai đoạn chính liên quan đến các cuộc đàn áp, có sự trùng hợp với các nguồn tài liệu khác.

Các cuộc tàn sát đầu tiên các người tình nghi, các con tin, kẻ thù của nhân dân bị giam trong các trại tập trung, bắt đầu từ tháng 9 năm 1918 khi cuộc Khủng Bố Đỏ mở màn.

Việc cưỡng đặt chính quyền chuyên chính vô sản

tại các thành phố đang chiếm hay tái chiếm diễn ra từng giai đoạn.

Trước tiên, họ giải tán tất cả cơ cấu hành chánh cũ. Sau đó ra lịnh cấm buôn bán để ngăn chận vật giá leo thang và tránh nạn đầu cơ tích trữ hàng hóa. Kế đến quốc hữu hóa hay địa phương hóa tất cả công sở, xí nghiệp. Bắt những nhà tư sản, thương gia đóng thuế thật nặng. 600 triệu vào tháng 2 năm 1919 tại Kharkov. 500 triệu tại Odessa vào tháng 4. Để việc đóng thuế được thành công, họ bắt tư sản và thương gia nhốt trong các trại tập trung làm con tin. Đây là hình thức cướp giựt trá hình. Đó cũng là giai đoạn đầu của chính sách đánh cho tan thành phần tư sản mại bản.

Ngày 13 tháng 5, trên báo *Izvestia* có đăng nghị quyết truất hữu tài sàn của tư sản do Hội đồng công nhân thành phố Odessa biểu quyết. Người nào có tài sản đề phải khai. Khai hết. Từ cái chén, cái nĩa cho đến đôi giày, cái quần, cái áo, nữ trang, tiền bạc,... Ai không khai tức là chống lại nhà nước, sẽ bị tử hình.

Latsis, viên công an trưởng vùng Ukraine thú nhận, tiền bạc, vật dụng thu được của tư sản đã chạy vào túi của công an và Hồng vệ binh.

Giai đoạn kế tiếp là tịch thu nhà cửa.

Trong cuộc chiến này, hình thức hạ nhục tư sản rất được phổ biến. Trên báo chí xuất bản ở các vùng Odessa, Kiev, Kharkov, Oural,... hằng ngày loan tin các hình thức hạ nhục. Bắt thương gia tư sản, cùng vợ con đi quét đường, lau cầu tiêu, dọn doanh trại cho Hồng

vệ binh,.. Nhưng còn nhiều chuyện bi đát hơn. Họ hãm hiếp con vợ con của những người tư sản bị bắt giam. Đặc biệt ở những vùng do Hồng quân tái chiếm từ tay của Bạch quân, như vùng của người Cosaque và vùng Crimée vào năm 1920, tình trạng hiếp dâm diễn ra khốc liệt và dã man hơn.

Theo tính toán, đây là giai đoạn cuối cùng của chính sách tiêu diệt giai cấp trung lưu trưởng giả. Hành quyết những người bị bắt giam trong các trại tập trung với cái tội, họ là những người có tài sản.

Tại Kharkov, 2.000 đến 3.000 bị xử tử từ tháng 2 đến tháng 6 năm 1919. Khi Hồng quân tái chiếm vào tháng 12, lại có thêm từ 1.000 đến 2.000 người bị giết.

Từ tháng 5 đến tháng 8 năm 1919 tại Odessa có 2.200 người. Từ tháng 2 năm 1920 đến tháng 2 năm 1921 3.000 vụ.

Tại thành phố Kiev xảy ra 3.000 vụ từ tháng 2 đến tháng 8 năm 1919.

Thành phố nhỏ Armavir xảy ra 300 vụ từ tháng 8 đến tháng 10 năm 1920.

Trên thực tế còn rất nhiều vụ hành quyết khác đã xảy ra tại nhiều nơi và trong khoảng thời gian khác nhau.

Người ta biết rất rõ các vụ đàn áp xảy ra ở Ukraine, các tỉnh phía nam nước Nga, vùng Cosaque, vùng Tây Bá Lợi A và vùng Oural.

Thường các cuộc tàn sát diễn ra khi có địch tiến

quân tấn công, trước khi rút lui, họ dọn dẹp sạch các trại tù tập trung.

Tại Kharkov, hai ngày trước khi các đơn vị Bạch quân tiến chiếm thành phố, ngày 8 và 9 tháng 6 năm 1919, hàng trăm con tin bị hành quyết.

Tại Kiev, trên 1.800 người bị bắn chết từ ngày 22 đến ngày 28 tháng 8 năm 1919, trước khi Bạch quân tiến chiếm thành phố vào ngày 30 tháng 8 cùng năm.

Tại Ekaterinodar cũng diễn ra tương tự. Trước khi quân Cosaque và quân Artabekov chiếm đóng, trong 3 ngày, từ 17 đến 20 tháng 8, công an giết chết 1.600 người. Dân số của vùng này trước khi xảy ra cuộc đàn áp là 30.000 dân.

Sau khi chiếm được thành phố, chỉ huy trưởng Bạch quân cho thiết lập một Ủy ban điều tra các cuộc tàn sát do những người cộng sản thi hành trước khi rút lui. Theo lời khai của một số nhân chứng còn sống, bản phúc trình khám nghiệm tử thi chứng minh rằng những người chết sau cùng đều có vết đạn bắn từ sau ót xuyên qua đầu. Không có vết đạn nào trong thân thể cả hay dấu vết tra tấn. Trái lại, các thi hài chôn tập thể có dấu tra tấn trước khi đem đi hành quyết. Sử gia Serge Melgounov đã tường thuật trên báo về các dụng cụ và các hình thức tra tấn của công an. Một số khác đã được những người xã hội cách mạng trốn thoát viết lại trong các hồi ký xuất bản trong năm 1922 ở Bá Linh.

Trong vòng một tháng, từ ngày 15 tháng 11 đến ngày

15 tháng 12 năm 1920, sau khi các đơn vị Bạch quân của Tướng Wrangel rút lui ra khỏi vùng Crimée, Hồng quân tái chiếm, có khoảng 50.000 dân bị xử bắn hay bị treo cổ.

Hàng trăm công nhân khuân vác bến tàu Sebastopol bị xử bắn vào ngày 26 tháng 11, bởi vì họ đã tiếp tay, giúp cho Bạch quân lên tàu rút lui.

Ngày 28 tháng 11, chính quyền cho đăng danh sách trên báo số người bị xử tử. Danh sách thứ nhất 1.634 người. Danh sách thứ hai 1.202 người.

Vào tháng 12, các đợt hành quyết giảm dần. Chính quyền cho lập hồ sơ cá nhân và phân loại từng người. Theo họ, còn có rất nhiều tư sản, thương gia từ thành phố về nông thôn lẫn trốn trong đám thân nhân của họ. Ngày 6 tháng 12 Lenine cho các ủy viên biết hiện có 30.000 nhà tư sản trốn trong vùng Crimée. Đây là những phần tử tay sai và làm gián điệp cho ngoại quốc. Chúng sẵn sàng hợp tác với tư bản. Chúng phải bị trừng phạt.

Quân số của chính phủ gia tăng bao vây vùng Perekop. Chính quyền ra lịnh dân trong vùng ra trình diện tại các cơ quan công an. Họ phải làm bản tự khai bằng cách trả lời 50 câu hỏi chi tiết về đời tư, nghề nghiệp và những hoạt động trong quá khứ, lợi tức, cảm tưởng của họ đối với biến cố Pologne, họ làm gì kể từ ngày 22 tháng 11 năm 1920... Căn cứ theo các bản tự khai, họ sẽ được chia ra làm ba hạng. Xử bắn, đưa đi lưu đày hay được phóng thích.

Một số người sống sót đã đăng các tin trên báo những gì họ đã chứng kiến trong thành phố Sebastopol vào năm 1921.

Toàn khu Nakhimouski treo lủng lẳng tử thi của các sĩ quan Bạch quân. Xác của thường dân và lính thì treo dài dọc theo đường phố. Đây là một thành phố chết. Ai còn sống thì lẫn trốn trong các đường hầm, cống rãnh. Các biểu ngữ: Hãy giết các tên phản bội treo đầy trên cột đèn, cửa tiệm, vách phố, hàng rào kẽm gai,...

Giai đoạn chót của cuộc nội chiến không phải là kết thúc các cuộc đàn áp.

Mặc dù không còn chiến tuyến giữa Bạch quân và Hồng quân nữa, nhưng trận chiến tiêu diệt và bình định vẫn còn tiếp tục và kéo dài trong hai năm.

CHƯƠNG 5
CÁC DIỄN BIẾN TỪ TAMBOV CHO ĐẾN KHI XẢY RA NẠN ĐÓI LỚN

Đến cuối năm 1920, chính quyền bolshévik gần như thành công. Đạo quân cuối cùng của Bạch quân bị đánh bại. Các toán quân của người Cosaque cũng chịu chung số phận. Còn các đơn vị của Makno đang trên đường tháo chạy. Nhưng cuộc chiến giữa lực lượng quần chúng xã hội và chính quyền cộng sản vẫn tiếp tục. Cao điểm của trận chiến này xảy ra vào đầu năm 1921 của các đạo quân nông dân thoát ra khỏi gọng kiềm của nhà nước bolshévik.

Toàn tỉnh Tambov, một phần của tỉnh Volga [Samara, Sarotov, Tsartsyne, Simbirk] và phía tây của Sibérie nằm trong tay của quân nông dân. Nhà nước chỉ quản lý các thành phố.

Các cuộc đình công, phản đối, các cuộc nổi loạn của

công nhân thợ thuyền xảy ra liên tục ở các trung tâm kỹ nghệ. Cuối tháng 2 năm 1921, các thuỷ thủ của căn cứ hải quân Kronstadt nằm ngoài khơi thành phố Petrograd nổi loạn. Tình hình trở nên khẩn trương. Nhà nước gần như không còn quyền lực điều hành.

Trước nguy cơ bùng nổ, chính quyền đành phải lùi bước. Nhà nước cho ban hành các biện pháp nhằm xoa dịu sự phẫn nộ của nông dân, là thành phần chiếm đa số và nguy hiểm nhất. Chính quyền hứa sẽ đình chỉ lịnh trưng thu lương thực, thay vào đó là thuế trả bằng hiện vật.

Tháng 3 năm 1921, họ cho thi hành Tân chính sách kinh tế chính trị.

Mặc dù chính quyền có thay đổi chính sách nhưng các cuộc nổi loạn của nông dân vẫn tiếp tục gia tăng. Nhiều tài liệu nằm trong văn khố hiện nay cho chúng ta thấy, mùa xuân năm 1921 không có hòa bình bolshévik. Tình trạng căng thẳng kéo dài cho đến mùa hè 1922.

Các toán thu mua lương thực vẫn tiếp tục lộng hành ở nông thôn. Việc lùng bắt các lãnh tụ cuối cùng của phe xã hội cách mạng vẫn còn tiến hành. Công nhân thợ thuyền đình công vẫn còn bị đàn áp dã man. Các cuộc tìm kiếm và tiêu diệt nông dân lẫn tránh trong rừng vẫn còn thi hành triệt để, dưới nhiều hình thức: xử bắn con tin, dùng đạn pháo binh chứa hơi ngạt bắn vào làng quê.

Nhưng chính nạn đói năm 1921-1922 đã quy phục các thôn làng xáo động nhất. Vì vấn đề sống còn,

nhân dân các làng quê này đã cương quyết nổi dậy chống lại các toán trưng thu của nhà nước. Nếu phải vẽ một bức tranh thì chúng ta sẽ nhận ra tại các nơi năm trước thu mua nhiều, là những nơi có các cuộc chống đối lớn và bị đói kinh hoàng nhất.

Một cách khách quan, chúng ta có thể nói rằng, nạn đói kém là đồng minh của chính quyền. Nhà nước cộng sản đã xử dụng 'bỏ chết đói' như là một vũ khí để đè bẹp sức kháng cự của nông dân, tiêu diệt Giáo Hội Chính thống và những người trí thức.

Trong số các cuộc nổi loạn của nông dân chống lại chính sách trưng thu kể từ năm 1918, cuộc nổi loạn của nông dân ở tỉnh Tambov là quan trọng, được tổ chức chu đáo và do đó cầm cự lâu nhất. Vùng Tambov nằm phía Đông và cách Moscou 500 cây số. Từ đầu thế kỷ thứ 20, vùng này là pháo đài của đảng xã hội cách mạng, là di sản của phong trào Bình Dân Nga.

Trong những năm 1918-1920, mặc dù bị đàn áp, nhưng vẫn còn nhiều lãnh tụ hoạt động tích cực. Tambov được coi là vựa lúa quan trọng nằm sát Thủ Đô. Mùa thu 1918, hàng trăm đoàn trưng thu về công tác vùng này. Đến đầu mùa xuân 1919, các cuộc đụng độ không tổ chức bắt đầu nổ ra. Nhưng chẳng kéo dài được bao lâu. Chỉ tiêu trưng thu lương thực năm 1918 là 18 triệu thùng lúa mì. Qua năm 1920 chỉ tiêu tăng lên 27 triệu thùng. Vì phản đối nhà nước, không chịu tăng gia canh tác mà lại bi trưng thu nhiều hơn năm trước, nên nông dân sẽ phải nhịn đói nếu nộp hết số

lúa để dành. Ngày 19 tháng 8 năm 1920 xảy ra nhiều cuộc xô xát ở Khitrovo giữa các toán trưng thu và nông dân. Chính quyền địa phương cũng thừa nhận hình thức làm việc bất nhẫn của các toán thu mua lương thực. Nhân viên của các toán này đã lạm dụng quyền hành khi thi hành công tác. Họ thu luôn cả các vật dụng hằng ngày như gối, mền, nồi, chén, nĩa, và nhất là làm ẩm ướt, úng lúa khi chuyên chở ra ga. Họ còn hà hiếp, đánh đập người già cả chỉ vì những người này có con đào ngũ.

Từ Khitrovo, các cuộc chống đối như lửa gặp rơm khô, lan tràn nhanh chóng. Cuối tháng 8 con số người tham dự chống đối nhà nước lên đến 40.000. Phần đông là các lính đào ngũ có mang theo vũ khí trốn về miền quê. Chĩa ba, cào cỏ, là vũ khí của một số người khác. Họ tấn công và tàn sát, hoặc đuổi đại diện của chính quyền. Nhiều nhất là ở ba vùng thuộc tỉnh Tambov. Lực lượng nông dân ở Tambov được chỉ huy bởi một lãnh tụ thiện chiến, ông Alexandre Stepanovitch Antonov.

Ông là nhà chính trị thuộc cánh Xã hội cách mạng thiên tả. Năm 1908 bị đày ra vùng Tây Bá Lợi Á cho đến cuộc cách mạng tháng 2 năm 1917. Ông đã từng ủng hộ bolshévik và đã từng được bổ nhiệm chỉ huy quân dân vùng Kirsonov, quê quán của ông. Tháng 8 năm 1918, ông ly khai bolshévik, trở thành lãnh tụ các quân nhân đào ngũ. Các đơn vị của ông đã chận đánh các toán trưng thu của nhà nước khi đi công tác thu mua trong các vùng ông đang chiếm đóng. Khi cao trào

nông dân chống đối lên cao, ông tổ chức quân đội có kỷ luật và tổ chức toán tình báo xâm nhập vào các đơn vị của nhà nước. Ông tổ chức các toán tuyên truyền, vận động nhân dân chống lại chế độ bolshévik. Ông đòi hỏi cho nhân dân có quyền tự do mua bán, chấm dứt chính sách trưng thu, tự do bầu cử, bỏ chế độ ủy viên, và giải tán tổ chức công an Tcheka.

Song song với công tác bí mật của đảng xã hội cách mạng, ông còn thành lập tổ chức Liên đoàn công nhân lao động, một hệ thống ngầm của các lãnh tụ nông dân vẫn còn bám trụ tại địa phương. Mặc dù có bất đồng quan điểm trong nội bộ, đã dẫn đến một lãnh tụ ly khai, nhưng phong trào nông dân ở Tambov cũng đã thành lập được một cơ cấu quân sự, một mạng lưới tình báo, một cơ sở chính trị. Đó là một thành công to lớn mà từ trước đến nay lực lương nông dân chưa bao giờ có ngoài phong trào của Makhno.

Tháng 10 năm 1920, chính quyền bolshévik chỉ còn kiểm soát khu lỏm trong thành phố cấp tỉnh hay cấp quận. Hàng ngàn lính đào ngũ gia nhập lực lượng của Antonov. Quân số lên đến 50.000.

Ngày 19 tháng 10 năm 1920, khi nhận ra tình hình quá nghiêm trọng, Lenine thông báo cho Dzerjinski, chỉ huy trưởng ngành công an, phải mau chóng tiêu diệt các phong trào chống đối nhà nước ở Tambov để làm gương.

Đầu tháng 11, lực lượng an ninh của chính phủ chỉ có 5.000 quân. Nhưng sau khi đánh bại Tướng Bạch

quân Wrangel, đơn vị an ninh lên đến 10.000, cùng với một vài đơn vị ít quân số của Hồng quân.

Qua năm 1921, các cuộc chống đối làn tràn qua các vùng khác. Vùng Volga, gồm các tỉnh Samara, Saratov, Tsaritsyne, Astrakhan và luôn cả vùng Tây Sibérie. Tình hình cực kỳ nghiêm trọng. Nạn đói đang đe dọa tại các tỉnh, trước kia rất trù phú.

Viên chỉ huy tỉnh Samara báo tin cho trung ương biết về các cuộc bao bây các kho chứa lúa của các toán trưng thu chờ chuyển về thành phố và tiếp tế cho chiến trường. Lính giữ kho phải nổ súng vào nông dân đang bao vây họ.

Ở Saratov cũng đã xảy ra các vụ cướp lúa. Nông dân dùng súng của các lính đào ngũ lấy lại 3 triệu thùng lúa mì từ trong kho nhà nước. Nhiều toán Hồng quân giữ kho tan rã.

Khi vùng trù phú Ukraine không còn gì để thu mua, Hồng quân kéo qua phía Đông, đến vùng Tây Sibérie. Tại đây họ ra chỉ tiêu trưng thu số lượng mễ cốc cao bằng năm 1913. Nhưng vì vùng này đã bị chiến tranh tàn phá nên không thể nào cung cấp đủ. Cũng như ở những nơi khác, nông dân Sibérie nổi lên chống lại lịnh trưng thu.

Từ tháng giêng đến tháng 3, chính phủ mất quyền kiểm soát. Đường xe lửa xuyên Tây Bá Lợi Á bị cắt đứt. Ngày 21 tháng 3, một đơn vị quân nông dân đánh chiếm thành phố Tobolsk. Đến ngày 30, Hồng quân chiếm lại.

Ở thủ đô Mạc Tư Khoa, ở Petrograd, vào đầu năm

1921, tình hình cũng chẳng khá gì hơn. Nền kinh tế bị đứng lại. Xe lửa ngưng hoạt động vì thiếu than. Các công xưởng sản xuất ít lại vì nhiên liệu. Số lượng lương thực tiếp tế cho thành phố giảm sút. Công nhân bỏ sở tìm việc làm thêm, tụ hợp tranh luận, hay về miền quê mua thêm thực phẩm. Nhiều xưởng bỏ hoang, ai muốn lấy gì thì lấy, chẳng còn người quan tâm.

Ngày 16 tháng giêng, công an báo cáo về trung ương: bất mãn lan tràn khắp nơi. Giới thợ thuyền và công nhân tiên đoán chính quyền sắp sụp đổ. Chẳng còn ai muốn làm việc. Ăn không đủ no. Đình công sẽ nổ ra rất lớn. Quân nhân ở thủ đô không còn tin tưởng. Họ có thể phản chúng ta bất cứ lúc nào. Phải áp dụng chính sách phòng loạn.

Ngày 21, chính quyền ra lịnh giảm bớt 1/3 khẩu phần bánh mì ở thủ đô, và cho thi hành ngay vào ngày hôm sau. Lịnh này không còn dựa vào khẩu hiệu phản cách mạng để kêu gọi lòng ái quốc của tầng lớp dân lao động, vì tàn quân của Bạch nga đã hoàn toàn tan rã.

Quyết định giảm khẩu phần là hành động đổ dầu vào lửa.

Cuối tháng giêng cho đến đầu tháng 3, các cuộc đình công, các cuộc biểu tình tuần hành cứu đói, các cuộc chiếm đóng các công xưởng sản xuất diễn ra hằng ngày.

Ngày 22-24 tháng 2 tại Mạc Tư Khoa cũng như tại Petrgrad công an đặc biệt ra tay đàn áp các đoàn biểu tình. Xô xát giữa đôi bên. Phía biểu tình tràn vào trại

lính giải thích để gây cảm thông. Nhiều vụ nổ súng. Hàng trăm người chết, bị thương và bị bắt giam.

Cuộc nổi loạn ở thàng phố Petrograd đạt đến cao điểm vào ngày 22 tháng 2 khi công nhân các hãng xưởng tổ chức bầu Hội Đồng Toàn Quyền của Công Nhân. Hội đồng thuộc khuynh hướng của đảng xã hội cách mạng và của người menshévik. Trong bản tuyên ngôn thứ nhất, họ đòi hủy bỏ chế độ độc tài bolshévik. Họ đòi bầu cử tự do các Sô Viết. Họ đòi tự do ngôn luận, tự do hội họp, tự do báo chí, và đòi trả tất cả tù chính trị. Để đạt mục đích trên, Hội Đồng kêu gọi công nhân tổng đình công. Nhiều đơn vị quân đội ủng hộ, tán thành yêu sách và tham gia vào cuộc biểu tình.

Ngày 12 tháng 2, một toán công an nổ súng vào đám biểu tình, bắn chết 12 công nhân. Cùng trong ngày, hơn 1.000 đảng viên đảng xã hội cách mạng bị bắt. Nhưng vụ đàn áp của công an không chận đứng sự phẫn nộ của quần chúng. Hàng ngàn lính chính phủ rời bỏ hàng ngũ chạy sang phía công nhân thợ thuyền. Màn kịch lật đổ chế độ phong kiến Nga Hoàng cách nay 4 năm, tháng hai năm 1917, nay lại tái diễn.

Ngày 26 tháng 2, vào lúc 21 giờ, Zinoniev, lãnh tụ bolshévik khu vực Petrograd gởi điện văn cho Lenine, bày tỏ sự hoảng hốt của ông: công nhân thợ thuyền đã bắt liên lạc với lính trong trại. Chúng tôi đang chợ đợi quân tiếp viện từ Novgorod. Nếu viện binh không đến kịp, chúng tôi sẽ bị tràn ngập.

Qua ngày hôm sau, là ngày kinh hoàng của quân

chính phủ. Các thủy thủ của chiến hạm đậu tại căn cứ hải quân Kronstadt nằm ngoài khơi Petrograd nổi loạn.

23 giờ đêm ngày 28 tháng 2, Zinoniev gởi thêm cho Lenine một công điện nữa. Ông báo cáo với Lenine, hai chiến hạm Sebastopol và Petropavlovsk gởi tối hậu thư buộc nhà nước cộng sản phải trả lời. Ông cho biết tình hình công nhân thợ thuyền rất bất ổn.

Các yêu sách của công nhân thợ thuyền chính là yêu sách của những người đã sống 3 năm trong chế độ độc tài cộng sản bolshévik. Ngoài các yêu sách về các quyền tự do, họ còn đòi bình đẳng trong khẩu phần lương thực. Họ còn đòi bầu ủy ban cứu xét các người bị bắt giam trong tù. Giải tỏa lịnh trưng dụng. Giải tán các đơn vị đặc quyền công an. Nông dân có quyền canh tác loại nào, nuôi gia súc nào họ thấy cần thiết.

Ở Kronstadt tình thế biến chuyển dồn dập.

Ngày 1 tháng 3, công nhân tổ chức một cuộc biểu tình vĩ đại. Có 15.000 người tham dự, một phần tư là lính hải quân và dân vùng Kronstadt.

Chủ tịch Ủy ban hành pháp trung ương bolshévik, ông Mikhail Kalinine phải đích thân đến để cứu vãn tình hình. Nhưng ông ta bị nhóm biểu tình đã đão và bị đuổi đi. Ngày hôm sau một nhóm bolshévik chừng 2.000 của tỉnh Krostadt đứng ra thành lập một Ủy ban cách mạng lâm thời và tiếp xúc với đoàn biểu tình.

Để bẻ gãy phong trào chống đối, ngày 7 tháng 3, lực lượng công an được lịnh hành động dứt điểm cuộc nổi loạn. Trong vòng 48 tiếng đồng hồ, công an bắt giam

trên hai ngàn công nhân, cảm tình viên, đảng viên đảng xã hội cách mạng, và những người không đảng phái. Vì không có vũ khí chống cự nên họ bị bắt dễ dàng. Sau đó, chính quyền bolshévik và các toán công an tổ chức chu đáo tấn công căn cứ hải quân Krostadt. Tướng Toukhatchevki chỉ huy cuộc tấn công. Ông ta dùng khóa sinh của trường võ bị và các toán công an trong chiến dịch dẹp loạn. Cuộc tấn công bắt đầu ngày 8 tháng 3. Sau 10 ngày giao tranh, căn cứ Kronstadt thất thủ. Trên 1.000 người chết cho cả hai bên. Cuộc đàn áp tiếp diễn với tất cả mức độ tàn ác của nó. Quân thua trận bị bắn tại chỗ.

Tài liệu mới đây cho biết từ tháng 4 cho đến tháng 6 có 2.103 người bị án tử hình, 6.459 tù chung thân khổ sai.

Trước khi Kronstadt thất thủ, gần 8.000 người trốn thoát theo con đường băng tuyết thuộc vịnh Phần Lan. Họ tụ tập ở Terijoki, Ino và Vyborg. Khi nghe lịnh ân xá, họ trở về Nga. Nhưng họ bị lừa. Liền ngay khi trở về, họ bị bắt giam và bị đày đi lao động khổ sai ở đảo Solovski và Kholmogory. Trong số 5.000 người bị đày đến nơi này, vào mùa Xuân 1922 chỉ còn sống sót có 500 người.

Trại khổ sai lao động Kholmogory nằm ven sông Dvina, là một trong những trại tàn bạo nhứt. Họ đưa tội nhân xuống thuyền, trói tay chân, và buộc cục đá vào cổ, rồi xô xuống sông.

Đây là sáng kiến của chỉ huy trưởng công an Mikhail

Kedrov. Ông ta áp dụng phương thức giết người này từ năm 1920.

Một số lính nổi loạn ở Krostadt, các người Cosaque và nông dân vùng Tambov là nạn nhân của phương thức giết người dã man này trong năm 1922.

Sau khi dẹp xong Kronstadt, nhà nước bolshévik dồn lực lượng vào công tác lùng bắt các đầu não của các cuộc đình công. Mặt khác, họ đình chỉ các cuộc trưng thu và các cuộc đàn áp Tôn giáo.

Ngày 28 tháng 12, chỉ huy trưởng công an Dzerjinski ra lịnh cho các công an địa phương bắt giam tất cả các thành phần trí thức, nhóm Menshévik, đảng cách mạng xã hội. Bắt giam cả các công chức làm việc trong các uỷ ban phụ trách nông nghiệp và bộ phận tiếp tế.

Nhóm xã hội ôn hòa cũng bị truy nã cùng với đảng Menshévik. Đảng này có ảnh hưởng lớn trong quần chúng. Từ tháng 3 đến tháng 6, cơ cấu trung ương đảng Menshévik bị phá vỡ. Các uỷ viên bị bắt và đe dọa chuyển ra vùng Sibérie. Các vị này tuyệt thực phản đối. Chính quyền tống 12 lãnh tụ đảng menshévik ra khỏi nước Nga. Tháng 2 năm 1922 họ tới thủ đô Bá Linh của Đức. Hai lãnh tụ nổi tiếng là ông Dan và Nikholaievski.

Mùa Xuân 1921, chính quyền cộng sản bắt đầu cho sản xuất công nghiệp. Lúc bấy giờ mức sản xuất giảm 1/10 so với năm 1913. Qua chính sách quân sự hóa lao động, nhà nước bắt công nhân gia tăng năng suất làm việc.

Trung tâm hầm mỏ cung cấp 80% thép và than đá

cho toàn nước Nga là vùng Dombass. Tại vùng này, chính quyền áp dụng phương pháp độc tài để bắt công nhân làm việc.

Cuối năm 1920, một trong những lãnh tụ thân tín với Troski, ông Piatakov được chỉ định làm Tổng cục trưởng phụ trách hầm mỏ. Trong một năm, ông đã cho công nhân sản xuất gấp 5 lần so với mức sản xuất bình thường. Bất cứ công nhân nào vắng mặt đều bị ghép vào tội phá hoại, sẽ bị đưa đi lao động khổ sai hay bị xử bắn. Đã có 18 công nhân bị bắn trong năm 1921. Ông bắt công nhân đi làm luôn ngày chủ nhật, họ mới nhận đủ khẩu phần bánh mì hằng ngày. Ngoài ra họ chỉ nhận 1/3 hay 1/2 khẩu phần để sống qua ngày. Sau khi làm việc xong, họ phải tháo đôi giày của họ để lại cho toán khác mang, tiếp tục làm việc.

Tổng cục trưởng hầm mỏ thừa nhận có nhiều lý do công nhân bỏ việc. Ngoài chuyện thiếu ăn trầm trọng, công nhân mắc bịnh vì thời tiết quá lạnh, quần áo không đủ ấm. Nhất là bị ẩm ướt lâu ngày không có quần áo thay. Để giảm bớt miệng ăn, ngày 24 tháng 6, chính quyền ra lịnh đuổi một số người không có việc làm ra khỏi các trung tâm hầm mỏ. Bớt khẩu phần lương thực của thân nhân công nhân hầm mỏ. Tiêu chuẩn tiếp tế lương thực căn cứ vào năng suất lao động. Đó là hình thức sơ khai của chính sách trả công theo sản phẩm.

Các biện pháp trên hoàn toàn đi ngược lại các tư tưởng bình đẳng và bảo đảm tiếp tế lương thực mà nhiều công nhân hằng mơ tưởng. Họ bị nhóm người

bolshévik lợi dụng. Đó là những phương pháp phản lại tầng lớp thợ thuyền, lại sẽ được áp dụng sau này vào năm 1930 dưới thời Staline. Nhà nước cộng sản bất chấp luật lao động. Họ chẳng quan tâm đến nghiệp đoàn. Chính sách lao động tàn bạo này không phải chỉ là sản phẩm của cuộc nội chiến dưới thời Lenine, mà nó là một báo hiệu trước chính sách sau này của trung tâm quyền lực chủ nghĩa Staline.

Mùa Xuân 1921, chính phủ tiếp tục công tác bình định các vùng còn do nông dân chiếm đóng.

Ngày 27 tháng 4, cục chính trị uỷ nhiệm cho Toukhatchevski đàn áp các toán nông dân phiến loạn của Antonov trong vùng Tambov. Một lực lượng quân số chừng 100.000 trong đó đơn vị chính là các toán công an, có pháo binh và không quân yểm trợ, đã tiêu diệt lực lượng đối kháng của Antonov. Các biện pháp thanh trừng, lưu đày, xử bắn, diễn ra thảm khốc tại vùng này sau khi quân chính phủ đánh tan phiến loạn. Họ dùng cả hơi ngạt trong các làng xa xôi mà họ nghi ngờ đã che chở các quân lính của Antonov.

Ngày 11 tháng 6 năm 1921, Toukhatchevski và chủ tịch toàn quyền ủy ban hành pháp, ông Ovseenko cùng ký bản nhật lịnh số 171, cho thi hành các biện pháp sau đây:

1./ Bắn tại chỗ những ai không xưng tên khi bị xét hỏi.

2./ Các ủy ban chính trị quận hay xã có quyền bắt các con tin hay đem xử bắn những người có vũ khí mà không chịu đem giao cho nhà nước.

3./ Khi tìm thấy vũ khí ở nơi nào là những người ở đó sẽ bị hành quyết.

4./ Gia đình nào che chở lính phản loạn, sẽ bị bắt giam và đưa đi lao động khổ sai, biệt xứ. Tài sản sẽ bị tịch thu. Người lớn tuổI nhất trong nhà sẽ bị hành quyết không cần xét xử.

5./ Gia đình của các phiến loạn cũng bị ghép vào các phần tử phiến loạn. Nhà cửa bị tịch thu. Chủ gia bị xử bắn.

6./ Nếu gia đình quân nhân phiến loạn bỏ trốn, tất cả tài sản sẽ chia cho nông dân trung thành với chế độ.

7./ Nhựt lịnh này phải được thi hành triệt để.

Ngày 12 tháng 6, Tướng Toukhatchevski ra lịnh bắn đại bác có đầu đạn chứa hơi ngạt vào các vị trí của quân nông dân nổi loạn. Tàn quân phải di chuyển qua các vùng khác.

Một số lãnh tụ phản đối phương thức dùng hơi ngạt tấn công loạn quân.

Tháng 7 năm 1921, công an cho thiết lập bảy trung tâm tập trung, chứa 50.000 người bị bắt làm con tin mà phần đông là phụ nữ, thiếu nhi, và người già. Họ là thân nhân của các nông dân, quân nhân đào ngũ. Tình trạng sức khỏe ở vào mức độ tồi tệ nhất. Bịnh tiêu chảy, chí rận, không đủ quần áo, thiếu ăn, diễn ra hằng ngày.

Con số tử vong hàng tháng lên đến 15%.

Ngày 1 tháng 9 năm 1921, từ quân số 40.000 trong cuộc nổi loạn tháng 2, lực lượng nông dân nay chỉ còn

lối 1.000 người có vũ khí. Đến tháng 11, loạn nông dân gần như tan rã. Một số bị lưu đày, số khác bị án tử hình. Cuộc bình định của vùng Tambov được coi như hoàn tất.

Nhưng tại các vùng quê ở Ukraine, miền Tây Sibárie, các tỉnh ven sông Volga và vùng Caucase vẫn còn các cuộc bạo động, ít ra cũng kéo dài đến cuối tháng 6 năm 1922. Mặc dù chính sách trưng thu đã hủy bỏ nhưng các hình thức sách nhiễu dân chúng vẫn còn tái diễn tại các vùng vừa mới bình định. Cho nên tình hình ở nông thôn vẫn còn ngột ngạt. Nhân dân và chính quyền không tin tưởng lẫn nhau.

Sau đây là bản phúc trình đề ngày 11 tháng 7 năm 1921 của chủ tịch đoàn của ủy ban toàn quyền gồm 5 thành viên, chỉ đạo các biện pháp áp dụng chống lại các tên phiến loạn ở Tambov.

Các cuộc càn quét ở xã Koudrioukovskaia đã bắt đầu từ ngày 27 tháng 7 tại làng Ossinovski. Đó là nơi trú ẩn của loạn quân. Dân làng tỏ ra thờ ơ với các toán công an. Họ không chỉ điểm các nơi ẩn trú của lính nông dân. Họ trả lời không biết.

Chúng ta bắt giữ 40 người làm con tin. Thông báo cho họ biết làng bị bao vây, trong vòng 2 tiếng đồng hồ phải mang vũ khí ra nạp và phải tố cáo các quân phiến loạn. Dân làng hồi hộp nhưng không có thái độ dứt khoát hợp tác với các toán tảo thanh càn quét. Có lẽ họ cho lịnh xử bắn của chúng ta chỉ là để hăm dọa. Nhưng khi 2 tiếng đồng hồ trôi qua, trước đám

đông dân chúng tụ tập, chúng ta đã bắn tại chỗ 21 con tin. Cuộc hành quyết diễn ra từng người có sự hiện diện của các thành viên của ủy ban toàn quyền, những người cộng sản,... để gây ảnh hưởng trong quần chúng.

Đối với làng Kareievska, một làng có nhiều tàn quân trú ẩn, với địa hình hiểm trở, chúng ta phá hủy toàn diện và xóa tên luôn trên bản đồ. Dân làng phải bị đưa đi lưu đày. Những gia đình có con phục vụ cho Hồng quân thì được đưa qua các làng lớn hay vào trú ngụ trong các căn nhà tịch thu của các gia đình loạn quân.

Ngày 3 tháng 7 năm 1921, chúng tôi hành quân vào làng Bogoslovka. Chưa có nông dân của làng nào mà cứng đầu và có tổ chức như vậy. Khi chúng tôi đặt câu hỏi, từ trẻ em tới người già đều ngạc nhiên trả lời: - Ở làng chúng tôi không có tên ăn cướp nào cả. Các ông đừng có nghĩ như vậy!

Thỉnh thoảng chúng tôi có thấy họ di chuyển qua làng chúng tôi, nhưng chúng tôi không biết có phải họ là những tên ăn cướp không? Chúng tôi sống yên ổn. Chúng tôi không làm hại ai cả. Chúng tôi không biết gì cả...

Ủy ban đã thi hành các biện pháp như đã xảy ra ở làng Ossinovski. Chúng tôi bắt giữ 58 con tin.

Qua ngày 4 tháng 7 chúng tôi xử bắn trước mắt dân làng 21 con tin. Ngày hôm sau 15. Chúng tôi đã loại 60 gia đình của quân phá hoại tổng số lên đến

200 người. Cuối cùng chúng tôi đạt được mục đích. Dân làng chịu hợp tác truy lùng các tàn quân nông dân và chỉ điểm các hầm vũ khí.

Các cuộc tảo thanh càn quét kết thúc vào ngày 6 tháng 7 năm 1921. Kết quả rất tốt đẹp. Tiếng vang tràn đến các làng bên cạnh. Những người lính nông dân trốn trong xã Volots cạnh đó đã ra đầu hàng.

Ký tên: Chủ tịch ủy ban toàn quyền

Sibérie là vùng cung cấp một số lớn nông phẩm vào lúc nạn đói đe doạ trầm trọng nhất ở các tỉnh ven sông Volga.

Để xúc tiến việc thu thuế vùng Sibérie, Dzerjinski được biệt phái đến vùng này vào tháng 12 năm 1921 với tư cách là toàn quyền đặc biệt. Ông thiết lập một tòa án lưu động. Tòa án di chuyển từ làng này qua làng kia và xử án tù hay đưa đi lao động khổ sai đối với những ai không chịu đóng thuế. Các toán trưng thu, các toán thu thuế cùng với tòa án lưu động đã gây ra biết bao tội ác.

Viên chủ tịch tòa án tối cao Nikolai Krylenko đã ra lịnh điều tra các hành động sách nhiễu của các tổ chức dưới quyền của viên chỉ huy ngành công an, tướng Dzerjinski.

Ngày 14 tháng 2 năm 1922, sau khi thanh tra vùng Omsk, ông viết phúc trình: hành động lạm quyền của các toán trưng thu không thể tưởng tượng được. Họ bắt nông dân không đóng thuế nhốt vào trong các nhà kho không có lò sưởi. Họ tra đánh nông dân bằng các roi

da và hâm dọa xử bắn. Nông dân đóng thuế không đủ tiêu chuẩn thì bị trói và bắt chạy khỏa thân qua các đường phố, rồi sau đó bị nhốt trong các nhà kho không lò sưởi. Phụ nữ cũng bị bắt khỏa thân, ngồi trong các hố băng tuyết giá lạnh. Tình hình trong các làng rất là căng thẳng.

Một năm rưỡi sau, khi cho thi hành chính sách kinh tế chính trị, cơ quan công an chính trị, được coi như là nhân chứng đã làm một tờ phúc trình như sau:

Trong tỉnh Pskov, các số thuế được quy định trên 2/3 các vụ mùa thu hoạch. Bốn xã võ trang nổi dậy chống lại chính sách thuế cao.

Tỉnh Novgorod vì thất mùa nên thuế giảm xuống 1/4. Hai tỉnh Riazan và Tver bị đánh thuế 100%. Dân của hai tỉnh không còn lương thực. Họ phải đào rễ cây hay cắt cỏ để ăn, sống qua ngày. Nhưng ở đây chúng tôi không thấy các cảnh tự sát tập thể như ở Kiev khi nông dân không thể đóng thuế mà cũng chẳng có võ khí để chống lại. Gần hơn một năm nay, nạn đói đe dọa liên tục, càng làm cho người dân bi quan hơn.

Qua đến mùa Thu 1922, tình hình khả quan hơn. Sau hai năm sống trong cảnh đói kém, vụ mùa năm nay họ được phép giữ nông phẩm để ăn qua mùa Đông, với điều kiện vụ mùa Xuân phải đóng thuế trả từng phần. Năm đó số lượng ngũ cốc thu hoạch giảm rất nhiều so với 10 năm trước.

Hạn hán không phải là lý do duy nhất dẫn đến sự giảm sút trong thu hoạch. Sự thiếu tổ chức, trình độ

hiểu biết về kỹ thuật nông nghiệp quá thấp, dụng thu quá thô sơ, lỗi thời là những nguyên nhân. Ngoài ra vấn đề chiến tranh, sự chống đối của nông dân trong chính sách nông nghiệp cũng là lý do làm chậm trễ các quá trình sản xuất.

Trong lời khai, họ có nói đến cái tai họa nhưng nêu đích danh. Đó là yếu tố chính của các vụ mất mùa: chính sách trưng dụng.

Các quan đầu tỉnh của các tỉnh bị nạn đói đe dọa nhiều nhất đã cùng nhau họp tại Mạc Tư Khoa trong tháng 6 năm 1921 đã quy trách nhiệm vào chính phủ và nhất là các toán trưng dụng. Chính các toán này vì có quá nhiều quyền hành, đã lạm dụng, thi hành quá gắt gao cho nên làm cho nạn đói trầm trọng hơn. Ông Vaviline, đại diện cho tỉnh Samara giải thích rằng các ủy ban tỉnh phụ trách tiếp tế từ lúc khởi đầu trưng thu ước lượng con số quá cao. Họ thổi phồng con số trưng thu. Năm 1920, mặc dù mùa màng thất thoát, họ cũng trưng thu hàng triệu thùng lúa mì. Tất cả lúa dự trữ, lúa giống điều bị tịch thu. Qua tháng giêng năm 1921, dân không còn bánh mì để ăn. Qua tháng hai, con số người chết vì đói gia tăng. Vài tháng sau, trong tỉnh Samara không còn lực lượng chống đối nào nữa cả. Dân chỉ đến bao vây ôn hòa các văn phòng hành chánh Xô Viết hay văn phòng đảng cộng sản. Họ chờ đợi các đoàn tiếp tế lương thực trong nhiều ngày.

Chúng tôi không biết cách nào giải tán. Mỗi ngày,

họ lăn ra chết tại trụ sở, chết như con ruồi. Có đến chín trăm ngàn người chết đói trong tỉnh.

Đọc các bản báo cáo của công an địa phương, của cục tình báo quân đội, người ta biết được vụ thiếu lương thực xảy ra từ năm 1919. Từ đó, tình trạng thiếu lương thực mỗi ngày một tăng. Trong các bản phúc trình nội bộ, các ủy ban nông nghiệp và tiếp tế đều có kê khai các vùng đang bị đói và các vùng sẽ bị đói. Vụ đói ở năm 1921 là do các cuộc trưng thu cuồng nhiệt của năm 1920. Cơ quan công an chính trị suy luận rằng chính nhờ nạn đói mới giảm được sự chống đối của quần chúng. Mặc dù chính phủ biết rằng chính cưỡng bách thu mua lương thực sẽ dẫn đến hậu quả không lường được, chính phủ không dùng biện pháp nào để ngăn chận nạn đói.

Ngày 30 tháng 7 Lenine và Molotov gởi điện thư đến các bí thư tỉnh, vùng, ra lịnh họ gia tăng bộ phận thu mua và mở chiến dịch giải thích tầm mức quan trọng chính trị và kinh tế về việc đóng thuế để duy trì sức mạnh của đảng và nhà nước.

Đứng trước chính sách thi hành triệt để tiêu diệt giai cấp nông dân, tháng 6 năm 1921, các nhà trí thức, chuyên viên nông nghiệp, kinh tế, giáo sư đại học đã đứng lên thành lập Ủy ban Chống Đói trong phạm vi của Hội Canh Nông Mạc Tư khoa. Các ủy viên đầu tiên là hai kinh tế gia Krondatiev và Prokopovitch, ông Ekaterina Kouskova, cựu Bộ Trưởng tiếp tế của Chính Phủ lâm thời, một nhà văn, một ký giả và một số

chuyên viên nông nghiệp. Nhờ sự giới thiệu của Gorki, ủy ban được ông Levkamenev tiếp kiến vào trung tuần tháng 7. Lenine từ chối tiếp kiến ủy ban.

Sau cùng ủy ban thuyết phục được một số nhân vật lãnh đạo đảng về một số vấn đề. Các ủy viên trong ủy ban chống đói là những người rất có uy tín với Tây phương qua cuộc cứu đói năm 1891.

Nay họ đứng ra vận động sự giúp đỡ của quốc tế. Ủy ban đòi một quy chế cho họ. Ngày 21 tháng 7 năm 1921 chính quyền bolshévik cho hợp pháp hoá uỷ ban cứu đói dưới cái tên Ủy ban liên Nga cứu đói. Ủy ban này được phép mang dấu Hồng Thập Tự, và được toàn quyền tìm kiếm lương thực, thuốc men trong hay ngoài lãnh thổ Nga. Họ được phép xử dụng các phương tiện chuyển vận đặc biệt để mang thực phẩm đến phân phối cho các nạn nhân của nạn đói. Họ tổ chức các quán cơm miễn phí. Họ có quyền liên lạc với các cơ quan ngoại quốc. Chưa bao giờ trong lịch sử nước Nga có được một tổ chức với nhiều quyền như vậy. Sự nhượng bộ này là do sự khủng hoảng kinh tế và xã hội trong khi nước Nga đang cho thi hành tân chính sách chính tri kinh tế. Chính quyền còn đang lo sợ.

Ủy Ban liên Nga liền bắt liên lạc với Giáo chủ Tikhon của giáo hội Chính Thống. Vị Giáo chủ cùng với các giáo sĩ thành lập ủy ban cứu trợ.

Ngày 7 tháng 7 năm 1921, Giáo chủ gởi cho các tu sĩ của các nhà thờ ở Nga một bức thơ. Xác của những người chết đói là món ăn ngon nhất của những người

sắp chết đói. Mà món ăn này cũng khó mà tìm cho ra. Cảnh người ăn thịt người đã diễn ra. Hãy ra tay cứu giúp các người anh em của chúng ta. Với sự chấp thuận của giáo dân, các Người có thể xử dụng các kho tàng của giáo đường để cứu các nạn nhân đang chết đói. Các vật dụng không có giá trị tâm linh như vàng vòng nữ trang, các tượng thánh, v.v.

Sau khi được Giáo hội tiếp tay cứu trợ, Ủy ban liên Nga liên lạc với các cơ quan từ thiện quốc tế, như Hội Hồng Thập Tự, Hội Tân Giáo Ước [Quaker], Hội người Mỹ cứu trợ [ARA]. Tất cả đều phản ứng tích cực. Nhưng than ôi, Ủy Ban Liên Nga sống không quá 5 tuần lễ. Đến ngày 27 tháng 8 năm 1921, sáu ngày sau khi ký hiệp đồng với đại diện Hội cứu trợ Mỹ ông Herbert Hoover, chính quyền cộng sản giải tán Ủy ban. Đối với Lenine, một khi các con tàu Mỹ chở lương thực rời bến là nhiệm vụ của Ủy ban liên Nga hoàn tất. Phần tiếp nhận là phần của người chính quyền, ông Kouskov ký tên nhận lãnh. Đủ rồi.

Chủ tịch ủy ban Liên Nga, ông Prokopovitch bị bắt giam ba tháng vì tội phiến loạn. Một số uỷ viên của ủy ban bị tống ra nước ngoài. Một số khác bị đày đi sinh sống ở các vùng khác nhau, nơi đó không có hệ thống vận chuyển công cộng. Họ bi quản thúc và bị theo dõi hằng ngày. Chính quyền giải thích với dân chúng bằng cách công bố rằng: vì Ủy ban không chịu làm việc nên phải giải tán. Chính quyền ra lịnh cho báo chí mạ nhục. Họ gọi các ủy viên là các cậu ấm, các

tên lính của Nga Hoàng, muốn đi rong ra nước ngoài, ít chịu đi công tác ở các tỉnh. Qua báo chí, Chính quyền hạ nhục các nhà trí thức, các nhà từ thiện ít nhất hai lần trong một tháng.

Tuân hành theo chỉ thị của nhà nước, báo chí phát động chiến dịch tố khổ một danh sách 60 nhà trí thức tên tuổi trong Ủy ban Liên Nga cứu đói. Báo *Sự Thật* số ra ngày 31 tháng 8 năm 1921 chạy tin *Người ta không thể đùa bỡn với thần đói, Người ta đầu cơ trên sự đói kém, hay Ủy ban cứu trợ,.... bọn phản cách mạng*.

Khi có người nói rằng Ủy ban liên Nga đâu có làm gì phạm pháp, thì Unschlicht là một phụ tá chỉ huy ngành công an trả lời: phải rồi, họ chẳng làm gì phạm pháp. Nhưng các việc làm của họ thu hút quan tâm của xã hội. Sự việc này chúng tôi không chấp nhận. Như ông biết, khi ta đặt một nhánh cây vào ly nước, nhánh cây sẽ mọc rễ và nẫy mầm. Khi Ủy Ban liên Nga hoạt động, trong cộng đồng xã hội phát sinh ra nhiều chi nhánh khác. Chúng tôi phải rút nhánh cây ra và đập nát nó...

Thay vào vai trò của Ủy ban liên Nga, nhà nước cộng sản dựng ra Ủy ban trung ương cứu đói. Đó là một cơ chế nặng nề, quan liêu, gồm các công nhiên viên nhà nước, các uỷ viên nhân dân không có khả năng, không có uy tín, thối nát và chỉ biết ăn hối lộ.

Trong lúc có đến 30 triệu người chết đói cần cứu giúp, Ủy ban chỉ có thể trợ cứu bất thường cho chừng 3 triệu, 1/3 trên tổng số nạn nhân. Các cơ quan từ

thiện quốc tế, như Hội Hồng Thập Tự, Hội Quaker, Hội ARA, phụ lo cho chừng 10 triệu nạn nhân. Có ít nhất 1 triệu người chết đói trong những năm 1921-1922. Trong khi đó nạn đói lớn của Nga vào năm 1891 chỉ có 400 ngàn người chết ở những vùng ven sông Volga và vùng Kazakhstan. Lúc đó chính quyền và toàn dân cùng nhau tham gia vào công tác cứu trợ. Chỉ trừ ông luật sư trẻ Vladimir Lenine, đầu năm 1890 cư ngụ tại Samara là một người trí thức trong vùng đang bị nạn đói đe dọa trong năm 1891, không những không tham gia vào chiến dịch cứu đói, ông còn lên tiếng chống lại chính sách cứu trợ của chính quyền. Một người bạn của Lenine nhắc lại quan điểm của Lênine: Lenine nói trước quần chúng rằng nạn đói là cơ hội tốt cho sự ra đời lớp giai cấp vô sản. Các người vô sản sẽ là những đạo tì chôn cất giai cấp trưởng giả. Khi nạn đói hủy diệt hết các nông dân lạc hậu, chúng ta sẽ tiến dần đến mục tiêu. Đó là tiến đến Xã hội chủ nghĩa, một giai đoạn đến sau chủ nghĩa Tư Bản. Nạn đói sẽ phá hủy niềm tin của dân chúng vào Nga Hoàng và lòng tin nơi Thượng Đế.

Ba mươi năm sau, vị luật sư trở thành chủ tịch chính phủ bolshévik cũng lập lại mưu đồ của ông. Ông cho rằng nạn đói sẽ là phương tiện đánh chết kẻ thù. Kẻ thù lúc này là Giáo hội Chính Thống. Khi đàm thoại với ông Leonid Krassine về kế hoạch Điện Khí Hóa cho nước Nga, Ông nói, điện khí sẽ thay Thượng đế. Hãy để nông

dân cầu nguyện điện khí. Như vậy nông dân sẽ tin phục vào quyền lực nhà nước hơn là tin vào thượng Đế.

Từ khi thành lập Tân chính quyền, sự bang giao giữa nhà nước và Giáo hội càng ngày càng tồi tệ hơn. Ngày 5 tháng 2 năm 1918, chính quyền ra nghị quyết tách rời Giáo Hội ra khỏi nhà nước, ra khỏi nhà trường và quốc hữu hóa tất cả tài sản của Giáo Hội. Dưới thời Nga Hoàng, Chính Thống Giáo là quốc giáo. Để chống lại hành động vi phạm vào vai trò truyền thống của Giáo hội, Giáo chủ Tikhon đã gởi bốn bức thư đến giáo dân. Người bolshévik liên tục đã phá giáo hội bằng cách bôi xấu tên thánh của các vị thánh. Họ tổ chức các cuộc hội hoa phản tôn giáo trong những ngày Thánh Lễ. Họ đòi biến Tu viện lớn Trinité Saint Serge gần thủ đô, thành viện bảo tàng vô thần. Các vị giám mục chống lại lời đề nghị của bolshévik đều bị bắt giam. Lenine lấy cớ nạn đói để tiêu diệt Tôn giáo.

Ngày 26 tháng 2 năm 1922, trên các báo của nhà nước đăng một nghị định của chính phủ cho tịch thu lập tức tất cả các quý vật bằng vàng, bạc hay đá quý của các Thánh đường, Tu viện nếu những vật dụng này không dùng vào trong các cuộc hành lễ. Tất cả quý vật phải chuyển giao cho bộ Tài Chánh. Bộ này có quyền xử dụng trong công tác cứu trợ nạn đói.

Các biện pháp tiến hành tịch thu tài sản Giáo hội bắt đầu vào tháng 3 và tiếp diễn sau đó với nhiều vụ đụng độ giữa các toán trông thu và các tín đồ trung tín. Vụ chống đối lớn xảy ra tại Chouia vào ngày 15 tháng 3

năm 1922. Đây là một thành phố nhỏ có nhiều nhà máy, nằm trong tỉnh Ivanovo. Quân đội nổ súng vào đám đông tín đồ bắn chết 10 người. Lấy cớ các cuộc chống đối của tín đồ, Lênine ra tay tiêu diệt tôn giáo.

Trong một văn thư gởi cho các thành viên của Bộ chính trị đề ngày 19 tháng 3 năm 1922, với lời lẽ vô liêm sĩ, Lenine giải thích: Nạn đói là công cụ để đánh chết đầu não của kẻ thù. Về biến cố ở

Chouia, chúng ta phải quyết định ngay bây giờ vì nó nằm trong chính sách đấu tranh toàn diện của chúng ta. Cứ theo như các tin trên báo chí, chúng ta cần phải xét đến thái độ chống chính sách tịch thu tài sản của các tín đồ và nhất là lập trường của Giáo chủ Tikhon. Hiện giờ Giáo Hội của một trăm tên áo đen [100 Linh Mục] đang tổ chức chống lại nhà nước. Tôi nghĩ rằng kẻ thù của chúng ta đã tính sai. Lúc này là lúc thuận lợi cho chúng ta hơn là cho bọn chúng. Sự thành công của chúng ta có thể lên đến 99%. Nó cho phép chúng ta đánh gục bọn đầu não và chúng ta củng cố địa vị cần thiết cho lúc này và cho vài thập niên về sau. Trong cái khung cảnh người ăn thịt người, người chết hàng trăm, hàng ngàn nằm ngổn ngang, chúng ta phải thu hết nghị lực, phải hết sức dữ tợn, hết sức tàn nhẫn mới tịch thu tài sản của Giáo hội được. Chỉ có lúc này là lúc mà nông dân sẽ bỏ bọn Giáo sĩ, bọn tiểu tư sản, chạy về phía chúng ta. Chúng ta có thể cưỡng đoạt kho tàng trị giá cả trăm triệu Rúp. Nếu không có tài sản này, chúng ta không thể nào thực hiện được công trình

xây dựng kinh tế, hành chánh và phòng thủ. Chúng ta sẽ không thể đứng vững được. Chiến dịch tịch thu phải được thi hành ngay lúc này. Chính vì tình hình đói kém, dân chúng chẳng quan tâm đến tình cảm hay xúc động.

Vì vậy tôi đi kến kết luận rõ ràng là phải đập tan bọn Giáo sĩ, bọn trăm người áo đen quyết liệt và tàn nhẫn. Tôi đề nghị chương trình hành động của chúng ta như sau:

Giao cho đảng viên Kalinine giải quyết cấp bách mọi vấn đề. Không cho Trotski xuất hiện trước công chúng hay trên báo chí. Gởi ngay một ủy viên thông minh và cương quyết của uỷ ban hành pháp trung ương đến Chouia. Không ra văn thư mà bằng khẩu lịnh cho bắt giam giáo sĩ càng nhiều càng tốt. Phải bắt ít nhất vài chục tiểu tư sản và thương gia và tố cáo họ đã tham gia trực tiếp hay gián tiếp vào các cuộc chống đối chính sách trưng thu tài sản giáo hội. Sau khi thi hành nhiệm vụ, nhân viên thi hành phải báo cáo cho Bộ chính trị hay ít nhất cũng phải báo cáo cho hai thành viên của bộ. Căn cứ vào bản báo cáo, Bộ chính trị sẽ ra khẩu lịnh cho các cơ quan hữu trách Tư Pháp thi hành bản án các phần tử phản loạn trong biến cố ở Chouia. Xử bắn một số lớn của 100 tên áo đen cùng với các giáo dân ở thủ đô Mạc Tư khoa hay các trung tâm giáo dân khác. Chúng ta phải cho chúng một bài học ngay bây giờ để cho chúng không còn dám nghĩ đến một hình thức chống cự nào nữa trong vài chục năm sau.

Căn cứ trên các bản phúc trình hằng tuần của cơ quan công an chính trị, cao điểm của chiến dịch tịch thu tài sản Giáo hội xảy ra hồi tháng 3, tháng 4 và tháng 5 năm 1922. Trong số 1.414 vụ chống cự, có 2.691 Linh mục, 1.962 nữ tu sĩ và 3.447 nam tu sĩ ở các dòng tu kín bị hạt sát. Nhà nước mở các vụ xử án tu sĩ công khai tại Mạc Tư Khoa, Ivanovo, Chouia, Smolensk, Petrograd. Theo chỉ thị của Lenine, Bộ chính trị đưa ra một số biện pháp. Từ ngày 15 đến ngày 20 bắt giam vị Giáo chủ và các Giám mục trong hội đồng Giáo hội. Trong vòng một tuần lễ đưa ra tòa án những người theo đạo Chính Thống tại Chouia. Xử bắn các người cầm đầu cuộc nổi loạn. Trong một báo cáo gởi về Bộ chính trị, Dzerjinski cho biết Giáo chủ và phe của ông ta có hành động rõ ràng chống lại lịnh tịch thu tài sản của giáo hội. Nhà nước có đủ chứng cớ để bắt giam Giáo chủ Tikhon và những thành viên phản động nhất của giáo khu. Việc bắt giam là một hành động hợp thời và hợp pháp. Linh mục nào chống lại lịnh tịch thu là kẻ thù của nhân dân.

Ở Petrograd, có 76 giáo sĩ bị bắt giam trong các trại lao động khổ sai, 4 vị bị hành quyết trong đó có vị Tổng giám mục giáo phận Petrograd tên là Benjamin được bầu vào năm 1917. Vị Tổng Giám mục này rất gần dân. Ông kêu gọi Giáo Hội độc lập với nhà cầm quyền ở Petrograd.

Ở Mạc Tư Khoa, có 140 Linh mục và giáo dân bị bắt lưu đày lao động khổ sai. Sau đó họ bị kết án tử

hình. Giáo chủ Tikhon bị nhốt tại tu viện Donskoi ở Mạc Tư Khoa.

Vài tuần lễ sau khi diễn đi diễn lại trò xử án, ngày 28 tháng 2, báo chí đăng tin xử lại vụ án Mạc Tư Khoa. 34 thành viên đảng xã hội cách mạng bị kết tội phản cách mạng và chống lại chính quyền bolshévik, là ban chỉ đạo cuộc nổi loạn ở Tambov, trong đó gồm luôn vụ mưu sát Lenine xảy ra ngày 31 tháng 7 năm 1918.

Lenine cho áp dụng hình thức bị cáo hỗn hợp, như trong năm 1930 sau này Staline áp dụng. Nó gồm cả thành phần chính trị, mười hai thành viên của Ủy ban trung ương đảng xã hội cách mạng do Abrmham Gots cầm đầu và các người khiêu khích do chính quyền gài vô. Họ tố cáo các người cùng bị can và khai những lời tự thú của mình. Theo nhận xét của bà Hélène Carrère d'Encause thuộc Hàn lâm viện của Pháp, là để thử nghiệm phương pháp tố cáo cho ăn khớp với nhau, có xuất xứ là một sự thật. Cuộc chống đối của lực lượng xã hội cách mạng chống lại chính quyền bolshévik từ năm 1918 sẽ đưa đến một nguyên tắc là mọi sự chống đối cuối cùng là đưa đến việc cộng tác với giới tư sản quốc tế.

Chính quyền dàn cảnh các cuộc biểu tình của dân chúng ở bên ngoài các tòa án, đòi xử tử hình các tên khủng bố.

Ngày 7 tháng 8, có 10 đảng viên đảng xã hội cách mạng bị kết án tử hình. Nhờ các cuộc vận động quốc tế của một số nhà trí thức Nga trốn ra nước ngoài, cùng

với tình hình căng thẳng ở nông thôn, nhà nước cộng sản tạm thời ngưng thi hành các bản án với điều kiện đảng xã hội ngưng các hoạt động chống lại nhà nước.

Tháng giêng năm 1924, các bản án Tử hình giảm xuống án 5 năm lao động khổ sai. Nhưng các tù nhân sau 5 năm không được thả ra. Họ bị xử tử vào năm 1930 khi mà dư luận thế giới quên đi và tình hình trong nước không còn là mối lo cho chính quyền nữa.

Kể từ 1 tháng 6 năm 1922, nhà nước cho ban hành bộ hình luật mới. Lenine theo dõi sự soạn thảo các điều khoản của bộ luật. Bộ hình luật mới cho phép dùng bạo lực chống lại kẻ thù chính trị. Bằng chứng của các vụ thủ tiêu nhanh chóng không còn giá trị trong thời chiến. Trong các bản dự thảo theo đề nghị của ông, đề ngày 15 tháng 3 năm 1922, Lenine bày tỏ ý kiến với viên chủ tịch nhân dân phụ trách Tư pháp Kourskii: theo thiển ý của tôi, phải nới rộng tất tầm xét xử tội tử hình cho tất cả các hoạt động của bọn Menshévik, bọn cách mạng xã hội. Ta hãy tạo ra một hình phạt mới. Đó là hình phạt tống ra các vùng xa xôi hay ra nước ngoài. Phải tu chính một số hình thức kết tội các hoạt động có liên quan đến bọn tư sản quốc tế.

Hai ngày sau, Lenine chỉ thị thêm cho Kourskii:

Đồng chí, tôi muốn thêm vào bản dự thảo một khoản bổ túc cho bản tân hình luật. Việc cần thiết là phải rõ ràng. Phải đặt ra một nguyên tắc cho đúng với đường lối chính trị, chớ không phải chỉ trong phạm vi hẹp hòi của tư pháp. Các nguyên tắc này sẽ là nguyên

do thúc đẩy các cuộc khủng bố. Thiết lập các nguyên tắc rõ ràng, không gian lận, không che giấu. Các điều khoản của hình luật càng cởi mở càng tốt. Chỉ có ý thức cách mạng hợp pháp mới tạo ra các điều kiện áp dụng cho các việc làm.

CHƯƠNG 6
TỪ CUỘC HƯU CHIẾN ĐẾN ĐOẠN QUANH LỚN

Thời gian 5 năm, từ đầu năm 1923 cho đến cuối năm 1927, cuộc đối đầu giữa chính quyền Bolshévik và đảng toàn xã hội đã tạm ngưng. Việc tranh giành địa vị để thừa kế Lénine, qua đời ngày 24 tháng giêng năm 1924, sau một thời gian bị tê liệt vì bệnh đứt gân máu ở não vào tháng 3 năm 1923, và trong khoảng tám tháng ông nằm liệt nên ông đã không tham gia được vào một hoạt động chính trị gì cả. Cơn bệnh của Lénine đưa mọi hướng hoạt động của các lãnh tụ bolshévik tập trung vào việc tìm coi ai là người thừa kế để lãnh đạo Đảng và nhà nước. Nhờ vậy, mà trong vòng 5 năm, xã hội Nga có thời gian để băng bó lại các đổ vỡ.

Trong khoảng thời gian 5 năm này, Xã hội của nông

dân họ bao gồm gần 85% toàn thể các dân số của nước Nga đã cố lập lại các cuộc trao đổi để thương lượng các sản phẩm của sức lao động của chính họ và được sống theo sở nguyện, như theo định thức đẹp đẽ của sử gia lớn chuyên nghiên cứu về thân phận của nông dân Nga. Định thức mà ông gọi là: cuộc chuyển vận trong ảo tưởng của nông dân. Các người Bolshévik đã đặt tên ảo tưởng này là Eserovschina, nếu ta chuyển nghĩa thì gần như là: Tâm trạng xã hội cách mạng, được căn cứ vào 4 nguyên tắc và cũng là căn bản của mọi chương trình hoạt động của giới nông dân từ nhiều thập niên đã qua: chấm dứt quyền sở hữu của các vị điền chủ và phân chia ruộng đất cho các nông dân tùy theo số nhân khẩu của mỗi gia đình, quyền được tự do định đoạt cách dùng các sản phẩm do các nông dân tạo ra với sức lao động của họ, tự do mua bán và ở các vùng nông thôn, họ tự quản. Nông dân thay mặt cho các cộng đồng làng xã với sự hạn chế hiện diện vào việc can thiệp nội bộ tại các làng xã của nhà nước Bolshévik. Chỉ lập một ban Sô Viết cho vài làng và một tổ của Đảng Cộng sản cho 100 làng.

Được chính quyền chấp nhận một phần nào đó, được tạm dung thứ vì đó là một dấu hiệu lạc hậu trong một nước mà yếu tố của kinh tế thị trường lại chính là nông dân, đã bị gián đoạn từ năm 1914 đến năm 1922 vừa được khởi hoạt động trở lại. Sau các vụ làm mùa, với thời gian rãnh rỗi, các nông dân từ các làng quê đổ về các thành phố để tìm việc làm hòng kiếm thêm

lợi tức. Việc này đã có từ lâu dưới chế độ Nga hoàng; các ngành kỹ nghệ của nhà nước không quan tâm đến việc sản xuất các vật dụng cần thiết cho việc tiêu dùng hàng ngày nhờ vậy các ngành nghề thủ công nghiệp nơi nông thôn đã phát triển khả quan, nạn thiếu lương thực và đói kém đã bắt đầu bớt đi và các nông dân đã có cái ăn hàng ngày.

Sự an sinh trước mắt không che dấu được các mối bất đồng giữa chế độ Bolshévik và xã hội Nga, vì họ chưa quên các cuộc bạo động mà chính họ là nạn nhân. Giá các nông sản quá hạ và các bất mãn của giới nông dân quá nhiều, giá các sản phẩm công nghệ thì quá cao và lại rất ít; có thể gọi là hiếm có vì các sắc thuế quá nặng. Giới nông dân họ có cảm tưởng họ là loại công dân hạng thứ hai, so với các người dân ở thành phố và đáng kể là các công nhân được coi là các người dân được ưu đãi. Nông dân đã than van rất nhiều về các việc lộng quyền của các cán bộ đại diện căn bản của chế độ Sô Viết; các người này được đào tạo từ môi trường Cộng sản chiến tranh. Các cán bộ này đã lạm dụng tuyệt đối các quyền lực mà họ đã có được từ xưa những tập tục và thói quen hay từ những chính sách khủng bố và đàn áp từ những năm 1918 cho đến 1923. Các cơ quan hành chánh, tư pháp và cảnh sát đều bị hư hỏng vì nạn say rượu, nạn đòi hối lộ công khai, nạn quan liêu và các tư cách bất nhã đối với toàn thể các nông dân. Bản phúc trình dài của cơ quan Cảnh sát chính trị vào cuối năm 1925 đã nhìn nhận về tình trạng

hợp pháp của xã hội chủ nghĩa ở nông thôn đã xác nhận các tệ đoan kể trên.

Mặc dù các lãnh tụ Bolshévik cũng là các người đại diện cho chính quyền Sô Viết đã lên án các tệ đoan xảy ra ở nông thôn nhưng họ vẫn lo sợ đề phòng là nơi có thể phát xuất các điều bất lợi và có thể coi là nguy hiểm có thể đe dọa đến quyền lực của họ. Họ coi nơi đây là nơi: chứa đựng các phần tử koulaks, các người xã hội cách mạng, các linh mục, các vị cựu địa chủ chưa bị thủ tiêu. Đây là tất cả các lời được biểu lộ trong một bản phúc trình của viên chỉ huy cảnh sát chính trị ở Toula. Và các tài liệu của ngành tình báo nơi cơ quan Guépou (tên mới của cơ quan này thay thế cho tên Tchéka), cũng báo cáo là các giới công nhân cũng cần phải kiểm soát gắt gao. Giới công nhân được phục hồi sau những năm xảy ra nội chiến, cách mạng. Họ vẫn còn giữ được các mối liên lạc với giới nông thôn thù nghịch chính quyền. Các người điểm chỉ đã hiện diện rất nhiều trong các xí nghiệp, theo dõi từ các lời nói đến các hành động của các công nhân, coi họ có đi sai hướng chỉ định của chính quyền hay không.

Các khí sắc nông dân được chỉ cho những công nhân đã trở về làm việc trở lại sau những ngày nghỉ hàng năm trở về làng quê, giúp thân nhân của họ làm việc trong những ngày mùa. Những bản phúc trình của các cơ quan cảnh sát đã phân tích tỉ mỉ các phần tử chống đối trong giới công nhân, thường nằm trong hệ thống tiểu tổ của xã hội cách mạng và các phần tử lạc

hậu về chính trị này thường xuất phát từ nông thôn, được coi là các phần tử ít hiểu biết về chính trị. Những sự đình công và ngưng làm việc thường xảy ra trong các năm này, vì số người thất nghiệp lên rất cao. Cuộc sống hàng ngày được cải thiện phần nào cho những người có việc làm. Tất cả đều được phân tích kỹ và các người cầm đầu đều bị bắt.

Ngày hôm nay chúng ta được tham khảo các tài liệu chính trị nội bộ của cơ quan cảnh sát, đã cho ta biết là sau nhiều năm cơ quan này phát triển quá mau đã bắt đầu gặp các khó khăn vì việc tạm ngưng chương trình tự nguyện Bolshévik để biến đổi cải cách xã hội. Trong 2 năm 1924-1926, Dzerjinski đã phải đấu tranh nhiều với một vài lãnh tụ Bolshévik vì các vị này đã đòi giảm bớt nhân số của các cơ quan Tchéka vì với việc thay đổi tình hình được coi như tạm yên. Do vậy, con số nhân sự này được coi là quá nhiều không còn thích ứng nữa. Và đây là lần thứ nhất mà sự việc giảm nhân sự xảy ra rất mạnh bạo. Đến năm 1953 mới lại xảy ra lần thứ hai việc giảm nhân viên ngành cảnh sát chính trị. Năm 1921 cơ quan Tchéka có 105.000 nhân viên dân chính và 180.000 nhân viên quân sự đặc biệt, bao gồm luôn các lực lượng biên giới, các toán Tchéka phụ trách an ninh cho các cơ quan xe hỏa (đường sắt) và các toán canh gác các trại tập trung. Qua đến năm 1925, cơ quan này chỉ còn lại 26.000 nhân viên dân chính và khoảng 60.000 ngàn nhân viên quân sự. Cộng thêm với các con số này còn có thêm lối 30.000 người

điểm chỉ, so với con số người loại này vào năm 1921, với các tài liệu tham khảo các con số này không được biết rõ. Tháng chạp năm 1924, trong thơ của Nikolai Boukharine gởi cho Feliks Dzerjinski, ông đã viết: Chúng ta cần phải chuyển qua giai đoạn tự do hơn của chính quyền Sô Viết: bớt đàn áp, các việc làm phải hợp pháp, mở nhiều cuộc bàn cải, cho tản quyền về các địa phương và lẽ dĩ nhiên phải dưới sự chỉ đạo của đảng Cộng Sản. Vài tháng sau đó, ngày 1 tháng 5 năm 1925 Chủ Tịch Tòa An Cách Mạng, Nikolai Krylenko người đã chủ tọa cuộc xử án trá hình tư pháp (mascarade) của cuộc xử án các người cách mạng, đã gởi một bản phúc trình dài lên bộ chính trị đảng Cộng sản Nga, ông đã chỉ trích các việc lạm dụng của cơ quan Guépou đã có những hành động vượt quá mức giới hạn đối với các sắc luật mà họ có trọng trách phải thi hành. Năm 1922-1923 đã có nhiều sắc luật được ban ra với tác dụng hạn chế các khả năng của cơ quan Guépou về các việc liên quan đến: gián điệp, ăn cướp, tiền giả và phản cách mạng. Đối với các tội ác kể trên, cơ quan Guépou sẽ là Ông Tòa duy nhất và với tập đoàn đặc biệt của họ, họ có thể tuyên án, lưu đày hay cưỡng bách cư ngụ để dễ bề kiểm soát cho tới 3 năm, cho đi tập trung vào các trại lao động cưỡng bách hay tối đa là án tử hình. Năm 1924, trong số 64.000 hồ sơ được cơ quan Guépou phụ trách thì 52.000 hồ sơ được chuyển qua các tòa án thường. Các cơ quan tư pháp của Guépou đã lưu lại 9.000 hồ sơ, một con số quá cao

so với hiện tình chính trị được coi như là ổn định. Ông Nikolai Krylenko nhắc lại: các điều kiện sinh sống của các người bị đưa đi đày ở các vùng hẻo lánh tại Sibérie, không được cấp phát một đồng tiền nào, các người này đã sống quá thê thảm. Trong số này có các sinh viên tuổi từ 18 đến 19 và các người già 70 tuổi. Thành phần nhiều hơn hết là các thành viên của Giáo hội và các phụ nữ già, họ thuộc vào thành phần nguy hiểm cho xã hội và Nikolai Krylendo cũng đề nghị giới hạn việc dùng danh từ phản cách mạng, danh từ này chỉ được dùng riêng cho các đoàn viên các đảng chính trị, đại diện của các quyền lợi kinh tế của các người trung lưu trưởng giả để hầu tránh được việc lạm dụng quá độ các từ này trong các ngành nơi cơ quan Guépou.

Đứng trước các sự chỉ trích trên, Dzerjinski và các viên phụ tá của ông đã gởi lên các vị lãnh tụ Bolshévik là những người chỉ huy cao cấp của Đảng, và riêng cho Staline, nhiều bản báo cáo báo động về các rắc rối nó kéo dài trong nước Ba Lan, các nước Baltes, nước Anh, nước Pháp và nước Nhật.

Về bản phúc trình các hoạt động của cơ quan Guépou trong năm 1924 gồm có:

- Bắt giam 11.453 tên ăn cướp trong số này đã hành quyết 1.858 tên tại chỗ.

- Điều tra 926 người ngoại quốc và trong số này đã trục xuất 357 người ra khỏi nước Nga và bắt giam 1.542 tên tội phạm làm gián điệp.

- Đã hành quân 81 lần chống lại các nhóm vô chính phủ và bắt giam 266 người.

- Được điểm chỉ và phá vỡ một mưu toan nổi loạn của Bạch quân ở Crimée, và đã hành quyết 132 người trong khuôn khổ của cuộc mưu toan nổi dậy này.

Đã thanh toán 14 tổ chức và bắt giam 540 người, sáu tổ chức cách mạng xã hội thiên hữu và bắt giam 152 người, bảy tổ chức xã hội cách mạng thiên tả và bắt giam 52 người, 117 tổ chức các người trí thức đủ loại và bắt giam 1360 người, hai mươi bốn tổ chức bảo hoàng và bắt giam 1.245 người, 85 tổ chức đạo và giáo phái cùng bắt giam 1.765 người, và 675 nhóm người koulaks bắt giam 1.148 người.

- Trong 2 cuộc ruồng bắt lớn diễn ra vào tháng 2 và tháng 7 năm 1924 và trục xuất ra khỏi các thành phố Moscou và Léningrad khoảng 4.500 tên ăn trộm, các tên tái phạm, các tên đã theo kế hoạch nepmen (NEP các tiểu thương và các tên thầu khoán nhỏ)

- Đã cho kiểm soát và theo dõi chặt chẽ từ mỗi cá nhân, có 18.200 người bị xếp vào thành phần nguy hiểm cho xã hội.

- Đã cho canh chừng 15.501 xí nghiệp và cơ sở hành chánh.

- Đã đọc và kiểm duyệt 5.078.114 thư từ và các văn thư liên lạc đủ loại.

Với các việc làm kể trên đây, với các con số được coi là chính xác đã nói lên sự lố bịch trơ trẽn của chế độ thư lại, vậy có thể đáng tin hay không? Và nằm trong

kế hoạch về ngân sách của cơ quan Guépou cho năm 1925 đã nói lên sự kiện là cơ quan này sẽ không bớt hay là nới tay về việc phòng vệ và bảo vệ, đây là nhiệm vụ chính trị chánh của cơ quan cảnh sát và tương xứng với ngân sách được cấp phát. Các dữ kiện này là tư liệu quý giá đối với các sử gia, vì ngoài các con số nêu trên việc hành sự chuyên quyền đủ loại tự nó đã nói lên được việc hành sự thường trực đối với các kẻ thù có tiềm năng, cơ quan Guépou có một vài hệ thống bớt hoạt động nhưng vẫn được đặt trong tình trạng sẵn sàng hành động.

Mặc dầu ngân sách bị cắt giảm và cũng do các lời chỉ trích không có kết quả của các viên lãnh tụ Bolshévik, các hoạt động của cơ quan Guépou còn được khuyến khích bởi các điều mà luật hình sự được sửa đổi cho thêm cứng rắn hơn. Căn cứ trên: các nguyên tắc căn bản nơi hình luật của Liên Bang Sô Viết, được chấp thuận ngày 31 tháng 10 năm 1924 và Bộ luật mới về Hình luật được ban hành năm 1926, đã mở tầm giải thích rộng rãi hơn những tội ác bị coi là phản cách mạng và xếp thành luật các người bị coi là nguy hiểm cho xã hội mọi hoạt động dù không nhắm thẳng vào việc lật đổ hay làm suy yếu chính quyền Sô Viết và bị coi là phạm nhân đã vi phạm vào các quyền lợi đạt được về chính trị và kinh tế của cuộc cách mạng vô sản. Như vậy đạo luật này sẽ trừng phạt mọi trường hợp bất chính và cả các mưu toan hay ý đồ có dính líu đến các trường hợp sẽ xảy ra.

Cũng bị xếp loại và coi như thành phần nguy hiểm cho xã hội tất cả các cá nhân nào đã làm một hành động nguy hiểm đối với xã hội hay là có dính líu hoặc liên quan đến các giới tội ác hay trong quá khứ đã có một hành động nào bị coi là một hiểm nguy. Các người bị chỉ định tùy theo các tiêu chuẩn rất là co giản có thể bị lên án mặc dầu thiếu các bằng chứng là thủ phạm. Và hình luật này còn giải thích rỏ ràng là tòa án có thể cho thi hành các biện pháp để bảo vệ xã hội, các người đã bị coi là thành phần nguy hiểm cho xã hội vì đã vi phạm một khinh tội được xác định, hay trong trường hợp bị truy tố đã phạm phải một khinh tội được xác định và được tòa án phán xét là vô tội vẫn bị coi là nguy hiểm cho xã hội. Tất cả các khuynh hướng được coi là luật hình sự của năm 1926 có điều phi thường, số 28 với 14 phụ chương xác định các tội danh phản cách mạng đã củng cố căn bản hợp pháp của các cuộc khủng bố của chế độ. Ngày 4 tháng 5 năm 1926, Dzerjinski đã gởi một văn thư cho phụ tá của ông là Iagoda, trong văn thư này ông ta nói về một chương trình rộng lớn để chống lại các sự đầu cơ, đã phân tích các ranh giới của chính sách NEP (tân chính sách kinh tế chính trị do Lénine đề ra) và tinh thần cuộc nội chiến thường trực của các người lãnh đạo cao cấp của chế độ, như sau:

"... Cuộc chiến chống lại các sự đầu cơ có một tính cách quan trọng cho ngày hôm nay. Chúng ta cần quét sạch ra khỏi thành phố Moscou các phần tử ăn

bám và các bọn đầu cơ. Tôi đã ra lịnh cho Pauker thu thập tất cả các tài liệu hiện đang có về việc lập phiếu cá nhân của người dân cư ngụ tại Moscou để giải quyết vấn đề này. Cho đến ngày hôm nay, tôi chưa nhận được gì cả. Đồng chí có nghỉ rằng chúng ta phải cho thành lập một bộ đặc biệt để di dân đi khẩn khoang và ngân sách đặc biệt này sẽ cho các số tiền mà chúng ta đã tịch thâu, để đài thọ cho công tác này. Chúng ta sẽ đưa các phần tử ăn bám này và gia đình của họ đến cư ngụ ở các thành phố hẻo lánh và khổ cực này ở những vùng xa xôi của đất nước Nga, theo một kế hoạch đã được soạn thảo trước và được sự chấp thuận của chính phủ. Chúng ta cần quét sạch các thành phố nơi có nhiều trăm ngàn người ăn bám và đầu cơ, họ đang sống sung túc. Các tên ăn hại này đang lủng đoạn và tiêu diệt chúng ta. Vì bọn chúng là thủ phạm đã tạo nên sự khan hiếm các vật dụng kỹ nghệ sản xuất và các hàng hóa để cung cấp cho các nông dân. Vì chúng giá cả đã leo thang và đồng tiền rúp đã mất giá? Cơ quan Guépou phải ra tay hành động liền để giải quyết vấn đề này với tất cả các nghị lực của cơ quan."

Trong các đặc điểm khác của chế độ hình luật Sô Viết có nói đến sự hình thành của hai hệ thống phân biệt truy tố tội phạm: một là Tư Pháp, hai là Hành Chánh. Và có hai chế độ lao tù: một do Bộ Nội Vụ và một do cơ quan Guépou đảm trách. Các nhà tù đã có sẵn một hệ thống cũ để giam các tội phạm bị kết án do

các thủ tục tố tụng thường dùng, còn có một hệ thống các trại tập trung cưỡng bách lao động do cơ quan Guépou quản lý để giam cầm các tội phạm bị kết án do các thủ tục tố tụng đặc biệt của ngành cảnh sát chính trị để xử tất cả các loại tội trạng thuộc về: phản cách mạng dưới mọi hình thức, các tên đại cường đạo, làm tiền giả và các tội của các nhân viên cảnh sát chính trị gây ra.

Năm 1922, chính phủ đề nghị lập một trại tập trung lớn ở đảo Solovki, năm hòn đảo trên Bạch Hải nằm ngoài khơi vùng Arkhangelsk, và một hòn đảo lớn có một tu viện lớn của Giáo hội Chính thống Nga. Sau khi đã đuổi các tu sĩ ở đây đi nơi khác, cơ quan Guépou đã tổ chức ở quần đảo nhiều trại tập trung được mang danh là SLON (Trại đặc biệt ở Solovki). Các số tù nhân đầu tiên được lấy ra từ các trại ở Kholmogory và ở Pertaminsk đã đến Solovki vào đầu tháng 7 năm 1923. Đến cuối năm con số các . lên đến 4000 người và sang đến năm 1927 con số lên đến 15000 người và cuối năm 1928 là 30.000 người.

Một đặc điểm của các trại ở Solovki là họ áp dụng chế độ tự quản, ngoài viên giám đốc và vài nhân viên có trách nhiệm, tất cả các dịch vụ của các trại đều do các phạm nhơn đảm nhận. Các phạm nhân này là cựu cộng tác viên và cựu nhân viên của cơ quan Cảnh sát chính trị. Các hành động của các loại người này đã đưa đến một kết quả là việc chuyên quyền toàn bộ về việc tự quản trị và làm tăng thêm các đặc quyền hưởng

lợi, được thừa hưởng rộng rãi dưới chế độ cũ, vì các tù nhân được hưởng quy chế là tù nhân chính trị.

Với chính sách NEP, cơ quan hành chánh của Guépou đã phân loại ra ba hạng tù phạm.

Hạng thứ nhất bao gồm các tù phạm thuộc về chính trị, riêng biệt cho các cựu đảng viên của đảng Menshévik, xã hội cách mạng và vô chính phủ, các tù phạm này đã đòi được ở Dzerjinski và được hưởng một chế độ chính trị khoan hồng vì Dzerjinski cũng đã là tù phạm chính trị và đã ở tù 10 năm luôn cả thời gian bị đưa di lưu đày. Họ được hưởng một khẩu phần ăn gọi là khẩu phần chính trị, được quyền giữ một vài vật dụng dùng cho cá nhân, có quyền được nhận báo chí của thân nhân gởi vào và không bị bắt buộc làm các việc khổ sai. Đến cuối thập niên 20, quy chế này bị bãi bỏ.

Hạng hai là hạng tù phạm nhiều hơn các hạng khác gồm có các thành phần phản cách mạng: đoàn viên các đảng không thuộc phe xã hội hay vô chính phủ, các thành viên của giáo hội, các cựu sĩ quan của Nga Hoàng, các cựu công chức, các người Cosaque, các người đã tham dự vào cuộc nổi loạn ở Kronstadt và ở Tambov, và tất cả các người bị tuyên án theo điều luật số 58 của luật hình sự.

Hạng thứ ba gồm các tù phạm thuộc luật thường phạm như: ăn cướp, làm tiền giả do các tòa án Guépou kết án và những cựu nhân viên của cơ quan Tchéka mang các tội loại thường phạm và vi phạm các tội của cơ quan này.

Những người Phản cách mạng bị giam chung với các người này và những người tù phạm thuộc loại luật thường phạm họ tác yêu, tác quái trong trại giam, các người phản cách mạng phải chịu đựng rất nhiều sự chuyên chế hoàn toàn, khổ cực, phải chịu đói vì phần ăn của họ đã bị những người kia cướp đoạt, với thời tiết quá lạnh vào mùa Đông và qua mùa Hè phải chịu đựng nạn muỗi cắn vì vùng này có quá nhiều ao, hồ. Một hình thức tra tấn thường diễn ra ở nơi dây là bắt các nạn nhân ở nơi đây cởi bỏ tất cả quần áo và trói họ lại rồi bắt đứng cả đêm ở ngoài rừng để cho muỗi chích. Khi bị bắt buộc phải di chuyển từ trại này qua trại khác, các tù phạm xin được trói hai tay về phía sau lưng, và đó là điều được ghi ở trong bản điều lệ của trại giam. Đó là cách duy nhất tự vệ của tù phạm, để khỏi phải bị giết vì lý do muốn tẩu thoát. Và sau khi đã hạ sát một tù phạm chỉ cần một báo cáo cộc lốc như vậy. Nhà văn có danh ở trong đám các tù phạm tại Solovki tên Varlam Chalamov, ông thuộc loại các tù phạm về chính trị và đã viết lên các thảm trạng xảy ra ở nơi này.

Và với các kinh nghiệm khai thác sức lao động khổ sai của các người tù ở Solovki của cơ quan Guépou trong những năm nội chiến, và phương pháp xử dụng hình phạt khổ sai lao động đã phát triển triệt để vào các năm 1929. Trong thời gian từ khi các trại này được thiết lập, các tù phạm được xử dụng rất ít vào các việc làm sản xuất ở trong vòng các trại, cho đến năm

1925. Bắt đầu từ năm 1926, ban giám đóc của trại tù ở Solovki đã ký các khế ước để sản xuất với các cơ quan quốc doanh và khai thác hợp lý nguồn lao động khổ sai này thành được một nguồn lợi và không giống như các năm 1919-1920 khác với lý thuyết khi các trại tập trung đầu tiên được thành lập là: lao động sửa sai và để tái cải huấn các tù phạm. Được tái tổ chức dưới danh xưng USLON (Direction des camps spéciaux du Nord), Ban lãnh đạo các trại giam đặc biệt ở miền Bắc; các trại giam đặc biệt Solovki được thiết lập thêm rất nhiều nằm rải rác trên lục địa và khởi đầu ở các vùng ven Bạch Hải. Năm 1926-1927 nhiều trại mới được thiết lập ở cửa sông Petchora, ở vùng Kem và ở nhiều vùng đất độc ở các ven biển không có người sinh sống, và đi vào phía sâu trong các vùng này có toàn là những khu rừng gỗ để khai thác. Các tù nhân phải được thực hành một kế hoạch và chương trình sản xuất và phải thực hiện đủ số cây gỗ được hạ xuống và đúng thời hạn chỉ định. Các chương trình sản xuất với chỉ số gia tăng việc cung cấp gỗ cho các cơ quan quốc doanh nên cần thêm một số tù phạm, và số tù phạm này gia tăng rất mau và rất nhiều. Vì yếu tố kể trên, bắt đầu từ năm 1929, tất cả các tù phạm nào bị kết án trên 3 năm đều bị đưa đi về các trại lao động khổ sai để tham gia vào việc sản xuất và cung cấp cây gỗ cho các khế ước đã được ký kết. Biện pháp này đã làm phát triển thêm các trại lao động khổ sai. Đây là nơi mà có thể nói là phòng thí nghiệm về lao động khổ sai, các trại tập trung đặc

biệt ở quần đảo Solovki là khuôn khổ của một bán đảo khác đang được thai nghén - một quần đảo bao la nằm trên toàn một lục địa đó là: Quần đảo Goulag.

Hàng năm cơ quan Guépou lên án vài ngàn người bị đưa đi đày vào các trại tập trung lao động khổ sai hoặc là bị quản thúc tại gia hoặc cưỡng bách đi ở các nơi cư ngụ khác. Đó là các hoạt động bình thường của cơ quan này. Ngoài ra họ còn mở các cuộc hành quân lớn đàn áp với các chỉ tiêu đặc biệt. Trong những năm từ 1923 đến 1927 tình thế tạm lắng yên, nhờ chính sách NEP tại nước Nga, thì trên thực tế những nước ở các vùng Liên Trung Á và ở Trung Á (Transcaucasie và Asie centrale). Các cuộc hành quân lớn để đàn áp các phần tử chống đối đã diễn ra với từng giai đoạn đàn áp rộng lớn và đẫm máu. Các nước và các sắc dân ở các vùng này đã chống đối lại dữ tợn các cuộc chinh phục của người Nga hồi thế kỷ 19 và đã bị các người Bolshévik tái chiếm lại: xứ Azerbaïdjan bị tái chiếm vào tháng 4 năm 1920, xứ Arménie bị tái chiếm vào tháng 12 năm 1920, xứ Géorgie bị tái chiếm vào tháng 2 năm 1920, xứ Daguestan vào cuối năm 1921, xứ Turkestan với Boukhara vào mùa Thu năm 1920. Họ tiếp tục chống cự lại mãnh liệt việc Sô Viết hóa. Tháng Giêng năm 1923, Peters, ủy viên toàn quyền chỉ huy các cuộc hành quân tái chiếm các vùng nói trên đã báo cáo: chúng tôi chỉ kiểm soát các thành phố lớn ở vùng Turkestan. Từ năm 1918 cho đến cuối năm 1920 và trong một vài vùng được kéo dài cho đến năm 1935-1936, một phần lớn của vùng Trung

Á, trừ các thành phố lớn, còn do các người basmatchis kiểm soát. Danh từ batmaschi (ăn cướp, tiếng của sắc tộc Ouzbek), mà người Nga dùng để chỉ cho tất cả các sắc tộc Ouzbeks, Kirghiz, Turkmènes, các sắc tộc này hoạt động riêng rẻ ở nhiều vùng khác nhau.

Tụ điểm chính của cuộc nổi loạn là ở các vùng thung lũng Fergana. Sau khi tái chiếm được Boukhara vào tháng 9 năm 1920, Hồng quân phải đương đầu với các cuộc nổi loạn lan tràn về các vùng phía Đông và phía Nam của cựu tiểu quốc Boukhara và các vùng phía Bắc của các đồng cỏ Turkmènes. Các chiến sĩ Basmatchis gồm có các sắc dân đã định cư cùng với các sắc dân du mục. Đầu năm 1921, bộ tham mưu của Hồng quân đã ước lượng số người đã chống lại họ lên đến 30.000 người có võ trang. Các người chỉ huy các cuộc nổi loạn này không được đồng nhất. Có nơi thì là những thân hào của các làng xã, các tù trưởng hay là các vị lãnh đạo tôn giáo truyền thống và cũng có các người quốc gia Hồi giáo họ không thuộc các sắc dân nói trên như: Ông Enver Pacha, cựu Bộ Trưởng Quốc Phòng của Thổ Nhĩ Kỳ đã tử trận vào năm 1922 lúc giao chiến với các lực lượng vũ trang của cơ quan Tcheka. Các cuộc nổi loạn của các toán quân basmatchis chỉ có tính cách bất giác, tự nhiên chống lại các người bất trung (danh từ của Hồi giáo chỉ vào những người không cùng đạo), bọn áp bức người Nga kẻ thù cũ tái xuất hiện dưới hình thức mới vì các kẻ thù này cướp đoạt đất đai, các súc vật của họ mà lại còn phạm vào thế giới tâm linh

của các người Hồi Giáo. Trận chiến tranh bình định này có tính chất thuộc địa và các người basmatchis đã chống cự lại ròng rã 10 năm, đối đầu với các đạo quân của Hồng quân và các lực lượng đặc biệt của cảnh sát chính trị dưới sự chỉ huy của Bộ Đông Phương của cơ quan Tcheka. Đến ngày hôm nay, rất khó mà ước lượng dù với con số phỏng chừng, số nạn nhân của các trận chiến đã xảy ra ở các vùng kể trên.

Khu vực lớn thứ hai do Bộ Đông Phương của cơ quan Tcheka (Guépéou) là vùng Transcaucasie. Trong vòng 5 năm bắt đầu từ năm 1920, các vùng đất Daguestan, Géorgie và Tchéchénie đã bị đàn áp cũng như các vùng ở Trung Á. Vùng đất Daguestan đã chống cự lại đến cuối năm 1921. Dưới sự lãnh đạo của cheikh Uzun Hadji (lãnh tụ tôn giáo) của hội đạo Hồi giáo của các người Nakchbandis, họ đã chủ động đưa các người sơn cước và cuộc chiến đấu mang tính cách một cuộc thánh chiến chống lại những người Nga Xâm lăng. Cuộc chống cự kéo dài suốt một năm và có vài vùng chỉ được bình định vào năm 1923 sau khi các người Bolshévik cho phi cơ oanh tạc các khu vực rộng lớn và tàn sát các người dân thường.

Sau 3 năm sống độc lập với một chính phủ menshévik, vùng Géorgie đã bị Hồng quân chiếm đóng vào tháng Giêng năm 1921. Alexandre Miasnikov, thơ ký của Ủy ban molshévik của vùng Transcaucasie đã tuyên bố đây là một nhiệm vụ khó khăn. Đảng bolshévik địa phương chỉ quy tụ được lối 10.000 đảng viên trong

thời gian suốt 3 năm dưới chính phủ Menshévik. Họ phải đương đầu với một tầng lớp trí thức và cựu quý tộc gồm có gần 100.000 người, các số người này thuộc loại chống Bolshévik. Thêm vào còn có một mạng lưới mạnh mẽ người Menshévik bởi vì đảng Menshévik vào năm 1920 đã có 60.000 đảng viên. Mặc dầu dưới sự chỉ huy của một ủy viên của cơ quan Tchéka Lavrenti Beria mới có 25 tuổi, một người sẽ có được tương lai quan trọng, cuộc đàn áp đã diễn ra với sự tàn ác quá sức tưởng tượng vì cơ quan Tcheka ở đây được quyền tự trị, không chịu sự chi phối của trung ương ở Moscou. Các người Menshévik bị lưu đày vào cuối năm 1922 đã hợp tác với các tổ chức chống Bolshévik khác, tổ chức một Ủy Ban Bí Mật dành độc lập cho vùng Géorgie để nổi loạn. Khởi loạn được bắt đầu vào ngày 28 tháng 8 năm 1924 ở tỉnh nhỏ Tchiatoura, và trong vòng 5 ngày sau đó cuộc nổi loạn lan tràn ra khắp 25 địa hạt ở vùng Gourie, và số đông các nông dân đã tham dự cuộc nổi loạn này. Cuộc nổi loạn này đã bị dẹp tan trong vòng một tuần lễ vì các lực lượng Hồng quân có quá nhiều lính và họ lại có thêm phi cơ oanh tạc và pháo binh yểm trợ. Sergo Ordjonikidze, đệ nhứt bí thư của Ủy ban Đảng Bolshévik vùng Transcaucasie và Lavrenti Beria lấy cớ về cuộc nổi loạn này để: thanh toán một lần cho dứt khoát các người Menshévik và các quý tộc gốc người Géorgie. Với các con số ghi trên các văn thư vừa được cho phép tham khảo, 12.578 người đã bị xử bắn trong thời gian từ ngày 29 tháng 8 năm 1924 cho đến

ngày 5 tháng 9 năm 1924. Tính rộng lớn của cuộc đàn áp này đã làm Bộ Chính Trị của đảng Bolshévik xúc động. Ban lãnh đạo của Bộ Chính Trị liền kêu gọi Đảng bộ địa phương trở về trật tự, và ngưng các cuộc tàn sát một số lớn vì không tương ứng cùng với cuộc nổi loạn, đừng hành quyết các người chính trị mà không được ủy ban trung ương cho phép. Nhưng các vụ hành quyết đơn giản tiếp tục trong nhiều tháng. Vào cuộc họp toàn đảng của Ủy Ban Trung Ương ở Moscou vào tháng 10 năm 1924, Sergo Ordjonikidze đã báo cáo: có lẽ chúng tôi đã hành động hơi quá đáng, nhưng không thể không có một cái gì cả.

Một năm sau các cuộc đàn áp tháng 8 năm 1924 chống lại các người nổi loạn ở Géorgie, chế độ lại cho thi hành một cuộc hành quân lớn để bình định ở vùng Tchétchénie, nơi đây ai cũng nói là chính quyền Sô Viết không có nơi đây. Từ ngày 17 tháng 8 đến ngày 15 tháng 9 năm 1925, trên 10.000 Hồng quân dưới sự chỉ huy của tướng Ouborecitch, với sự yểm trợ nơi cánh quân lực lượng đặc biệt của cơ quan Guépou, bắt đầu tước võ khí các thân binh người Tchetchène. Cả chục ngàn võ khí đã bị tịch thu và 1.000 tên ăn cướp đã bị bắt giam. Trước sự kháng cự của dân chúng viên chỉ huy Guépou tên Ounchlicht đã nhìn nhận là phải kêu pháo binh nặng và phi cơ oanh tạc các tổ kháng cự của bọn ăn cướp. Cuộc bình định ở vùng này được diễn ra vào thời điểm mà người ta gọi là cực điểm của chính sách NEP. Bản phúc trình Ounchlicht đã viết: Qua các kinh nghiệm chiến

đấu chống lại bọn basmatchis ở Turkestan, chống lại bọn ăn cướp ở Ukraine, ở tỉnh Tambov và các nơi khác, các cuộc đàn áp dùng quân lực chỉ có hiệu lực với cách là phải được Sô Viết hóa ở tại các nơi này và cần đi sâu vào các vùng hẻo lánh xa xôi.

Cuối năm 1926, sau cái chết của Dzerjinski, cánh tay mặt của ông là Viatcheslav Rudolfovitch Menjinski, người gốc Ba Lan cũng như Dzerjinski, đã được Staline cất nhắc lên làm chỉ huy cơ quan Guépou. Lúc này Staline đang âm thầm mưu toan chống lại Trotski và Boukharine. Tháng Giêng năm 1927, cơ quan Guépou được lịnh thi hành mau lẹ việc lập các phiếu cá nhân các thành phần nguy hiểm đối với xã hội và chống lại Sô Viết, ở các thôn quê. Trong vòng một năm con số người bị ghi vào các phiếu từ khoảng 30.000 tăng lên 72.000 người. Đến tháng 9 năm 1927, cơ quan Guépou đã cho phát động trong nhiều tỉnh, nhiều đợt bắt giam các người koulaks và các phần tử nguy hiểm đối với xã hội. Các đợt lùng bắt này được coi là cuộc thí nghiệm đầu tiên hay là các cuộc thực tập dự bị cho cuộc bố ráp lớn để thi hành kế hoạch giải thể các người koulaks, sẽ được phát động vào mùa Đông 1929-1930.

Năm 1926-1927, cơ quan Guépou cũng tích cực hoạt động trong việc lùng bắt các người chống đối chế độ cộng sản và gán cho các người này danh từ thân Zinoviev hay là trốt kít. Việc thực thi làm phiếu cá nhân để theo dõi các người chống cộng đã được bắt đầu sớm hơn vào các năm 1921-1922. Tháng 9 năm 1923, Dzerjinski

đã đề nghị siết chặt lại ý thức chủ nghĩa của Đảng. Các người cộng sản phải cam kết báo cho cơ quan cảnh sát chính trị mọi tin tức mà họ biết về sự hiện diện của các thành phần sai lệch, xét lại ở trong lòng Đảng. Đề nghị này bị một sự phản đối của một số lãnh tụ, trong đó có Trotski. Nhưng thói quen cho canh chừng các người chống đối đã được phổ biến rộng rãi các năm sau đó. Cuộc thanh trừng (purge) của tổ chức cộng sản của thành phố Léningrad, do Zinoviev chỉ huy; xảy ra vào tháng Giêng và tháng 2 năm 1926 đã làm liên lụy nhiều vào cơ quan Guépou. Các người chống đối không những bị đuổi ra khỏi đảng và vài trăm người trong số này bị bắt buộc đi lưu đày ở các thành phố xa xôi và số phận của họ rất là bấp bênh vì không một ai dám cho họ một việc làm để kiếm sống. Đến năm 1927, cuộc lùng bắt các người bị liệt vào danh sách là trốtkít, có độ vài ngàn người, đã huy động trong nhiều tháng vào một phần các cơ sở của cơ quan Guépou. Tất cả những người này đã bị ghi tên vào các phiếu cá nhân, hàng trăm người trốtkít đang hoạt động bị bắt đưa đi đày ở nơi khác bằng các biện pháp hành chánh. Vào tháng 11 năm 1927, các lãnh tụ Bolshévik chống đối lại Staline là: Trotski, Zinoviev, Kamenev, Radek, Rakovski, đều bị khai trừ ra khỏi Đảng và bị bắt giam. Tất cả người nào từ chối làm tờ tự kiểm thảo công khai, đều bị đưa đi lưu đày. Ngày 19 tháng Giêng năm 1928, báo *Prava* đã loan tin Trotski và một nhóm 30 người chống đối, bị đày đi Alma Ata. Một năm sau Trotski bị trục xuất

ra khỏi Liên Bang Cộng hòa Sô Viết. Việc biến đổi một nhân vật chính tạo ra cuộc khủng bố Bolshévik, thành ra một người phản cách mạng là một chặng đường mới được vượt qua, với trách nhiệm của người hùng mới của Đảng: Staline.

Đầu năm 1928, sau khi loại trừ phe Trotski chống đối lại chủ trương của phe Staline, đa số đảng viên của Bộ Chính trị của Trung Ương Đảng Cộng sản Sô Viết đã quyết định chấm dứt cuộc hưu chiến chống lại toàn xã hội Nga vì xã hội này trên con đường tiến triển đã đang đi khác với những kế hoạch của người Bolshévik mong muốn đạt được.

Cũng giống như những gì đã xảy ra ở 10 năm về trước, kẻ thù chính vẫn là giới nông dân mà các người Bolshévik coi là một khối người không thể kiểm soát được, chống đối họ và vô kỷ luật. Và khởi điểm của cuộc nội chiến thứ hai chống lại toàn khối các nông dân như sử gia Andrea Graziosi đã nhận định và lần này các diễn tiến sẽ khác hơn lần trước. Tất cả các sáng kiến đều do nhà nước phát động, các thành phần xã hội không còn có khả năng để phản ứng và các cuộc chống đối chỉ yếu dần đi không còn gây được một ảnh hưởng gì cả.

Sau các tai biến xảy ra trong những năm 1918-1922, nền nông nghiệp đã có thể coi như là toàn thể phục hồi; những nông dân bị coi như là các kẻ thù của chế độ đang suy yếu toàn thể và nhà nước đã trở thành mạnh hơn vào những cuối năm của thập niên 20. Chính

quyền đã nắm vững tình thế và hiểu biết những việc gì đã diễn ra ở các làng xóm, việc thiết lập các phiếu cá nhân các người bị xếp vào loại thành phần nguy hiểm cho xã hội cư ngụ ngoài các thôn làng. Các yếu tố này đã cho phép cơ quan Guépou hành động hữu hiệu khi họ cho thi hành các cuộc bố ráp (rafles) đầu tiên trong chiến dịch giải thể người koulak, việc tiêu diệt lũy tiến và thực sự các nông dân chống đối bị gán cho từ ăn cướp, tước đoạt các vũ khí của các nông dân và việc trưng binh khi cần trong các cuộc hành quân. Với con số người phục tòng chịu lịnh trưng binh và việc phát triển một hệ thống bao vây và kiểm soát các trường học. Căn cứ trên các văn thư liên lạc giữa các người lãnh đạo Bolshévik và các bài viết bằng chữ viết tắt tóm tắt các lời phát biểu của các người này, dưới sự giám sát của Staline, và cũng có khi với sự hiện diện của các người chống đối là: Kamenev, Rykov và Boukharine họ cũng đã đo lường được các hậu quả mà xã hội sẽ phải gánh chịu khi các cuộc tấn công đầu tiên được phát động vào năm 1928, vào toàn thể khối nông dân. Boukharine đã viết xong một văn thơ gởi cho Staline: Tôi báo trước cho đồng chí là sẽ xảy ra một cuộc chiến ở nông thôn. Nhưng Staline đã sẵn sàng chấp nhận, dù phải trả với mọi giá và lần này chế độ sẽ chiến thắng.

Việc thu mua các sản phẩm nông nghiệp vào năm 1927 đã gặp cơn khủng hoảng; Staline viện cớ này và cũng là điều ông mong muốn. Tháng 11 năm 1927, số

lượng nông sản do các cơ quan thu mua của nhà nước, đã ít đi quá mức và qua đến tháng 12 thì số lượng này đã tụt xuống một cách thê thảm. Đến tháng Giêng năm 1928, mặc dầu được mùa, các cơ quan thu mua chỉ thâu đạt được có 4.800.000 tấn nông sản thay vì năm trước đã thâu đạt được 6.800.000 tấn. Vì giá mua quá hạ do nhà nước định giá, ngược lại giá các sản phẩm kỹ nghệ do nhà nước cung cấp lại quá cao và khan hiếm. Các cơ quan thu mua của nhà nước bị xáo trộn vì có tin đồn là sẽ xảy ra nội chiến và toàn thể khối các nông dân đều bất mãn vì cuộc khủng hoảng này. Với các diễn tiến trên, Staline coi đó là cuộc đình công của người koulak.

Nhóm các lãnh tụ phe Staline viện cớ vì các diễn biến ở trên, để lập lại các tổ trưng dụng và cho thi hành nhiều biện pháp đàn áp đã được thực hiện vào thời chiến tranh của cộng sản đã xảy ra mấy năm về trước. Staline đích thân đi thăm vùng Sibérie. Các lãnh tụ khác: Andreiev, Mikoian, Postychev hay Kossior, đi tham quan các địa phương sản xuất nhiều nông sản, các vùng đất đen là vùng Ukraine và phía Bắc vùng Caucase. Một văn thơ của Bộ Chính Trị của Trung Ương Đảng Cộng sản đề ngày 14 tháng Giêng năm 1928 gởi cho các chính quyền địa phương, ra lịnh cho họ phải bắt giam những người đầu cơ, các người koulak và các người phá rối thị trường cùng chính sách giá cả. Và cũng giống thời gian năm 1918-1922, chính sách trưng dụng được áp dụng, các viên toàn quyền được

phái đi, cùng các phân đoàn lãnh tụ cộng sản, về các vùng nông thôn để thanh trừng các chính quyền địa phương bị coi là quá dễ dãi đối với các người koulak. Các vị toàn quyền này hứa với các nông dân rằng nếu họ tố cáo các nơi cất giấu các nông sản, họ sẽ được thưởng cho một phần tư các nông sản giấu diếm được tịch thâu từ các nông dân đã dấu.

Để trừng phạt các nông dân cứng đầu nhiều biện pháp đã được nghĩ ra. Nếu họ không chịu giao nạp số nông sản mà họ bị bắt buộc phải giao nạp cho các tổ thu mua và được trả rẻ hơn từ 4 đến 5 lần so với giá trên thị trường, thì họ sẽ bị phạt như sau: thay vì phải nạp cho đủ số 1 tấn được chỉ định; họ sẽ bị phạt là phải nạp từ 2, 3 hoặc 4 tấn. Điều 107 bộ Hình luật Sô Viết đã dự định là sẽ bị kết án ba năm tù giam mọi hành động làm giá cả gia tăng đã được áp dụng bừa bãi. Và sau hết là các sắc thuế dành cho các người koulak đã được tăng lên gấp 10 lần trong vòng 2 năm. Người ta ra lịnh cấm họp chợ, biện pháp này không có ảnh hưởng đến các nông dân khá giả. Trong vòng vài tuần lễ, các biện pháp kể trên đã làm tan vỡ tình thế tạm ngưng đấu tranh được diễn ra từ các năm 1922-1923 để giảm đi các mối xung khắc giữa chế độ với các nông dân. Các cuộc trưng dụng và các biện pháp đàn áp chỉ tạo thêm các đổ vỡ cho cuộc khủng hoảng; liền khi ấy chính quyền đã dùng vũ lực và các tổ thu mua chỉ thu được một số nông sản kém hơn một ít số nông sản đã thu mua được vào năm 1927. Để phản ứng lại, nông dân

đã tự giảm bớt diện tích canh tác trồng các ngũ cốc.

Cơn khủng hoảng thu mua xảy ra vào mùa Đông 1927-1928 đã đóng một vai trò quyết định cho các diễn biến của đời sống xã hội về sau. Và vì thế, Staline sau khi đã nghiên cứu nhiều bài kết luận về việc phải cho thành lập các pháo đài của chủ nghĩa xã hội ở các vùng nông thôn, các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp (kolkhozes) và các nông trại lớn sản xuất nông nghiệp (sovkhozes) và tất cả đều là tài sản của nhà nước, thi hành tập thể hóa nền nông nghiệp để dễ bề kiểm soát các sản lượng nông sản sản xuất ra và kiểm soát các người sản xuất ra các nông sản để khỏi phải chịu các luật của kinh tế thị trường. Và sau hết là để trừ bỏ các người koulak và tiêu diệt họ như là một giai cấp.

Năm 1928, chế độ cũng chấm dứt tình trạng tạm ngưng đấu tranh đối với một giai cấp xã hội khác, các người spetzy - các chuyên viên trung lưu trưởng giả xuất phát từ giới trí thức của chế độ cũ, vì vào các năm cuối thập niên 20, họ còn được lưu dụng ở các chỗ quan trọng ở các xí nghiệp quốc doanh và các cơ quan hành chánh. Nhân cuộc họp các lãnh tụ của Ủy Ban Trung Ương Đảng vào tháng 4 năm 1928, ủy ban này đã ra một thông báo là vừa khám phá ra một âm mưu phá hoại kỹ nghệ ở trong vùng Chakhty, một vùng mỏ than ở Donbass, xảy ra tại đại xí nghiệp hỗn hợp gan thép Donougol còn lưu dụng nhiều chuyên viên trung lưu trưởng giả và đại xí nghiệp này còn có nhiều liên lạc tài chính với các giới tài chính phương Tây. Vài tuần lễ

sau, năm mươi ba người bị cáo, phần lớn là các kỹ sư và các chuyên viên điều khiển xí nghiệp, bị đưa ra trước tòa án có sự hiện diện của công chúng và là phiên tòa đầu tiên từ khi có những vụ xử án các người xã hội cách mạng vào năm 1922. Mười một người bị cáo bị lên án tử hình và 5 người đã bị hành quyết. Các cuộc xử án gương mẫu này, được các báo chí đăng đi, đăng lại rất lâu đã nêu lên các huyền thoại của chế độ, đó là các tên phá hoại, tay sai ăn lương của ngoại bang và huyền thoại này nó động viên các lãnh tụ cùng các người điềm chỉ của cơ quan Guépou. Để giải thích mọi thất bại về kinh tế, và luôn để trưng dụng các chuyên viên mới cho các văn phòng mới lập của ngành xây dựng đặc biệt của cơ quan Guépou được biết với danh xưng là: Charachki. Cả ngàn kỹ sư và chuyên viên bị kết án phá hoại đã thọ án của họ ở các nông trường và ở các xí nghiệp hàng đầu. Những tháng sau cuộc xử án ở Chakhty, ngành phụ trách kinh tế của cơ quan Guépou đã tạo ra nhiệm vụ xử án tương tự ở Ukraine. Riêng ở đại xí nghiệp luyện kim Iougostal ở vùng Dniepropetrovsk, đã có 112 chuyên viên bị bắt vào tháng 5 năm 1928. Không riêng gì các chuyên viên điều khiển các xí nghiệp là nạn nhân của các chiến dịch chống các chuyên viên được phát động vào năm 1928. Nhiều giáo sư và sinh viên bị đuổi ra khỏi ngành giáo dục cao đẳng vì họ thuộc thành phần xã hội ngoại lai trong nhiều đợt thanh trừng được phát động tại các trường đại học để thăng trật trong một đợt các người trí thức Đỏ và vô sản.

Với lối hành sự cứng rắn hơn các cuộc đàn áp và các khó khăn về kinh tế của những năm sau cùng của chính sách NEP, thêm vào nạn thất nghiệp gia tăng, các tệ đoan xã hội cũng nhiều hơn khiến các khinh tội cũng gia tăng. Các vụ tuyên án về tội hình đã gia tăng một cách ngoạn mục: 578.000 vụ vào năm 1926, 709.000 vụ vào năm 1927, 909.000 vụ vào năm 1928 và 1.178 000 vụ vào năm 1929!... Các nhà tù đầy nghẹt các tù phạm vì khả năng chứa các nhà tù này chỉ có thể chứa tối đa lối 150.000 người. Để giải tỏa các nhà tù và để thích ứng với số tù nhân gia tăng, vào năm 1928 chính phủ đã đưa ra hai quyết nghị quan trọng. Quyết nghị thứ nhất là ban hành đạo luật ngày 26 tháng 3 năm 1928: đối với các tội phạm nhẹ, các người bị án sẽ được giam trong một thời gian ngắn sau đó, phải đi phục vụ cải tạo không lãnh lương ở các xí nghiệp, các công trường xây dựng hay là khai thác lâm nghiệp. Quyết đinh thứ hai là đạo luật được ban hành vào ngày 27 tháng 6 năm 1929, và đã có nhiều kết quả rộng lớn: tất cả các phạm nhân bị kêu án trên ba năm tù giam, sẽ bị chuyển đi phục vụ ở các trại tập trung lao động khổ sai ở các vùng phía Đông và các vùng nơi phía Nam để khai thác các tài nguyên thiên nhiên của đất nước, ý đồ này đã được dự tính từ nhiều năm trước. Cơ quan Guépou đã hoạch định một chương trình lớn khai thác cây gỗ để xuất cảng; vì lẽ trên cơ quan Guépou đã đòi hỏi nhiều lần Nha Đặc Trách các nhà tù phải cung cấp thêm các tù nhân để chuyển qua các trại đặc biệt

ở Solovki, vì năm 1928 con số tù ở nơi này chỉ có 38.000 người, không đủ để đảm trách cho đạt được con số cây gỗ mà cơ quan Guépou đã đưa ra quá cao.

Công việc sửa soạn cho kế hoạch 5 năm đã đặt lại trật tự vấn đề phân phối nhân công và khai thác các vùng hẻo lánh khó sống nhưng lại có nhiều tài nguyên thiên nhiên. Dưới diện này các nhân công không dùng đang nằm trong các nhà tù, nếu được khai thác đúng độ có thể sẽ là một nguồn lợi tức mới nếu việc kiểm soát và quản lý đúng đắn, là thêm một nguồn lợi tức, có ảnh hưởng cùng có thêm quyền lực. Các người lãnh đạo cơ quan Guépou, và riêng Menjinski và viên phụ tá là Iagoda, được Staline ủng hộ đã đồng ý thức được các thành quả của việc này. Qua mùa hè năm 1929, họ cho phát động một kế hoạch quá cao để khẩn hoang một vùng rộng lớn gồm có 350.000 cây số vuông. Các khu rừng (taiga) ở vùng Narym Sibérie thuộc về miền Tây. Họ không ngừng đòi thi hành đạo luật ngày 27 tháng 6 năm 1929, và nằm trong khuôn khổ các dẫn giải trên mới nảy sinh ra ý nghĩa tạo ra cuộc giải thể các người koulak vì theo quan niệm của các giới chính thức là các người koulak sẽ chống lại việc tập thể hóa nền nông nghiệp.

Nằm trong khuôn khổ nội bộ của Đảng Cộng sản Nga, Staline và các người đứng về phía của ông đã cần một năm để thuyết phục các thành viên khác hưởng ứng kế hoạch của ông. Chính sách cưỡng bách tập thể hóa nền nông nghiệp, chính sách giải thể các người

koulak, gia tăng tốc độ phát triển kỹ nghệ, ba chính sách kể trên nằm trong một chương trình dính liền với nhau, để biến đổi một cách phủ phàng nền kinh tế và xã hội. Chương trình này cũng đưa đến việc dứt bỏ các cơ cấu của nền kinh tế thị trường và việc khai thác các tài nguyên thiên nhiên ở các vùng hẻo lánh khó sống bằng sự cưỡng bách lao động đối với cả triệu người bị phóng truất - bị đày, các người koulak bị giải thể, các cuộc tịch thâu điền địa của nông dân và các nạn nhân khác của cuộc cách mạng thứ hai này.

Các người chống đối đường lối của chính sách do Staline đề ra là Rykov và Boukharine. Hai người này coi việc tập thể hóa nền nông nghiệp là trở về thời bóc lột quân sự phong kiến các nông dân; việc làm này sẽ đưa trở lại cuộc nội chiến phát động khủng bố, sự hỗn độn sẽ xảy ra và sau đó là nạn đói kém sẽ xuất hiện. Sang đến tháng 4 năm 1929, các phe chống đối bị khai trừ ra khỏi Đảng. Trong mùa Hè năm 1929, các phần tử hữu huynh bị đả kích hàng ngày trên các báo chí và một chiến dịch báo chí mãnh liệt tố cáo rằng họ đã hợp tác với các phần tử tư bản và thông lượng với các bọn trốt kít. Bị hoàn toàn thất sủng, các đảng viên chống đối công khai đã làm bản tự kiểm thảo vào tháng 12 năm 1929 tại cuộc họp các lãnh tụ của Ủy Ban Trung Ương Đảng Cộng sản Nga.

Trong lúc ở trên các lớp đảng viên đang bàn thảo để coi ai theo, ai chống lại về vấn đề hủy bỏ chánh sách NEP do Lénine chủ xướng, thì Xô Viết đang lâm

vào một cuộc khủng hoảng kinh tế mỗi ngày mỗi trầm trọng thêm lên. Các thu hoạch về canh nông của năm 1928-1929 đã giảm sút một cách thê thảm. Mặc dầu đã dùng nhiều biện pháp cưỡng chế đối với đoàn thể các nông dân như: phạt tiền rất nặng, bỏ tù những người nào từ chối bán các sản phẩm của họ cho chính quyền, chiến dịch thu mua các nông sản của mùa Đông 1928-1929 chỉ thu mua được một số lượng nông sản ít hơn năm trước và vì vậy đã tạo ra một bầu không khí căng thẳng ở các vùng nông thôn. Cơ quan Guépou đã kiểm kê, từ tháng Giêng năm 1928 cho đến tháng 12 năm 1929, đã xảy ra trước khi có việc cưỡng bách thu mua. Có 1.300 vụ quần chúng biểu tình và bạo động đã xảy ra ở các vùng nông thôn tạo đến việc có cả chục ngàn nông dân tham gia và bị bắt giam. Một con số khác đã nói lên tình hình của nước Nga vào thời ấy: năm 1929 vào tháng 2 đã có 3.200 cán bộ của chế độ Sô Viết đã là nạn nhân của các vụ bạo động? Cũng vào tháng 2 năm 1929, các thẻ tiếp tế lương thực đã lại được tái cấp phát. Các thẻ tiếp tế này đã được hủy bỏ khi nhà nước cộng sản Sô Viết thi hành chính sách NEP vì để đáp ứng với việc khan hiếm thực phẩm khi các Ủy Ban Sô Viết ra lịnh đóng cửa các cửa hàng tiểu thương và các nhà tiểu công nghệ lại bị coi là xí nghiệp tư bản.

Đối với Staline, tình hình nguy kịch của nền canh nông là do các hành động của các người Koulak, và các thành phần chống đối khác, họ đang Âm mưu đánh bằng mìn vào chế độ Sô Viết. Sự việc đã rõ ràng

để chọn lựa: các tên tư sản nông thôn hay các khu tập thể hóa nông nghiệp tên gọi là Kolkhozes. Tháng 6 năm 1929 chính phủ cho phát động toàn diện một kế hoạch tập thể hóa toàn bộ nông dân; mục tiêu của kế hoạch 5 năm này, là được xét lại để tăng lên, đã được Đại hội thứ 16 của Đảng Cộng sản chuẩn y. Kế hoạch này dự định sẽ tập thể hóa 5 triệu trung tâm, tức khoảng 20% các cơ sở sản xuất, từ nay cho đến ngày kết thúc kế hoạch 5 năm. Qua đến tháng 6 người ta loan báo riêng cho năm 1930 sẽ có 8 triệu trung tâm, rồi sang đến tháng 9 con số này lên đến 13 triệu trung tâm. Mùa Hè năm 1929, chính quyền đã động viên vài chục ngàn đảng viên cộng sản và các đoàn viên các nghiệp đoàn, các thanh niên cộng sản (les komsomols), các công nhân và các sinh viên, tất cả đều được đưa đi về các vùng thôn quê, những nơi sản xuất ra lương thực và đặt tất cả dưới sự hướng dẫn của các đảng viên địa phương và cơ quan Guépou. Áp lực vào các nông dân gia tăng lên; các tổ chức địa phương của Đảng thi đua để tranh các thành tích kỷ lục về việc tập thể hóa. Ngày 31 tháng 10 năm 1929, báo *Pravda* loan báo đã hoàn thành toàn bộ việc tập thể hóa không giới hạn các phong trào. Một tuần lễ sau, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 12 cuộc cách mạng tháng 10 năm 1917, Staline đã viết một bài báo phi thường dưới tựa đề: *Khúc quanh lớn căn cứ các điều sai lầm căn bản* và nhận định: Các nông dân đã quay trở về các khu Tập thể hóa khai thác nông nghiệp Kolkhozes. **Chính sách NEP của Lénine đã bị cáo chung.**

CHƯƠNG 7
GIẢI TÁN QUY CHẾ ĐIỀN CHỦ VÀ CƯỠNG BÁCH CANH TÁC TẬP THỂ

Căn cứ theo các tài liệu vừa mới công khai hóa trước quần chúng, người ta thấy rằng chính sách canh tác tập thể là một cuộc tuyên chiến của nhà nước cộng sản chống lại toàn thể nông dân trên toàn nước Nga.

Riêng trong năm 1930, nhà nước cộng sản lưu đày 2 triệu nông dân. Qua năm 1931, chính quyền bắt thêm một triệu tám trăm ngàn nông dân. 6 triệu người chết đói vì không có đủ lương thực. Trên đường chở đến các trại lao động khổ sai, có hàng trăm ngàn người chết thê thảm. Các con số người chết trên đây đã nói lên tấm thảm kịch của chiến dịch tấn công nông dân do nhà nước cộng sản chủ mưu.

Ngoài các diễn biến xảy ra rong suốt mùa Đông

1929-1930, các cuộc đàn áp nông dân còn kéo dài thêm vài năm sau đó. Cao điểm của cuộc tàn sát diễn ra trong năm 1932 và 1933, với số người chết đói lên cao nhất. Đó là hệ quả của chính sách nhằm đánh tan âm mưu chống đối nhà nước của bọn nông dân. Chính sách đàn áp nông dân được coi như một thí điểm, lấy kinh nghiệm để sau này nhà nước áp dụng vào các thành phần xã hội khác. Học hỏi kinh nghiệm khủng bố là giai đoạn quyết định quan trọng trong chính sách khủng bố của Staline.

Trong bản phúc trình gởi cho Ủy ban trung ương đảng trong phiên họp hồi tháng 11 năm 1929, ông Viatcheslav Molotov trình bày: vấn đề tốc độ thi hành chính sách tập thể hóa không quan trọng. Nếu từ nay cho đến đầu năm tới các đế quốc không tấn công chúng ta, chắc chắn chúng ta sẽ đạt được thắng lợi về kinh tế và sẽ thành công trong chính sách tập thể hóa.

Chính quyền thành lập một uỷ ban đặc biệt soạn thảo lịch trình tập thể hóa với các chỉ tiêu gia tăng. Ngày 5 tháng giêng năm 1930 nhà nước cộng sản cho thi hành chương trình tập thể hóa nông nghiệp. Vào mùa Thu năm 1930, các vùng Bắc Caucase, vùng trung và hạ lưu sông Volga sẽ đi vào nề nếp làm ăn tập thể. Các vùng sản xuất nông sản lớn lần lượt vào tập thể trong vòng một năm sau.

Tất nhiên các hành động thi hành theo chỉ thị sẽ dẫn đến sự lạm quyền. Phải định nghĩa cường hào, phú nông như thế nào cho đúng nghĩa của nó. Người nào bị

xếp vào hạng 2 và ai thuộc hạng 3,...? Sau nhiều cuộc tranh luận giữa các lý thuyết gia và các kinh tế gia cộng sản, họ vẫn chưa tìm ra một tiêu chuẩn thích hợp nào cho tầng lớp nông dân này. Về sau, vì phải đóng thuế càng lúc càng nhiều, các phú nông chẳng còn gì để gọi là phú nữa. Nhưng nhà nước vẫn căn cứ vào các lần thu thuế trước đây để gán cho các nông dân vốn đã bị cướp hết tài sản này là phú nông.

Theo chỉ thị, nông dân phải làm tờ khai chính xác tài sản của mình. Sau đó làm đơn chuyển nhượng tài sản cho hợp tác xã nông nghiệp. Tài sản của họ trở thành công quỹ. Nông dân không có quyền bán lại cho ai cả. Nhưng đối với các toán trưng thu, họ cho rằng đó là tài sản chung, cứ tự do xử dụng.

Toán công an tỉnh Smolensk phúc trình: Các toán trưng thu tịch thu cả áo lạnh của nông dân. Họ thích nhất là các quần áo lót, giày mang mùa đông và mùa hè, các đôi giày cao su, y phục phụ nữ, các cây cào than trong lò sưởi, các bình đựng nước,... Họ lấy luôn các chiếc gối của trẻ em, các chiếc bánh còn đang nướng trên bếp. Họ bóp nát các bánh và rãi lên các tượng thánh trên bàn thờ.

Tài sản tịch thu được coi là tài sản của điền chủ phú nông nên bị đập phá thẳng tay cho bán đấu giá với một giá rất thấp. Các toán trưng thu coi đây như là cơ hội để trả thù cá nhân. Ở nhiều vùng nông thôn, 80 đến 90 % tầng lớp trung lưu bị ghép vào giai cấp phú nông. Các nông dân này, thay vì bán nông phẩm

thặng dư cho các toán trưng thu, trước đó họ đã bán ra ngoài dân chúng. Họ cũng bị bắt. Nông dân nào có thuê người làm trong vòng hai tháng cũng bị bắt. Nhà nào có hai bình nấu nước cũng bị tịch thu. Kể từ tháng 9 năm 1929, giết heo làm thịt tức là không muốn bán heo cho các toán trưng thu, bị ghép vào tội cướp đoạt tài sản của xã hội để làm của riêng, cũng bị bắt.

Sau đợt đầu bị các toán trưng thu lợi dụng tình hình để trả thù cá nhân, cướp đoạt tài sản, nông dân ở các vùng nông thôn quyết tâm kết hợp thành một khối chống lại chính sách cướp tài sản và chương trình cưỡng bách tập thể nông nghiệp của nhà nước Cộng sản.

Tháng giêng, cơ quan tình báo địa phương ghi nhận 402 vụ nông dân biểu tình chống đối. Tháng sau, 1.048 vụ và trong tháng ba xảy ra 6.528 vụ.

Vì bị chống đối quá mạnh, chính quyền cộng sản phải thay đổi kế hoạch.

Ngày 2 tháng 3 năm 1930, Staline viết trên các báo Liên Xô bài viết lịch sử của ông ta. Trong bài báo, ông lên án các vi phạm vào cái mà ông ta gọi là sự tình nguyện tập thể hoá của nông dân trong các hợp tác xã. Ông đề cập đến sự thái quá trong công tác tập thể hoá. Bài viết gây chống động trong hàng ngũ nông dân. Chỉ trong vòng 3 tháng, có 6 triệu nông dân rút ra khỏi hợp tác xã. Họ đòi lại dụng cụ, máy móc, trâu bò trong các khâu sản xuất. Tình hình xã hội trở nên rối loạn. Suốt trong tháng 3, Trung ương đảng cộng sản liên tục nhận báo cáo của các cơ quan tình báo địa phương

về các cuộc biểu tình chống chính quyền xảy ra ở các vùng Tây Ukraine, vùng trung tâm đất đen, vùng Bắc Caucase, vùng Kazakhstan. Chính quyền phải đưa các đơn vị quân đội đến giải tán 800 vụ biểu tình ở mức độ lớn trong số 6.500 cuộc biểu tình đã xảy ra trong các vùng này.

Trên 1.500 nhân viên nhà nước bị nông dân chống đối, gây thương tích. Con số thiệt hại về phía nông dân không được công bố. Qua tháng tư, nhà nước đưa ra một số điểm nhượng bộ nông dân. Trung ương gởi nhiều chỉ thị xuống cho các cơ quan chính quyền địa phương, buộc phải thi hành chậm lại chính sách tập thể hóa. Trung ương cũng nhấn mạnh, cuộc chống đối của nông dân có thể làm nguy hại đến chính quyền cộng sản và làm tiêu hao công nhân viên nhà nước địa phương. Cuối tháng tư vẫn còn 1.992 vụ biểu tình. Đến mùa hè, mức độ chống đối giảm dần. Cuối tháng sáu có 886 vụ và trong tháng 8 chỉ còn có 618 cuộc biểu tình.

Trong suốt năm 1930 có đến 2 triệu nông dân tham dự vào 14.000 cuộc biểu tình và nổi loạn bạo động chống lại chính sách trưng thu và cưỡng bách canh tác tập thể. Các cuộc chống đối thường diễn ra ở các vùng biên giới của Ba Lan và Lỗ Ma Ni, các vùng đất đen và vùng phía Tây Ukraine.

Phụ nữ đã đóng một vai trò then chốt trong các cuộc biểu tình chống đối. Họ xung phong đi đầu các cuộc biểu tình, vì họ nghĩ rằng các toán công an sẽ nương tay hay không đàn áp. Nông dân dùng kềm búa,

gậy gộc, chỉa ba,... xâm nhập vào các văn phòng của nhà nước địa phương đập phá và gây thương tích nhân viên. Nông dân chiếm các Xô Viết trong vài giờ hay trong vài ngày. Họ đứng ra giải quyết một số vấn đề hằng ngày cho dân chúng trong vùng. Họ lập hồ sơ khiếu nại đòi lại các dụng cụ canh tác, gia súc,... của quần chúng đã bị trưng dụng trước đây. Quần chúng làm đơn đòi giải tán các nông trường, các hợp tác xã, đòi cho bán tự do và đòi trả tự do cho những người bị nhà nước cộng sản bắt giam. Họ đòi hủy bỏ chính quyền Bolshévik và đòi lại độc lập cho Ukraine.

Các cuộc chống đối của nông dân trong tháng ba và tháng tư đã làm đảo lộn chương trình tập thể hoá của nhà nước. Nhưng nông dân chỉ thành công trong một khoảng thời gian rất ngắn. Điểm khác biệt với các cuộc nổi loạn của những năm 1920-1921 là lần này nông dân không có một cơ quan lãnh đạo thực thụ để hướng dẫn các cuộc chống đối thống nhất, đồng bộ và liên kết. Vì nông dân thiếu tổ chức nên lực lượng chính phủ đàn áp họ dễ dàng. Các lãnh tụ nổi tiếng của nông dân bị giết ngay trong các cuộc nổi loạn đầu tiên. Có đến 15.000 nông dân bị chính quyền bắt trong tháng ba năm 1930 tại vùng phía Tây Ukraine. Các toán công an địa phương bắt giam 26.000 người và đem đi hành quyết 650 người trong nửa đầu tháng ba. Toà án đặc biệt kết án tử hình 20.200 người.

Theo chỉ thị số 44/21 của G. Iagod, các toán công an bắt 60.000 người và xếp họ vào hạng 1. Các bản phúc

trình hằng ngày của các toán công an địa phương gởi về cho Iagod cho thấy lịnh lùng bắt thi hành tốt đẹp. Bản phúc trình đầu tiên đề ngày 6 tháng hai, báo cáo bắt giam 15.985 người. Ngày 9 bắt thêm 25.245 người. Bản phúc trình mật đề ngày 15 ghi rõ đã thanh toán xong 64.589 người trong đó có 51.166 thuộc hạng 1.

Thừa cơ hội này, các toán công an thẳng tay quét sạch các phần tử xa lạ với xã hội chủ nghĩa. Đó là các cựu cảnh sát của chế độ cũ, các sĩ quan Bạch quân, các nhà lãnh đạo tôn giáo, các thương gia, trí thức,...

Trong bản phúc trình đề ngày 15 tháng 2 năm 1930, Iagod viết: các vùng Tây Bắc và thành phố Leningrad không hiểu hay không chịu hiểu chỉ thị của chúng ta. Chúng ta bắt họ phải hiểu. Chúng ta còn có nhiều thì giờ để thanh toán các Linh Mục và các thương gia. Ngày nay trước mắt, chúng ta phải nhắm đúng vào mục tiêu là đánh vào các nông dân phản cách mạng.

Cho đến giờ này chưa ai biết chính xác con số nạn nhân của chiến dịch Thanh toán cường hào địa chủ hạng 1. Đó là các nông dân bị đày vào các trại lao động cưỡng bách chung thân. Mùa hè 1930, chính quyền cộng sản địa phương cho thành lập các trại lao động khổ sai. Toàn bộ các trại cũ ở Solovski được dùng lại cộng thêm một số trại mới dọc theo bờ Bạch hải, vùng Carélie và mở rộng đến Arkhangelsk. Ở phía Bắc, 40.000 tù nhân xây con đường Kem-Oukhta và khai thác gỗ xuất cảng tại bến tàu Arkhangelsk. 40.000 tù nhân khác xây dựng đường xe lửa dài 300 cây số chạy

qua Oust, Sysolsk và Piniong. Một con đường xe lửa khác dài 290 cây số nối liền Oust, Sysolsk với Oukhta.

Trong vòng một năm rưỡi, từ cuối năm 1928 đến mùa hè 1930, con số tù nhân bị đưa đi lao động khổ sai tăng lên 3,5 lần, tức là từ 40.000 lên đến 140.000. Kết quả của chính sách cưỡng bách lao động của tù nhân đã khuyến khích chính quyền cộng sản mở thêm các trung tâm cải tạo lao động khác. Tháng 6 năm 1930, chính quyền quyết định cho đào con kinh dài 240 cây số từ biển Baltiques qua vùng Bạch Hải. Phần lớn của con kinh phải đào qua vùng đá hoa cương. Vì thiếu phương tiện kỹ thuật cơ giới, nên nhà nước đã tung vào dự án này 120.000 tù nhân. Nhờ vào chính sách giải thể chế độ điền chủ vào mùa hè 1930 nên mới có đủ con số nông dân bị bắt lao động, cung cấp cho dự án đào kinh. Họ làm việc với các dụng cụ thô sơ như cuốc, xẻng, xe cút kít,..

Trên thực tế, con số nông dân giải thể lên đến 700.000 người vào cuối năm 1930. Chính quyền không đủ nhân viên quản lý. Tình hình trở nên hỗn loạn khi nhà nước mở chiến dịch bắt nông dân hạng 2 và hạng 3. Họ bị bắt đưa đi lưu đày và bỏ quên ở đó. Nếu xét về mặt kinh tế, quả là con số không cho nhà nước. Chính quyền dự tính giải thể nông dân, khai thác sức lao động của tù nhân trong các vùng hoang dại phong phú tài nguyên, nhưng cuối cùng chẳng được gì cả.

Vào các tuần lễ đầu tháng 2 năm 1930, Bộ chính trị Trung ương cộng sản chấp thuận kế hoạch khởi đầu

chiến dịch lưu đày nông dân cấp hai. Đợt đầu tiên hoàn tất cuối tháng tư. 45.000 gia đình đưa đi miền Bắc và 15.000 gia đình đến vùng Oural.

Ngày 16 tháng hai, Lenine gởi điện văn khiển trách Eikke, bí thư thứ nhất của Ủy ban nhân dân vùng Tây Sibérie vì lý do vùng này chưa sẵn sàng để tiếp nhận 15.000 gia đình đến định cư.

Trong thư trả lời, Eikke biện minh vì số tiền dự tính chi tiêu để tiếp nhận định cư 40 triệu Rúp, cho đến nay ông ta chưa nhận được.

Sự kiện trên cho thấy nhà nước tổ chức không ăn khớp với nhau. Nông dân bị bắt và bị nhốt khắp nơi. Họ bị nhốt tại các trại lính cũ, tại văn phòng Xô Viết, tại nhà ga,... Do vậy có rất nhiều người trốn thoát. Công an dự tính chuyển đợt đầu phải cần đến 240 đoàn xe lửa. Mỗi đoàn gồm có 150 toa trong đó có 44 toa dùng để chở súc vật, nay trưng dụng chở người, 8 toa chở lương thực và một ít dụng cụ riêng tư được phép mang theo và một toa chở lính hộ tống. Mỗi gia đình được phép đem theo không quá 480 kg.

Giữa mùa Đông, đoàn xe dừng lại chờ lịnh trên để biết là phải chở các gia đình này đến nơi nào. Họ sống chật vật trên các toa xe lửa trong cái lạnh cắt da của mùa đông ở nước Nga. Vì thiếu vệ sinh và phải sống chật vật trong các toa xe nên bịnh truyền nhiễm phát sinh. Không biết bao nhiêu người chết trên con đường đi lưu đày.

Khi đoàn xe đến nơi quy định, công an tách rời

những người đàn ông còn khỏe mạnh ra khỏi gia đình của họ, cho tập trung vào các chòi lá xây cất vội vàng. Sau đó họ bị dẫn đi sâu vào trong các cánh rừng để khẩn hoang. Mùa hè, họ đi bộ hay đi bằng những chiếc xe, thay phiên nhau đẩy. Mùa đông họ đi bằng xe trượt tuyết. Nông dân hạng ba cũng cùng chung số phận với nông dân hạng hai. Nhưng vào chặng cuối, nông dân hạng ba được đưa vào vùng nội địa, vùng đất quen thuộc của họ. Họ coi đó như là một ân huệ. Các vùng này ở Sibérie, Oural rộng bao la, hàng trăm ngàn cây số vuông.

Trong bản phúc trình để ngày 7 tháng ba năm 1930 chính quyền địa phương Tomsk thuộc vùng Tây Sibérie có đề cập đến toán nông dân hạng ba. Họ đến không có xe trượt tuyết, cũng không có ngựa.

Thật ra nông dân hạng ba còn có quyền giữ gia súc của mình. Nhưng những con ngựa khỏe mạnh của họ bị công an đổi các con ngựa yếu đuối, không thể nào còn sống sau đoạn đường dài 300 cây số. Vì không có ngựa cũng như không có xe trượt tuyết nên họ không thể mang theo nhiều lương thực và dụng cụ canh tác mặc dù họ được quyền đem theo.

Ủy ban nhân dân vùng Sibérie cũng gởi bản phúc trình có nội dung như bản phúc trình trên. Bản phúc trình trình bày sự phi lý và không thể thực hiện công tác định cư của 4.921 gia đình nông dân hạng ba tại một vùng thuộc tỉnh Novossibizsk. Bản phúc trình ghi nhận: việc chuyển vận trên con đường tồi tệ dài 370

cây số với số lượng thực phẩm 8.560 kg, cùng với rơm rạ cho ngựa ăn, kéo dài trong hai tháng, phải cần đến 280.909 con ngựa và 7.227 ngân viên chăm sóc ngựa. Một khi hoàn tất kế hoạch chuyển người, chắc chắn sẽ làm chậm trễ vụ mùa vì các con ngựa sau chặng đường dài, không còn đủ sức để kéo cày. Cho nên phải xét lại kế hoạch và giảm bớt lương thực đem theo.

Và như vậy, các gia đình nông dân sẽ không có đủ lương thực để sinh sống, không đủ dụng cụ để canh tác và khi đến nơi, họ không có nơi cư trú. Họ bị bắt buộc định cư với những cái không này.

Tháng 9 năm 1930, Ủy ban nhân dân vùng Arkhan9 gelsk cho biết chỉ có thể xây 7 căn trại trong số 1.641 trại như đã dự tính. Gia đình nào may mắn còn mang được theo các dụng cụ canh tác, họ đào lỗ, chặt cây phủ lên và chun vào đó sống qua mùa đông. Họ sống trong các cánh đồng cỏ hay ven bờ rừng. Một số người đưa đi canh tác ăn và ở tại các khu làm việc.

Chính sách giải thể chế độ điền chủ và cưỡng bách canh tác tập thể trong những năm 1930-1931 đã chính thức đưa lưu đày 1.803.392 người. Biết bao nhiêu người chết trong các vùng kinh tế mới. Trong văn khố của tỉnh Novossibizsk còn lưu trự một bản phúc trình rất quan trọng, gởi cho Staline vào tháng ba năm 1930. Bản phúc trình do Ủy viên tuyên huấn đảng bộ Narym báo cáo. Ông trình bày số phận của hai đoàn xe và người xuất phát từ Mạc Tư Khoa và từ St. Petersboug. Hai đoàn khởi hành trễ hơn dự tính. Họ không thuộc

hạng nào cả. Họ là những người bị loại ra khỏi xã hội của cộng sản vào cuối năm 1932. Đó là thành phần đưa đi lưu đày và vứt bỏ luôn. Một đoạn kinh hoàng của bản phúc trình ghi lại như sau: Ngày 29 và 30 tháng tư năm 1933, hai đoàn người bị xếp vào loại ngoại hạng, bị tống ra khỏi Mạc Tư Khoa và St. Peterbourg bằng xe lửa. Khi đến thành phố Tomsk, một toán 5.070 người bị đưa xuống tàu để chuyển ra đảo Nazino vào ngày 18 tháng 5 và toán sau 1.044 người đến ngày 26 tháng 5. Đảo Nazino nằm giữa cửa sông Ob và Nazina. Phương tiện chuyên chở thật kinh hoàng. Thức ăn thiếu thốn, không có chỗ chen chân, thiếu không khí. Người già và người bịnh, không chịu nổi. Hằng ngày con số người chết từ 35 đến 40. Tuy vậy, họ cho rằng vẫn còn sướng hơn khi đến đảo Nazino. Tại đảo, họ bị chia ra từng toán nhỏ, đưa đi định cư ở những vùng hẻo lánh ven sông Nazina. Nazino là hoang đảo, không có dấu vết của sự sống. Họ đến, không đem theo hạt giống, không dụng cụ canh tác, và cũng không có lương thực để sinh sống qua ngày. Với điều kiện đó, họ bắt đầu một cuộc sống mới. Ngày hôm sau, trời bão tuyết. Vừa không có thức ăn, vừa không có chỗ che thân, họ sống trong tình trạng tuyệt vọng. Họ tìm cách nhúm lửa ngồi hơ ấm. Qua đến ngày thứ tư, thứ năm, chính quyền mới cho tàu đem bột mì đến chia cho họ, mỗi người vài trăm gram. Họ dùng áo, nón đựng bột rồi chạy ra ngoài sông lấy nước trộn bột. Một vài người đói quá, ăn vội bột sống, nghẹt thở chết tại chỗ. Bột mì là lương thực duy

nhất mà họ thỉnh thoảng nhận được của nhà nước. Số lượng bột chẳng bao lâu khô cạn. Vì đói, tình trạng người ăn thịt người đã diễn ra.

Cuối tháng 6, nhà nước chuyển họ đến các làng khai hoang, cách đảo Nazino chừng 200 cây số. Làng khai hoang nằm về phía thượng lưu sông Nazina, giữa cánh rừng bao la Taiga. Đó là một vùng hoang dã. Công việc đầu tiên của họ là xây lò nướng bánh mì. Cái cảnh túng quẫn ngồi quanh bếp lửa lại diễn ra. Ở đây cứ 4 ngày, tù nhân được phân phối bột mì. Người chết vẫn tiếp tục xảy ra hằng ngày. Sau đó, vì không thể tiếp tục sống ở khu vực này, nhà nước chuyển họ về phía hạ lưu sông Nazina.

Trung tuần tháng 7, nhà nước phát dụng cụ xây cất doanh trại cho những người còn sống sót. Họ xây cất đơn sơ. Một phần chiều cao của trại nằm sâu dưới đất. Mặc dù cuộc sống tương đối khá hơn trước nhưng tình trạng ăn thịt người vẫn còn diễn ra.Họ bắt đầu canh tác. Sức khỏe của họ vẫn còn yếu. Người tiếp tục chết. Lúc khởi hành ra đi ở sân ga Tomsk hồi tháng 4 với con số 6.100 người, thêm vào đó chừng 500 đến 700 dân địa phương hay ở những vùng khác đưa tới, đến tháng 8, chỉ còn sống sót có 2.200 người.

Nhiều vùng trên đất Nga xảy ra các cảnh tương tự như ở trên đảo Nazino.

Bao nhiêu người bị lưu đày? Và bao người đã bỏ thây?

Từ tháng 2 năm 1931 có chừng 1.800.000 nông dân bị cướp đoạt ruộng đất và bị lưu đày. Đến tháng giêng

năm 1932, khi nhà nước kiểm kê lại, thì chỉ còn có 1.317.022 người còn sống sót. Như vậy, con số người chết lên đến nửa triệu, tỉ lệ 30%. Thật ra trong số nửa triệu đó cũng có một số trốn thoát. Trong năm 1932, các toán công an địa phương kiểm tra thường xuyên những người còn sống sót. Công an chịu trách nhiệm chuyển từ nơi xuất phát và tiếp nhận tại các nơi đĩnh cư. Các cuộc điều tra của công an cho biết có tất cả 210.000 người trốn trại và có 90.000 chết. Trong năm 1933 xảy ra nạn đói lớn làm chết 151.000 người, trong trên tổng số 1.420.000 đi vùng kinh tế cưỡng bách. Tỉ lệ người chết là 6,8% trong năm 1932 và 13,2% trong năm 1933. Trước đó, con số người chết chỉ được kiểm kê từng vùng. Nhưng tỉ lệ người chết không ít. Trong năm 1931, ở Kazakhtan có 1,3% người chết. Ở vùng Sibérie con số chết tăng lên mỗi tháng 0,8%. Trẻ em chiếm từ 8% đến 12%. Tại vùng Magnitogorsk, 15%.

Tổng cộng trong 3 năm, con số người chết trong các vùng lao động cưỡng bách khổ sai là 300.000.

Đối với chính quyền trung ương, kế hoạch thu lợi sức lao động của những người mà họ gọi là lưu đày đặc biệt mà qua năm 1932 họ đổi lại là những người lao động khai hoang, là chính sách đem con bỏ chợ. Chính quyền trung ương thờ ơ, nhân viên thuộc cấp làm việc lấy lệ. Ông N. Pouzitski, một trong những nhân viên đặc trách định cư người lưu đày nhận định rằng đó là một sự thờ ơ chết người, chỉ vì chính quyền địa phương không ý thức gì về chính trị và không am tường khả

năng khai hoang của những người lưu đày.

Tháng 3 năm 1931, chính quyền thành lập một ủy ban đặc biệt dưới quyền lãnh đạo của V. Andreiev và Iagoda, nhằm chận đứng sự phung phí nhân lực của những người lưu đày. Ủy ban chịu trách nhiệm trực tiếp với Bộ chính trị trung ương của đảng cộng sản Nga. Nhiệm vụ của ủy ban là quản lý hữu hiệu và hợp lý con số nhân công lao động khổ sai. Qua các cuộc điều tra sơ khởi, ủy ban nhận định năng suất lao động của lớp nhân công lưu đày chỉ là con số không. Chỉ có 8% trong số 300.000 người trong vùng Oural được chỉ định đi khai thác gỗ và đi lao động sản xuất. Còn số người khỏe mạnh khác đi làm các công tác xây cất nhà ở hay làm các công việc khác cho có lệ. Một tài liệu khác cũng xác nhận chính sách giải thể nông nghiệp cá thể đã làm cho nhà nước thất thu rất nhiều. Giá trị trung bình tài sản tịch thu của nông dân vào năm 1930 chỉ tương đương với một số tiền là 564 Rúp cho mỗi cơ sở sản xuất. Đó là con số quá nhỏ, chỉ bằng nửa tháng lương của người thợ. Nhưng đối với nông dân lưu đày, số tiền này tương đối dễ chịu.

Để có thể quản lý nhân công lao động hợp lý, Ủy ban đặc biệt tái tổ chức cơ cấu hành chánh. Vào mùa hè năm 1931, công an đứng ra chịu trách nhiệm quản lý hành chánh. Trước đó, công việc này trực thuộc chính quyền địa phương. Ủy ban cũng thành lập một cơ quan hành động và một cơ quan tình báo. Các cơ quan này được hưởng quyền bất khả xâm phạm và chịu trách nhiệm

kiểm soát một vùng đất bao la và một số người khai hoang đông đảo. Ủy ban cho ban hành quy chế kiểm soát chặt chẽ. Họ chỉ định nơi định cư và phân phối công tác lao động ở các nông trường, xí nghiệp, hợp tác xã, công trường xây dựng, cơ sở bảo trì hay tu bổ và các trục lộ giao thông. Nhân công lưu đày làm việc theo chỉ tiêu lao động và được hưởng quy chế lương bổng đặc biệt. Thường, chỉ tiêu này bằng 30% hay 40% so với nhân công bình thường. Cơ quan công an giữ lại 15% hay 20% tiền lương của nhân công để làm quỹ cho cơ quan.

Tháng 3 năm 1933, tại vùng Tây Bá Lợi Á, chính quyền bắt đầu tái tổ chức lực lượng nhân công. Họ chia 203.000 nhân công ra làm 83 hệ thống chỉ huy dưới sự quản lý của 971 nhân viên nhà nước. Khi các xí nghiệp nhận nhân công, họ phải trả tiền cho cơ quan quản lý. Ngoài ra cơ quan quản lý còn ăn tiền theo tỉ lệ bách phân trên tiền lương của nhân công lao động cưỡng bách.

Trên nguyên tắc, các công ty phải lo nơi ăn chốn ngủ cho công nhân lao động. Nhưng trên thực tế, các công ty coi thường. Họ đánh giá những người này chỉ là một nửa nhân công tự do và một nửa là miễn phí. Đúng là một nguồn nhân lực miễn phí. Thường các nhân công này không được lãnh tiền. Và nếu có lãnh, thì chỉ lãnh một ít. Số còn lại, bị khấu trừ vào tiền ăn, tiền cư trú, tiền sắm sửa các dụng cụ lao động, tiền quỹ nghiệp đoàn, tiền công khố phiếu nhà nước.

Những người lao động khổ sai bị đối xử như những người vứt bỏ, phế thải. Họ thường bị bỏ đói, hành hạ,

lạm dụng và khinh rẻ. Họ phải lao động với một chỉ tiêu vượt mức khả năng, làm việc không trả lương, bị đánh đập và bị nhốt trong các phòng tối không có lò sưởi. Các ban quản lý có quyền trao đổi công nhân lao động khổ sai với nhau, hay trao đổi họ với hàng hóa. Một số ban giám đốc trại xử dụng công nhân phục vụ cho công việc riêng tư của họ. Nếu có công nhân nào chết thì sẽ có các công nhân khác thế vào.

Từ năm 1932, chương trình định cư tại các vùng hoang dã giảm dần. Chính quyền đưa nhân công lao động cưỡng bách vào làm việc tại các đại công trường xây cất và các trung tâm kỹ nghệ, các khu hầm mỏ. Tại một số địa phương, công nhân lao động cưỡng bách làm việc chung với công nhân thường. Họ sống chung với nhau trong các căn nhà gỗ chật hẹp.

Cuối năm 1933, có 41.000 nhân công lao động cưỡng bách phục vụ trong công trường hầm mỏ Kouzbass.

Tại vùng Magnitogorsk, con số công nhân lưu đày lên đến 42.462 người, chiếm 2/3 dân số trong vùng.

Nhờ định cư trong các vùng đặc biệt và cũng nhờ làm việc chung với các công nhân bình thường, công nhân lưu đày cảm thấy giảm đi sự cách biệt. Và nhất là vì lý do kinh tế, các nông dân trước đây bị giải thể, ngày nay bắt đầu hội nhập vào đời sống xã hội mới. Cái xã hội mà họ đã từng chịu đựng quá nhiều trừng phạt.

Và ai biết được, người nào trong cái xã hội này sẽ bị khai trừ trong ngày mai.

CHƯƠNG 8
NẠN ĐÓI

Một trong những vết đen trong lịch sử của Xô-Viết mà ai cũng biết đến đó là nạn đói lớn trong những năm 1932-1933. Ngày hôm nay, các văn khố vừa được cho dân chúng tham khảo, cho người ta biết có đến 6 triệu người chết vì đói trong hai năm đó. Đây là con số không có ai có thể chối cãi được.

Thảm cảnh của nạn đói này không giống như những năm đói đã xảy ra trước đây theo chu kỳ của nền nông nghiệp dưới thời Nga Hoàng.

Nạn đói lớn của năm 1932-1933 là hậu quả trực tiếp của phương pháp khai thác nông dân theo kiểu phong kiến quân sự, sáng kiến của một lãnh tụ Bolshévik chống Stalin, tên là Nikolai Boukharine. Phương pháp

khai thác này được áp dụng khi thi hành chính sách cưỡng bách tập thể hóa. Kết quả của chính sách đã dẫn đến sự suy thoái trầm trọng đời sống xã hội.

Điểm khác biệt với các nạn đói xảy ra vào những năm 1921-1922 là vào những năm đói này nhà nước Xô-Viết kêu gọi quốc tế trợ giúp. Nhưng nạn đói của những năm 1932-1933, Liên Xô muốn che dấu sự thất bại của mình, không cho thế giới bên ngoài biết chỉ vì nhu cầu tuyên truyền cái tốt của chủ nghĩa cộng sản.

Nhiều quan sát viên ngoại quốc đã bị lường gạt khi họ đến thăm Liên Bang Xô Viết. Vào mùa hè năm 1933, Thượng nghị sĩ kiêm chủ tịch đảng cấp tiếng Pháp ông Edouard Herriot được mời đến viếng vùng Ukraine, đã tuyên bố: Tôi thấy các vườn rau của các hợp tác xã nông nghiệp được chăm sóc và hệ thống tưới nước rất đáng khen. Các vụ mùa thu hoạch rất khả quan. Ông kết thúc chuyến tham quan bằng câu nói quyết định: Tôi đã đi khắp suốt vùng Ukraine. Điều mà tôi thấy là cả vùng này đang ở trong thời kỳ sản xuất.

Cái nhìn mù quáng này là kết quả của một vụ dàn cảnh dưới tài đạo diễn của công an. Cơ quan này mời các quan sát viên ngoại quốc đến và hướng dẫn họ đi thăm các hợp tác xã nông nghiệp đã được chuẩn bị trước. Công an cũng dẫn các nhà quan sát quốc tế đến các vườn trẻ kiểu mẫu.

Vì nhu cầu chính trị của đảng mình và nhất là vì muốn thỏa hiệp với Liên Xô để quân bình hóa lực lượng quân sự ở Âu Châu trước mối đe dọa của Đức Quốc Xã,

nên các nghị sĩ Pháp mới không thoát ra những nhận định mù quáng trên.

Nhưng cũng có một số chính khách khác biết rõ những gì đã xảy ra ở Liên Xô vào những năm 1932-1933. Đó là những chính khách cao cấp của Đức và Ý. Các bản phúc trình của các tòa sứ quán Ý tại các vùng Kharkov, Odessa và Novorosski mà sử gia người Ý, ông Andrea Graziosi gần đây đã cho đăng tải trên một tờ nguyệt san cho biết Thủ Tướng Mussolini đã đọc và biết rất rõ tình hình của nạn đói ở Liên Xô. Nhưng Mussolini không bao giờ dùng các sự kiện này để chống lại cộng sản.

Trái lại, vào mùa hè năm 1933 hai nước Ý và Liên Xô đã ký hiệp ước thương mại và hiệp ước bất tương xâm. Vì quyền lợi của Ý, các nhà lãnh tụ nước này đã làm lơ trước nạn đói của Xô Viết.

Năm 1949 Kravchenko viết một quyển sách với tựa đề *Tôi chọn tự do*, trong đó ông mô tả nạn đói năm 19232-1933 đã làm hoang mang dư luận thế giới. Ông bị coi như là phần tử xuyên tạc chế độ cộng sản. Nhưng từ năm 1985 các công trình nghiên cứu của các sử gia Tây phương cũng như của Xô Viết cho thấy những gì trong quyển sách *Tôi chọn tự do* là sự thật. Cũng đã có một số tài liệu do các người Ukraine tị nạn cung cấp nhưng vẫn còn rất ít, và rất ít người biết đến.

Nguyên nhân của nạn đói này là do mối tương quan mới giữa nhà nước Xô Viết và cộng đồng khối nông dân sản xuất, phát xuất từ chính sách cưỡng bách tập thể diễn ra ở nông thôn.

Tại các vùng này, sự tập thể hóa đã hình thành và các hợp tác xã nông nghiệp giữ một vai trò quyết định. Hợp tác xã phải cung cấp một số lượng nông sản nhất định và thường xuyên cho nhà nước. Vào những ngày mùa Thu khi vụ mùa gặt hái bắt đầu, hợp tác xã mở chiến dịch thu mua cưỡng bách. Đó là những thời điểm đấu sức giữa chính quyền và tập thể nông dân sản xuất. Những người nông dân muốn giữ phần nông phẩm của họ để họ có thể sống qua mùa đông, chờ vụ mùa năm tới. Đối với nhà nước, việc thu mua nông sản quyết định sự sống còn của chế độ. Ở những vùng càng phì nhiêu bao nhiêu, càng bị thu mua gắt gao bấy nhiêu.

Vào năm 1930 chính quyền Xô Viết ấn định thu mua 30% tổng số thu hoạch vùng Ukraine; 38% ở các vùng phì nhiêu Kouban và vùng bắc Caucase; 33% tại các vùng Kazakhstan.

Qua năm 1931, các vụ mùa thu hoạch ít hơn nhưng nhà nước Xô Viết gia tăng số lượng thu mua. Tại Ukraine từ 30% tăng lên 41,5%. Vùng Bắc Caucase và Kouban từ 38% tăng lên 47%. Vùng Kazakhstan từ 33% tăng lên 39,5%. Vì số lượng nông phẩm bị tịch thu quá nhiều nên đã gây ảnh hưởng đến chu trình canh tác tại các vùng này.

Với kế hoạch trưng thu cưỡng bách này, nông dân chỉ có quyền bán ra thị trường từ 15% đến 20% sản phẩm. Họ chỉ để lại từ 12% đến 15% làm hạt giống cho vụ mùa năm sau. Họ phải trích ra 25% đến 30% để nuôi

gia súc. Số còn lại họ mới được làm thực phẩm riêng để sinh sống chờ vụ mùa năm tới. Về phía nông dân phải tìm cách cất giữ các sản phẩm nông nghiệp cho các nhu cầu thiết yếu của họ. Mặt khác, chính quyền tìm cách trưng thu càng nhiều càng tốt để cung cấp cho các chương trình được coi là chẳng thực tế tí nào.

Qua năm 1932, thuế đóng góp nông phẩm lại gia tăng hơm 32% kế hoạch thu mua cưỡng bách của năm 1931. Vì vậy các cuộc đụng độ giữa nông dân và nhân viên thu mua của nhà nước càng trở nên ác liệt.

Ban đầu việc thu mua diễn ra chậm chạp. Khi đến vụ mùa, các nhân viên trong hợp tác xã nông nghiệp, là những nông dân gia nhập vào hợp tác xã, tìm cách đem các nông phẩm đi dấu. Hoặc ban đêm họ đi ăn cắp các phần vừa mới thu hoạch. Họ thông đồng với các thành viên khác trong hợp tác xã, thông đồng với đội trưởng, với kế toán viên, với bí thư địa phương. Để chống lại sự thất thoát này, Trung Ương đã phải cử các toán xung phong xuống tận địa phương, tận các hợp tác xã. Toán xung phong gồm những đảng viên trung kiên của đảng cộng sản ở các thành phố.

Tình trạng căng thẳng ở những vùng nông thôn lúc bấy giờ đã được một ủy viên chính trị đi công tác huấn luyện chính trị cho các Ủy Ban Hành Chành địa phương ở vùng hạ lưu sông Volga, một vùng sản xuất nông phẩm, gởi về trung ương với chi tiết như sau:

Nhiều thành phần khác nhau đã thi hành các vụ bắt giam và lục soát. Như các thành viên của uỷ ban

hành chánh xã, thành viên của đội xung phong, và các thành phần đặc phái khác. Năm nay đã có 12% nông dân bị đưa ra tòa án nhân dân, không kể những nhân viên trong hợp tác xã đã bị đưa đi lưu đày và một số nông dân bị phạt tiền. Theo ước tính của chủ tịch tòa án nhân dân vùng này có chừng 15% là nạn nhân của các vụ truy lùng này. Nếu tính chung con số 800 người tham gia hay nhân viên sản xuất bị khai trừ ra khỏi hợp tác xã thì chúng ta có thể ước lượng được hậu quả của các cuộc đàn áp. Nếu chúng ta không lưu tâm đến sự cần thiết của các cuộc đàn áp vì tình hình, chúng ta phải nhận ra rằng các cuộc đàn áp đã không giảm bớt đi. Khi đến một mức nào đó, chúng ta khó mà chận đứng lại được. Các trại tù không còn chỗ để giam người nữa. Số tù nhân của nhà tù Balachevo đã gia tăng gấp 5 trên con số dự định. Tại vùng Elan, một nhà tù thật nhỏ đã phải chứa 610 người. Trong tháng qua, nhà tù Balachevo đã chuyển qua Elan 78 tù nhân đã bị kết án.Trong số này có 48 tù nhân dưới 10 tuổi. 21 tù nhân được phóng thích tại chỗ. Với tình trạng quá đông tù nhân này, cai tù chỉ có thể dùng võ lực để quản lý. Hai mệnh lệnh được thi hành ở đây là: Gieo hạt và sản xuất. Cho đến ngày nay công việc của chúng ta làm là chuyển hướng họ để thi hành hai hai mệnh lệnh trên. Thí dụ điển hình sau đây cho thấy mức độ khủng bố đối với nông dân. Tại Morsy, mỗi nông dân phải đóng 100% số nông sản. Một nông dân đã đến gặp đồng chi Formitchev bí thư xã, xin tình nguyện đi lưu đày chớ

không thể nào sống được trong tình trạng thuế má như vậy. Một bằng cớ khác là một thỉnh nguyện thư của 16 người của hợp tác xã Alexandrov cũng tình nguyện xin đi lưu đày. Nói tóm lại, chính sách lao động tập thể đã trở thành chiến dịch đột kích ăn cắp hạt giống, gia súc, dụng cụ sản xuất. Người ta đột kích lao động. Không có việc gì mà người ta không đột kích. Họ bao vây từ 9 hoặc 10 giờ tối cho đến khi rạng đông. Các cuộc đột kích đã diễn ra như sau: các đội phục kích đóng quân tại một căn nhà gỗ dùng làm phòng làm việc. Họ cho người đi đến các nhà nông dân và ra lệnh từng người đến văn phòng chấp vấn. Họ thuyết phục và ra lệnh nông dân phải thi hành chỉ thị nộp nông phẩm. Họ chấp vấn liên tục, lập đi lập lại suốt đêm.

Vào thời điểm căng thẳng nhất của cuộc xung đột giữa nhà nước và nông dân, một đạo luật kỳ lạ đã được nhà nước cho ban hành vào ngày 7 tháng 8 năm 1932. Đạo luật này đóng vai trò quyết định. Theo đạo luật này, bất kỳ người nào ăn cắp hay biển thủ tài sản của Xã hội chủ nghĩa đều bị xử án 10 năm tù hay bị hành quyết. **Dân chúng gọi đạo luật này là đạo luật hột lúa. Bởi vì những người bị kết án là những người nông dân đang làm việc trên cánh đồng, ăn cắp vài hột lúa mì của hợp tác xã.**

Với đạo luật tàn ác này, chính quyền đã kết án 125.000 người bị xử án 10 năm và kết án tử hình 5.400 người trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 1932 đến tháng chạp năm 1933.

Mặc dù cho thi hành các biện pháp gắt gao nhưng số lúa thu hoạch hay bị cưỡng bách thu mua chẳng đạt được bao nhiêu. Đến tháng 10 năm 1932 kế hoạch thu mua tại các vùng sản xuất nông phẩm chính cũng chỉ được từ 15% đến 20%. Vì số lượng thu mua quá ít, Bộ chính trị đảng cộng sản Nga quyết định gởi hai phái đoàn đặc biệt về hai vùng Ukraine và Caucase để đẩy mạnh công tác thu mua nông phẩm. Hai phái đoàn này do hai đảng viên cộng sản trung thành Viacheslav Molotov và Lazare Kaganovitch lãnh đạo.

Ngày 2 tháng 11 năm 1932 phái đoàn Kazanovitch cùng với phụ tá Genrik Iagoda đến tỉnh Rostov trên sông Don. Bí thư đảng của các vùng thuộc Bắc Caucase đều có mặt trong phiên họp và cùng biểu quyết: Vì lý do thất bại trong chiến dịch thu mua lương phẩm, nay bắt buộc các cơ sở đảng địa phương phải bẽ gãy các âm mưu phá hoại do các phần tử phản cách mạng trong các hợp tác xã, những đảng viên có tinh thần chống đối chủ trương, các tổ trưởng của các hợp tác xã đã tham gia vào các hoạt động phá hoại.

Một số biện pháp sẽ được đem ra thi hành,như: thâu hồi tất cả sản phẩm, nông sản hiện tại tồn kho; các dịch vụ mua bán phải thanh toán ngay các tiền nợ; phải đóng các thuế đặc biệt; bắt giam tất cả những người lạ mặt, những người phản cách mạng, những kẻ phá hoại; áp dụng thủ tục khẩn cấp dưới quyền giám sát của các toán xung kích. Nếu bị truy tố vì tội phá hoại thì tập thể dân chúng trong vùng sẽ bị đưa đi lưu đày.

Tháng 11 năm 1932 là tháng đầu tiên áp dụng biện pháp chống phá hoại. 5.000 đảng viên ở các vùng nông thôn bị truy tố trước toà án nhân dân về tội đã dễ dãi đối với các phần tử phá hoại ở nông thôn, lơ là trong công tác thu mua. Tại vùng Bắc Caucase, vùng sản xuất nhiều nông phẩm mang tính chiến lược, đã có 15.000 nhân công của các hợp tác xã nông nghiệp bị bắt giam. Qua đến tháng chạp, chiến dịch đưa đi lưu đày lan tràn khắp nơi. Khởi đầu dân của vùng Cosaque. Hồi năm 1920 dân của vùng này cũng đã bị đàn áp nặng nề. Rồi đến những công nhân của các hợp tác xã. Chiến dịch mà họ gọi là đi khẩn hoang ở các vùng kinh tế mới đã lưu đày không biết bao nhiêu người già, trẻ, trai, gái,... Trong năm 1932 đã có 71.236 người bị bắt đi. Đến năm 1933 con số này lên đến 268.091.

Ở vùng Ukraine, phái đoàn do Molotov cầm đầu cũng đã thi hành các biện pháp tương tự. Molotov cho ghi vào sổ đen tên các vùng không thu mua đúng chỉ tiêu. Ông ra lịnh thanh trừng và sa thải ra khỏi các đảng viên cộng sản không tích cực trong công tác thu mua. Bắt giam tất cả công nhân hợp tác xã kể cả các chủ tịch nếu có báo cáo đã làm giảm thiểu số lượng thực phẩm thu mua. Chẳng bao lâu, biện pháp này cũng được đem ra áp dụng trên khắp khu vực nông thôn sản xuất.

Với biện pháp này, nhà nước có thể thắng được toàn khối nông dân sản xuất hay không?

Trong bản phúc trình của viên lãnh sự Ý ở tỉnh

Novorossijk đã ghi rất rõ là không. Mặc dù lực lượng của chính quyền rất hùng hậu nhưng không đàn áp được ý chí chống lại của tập thể nông dân.Nông dân chia ra thành các toán nhỏ chống lại lực lượng của nhà nước. Dần dần lực lượng Xô Viết kiệt sức. Họ phải rải quân khắp nơi. Nơi này có cánh đồng lúa chưa chín. Nơi khác có vài tạ lúa cất giấu và được phát giác; chỗ kia có chiếc máy cày không được sử dụng; một máy cày khác bị phá hư và một chiếc thì chạy rong chơi chớ không phải đang làm công tác,... Rồi họ nhận ra một kho nông phẩm bị đánh cắp. Sổ sách của các hợp tác xã không ghi đúng số lượng cũng như không ghi đúng ngày tháng; có nơi ghi giả mạo. Giám đốc các hợp tác xã hoặc vì sợ hoặc vì bất cẩn, đã báo cáo không đúng sự thật trong các bản phúc trình.

Chỉ còn có một cách duy nhất để thắng kẻ thù là tạo ra nạn đói. Hay nói đúng hơn là kế hoạch tuyệt lương.

Trong các bản phúc trình gởi về Mạc Tư Khoa vào mùa hè năm 1932 đã tiên liệu là nạn đói sẽ có thể xảy ra vào mùa đông 1932-1933. Tháng 8 năm 1932 Molotov báo cáo về MạcTư Khoa triển vọng chết đói có thể diễn ra ở các vùng vốn sản xuất nông phẩm nhiều nhất. Nhưng đồng thời ông cũng đã hứa là sẽ tìm đủ mọi cách để đạt cho kỳ được mục tiêu của kế hoạch thu mua.

Cũng vào thời tháng 8, ông Issaev, chủ tịch ủy ban nhân dân vùng Kazakhstan bí mật báo cáo lên Staline về mức độ của cuộc khủng hoảng thực phẩm này. Vùng Kazakhstan đã hoàn tất chương trình định cư tập thể.

Chương trình này đã làm xáo trộn đời sống của các nhóm dân du mục. Ngay cả hai nhân vật thân tín nhất của Staline là ông Stalinas Kossiloz, đệ nhất bí thư đảng cộng sản Ukraine và ông Mikhail, đệ nhất bí thư đảng cộng sản Dniepropetrovk cũng phải viết thư riêng cho Staline và Molotov xin giảm bớt chỉ tiêu quá cao của kế hoạch thu mua. Hai ông viết: *Để cho tương lai công tác sản xuất nông phẩm đạt được chỉ tiêu, đáp ứng được nhu cầu của nhà nước Vô sản, chúng ta phải thỏa mãn nhu cầu tối thiểu của các nông dân làm việc trong các hợp tác xã. Nếu không, chúng ta sẽ không còn đủ hạt giống để bảo đảm sản xuất trong vụ mùa tới.*

Molotov,trong bức thư trả lời đã nói rằng các bí thư đã không nhận định đúng tình hình, sai với tinh thần Bolshévik. Ông nói: là những người Bônsêvích, chúng ta phải đặt nhu cầu của nhà nước vào ưu tiên một. Các nhu cầu này sẽ được đảng xác định bằng những quyết định của Đảng, và sẽ không được giảm một chút nào cả chớ đừng nói đến ưu tiên thứ hai.

Vài ngày sau, Trung Ương Đảng gởi văn thư xuống các cơ sở Đảng địa phương yêu cầu các cơ sở phải ra lịnh cho các hợp tác xã nào chưa cung cấp đủ chỉ tiêu nông phẩm đã được ấn định, phải xuất toàn bộ nông phẩm dự trữ dùng làm hạt giống cho vụ mùa năm sau, đem nộp cho các toán thu mua. Vì bị cưỡng bách kể cả dùng vũ lực tra tấn cho nên nông dân cuối cùng cũng phải đem giao luôn các hạt giống cho nhà nước. Kết

quả là mặc dù những nông dân đang sống trên các vùng đất phì nhiêu, màu mỡ nhưng họ cũng đành chịu chết đói vì không có cách gì kiếm ra thực phẩm để sống qua ngày.

Nếu họ muốn sống thì chỉ còn có cách là phải đổ xô về thành phố. Nhưng nhà nước cộng sản đã chặn đứng làn sóng người trở về thành phố này bằng một đạo luật ban hành ngày 27 tháng 12 năm 1932. Theo tinh thần của đạo luật này, chính quyền thiết lập việc kiểm tra dân số cư ngụ trong thành phố. Nhà nước cấp thẻ thông hành nội bộ. Như vậy những người từ vùng kinh tế mới trở về sẽ không có giấy thông hành nội bộ và họ sẽ bị bắt, bị tống về trở lại vùng chết đói, nơi mà họ đã bỏ ra đi.

Trước tình trạng làn sóng trở về thành vì sự sống còn, ngày 22 tháng giêng năm 1933, Bộ chính trị trung ương đã cho ban hành một nghị quyết ác ôn, dẫn đến nạn chết đói của hằng triệu nông dân trong những ngày sắp tới. Chiếu theo nghị quyết do Staline và Molotov ký tên, họ ra lệnh cho các cơ sở đảng và công an địa phương bằng đủ mọi cách chặn đứng những người nông dân trở về thành phố. Nhất là nông dân của các vùng Ukraine và vùng Bắc Caucase. Nghị quyết nêu rõ: Nhà nước có đủ bằng cớ cho thấy các người trở về theo kế hoạch của các phần tử chống phá chính quyền, những người chống phá cách mạng, của những điệp viên hoạt động cho Ba Lan nhằm tuyên truyền phá hoại các hợp tác xã nói riêng, và nhà nước Xô Viết nói

chung. Các toán công an địa phương thiết lập các nút chận tại các nơi đang xảy ra nạn đói, tại các nhà ga xe lửa, nhằm ngăn chận làn sóng người trở về thành phố.

Đầu tháng 3 năm 1933, một toán công an báo cáo tình hình chính trị về Trung Ương. Bản báo cáo cho biết trong vòng một tháng họ đã ngăn chận được 219.460 người. Trong số này họ đã trả lại 186.588 người trở về lại nơi cư ngụ. Số người khác bị bắt giam và đưa ra tòa án. Bản báo cáo không nói thêm chi tiết về những người bị trả trở lại. Nhưng viên lãnh sự Ý thuộc vùng Kharkov, một vùng đã xảy ra nạn đói trầm trọng, báo cáo về chính phủ Ý những nhận xét như sau:

Từ một tuần lễ nay người ta tổ chức một cơ sở để đón nhận trẻ em mồ côi. Bởi vì cha mẹ của các em này đã kéo nhau trở về thành phố để kiếm cách sinh nhai, nhưng bị bắt buộc phải trở lại vùng chết đói. Họ bỏ con em ở lại với ước nguyện sẽ có người ra tay giúp đỡ. Còn họ, họ trở về chịu chết trong những làng quê hẻo lánh.

Từ một tuần lễ nay nhà nước huy động những người gác cổng, các lao công của các công thự, cho mặc các chiếc áo choàng trắng đi truy lùng các trẻ em đem về nhốt tại các đồn công an khu vực. Nửa đêm, họ dùng xe nhà binh chở ra nhà ga Servodonetz. Tại đây cũng đã có một số người lớn còn sót lại trong thành phố và bị lùng bắt. Chuyên viên y tế sẽ khảm nghiệm sức khoẻ để phân loại. Người nào không phù thủng, có nghĩa là còn khoẻ sẽ được đưa về các gian nhà gỗ vùng Holadanaia

Gora hay đưa về các gian trại sống chung với 8.000 người khác đang nằm hấp hối trên đống rơm.

Số người khác, bịnh hoạn, sẽ được xe lửa chở đến các vùng cách thành phố chừng 50 hoặc 60 km. Họ bị đuổi xuống dọc đường rồi bị lùa vào các làng hẻo lánh. Họ bị bỏ rơi ở đó, chờ chết, không ai hay biết gì đến họ cả.

Và cũng tại những nơi được chỉ định, người ta cho đào những lỗ bên đường. Nhân viên trên xe lửa quăng các thây người chết xuống các lỗ đã đào sẵn này.

Con số người chết đói đạt đến điểm cao nhất của nó vào mua xuân năm 1933. Cùng với nạn đói, các bịnh truyền nhiễm cũng bắt đầu lan tràn. Có những thị trấn trước kia với dân số vài chục ngàn người, ngày nay sau nạn đói chỉ còn sống sót lại vài ngàn. Tình trạng ăn thịt người đã xảy ra ở một vài nơi. Trong các bản báo cáo của các cơ quan an ninh địa phương cũng như của các văn phòng sứ quán Ý:

Mỗi đêm người ta đi nhặt dọc theo đường phố khoảng 250 thây người chết vì bịnh dịch. Các thây chết này bị mất lá gan. Dường như lá gan bị móc ra qua một lỗ nhỏ ở trên bụng. Sau cùng cơ quan công an được tin cho biết có một số người móc lấy lá gan rồi trộn vào thịt để làm nhưn bánh bao, đem ra chợ bán.

Tháng 4 năm 1933, nhân chuyến viếng thăm vùng Kouban, nhà văn Mikhail Cholokhov viết hai lá thư gởi cho Staline. Trong thư ông viết từng chi tiết về những biện pháp tra tấn của công an đối với nông dân để buộc các nông dân này phải đem nộp nông phẩm dự

trữ trong hợp tác xã của họ. Chính vì thế mà phải lâm vào tình trạng chết đói. Ông đề nghị với Staline để cho ông gởi một số lượng lương thực để cứu những người nông dân này.

Staline từ chối và nói thẳng rằng những người nông dân này bị trừng phạt vì phạm vào cái tội đình công và phá hoại. Họ đã mở trận chiến tiêu hao chống lại nhà nước cộng sản. Cũng vào năm 1933 này, trong lúc nạn thiếu lương thực đã giết hàng triệu người, thì nhà nước Xô Viết cho xuất cảng ra ngoại quốc 1.800.000 tấn lúa mì để thu ngoại tệ cho công cuộc kỹ nghệ hoá.

Các cuộc kiểm tra dân số của các phân khoa dân số học vào những năm 1937 và 1939 được giữ bí mật cho đến ngày hôm nay, giúp chúng ta biết thêm chi tiết về nạn đói năm 1933.

Theo các cơ quan thống kê này, nạn đói đã xảy ra tại các vùng đất đen Ukraine, vùng đất phù sa ven sông Don, vùng Kouban, vùng Bắc Caucase và một phần lớn vùng Kazakhstan. Đã có khoảng 40 triệu người là nạn nhân của nạn đói tại các vùng này. Con số thiệt hại lớn nhất là các vùng ở chung quanh thành phố Kharkov. Số người chết từ tháng giêng đến tháng sáu tăng lên gấp mười so với mức độ chết trung bình. Trong tháng 6 năm 1933 con số người chết đói lên đến 100.000 người so với 9.000 người của tháng 6 năm trước. Đó là chưa kể đến con số người chết không khai báo.

Ở nông thôn con số người chết cao hơn ở thành phố. Trong một năm, thành phố Kharkov mất 120.000 người;

thành phố Krasnodar mất 40.000 người và thành phố Stavropol giảm 20.000 người.

Ngoài con số người chết tại các vùng xảy ra nạn đói, con số người chết ở các nơi thiếu ăn cũng không ít. Vùng nông nghiệp phụ cận thủ đô Mạc Tư Khoa số người chết gia tăng 50% trong vòng từ tháng giêng đến tháng 6 năm 1933. Cũng trong khoảng thời gian nửa năm này con số người chết đói của thành phố Ivanovo gia tăng 35%.

Trên toàn nước Nga, có trên 6 triệu người chết đói trong năm 1933 cao hơn các năm trước. Chỉ riêng vùng Ukraine con số người chết đã lên đến 4 triệu. Vùng Kazakhtan chết 1 triệu, phần lớn là dân du mục. Vùng Bắc Caucase 1 triệu.

Trong bức thư gởi cho Staline vào ngày 4 tháng 3 năm 1933, nhà văn Mikhail Cholokhov, tác giả của tác phẩm *Dòng sông Don êm đềm* **viết**:

Thưa Đồng chí Staline,

Việc phân phối thực phẩm không đạt đúng theo như kế hoạch đã chỉ định tại các khu vực Vechenski cũng như tại các vùng Bắc Caucase không phải vì lý do có sự phá hoại cuả các nhân viên trong hợp tác xã mà chính là vì không biết cách quản trị của các cơ quan địa phương.

Để đạt chỉ tiêu trong công tác thu mua nông phẩm, ủy ban địa phương của đảng cộng sản đã giao toàn quyền quyết định cho đồng chí Ovtchinnikov. Ông ta đưa ra các biện pháp sau đây:

Tịch thu tất cả nông sản, kể cả số lượng dự trữ của các hợp tác xã dùng làm hạt giống cho năm sau.

Nhân viên hợp tác xã phải đến từng gia đình thu mua một số lượng nông phẩm sao cho đủ chỉ tiêu để giao cho nhà nước.

Thi hành các biện pháp trên sẽ đạt được gì?

Ngay từ đầu chiến dịch thu mua, nông dân đã tìm cách đem giấu cất số lương thực phẩm riêng tư của họ. Số thu được rất khiêm nhường: 593 tấn lúa mì. Trong số lúa mì này có một phần đã cất giấu từ năm 1918. Xin kể ra đây một số thủ đoạn thu mua.

Thủ đoạn sức chịu lạnh. Họ bắt nông dân trong các hợp tác xã cởi bỏ quần áo, đứng khỏa thân trong các nhà kho lớn giữa cái lạnh của mùa đông.

Thủ đoạn sức chịu nóng. Họ thấm dầu lửa vào chân hay vào chiếc váy của phụ nữ rồi châm lửa. Khi lửa bốc cháy, họ cho cháy một chốc rồi dẹp tắt. Cứ như thế họ lập đi lập lại.

Tại Napolovski, ủy ban địa phương bắt nông dân ôm lấy các ống khói của các lò sưởi đang đun nóng. Sau đó họ đem giam, khỏa thân trong các nhà kho lạnh buốt.

Tại Lebiajenski, người ta bắt nông dân đứng xếp hàng như chờ hành quyết.

Tôi có thể kể ra không biết bao nhiêu trường hợp khác đã xảy ra nhiều nơi. Đó không phải là những hành động lạm quyền. Nó là những phương pháp

thông thường của các toán công an áp dụng để thu mua nông phẩm của nông dân.

Nếu đồng chí Staline nhận thấy rằng bức thư này đáng được Bộ chính trị lưu tâm, xin hãy biệt phái ngay một cán bộ cộng sản chân chính về địa phương để điều tra. Cán bộ này phải có đủ can đảm lột mặt nạ các nhân viên địa phương. Vì chính những nhân viên này đã phá hoại chương trình xây dựng các hợp tác xã nông nghiệp. Đồng chí là nguồn hy vọng lớn nhất của chúng tôi.

Ký tên: Mikhail Cholokhov của đồng chí.

[Tài liệu của Phủ chủ tịch số 45/1/827/7-22].

Ngày 6 tháng 5 năm 1933 Staline viết thư phúc đáp nhà văn Mikhail Cholokhov.

Đồng chí Choloklov thân,

Tôi đã nhận được hai bức thư của đồng chí. Đề nghị xin giúp đỡ của đồng chí đã được thực hiện. Tôi đã phái đồng chí Chkiziatov đi về các địa phương để giải quyết các vấn đề của đồng chí nêu ra. Xin đồng chí hãy tiếp tay Chkiziatov. Nhưng thưa đồng chí Cholokhov, không phải đó là những điểm mà tôi muốn nói. Thực ra thư của đồng chí viết tôi cho rằng không khách quan. Về vấn đề này tôi muốn nói thêm vài lời với đồng chí.

Tôi cám ơn đồng chí đã viết thơ cho tôi. Bức thơ đã vạch ra một cơn bịnh nhỏ trong guồng máy của chúng ta. Vì muốn thực hiện tốt các chỉ thị, tức là giải giới kẻ thù cuả chúng ta, đã có một số cán bộ đảng

va chạm đến những người bạn của chúng ta. Nhiều khi họ lám quá trớn. Nói thẳng ra là quá hung bạo. Nhưng với sự quan tâm của tôi, tôi không thể nói là tôi hoàn toàn đồng ý với đồng chí về mọi khía cạnh của vấn đề. Đồng chí đã nhìn cái dạng của vấn đề mà thôi. Nhưng tôi phải nhìn nhận là cái nhìn của đồng chí khá sắc bén. Nhung đó chỉ là cái dạng bên ngoài của sự việc. Với cái nhìn chính trị, bức thư của đồng chí không phải là loại thư văn chương tả cảnh mà là một nhận xét chính tri. Nhưng chúng ta phải nhìn ở khía cạnh thực tế của vấn đề. Đó là những nông dân đáng kính của chúng ta ở các vùng mà đồng chí nêu ra trong thư. Họ đã đình công và phá hoại. Họ sẵn sàng chấp nhận đình công để cho thợ thuyền và Hồng quân không có bánh mì. Mặc dù họ không gây đổ máu, họ chỉ hoạt động trong êm lặng, nhưng trên căn bản họ cũng chính là thành phần phá hoại. Họ đang mở một cuộc chiến tranh tiêu hao, chống lại quyền lực Xô Viết. Đây là một trận chiến sống mái, xin đồng chí Cholokhov hiểu cho!

Theo như nhận xét của đồng chí, quả thật những vi phạm của các cán bộ địa phương không thể nào chứng minh được đó là sự lộng quyền cả. Các thủ phạm sẽ phải chịu trách nhiệm về việc làm của họ. Nhưng có một điều rất rõ là những người nông dân đáng kính trọng của chúng ta chắc chắn không phải là những con chiên ngây thơ như người ta tưởng tượng khi đọc thư của đồng chí.

Chúc đồng chí sức khỏe tốt. Chào đồng chí. Staline của đồng chí.

[Tài liệu của Phủ chủ tịch số 3/61/549/194].

Năm năm trước khi xảy ra cuộc tổng khủng bố với mục đích trước tiên là trừng phạt giới trí thức, các cán bộ Đảng, nhân viên bộ kinh tế, nạn đói năm 1932-1933 phải được coi là cao điểm của chiến dịch do nhà nước Xô Viết chủ trương khởi từ năm 1929, nhằm chống lại tập thể nông dân. Đó là một giai đoạn quyết liệt. Với kinh nghiệm này, chính quyền cộng sản sẽ đem áp dụng để đàn áp từng cá nhân, từng nhóm trong cộng đồng xã hội.

Nạn đói đã làm suy sụp mọi mặt, từ chính trị cho đến xã hội.

Tại các địa phương, con số người lộng quyền gia tăng. Họ sẵn sàng dùng bạo lực để cưỡng đoạt số lương thực cuối cùng của nông dân. Hành vi sách nhiễu, cướp bóc xảy ra hằng ngày. Trẻ em bị bỏ rơi. Hiện tượng ăn thịt người xuất hiện, cùng với sự lan tràn các thứ bịnh truyền nhiễm. Người ta cho thiết lập các trại tử thần. Những người đói lã sẽ được đưa vào trại đó để chờ chết. Nông dân ở trong giai đoạn này bị nhà nước hành xử giống như những nông nô của thời Trung cổ.

Tháng giêng năm 1934, Sergo Ordjonikidze và Serguei Kirov đã điên cuồng ca tụng các cán bộ cộng sản trong những năm đói kém như sau:

Các cán bộ của chúng ta đã làm việc và chịu đựng trong cái hoàn cảnh đói kém của những năm 1932-

1933. Phải thành thật thừa nhận rằng họ đã được trui luyện như là thép. Tôi nghĩ rằng với số cán bộ như vậy, chúng ta có thể xây dựng một nhà nước mà cho đến ngày hôm nay lịch sử chưa hề có được.

Đối với các sử gia của ngày hôm nay, kể cả các sử gia của Ukraine, nạn đói vĩ đại này là một cuộc diệt chủng nhân dân Ukraine. Không ai có thể chối cãi một sự kiện: nhân dân Ukraine là nạn nhân chính của nạn đói năm 1932-1933.

Nạn đói này là một cuộc tổng tấn công của nhà nước sau các cuộc tấn công mở ra hồi năm 1929 nhằm vào tầng lớp trí thức. Họ bị buộc phải cái tội đã đi sai con đường khi chọn chủ nghĩa quốc gia.

Andrei Sakharov đã định nghĩa việc làm của Staline là bài trừ và sợ người Ukraine. Định nghĩa này thật là chính xác. Nhưng không những chỉ Ukraine bị đói mà nạn đói lan tràn ra đến các vùng Bắc Caucase, vùng lưu vực sông Don, vùng Kouban và cả vùng Kazakhstan.

Năm 1930, Kazakhstan đã hoàn toàn vào quy chế làm ăn tập thể. Họ cưỡng bách dân du mục định cư. 80% gia súc của dân du mục bị chết trong vòng 2 năm. Vì không thể sinh sống, hai triệu người Kazakhstan phải bỏ nước ra đi. Nửa triệu người lánh đói chạy qua các vùng đất Trung Á. Một triệu rưỡi người vượt núi rừng qua Trung Quốc.

Trên thực tế, tại các vùng đất đen, nơi sinh sống của giống dân Cosaque thuộc Ukraine cuộc chiến đã diễn ra giữa nông dân và nhà nước Xô Viết từ năm

1918-1922.

Có một điều trùng hợp lý thú giữa các vùng chống đối mạnh mẽ của những năm 1918-1922, những vùng bị cưỡng bách vào tập thể vào năm 1929-1930 với những vùng bị nạn đói.

Năm 1934 cơ quan công an ghi nhận 14.000 vụ nổi loạn trong đó 85% các vụ nổi loạn này xảy ra tại các vùng bị trừng phạt vì nạn đói. Đó là những vùng đất trù phú, dân chúng hiếu động. Các vùng này đã đóng góp rất nhiều mà cũng bị mất rất nhiều vì chính sách cưỡng đoạt của nhà nước cộng sản.

Nông phẩm sản xuất xuống rất thấp khi nhà nước cho thi hành chính sách cưỡng bách tập thể hóa nền nông nghiệp. Chính vì thế các vùng này bị thiệt hai nhiều nhất và con số người chết đói lên cao nhất.

CHƯƠNG 9
THANH TOÁN CÁC PHẦN TỬ XA LẠ CỦA XÃ HỘI VÀ CHU KỲ ĐÀN ÁP

Không phải chỉ có những nông dân ở miền quê mới là nạn nhân phải cống hiến quá nhiều cho cuộc cách mạng rộng lớn thay đổi từ cội nguồn của xã hội. Các thành phần khác của xã hội cũng bị xếp vào những thành phần xa lạ đối với tân xã hội chủ nghĩa.

Những người này bị loại ra khỏi sinh hoạt xã hội. Họ bị tước quyền công dân; họ bị đuổi ra khỏi sở làm; họ bị đuổi ra khỏi căn nhà họ đang cư ngụ; họ bị hạ thấp trong các bậc thang của xã hội; họ bị lưu đày. Đó là những thành phần trung lưu, trưởng giả, chuyên viên, trí thức, các ngành nghề tự do, thương gia, những vị lãnh đạo tinh thần. Họ là nạn nhân của cuộc cách mạng chống tư bản, được phát động từ năm 1930. Tất

cả những ai sống trong thành phố không thuộc thành phần vô sản, không phải là công nhân thợ thuyền hay không phải là những người đóng góp vào công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa đều là những đối tượng phải chịu những biện pháp đàn áp. Họ bị cưỡng bách phải theo con đường xã hội chủ nghĩa, đúng như triết lý chính trị của nó là phải đi xuống để đi trở lại con đường tiến bộ.

Bản án của một trí thức tên Chakkty đã kết thúc cuộc hưu chiến giữa nhà cầm quyền và những thành phần có học. Nó khởi đầu cho kế hoạch ngũ niên. Bài học chính trị rút ra từ bản án của Chakkty là: nghi ngờ, lưỡng lự, thờ ơ với công cuộc cải cách do đảng chủ trương là những yếu tố phá hoại chính sách của đảng. Chưa dứt khoát tư tưởng là đồng nghĩa với phản bội.

Những người Bolshévik học nằm lòng câu chuyên gia là những kẻ phá hoại. Bản án Chakkty đã được tất cả những người Bolshévik học tập. Chuyên gia trở thành những con vật tế thần cho những thất bại trong chính sách kinh tế của nhà nước. Vì nhà nước tịch thu tất cả công cụ và phương tiện sản xuất cho nên mức sản xuất xuống rất thấp. Từ đó cuộc sống hằng ngày trở nên khó khăn hơn.

Cuối năm 1928, tất cả chuyên viên kỹ thuật của các nhà máy, hãng xưởng, công ty sản xuất đều bị sa thải, bởi vì họ bị ghép vào giới trung lưu, trưởng giả.

Họ bị cắt phiếu tiếp tế thực phẩm, phiếu y tế sức khỏe và còn bị đuổi ra khỏi nhà của họ. Năm 1929,

hàng ngàn nhân viên, công chức thuộc các cơ quan Kế hoạch trung ương, Bộ thương mại, cơ quan cố vấn tối cao kinh tế, Bộ tài chánh, Bộ canh nông bị sa thải. Họ bị kết tội là có tư tưởng hữu khuynh, phá hoại hay thuộc thành phần xa lạ với xã hội chủ nghĩa. Trên thực tế, trong số nhân viên này có đến 80% là những người của chế độ cũ.

Từ mùa hè năm 1930, chiến dịch bài trừ các thành phần trung lưu trưởng giả bắt đầu thi hành triệt để tại các cơ quan hành chánh. Staline cũng như Thủ tướng chính phủ là lãnh tụ Bônsêvích Rykov muốn dứt khoát với các thành phần hữu khuynh. Dưới con mắt của Staline họ là những thành phần phá hoại.

Trong tháng 8 và tháng 9, cơ quan chính trị công an cho bắt những chuyên viên có tên tuổi, đang đảm nhận các chức vụ quan trọng trong các bộ, các sở, uỷ ban của nhà nước. Trong số người bị bắt có Giáo sư Krondratiev, cựu Bộ trưởng đặc trách tiếp tế trong giai đoạn lâm thời hồi năm 1917. Ông đã từng là trưởng ban điều hợp Ủy ban nhân dân của bộ tài chánh. Các nhà kinh tế học trên thế giới biết ông qua lý thuyết Chu kỳ phát triển kinh tế Krondratiev.

Các Giáo sư Makarov, Tchaianov giữ các chức vụ quan trọng trong bộ canh nông, Giáo sư Sadyzine làm việc trong ban giám đốc ngân hàng, Giáo sư Ramzine, Groman là những chuyên gia của ngành thống kê thuộc ban kế hoạch trung ương và một số chuyên viên lỗi lạc khác.

Nhận lệnh của Staline, cơ quan an ninh chính trị tiến hành thiết lập hồ sơ cá nhân của từng chuyên gia trung lưu, trưởng giả này. Hồ sơ nêu lên các chứng cớ về các tội móc nối các hoạt động có hệ thống nhằm lật đổ chính quyền Xô viết của Đảng nông dân lao động do Kondratiev lãnh đạo và Đảng Kỹ thuật của Giáo sư Ramzine.

Họ bắt những người này phải ký tên trong các tờ khai là họ có liên hệ với các lãnh tụ Bônsêvích Rykov, Syrtsov và Boukhazine. Họ bị bắt buộc phải khai là có tham dự vào tổ chức Nhóm lưu vong chống Xô Viết và có làm việc cho các cơ quan tình báo khác nhằm hạ bệ Staline và huỷ bỏ chính quyền Xô Viết.

Nhóm an ninh chính trị còn bắt một huấn luyện viên của trường tham mưu thuộc Viện đại học quân sự, bắt ông ta phải khai báo là ông ta có liên hệ với Thống chế Tham mưu trưởng Hồng quân Mikhail Toukhatchevski trong một âm mưu chống Staline.

Thời kỳ này xuất hiện không biết bao nhiêu kỹ thuật chụp mũ của các toán khủng bố nhằm lùng bắt những người cộng sản có âm mưu chống lại Staline. Đến năm 1930 thì chiến dịch loại trừ các phần tử phá hoại coi như hoàn tất. Mục đích của Staline là chận đứng những người ở trong đảng có tư tưởng chống lại chính sách của Staline và đe dọa những phần tử lưng chừng.

Tờ báo *Sự Thật*, số ra ngày 22 tháng 9 năm 1930 cho đăng bản tự khai của 42 nhân viên công chức phục vụ tại ủy ban nhân dân Bộ tài chánh và Bộ Thương mại.

Họ tự nhận là đã gây khó khăn trong công tác tiếp tế của nhà nước và đã biển thủ các đồng tiền Rúp.

Vài ngày trước đó, Staline có gởi cho Molotov một văn thư với các chỉ thị về vấn đề này. Trong thư Staline cho biết phải loại trừ những người cộng sản còn nghi ngờ trong các bộ tài chánh, ngân hàng trung ương, hay những người cộng sản phát biểu không tốt như Piatakov Brioukhanov. Cho xử bắn vài chục người đã xâm nhập vào các cơ quan này. Staline chỉ thị cho cơ quan an ninh chính trị dùng võ lực thu hồi các đồng Rúp còn đang lưu hành.

Ngày 25 tháng 9, tất cả 42 người tự khai bị hành quyết.

Những tháng sau đó, các vụ xử án và hành quyết do lối dàn cảnh tự khai như trên xảy ra liên tục. Có nhiều vụ phải xử kín. Như vụ án các chuyên viên làm việc trong Hội đồng tối cao kinh tế nhà nước hay vụ Đảng nông dân. Vụ án Đảng kỹ thuật xử công khai.Trong vụ này có 8 chuyên gia tự khai là có liên hệ với một tổ chức có trên 2.000 chuyên viên tham dự. Họ tự nhận có nhận chỉ thị của các tòa Đại sứ ngoại quốc làm xáo trộn nền kinh tế Xô Viết. Các vụ án này đã tạo nên cái huyền thoại về âm mưu và phá hoại. Nó là nền tảng cho ý thức hệ chính trị của Staline.

Trong vòng 4 năm, kể từ năm 1928 đến 1931 đã có tất cả 130.000 nhân viên công chức bị sa thải ra khỏi các cơ sở chính quyền. Trong số này có 23.000 người bị kết án là kẻ thù của chế độ. Họ bị tước quyền công dân. Tại các xí nghiệp, công việc lùng bắt các chuyên

viên diễn ra gay gắt. Vì thiếu chuyên viên nên số nhân công còn lại phải gia tăng giờ làm việc, làm cho nhanh. Đó là nguyên nhân sinh ra tai nạn trong lao động, hàng hoá không đạt chất lượng và làm hư hao máy móc.

Từ tháng giêng năm 1930 đến tháng 6 năm 1931 có đến 48% chuyên viên, kỹ sư làm việc tại trung tâm mỏ than Donbass bị bắt giam. Nửa năm đầu đã có 4.500 phần tử phá hoại thuộc bộ phận chuyển vận bị phát giác.

Chính sách lùng bắt chuyên viên, thiếu kế hoạch làm việc, không am tường về các định luật kinh tế là những nguyên do chính đã đưa mức sản xuất của các xí nghiệp bị phá hoại lâu dài.

Đứng trước sự khủng hoảng trầm trọng của chính sách kinh tế đang áp dụng, chính quyền Xô Viết đã phải chấp nhận sửa sai.

Ngày 10 tháng 7 năm 1931, Bộ chính trị ban ra nhiều biện pháp để hạn chế các lạm quyền đã xảy ra từ năm 1928 mà nạn nhân là các người Spetzy. Bộ chính trị ra lịnh cho phóng thích hàng ngàn kỹ sư và chuyên viên; ưu tiên cho các ngành hầm mỏ và luyện kim. Bãi bỏ nghị quyết cấm con cái của thành phần chuyên viên này vào các ngành đại học. Cấm các cơ quan công an bắt bớ những người này nếu không có lịnh của ủy ban nhân dân phụ trách ngành. Điều đó đã nói lên mức độ trầm trọng về sự kỳ thị và sự đàn áp của nhà nước kể từ vụ án Chakty. Đã có hàng chục ngàn kỹ sư chuyên môn của các ngành nghề bị đối xử tàn tệ.

Thành viên của các giáo hội cũng bị gạt ra khỏi các sinh hoạt của Tân xã hội- xã hội chủ nghĩa.

Trong năm 1918 và năm 1922 nhà nước cộng sản mở các cuộc tấn công vào các chủng viện lùng bắt những người tu hành. Đợt lùng bắt rộng lớn nhất xảy ra vào hai năm 1929-1930. Năm 1920, mặc dù có rất nhiều tu sĩ phản đối, Giáo chủ Serge -người thừa kế Giáo Tộc Trưởng Tikhon- đã kêu gọi các Giáo sĩ cũng như giáo dân hãy trung thành với nhà nước. Vì thế Giáo Hội Chính Thống vẫn còn có ảnh hưởng lớn đối với chánh quyền.

Tính đến năm 1914 nước Nga có 54.692 nhà thờ. Đến năm 1929 chỉ còn lại 39.000 nhà thờ mở cửa đón nhận giáo dân đến cầu nguyện và hành lễ.

Ông Emelian Iaraoslavski đứng ra thành lập Mặt trận vô thần hồi năm 1925. Đã có trên 10 triệu người trên tổng số dân số 130 triệu của nước Nga thời bấy giờ ra khỏi giáo hội.

Chiến dịch đàn áp tôn giáo trong hai năm 1929-1930 được chia ra làm hai giai đoạn. Giai đoạn đầu phát động vào mùa xuân và mùa hè năm 1929 bằng cách tái thi hành nghị quyết không tôn giáo của các năm 1918 và 1922. Như vậy, tất cả các hoạt động của Giáo hội vượt mức yêu cầu, sẽ bị hành xử theo điều 10 khoản 58 của bộ hình luật.

Ngày 4 tháng 4 năm 1929 nhà nước cho ban hành một đạo luật đặc biệt, theo đó ủy ban nhân dân địa phương sẽ quản lý các cơ sở của Giáo hội. Nếu dùng các sinh hoạt của Giáo hội để tuyên truyền chống

chính quyền sẽ bị trừng phạt ít nhất là 3 năm tù cho đến kết án tử hình.

Ngày 26 tháng 8 năm 1929, chính quyền ra lịnh trong một tuần lễ làm việc 5 ngày và nghỉ 2 ngày. Ngày chúa nhật được coi như một ngày làm việc bình thường. Mục đích của những người cộng sản là ngăn chận con chiên đi nhà thờ vào ngày chúa nhật. Đó là một âm mưu tiêu diệt tôn giáo.

Các đạo luật nói trên chỉ là một khởi đầu của chiến dịch thứ hai tấn công và bài trừ tôn giáo. Đến tháng 10 năm 1929 nhà nước cộng sản ra lịnh tịch thu các cái chuông của nhà thờ với lý do là vì cái chuông gây ồn ào, phá rối sự yên tĩnh của đại đa số quần chúng ở nông thôn. Tu sĩ và các vị linh mục được xếp vào thành phần xa lạ với xã hội chủ nghĩa. Họ phải đóng thuế rất nhiều. Giá thuế tăng lên gấp 10 lần từ năm 1928 đến năm 1929. Họ bị tước quyền công dân. Tất nhiên họ không được cấp thẻ tiếp tế lương thực cũng như không được hưởng quy chế sức khỏe. Hầu hết các tu sĩ bị bắt và đưa đi lưu đày.

Theo các bản thống kê chưa hoàn tất, có 13.000 tu sĩ bị bắt giam trong năm 1930.

Tại các làng nhỏ ở nông thôn hẻo lánh, khi tiến hành chiến dịch tập thể hoá, chính quyền đóng tất cả các nhà thờ. Linh mục, tu sĩ cũng cùng chịu chung số phận như những nông dân khi chính quyền giải thể chế độ điền chủ.

Chiến dịch bài trừ tôn giáo đạt đến cao điểm vào mùa Đông năm 1929-1930.

Tính đến ngày 1 tháng 3 năm 1930 có tất cả 6.715 giáo đường bị đóng cửa hoặc bị phá hủy. Các cơ quan chính quyền địa phương tiếp tục đả kích trong công tác bài trừ và tiêu diệt tôn giáo. Họ đưa ra những lý do bịa đặt để đóng cửa các giáo đường: các giáo đường thiếu điều kiện vệ sinh; không tu bổ dễ gây đổ nát, gây thương tích cho giáo dân; không đóng bảo hiểm; không đóng thuế; đóng thuế chưa đủ. Các tu sĩ bị tước quyền công dân, không được đi làm trả lương cho nên các tu sĩ này bị ghép vào tội ăn bám vào xã hội. Một số tu sĩ không thể chịu đựng được nữa nên bỏ đi lang thang, sống ngoài vòng pháp luật cộng sản. Từ đó phát sinh một phong trào tôn giáo dưới sự lãnh đạo của Giáo chủ Serge chống lại chính quyền cộng sản tại hai tỉnh Voronej và Tambov. Tại hai tỉnh này đã xảy ra nhiều vụ chống chính quyền hơn những tỉnh khác.

Tại tỉnh Voronej, giám mục Alexei Boui bị bắt giam vì ông ta không chịu nhượng bộ trong các cuộc dàn xếp giữa Giáo hội và chính quyền. Tín đồ của ông đứng ra thành lập một Giáo hội tự trị, một giáo hội Chính Thống đúng với ý nghĩa của nó. Có cả hàng Giáo Phẩm, được thụ phong ở ngoài khuông viên nhà thờ của Giáo chủ Serge. Giáo hội này không có khu vực hành đạo riêng. Họ làm lễ bất cứ ở nơi nào họ thấy thuận lợi. Từ trong nhà tù cho đến trong các hang đá. Tín đồ của Giáo hội này tự nhận họ là tín đồ chân chính của Giáo

Hội Chính Thống Giáo. Họ bị chính quyền cộng sản ngược đãi. Hàng chục ngàn tín đồ bị bắt và bị đưa đi lưu đày, đi khẩn hoang ở những vùng xa xôi hẻo lánh, bị đưa đi lao động khổ sai. Vì bị chính quyền liên tục đàn áp cho nên con số thánh đường cũng như con chiên mỗi lúc một ít dần. Tính đến ngày 1 tháng 4 năm 1936 trên toàn nước Nga chỉ có 15.835 giáo đường còn hoạt động. Con số này chỉ bằng 28% con số giáo đường có trước cách mạng năm 1917. Về phía Hồi Giáo chỉ có 4.830 giáo đường mở cửa, tức là chỉ bằng 32% trước năm 1917.

Trong năm 1914, tổng số nhân viên phục vụ cho Giáo hội là 112.629 người. Đến năm 1928 chỉ còn lại 70.000 người. Qua năm 1932 con số người ghi danh phục vụ chỉ còn 17.857. Với con số này, chính quyền cho rằng Giáo Hội đang ở trong giai đoạn hấp hối.

Theo bản kiểm kê năm 1937, chỉ còn có 70% của tín đồ nói rằng họ còn đức tin.

Tháng giêng năm 1930, chính quyền cộng sản lại mở chiến dịch tước đoạt tài sản của thành phần tư doanh.

Họ nhắm vào các thương gia, các tiểu thương, các người làm thủ công nghệ và các ngành nghề tự do khác. Có tới hơn một triệu rưỡi người đang hành nghề dưới các điều luật do Lenine chỉ định. Họ làm các công việc rất khiêm tốn. Vốn luyến của họ không quá 1.000 Rúp. 98% số người này là họ tự làm lấy. Họ không mướn nhân công. Dưới chính quyền của Staline, những người bị buộc tội là những phần tử giàu có, ăn bám xã hội,

những thành phần xa lạ với xã hội chủ nghĩa. Họ bị tước đoạt quyền công dân. Họ bị coi là giai cấp trung lưu của bộ máy kinh tế thời Nga Hoàng.

Ngày 12 tháng chạp năm 1930, cộng sản chia những người bị tước đoạt quyền công dân ra làm 30 loại:

Cựu địa chủ, cựu công chức Nga Hoàng, cựu điền chủ, cựu thương gia, cựu qúy tộc, cựu tư bản, cựu sĩ quan bạch quân, những người phục vụ tôn giáo, tu sĩ, cựu đảng viên các đảng phái chính trị,v.v. Con số nạn nhân này kể cả gia đình của họ lên đến 7 triệu người. Cũng như nạn nhân của các trường hợp khác, họ không được quyền đi bầu; họ không có thẻ tiếp tế lương thực; họ không được cấp phiếu khám sức khỏe; họ bị đuổi ra khỏi thành phố; họ bị coi là những người sống ngoài xã hội.

Chính sách cưỡng bách tập thể hoá nông nghiệp đã làm xáo trộn toàn cuộc sống ở nông thôn. Đồng thời chính sách phát triển nền công nghệ ở các thành phố đã là động cơ thúc đẩy những người sống ở nông thôn đang gặp khó khăn trong cuộc sống, bỏ quê làng chạy về thành phố. Nước Nga với đa số dân chúng sống bằng nghề nông nay bỏ chạy về thành phố trở thành những lớp người lang thang. Từ cuối năm 1928 đến cuối năm 1932, các thành phố Nga bị tràn ngập. Có đến 12 triệu người. Họ chạy trốn chính sách giải thể điền chủ và chính sách cưỡng bách tập thể hoá nông nghiệp đang được thi hành ráo riết ở nông thôn.

Riêng tại hai thành phố Mạc Tư Khoa và thành phố

Lenine đã ghi nhận có 3 triệu rưỡi người di cư. Trong số những nông dân di cư này có những người có đầu óc kinh doanh. Họ tự giải thể hình thức điền chủ, đồng thời từ chối tham gia vào hợp tác xã nông nghiệp. Các năm 1930-1931 là những năm có nhiều nhà máy mọc lên đã thu hút họ vào làm trong các hãng xưởng. Họ được thu nhận vào làm vì họ là những người ít đòi hỏi quyền lợi. Đến năm 1932, chính quyền cộng sản lo sợ tình trạng hỗn loạn có thể xảy ra vì số người tràn về thành phố mỗi lúc một đông. Nó có thể làm đảo lộn chính sách tiếp tế lương thực cho các thành phố mà chính quyền đã mất bao công sức để thiết lập từ năm 1929.

Vào đầu năm 1930, có tất cả 26 triệu người được cấp phát thẻ mua nhu yếu phẩm, tức là thẻ tiếp tế lương thực.

Cuối năm 1932 con số này gia tăng lên đến 40 triệu.

Công xưởng, xí nghiệp trở thành trung tâm định cư cho dân tản cư.

Phải chăng những người di cư từ miền quê đến, đã gây nên các tệ nạn của xã hội như chính quyền gán ép? Họ gây tại hại lâu dài cho công việc sản xuất? Họ bỏ việc làm? Họ phá vỡ kỷ luật làm việc trong nhà máy? Họ sinh ra nạn du đảng? Nạn nghiện rượu và gây ra tội ác?

Hai tháng cuối năm 1932, chính phủ đưa ra các biện pháp trừng phạt và đàn áp những người lao động. Các xí nghiệp đuổi tất cả các phần tử bị xếp vào loại xa lạ với xã hội chủ nghĩa ra khỏi thành phố.

Đạo luật ban hành ngày 15 tháng 11 năm 1932 quy định bất kỳ công nhân nào vắng mặt tại sở làm sẽ cho nghỉ việc. Thẻ tiếp tế lương thực bị thu hồi; họ bị đuổi ra khỏi nơi họ đang ở. Mục đích của đạo luật này là nhận diện những người mạo danh là thợ.

Tiếp sau đó, ngày 4 tháng 12 một đạo luật khác ra đời cho phép các xí nghiệp cấp thẻ tiếp tế lương thực với chủ đích thanh lọc công tác tiếp tế đối với những người không làm mà cũng có ăn. Họ gọi những người này là nhân công ma, nhân công có tên trên danh sách mà không có mặt trong lúc lao động.

Ngày 27 tháng 12, chính quyền áp dụng biện pháp gắt gao hơn nhằm thanh toán những phần tử ăn bám, hạn chế con số người bỏ thôn quê về thành phố và để bảo vệ sự trong sạch của thành phố. Họ áp dụng kế hoạch cấp phát giấy thông hành nôi bộ. Phần mở đầu của đạo luật mới này ghi rõ các điều kiện cần thiết để được cấp giấy thông hành nội bộ. Tất cả các người dân trong thành phố tuổi từ 16 trở lên không mất quyền công dân, công nhân viên hỏa xa, các công nhân viên thường trực tại các công trường xây dựng, công nhân viên phụ trách tại các nông trường nhà nước sẽ được sở công an cấp giấy thông hành nội bộ. Giấy chỉ có giá trị khi có con dấu xác nhận của công an. Với con dấu của công an, người có thẻ thông hành nội bộ được hưởng một số quyền lợi. Họ được cấp thẻ tiếp tế lương thực; họ được hưởng quy chế an sinh xã hội. Họ có quyền xin một chỗ cư ngụ.

Chính quyền chia các thành phố ra làm hai loại: thành phố mở cửa và thành phố đóng cửa. Các thành phố đóng cửa là các thành phố Mạc tư Khoa, Lenine, Kiev, Odessa, Minsk, Kharkov, Rostov nằm trên sông Don, Vladivostok. Muốn được định cư và muốn được thẻ thông hành nội bộ ở các thành phố này, người dân phải có gốc cha mẹ ở lâu năm, lập gia đình hay có công việc làm trong cơ quan nhà nước.

Tại các thành phố mở, điều kiện xin cấp giấy thông hành dễ dãi hơn.

Chiến dịch cấp phát giấy thông hành nội địa kéo dài suốt năm 1933. Nhà nước đã cấp 27 triệu giấy thông hành. Với biện pháp này, nhà nước cộng sản đã loại được một số người thuộc thành phần bất hảo.

Trong tuần lễ đầu, bắt đầu từ ngày 5 tháng giêng năm 1933, chính quyền đã nhận diện ra 3.450 người thuộc cựu Bạch quân, cựu điền chủ, hoặc các

phần tử đã có án, đang làm việc tại 20 xí nghiệp lớn. Tại các thành phố thuộc loại đóng cửa, có 385.000 người không được cấp giấy thông hành. Họ bị cưỡng bách rời khỏi thành phố trong vòng 10 ngày. Họ không có quyền sinh sống ở thành phố kể cả các thành phố mở cửa.

Trong bản phúc trình của nhân viên cơ quan an ninh chính trị gởi về Trung ương đề ngày 13 tháng 8 năm 1934 ghi những điều như sau:

Khi loan báo thi hành cấp giấy thông hành đã có

nhiều người tự ý rời khỏi thành phố vì họ biết rằng họ không đủ điều kiện để được cấp phát.

Có 35.000 rời khỏi thành phố Magnitogorsk. Tại Mạc Tư Khoa, hai tháng đầu cấp phát giấy thông hành, dân số giảm 60.000 người. Thành phố Leningrad tháng đầu tiên có 54.000 ra đi.

Tại các thành phố mở cửa, chúng tôi đã trục xuất 420.000 người.

Các cuộc kiểm soát và bố ráp của công an đã bắt đưa đi đày hàng trăm ngàn người.

Tháng 12 năm 1933, chỉ huy trưởng cơ quan an ninh chính trị Genzikh Iagoda ra lịnh cho các thuộc viên mỗi tuần phải quét sạch các nhà ga và các chợ trời của các thành phố đóng cửa. Trong vòng 8 tháng đầu của năm 1934 có tất cả 630.000 bị bắt tại các thành phố đóng cửa vì lý do vi phạm quy chế giấy thông hành nội bộ. Trong số này có 65.661 người bị bắt giam bằng biện pháp hành chánh. Họ bị đưa đi lưu đày. Họ bị xếp vào hồ sơ những người khai hoang đặc biệt. Có 3.596 người đưa ra tòa án. 175.627 đưa đi khai hoang bình thường. Còn một số người khác may mắn được thả ra sau khi nộp tiền phạt.

Trong năm 1933 nhà nước mở rất nhiều chiến dịch tấn công đặc biệt.

Từ ngày 28 đến ngày 6 tháng 7 nhà nước cộng sản bắt 5.470 người thuộc sắc dân Tsigane gốc ở Mạc Tư Khoa đày ra vùng kinh tế mới Sibérie.

Từ 8 đến 12 tháng 7 có 4.750 người gốc Kiev bị lưu đày.

Trong tháng 4, tháng 6 và tháng 7 có 3 cuộc bố ráp nhằm lùng bắt những người xa lạ với xã hội chủ nghĩa thuộc hai thành phố Mạc tư Khoa và Leningrad. Tổng số người bắt trong 3 đợt lên đến 18.000 người. Đợt đầu những người này bị đưa ra hòn đảo chết Nazino. Ngay trong tháng đầu có 2 phần 3 số người chết.

Theo báo cáo của một đảng viên trong ban huấn luyện đảng ở Nazym phúc trình tình trạng của những người này như sau:

Thật là oan uổng cho những người xấu số này. Họ là những công nhân viên, là đảng viên cộng sản. Họ chết vì không thể chịu đựng được các điều kiện sống ở trên đảo này. Trường hợp điển hình của anh Novojlov Vladamir, người gốc Mạc Tư Khoa. Anh là tài xế phục vụ tại cơ xưởng máy ép hơi. Anh đã được tuyên dương 3 lần về thành tích phục vụ. Anh có vợ và sanh được một con. Vợ chồng anh đang chuẩn bị đi xem hát. Anh bước xuống nhà dưới và băng qua đường đến một quán nhỏ ở gần nhà anh mua thuốc lá. Anh quên không mang theo giấy thông hành. Vừa đúng lúc ấy có bố ráp ngoài đường. Anh bị bắt.

Một trường hợp khác. Anh Vinogradova công nhân của một hợp tác xã. Anh đi xe lửa đến thăm người anh đang là chỉ huy trưởng của một toán quân tự vệ thành. Khi vừa bước xuống xe lửa, anh bị bắt vì không đem theo giấy tờ chứng minh.

Ở thành phố Voikine, anh Nikolai Vassilievitch đảng viên cộng sản, phục vụ tại hãng dệt Serpoukhov. Chiều

chúa nhật anh đi xem đá banh. Anh bị bắt vì không đem theo giấy tuỳ thân.

Anh I.M. Matveev, công nhân xây dựng cao ốc công trường sản xuất bánh mì số 9. Anh được cấp phát giấy thông hành để đi làm việc ngoài mùa sản xuất nông sản. Giấy có giá trị đến tháng 12 năm 1933. Khi bị bố ráp, anh trình giấy thông hành nhưng chẳng ai thèm đọc giấy của anh. Anh bị bắt đưa đi lưu đày.

Các cuộc hành quân để đuổi sạch ra khỏi thành phố diễn ra nhiều lần và định kỳ, tại các cơ quan của nhà nước cũng như tại các xí nghiệp.

Tại cục hỏa xa, một bộ phận thiết yếu cũng đã diễn ra các cuộc bố ráp do Andreiev và Kaganovitch chỉ đạo. Mùa xuân 1933 đã có 8% nhân viên, khoảng 20.000 bị sa thải và bắt đi lưu đày.

Ngày 5 tháng giêng, một viên công an phụ trách ngành vận chuyển hỏa xa gởi bản phúc trình với nội dung: Để loại trừ các phần tử phản cách mạng chống lại nhà nước cộng sản núp trong ngành hỏa xa, cơ quan vận chuyển vùng số 8 đã mở các cuộc truy lùng. Kết quả, 700 người bị bắt đưa ra tòa án. Trong đó có 325 người ăn cắp các kiện hàng; 221 tên du đảng phá rối; 27 tên ăn cướp; 127 tên phản cách mạng; 37 tên nằm trong các băng đảng ăn cướp có tổ chức. Những tên này bị bắn ngay tại chỗ. Lần ráp bố cuối cùng đã bắt 300 người và cho sa thải theo quy chế hành chánh. Trong 4 tháng cuối cùng đã có 1.270 người vì lý do này

hay lý do khác đã bị loại ra khỏi cục hoả xa. Chúng tôi tiếp tục chiến dịch.

Kể từ khi nhà nước cho thi hành chính sách cưỡng bách tập thể hoá nông nghiệp và giải thể điền chủ. Các mối tương quan giữa chính quyền với nhân dân và giữa nhân dân với nhau trở nên ngột ngạt và căng thẳng. Thêm vào đó, nạn đói đe dọa hằng ngày. Các tệ đoan xã hội gia tăng ở các thành phố. Xã hội suy đồi.

Ngày 7 tháng 4 năm 1934 văn phòng Bộ chính trị ban hành nghị quyết cho thi hành các biện pháp chống lại số đông thiếu niên phạm pháp. Các tội như ăn cắp, đánh phá, huỷ hoại thân thể, thuộc vào tội tiểu hình. Nếu giết người thì đưa ra tòa án đại hình.

Vài ngày sau, Bộ chính trị gởi tiếp các văn thư yêu cầu tòa án phải dùng các hình phạt nặng nề nhất tức là kết án tử hình để có thể bảo vệ xã hội. Như vậy bộ hình luật trong đó có điều khoản bãi bỏ án tử hình kể như không còn giá trị nữa. Song song với các chỉ thị trên, nhà nước ra lịnh cho cơ quan an ninh chính trị tổ chức các trung tâm cải huấn thanh thiếu niên. Trước kia phần hành này thuộc trách nhiệm của ủy ban nhân dân phụ trách bộ giáo dục. Một hệ thống các trại được thành lập dưới danh nghĩa Trại lao động của vị thành niên. Nhưng các hình thức trấn áp này chẳng ngăn chặn được tuổi trẻ. Nạn du đảng, cướp phá cứ tiếp tục gia tăng. Một bản phúc trình công tác thanh toán nạn du đảng của thiếu niên kể từ ngày 1 tháng 7 năm 1935 đến ngày 1 tháng 10 năm 1937 đã nhìn nhận:

mặc dù đã thi hành chỉ thị tái tổ chức các cơ quan tiếp nhận các trẻ em thuộc thành phần du đảng, trộm cướp, lang thang, nhưng chẳng cải thiện được một bước nào.

Từ tháng 2 năm 1937 ở nông thôn nhận ra hiện tượng bỏ nhà đi bụi đời của lớp trẻ. Tại các vùng năm trước mất mùa này. Dân chúng không đủ ăn. Việc tổ chức ở các hợp tác xã quá tồi tệ. Quỹ tương trợ trong những lúc có thiên tai cũng chẳng có gì. Cơ quan chính quyền địa phương muốn tống khứ lớp trẻ này đi bằng cách họ cấp cho các em bé giấy chứng nhận là những người đi ăn xin. Đến lượt nhân viên an ninh chính trị tại các nhà ga cũng thi hành các hành động như vậy. Thay vì họ đưa các em bé phạm pháp vào các trại lao động vị thành niên, họ muốn tống đi cho nhanh bằng cách lùa các em lên xe lửa, để chuyển qua vùng khác, khỏi vùng trách nhiệm của họ. Vì thế các em bé này cuối cùng tụ tập lại rất nhiều ở các thành phố lớn.

Năm 1936 cơ quan an ninh chính trị tiếp nhận 125.000 trẻ em phạm pháp vào các trung tâm lao động vị thành niên. Tính từ năm 1935 đến 1939 có tất cả 155.000 trẻ em đưa vào trung tâm lao động và 92.000 các em từ lứa tuổi 12 đến 16 bị đưa ra tòa án. Từ 1 tháng 4 năm 1939 có 10.000 vị thành niên bị đưa đi lưu đày.

Trong vòng 5 năm đầu của thập niên 30, Đảng và nhà nước cho thi hành các biện pháp chống lại các thành phần chống cách mạng. Mức độ và chu kỳ thi hành các biện pháp này thay đổi tuỳ theo tình hình.

Khi thấy có sự chống đối và có cơ gây hỗn loạn, nhà nước cho ngưng khủng bố để tạo thế quân bình.

Chu kỳ đầu tiên của cuộc đại khủng bố xảy ra vào cuối năm 1929 khi nhà nước cho thi hành chính sách giải thể quy chế điền chủ. Cuộc khủng bố đạt đến cao điểm vào mùa Xuân năm 1933. Chính quyền phải đương đầu với nhiều vấn đề nan giải chưa từng xảy ra. Vấn đề trước tiên là phải giải quyết các vùng bị nạn đói. Lấy người đâu ra để làm vụ mùa cho năm tới. Những người chịu trách nhiệm trực tiếp tại các hợp tác xã đã lên tiếng cảnh cáo, nếu không giải quyết một số nhu cầu căn bản tối thiểu cho nông dân của hợp tác xã thì sẽ không còn ai để cày cấy, gieo hạt, đảm bảo công tác sản xuất.

Hơn thế nữa, vì các trại giam quá đông, nhân viên quản lý không thể nào trông coi được, không thể nào khai thác đúng mức sức lao động. Nó có ảnh hưởng không tốt đến tâm lý quần chúng. Nhiều thành viên của hợp tác xã đã đặt ra câu hỏi này từ tháng 3 năm 1933. Hai trăm người trong số thành viên hợp tác xã có ý kiến như trên bị bắt giam hơn 2 năm tù với cái tội phá hoại các vụ gieo hạt giống. Sau đó họ được thả trở về làm việc lại.

Để giải quyết vấn đề thiếu nhân công cho công việc thu hoạch mùa màng ở các vùng bị nạn đói tàn phá, chính quyền mở nhiều cuộc bố ráp khắp nơi trong thành phố, bắt các người dân, chở về các vùng nông thôn, thay thế số nông dân bị bắt đi lưu đày oan ức.

Trong bản phúc trình của tòa lãnh sự Ý ở thành phố Kharkov gởi về nước đề ngày 20 tháng 7 năm 1933 viết như sau:

Số người bị bắt rất nhiều. Trong tuần lễ này, có ít nhất 20.000 người bị đưa về các trại tập trung miền quê. Hằng ngày diễn ra như vậy. Hôm qua, nhà nước cho bao vây khu vực chợ trời. Họ bắt một số thanh niên nam nữ khỏe mạnh giải họ ra ga chở về các vùng quê.

Việc chuyên chở các người thành phố về miền quê cũng gặp phải nhiều khó khăn, nhiều xung đột với dân quê địa phương. Vì tức giận, dân quê đốt phá các doanh trại chứa những người từ thành phố mới chuyển đến. Cán bộ cũng khuyên những người thành phố mới đưa về, đừng đi sâu vào làng mạc để tránh xung đột với người bản xứ.

Vụ mùa năm đó đạt được kết quả khả quan một phần nhờ thời tiết thuận lợi, một phần nhờ sự tổ chức chặt chẽ trong công tác đưa người từ thành phố về nông thôn. Phần quan trọng khác, vì nông dân không còn cách nào sinh sống nên đã tham gia công tác trong hợp tác xã.

Vấn đề thứ hai là làm thế nào để giải quyết làn sóng người ồ ạt tràn vào các trại giam. Nhà nước cộng sản giải quyết một cách thực tế: phóng thích một số người bị bắt.

Ngày 8 tháng 3 năm 1933, Bộ chính trị gởi văn thư riêng cho bộ nội vụ: Thi hành biện pháp điều lệ hóa các vụ bắt bớ. Cơ quan nào cũng có thể bắt giam người

khác. Như vậy sẽ giải tỏa được sự tập trung tội phạm. Ngoại trừ trại giam lưu đày ở Sibérie, tất cả các trại giam khác phải tìm các giảm phân nửa số tù nhân. Phải mất đi một năm mới phóng thích được 320.000 trong số 800.000 tù nhân trong các trại tù.

Năm 1934, chính quyền ngưng chiến dịch đàn áp chính trị. Kết quả cụ thể là trong năm 1934 chỉ có 79.000 vụ án ra toà so với con số vụ án 240.000 trong năm 1933.

Cơ quan an ninh chính trị được tổ chức trở lại.

Theo chỉ thị của nghị quyết ngày 10 tháng 7 năm 1934, cơ quan an ninh chính trị trực thuộc ủy ban nhân dân Bộ Nội vụ. Do vậy, cơ quan này giảm đi quyền hành. Nó hoạt động như các ngành công xưởng tự vệ, tự vệ nông thôn, tự vệ biên phòng,... Họ mang huy hiệu cũng giống như các Uỷ viên trong bộ Nội vụ. Cơ quan này mất đi phần trách nhiệm về tư pháp. Cơ quan này sau khi điều tra, phải chuyển các tội phạm qua Biện lý cuộc để thụ lý. Cơ quan an ninh chính trị mới tái tổ chức không có quyền tuyên án nếu không có sự chấp thuận của Trung Ương.

Tất cả các biện pháp trên nhằm để củng cố chính sách hợp lý hóa cơ cấu pháp lý của chủ nghĩa xã hội. Nhưng các biện pháp này cũng chỉ đem đến một số kết quả rất khiêm nhường. Việc kiểm soát của Biện lý cũng chẳng đi đến đâu. Như ông Biện lý Vichins đã để cho các cơ quan an ninh chính trị mới hoạt động tự do. Thêm vào đó, từ tháng 9 năm 1934 chính văn phòng

Bộ chính trị Trung Ương cũng đã làm những việc trái ngược với chỉ thị đã ban hành.

Trung Ương cho phép các cơ quan thi hành bản án tử hình mà không cần thông báo về Trung Ương. Như vậy, chính sách đàn áp chỉ tạm ngưng trong khoảng thời gian rất ngắn.

Ngày 1 tháng 12 năm 1934 ông Serge Kirov, đệ nhất phó bí thư thành ủy Leningrad, đồng thời cũng là ủy viên Bộ chính trị, bị ám sát. Thủ phạm là ông Leonid Nikolaieo. Ông ta là một thành viên của đoàn thanh niên cộng sản. Ông ta xâm nhập vào trụ sở của đảng cộng sản thành phố Leningrad để ám sát. Trong nhiều năm, dư luận cho rằng vụ ám sát ông Kirov có Staline nhúng tay vì Kirov là đối thủ cua ông ta. Trong kỳ Đại hội thứ 20 của đảng cộng sản, đêm 24 tháng 2 năm 1956, chủ tịch nhà nước Nikita Kroutchev cũng đã xác nhận như vậy. Nhưng ngày nay các tài liệu của Alla Kirilina đã chứng minh trong tác phẩm của ông xuất bản vào năm 1995 rằng nguồn dư luận đó không đúng. Ông đã căn cứ vào số tài liệu mật vừa mới cho phép dân chúng tham khảo.

Staline dựa vào cuộc ám sát ông Kirov để thực hiện mưu đồ chính trị của ông. Trên thực tế lúc nào Staline cũng có thể dùng các thủ đoạn để tạo ra tình hình căng thẳng hay nới lỏng tuỳ theo nhu cầu chính trị của ông. Để bao che sự yếu kém của chế độ, ông giải thích: đáng lẽ ra đời sống phải được vui vẻ hơn và cuộc sống sung

sướng hơn nhưng tại vì vụ ám sát Kirov nên cuộc sống cứ tiếp tục rối loạn.

Vài tiếng đồng hồ sau vụ ám sát, Staline cho thảo ra một đạo luật, được gọi là Đạo luật ngày 1 tháng 12. Hai ngày sau Bộ chính trị mới chấp thuận đạo luật này. Theo đạo luật này, lịnh xử các vụ khủng bố giết người phải thực hiện trong vòng 10 ngày không cần phải có sự hiện diện của bị can và áp dụng ngay bản án tử hình. Đạo luật này ra đời để kết thúc các đạo luật vài tháng trước đây. Nó mở màn cho giai đoạn Đại khủng bố.

Một vài ngày sau, một số đảng viên cộng sản thuộc nhóm chống Staline bị bắt vì tình nghi có tham gia các hoạt động khủng bố.

Báo chí ra ngày 22 tháng 12 đăng tin: một nhóm người khủng bố hoạt động ngầm đã gây ra tội ác kinh tởm gồm có Nikolaiev và 13 người thuộc nhóm Zinoviev dưới sự lãnh đạo của một tổ chức gọi la Trung tâm Leningrad, đã ăn năn nhận lỗi. Nhóm này bị xử kín ngày 28 và 29 tháng 12. Cả nhóm bị kết án tử hình và bị hành quyết ngay sau đó.

Ngày 9 tháng giêng năm 1935, nhà nước cộng sản lại cho xử vụ án huyền thoại nhóm người Znoviev và trung tâm Leningrad. 67 người bị kết án. Trong số đó có nhiền nhân vật nổi tiếng, trong quá khứ họ chống lại chính sách của Staline. Cả thảy 67 người bị bắt giam. Sau vụ Trung tâm Lenigrad đến vụ trung tâm Mạc tư Khoa. 19 người tình nghi bị bắt. Trong số này có hai đảng viên kỳ cựu là Zinoviev và Kamenev bị bắt

với tội danh Tòng phạm ý thức hệ với thủ phạm trong vụ ám sát Kirov.

Trong phiên toà xử hai ông vào ngày 16 tháng giêng năm 1935 hai ông thú nhận trong quá khứ có hoạt động chống lại chính sách đã làm cho xã hội băng hoại cơ nguyên sinh ra nhiều thủ phạm giết người; hai ông cũng thú nhận có đồng lõa ý thức với cuộc ám sát. Vì ăn năn và vì công khai từ bỏ nên hai lãnh tụ tội phạm chỉ bị kết án một người 5 năm tù và người kia 10 năm.

Từ tháng 12 năm 1934 đến tháng 2 năm 1935 đã có 6.500 người bị kết án theo hình thức tố tụng mới của đạo luật ngày 1 tháng 12 quy định về tội khủng bố.

Sau ngày xử bản án của Zinoviev và Kamenev, Bộ Chính trị trung ương gởi văn thư mật đến các Ủy ban nhân dân địa phương. Nội dung của văn thư mật là bài học về các diễn biến quan trọng chung quanh cuộc ám sát ghê tởm đồng chí Kirov. Văn thư xác nhận hai trung tâm thân Zinoviev lãnh đạo một tổ chức nguỵ trang của Bạch quân. Văn thư cũng nhấn mạnh, lịch sử của đảng cộng sản là cuộc đấu tranh thường trực đối với các nhóm chống đảng như bọn Trotski, bọn trung tâm dân chủ, bọn chủ trương thân hữu.

Đảng viên nào đã từng chống lại chính sách của Staline đều bị nghi ngờ. Cuộc lùng bắt các đảng viên cộng sản bắt đầu diễn ra.

Tháng giêng năm 1935, tại thành phố Leningrad có 988 đảng viên thân Zinoviev bị bắt ra đày đi vùng Tây Bá Lợi Á. Trung Ương đảng ra lịnh cho các Ủy ban nhân

dân địa phương thành lập hồ sơ tất cả các cựu đảng viên cộng sản bị sa thải ra khỏi đảng hồi năm 1926-1928 vì thân Trotski và Zinoviev. Căn cứ trên danh sách này, nhà nước cộng sản sẽ truy lùng.

Tháng 5 năm 1935, Staline ra lịnh cho các cơ sở đảng cộng sản địa phương kiểm soát chặt chẽ thẻ đảng của từng đảng viên. Chiến dịch kiểm soát thẻ đảng kéo dài 6 tháng với sự tham gia của cơ quan an ninh chính trị. Cơ quan an ninh chính trị cung cấp hồ sơ đảng viên bị nghi ngờ cho Ban chấp hành đảng. Trái lại Ban chấp hành đảng cung cấp danh sách các đảng viên bị khai trừ cho cơ quan an ninh. Kết quả của chiến dịch này ghi dấu con số bị bắt lên đến 250.000 đảng viên. 9% đảng viên bị khai trừ.

Trong cuộc họp toàn đảng của Uỷ ban trung ương vào cuối tháng chạp năm 1935, trưởng ban tổ chức trung ương đảng kiêm chỉ huy trưởng chiến dịch kiểm tra thẻ đảng, đồng chí Nikolaiev Iejov đưa ra một con số không đầy đủ: 15.218 đảng viên thuộc thành phần kẻ thù nhân dân, bị khai trừ ra khỏi đảng và bị bắt giam.

Theo báo cáo của Iejov, chiến dịch khai trừ tiến hành không tốt và đã kéo dài thời gian gấp 3 lần so với kế hoạch. Theo ông dường như có thành phần hủ bại đang nằm trong cơ quan hành chánh nhà nước làm hỏng chiến dịch. Mặc dù có lời kêu gọi của Trung Ương về việc vạch trần bộ mặt của các phần tử thân Zinoviev, nhưng chỉ có 3% đảng viên bị khai trừ. Các cơ sở cộng sản địa phương không muốn làm việc chung

với cơ quan an ninh chính trị nên không tích cực gởi danh sách của các đảng viên nghi ngờ lên trung ương. Iejov cho rằng trong chiến dịch này, cơ sở đảng cộng sản ở các địa phương thông đồng với nhau gây trở ngại trong công tác kiểm tra thẻ đảng. Sự kiện này không bao giờ Staline quên.

Sau vụ ám sát Kirov, làn sóng khủng bố lan tràn trong đảng. Viện lý do nhóm khủng bố Bạch quân hiện xâm nhập phía tây Cộng hòa Liên Xô, ngày 27 tháng 12 năm 1934 Bộ chính trị ra lịnh cho lưu đày 2.000 gia đình của những người chống lại chính quyền Xô Viết tại các khu vực ranh giới Ukraine.

Ngày 15 tháng 3 năm 1935 các biện pháp tương tự cũng diễn ra ở các vùng quanh Lenigrad, Cộng Hòa Carelie. Các người này bị đưa về các vùng Kazakhstan và vùng Tây Bá Lợi Á. Phần lớn thuộc gốc dân Phần Lan. Đó là nạn nhân của cuộc chiến tranh giữa Nga và Phần Lan. Đầu tiên nhà nước đưa đi 10.000 dân phần Lan. Cuộc lưu đày lần thứ hai diễn ra vào mùa xuân 1936 với số lượng 15.000 người. Đã có 50.000 thuộc các giống dân Ba Lan, Đức cư ngụ tại Ukraine bị đày về Karaganda thuộc tỉnh Kazakhstan.

Trong thời gian này cũng có một số biện pháp kinh tế dễ dãi được thi hành làm cho tình hình lắng dịu lại. Như bãi bỏ các biện pháp áp dụng cho số người xa lạ với xã hội chủ nghĩa; ân xá cho một số tù nhân của các hợp tác xã, bị kết án dưới 5 năm. Phóng thích 70.000 người bị kết án theo đạo luật ngày 7 tháng 8 năm 1932.

Khôi phục quyền công dân và đưa họ đi vùng kinh tế mới đặc biệt. Bỏ quy chế kỳ thị với con cái của họ khi thi vào các trường đại học.

Các biện pháp trên nhiều khi rất mâu thuẫn. Nhiều tù nhân sau 5 năm được trả tự do, nhưng không được quyền rời khỏi nơi cư ngụ đã được nhà nước chỉ định. Nhưng khi trở về, họ phải ở đâu? Nhà cửa, tài sản của họ đã bị nhà nước tịch thu rồi. Việc này lại sinh ra một số vấn đề liên hệ không giải quyết được.

Mối tương quan giữa nhân dân và chính quyền lại trở nên căng thẳng khi chính quyền rầm rộ mở chiến dịch thi đua lao động vượt chỉ tiêu Stakhanov. Đó là tên của một công nhân hầm mỏ. Anh Andrei Stakhanov gia tăng thời gian làm việc để tăng năng suất gấp 14 lần chỉ tiêu đã đề ra. Tháng 11 năm 1935, Staline đưa chỉ tiêu của anh thợ mỏ Stakhanov lên thủ đô Mạc Tư Khoa mở cuộc hội thảo về kỷ lục sản xuất của người thợ mỏ tiên phong. Staline nhấn mạnh rằng tính cách mạng sâu rộng trong phong trào đã giải phóng được tính bảo thủ của người kỹ sư, của các chuyên viên kỹ thuật và các người lãnh đạo trong các xí nghiệp.

Trong tình trạng hoạt động của nền công nghệ Liên Xô thời bấy giờ, kèm theo với cách tổ chức làm việc gia tăng ngày đêm theo kiểu Stakhanov, chắc chắn sẽ làm xáo trộn chu trình sản xuất. Máy móc hư mòn, các tai nạn lao động gia tăng. Sau một thời gian đạt mức gia tăng, thì nền sản xuất bắt đầu xuống dốc.

Chính quyền lại tái diễn cái trò chạy tội như đã

làm ở những năm 1928-1931. Họ quy lỗi những khó khăn của kinh tế là do sự phá hoại của những người đã xâm nhập vào các đội ngũ sản xuất, các chuyên viên kỹ thuật trong các nhà máy.

Mỗi một lời nói xấu về phong trào Stakhanov, một hành động gián đoạn sản xuất, một động tác làm hư phương tiện sản xuất đều bị kết tội là có âm mưu chống phá phong trào Stakhanov.

Trong 6 tháng đầu của năm 1936 đã có 14.000 cán bộ các ngành công kỹ nghệ bị bắt vì tội phá hoại.

Staline đã dùng phong trào Stakhanov để phát động làn sóng khủng bố mới, làn sóng khủng bố vô tiền khoáng hậu này đã đi vào lịch sử dưới cái tên cuộc Đại khủng bố của thời đại.

CHƯƠNG 10
CUỘC KHỦNG BỐ VĨ ĐẠI TRONG NHỮNG NĂM 1936 - 1938

Người Nga rất lấy làm xấu hổ khi nhắc tên từ Iejovschina. Cái tên Iejov đi đôi với các cuộc đàn áp trong những năm 1936-1938. Sách báo đã viết rất nhiều về sự kiện này.

Nikolai Iejov, người đã từng là giám đốc cơ quan an ninh tình báo NKVD của Xô Viết từ tháng 9 năm 1936 đến tháng 11 năm 1938. Trong thời kỳ này, cơ quan an ninh tình báo NKVD đã mở các cuộc khủng bố rộng lớn đối với mọi tầng lớp trong xã hội Nga. Từ các nhân vật lãnh tụ trong bộ chính trị của đảng cộng sản cho đến các thường dân ngoài đường phố. Cơ quan an ninh tình báo tìm cách bắt cho đủ chỉ tiêu con số phản cách mạng.

Nhiều thập niên về sau, chính quyền cộng sản Xô

Viết cấm tuyệt đối không được phép đề cập những gì có liên quan đến các cuộc khủng bố năm 1936-1938.

Thế giới bên ngoài và nhất là tại Tây Âu biết đến ba vụ án chính ở Mạc Tư Khoa. Một vụ xảy ra trong năm 1936, vụ thứ hai vào tháng giêng năm 1937 và vụ thứ ba vào tháng 3 năm 1938. Can phạm của ba vụ án lại chính là những thủ lãnh tên tuổi của đảng cộng sản Nga và đã từng là đồng chí thân cận của Lenine. Trong số này có Zinoniev, Kamenev, Kristinski, Rykov, Piatakv, Radek, Boukharine và một số đảng viên kỳ cựu khác. Một điều làm cho mọi người ngạc nhiên trong các vụ án này là tất cả các bị can đều thú nhận tội của mình. Họ nhận là đã tổ chức các nhóm khủng bố có khuynh hướng thân Trotski và Zinoviev. Mục đích của họ là lật đổ chính quyền Xô Viết, ám sát các nhân viên chính phủ, phục hồi chủ nghĩa tư bản, thi hành các cuộc phá hoại, làm tiêu hao lực lượng Hồng quân, làm tan rã Liên Bang Xô Viết, tách rời các cộng hòa Ukraine, Géorgie, Armenie và các vùng Viễn Đông Xô Viết để làm lợi cho thế lực ngoại bang.

Nhưng trên thực tế, vụ án ở Mạc Tư Khoa là vụ án dàn cảnh ngoạn mục mà chủ đích là để đánh lạc hướng các nhà quan sát quốc tế khi họ được mời đến tham dự các vụ xử án. Các quan sát viên không hề đề cập đến chính sách giải thể nông nghiệp cá thể, chính sách đàn áp địa chủ, các nạn đói lớn trong những năm 1931-1932, và cũng không đề cập đến các trại tập trung lao động khổ sai.

Hai năm 1936-1938 là giai đoạn chót của cuộc đấu tranh chính trị của Staline chống lại các lãnh tụ đối lập trong đảng của ông ta. Và cũng trong giai đoạn này, Staline muốn dứt điểm những công chức, đảng viên trung thành của Lenine từ đầu cuộc cách mạng năm 1917, còn sót lại trong cơ cấu chính quyền.

Trong một bài báo viết trên tờ *Le Temps* số ra ngày 27 tháng bảy năm 1936 dưới tựa đề *Một cuộc cách mạng bị phản bội*, Trotski viết:

Cuộc cách mạng Nga giống như cuộc cách mạng Pháp, được biết đến dưới cái tên Thermidor. Staline đã nhận thức được cái tính hư không của chủ nghĩa Mác-xít và cái huyền thoại của cuộc cách mạng toàn cầu. Ông ta là một nhà xã hội tốt. Nhưng trước tiên, ông ta là một người yêu nước, ông phải biết rằng khi cho áp dụng cái tính hư không và cái huyền thoại của chủ nghĩa đó vào trong nước ông, nó sẽ đem lại biết bao nhiêu là thảm họa cho dân tộc ông. Giấc mơ của ông là giấc mơ của một nhà độc tài, nó khác với tình yêu của chủ nghĩa tư bản, lại càng không giống cái ảo tưởng của chủ nghĩa cộng sản.

Trotski còn viết trên báo *Echo de Paris*, số ra ngày 30 tháng giêng năm 1937, những lời không được trịnh trọng về chân dung của một nhân vật lịch sử của nước Nga. Ông viết: Con người gốc dân Géorgorie, có tầm vóc thấp, cho dù không muốn nhưng cũng đã đi theo vết chân của bạo chúa Ivan, Đại đế Pierre và Nữ hoàng Caterine đệ nhị.

Phải đến 20 năm sau khi Krouchtches đọc bản báo cáo chính trị vào ngày 25 tháng hai năm 1956 trước kỳ đại hội đảng lần thứ 20 tố cáo tội ác của Staline, người ta mới biết các vụ vi phạm luật pháp xảy ra trong xã hội chủ nghĩa trong những năm 1936-1938.

Sau đó vài năm, nhiều nhân vật lãnh đạo đảng và một số quân nhân bị kết án trước đây, nay được chính quyền phục hồi danh dự. Nhưng chính quyền cộng sản không hề quan tâm đến các tội phạm thường dân.

Mãi đến kỳ đại hội toàn đảng lần thứ 22 vào tháng mười năm 1962, Krouchtches mới thú nhận là trong các cuộc khủng bố dưới thời Staline đã gây tổn thương cho rất nhiều thường dân. Nhưng ông không chịu xác nhận mức độ tổn thương, bởi vì chính ông cũng là một trong những người thừa hành lịnh khủng bố.

Vào cuối thập niên 60, sử gia Robert Conquest dựa vào các tài liệu viết thành văn bản cũng như lời khai của các nhân chứng thoát khỏi địa ngục Nga trong thời gian Krouchtches hạ bệ Staline, đã vẽ lại bức tranh của các cuộc đại khủng bố. Ông đã khui ra những quyết định cho thi hành lịnh khủng bố và ông cũng đưa ra con số chính xác nạn nhân của cuộc khủng bố này.

Nhiều cuộc tranh luận về các trại tập trung, về vai trò của Staline và Iejev và về con số nạn nhân. Một sử gia Hoa Kỳ, thuộc trường phái xét lại, phủ nhận vai trò quyết định của Staline trong mọi chính sách của những năm 1936-1938. Ông ta nhấn mạnh đến sự khác

biệt trong phương thức hành động giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương. Ông cho rằng quyền hành của chính quyền địa phương càng lúc càng mạnh, trong khi đó chính quyền trung ương yếu dần. Trung ương không còn kiểm soát được chính quyền địa phương; địa phương muốn chứng tỏ lòng nhiệt thành với Trung ương cho nên thẳng tay đàn áp quần chúng và chống lại mọi kẻ thù, bất cứ từ đâu đến.

Đề cập đến con số nạn nhân, sử gia Conquest xác nhận có 6 triệu người bị bắt giam, 3 triệu người bị hành quyết và 2 triệu người chết dần chết mòn trong các trại tập trung cải tạo lao động. Nhưng theo sử gia Hoa kỳ thuộc trường phái xét lại, đó là con số thổi phồng.

Ngày nay, nhờ vào các tài liệu được quyền tự do tham khảo trong các văn khố của chính quyền Bônsêvich, chúng ta có cái nhìn mới về cuộc đại khủng bố. Khó có thể trình bày tất cả các diễn biến của cuộc khủng bố trên vài trang giấy. Lịch sử trong những năm 1936-1938 của Xô Viết là lịch sử của bi thảm, đẫm máu, mà chế độ cộng sản đã chủ trương. Với tài liệu được phép tham khảo, chúng ta sẽ đưa ra ánh sáng một số sự kiện để trả lời cho các câu hỏi của những năm vừa qua về các trại tập trung, về con số người chết, về các chiến dịch đàn áp.

Tài liệu trong văn khố xác nhận vai trò quyết định của các lãnh tụ chủ chốt của đảng cộng sản, của bộ chính trị và của Staline nói riêng. Từ việc tổ chức cho đến việc thi hành các chiến dịch đàn áp đẫm máu, các

vụ thủ tiêu các đại điền chủ, các hình thức kết tội chống lại cách mạng, chống lại chính quyền Bônsêvich,... phát động từ tháng tám năm 1937 cho đến tháng năm năm 1938 đều do chính quyền trung ương chủ xướng.

Từ năm 1935, hằng ngày đều có lịnh bắt những cựu địa chủ đi cải tạo lao động. Và mặc dù có lịnh cấm các tù cải tạo cựu địa chủ, trong việc quan hệ đến các công nhân bình thường, nhưng họ vẫn tìm cách sống móc nối.

Tháng 8 năm 19386, ông Rudolf Berman, một trong những trưởng trại tập trung lao động khổ sai viết một báo cáo gởi về trung ương với nội dung: lợi dụng sự canh phòng lỏng lẻo, một số tù cải tạo thuộc loại khẩn hoang đặc biệt đã trốn ra khỏi nơi chỉ định định cư. Họ sống trà trộn với những người lao động bình thường. Rất khó bắt họ về trở lại. Họ đã học được một số nghề chuyên môn và các cơ quan đang dùng họ, rất muốn giữ họ lại để làm việc. Nhiều người đã chạy được giấy thông hành. Một số khác lập gia đình với các công nhân tự do, xây cất nhà cửa riêng.

Trong khi có một số nhân công lao động khổ sai trốn ra khỏi khu chỉ định sống trà trộn vào đám công nhân thường, một số khác bỏ trại trốn đi xa. Đám nhân công này gia nhập vào các băng đảng, quấy phá các khu vực quanh các thành phố lớn.

Trong các cuộc kiểm tra vào mùa thu năm 1936, các toán công an phát hiện ra con số nhân công trốn trại rất là nhiều. Tại vùng Arkhandelsk, trong số 89.700 nhân công trên giấy tờ, bấy giờ chỉ còn có 37.000 người.

Ngày 2 tháng bảy năm 1937, Bộ chính trị gởi văn thơ đến chính quyền địa phương, ra lịnh cho các cơ quan lùng bắt các nông dân cải tạo không thi hành lịnh của trại. Bắn tại chỗ các phần tử chống đối sau khi Ủy ban tam đầu chế xem xét hồ sơ hành chánh của tội phạm. Ủy ban tam đầu chế gồm có Đệ nhất bí thư đảng, một biện lý và một ủy viên của cơ quan tình báo công an NKVD địa phương. Công tác thanh lọc tập thể nông dân lao động khổ sai phải thực hiện hoàn tất trong vòng 5 ngày.

Đầu tháng 7 năm 1937, Staline quyết định mở chiến dịch khủng bố tập thể.

Mỗi tuần, Trung ương đều nhận báo cáo của địa phương về con số phạm luật. Căn cứ theo các bản báo cáo này, ngày 30 tháng 7 năm 1937, Chỉ huy trưởng cơ quan tình báo, ông Iejov ra chỉ thị số 00447, cho hành quyết 72.950 nông dân và bắt giam 259.450 người. Đây chưa phải là con số chính thức, vì còn một số địa phương chưa gởi đầy đủ về Trung ương. Cũng như các cuộc khủng bố trước đây, chính quyền địa phương nhận lịnh phải tìm bắt cho đủ con số tội phạm của từng loại do Trung ương ấn định. Loại một, tử hình. Loại hai, đưa đi lưu đày. Tội phạm thuộc loại một lần này bao gồm các thành phần chính trị rộng lớn hơn trước đây. Ngoài các phần tử cựu địa chủ, còn có cả các đảng viên của các đảng đối lập, các cựu công chức của chế độ Nga Hoàng và cựu quân nhân của Bạch Quân. Thật ra các toán tình báo có thể gán các danh xưng tử

hình đó cho bất cứ người nào mà họ muốn thủ tiêu, kể cả đảng viên đảng cộng sản.

Cơ quan tình báo NKVD hằng ngày ghi nhận, điều tra là lập danh sách các người tình nghi chống phá chính quyền để theo dõi.

Ngày 30 tháng 7 năm 1937, Trung ương gởi thêm danh sách bổ túc xuống chính quyền địa phương. Chiếu theo danh sách, chính quyền địa phương phải bắt luôn cả thân nhân của các người bị kết án lưu đày tại các trại tập trung hay những người đã bị xử tử hình.

Cuối tháng 8, con số bị xử bắn tăng thêm 22.500 người và bắt đi lưu đày tăng thêm 16.800 người.

Tháng giêng năm 1938, theo đề nghị của cơ quan tình báo NKVD, chính quyền địa phương phải xử bắn 48.000 người và lưu đày 9.200 người trước ngày 15 tháng 3.

Mặc dù bị đảng thanh trừng nhiều lần, nhiều đảng viên địa phương muốn bày tỏ lòng trung thành với đảng, bằng cách đề nghị chỉ tiêu con số người bị đàn áp lên đến 90.000 trong thời gian từ ngày 1 tháng hai đến ngày 20 tháng 8 năm 1938. Như vậy chiến dịch khủng bố thay vì phải kết thúc trong vòng 4 tháng, nay kéo dài hơn một năm. Và con số dự liệu phải giết và phải lưu đày tăng lên gần 200.000 người. Nạn nhân của các vụ đàn áp khủng bố này gồm đủ hạng người trong xã hội. Từ những người cư ngụ dọc theo biên giới, những người có liên hệ với người ngoại quốc, cựu tù binh chiến tranh, các người có thân nhân sống ở nước

ngoài cho dù họ không còn liên lạc,... Những người chơi tem, xử dụng máy vô tuyến,... cũng có thể bị ghép vào tội gián điệp.

Từ ngày 6 tháng 8 đến cuối tháng chạp năm 1937, dưới quyền điều khiển của cơ quan tình báo NKVD, có nhiều cuộc hành quân lùng bắt những người ngoại quốc đang sống trên đất Nga. Từ người Đức, Ba Lan, Nhật Bản, Lỗ Ma Ni, Thổ Nhĩ Kỳ cho đến người Lituanine, Estonie và Tettonie. Họ bị xếp vào các thành phần gián điệp. Trong vòng một năm rưỡi, Công an bắt giam trên 1.500 người với cái tội làm gián điệp.

Con số nạn nhân nêu trên vẫn còn thiếu rất nhiều. Thật vậy, chúng tôi chưa được phép tra cứu các văn thư trong văn khố của cơ quan tình báo KBG, của Phủ chủ tịch đảng, vì văn khố này thuộc loại kín và của riêng. Nó gồm có một số tài liệu như sau:

Chiến dịch phát động ngày 20 tháng bảy năm 1937 nhằm thanh toán người Đức phục vụ trong các ngành kỹ nghệ quốc phòng.

Cuộc hành quân ngày 19 tháng 9 năm 1937 nhằm thanh toán các phần tử khủng bố, làm gián điệp cho Nhật.

Cuộc hành quân ngày 4 tháng 8 năm 1937 nhằm thanh toán các đơn vị quân đội người Cosaque thân Nhật.

Chiến dịch đàn áp thân nhân của những người bị bắt giam trong các trung tâm lao động hay những người đã bị xử bắn vào ngày 15 tháng 8 năm 1937.

Nhìn toàn bộ các cuộc đàn áp trong những năm

1936-1938, chúng ta thấy, Bộ Chính Trị Trung Ương là đầu não của kế hoạch và cơ quan tình báo NKVD là bộ phận thi hành.

Sau khi kết thúc chiến dịch đại khủng bố, nhà nước chỉ gởi một ủy ban duy nhất đến vùng Turménistan để kiểm tra các việc làm quá trớn của phong trào mang cái tên Iejovchina. Trong suốt thời kỳ này, nước cộng hoà nhỏ Turménistan với dân số 1.300.000 dân, cơ quan tình báo NKVD bắt giam 13.259 người. Trong số này có 4.037 người bị xử bắn. Nhưng theo chỉ thị của Trung ương, cơ quan địa phương chỉ có quyền bắt giam 6.277 và xử bắn 3.225 người chống chính quyền mà thôi. Điều đó cho thấy hành động quá trớn của chính quyền địa phương, không thi hành đúng chỉ thị của Trung ương.

Một số tài liệu khác xác nhận quyết định của Bộ chính trị Trung ương và của Staline về các cuộc tàn sát tập thể. Bộ chính trị và Staline đưa ra một danh sách tội nhân qua Tòa án. Nghĩa là một bộ phận đặc trách tư pháp của Bộ chính trị kết tội trước khi đưa qua Tòa án quân sự, Hội đồng tối cao quân sự hay Ủy ban đặc biệt của cơ quan tình báo NKVD.

Bộ chính trị đã ký 383 danh sách bắt giữ 44000 người bao gồm các lãnh tụ của đảng cộng sản, của quân đội, và của bộ kinh tế. Có 39.000 người trong danh sách này bị kết án tử hình. Riêng Staline đã ký 362; Molotov, 373; Vorochilov, 195; Kaganovitch, 191; Jdanov, 177 và Mikoian, 62 danh sách.

Vào đầu mùa hè 1937, các lãnh tụ cộng sản vừa nêu trên đích thân về các địa phương để trực tiếp hướng dẫn các vụ thanh trừng. Kaganovitch về các vùng Donbass, Tchéliabinsk, Ivanovo, Smolensk. Lãnh tụ Jdanov sau khi làm công tác thanh trừng ở Leningrad, ông được biệt phái về vùng Orenbourg, Bachkiri, Tatarstan. Lãnh tụ Mikoian về vùng Arménie. Và Kroutchev đi về Ukraine.

Mặc dù quyết nghị thanh trừng các thành phần chống đối chính quyền được toàn thể Bộ chính trị biểu quyết, nhưng các tài liệu ngày nay cho thấy, hầu hết các quyết nghị đều do Staline đưa ra. Sau đây là một thí dụ điển hình. Ngày 27 tháng tám năm 1937, Trung ương nhận một điện văn của Mikhail Korotchenko, Ủy viên đặc trách vùng Tây Bá Lợi Á. Điện văn báo cáo vụ án xử các nhân viên nông nghiệp phạm tội tham nhũng và phá hoại. Sau khi nhận điện văn, hồi 17 giờ cùng ngày, Staline gọi điện thoại ra lịnh hành quyết ngay những người phạm tội và ra lịnh cho đăng tin hành quyết lên các báo.

Tài liệu trong các văn khố cũng còn cho chúng ta thấy Staline kiểm soát tất cả các diễn tiến trong các cuộc thanh trừng. Chính Staline tự tay sửa đổi các văn thư, các lời tố cáo và bản án của cơ quan an ninh NKVD gởi đến. Ông ta là nhà đạo diễn chính trong tất cả các vụ xử án lớn.

Trong thời gian điều tra và thẩm xét vụ án âm mưu của quân đội, tố cáo Thống chế Toukhatchevski cùng

toàn thể sĩ quan cao cấp của Bộ Tổng tham mưu Hồng Quân, Chính ủy cao và trung cấp,... mỗi ngày Iejov đều đến gặp Staline để hội ý. Chính Staline viết thư ngày 25 tháng chín năm 1936, bổ nhiệm Iejov vào chức vụ Ủy viên đặc trách bộ Nội Vụ, trong khi Staline đang nghỉ hè ở Sotchi. Ông viết: việc cần thiết và cấp bách là phải bổ nhiệm Iejov vào chức vụ Ủy viên đặc trách Bộ Nội Vụ. Đồng chí Iagoda thiếu khả năng làm công tác vạch mặt nạ các tên theo Trotski và Zinoviev. Cơ quan an ninh đã làm chậm mất 4 năm trong công tác này.

Rồi cũng chính Staline ngày 17 tháng 11 năm 1938, ra lịnh cho NKVD tạm ngưng chiến dịch truy lùng các phần tử chống đối.

Một tuần lễ sau, Staline cách chức Iejov và tiến cử Béria vào chức vụ ủy viên nhân dân phụ trách Bộ Nội Vụ.

Tóm lại, mở đầu và chấm dứt cuộc khủng bố đều do quyết định của Staline.

Một trong các nghị quyết của đại hội đảng cộng sản Liên Xô lần thứ 22 là đề cử ông Nicolai Chvernik phụ trách ủy ban điều tra các hành động đàn áp trong thời Staline.

Ủy ban dựa theo các bản phúc trình của các trung tâm lao động khổ sai, các bản văn trong các phòng hành chánh của Ủy viên Bộ Nội Vụ, Bộ Tư Pháp và các tòa án trên toàn nước Nga. Ngày nay dân chúng được phép tự do tham khảo các tài liệu này. Theo các tài liệu dẫn trên, cơ quan tình báo NKVD đã bắt giam 1.575.000 người trong năm 1937-1938. Tất cả đều bị hành quyết.

Chính quyền cộng sản chia tội nhân ra thành nhiều loại. Với các vụ án của cán bộ chính trị, kinh tế, quân sự và các thành phần trí thức, thường được nhiều người biết đến. Họ bị đưa ra tòa án quân sự hay tòa án đặc biệt của cơ quan tình báo NKVD.

Cuối tháng 7 năm 1937, vì các cuộc khủng bố gia tăng, con số người bị bắt quá nhiều nên chính quyền cộng sản phải thành lập ở địa phương một loại toà án tam đầu chế - toà án gồm có 3 thành viên để giải quyết cho nhanh. Tòa án tam đầu chế gồm có một biện lý, một nhân viên tình báo và một công an. Họ xét xử cấp bách và lấy lệ, miễn sao cho cung cấp đủ con số phải bắt giam do Trung ương yêu cầu. Trong quyển niên giám của thành phố Leningrad ghi lại từng tháng, bắt đầu từ tháng 8 năm 1937, con số người bị kết án tử hình chiếu theo điều thứ 58 của bộ Hình Luật. Thời gian từ lúc bắt, xử án cho đến khi xử bắn chỉ xảy ra trong vòng từ vài ngày đến vài tuần lễ. Không hề có chuyện xét lại hay chống án.

Ngày 30 tháng 7 năm 1937, Chính quyền cộng sản mở các cuộc hành quân đặc biệt nhằm truy lùng và thủ tiêu các thành phần bị ghép vào tội gián điệp, các thành phần chao đảo đường lối chính trị. Các cuộc hành quân đàn áp này cũng có tầm mức quy mô giống như các cuộc hành quân chống các địa chủ phú nông trước kia.

Ngày 12 tháng 9, cộng sản lại mở thêm các cuộc hành quân khủng bố khác. Nạn nhân của các cuộc

hành quân này là thân nhân của những người bị bắt trong các cuộc hành quân trước. Nếu trong các cuộc hành quân có bắt nhầm, thì con số bắt nhầm cũng trở thành con số phạm tội cần thiết cho đủ chỉ số tù nhân của cấp trên quy định. Nạn nhân của các vụ bắt lầm thường là những người của các dân tộc sống dọc theo biên giới với lãnh thổ Nga, vì có liên hệ, hay có cùng tên với dân Nga. Để đáp ứng đủ chỉ tiêu con số người phải bắt, nhiều đơn vị địa phương phải tìm cách dàn xếp. Một thí dụ xảy ra ở tỉnh Turménine. Lấy cớ vụ cháy tại một xưởng máy, nhân viên tình báo NKVD bắt giam tất cả công nhân của xưởng với cái tội là họ đã nhúng tay vào vụ cháy. Nhờ thế chính quyền vùng Turméine mới giao đủ con số tội phạm của nhà nước đưa ra.

Đó là bản chất của các vụ đại khủng bố trong những năm 1936-1938.

Trong các vụ đàn áp, cũng có một số đảng viên đảng cộng sản bị thủ tiêu. Nhưng so với tổng số nạn nhân, con số đảng viên bị hành quyết rất khiêm nhường. Có tất cả 681.692 đảng viên đảng cộng sản bị xử bắn.

Trong tháng 5 và tháng 10 năm 1937, chính quyền cộng sản bắt 172.000 dân Đại Hàn đày sang các vùng Kazakhstan và Ouzbékistan. Những người Nga gốc Đại hàn bỏ nước trốn qua Nga tị nạn trong thời kỳ nước của họ bị Nhật đánh chiếm.

Vô số người chết trong lúc bị tra tấn tại các văn phòng công an, trong nhà lao, một số khác chết trên đường chuyển vận đến trại lưu đày.

Năm 1937 có 25.000 người chết. Qua năm 1938 con số người chết lên đến 90.000. Đó là chưa kể đến con số người chết, dân Nga gốc Đại hàn.

Các tài liệu hiện nay chỉ cho chúng ta thấy con số người chết một cách tổng quát trong các trại tập trung cải tạo khổ sai trong những năm cuối của thập niên 30. Nó không cho chúng ta biết chi tiết của từng giống dân và cũng không phân biệt con số nạn nhân của cuộc đại khủng bố. Tài liệu đáp ứng từng phần những người bị bắt giam trong thời kỳ Iejov giữ vai trò Ủy viên nhân dân đặc trách Nội vụ.

Trong số nạn nhân của Iejov trong cuộc đại khủng bố trong hai năm 1936-1938, giới chiếm 70%. Như vậy, rõ ràng mục tiêu của các vụ khủng bố cuối thập niên 30 là nhắm vào những thành phần ưu tú trong xã hội, có trình độ học vấn cao. Quyết nghị đầu tiên về việc khủng bố trí thức được biểu quyết chấp thuận trong kỳ đại hội lần thứ 20 của đảng cộng sản Nga. Cũng trong cùng thời điểm này, đảng ra mặt thanh trừng thẳng tay các đảng viên có khuynh hướng chống đảng. Kroutchev, trong một phiên họp kín, đã nêu lên số phận của 5 đảng viên trong Bộ chính trị đã từng là những đồng chítrung thành và thân cận nhứt của Staline. Đó là các ông Postychev, Roudzoutak, Eikhe, Kossior, Tchoubar. 98 thành viên trong số 193 thành viên trong Ủy ban trung ương đảng bị thanh trừng ra khỏi đảng. Trong số 1.966 đại biểu dự đại hội đảng lần

thứ 17 trong năm 1934, có 778 đại biểu bị thanh trừng và bị đàn áp.

Trong số 385 bí thư đảng bộ địa phương, có 319 người bị bắt giam. 2.210 bí thư chi bộ cũng bị bắt trên tổng số 2.750 bí thư chi bộ trên toàn quốc. Nói chung, tất cả đảng viên đảng cộng sản nằm trong các phân bộ hay chi bộ đều bị Trung Ương đảng ghi vào sổ đen và bị thanh trừng. Họ bị nghi ngờ là đã phá hoại các chỉ thị và các quyết định của Trung Ương ở thủ đô Mạc Tư Khoa và họ cản trở sự kiểm soát của Trung Ương về những diễn biến đã xảy ra trong nước. Có thể nói, Staline đã thay toàn bộ cán bộ cộng sản trong các cơ cấu chính trị cũng như hành chánh.Trung Ương đảng nghi ngờ nhất là thành phố Leningrad. Zinoviev giữ chức bí thư thành ủy. Kirov đã bị ám sát tại thành phố này. Hai lãnh tụ đảng của thành phố, ông Jdanov và Zakovski trực tiếp ra lịnh bắt giam 90% cán bộ đảng trong thành phố.

Để khuyến khích các cuộc khủng bố thanh trừng, Trung Ương gởi các đảng viên trung tín cùng với các toán tình báo về các tỉnh với nhiệm vụ thiêu đốt và tiêu diệt các con rệp Phátxít-Trotski, theo như báo *Sự Thật* tường thuật.

Có những vùng đã diễn ra các cuộc thanh trừng rất đặc biệt. Như ở Ukraine. Trong năm 1938, khi Kroutchev đắc cử vào vào trò lãnh đạo đảng cộng sản Ukraine, số người bị bắt giam trên 106.000. Phần lớn họ bị xử bắn. Trong số 200 ủy viên của Trung Ương

đảng cộng sản Ukraine chỉ có 3 đảng viên còn sống sót. Ở một số vùng khác trên toàn lãnh thổ Nga cũng xảy ra các thanh trừng tương tự như vậy. Bên cạnh các vụ xử án kín của tòa án tam đầu chế, các cuộc xử án thanh trừng trong đảng thường được xét xử công khai, cho dân chúng tham dự. Các cuộc xử án công khai mang tính chất tuyên truyền. Mục đích của các vụ án này là nhằm lôi kéo một số thường dân kém hiểu biết về với chính quyền Trung Ương, chống lại những người lãnh đạo địa phương.

Các Tân bạo chúa luôn luôn tự mãn về các hành động vô nhân của họ là tạo ra sự bất mãn giả tạo. Nhưng các hành động này, ngược lại, chỉ tạo thuận lợi thêm cho phe Trotski. Cũng như các cuộc thanh trừng ở thủ đô, các vụ xử án ở địa phương dân chúng cũng được quyền tham dự và cũng được báo chí hô hào rầm rộ. Cuộc diện đảo ngược trật tự trong xã hội. Lớp người có quyền thề nay trở thành những kẻ tử tội. Và lớp người kém hiểu biết lại được tung hô. Theo bà Annie Kriegel, các cuộc xử án công khai là liều thuốc ngừa bịnh cho xã hội.

Nhưng các cuộc thanh trừng các cấp lãnh đạo địa phương và các nhân vật chủ chốt của đảng chỉ là phần nổi của tảng băng trên nước biển. Thí dụ ở tỉnh Orenbourg. Tại tỉnh này chúng tôi có một bản phúc trình đầy đủ của cơ quan tình báo NKVD về các biện pháp thanh toán nhóm Trotski hoạt động trong vòng bí mật, các nhóm thân Boukharine và các nhóm phản

cách mạng khác. Các cuộc hành quân diễn ra từ ngày 1 tháng tư đến ngày 18 tháng chín năm 1937.

Trước khi Idanov được bổ nhiệm, trong vòng năm tháng, cơ quan tình báo NKVD bắt giam 420 cán bộ hàng đầu của của các ngành kinh tế và chính trị, thân Trotski. Họ bắt thên 120 người khuynh hữu, đang lãnh đạo các cơ quan hành chính địa phương. Số người này chiếm 45% trên tổng số cán bộ địa phương được nhà nước ưu đãi. Khi Idanov đến, các cuộc thanh trừng gia tăng cường độ. Có thêm 598 người khác bị bắt và bị xử bắn. Từ mùa Thu năm 1937, tất cả các cán bộ lãnh đạo chính trị và kinh tế địa phương trên toàn lãnh thổ Nga đều bị sa thải và được thay thế bởi một thế hệ cán bộ mới như các đảng viên Brejnev, Kossiguine, Outinov, Gromyko. Trong thập niên 70, các đảng viên này được đề cử vào bộ chính trị.

Bên cạnh các đảng viên cốt cán bị thanh trừng, đa số nạn nhân của các cuộc khủng bố là đảng viên không tên tuổi và thường dân. Đọc tiếp bản phúc trình của cơ quan tình báo tỉnh Orenbourg, chúng ta biết:

Trong số 2.000 bị bắt vì tình nghi thành viên của nhóm quân sự Cosaque thân nhật, có 1.500 ngươ bị xử bắn.

Trên 1.500 sĩ quan, công chức thời Nga Hoàng, từ thành phố Leningrad đưa đi lưu đày đến vùng Orenbourg vào năm 1953 vì bị coi như những phần tử

xạ lạ với xã hội. Sau vụ ám sát Kirov, họ bị chuyển đi đến nhiều vùng khác nhau.

250 người bị bắt vì có dính líu đến dân Ba Lan.

95 người bị bắt vì có liên hệ đến người gốc Kharbine.

1290 người bị đàn áp trong khuôn khổ của chiến dịch thủ tiêu các cựu địa chủ cường hào.

1399 bị bắt vì bị ghép vào các phần tử gây tội ác,...

Nếu cộng thêm một số người bị bắt trong các quân trường, tổng cộng con số người do cơ quan NKVD bắt trước khi Idanov đến là 7.500.

Trong số các nạn nhân của các cuộc thanh trừng, thành phần chỉ huy và cán bộ ngành ngoại giao chiếm đa số. Họ bị buộc vào tội làm gián điệp, làm tay sai cho ngoại bang. Những đảng viên đã từng làm đại sứ ở các quốc gia khác cũng bị thanh trừng. Như các ông Krestinski, Sokolikov, Bogomolov, Ioureniev, Ostrovski,...

Một số đảng viên cao cấp đặc trách kinh tế và chỉ huy các khu công nghiệp, các nhà máy lớn cũng bị thanh trừng vì bị ghép vào tội phá hoại.

Trong một số Bộ của chính phủ, có thể nói là toàn thể nhân viên phục vụ trong các bộ bị sa thải. Bộ chịu đàn áp nặng nhất là Bộ phụ trách trang bị cơ giới cho các nhà máy lớn. Chỉ trừ hai giám đốc, còn lại đều bị bắt giam, kể cả chuyên viên kỹ thuật.

Chiến dịch thanh trừng cũng diễn ra ở các ngành sản xuất phi cơ, sản xuất tàu thủy, sản xuất xe vận

tải,... Chúng tôi chỉ có một số ít và từng phần tài liệu về các ngành này.

Sau cuộc đại khủng bố, nhân kỳ đại hội đảng lần thứ 18, vào tháng 3 năm 1938, lãnh tụ Kagnovitch thừa nhận rằng trong hai năm 1937-1938, tất cả nhân viên phục vụ ngành kỹ nghệ nặng hoàn toàn bị thay thế.

Thời kỳ các đảng viên bị thanh trừng mạnh nhất là thời Iejovchina. Vào lúc đó, các đại biểu của các đảng cộng sản trên thế giới và của Quốc tế cộng sản đang lưu trú tại khách sạn Lux ở thủ đô Mạc Tư Khoa. Trong số lãnh tụ lớn của đảng cộng sản Đức bị bắt giam, người ta biết đến các ông: Heinz Neuman, Herman Remmele, Fritz Schulte, Herman Schubert, từng là ủy viên Bộ chính trị; ông Leo Frieg Bí thư Ủy ban Trung Ương; Heinrich Susskind và Werner Hirsch, tổng biên tập tờ *Rote Fahne*; ông Hugo Eberlin, đại biểu đảng cộng sản Đức tại hội nghị thành lập Quốc Tế cộng sản.

Sau hiệp ước bất tương xâm giữa nước Đức và Nga ký hồi tháng 9 năm 1939, Cộng sản Nga trao 590 cộng sản Đức bị nhốt trong các trại tù ở thủ đô Mạc Tư Khoa, cho Đức quốc xã tại chiếc cầu biên giới Brest-Litovski.

Đảng cộng sản Hung Gia Lợi cũng bị ảnh hưởng bởi cuộc thanh trừng. Ông Bela Kun, người khởi xướng cuộc cách mạng năm 1919 cùng với 12 Ủy viên nhân dân của chính phủ cộng sản Budapest lánh chạy ra Mạc Tư Khoa. Ông và các Ủy viên đều bị bắt và bị xử tử.

Gần 200 đảng viên đảng cộng sản Ý cũng bị bắt.

Trong số này có Paolo Robotti, em rễ của lãnh tụ đảng cộng sản Ý, Togliatti.

Gần 100 đảng viên đảng cộng sản Nam Tư cũng bị bắt. Trong số này có nhiều đảng viên được thế giới biết đến. Như các ông Tổng bí thư Gorkie, Bí thư kiêm lãnh tụ Binh đoàn Quốc Tế Vlada Copie; và 3/4 các thành viên của Ủy ban Trung Ương đảng cộng sản Nam Tư.

Đại đa số nạn nhân của cuộc đại khủng bố là thường dân. **Sau đây là một hồ sơ thường của một tội nhân của năm 1938.**

Hồ sơ số 24260.

I. -Lý lịch cá nhân:

1. - Họ: Sidorov.

2. - Tên: Vassili Klementovitch.

3. - Nơi và năm sinh: Setchevo vùng Mạc Tư Khoa, năm 1893.

4. - Địa chỉ cư ngụ: Setchevo, quận Lolomenski, Mạc Tư Khoa.

5. – Nghề nghiệp: công nhân viên hợp tác xã.

6. - Khuynh hướng nghiệp đoàn: hội viên nghiệp đoàn hợp tác xã.

7. - Tài sản khi bị bắt: một căn nhà gỗ 8m x 8m, mái tôle, sân có mái che rộng 20m x 7m; một con bò cái, 4 con trừu, 2 con heo và một số gà vịt.

8. - Tài sản vào năm 1929: có thêm 1 con ngựa.

9. - Tài sản vào năm 1917: căn nhà gỗ 8m x 8m, sân có mái che rộng 30m x 20m; hai kho chứa lúa, hai kho chứa rơm, 2 con ngựa, 2 con bò cái, 7 con trừu cái.

10. - Tình trạng xã hội khi bị bắt: công nhân.

11. - Tình trạng trong quân đội Nga: binh nhì thuộc trung đoàn 6 Bộ binh trong năm 1915-1916.

12. - Trong quân đội Bạch quân: không có.

13. - Trong quân đội Hồng quân: không có.

14. - Nguồn gốc xã hội: tôi tự coi là con của gia đình nông dân hạng trung.

15. - Quá khứ chính trị: không có gia nhập đảng phái nào.

16. - Quốc tịch: gốc dân Nga, công dân của Liên Bang Xô Viết.

17. - Có gia nhập đảng cộng sản Nga: không.

18. - Trình độ học vấn: tiểu học.

19. - Tình trạng quân sự hiện tại: thuộc thành phần trừ bị.

20. - Quá khứ tư pháp: không có tiền án.

21. - Tình trạng sức khỏe: bịnh sán khí.

22. - Gia cảnh: vợ tên là Anastia Fedorovna, 43 tuổi, con gái tên Nina, 24 tuổi.

Cơ quan tình báo an ninh NKVD địa phương bắt giam ngày 13 tháng 2 năm 1938.

II. Bản hỏi cung và lời khai của phạm nhân:

Hỏi: Anh hãy giải thích tài sản của anh trước và sau 1917, từ đâu mà có?

Khai: Cha mẹ tôi làm nghề buôn bán. Năm 1904 cha tôi có một cửa tiệm nhỏ ở phố Zolotorojskaia, Mạc Tư Khoa. Theo lời cha tôi kể, chỉ có mình cha tôi quản lý, không có mướn người làm. Vì không thể cạnh

tranh với các tiệm buôn lớn, cha tôi phải dẹp tiệm. Cha tôi trở về vùng quê Sytchevo và thuê ở đó 6 mẫu đất làm ruộng và thuê 2 mẫu khác để trồng cỏ. Cha tôi có thuê một người giúp việc tên là Goriatchiev cho đến năm 1916. Qua năm sau chúng tôi vẫn quản lý sở đất nhưng mất hai con ngựa vì lịnh trưng dụng của nhà nước. Đến năm 1925 cha tôi mất. Tôi và em tôi chia đôi cơ sở sản xuất.

Tôi thấy tôi không có phạm tội gì và cũng không hề là thủ phạm của một tội ác nào.

III. Bản buộc tội.

Tên Sidorov đã có tư tưởng xấu đối với chính quyền Xô Viết nói chung và đối với đảng cộng sản nói riêng. Hắn thi hành có kế hoạch chống lại chế độ Xô Viết. Hắn viết rằng Staline và đồng đảng của ông ta không có ý muốn rời chính quyền. Staline đã giết nhiều người mà không chịu từ chức. Nhóm Bônsêvich muốn giữ chính quyền và cho bắt giam những thường dân lương thiện, mặc dù họ không hề nói điều gì. Nếu họ nói ra, người ta sẽ bắt họ lưu đày vào các trại lao động khổ sai trong vòng 25 năm.

Bị cáo Sidorov đã khai và không nhận tội. Nhiều nhân chứng tố cáo và đã lột mặt nạ của hắn. Nội vụ đã được đưa ra xử tại tòa án Tam đầu chế.

Ký tên: Galkine, Thiếu úy an ninh quốc gia,

Trưởng toán an ninh quận Kolomenskoie.

IV. Quyết định của tòa án Tam đầu chế ngày 16 và 17 tháng 7 năm 1938:

Vụ Sidorov V.K., cựu thương gia, cùng với cha khai thác một tiệm buôn.

Bị cáo đã tuyên truyền chống cách mạng, đưa ra những lời phá hoại và hâm dọa đảng viên đảng cộng sản, những lời chỉ trích, chống lại chính sách của đảng và nhà nước.

Tuyên án: Xử bắn tên Sidorov Vassili Klementovitch, tịch thu toàn bộ tài sản. Lịnh xử bắn thực thi ngày 3 tháng 8 năm 1938.

Đã được phục hồi sau khi chết.

Nguồn gốc tài liệu: Volia- số 2 - 3 trang 45-46.

Dân Nga gốc Ban lan cũng chịu ảnh hưởng rất nhiều trong cuộc đại khủng bố. Nhất là đảng cộng sản Ba Lan. Đảng cộng sản Ba Lan xuất phát từ đảng Xã Hội Dân Chủ của Vương quốc Ba Lan và Lituanie. Năm 1906, đảng được hưởng quy chế tự trị khi gia nhập đảng công nhân Xã Hội Nga. Féliks Dzerjinski là liên lạc viên chính thức giữa hai đảng cộng sản Nga và Ba Lan. Nhiều đảng viên về sau vẫn còn hoạt động trong đảng Bônsêvich. Một số đảng viên tên tuổi, và đều giữ ngành tình báo công an, như Dzerjinski, Menjinski, Unschlikth, Radek,..

Trong hai năm 1937-1938, toàn bộ đảng cộng sản Ba Lan đều bị thủ tiêu. 12 thành viên trong Bộ chính trị đảng cộng sản Ba Lan có mặt tại Mạc Tư Khoa cùng với các đảng viên đại diện thường trực cơ quan Quốc Tế cộng sản cũng chịu cùng số phận.

Ngày 28 tháng 11 năm 1938, Staline ký nghị quyết ra lịnh tiêu diệt hoàn toàn đảng cộng sản Ba Lan. Phe lên thay là phe chống đối trong đảng cộng sản Ba Lan bấy lâu nay.

Ngày 16 tháng 8 năm 1938, Ban chấp hành Cộng Sản Quốc Tế biểu quyết giải tán đảng cộng sản Ba Lan. Theo lời giải thích của Manouilski, các chức vụ then chốt của đảng cộng sản Ba Lan đều nằm trong tay của phe Phát-Xít Ba Lan.

Về sau, các thành viên lãnh đạo Xô Viết trong Quốc Tế Cộng sản cũng trở thành nạn nhân của cuộc thanh trừng. Đó là trường hợp của Korine, thành viên của ủy ban Trung Ương; Mirov Abramov, trưởng ban tuyên truyền nước ngoài; Alikhanov, trưởng ban tổ chức cán bộ; và vài trăm thành viên khác cũng bị thủ tiêu. Vài thành viên vì hoàn cảnh liên hệ với Staline còn sống sót như Manouilski và Kuunisen.

Vụ thanh trừng được biết chính xác nhất là vụ thanh trừng các tướng lãnh. Ngày 11 tháng 6 năm 1937, báo chí loan tin tòa án quân sự xử vụ Thống chế Toukhatchevski. Ông ta là phó Ủy viên đảm trách bộ Quốc Phòng và là người có công trong kế hoạch canh tân quân đội Hồng quân. Ông bị ghép vào tội làm gián điệp và phản bội, bởi vì ông không cùng quan điểm với Staline và Vorochilov trong cuộc chiến tranh với Ba Lan hồi năm 1920. Cùng với thống chế Toukhatchevski, có 7 tướng lãnh cũng bị kết án tử hình. Đó là các tướng Iakir, Ouborevitch, Eideman, Kork, Poutna, Feldman,

Primakov. Mười ngày sau đó, Staline ra lịnh bắt giam 980 sĩ quan cao cấp, trong số này có 21 Tướng cấp quân đoàn và 37 Trung tướng. Staline đã cho sắp đặc vụ án âm mưu quân sự do Thống chế Toukhatchevski cầm đầu từ mấy tháng trước đó. Các bị cáo chính bị bắt từ tháng 5 năm 1937. Họ bị tra tấn rất dã man. [20 năm sau, danh dự Thống chế được phục hồi. Trên các tờ khai của Thống chế còn dính nhiều vết máu]. Đích thân Iejov điều tra Thống chế Toukhatchevski. Bị cáo đều thú nhận tội vài ngày trước khi đưa ra tòa án quân sự xét xử. Staline tự tay kiểm tra các bản án. Ngày 15 tháng 5 năm 1937, đại sứ Liên Xô tại Tiệp Khắc chuyển một hồ sơ giả cho tình báo Đức Quốc Xã. Trong hồ sơ này có các bức thơ ngụy tạo danh nghĩa Thống chế Toukhatchevski gởi cho quân đội Đức. Đó là lý do Thống chế và một số Tướng Tá trong quân đội Cộng sản bị thanh trừng.

Trong vòng 2 năm, Hồng quân đã khai trừ:

Ba vị Thống Chế trong năm Thống chế đang tại chức. Đó là các Thống chế Toukhatchevski, Tegorov và Blucher. Hai vị sau bị thanh trừng vào tháng 2 năm 1938.

13 Đại Tướng cấp quân đoàn trong số 15 vị đang tại chức.

8 Đô Đốc trong số 9 vị đang tại chức.

50 Đại Tướng cấp Phó quân đoàn trong số 57 vị đang tại chức.

154 Trung Tướng cấp sư đoàn trong số 186 vị đang tại chức.

16 Chính ủy cấp quân đoàn trong số 186 vị đang tại chức.

25 Chính ủy cấp phó quân đoàn trong số 186 vị đang tại chức.

Từ tháng 5 năm 1937 đến tháng 8 năm 1938 có tất cả 35.020 sĩ quan bị bắt giam hay sa thải khỏi quân đội. Con số sĩ quan bị hành quyết đến nay chưa được biết. Qua năm 1939-1941, có 11.000 sĩ quan được lịnh tái ngũ. Trong số đó có Tướng Rokossovski và Gorbatov. Tóm lại, cuộc thanh trừng trong hàng ngũ quân đội, có khoảng chừng 30.000 sĩ quan chỉ huy bị bắt hay sa thải trong số 178.000 vị đang tại chức.

Về phương diện chiến lược, việc thanh trừng trong quân đội là một điểm bất lợi cho Hồng quân trong các cuộc chiến đương đầu với Ba Lan và quân Đức quốc xã trong năm 1940.

Hai lãnh tụ Boukharine và Litvinov khuyến cáo Staline về nguy cơ của quân Đức quốc xã dưới quyền lãnh đạo của Hitler, nhung Staline không lưu tâm. Việc thanh trừng các Tướng lãnh mạnh miệng lên tiếng chống lại ý kiến của Staline, để thay bằng các đảng viên không có kinh nghiệm nào với Staline, đã tạo cơ hội cho Staline tự ý định đoạt về các chính sách chính trị và quân sự thân thiện với Đức vào cuối thập niên 30.

Có rất nhiều tài liệu về nạn nhân thuộc thành phần trí thức. Từ khi thành hình một bộ phận được thừa nhận trong xã hội, lực lượng trí thức Nga từ giữa thế kỷ thứ 19 đã chính thức được coi là trung tâm chống lại

chuyên quyền và các hình thức nô lệ tư tưởng. Cho nên khi có cuộc thanh trừng, thì trí thức là đối tượng chính cần phải đàn áp. Lúc ban đầu, các cuộc đàn áp còn ôn hòa, diễn ra từ năm 1922 đến các năm 1928-1931. Vào tháng 3 và tháng 4 năm 1937, báo chí mở chiến dịch lên án nhà nước về những điều sai lầm trong chính sách kinh tế, lịch sử và văn chương. Về lịch sử, sử gia Pokrovski đã chết vào năm 1932. Các môn đệ của ông đều bị bắt giam. Tư tưởng và tri thức sáng tạo phải làm theo chỉ thị. Mục đích của ý thức hệ chính trị đã bao che các tham vọng và sự tranh đua. Các vị giáo sư đại học thường hội thảo nhằm lôi kéo tầng lớp sinh viên, trở thành mục tiêu của các cuộc đàn áp. Chỉ cần một sơ hở nhỏ trong khi thảo luận, đủ cho một số sinh viên chỉ điểm được gài trong tập thể sinh viên, tố cáo các vị giáo sư này. Một số lớn giáo sư của các viện đại học, thành viên của các hàn lâm viện hay của các học viện đều bị sát hại.

Tại Biélorussie, trong số 105 vị hàn lâm, có 78 vị bị hành quyết vì bị tố cáo là làm gián điệp cho Ba Lan.

Từ năm 1933, chiến dịch đàn áp các phần tử quốc gia trưởng giả - cái tên do chính quyền cộng sản gán cho tầng lớp trí thức- thực sự phát động nhắm vào hàng ngũ trí thức vùng Ukraine. Những người trí thức bị gán cho cái tội phá hoại các hàn lâm viện Khoa học, học viện Chevtchenko, hàn lâm viện canh nông, học viện Marx-Lenin. Và biến các nơi này thành các sào huyệt của những người phản cách mạng. Và những năm

1937-1938 là những năm kết thúc cuộc thanh trừng đã phát động từ 4 năm trước.

Từ xưa, giới Khoa học đã có liên hệ mật thiết với chính trị, kinh tế, quốc phòng và kinh tế. Chính quyền luôn luôn theo dõi và đàn áp các giới này. Thí dụ như kỹ sư hàng không Tupolev và khoa học gia Korolev, người lãnh đạo chương trình không gian của Liên Xô bị bắt giam trong trại tập trung đặc biệt của cơ quan tình báo NKVD theo như nhà văn Soljenitsyne viết trong tác phẩm *Tầng đầu địa ngục*.

Trong số 29 nhà thiên văn học phục vụ trong trung tâm nghiên cứu vũ trụ lớn ở Polkouvo, chính quyền bắt giam 27 người.

Toàn thể nhân viên của Trung tâm thống kê trung ương sau khi làm xong bản thống kê trong năm 1937, đều bị bắt nhốt. Nhà nước viện lý do, trung tâm thống kê đã vi phạm nguyên tắc căn bản sơ khai của môn khoa học thống kê và đã làm sai chỉ thị của nhà nước.

Nhiều nhà nghiên cứu ngôn ngữ học chống lại lý thuyết của nhà ngôn ngữ Macxit được Staline thừa nhận là ông Marr, cũng bị bắt giam.

Nhiều nhà sinh vật học tốt nghiệp và thành công trong nhiều lãnh vực nghiên cứu sinh học đã vạch trần lý thuyết lừa bịp của nhà sinh vật học chính thức của chế độ cộng sản Lyssenko, cũng bị bắt. Theo ông Lyssenko, lúa mì cũng có thể trồng được trong mùa Đông. Trong số nạn nhân này, có nhà sinh vật học lừng danh là Giáo sư Levit, giám đốc viện nghiên cứu

Y khoa Di Truyền Học, Giáo sư Toulaikov, giám đốc viện nghiên cứu Thảo Mộc, Giáo sư Ianata thuộc viện nghiên cứu Thực vật và là thành viên của hàn lâm viện nông nghiệp Lenine, bị bắt giam ngày 6 tháng 8 năm 1940 và chết trong tù ngày 26 tháng giêng 1943.

Bị kết án bởi cái tội đã bảo vệ những tư tưởng ngoại lai, thù địch và muốn tách rời ra khỏi tiêu chuẩn thực tế của Xã hội chủ nghĩa, các nhà văn, các nhà diễn kịch, các nhà báo đã trả một giá quá đắt trong thời điểm Iejovchina.

Có chừng 2.000 nhà văn bị bắt giam mặc dù họ đã gia nhập vào hội văn bút của nhà nước.

Một số bị xử tử, số khác bị đưa đi lao động khổ sai. Trong số các nhà văn bị bắt, có vị đã cho ra đời một số tác phẩm văn chương lớn. Văn sĩ Issak Babel, tác gia của hai tác phẩm *Câu chuyện ở Odessa* và *Đoàn ky binh đỏ*, bị xử bắn ngày 27 tháng giêng năm 1940.

Các nhà văn Boris Pilniak, Iouri Olecha, Panteleimon Romanov và các thi hào Nikolai Kliounev, Nikolai Zabolotski, Ossip Mendelstam chết trong trại chuyển tiếp ở Siberie ngày 26 tháng chạp năm 1938, Gourgen Maari, Titsian Tabidze. Các nhà viết nhạc Jeleiev, nhạc trưởng Mikoladze cũng bị bắt cùng với các nhạc sĩ, nghệ sĩ sân khấu và nhà đạo diễn Vsevolod Meyerhold.

Đầu năm 1938, chính quyền ra lịnh đóng cửa nhà hát lớn Meyerhold, với lý do là nó xa lạ với nghệ thuật Xô Viết. Nhà đạo diễn của nhà hát lớn không chịu tự kiểm thảo nên chính quyền bắt giam ông vào ngày 6

tháng 5 năm 1939. Sau một thời gian tra tấn, chính quyền cộng sản đem ông ra bắn vào ngày 2 tháng 2 năm 1940.

Trong thời gian kể trên, chính quyền muốn thanh toán vĩnh viễn tàn dư của Giáo Hội. Bản thống kê năm 1937 cho thấy 70% dân chúng vẫn còn giữ Đức Tin mặc dù chịu nhiều hình thức áp lực của chính quyền. Trong cuộc phỏng vấn trong khi làm bản thống kê, khi được hỏi Anh có đức tin không?, họ trả lời có.

Các nhà lãnh đạo Xô Viết quyết mở trận tấn công cuối cùng vào sào huyệt của Giáo Hội. Tháng 4 năm 1937, lãnh tụ Malenkov gởi cho Staline một văn thơ với nội dung cho rằng các luật lệ về hành đạo đã lỗi thời và đề nghị hủy bỏ đạo luật ký ngày 28 tháng 4 năm 1929. Ông viết: Chiếu theo đạo luật này, Giáo Hội cũng như các Giáo Phái khác được phép hành đạo. Giáo Hội có trên 600.000 giáo dân. Đó là một lực lượng thù địch đáng kể đối với chính quyền. Đã đến lúc chúng ta phải dứt khoát với Giáo Hội và các vị chức sắc trong trong Giáo Hội cũng như trong các Giáo Phái khác.

Hàng ngàn Linh Mục, Giám mục bị bắt đưa vào các trại tập trung lao động khổ sai. Một số bị hành quyết. Trong tổng số 20.000 giáo đường còn cho phép hoạt động vào năm 1936, sang năm 1941, không còn quá 1.000 nhà thờ hoạt động. Có 5.665 Giáo sĩ chính thức đăng ký hoạt động vào đầu năm 1941. Phần lớn họ sinh hoạt trong các vùng Balte, Ba Lan, Ukraine và

Moldavie, sát nhập vào Liên Bang Xô Viết năm 1939-1940. Đó là những người còn sống sót trên tổng số 24.000 Giáo sĩ vào năm 1936.

Như đã đề cập ở trên, cuộc đại khủng bố là do các lãnh tụ cộng sản Nga mà nhất là do Staline chủ trương và thi hành. Staline thống trị trên các đồng chí của ông trong Bộ Chính Trị. Ông ta đạt được hai mục tiêu chính. Quan trọng nhất là ông đã thiết lập được một guồng máy hành chánh và quân sự dưới quyền kiểm soát của ông. Ông đưa lực lượng thanh niên trẻ vào đảm nhận các chức vụ trong các cơ quan. Họ là những thanh niên trẻ, đã chịu ảnh hưởng của Staline trong những năm 30.

Theo lời khai của ông Kaganovitch trước đại hội đảng lần thứ 18, lớp thanh niên trẻ nhận lãnh và thi hành bất cứ công tác nào của Staline giao phó cho họ. Trước đây, nhân viên phục vụ tại các cơ quan nhà nước là một thành phần hỗn hợp giữa cán bộ Bônsêvich và các chuyên viên trí thức tiểu tư sản được đào tạo từ chế độ cũ. Thường, khả năng của cán bộ Bônsêvich kém hơn vì họ không được đào đạo đúng đắn trong thời nội chiến. Nhưng họ quyết tâm bảo vệ thành quả cách mạng và công ăn việc làm hiện nay của họ. Phương pháp làm việc hành chánh của họ rất đơn giản. Họ làm việc tự trị, không thi hành các lịnh của Trung Ương đưa ra. Dưới con mắt của Staline, họ là những người Bônsêvich thoái hóa. Trong cuộc kiểm tra thẻ đảng viên năm 1935, các nhân viên kiểm tra gặp phải

sự kháng cự thụ động của các cán bộ địa phương và sự bất hợp tác của các chuyên viên, đã dẫn đến một kết quả không tốt cho cuộc kiểm tra toàn quốc trong tháng giêng năm 1937. Điều này không phù hợp với nguyện vọng của Staline. Vì thế Staline ra lịnh khẩn cấp thay thế bằng những nhân viên dễ dạy hơn để có thể đạt nhiều hiệu năng trong các công tác.

Mục tiêu thứ hai của cuộc đại khủng bố là hoàn thành một cách lũy tiến trong công tác loại bỏ các thành phần nguy hiểm cho với xã hội, một cụm từ mang ý nghĩa rộng lớn.

Theo Bộ hình luật, thành phần nguy hiểm cho xã hội bao gồm những ai có một hành động gây nguy hại cho xã hội dù trong quá khứ hay đang xảy ra. Kể cả những người có liên hệ với các thành phần gây nguy hiểm. Nếu áp dụng các điều trong bộ Hình luật, thì các cựu địa chủ, cựu quân, cán, chính thời Nga Hoàng, cựu đảng viên đảng Mensêvich, đảng xã hội cách mạng,... đều là những người có tội. Và theo Staline, các thành phần này cần phải được thanh toán. Theo lý thuyết của Staline đưa ra trong kỳ đại hội Ủy ban trung Ương tháng 2 và 3 năm 1937, càng tiến lên xã hội chủ nghĩa, thì cuộc đấu tranh với giai cấp đang hấp hối, càng gay gắt hơn.

Và cũng trong kỳ đại hội này, Staline báo động: Cộng Hòa Liên bang Xô Viết đang bị chủ nghĩa tư bản bao vây. Liên Xô là quốc gia duy nhất đang xây dựng Xã hội chủ nghĩa, và đang bị các quốc gia lân cận bao

vây. Các nước Phần Lan, Ba Lan, Lỗ Ma Ni, Thổ Nhĩ Kỳ, Nhật Bản đang được các nước tư bản Pháp, Anh trợ giúp để phá hoại sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa của Liên Xô.

Liên Xô, được thánh phong, đi hàng đầu, lãnh sứ mạng thiêng liêng chống lại kẻ thù đang túc trực ở bên ngoài. Trong tình trạng này, công tác thường xuyên phải truy lùng tìm bắt các tên gián điệp. Nói một cách khác, bất cứ người nào có liên hệ với bên ngoài, dù rất ít cũng phải bị kết tội và phải bị thủ tiêu. Vì vậy thủ tiêu kẻ thù có thế lực là huyền thoại của đạo quân thứ năm, là lý thuyết cơ bản cho tất cả các hành động của cuộc đại khủng bố.

Qua việc phân tích và phân loại các nạn nhân của cuộc Đại Khủng Bố, trong đó bao gồm cán bộ, chuyên viên, thành phần nguy hiểm cho xã hội, cựu địa chủ, gián điệp,... chúng ta đã thấu hiểu tường tận cực điểm của cuộc hành quyết với gần 700.000 nạn nhân trong vòng hai năm.

CHƯƠNG 11
ĐẾ QUỐC NGỤC TÙ

Phát động các cuộc đàn áp sâu rộng trong một xã hội dân chính sẽ đưa đến sự hình thành một chế độ cưỡng bách lao động quá sức rộng lớn. Sự kiện này chưa hề xảy ra trước đây.

Ngày nay, với các văn khố về chế độ lao tù của những năm 30 mở cửa, cho phép các nhà nghiên cứu tìm hiểu tượng tận về tiến trình thành lập trại tập trung, về cách thức đàn áp, con số người bị bắt giam, các nguyên nhân bắt người đi lao động cưỡng bách và các lý do kết án buộc tội. Mặc dù bộ phận hành chánh của các trại tù ghi chép chính xác con số tù nhân, nhưng vẫn không sao biết được con số người chết trên con đường đi đến các trại tù, hay chuyển từ trại này qua trại khác.

Giữa thập niên 30, con số phạm nhân phỏng

chừng 140.000 đang lao động cưỡng bách ở các công trường đào kinh từ biển Baltique đến Bắc Hải. Vì nhu cầu đào kinh cần con số nhân lực 120.000, cho nên chính quyền phải chuyển con số tội phạm từ các khám đường qua các trại lao động cưỡng bách. Con số nạn nhân trở thành tội nhân gia tăng rất nhanh. Năm 1929 công an bắt giữ 56.000 người. Qua đến năm sau con số này tăng lên 208.000. Ngoài ra, các cơ quan khác như Bộ Tư pháp, Nội vụ, và Quân đội cũng bắt đưa đi lao động khổ sai 1.178.000 người trong năm 1929. Hai năm sau tăng lên 1.238.000. Đến năm 1932 con số phục vụ khổ sai cho công tác đào kinh lên đến 300.000 người. Có chừng 10% tù lao động khổ sai chết.

Tháng 7 năm 1934, sau khi tái tổ chức, cơ quan Guépou trở thành cơ quan Trung Ương quản lý các trại tập trung NKVD thuộc bộ Nội vụ. Cơ quan có trong tay 708 đơn vị hệ thống lao tù, bắt giữ 212.000 tội phạm. Năng xuất của các trại tù này rất thấp so với nhu cầu của Ủy Ban tư pháp nhân dân. Để đạt được chỉ tiêu cao như các nơi khác, hệ thống lao động khổ sai được tái tổ chức thành các đơn vị chuyên môn, các trại sản xuất chuyên nghiệp, với tầm mức rộng lớn. Các tổ hợp thành hình. Mỗi tổ hợp có chừng vài ngàn phạm nhân phục vụ. Chính các tổ hợp này là những đơn vị kinh tế căn bản của chính quyền cộng sản dưới thời Staline.

Đầu năm 1935, chế độ trại tù tập trung lao động được tổ chức thống nhất, quy tụ 965.000 tù nhân. Trong số này có 725.000 tù của các trại khổ sai và

240.000 thuộc thanh phần khẩn hoang, tội nhẹ có án dưới 3 năm. Kế hoạch 20 năm đã được hoạch định. Tù nhân trên quần đảo Solovski bắt đầu công tác chặt cây ở bán đảo Carélie, ven biển Bắc hải trong vùng Volga. Tổ hợp lớn Svirlag quy tụ 43.000 tội phạm có nhiệm vụ cung cấp củi cho toàn vùng thành phố Leningrad. Tổ hợp Temnincovo quy tụ 35.000, phục vụ củi cho Thủ Đô Mạc Tư Khoa. Tại ngã tư chiến lược Kotlas, công tác xây các trục lộ giao thông, đường xe lửa để chuyển than củi và gỗ cho các khu hầm mỏ ở phía Tây Vym, Oukhta, Petchora và Vorkouta.

Tỏ hợp Oukhpetchlag xử dụng 51.000 nhân công tù vào công tác thiết lập hệ thống giao thông cho các khu vực hầm mỏ ở phía Bắc. Một bộ phận được chỉ định đi vùng Bắc Oural. Các tổ hóa học làm việc tại Solikamsk và Berezniki. Tổng số tù lao động ở Tây và TâyNam Sibérie là 63.000 phục vụ không công cho mỏ than Kouzbassougol.

30.000 tù cải tạo đang phục vụ cho nền nông nghiệp ở Steplag thuộc cộng hòa Kazakhstan được đưa đi làm thí điểm khai thác cánh đồng cỏ. Tuy vậy chế độ lao động ở vùng này tương đối ít cùng cực hơn các nơi khác. Công trường Dmitlag với con số tù 196.000, sau khi đào xong con kinh từ biển Baltique thông qua vùng Bắc Hải, nay được huy động đi đào con kinh lớn nhất trong thời Staline. Đó là con kinh nối liền Thủ đô Mạc Tư Khoa với vùng sông Volga. Một đại công trường khác có tầm vóc vĩ đại như Kim tự tháp của Ai Cập, đó

là công trường BAM, viết tắt của Baikalo-Amourakaia Magistral. Đó là con đường xe lửa xuyên qua vùng Tây Bá Lợi A, từ hồ Baikal đến sông Amon.

Đầu năm 1935, 150.000 tù nhân lao động cưỡng bách trong vùng Bamlag được chia ra làm 30 sư đoàn, khởi công xây dựng phần đầu của con đường xe lửa này. Đến năm 1939, con số tù phục vụ cho công trình đường sắt lên đến 260.000. Đó là con số tù lao động khổ sai kỷ lục trong một trại tập trung dưới thời cộng sản.

Một công trường khác mang tính chiến lược cho nền kinh tế Nga là bắt tù cải tạo khai thác vàng ở vùng Tây Bắc nước Nga. Đó là tổ hợp Dal Stroi. Các mỏ vàng nằm trong vùng Kolyma, một vùng chỉ có thể liên liên lạc bằng đường biển, khí hậu vô cùng khắc nghiệt, nhất là cái lạnh của mùa Đông. Từ trung tâm này, tù cải tạo đã xây các con đường dẫn đến các trại tù khác. Văn sĩ Varlam đã diễn tả cuộc sống cùng cực của tù nhân và lối cai trị vô nhân đạo của cai tù trong các tác phẩm của ông. Từ năm 1932 đến năm 1939, với con số nhân lực 138.000, số lượng vàng được sản xuất từ 276 ký cho đến 48.000 ký, chiếm 35% tổng số vàng khai thác trên toàn nước Nga.

Tháng 6 năm 1935, chính quyền cộng sản đưa tù nhân đi khai thác kim loại Nickel trong vùng Norilsk, Bắc Cực. Có 70.000 tù nhân bị đưa đến vùng lạnh chết người này.

Nhà nước cho rằng lao động khổ sai là hình thức cải tạo. Do vậy, chỉ tiêu do nhà nước chỉ định không lệ

thuộc vào các điều kiện vật chất, kinh tế hay địa dư. Các cơ quan quản lý tù nhân ký hợp đồng với các cơ quan khác rồi bắt tù nhân thi hành. Từ công trình thủy điện, cục Hỏa xa cho đến tổng cục Kiều lộ,... các cơ quan này có thể trao đổi tù nhân lao động khổ sai với nhau như họ trao đổi hàng hóa.

Vào thời kỳ thứ hai của kế hoạch ngũ niên, con số tù lao động khổ sai ở các trung tâm tăng lên gấp đôi. Đầu năm 1935, có 965.000 tù lao động. Qua năm 1941 tăng lên 1.930.000 người. Con số tù lao động tăng lên quá nhanh làm xáo trộn cơ cấu tổ chức trong các trung tâm lao động. Điều này dẫn đến hệ quả là năng xuất sản xuất giảm sút. Năm 1937 sản phẩm chỉ bằng 13% của năm 1936.

Ngày 10 tháng 4, để cải tiến mức sản xuất, tân ủy viên bộ nội vụ, ông Lavrenti Beria cho thi hành một biện pháp mới, tái tổ chức các trại cải tạo. Không đặt nặng vấn đề truy lùng tù cải tạo, thay vào đó, ông cho thi hành chính sách lành mạnh quản lý kinh tế.

Với tiêu chuẩn năng lượng trong phần ăn mỗi ngày dành cho tù lao động là 1400 calori, thì chỉ đủ để cho họ ngồi không trong các nhà tù. Cho nên con số tù có khả năng lao động của những năm trước, nay trở thành bất lao động. Họ không còn đủ năng lực dùng cho lao động với khẩu phần ăn quá thiếu thốn. Con số tù bất khả lao động lên đến 250.000 tính từ ngày 1 tháng 3 năm 1939. Số tù cải tạo chết trong năm 1938 là 8%.

Để đạt tiêu chuẩn do bộ Nội vụ đưa ra và để khai

thác hợp lý và tối đa khả năng lao động, Beria đề nghị gia tăng khẩu phần ăn cho lao công, bãi bỏ lịnh tạm tha trước thời hạn, trừng phạt các tù nhân bất mãn để làm gương, gia tăng giờ làm việc mỗi ngày lên 11 giờ, và mỗi tháng được nghỉ 3 ngày.

Theo các tại liệu trong các văn khố, việc luân chuyển tù nhân xảy ra thường xuyên. Hàng năm có từ 20% đến 35% tù nhân đực phóng thích. Đó là con số tù bị kết án dưới 5 năm. Con số tù loại này chiếm 57% trên tổng số tù vào đầu năm 1940.

Nhưng đối với các tù chính trị bị bắt giam trong những năm 1937-1938, Bộ Nội Vụ có quyền bắt giam trở lại, cho dù đã đến ngày phóng thích. Cho nên, một khi bị bắt vào các trại lao động khổ sai là kể như không có ngày về. Nhưng cho dù được phóng thích, họ cũng không có quyền trở về quê quán cũ. Chính quyền chỉ định nơi cư ngụ, lại cũng chỉ là một hình thức lưu đày khác.

Nhưng các trung tâm tù lao động không phải chỉ dành riêng cho các tù chính trị, phản cách mạng, hay phạm vào một trong 14 tội được ghi trong điều 58 của bản tân hiến pháp. Hàng năm, con số tù nhân gia tăng. Họ bị bắt và bị kết án đã vi phạm vào các điều luật đàn áp đối với tất cả các sinh hoạt bình thường hằng ngày. Như các tội phung phí tài sản xã hội chủ nghĩa, không có giấy thông hành, du đãng, đầu cơ tích trữ hàng hóa, bỏ sở làm, làm không đúng tiêu chuẩn,... Những tội phạm này vừa không phải là tù chính trị, vừa không phải tù thường phạm. Họ chỉ là những công dân bình

thường. Đó là kết quả của một thập niên đàn áp của đảng nhà nước đối với mọi thành phần càng ngày càng lớn trong xã hội. Kết quả này có thể gom lại trong bản thống kê tạm thời:

Nạn đói năm 1932-1933 giết chết 6.000.000 người. Đó là hậu quả của chính sách cưỡng bách tập thể hóa nông nghiệp, chính sách trưng thu trưng dụng.

Xử tử 720.0000 người. Trong số này có 680.000 bị hành quyết trong hai năm 1937-1938.

300.000 giấy khai tử cấp phát trong các năm 1934 đến 1940. Đó là chưa kể đến những người bị giết chết, không được nói đến trong năm 1930-1934. Có thể tính trong tròn 10 năm chết 400.000.

600.000 người chết thuộc diện đi khai hoang.

2.200.000 bị bắt buộc rời quê quán ra các vùng kinh tế mới.

Từ năm 1934 đến năm 1941 có 7.000.000 người bị bắt vào các trại lao động khổ sai.

Trong số 53 trung tâm lao động cải tạo vào đầu năm 1940, có 425 trại với con số tù lên đến 1.670.000 người. Bộ Nội Vụ cũng còn bắt giữ 1.200.000 người thuộc diện chờ đi vùng kinh tế mới.

Cho dù có giảm bớt các con số tù nhân, các sử gia cũng phải thừa nhận rằng sự hiện diện của các tù lao động khổ sai trong các trung tâm lao động cưỡng bách là một bằng chứng hùng hồn của một chính sách đàn áp dân chúng vô cùng dã man của chính quyền cộng sản trong thập niên 30.

Từ cuối năm 1939 đến mùa hè năm 1941 các trại khổ sai lao động, các tổ lao động khẩn hoang và các vùng di cư đặc biệt của Goulag đã tăng dân số rất cao. Con số người bị trục xuất do việc Xô Viết Hóa các vùng đất khác sát nhập vào Liên Bang và do các hành động mà nhà nước cộng sản cho rằng bất chính trong khi chính những nạn nhân cho rằng đó là tự do.

Ngày 24 tháng 8 năm 1939, thế giới lấy làm ngạc nhiên về hiệp ước Bất Tương Xâm được ký giữa Liên Xô và Đức Quốc Xã. Hiệp ước này đã làm cho các nhà cầm quyền Tây Âu lúng túng vì họ chưa chuẩn bị tinh thần cho dân chúng. Nó làm đảo ngược các hiệp ước đã có từ trước. Nhiều nhà chính trị lúc bấy giờ không thể hiểu được cái gì sẽ xảy ra do sự phối hợp hai luồng ý thức hệ trái ngược với nhau đó.

Ngày 21 tháng 8 năm 1939, chính quyền cộng sản đã hoãn lại các cuộc thương thuyết với chính phủ Anh và Pháp khi hai phái đoàn này đến thủ đô Mạc tư Khoa vào ngày 11 tháng 8 năm 1939 với mục đích là thành lập thế tam giác để chống lại Đức Quốc Xã. Lãnh tụ bộ ngoại giao Xô Viết ông Molotov, từ đầu năm 1939 đã có thái độ tránh né ký kết thỏa hiệp với Anh và Pháp. Ông ta nghi ngờ hai nước này đang tìm cách thông đồng với Đức Quốc Xã. Ông lo ngại Ba Lan sẽ là nạn nhân cũng như Tiệp Khắc. Như vậy Đức sẽ rảnh tay về mặt trận phía Đông. Các cuộc thương thuyết giữa Liên Xô và Anh Pháp đang gặp khăn. Nếu như Hitler xua quân tấn công Pháp thì Hồng Quân chỉ có thể can thiệp bằng

cách kéo quân qua Ba Lan tấn công quân Đức. Đức đã tiến một bước lớn trên con đường ngoại giao khi cử bộ trưởng ngoại giao Đức Von Ribbentrop, ngày 14 tháng 8 qua Mạc Tư Khoa để hoàn tất thỏa hiệp. Qua ngày hôm sau Staline đặt tay ký hiệp ước song phương với Đức Quốc Xã.

Từ đầu năm 1938, Đức và Liên Xô đã ký các hiệp ước về thương mại. Cho đến khi ngoại trưởng Von Ribbentrop viếng thăm Mạc Tư Khoa vào ngày 19 tháng 8 năm 1939, thì Đức quyết định cho Liên Xô hưởng nhiều đặc lợi. Ngay chiều hôm đó, Liên Xô bằng lòng ký hiệp ước Bất Tương Xâm với Đức. Chính Liên Xô soạn thảo hiệp ước và trao chuyển trước về Bá Linh. Trong đêm 23 tháng 8, Von Ribbentrop chính thức ký hiệp ước và sáng hôm sau, 24 tháng 8, hai chính phủ cho công bố đến dân chúng của hai nước. Hiệp ước có hiệu lực trong vòng 10 năm. Các chi tiết chia vùng ảnh hưởng ở khu vực Đông Âu được giữ bí mật. Mãi cho đến năm 1989, các nhà lãnh đạo Cộng Sản Liên Xô vẫn chối cãi về nội dung chống lại hòa bình của bản hiệp ước mà hai nước đã ký.

Theo hiệp ước này, nước Lituanie thuộc vùng ảnh hưởng của Đức; Nước Estonie, Lettonie thuộc Phần Lan; Vùng Bessarabie thuộc Liên Xô. Trong khi đó phần đất Ba Lan chưa quyết định lệ thuộc nước nào. Sau khi Đức chiếm Ba Lan, Liên Xô mới đặt lại vấn đề chủ quyền của nước này.

Tám ngày sau khi ký hiệp ước Bất Tương Xâm với

Liên Xô, Đức Quốc Xã xua quân chiếm Ba Lan. Một tuần lễ sau, ngày 9 tháng 9 năm 1939, trước sự thảm bại của quân đội Ba Lan, Liên Xô chính thức cho Đức biết là họ sẽ xua quân chiếm các khu vực như đã phân định bí mật trong hiệp ước. Ngày 17 tháng 9, Hồng Quân tiến vào Ba Lan với chiêu bài cứu giúp người anh em Ukraine và Biélorussie đang bị uy hiếp vì Ba Lan tan rã. Khi Hồng Quân vào đến Ba Lan thì quân đội của nước này gần như bị tiêu diệt. Hồng Quân không hề gặp một sự kháng cự nào. Hồng Quân bắt 230.000 làm tù binh, trong số đó có 15.000 sĩ quan. Ý định chọn Ba Lan làm vùng trái độn giữa hai nước đã không thành. Vì vậy vấn đề chia biên giới đã trở nên khó khăn. Trước kia hai bên chọn con sông Vistule chảy qua Varsovie làm ranh giới. Nhưng sau đó, vào ngày 28 tháng 9, Von Ribbentrop qua Mạc Tư Khoa quyết định chọn biên giới dọc theo con sông Bug ở về phía Đông. Đổi lại, Đức chịu nhường Lituanie cho Xô Viết.

Việc phân chia phần đất Ba Lan đã tăng vùng đất ảnh hưởng của Liên Xô thêm 180.000 cây số vuông với một dân số trên 12 triệu người, gồm các sắc dân Ukraine, Ba Lan và Biélorussie. Ngày 1 và 2 tháng 11 năm 1939 đã diễn ra một cuộc trưng cầu dân ý trá hình về việc sát nhập hai nước Ukraine và Biélorussie vào Liên Bang Xô Viết.

Trước khi mở cuộc trưng cầu dân ý, cơ quan an ninh của Liên Xô đã quét sạch tất cả dân chính gốc Ba Lan. Họ bị bắt đưa đi lưu đày đập thể vì bị ghép vào tội

phản động. Phần lớn những người này thuộc thành phần địa chủ, trí thức, kỹ nghệ gia, thương gia, công chức, những quân nhân ở vùng khẩn hoang. Những quân nhân này là các phần tử ưu tú của Ba Lan vì họ đã có công dành lại độc lập cho dân Ba Lan trước khi trực thuộc Nga Hoàng. Theo thống kê của phòng quản lý Goulag, từ tháng 2 năm 1940 đến

Tháng 6 năm 1941 đã có 381.000 dân Ba Lan bị sát nhập vào Cộng Hòa Xô Viết Ukraine và Biélorussie và bị đưa đi khẩn hoang tại các vùng hẻo lánh của Liên Bang Xô Viết. Theo như sử gia Ba Lan, con số này còn cao hơn rất nhiều, có thể có đến 1 triệu người. Còn con số người bị lưu đày từ tháng 9 năm 1939 đến tháng 1 năm 1940 chưa được công bố.

Chi tiết về ba vụ bố ráp vào ngày 9 và 10 tháng 2; ngày 12 và 13 tháng 4; ngày 28 và 29 tháng 6 năm 1940 được ghi lại trong các văn thư trong thư khố của nhà nước.

Các xe tải phải mất ròng rã 2 tháng trời để chở các tù binh Ba Lan đến các vùng đất Sibérie, Kazakhstan và các vùng cực Bắc. Trong số tù binh Ba Lan 230.000 bị bắt vào mùa hè năm 1941 nay chỉ còn có 82.000 người còn sống. Con số dân Ba Lan bị đày đi lao động khổ sai còn chết nhiều hơn nữa. Vì thế, vào tháng 8 năm 1941, một thỏa ước được ký kết giữa chính phủ Ba Lan lưu vong và chính quyền Xô Viết để ân xá cho dân Ba Lan lưu đày kể từ tháng 11 năm 1939, người ta không tìm thấy tin tức của 243.100 người Ba lan khẩn hoang đặc

biệt trong số 381.000 bị lưu đày từ tháng hai năm 1940 đến tháng sáu năm 1941.

Tổng số 388.000 người Ba Lan được ân xá bao gồm các tù binh, các người bị quản thúc, và người bị lưu đày. Vài trăm ngàn người khác đã biến mất trong vòng hai năm, trước tháng 8 năm 1941. Một số lớn bị hành quyết vì bị coi là thành phần chống Xô Viết. Trong số này có 25.700 sĩ quan và thường dân Ba Lan.

Lãnh tụ công an nội chính, ông Béria, trong một điện văn gởi cho Staline để ngày 5 tháng 3 năm 1940 đã đề nghị xử bắn các phần tử này. Một số hầm chôn tập thể đã được quân Đức khám phá hồi tháng 4 năm 1943, nằm trong khu rừng Katyn. Thời ấy, người ta đổ lỗi cho quân Đức Quốc Xã là thủ phạm các vụ chôn tập thể người Ba Lan. Đến năm 1992, Boris Yelsine, Tổng Thống của Nga, trong một chuyến công du ở Varsovie đã thừa nhận là chính quyền Bônsêvich, và chính Staline ra lịnh thủ tiêu những người Ba Lan này.

Sau khi sát nhập các phần đất của Ba Lan vào lãnh thổ Liên Bang Xô Viết đúng theo tinh thần bản hiệp ước với Đức, Liên Xô đã đòi các nhà lãnh đạo Lituanie, Estonie và Lettonie phải đến Mạc Tư Khoa trình diện và buộc họ phải ký vào các hiệp ước tương trợ. Theo các hiệp ước này, họ bị bắt buộc phải để cho Liên Xô đặt các căn cứ quân sự trên nước họ. Ngay sau đó, Liên Xô đưa 25.000 quân vào Estonie, 30.000 quân vào Lettonie và 20.000 quân vào Lituanie. Quân số của Liên Xô chiếm đóng tại ba quốc gia này nhiều hơn quân số

của chính nước họ. Sự hiện diện Hồng quân trên lãnh thổ của các quốc gia này đã nói lên sự kiện các quốc gia này không còn độc lập nữa.

Ngày 11 tháng 10 năm 1939, Béria ra lịnh: Tiệu diệt tận gốc các phần tử của các nước này có âm mưu chống lại Xô Viết. Và bắt đầu từ đó, các toán công an của Liên Xô bắt đầu lùng bắt các sĩ quan của quân đội địa phương. Kể cả công chức, trí thức bị coi là các phần tử phản động, không đáng tin, cũng trở thành mục tiêu đàn áp.

Tháng 6 năm 1940, sau cuộc chiến thắng chớp nhoáng của quân Đức Quốc Xã đối với quân Pháp, Liên Xô quyết định thực thi các điều khoản bí mật trong hiệp ước Bất Tương Xâm với Đức.

Ngày 14 tháng 6 năm 1940, viện cớ quân đội của ba nước vùng Baltique chống lại Hồng Quân, chính quyền Xô Viết gởi tối hậu thư đến nhà cầm quyền của ba nước này, đòi họ phải thành lập một chính phủ mới để bảo đảm sự thi hành nghiêm chỉnh các điều khoản đã ký trong thỏa ước tương trợ. Ngay sau đó, hàng ngàn Hồng Quân tiến vào lãnh thổ của ba nước. Staline cử các đại diện đến ba nước này để hợp thức hóa vào Liên Bang Xô Viết. Ông biện lý Vyciski đến Riga; ông Jdanov đến Tallinn và viên chỉ huy công an Dekanozov đến Kaunas. Kể từ đó, cơ cấu chính trị của ba nước bị giải tán. Các nghị viên, viên chức,... bị bắt giam. Chỉ còn có đảng Cộng Sản là đảng duy nhứt được

quyền đưa người ra ứng cử vào các cuộc bầu cử trong các ngày 14 và 15 tháng 7 năm 1940.

Sau đây là văn thư tối mật của Béria gởi cho Staline.

Văn thư của L. Béria, Bộ Trưởng Nội Vụ gởi đồng chí Staline, ngày 5 tháng 3 năm 1940. Tối mật.

Gởi đồng chí Staline,

Một số rất đông sĩ quan quân đội Ba Lan, nhân viên cảnh sát, nhân viên tình báo, đảng viên của các đảng phản động, các đảng phản cách mạng đã bị phát giác, những người bỏ trốn qua hàng ngũ địch,... tất cả là những kẻ thù nguy hiểm của chính quyền Xô Viết. Chúng đã bị bắt nhốt trong các trại tù trong lãnh thổ Liên Bang Xô Viết, dưới quyền kiểm soát của Bộ Nội Vụ và trong các khám đường ở phía Tây của cộng hòa Ukraine và Biélorussie.

Mặc dù bị bắt giam, các sĩ quan, nhân viên cảnh sát Ba Lan vẫn ngoan cố phản lại cách mạng và duy trì các hành động chống Liên Xô. Họ chờ ngày phóng thích để họ tiếp tục chống đối chúng ta.

Các cơ quan công an nội chính ở phía Tây Ukraine và Biélorussie đã phát hiện ra nhiều tổ chức phản cách mạng do các sĩ quan và cảnh sát cầm đầu. Trong số những người trốn qua hàng ngũ địch, có người gốc Nga ở dọc biên giới đã bị quân ta phát hiện khi chúng tìm cách liên lạc với các ổ kháng chiến, làm nhiệm vụ gián điệp chống lại chính quyền Xô Viết.

Hiện có 14.736 người bị giam. Trong đó gồm có sĩ

quan, công chức, cảnh sát viên, quân cảnh, địa chủ, các nhân viên cai quản khám đường, các nhơn viên tình báo. 97% trong số người này là dân Ba Lan. Không có một người lính và hạ sĩ quan.

Phân loại:

** Cấp Tướng, Đại Tá và Trung Tá 259 người;*

** Thiếu Tá và Đại Úy 2.080;*

** Trung, Thiếu và Chuẩn úy 6.049;*

** Sĩ quan, ngành công an, quân cảnh 1.030;*

** Nhân viên quản lý khám đường, tình báo 5.138;*

** Công chức, địa chủ, Linh mục, 144.*

Ngoài ra còn có 18.632 người bị giam ở các trại tù phía Tây Ukraine. Trong số này có 10.685 người dân gốc Ba Lan.

Phân loại:

** Sĩ quan 1.207 người;*

** Tình báo, cảnh sát, công an, quân cảnh 5.141;*

** Gián điệp, phá hoại 347;*

** Địa chủ, Chủ hãng xưởng, công chức 465;*

** Thảnh viên các ổ kháng chiến 5.345;*

** Những người bỏ trốn qua hàng ngũ địch 6.127;*

Xét rằng những người này là những kẻ thù nguy hiểm, không thể cải tạo được, đã chống lại chính quyền Xô Viết. Cơ quan Nội Chính đề nghị:

1. Đưa các tội phạm này ra xử trước các toà án đặc biệt:

a. 14.700 sĩ quan, công chức, địa chủ, công an, cảnh sát hiện đang bị bắt giam trong các trại tù binh;

b. 11.000 thành viên của các tổ chức phản cách mạng, các chủ hãng xưởng sĩ quan Ba Lan, những người trốn qua vùng địch,... hiện bị bắt giam trong các trại ở phía Tây Ukraine và Bièlorussie;

Tất cả những phần tử này phải nhận hình phạt tối đa: Tử hình và bị bắn.

Việc thụ lý hồ sơ cá nhân không cần phải qua thủ tục hỏi cung bị can và cũng không cần lên án buộc tội. Sau khi điều tra, các hình phạt sẽ được ghi nhận như sau:

Hình phạt dưới hình thức các chứng thư của cơ quan quản lý các trại giam các tù binh trực thuộc cơ quan An Ninh Nội Chính NKVD của Liên Bang Xô Viết về các tù binh chiến tranh hiện đang bị giam trong các trại tù binh.

Hình phạt dưới hình thức các chứng thư của các cơ quan An Ninh Nội Chính của các cộng hòa Ukraine và Biélorussie đối với các phần tử phản động khác.

Một phiên tòa gồm 3 ủy viên. Đó là các đồng chí Merkoulov, Koboulov. Các hồ sơ đã được thụ lý và các bản án đã được tuyên án do và Bachtalov.

Uỷ viên phụ trách Bộ Nội Vụ, L.Béria.

Trong suốt các tuần lễ dàn cảnh này, viên Tướng Serov của sở An Ninh Nội Chính đã bắt giam từ 15.000 đến 20.000 người với cái tội chống đối chính quyền. Riêng tại nước Lettonie có 1.480 người bị bắt và bị hành quyết vào đầu năm 1940. Quốc hội của các

quốc gia này được thành hình từ các cuộc bầu cử bịp bợm do Cộng sản chủ mưu đã đồng thanh xin gia nhập vào Liên Bang Xô Viết. Dĩ nhiên Xô Viết hoan hô việc xin gia nhập. Vào đầu tháng 8, chính quyền Cộng Sản chính thức tuyên bố ba nước trở thành thành viên của Liên Bang.

Trên tờ *Sự Thật* số ra ngày 8 tháng 8, một bài bình luận viết: *Hào quang của Bản Hiến Pháp của Staline đã tỏa ra các tia sáng phúc lợi lên các lãnh thổ của những công dân mới...* Từ đó dân tộc của ba nước này lâm vào cảnh tù tội, lưu đày và hành quyết.

Tài liệu trong các văn khố còn lưu lại các chi tiết về diễn tiến của chiến dịch lớn nhằm lưu đày dân của ba nước bị coi là phản động ở các vùng phía tây Ukraine, Biélorussie và Moldavie. Chiến dịch lùng bắt phát động vào đêm 13 và 14 tháng 6 năm 1941 dưới quyền chỉ huy của Tướng Serov. Kế hoạch truy lùng do Béria phác họa từ ngày 16 tháng 5 năm 1941 và gởi về cho Staline với mục đích là quét sạch các phần tử chống Xô Viết và sát nhập ba nước này vào Liên Bang Xô Viết.

Trong tháng 6 năm 1941 Có 85.716 người bị bắt lưu đày trong đó có 25.711 người thuộc dân của ba nước Lettonie, Lituanie và Estonie.

Trong bản phúc trình đề ngày 17 tháng 7 năm 1941, phụ tá của Béria, ông Merkoulov viết: trong đêm 13 rạng 14 tháng 6 năm 1941 có 11.038 thân nhân của các gia đình bị ghép vào loại Tư Sản; 3.240 thân nhân của các cảnh sát công an; 7.124 thân nhân của các điền

chủ, kỹ nghệ gia, công chức; 1.649 thân nhân sĩ quan; 2.907 người thuộc thành phần khác.

Theo như bản văn này, chủ gia đình bị bắt trước và bị hành quyết tại chỗ.

Mỗi một gia đình chỉ được phép mang theo 100 kí lô hành lý và lương thực đủ ăn trong một tháng. Cơ quan an ninh nội chính không cung cấp thực phẩm trong lúc di chuyển. Đến cuối tháng 7, các đoàn xe chở tù nhân mới đến nơi chỉ định. Phần lớn đến tỉnh Novossibirsk trong vùng Kazakhstan. Một số khác mãi đến tháng 9 mới tới được vùng Altai. Có biết bao nhiêu người bị chết trên đoạn đường di chuyển suốt từ 6 đến 9 tuần lễ. Cứ 50 người cùng với lương thực và hành lý mang theo, bị dồn vào một toa xe lửa chật chội vốn dùng để chở súc vật.

Một kế hoạch khác do Béria sẽ đưa ra thi hành trong đêm 27 rạng 28 tháng 6 năm 1941. Nhưng kế hoạch không thực hiện được vì Quân Đức Quốc Xã đã mở chiến dịch Barbarossa tấn công vào lãnh thổ của Liên Bang Xô Viết. Vì thế kế hoạch càn quét của Hồng Quân phải dời lại vài ba năm sau.

Một vài ngày, sau khi Hồng Quân tiến chiếm ba quốc gia trên, Chính quyền Xô Viết gởi tối hậu thư cho chính quyền nước Roumania phải trả lại các phần đất của Bessarabie. Vì theo hiệp ước Bất Tương Xâm Nga - Đức ký vào ngày 23 tháng 8 năm 1938, vùng này thuộc chủ quyền của Nga như trước năm 1918. Ngoài phần đất này, chính quyền Xô Viết còn đòi thêm phần đất phía

Bắc tỉnh Bukovine. Phần đất này chưa bao giờ thuộc chủ quyền của Nga. Vì thấy Đức bỏ rơi, chính quyền nước Roumania đành phải chấp thuận các điều kiện trong tối hậu thư. Vì thế hai vùng, một phần Bukovine và một phần Bessarabie trở thành vùng đất của Liên Bang Xô Viết. Một phần còn lại của Bessarabie tuyên bố thành lập Cộng Hòa Moldovie vào ngày 2 tháng 8 năm 1940. Trong cùng ngày này, viên phụ tá của Béria là Koboulov đã ra lịnh lưu đày 31.699 người đang sống trong vùng Cộng Hoà Moldovia, bị coi là thành phần chống phá cách mạng. Một số khác, 12.191 người đang sống trong vùng Bessarabie của Roumania nay trực thuộc Cộng Hòa Ukraine cũng bị đi tù. Với kỹ thuật thành lập sổ đen cố hữu, chỉ trong vòng vài tháng, con số dân bị bắt lưu đày lên rất cao.

Ngày 1 tháng 8 năm 1941, Bộ Trưởng Ngoại Giao Molotov đã hớn hở đệ trình trước chính quyền Liên Bang thành quả của hiệp ước Bất Tương Xâm với Đức Quốc Xã. Trong vòng một năm, Liên Bang Xô Viết đã thu nhập thêm 23 triệu người.

Nhưng năm 1940 cũng là khởi điểm của một tiền đề khác. Trong năm này, con số tù bị bắt giam trong các trại tù Goulag ở Liên Xô đã lên đến điểm cao nhất của nó.

Ngày 1 tháng 1 năm 1940, con số tù ở các trại giam Goulag là 1.930.000 người, tức là có hơn 270.000 người so với năm trước. Con số tù bị bắt trên các vùng mới sát nhập vào Liên Bang là 500.000 người. Và trong năm trước đó đã có 1.200.000 người đang lao động

chung thân ở các vùng hẻo lánh. Trên lý thuyết, các trại tù trên khắp Liên Bang chỉ có thể chứa 234.000 tù nhân. Nhưng trên thực tế, nhà nước Cộng Sản bắt giam 462.000 người. Và cuối cùng, con số phạm nhân bị kết án đã tăng từ 70.000 lên đến 2.300.000 người.

Con số người thương vong trong các cuộc trừng phạt này lên rất cao. Trong ký ức của những người nông dân và những công nhân thì các sự kiện xảy ra năm 1940 vẫn còn ám ảnh họ. Như Nghị Quyết ký ngày 26 tháng 8 ấn định công nhân làm việc suốt 7 ngày trong một tuần và mỗi ngày 8 tiếng. Công nhân không được tự ý ngừng tay; mọi sự vắng mặt phải có chứng minh; đĐi trễ giờ làm việc sẽ bị trừng phạt nặng. Ai vi phạm sẽ bị phạt 6 tháng tù cải tạo lao động. Và bị phạt 25% số tiền lương tháng. Và nếu trọng phạm, sẽ bị nhốt biệt giam từ 2 đến 4 tháng.

Ngày 10 tháng 8 năm 1940, nhà nước Cộng sản ban hành điều luật trừng phạt 3 năm tù đối với các thành phần du đảng. Thành phần phá hoại máy móc sản xuất ở các cơ xưởng và các tội ăn cắp vặt. Trong tình trạng sản xuất nghèo nàn và thô thiển của nền công nghệ Xô Viết thời bấy giờ, bất kỳ công nhân nào cũng có thể bị ghép vào một trong các tội trạng kể trên.

Các đạo luật này được duy trì cho đến năm 1956. Trong vòng 6 tháng đầu khi cho thi hành đạo luật, đã có trên 1 triệu rưỡi công nhân bị kết án. 400.000 người trong số này bị bắt bỏ tù. Con số tù này giải thích tại sao tổng số tù nhân gia tăng vào mùa Hè năm 1940.

Con số tù du đãng 108.000 người trong năm 1939 đã tăng lên 200.000 vào năm 1940.

Sau cuộc đại khủng bố trước đây, đây là các cuộc tấn công mới chưa từng xảy ra. Các cuộc tấn công này nhắm vào các thành phần dân chúng chống lại lịnh các biện pháp kỹ luật hà khắc trong các trại lao động tập thể. Theo báo cáo của cơ quan an ninh nội chính, những vụ chống lại đạo luật bất nhân là do các công nhân có tư tưởng không lành mạnh. Nó phát sinh trong những ngày đầu khi quân Đức tiến vào nước Nga. Công nhân thợ thuyền công khai chống đối các người gốc Do Thái và các đảng viên Cộng Sản. Họ còn tuyên truyền rằng, một khi Hitler chiến thắng thì Hitler sẽ chính thức công bố là người Đức sẽ không truy tố ra toà án những ai đi làm trễ như Chính Quyền Cộng sản đã làm. Các vụ tuyên truyền này xảy ra trên các chuyến xe lửa trong khoảng thời gian từ 22 tháng 6 đến 1 tháng 9 năm 1940. Trong một bản phúc trình của một Ủy viên quân quản, thì đã có 2.524 vụ vi phạm tuyên truyền. Trong số này họ đã đem xử bắn 204 người. Có 412 vụ chống phá cách mạng. 110 nhân viên hỏa xa có hành động chống phá bị kết án tử hình.

Dưới khẩu hiệu Tự do tư tưởng, một số tài liệu gần đây cho chúng ta thấy tình trạng rối loạn của nhân dân trong thành phố Mạc Tư Khoa trong những tháng đầu của cuộc tiến quân ào ạt của Đức Quốc Xã vào nước Nga từ mùa hè năm 1941.

Dân Mạc Tư Khoa chia ra làm 3 thành phần. Các

người yêu nước, các người không có tinh thần và những người chủ bại cầu mong cho Đức Quốc Xã thắng trận.

Tháng 10 năm 1941 có nhiều vụ dân nổi dậy chống chính quyền Xô Viết tại tỉnh Ivanovo. Công nhân hãng dệt tháo gỡ máy móc chuyển sâu vào nội địa. Các hành động chủ bại đó đã nói lên tình trạng thất vọng của công nhân dưới chính sách lao động hung ác của chính quyền Cộng sản.

Người dân Xô Viết lúc bây giờ bị coi là thứ dân. Nếu họ không bị tiêu diệt, thì họ cũng sẽ trở thành những người nô lệ cho quân Đức Quốc Xã. Staline đã khéo léo tuyên truyền và kích thích lòng tự ái dân tộc Nga, ca tụng tinh thần và giá trị của người Nga đứng lên chống quân Đức.

Ngày 3 tháng 7 năm 1941, Staline cho phát đi trên đài phát thanh lời hiệu triệu: Cùng đồng bào, Tổ quốc đang lâm nguy... Chính những lời này mà biết bao nhà chính khách Nga như Plekhanov, Lenine, Pouchkine, Tolstoi, Tchaikovski, Tchekov, Lermontov, Souvorov và Koutozov,... đã dùng để kêu gọi dân chúng đứng chung trong một trận Thánh Chiến và Trận Chiến Ái Quốc.

Ngày 7 tháng 11 năm 1941 khi đi duyệt hàng quân tình nguyện trước khi ra trận tuyến, Staline đã yêu cầu họ nhất quyết chiến đấu trong tinh thần chiến đấu vẻ vang của các bậc tiền nhân như Alexandre Nevski và Dimitri Donkoi. Một người đã ra tay cứu các vị hiệp sĩ gốc Đức hồi thế kỷ thứ 13 và vị anh hùng thứ hai đã giải thoát nước Nga ra khỏi gông cùm của quân Thát Đát vào hồi thế kỷ thứ 14.

CHƯƠNG 12
MẶT TRÁI CỦA CUỘC CHIẾN THẮNG

[Trích lục các đạo luật của Chủ Tịch Đoàn Tối Cao Xô Viết ngày 28 tháng 8 năm 1941 về việc lưu đày tập thể những công dân Nga gốc Đức.]

Theo các nguồn tình báo quân sự đáng tin cậy, đang có hàng chục ngàn người Nga gốc Đức hiện đang sống dọc theo con sông Volga làm gián điệp cho Đức. Những người này khi nhận ra dấu hiệu của Đức Quốc Xã sẽ tổ chức các cuộc phá hoại trong các khu vực mà họ đang sinh sống. Nhưng chẳng có ai chính tức khai báo với chính quyền Xô Viết sự hiện diện của nhóm người phá hoại này. Điều này chứng tỏ dân Nga gốc Đức đã nuôi dưỡng kẻ thù của nhân dân và của chính quyền Cộng Sản.

Nếu quả thật có xảy ra các vụ phá hoại và các vụ

làm gián điệp, trong các vùng họ đang định cư hay ở các vùng lân cận, thì chính quyền Xô Viết sẽ thi hành biện pháp trừng trị áp dụng trong thời chiến. Từ đó, máu sẽ đổ, người sẽ chết.

Để tránh tình trạng đổ máu xảy ra, Chủ Tịch Đoàn Tối Cao đã ra lịnh thuyên chuyển toàn thể cộng đồng người Nga gốc Đức đang sống dọc theo sông Volga di chuyển đến vùng khác. Nhà nước sẽ cung cấp các phương tiện căn bản sinh sống để họ tái lập nghiệp tại nơi định cư mới.

Các vùng còn đất hoang như Novossibirk và Osmk thuộc lãnh thổ Altai ở Kazakhstan và các vùng phụ thuộc sẽ là nơi định cư mới cho nhóm người này.

Đã từ lâu trong lịch sử Xô Viết có nhiều tài liệu mật nói về các cuộc lưu đày các sắc dân mà chính quyền Cộng Sản cho rằng họ có tư tưởng và hành động sai lệch, làm gián điệp, cộng tác với quân Đức trong thời gian xảy ra trận chiến tranh với Đức Quốc Xã.

Mãi cho đến thập niên 50, chính quyền Cộng Sản mới thừa nhận rằng những việc làm như vậy là hơi quá đáng. Và trong thập niên 60, một số quốc gia đã bị xoá tên vì có hành vi hợp tác với Đức Quốc Xã, mới được thừa nhận trở lại. Và trên lý thuyết, kể từ năm 1972, những người bị lưu đày mới được quyền chọn nơi nào họ muốn đến định cư. Đến năm 1989 dân Tartare sinh sống ở bán đảo Crimée mới được phục hồi quyền công dân của nước họ.

Vào giữa thập niên 60, vẫn còn nhiều điều bí mật về

việc bãi bỏ các thủ tục trừng phạt các sắc dân. Nhưng cho đến năm 1964 các đạo luật bãi bỏ trừng phạt này vẫn chưa được ban hành. Phải đợi mãi đến năm 1989, Hội Đồng Xô Viết Tối Cao mới nhìn nhận tính bất hợp pháp của các đạo luật do Staline ký về việc lưu đày tập thể các sắc dân.

Dân Nga gốc Đức là sắc dân đầu tiên bị lưu đày khi quân Đức Quốc Xã tấn công vào lãnh thổ của Nga. Theo cuộc kiểm tra dân số vào năm 1939, có

1.427.000 dân Nga gốc Đức bị lưu đày. Những người này là nhóm con cháu của những người Đức bị đưa đi khai hoang dưới thời Nữ Hoàng Nga Catherine II. Bà ta cũng là người Đức sinh trưởng ở vùng Hesse.

Năm 1924, chính quyền Cộng Sản cho thành lập Cộng Hòa Đức tự trị trong vùng sông Volga. Dân Đức ở vùng này chỉ khoảng chừng 370.000 người tức là độ chừng 1/4 tổng số dân Đức sống rải rác trên khắp nước Nga, từ Saratov, Stalingrad, Voronej, Moscou, Leningrad, Ukraine cho đến các vùng Bắc Caucase, vùng bán đảo Crimée,...

Vào ngày 28 tháng 8 năm 1941, Chủ Tịch Đoàn Xô Viết Tối Cao đã quyết định đưa toàn thể dân Đức thuộc Cộng Hòa tự trị Volga, vùng Sartov và vùng Stalingrad đến định cư ở các vùng Kazakhstan và Sibérie.

Trong khi Hồng Quân thua trận và đang rút vào nội địa, hằng ngày đã phải bỏ lại hàng chục ngàn binh sĩ tử thương, thì Béria, chủ nhiệm An Ninh Nội Chính ra

lịnh cho Tướng Serov điều động 14.000 quân nhân vào công tác lưu đày dân Đức.

Từ ngày 3 đến ngày 10 tháng 9 năm 1941 đã có 446.800 người Đức bị đi lưu đày trên 230 đoàn xe lửa. Mỗi đoàn xe có 50 toa. Trung bình mỗi đoàn tàu chở 2.000 người. Các đoàn xe chạy nối tiếp nhau, rất chậm. Vì thế phải mất từ 4 đến 8 tuần lễ, đoàn tàu mới đến được các vùng được chỉ định ở Osmk, Novossibirsk, vùng Barnoul phía Nam Sibérie, vùng Krasnoiarsk Đông Sibérie.

Cũng giống như các cuộc lưu đày dân của ba nước vùng Baltique trước đây, lần này những người bị lưu đày cũng chỉ được phép mang theo một số vật dụng và thực phẩm đi đường trong vòng một tháng.

Bên cạnh các cuộc hành quân chính là chở đưa đi lưu đày, Hồng quân còn mở ra các cuộc hành quân phụ, tùy theo tình hình trên chiến trường.

Ngày 29 tháng 8 năm 1941 các lãnh tụ Xô Viết như Molotov, Malenkov và Jdanov đề nghị với Staline cho quét sạch thành phố Léningrad và vùng phụ cận. Trong khu vực này có 96.000 dân gốc Đức và Phần Lan.

Ngày 30 tháng 8 năm 1941, quân Đức tiến đến bờ sông Neva, cắt đứt đường hỏa xa nối liền Léningrad và các phần còn lại của nước Nga. Thành phố Léningrad bị đe dọa từng ngày. Nhà cầm quyền không đưa ra một kế hoạch di tản dân thành phố hay dự trữ lương thực cho dân.

Mặc dù tình hình căng thẳng như vậy, vào ngày

30 tháng 8 năm 1941, Béria cũng tiếp tục ra lịnh lưu đày 132.000 người dân Đức và Phần Lan ra khỏi thành phố Léningrad. 96.000 người di chuyển bằng xe lửa và 36.000 người theo đường biển. Trong khi đó, sở an ninh nội chính chỉ có thể di tản 11.000 dân Nga ra khỏi Léningrad.

Trong suốt mấy tuần lễ sau đó, các cuộc hành quân truy lùng bắt dân gốc Đức cho đi lưu đày vẫn tiếp tục diễn ra. Ngày 14 tháng 9 năm 1941, có 3.162 vùng Georgie. Tại Mạc Tư Khoa, ngày 15 tháng 9 năm 1941 có 9.640. Vùng Toula, ngoại ô Thủ Đô Mạc Tư Khoa có 2.700 người vào ngày 21 tháng 9 năm 1941. Tại vùng Rostov, từ ngày 10 đến ngày 20 tháng 9 đã có 38.288 người. Từ ngày 15 tháng 9 đến 10 tháng 10 năm 1941, tại vùng Zaporojie có 31.320 người. Ngày 15 tháng 9 ở vùng Krasnodaz đưa đi 38.136 người và vùng Ordjonikidze, ngày 20 tháng 9 có 77.570 người.

Trong suốt tháng 10 năm 1941 có cả 100.000 người dân Đức thuộc các vùng Georgie, Arménie, Azerbaidzan vùng Bắc Caucase và bàn đảo Crimée.

Một bản tổng kết con số dân Đức bị lưu đày được thông báo vào ngày 25 tháng 12 năm 1941 đã lên đến 894.600 người. Nếu cộng thêm con số dân gốc Đức đi lưu đày năm 1942, con số này lên đến 1.209.430 người. Đó là kết quả đạt được trong một thời gian không đầy một năm, kể từ tháng 8 năm 1941 đến tháng 6 năm 1942.

Cũng cần nên biết là cuộc kiểm tra dân số vào năm 1939, trên toàn cõi nước Nga có tất cả là 1.427.000 dân

gốc Đức. Như vậy có tới 82% dân gốc Đức bị lưu đày. Đáng lý ra trong thời gian chiến tranh, thay vì quân đội được xử dụng vào chiến trường, nhà nước Cộng sản lại đem quân làm công tác lưu đày dân chúng vô tội. Ngoài ra một số dân gốc Đức đang phục vụ trong các binh chủng cũng bị rút về hậu tuyến thành lập thành các đơn vị trừng giới để canh chừng các dân lao động khổ sai. Tại các vùng Vorkouta, Kotlas, Kemerovo,... có trên 25.000 dân Đức làm việc trong các tổ hợp luyện kim. Đời sống của các nhân công này cũng cùng cực như các tù nhân trong các trại tập trung Goulag.

Có rất nhiều người biến mất trên con đường đưa đi lưu đày. Nhưng không hề có một biên bản báo cáo nào còn sót lại. Vì đang ở trong thời kỳ chiến tranh nên việc kiểm soát hành chánh không được thi hành rõ ràng. Và trong mùa Thu 1941 đã có biết bao chuyến xe chở dân Đức đi lưu đày không bao giờ đến điểm hẹn?

Theo kế hoạch, vào tháng 11 năm 1941 sẽ có 29.600 người đến vùng Kardazanda. Nhưng than ôi! Mãi đến ngày 1 tháng 1 năm 1942 chỉ có 8.304 người đến nơi. Vùng Novossibirk dự trù 130.998 người thì chỉ có 116.612 người. Vùng Altai dự trù 110.000 người nhưng chỉ còn có 94.799 người. Con số còn lại nằm ở đâu? Họ chết dọc đường? Hay họ bị đưa đi nơi khác? Cơ quan An Ninh Nội Chính chỉ báo cáo đơn giản là do tính toán sai lầm của các nhân viên hành chánh.

Vì lý do phải giữ bí mật cho nên chính quyền địa phương chỉ được biết trước vài ngày con số người

tới định cư. Họ không có thì giờ để chuẩn bị. Vì vậy khi dân lưu đày đến nơi, không có nhà có cửa để lưu trú. Họ phải tự tìm cách tạm trú bất cứ nơi nào họ tìm được. Từ các chuồng bò, chuồng heo cho đến các kho chứa lúa. Vì con số người đến quá đông cho nên nhiều người không còn chỗ để trú ẩn. Họ phải sống ở ngoài trời lạnh buốt. Nhưng nhờ vào kinh nghiệm của những năm 30 trong các trại tập trung Goulag, ban tổ chức của nhà nước cũng đã thành công trong việc xử dụng các thợ chuyên môn trong đám dân lưu đày. Trong vòng vài tháng dân lưu đày được phân chia hạt giống để canh tác. Họ cũng chịu cùng số phận như những người đi khai hoang, nghĩa là cũng phải thi hành đúng các điều kiện lao động trong các hợp tác xã, hay khẩu phần lương thực như các công nhân trong các xí nghiệp.

Sau chiến dịch chuyển dân gốc Đức ra khỏi thành phố, lần lượt đến các sắc dân thiểu số khác.

Từ tháng 11 năm 1943 đến tháng 6 năm 1944, các sắc dân Tchechene, Ingouche, Tartare, Karatchais, Balkar và Kalmouk bị bắt di dân về vùng Sibérie, vùng Kazakhstan, vùng Ouzbékistan, vùng Kirghise vì họ bị ghép vào tội đã tiếp tay quân Đức. Đợt di dân lớn nhất khởi đi từ tháng 7 năm 1944 với tổng số trên 900.000 người. Sau đó là các đợt di chuyển các giống dân thiểu số khác sống quanh bán đảo Crimée và quanh vùng Caucase. Đó là người Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ, Bảo Gia Lợi, Armenie... Các sổ sách hành chánh còn lưu trữ trong văn khố không ghi rõ các chi tiết về các

hành động hợp tác của các dân thiểu số này với quân Đức Quốc Xã. Thật ra chỉ có một vài trường hợp hợp tác lẻ tẻ xảy ra ở bán đảo Crimée, ở vùng Kalmoukie nằm trong lãnh thổ Karatchai và trong vùng Kabardino-Balkazie. Không thể coi một vài hành động hợp tác này là chính sách hợp tác của dân thiểu số.

Sau ngày quân Đức Quốc Xã chiếm đóng Rostov nằm dọc theo sông Don và vùng Caucase kể từ tháng mùa hè năm 1942, dân của các vùng này cũng có các hành động hợp tác với quân Đức. Thật ra điều đó cũng chẳng lạ gì. Khi Hồng Quân bỏ chạy, quân Đức Quốc Xã vào, một số nhân sĩ địa phương đứng ra thành lập các Ủy ban nhân dân. Như ở vùng Mikhoian-Chakhar, vùng tự trị Kabardino-Kalbarie và ở Elista thuộc vùng tự trị Kalmouk. Quân Đức thừa nhận chính quyền mới của dân bản xứ. Chỉ trong vòng vài tháng sau, các Ủy Ban Nhân Dân này có quyền tự trị về việc điều hành tôn giáo, chính trị và kinh tế. Sự kiện tự trị ở vùng Caucase đã làm nứt lòng đạo Hồi Giáo ở Berlin, và dân Tartare ở bán đảo Crimée. Tại các nơi này, Đức Quốc Xã cho phép họ thành lập Ban Điều Hành Trung Ương Hồi Giáo và có trụ sở đặt tại Simferspol.

Nhưng khi các sắc dân đòi tái lập phong trào nói tiếng Thổ và tiếng Mông Cổ, nhà cầm quyền Đức không cho phép. Cho nên dân Tartare ở Crimée không được quyền tự trị như người Kalmouk, người Karatchais và người Balkar. Những người này được hưởng quyền tự trị trong vài tháng. Để có thể hưởng được quyền tự trị

lâu dài, chính quyền địa phương phải quy tụ một lực lượng quân sự để thanh lọc các phần tử thân Nga còn ẩn náu trong thôn xóm. Có 6 tiểu đoàn lính bộ binh dân Tartare và một đơn vị kỵ binh dân Kalmouk.

Từ đầu tháng 9 đến tháng 11 năm 1942, quân Đức chiếm đóng một phần đất của Cộng Hòa Tchechine-Ingouchie. Nơi này không có xảy ra các vụ hợp tác. Nhưng trên thực tế trong nhiều thập niên qua, người Tchechine đã âm thầm chống lại ảnh hưởng của Nga. Họ chỉ đầu hàng người Nga vào năm 1859 và được coi là giống dân bất phục tùng. Năm 1925, Hồng Quân đã mở nhiều cuộc tảo thanh để tịch thu khí giới mà họ vẫn còn cất giữ.

Trong ba năm, 1930-1932, dân Tchechie nổi dậy chống chính sách tập thể hóa của chính quyền Liên Xô. Hồng Quân phải nhờ pháo binh dội vào để dẹp các cuộc nổi loạn. Dân Tchechine luôn luôn chống lại sự bảo hộ của Mạc Tư Khoa.

Từ tháng 11 năm 1943 đến thán 5 năm 1944 đã diễn ra 5 cuộc di dân. Nhưng chính quyền cộng sản đã học được nhiều kinh nghiệm về các trại tù Goulag nên việc di chuyển có vẻ thành công hơn. Beria nhìn nhận là hiệu năng khá cao. Việc tổ chức tiếp vận được nghiên cứu cẩn thận từ nhiều tuần trước. Chính Beria và hai phụ tá của ông, ông Ivan Serov và Bogdan Koboulov đích thân đến thám sát đoàn xe lửa chuyển người. 46 đoàn xe, mỗi đoàn 60 toa để di chuyển 93.139 người Kalmouk trong vòng 4 ngày, từ 27 đến 30 tháng 6 năm

1943. Tiếp theo đó, từ ngày 23 đến ngày 28 tháng 2 năm 1944, 194 đoàn tàu, mỗi đoàn 65 toa di chuyển 521.247 người Tchechine và Ingouche.

Để yểm trợ cho công tác di chuyển, cơ quan An ninh Nội Chính NKVD phải xử dụng mọi phương tiện chuyển vận cần thiết. Và để lùng bắt người Tchechine, nhà cầm quyền phải trưng dụng 119.000 nhân viên thuộc các toán an ninh nội chính đặc biệt, ở vào thời điểm đang diễn ra trận chiến với quân Đức trên đất Nga.

Kế hoạch được thực hiện theo từng chi tiết như đã thảo hoạch. Trước tiên là lùng bắt các phần tử được coi là nguy hiểm. Con số người này chỉ chiếm độ 1% hay 2% dân số còn lại lúc bấy giờ. Phần đông dân chỉ là những đàn bà, trẻ con. Số lớn đã bị bắt ra chiến trường. Theo các báo cáo gởi về Mạc Tư Khoa thì các cuộc hành quân lùng bắt diễn ra rất nhanh. Như vụ bố ráp bắt người Tartare ở vùng Crimée chỉ diễn ra trong ba ngày, từ 18 đến 20 tháng 5 năm 1944. Hai phụ tá Serov và Loboulov gởi báo cáo về cho Beria: ngày hôm nay, vào lúc 20 giờ, chúng tôi bắt và cho di chuyển 90.000 người như đã dự tính. Đã có 17 đoàn xe chở 48.400 người đi và số còn lại đang lùa lên 25 đoàn xe khác. Các cuộc tảo thanh không hề gặp sự chống đối nào. Hiện cuộc hành quân đang còn tiếp diễn. Đã có 165.515 người đang tập họp ở sân ga và 136.412 người lên các đoàn xe vận tải đang tiến về các khu định cư như đã được chỉ định trước. Qua đến ngày thứ ba, Serov và Kaboulov gởi tiếp điện văn về cho Berie và báo cáo: chiến dịch

di chuyển dân kết thúc vào lúc 16 giờ 30. Tổng số có 63 đoàn tàu xe lửa chở 173.287 người đang trên đường đến nơi chỉ định. 4 đoàn xe vận tải chở 6.727 người sẽ khởi hành chiều nay...

Trong mỗi bản phúc trình, ngời ta đọc thấy các nhân viên An Ninh Nội Chính luôn luôn ca tụng thành quả của họ là thành công hơn, năng suất cao hơn, tiết kiệm nhiều hơn,... so với các lần chuyển vận trước. Ông Milstein, một nhân viên An Ninh báo cáo: các kinh nghiệm học được trong các chuyến lưu đày người Karatchais và người Kalmouk đã giúp chúng ta giảm được con số toa xe lửa. Thay vì mỗi toa trước kia chở 40 người, nay có thể chở 45 người.

Dưới con mắt của cơ quan An Ninh thì các cuộc di dân diễn ra rất thành công. Nhưng trên thực tế tình trạng của dân lưu đày trên các toa xe kinh hoàng như thế nào? Sau đây là lời khai của một vài người dân Tartare còn sống sót vào cuối thập niên 70: phải mất 24 ngày, xe lửa mới chở dân lưu đày đến nhà ga Zeraboulak trong vùng Samarkand. Từ đó, người ta đưa chúng tôi về nông trường tập thể Pravda. Họ bắt chúng tôi phải sửa chữa các xe ngựa hư cũ lâu đời. Chúng tôi làm việc rất nặng và luôn luôn thiếu ăn. Nhiều người của chúng tôi lâu ngày kiệt sức. Họ đi đứng không được. Có 30 gia đình trong làng tôi bị đưa đến đây. Một số gia đình bây giờ chỉ còn sống một hay hai người. Những người khác chết vì đói hay đau bịnh...

Một người khác kể lại:

Trên các toa xe đóng kín, người ta chết vì đói và vì thiếu không khí để thở. Người ta lăn ra chết như con ruồi vì thiếu nước uống. Khi xe di chuyển qua các thôn làng, dân chúng chạy ra chửi bới chúng tôi. Họ gọi chúng tôi là những bọn phản quốc. Họ ném đá vào các toa xe, làm cho chúng tôi đau đầu. Khi xe chúng tôi đến các cánh đồng cỏ ở Kazakhstan, họ mở cửa các toa xe và cho chúng tôi ăn các khẩu phần của quân đội nhưng không cho chúng tôi nước uống. Họ ra lịnh cho chúng tôi ném các xác người chết xuống lề đường, rồi cho xe chạy tiếp. Họ không cho chúng tôi chôn cất những người chết này...

Khi đến các vùng Kazakhstan, Kirghizie, Oubékistan, Sibérie, dân lưu đày được phân chia vào các trung tâm lao động tập thể, các xí nghiệp. Các chi tiết về lao động, nhà cửa, ăn uống của dân lưu đày còn lưu lại trong các văn khố về việc di dân đặc biệt của các Goulag.

Tháng 9 năm 1944, từ vùng Kirghizie cơ quan An Ninh gởi về trung ương một bản báo cáo cho biết trong số 31.000 gia đình lưu đày chỉ có 5.000 gia đình có được chỗ ở. Tại vùng Kameniski, chính quyền địa phương bắt ép 800 gia đình vào ở trong 18 căn nhà. Tính ra 50 gia đình phải sống lúc nhúc trong 1 căn nhà. Họ không nói kích thước của căn nhà. Ở nơi khác, như tại vùng Caucase, vì không đủ chỗ, trẻ em phải thay phiên nhau, một toán ngủ trong nhà và toán kia ngủ ngoài trời giữa mùa Đông giá lạnh.

Tháng 11 năm 1944, một năm sau chiến dịch lưu đày

dân Kalmouk, ông Beria gởi một văn thư đến Mikoian, thừa nhận: các người Kalmouk sống trong điều kiện vệ sinh thiếu thốn và sự sinh sống cũng vô cùng khó khăn. Họ không có quần áo, giày dép...

Hai năm sau, một bản phúc trình khác ghi nhận chỉ còn có 30% dân Kalmouk còn có thể lao động được. Nhưng họ không thể đi làm việc vì thiếu giày dép. Vì không thích nghi được với khí hậu khắc nghiệt, thiếu ăn, không nói và hiểu tiếng địa phương, cho nên lưu dân Kalmouk sống trong đau khổ. Vì xa nhà, vì đói kém, vì bệnh tật, vì không được huấn nghệ... những người Kalmouk được coi như là những công nhân hạng tồi. Tình trạng dân lưu đày Kalmouk ở Sibérie quá thê thảm. Đó là lời nhận xét của ông D.P. Piourveriev, cựu lãnh tụ Cộng Hòa Kalmoukie gởi về cho Staline. Họ đến đây chẳng mang theo dụng cụ để sinh sống nào cả. Họ là người gốc dân du mục. Họ không thể thích nghi với lối sống tập thể để trở thành người sản xuất, trở thành con người máy móc. Số lợi tức mà họ nhận được qua sức lao động không đủ để trả bù số tiền phạt vì họ làm hư máy móc.

Chúng tôi đưa ra một vài con số tử vong của lưu dân để thấy được tình cảnh của họ.

Tháng 5 năm 1946, một cuộc kiểm tra dân Kalmouk trong vùng. Chỉ còn có 70.360 so với ngày mới đến cách đây hai năm là 92.000 người.

Cuộc kiểm tra ngày 1 tháng 7 năm 1944 có 35.750 gia đình người Tartare với tổng số 151.424 dân đến

sống trong vùng Ouzbékistan. Rồi sáu tháng sau có 818 gia đình với tổng số 16.000 người đến cư trú.

Trong vùng Caucase, dân số lưu đày là 608.749. Tính đến ngày 1 tháng 10 năm 1948 có 146.892 người chết. Như vậy tính ra cứ 4 người thì có một người chết. Trong khoảng thời gian này sinh ra thêm 28.120 trẻ em.

Tại vùng Crimée, dân số ban đầu là 228.392 người. Sau 4 năm có 44.887 người chết và có thêm 6.564 em bé ra đời.

Số tử vong của trẻ em dưới 16 tuổi rất cao, chiếm 40% - 50%. Nhưng có tương lai nào cho các em bé còn sống sót không?

Bốn năm sau, tức là vào năm 1948, chỉ có 12.000 trong số 89.000 trẻ em mới được đi học. Trường học chỉ dạy tiếng Nga, đó là thứ tiếng rất xa lạ đối với dân du mục Kalmouk.

Các cuộc lưu đày vẫn cứ tiếp tục diễn ra trong khi chiến tranh đang mở rộng trên đất nước họ.

Ngay sau khi kết thúc chiến dịch lưu đày dân Tartare ở bán đảo Crimée, ngày 29 tháng 5 năm 1944, Beria gởi một điện văn cho Staline, ông nói rằng Cơ quan An Ninh Nội Chính NKVD phải trục xuất dân Bảo Gia Lợi [Bulgare], Hy Lạp và Arménie ra khỏi Crimée. Người Bảo Gia Lợi đã cung cấp bánh mì cho quân Đức Quốc Xã. Và họ cũng hợp tác với quân Đức truy lùng các toán Hồng Quân và du kích Nga đang hoạt động trong vùng... Người Hy Lạp thì làm ăn, buôn bán hàng hóa với người Đức. Người Arménie sống trong

vùng Simferopol thì hợp tác với Đức do Tướng Dro, một người Arménie lãnh đạo. Tướng Dro cho thành lập các cơ sở lo về Tôn giáo, chính trị và thương mại. Theo Beria, tổ chức của Tướng Dro cũng cung cấp tiền bạc cho quân Đức và cũng thành lập một đạo quân người Arménie hợp tác với quân Đức.

Bốn ngày sau đó, ngày 2 tháng 6 năm 1944, Staline ký một nghị quyết của Ủy ban quốc phòng ra lịnh trục xuất 37.000 dân Tartare, Bảo Gia Lợi, Hy Lạp và Arménie ra khỏi bán đảo Crimée. Và cũng như các cuộc chuyển dân của mấy lần trước, các toán người lưu đày được phân phối riêng rẻ về các vùng hẻo lánh. Tỉnh Gouriev của Kazakstan nhận 7.000 người; tỉnh Sverdlov nhận 10.000; tỉnh Molotov trong vùng Oural 10.000; tỉnh Kemerovo 6.000 và tỉnh Bachkirie 4.000 người.

Ngày 27 và 28 tháng 6 năm 1944, một toán 41.854 người rời khỏi Crimée. Cho đến nay con số di dân đã đạt được 11% theo kế hoạch dự trù.

Sau chiến dịch lùng bắt và lưu đày ở đảo Crimée, nhà nước Cộng sản mở chiến dịch lưu đày dân ở vùng biên giới lãnh thổ Georgie. Các cuộc hành quân tảo thanh được thực hiện có kế hoạch với chủ đề là chống lại các tổ chức gián điệp như Cộng sản đã làm vào những năm 1937-1938.

Ngày 21 tháng 7 năm 1944, một nghị quyết của Ủy ban quốc phòng do Staline ký, đã ra lịnh cho lưu đày 86.000 người gốc Thổ Nhĩ Kỳ thuộc bộ lạc Meskhète,

các người Kurde và các người thuộc sắc dân Khemchine đang sinh sống ở vùng biên giới Georgie.

Nếu xét về địa hình, vùng này có nhiều núi non hiểm trở, là nơi định cư của các dân du mục thuộc Đế Quốc Ottomane từ trước năm 1918. Dân vùng này thường di chuyển qua lại dọc theo biên giới của Xô Viết và Thổ Nhĩ Kỳ. Các cuộc hành quân lùng bắt các sắc dân này vì thế cần có nhiều thì giờ so với các nơi khác. Nó kéo dài từ ngày 15 đến đến ngày 25 tháng 9 năm 1944. Nhà nước huy động 14.000 nhân viên an ninh và trưng dụng 900 xe vận tại hiệu Studebaker do Mỹ chế tạo để người Nga mượn với mục đích là giúp chiến cụ cho đồng minh trong cuộc chiến chống quân Đức Quốc Xã.

Ngày 28 tháng 11 năm 1944, Beria gởi cho Staline một bản phúc trình và bày tỏ hài lòng về công tác lưu đày 91.095 người hoàn tất trong vòng 10 ngày trong điều kiện vô cùng khó khăn. Trong số này, trẻ em dưới 16 tuổi chiếm 49%. Beria gọi họ là những điệp viên người Thổ Nhĩ Kỳ. Bởi vì số đông họ sống ở gần biên giới và có liên hệ thân nhân trong nước Thổ. Họ thường đi buôn bán qua các vùng dọc theo biên giới, tổ chức chuyển người Nga qua Thổ và cung cấp tin tức về tình hình nước Nga cho chính quyền Thổ. Con số di dân đến vùng Kazakhstan và Kirghizie lên đến 94.955 người.

Từ tháng 11 năm 1944 đến tháng 7 năm 1948 có 19.540 người Thổ gốc Meskhete, Kurde và Khemchine chết trong lúc lưu đày, tỉ lệ 21%.

Với chính sách lưu đày dân thiểu số, con số người đi khẩn hoang vì thế tăng lên rất cao. Từ 1.200.000 người lên đến 2.500.000 người. Đối với các điền chủ, con số bị bắt lưu đày trước chiến tranh là 936.000 người đến tháng 5 năm 1945 chỉ còn lại 622.000 người.

Đối với những gia đình có con ra mặt trận, nhà nước coi họ như là những công dân tự do, có nghĩa là không có tên trong danh sách đi khẩn hoang. Nhưng vì đang ở trong thời chiến cho nên họ cũng không được phép rời khỏi nơi họ đang sống.

Cuộc sống của dân lưu đày lâm vào tình trạng khốn khổ nhất từ trước đến nay là ở vào những năm 1941-1942. Thiếu ăn, bịnh truyền nhiễm, thiếu vệ sinh, lao động quá mức là những gì những người tù lao động, gọi tắt là ZEK, phải chịu đựng hằng ngày. Ngoài ra, họ còn bị các tên điểm chỉ báo cáo gian để lấy điểm. Người nào bị chỉ điểm, là người đó sẽ bị tử hình.

Vì sợ tù nhân và công nhân khẩn hoang rơi vào tay quân Đức, cho nên nhà nước Cộng Sản phải liên tục chuyển các trại về phía sau trước khi quân Đức tràn vào. Từ tháng 7 đến tháng 12 năm 1941 có 210 trung tâm khẩn hoang, 135 khám đường và 27 trại lao động cưỡng bách với tổng số 700.000 người phải di chuyển về hướng Đông.

Để ca tụng chính sách lao động khổ sai trong thời gian xảy ra cuộc chiến, lãnh tụ Bônsêvich, ông Nassedkine đã viết: nói một cách chung chung, các cuộc di chuyển trại đã thực hiện rất tốt... Vì thiếu

phương tiện, cho nên các tội phạm phải đi bộ trên các lộ trình dài cả ngàn cây số... Làm sao tưởng tượng nổi sự thống khổ của những người tù lao động này.

Trong những tuần lễ đầu của cuộc chiến, vì không đủ thì giờ để di chuyển, chính quyền đem họ ra xử bắn. Đó là trường hợp xảy ra ở vùng Tây Ukraine vào cuối tháng 6 năm 1941. Tại Lviv, Cơ quan An Ninh đã giết 10.000 người; tại Loutsch 1.200 người, tại Stanyslaviv 1.500 người và tại Doubno, 500 người...

Khi tiến chiếm thành phố Lviv, vùng Jitomir và Vinnitsa, quân Đức tìm thấy rất nhiều hầm chôn tập thể. Quân Đức dưới quyền chỉ huy của Sonderkom cho rằng thủ phạm của những hầm chôn này là người Do Thái gốc Nga, cho nên quân Đức Quốc Xã ra tay tàn sát những người Nga gốc Do Thái đang sống trong vùng này.

Trong thời gian chiến tranh, những người tù không còn chỗ để nhốt. Họ bị nhốt trong các phòng chật chội từ 1,5 mét vuông cho mỗi người, giảm còn 0,7 mét vuông. Họ phải thay phiên nhau kẻ ngủ người thức. Chỉ có những người có công tác lao động nặng mới có giường riêng để ngủ. Năng lượng cho mỗi khẩu phần ăn giảm 65% calorie mỗi ngày so với tiêu chuẩn trước khi xảy ra chiến tranh. Riêng bịnh dịch tả đã làm cho 19.000 người chết trong năm 1941. Tổng số người chết là 109.000 chiếm 8% trong năm 1941. Qua năm 1942, con số người chết lên đến 18% tức là 249.000 người và trong năm 1943 con số người chết là 167.000, tỉ lệ 17%. Ngoài ra con số người chết vì bị hành quyết trong các

khám đường hay trong các trại lao động khổ sai trong năm 1941 đến 1943 lên đến 600.000 người.

Nếu không chết thì số phận của người còn sống cũng chẳng hơn gì người chết. Họ sống trong đau khổ và bị hành hạ, coi thường. Theo thống kê của các nhân viên quản trại, trong năm 1941 chỉ còn có 19% người đủ sức làm các công việc nặng; 17% làm các công việc bình thường và con số còn lại 63% được coi như tàn phế, không còn đủ sức để làm việc.

Sau đây là bản phúc trình của viên vụ tá Ban Hành Động của trại lao động cưỡng bách Siblag viết ngày 2 tháng 11 năm 1941:

Theo tin nhận được của Ban Hành Động thuộc cơ quan An Ninh Nội Chính vùng Novossibirsk, thì con số tử vong gia tăng ở các vùng Akhloursk, Kouznetsk và vùng Nossibirk Siblag.

Lao động quá nặng, thời gian làm việc trong ngày quá dài, không được cung cấp lương thực, thiếu ăn, chăm sóc y tế quá tồi tệ là các nguyên nhân đã làm gia tăng người bịnh và từ đó gia tăng con số người chết. Chứng suy tim cũng là một trong những nguyên nhân.

Nhiều người chết chỉ còn da bọc xương, ốm yếu gầy mòn. Người khác chết vì bịnh truyền nhiễm do sự thuyên chuyển các công nhân mang bịnh, từ trung tâm phân phối chuyển qua các trại lao động khổ sai.

Ngày 8 tháng 11 năm 1941, từ trung tâm phân phối Novossibirsk thuộc vùng Marinski có 539 phạm nhân gầy ốm và trong người đầy chấy rận cùng với 6 người

chết chuyển về các trại lao động. Đêm 8 rạng ngày 9 tháng 11 có thêm 5 người trong toán này chết.

Một số phạm nhân chuyển về trại khác thì người nào cũng đày chấy rận và không một ai có quần áo lót trong người.

Sau này người ta phát hiện các nhân viên y tế, hay các tù nhân được phái vào công tác y tế đã tìm cách phá hoại. Một nhân viên y tế của trại Ahjer thuộc vùng Taiginski đã bị kết án theo sắc luật 58-10 vì tội đã cùng với 4 người khác phá hoại công tác sản xuất của trại. Họ đã đưa các tù nhân đau yếu vào các khâu lao động quá nặng và không chịu săn sóc bịnh nhân đúng lúc, với mục đích là làm giảm chỉ tiêu sản xuất.

Phụ tá Ban Hành Động của trại lao động cưỡng bách,

Đại Uý lực lượng an ninh,

Kogenman.

Các bản báo cáo của nhân viên quản lý các trại về tình trạng suy yếu của các tù nhân để giảm thiểu công tác lao động, đã không làm giao động các cơ quan chịu trách nhiệm sản xuất. Các cơ quan này vẫn tiếp tục ra lịnh cho các tù nhân bịnh yếu làm việc cho đến khi kiệt sức.

Từ năm 1941 đến năm 1944, giá trị sản phẩm do sức lao động sản xuất gia tăng từ 9 đồng Rúp lên đến 21 đồng Rúp. Đó là gia trị trung bình một ngày lao động của tù nhân.

Một số vài trăm ngàn tù nhân đã làm việc trong các nhà máy sản xuất vũ khí thay cho các công nhân

bị động viên ra chiến trường. Nhờ thế mà vai trò của các can phạm trại lao động khổ sai này trở nên quan trọng. Theo ước lượng của các quản lý trại, tù nhân đã đóng góp một phần tư tổng số vũ khí, kim loại và sản phẩm hầm mỏ trên toàn quốc.

Mặc dù các tù cải tạo lao động có nhiều hành động tốt, và hơn 95% tù lao động tham gia tích cực vào công tác thi đua lao động Xã hội chủ nghĩa, nhưng các biện pháp đàn áp vì lý do chính trị đối với tù nhân cũng không được gia giảm.

Áp dụng điều luật 58 về việc trừng phạt các tù nhân chính trị do Trung Ương ban hành, cho dù tù nhân đã mãn hạn, họ vẫn còn bị giữ lại cho đến khi hết chiến tranh. Các quản lý trại nhốt biệt giam các tù nhân chính trị có liên quan đến các tổ chức của Trotski, các tổ chức thiên hữu, các toán gián điệp, khủng bố hay phản cách mạng. Rồi họ bị đưa về các vùng có khí hậu quá khắt khe như vùng Kolyma gần Bắc Băng Dương. Con số người chết hằng năm vì thế tăng lên 30%.

Ngày 22 tháng 4 nhà nước ra lịnh cho thiết lập trại lao động khổ sai cưỡng bách gia tăng. Trại này còn có tên là trại tử thần. Bất kỳ tù nhân nào bị chuyển về trại này đều không có hy vọng sống sót. Tù nhân bị bắt buộc làm việc 12 tiếng đồng hồ trong một ngày trong các mỏ kim loại như mỏ vàng, mỏ chì, mỏ radium, mỏ than đá nằm trong vùng Kolyma và Vorkouta.

Trong vòng 3 năm, từ tháng 7 năm 1941 đến tháng 7 năm 1944, các toán đặc biệt đã gia tăng án phạm nhân

lên đến 148.000 người. Trong số này có tới 10.858 tù nhân bị hành quyết, gồm có 208 người bị kết tội làm gián điệp, 4.307 tội phá rối, 6.016 tội âm mưu nổi loạn.

Theo tin của An Ninh Nội Chính, có 603 tổ chức phản động của tù phạm bị phát hiện và phá vỡ. Điều này chứng tỏ công tác tốt của cơ quan an ninh. Nhờ đó, các toán an ninh này được gởi đi làm công tác khác như đi lùng bắt và lưu đày các tội phạm.

Trong suốt thời gian chiến tranh có rất nhiều vụ trốn trại và nổi loạn xảy ra trong các trung tâm lao động cưỡng bách.

Và cũng có nhiều sự thay đổi đáng kể. Sau khi thi hành điều luật ký ngày 2 tháng 7 năm 1941, đã có 577.000 các tù nhân có tội nhẹ như ăn cắp vặt, trốn làm việc,... đã được phóng thích và được bổ sung vào các đơn vị Hồng Quân. Trong suốt thời kỳ chến tranh, đã có 1.068.000 tù nhân của các trại lao động cưỡng bách được ân xá qua được thu nhận vào quân đội, đưa ra chiến trường.

Từ đó tù nhân trong các trại lao động khổ sai, trong các trung tâm khẩn hoang thưa dần. Chỉ còn lại các tù nhân lì lợm và trọng phạm. Tỉ lệ các tù phạm do sắc luật 58, bị kết án trên 8 năm tù đã giảm từ 27% đến 43%. Lúc đầu khi chiến tranh bùng nổ, con số tù gia tăng. Vào những năm 1944-1945, sau một thời gian tạm giảm xuống, còn số tù tại các trại lao động cưỡng bách bỗng nhiên gia tăng rất nhiều, trên 45% ở vào tháng giêng 1945 đến đầu năm 1946.

Trước năm 1945, người ta chỉ biết mặt trái mạ vàng của cái mề đay Liên Bang Xô Viết. Cái vẻ vang thắng trận chỉ là sự che đậy sự tàn phá trong nước.

Người ta không biết hoặc không muốn biết mặt trái của một sự thật được che giấu rất kỹ. Theo các tài liệu còn lưu lại cho người ta thấy chính năm chiến thắng của Liên Xô cũng là năm truy lùng và bắt giam người cao độ nhất. Tuy có hoà bình với thế giới bên ngoài nhưng bên trong nước không gia giảm khủng bố, bắt bớ. Chính trong thời chiến đã làm gia giảm các cuộc kiểm soát lùng bắt. Cho nên trong năm 1945 khi chiến tranh chấm dứt, nhà nước mở lại các cuộc kiểm soát để sát nhập vào Liên Bang Xô Viết những vùng đất, những sắc dân trước đây vẫn còn sống ngoài vòng pháp luật của Liên Xô.

Những vùng đất một thời thoát khỏi vùng kiểm soát của Liên Xô là các vùng đã bị sát nhập vào những năm 1939-1940. Như ba nước vùng Baltique, Vùng phía Tây Biélorussie, vùng Moldavie, vùng Tây Ukraine. Các vùng này một lần nữa bị sát nhập vào Liên Bang. Những cuộc chống đối chính sách Liên-Xô-hoá do các lực lượng quốc gia của các dân tộc tổ chức đã nổi lên và bị đàn áp thẳng tay. Ở vùng Tây Ukraine và tại ba nước Baltique, phong trào kháng chiến chống thuộc địa Nga nổi lên rất mạnh. Cuộc chiếm đóng đầu tiên xảy ra vào tháng 9 năm 1939 đến tháng 6 năm 1941. Hồng quân cho tổ chức một lực lượng quân đội chìm lấy tên là OUN: Tổ chức các sắc dân Ukraine. Trong thời kỳ chiến

tranh, nhiều thành viên của lực lượng này đã gia nhập vào quân Đức Quốc Xã, chiến đấu chống lại Cộng Sản Nga và chống lại người Do Thái.

Vào tháng 7 năm 1944, khi Hồng Quân tái chiếm, tổ chức OUN trở thành Hội Đồng Tối Cao Giải Phóng nước Ukraine, lãnh tụ là ông Roman Choukhovitch. Ông ta đã từng là viên chỉ huy của lực lượng kháng chiến người Ukraine UPA, với một số quân trên 20.000 người trong năm 1944.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 1944, Béria ra lịnh lùng bắt cho lưu đày đất cả thân nhân của các quân kháng chiến thuộc hai tổ chức OUN và UPA. Đã có 100.300 thường dân bị bắt lưu đày, mà đa số là đàn bà, người già và trẻ em, trong khoảng thời gian từ tháng 2 đến tháng 10 năm 1944. Đồng thời cũng có 37.000 kháng chiến quân bị bắt và bị đưa đi lao động khổ sai.

Sau khi Giáo Chủ Chteheptitski của giáo hội Uniate của Ukraine qua đời, chính quyền Xô Viết bắt giáo hội này phải gia nhập vào Giáo Hội Cơ Đốc Chính Thống.

Để phá huỷ các lực lượng chống lại chính sách Liên-Xô-hóa, các nhân viên An Ninh Nội Chính đích thân đến các trường học trong các vùng phía Tây Ukraine là vùng trước kia thuộc Ba Lan có khuynh hướng tư bản, điều tra danh sách học sinh và các sổ học bạ. Các học sinh giỏi đều bị bắt giam vì nhà cầm quyền Cộng Sản cho rằng chính các em học giỏi sẽ có khả năng chống đối chính sách của nhà nước. Theo bản phúc trình của viên phụ tá Beria là ông Koboulov, thì từ tháng 9 năm

1944 đến tháng 3 năm 1945 cơ quan an ninh nội chính đã bắt trên 100.000 người vì tội đã hợp tác với quân Đức trong vùng phía Tây Biélorussie, được coi là vùng có nhiều phần tử chống chính quyền Xô Viết.

Trong khoảng thời gian từ 1 tháng giêng đến 15 tháng 3 năm 1945, nhà nước mở 2.257 chiến dịch lùng bắt trên lãnh thổ Lituanie. 6.000 người bị hành quyết và 75.000 khác bị bắt. Trong năm 1945 có 38.000 thân nhân các người chống đối nhà nước bị trục xuất ra khỏi Lituanie. Chính vì vậy mà con số tù lao động khổ sai trong các trại tập trung gia tăng trong năm 1945. Tăng từ 140% đến 420%. Nhưng qua năm 1946, con số này lại hạ xuống một ít. Người gốc Ukraine giảm 23%, người gốc ba nước vùng Baltique giảm 6% so với các sắc dân khác trong Liên Bang Xô Viết.

Một số tù nằm trong các trại thuộc các vùng do Hồng Quân giải phóng được đưa về các trại lao động khổ sai Goulag đã có từ năm 1941 cũng đã giải thích một phần nào con số tù gia tăng vào năm 1945. Các tù nhân này phần đông là các cựu tù binh bị tình nghi là làm tay sai cho quân Đức Quốc Xã trong thời chiến. Các trại này cũng tiếp nhận các thanh niên đến tuổi động viên đang sống trong các vùng Đức chiếm đóng. Nhà cầm quyền nghi ngờ các thành phần này đã tiêm nhiễm tư tưởng chống chính quyền Cộng Sản. Theo sổ sách chính thức, từ tháng giêng năm 1942 đến tháng 10 năm 1944 có tất cả 421.000 người bị bắt đưa vào trại thanh lọc.

Khi tiến quân tái chiếm các vùng đất bị quân Đức Quốc Xã chiếm như vùng ba quốc gia ở eo biển Baltique, lãnh thổ Bulgarie [Gia Bảo Lợi] và Romanie [Lỗ Ma Ni], Chính quyền Cộng Sản đã giải thoát hằng triệu quân Nga và các người lao công lưu đày. Công việc tổ chức hồi hương và làm thủ tục giải ngũ cho một số đông thường dân và quân lính đã tạo nên nhiều khó khăn cho nhà nước.

Tháng 10 năm 1944, nhà nước Cộng Sản thành lập một Tổng Nha chuyên trách công tác hồi hương dưới quyền chỉ huy của Tướng Golikov. Ngày 11 tháng 11, Tướng Golikov họp báo và tuyên bố: chính quyền Xô Viết rất lo âu về số phận của dân chúng chẳng may bị sống dưới ách nô lệ của Đức Quốc Xã. Họ đã được giải phóng và nay trở về trong vòng tay đón nhận của Tổ Quốc... Nhà nước đánh giá rằng những người này vì bị sức ép của quân Đức cho nên đã phải làm những điều chống lại chính quyền Xô Viết. Họ sẽ không chịu trách nhiệm những gì họ đã làm, nếu họ thật sự sẵn sàng thi hành bổn phận công dân khi họ trở về trong lòng Tổ Quốc.

Lời tuyên bố của Tướng Golikov đã được phổ biến rộng rãi và đã đánh lừa được Đồng Minh. Các nước Đồng Minh thi hành đúng các điều khoản của hội nghị Yalta và đã giúp Nga một cách nhiệt tình trong công tác hồi hương các công dân Xô Viết hiện đang sống ngoài Liên Bang. Theo thỏa ước Yalta, những người dân Xô Viết đã từng đầu quân và đang phục vụ trong

quân đội Đức Quốc Xã và những người đã từng hợp tác với Đức đều bị cưỡng bách hồi hương. Dân chúng sống ngoài lãnh thổ Liên Bang cũng được chuyển về giao cho nhân viên An Ninh Nội Chính quản lý.

Ba ngày sau khi kết thúc trận chiến, ngày 11 tháng 5 năm 1945, chính quyền Xô Viết ra lịnh thiết lập một trăm trại kiểm soát và thanh lọc. Mỗi trại có thể chứa 10.000 người. Tất cả tù binh chiến tranh đều phải qua sự kiểm soát của cơ quan SMERCH, một tổ chức đặc trách phản gián. Còn thường dân thì do cơ quan An Ninh Nội Chính thanh lọc.

Trong vòng chín tháng, từ tháng 5 năm 1945 cho đến tháng hai năm 1946, có đến 4.200.000 dân và lính được chuyển về nước. Trong đó có 1.545.000 tù binh chiến tranh còn sống sót trong số 5.000.000 quân bị Đức bắt; 2.655.000 thường dân bị bắt lưu đày cộng thêm với con số thường dân bỏ trốn trong thời chiến tranh.

Sau một thời gian kiểm tra và thanh lọc, nhà nước cho trẻ em và phụ nữ trở về quê quán. Con số này chiếm 57%. Một số quân nhân, 19% trở lại quân đội và cho đi trừng giới. 14% được bổ sung vào các đơn vị tái lập. Và còn lại 8%, lối chừng 360.000 người, bị chuyển vào các trại lao động khổ sai. Phần lớn số này bị ghép vào tội phản quốc và tuỳ theo nặng hay nhẹ, sẽ phải bị tù từ 10 năm đến 20 năm và bị đưa đi lao động khổ sai tại các trung tâm Goulag, đặt dưới quyền quản lý của An Ninh Nội Chính.

Nhóm quân nhân, mệnh danh là nhóm Vlassovtsy

là những quân nhân đã theo Tướng Andrei Vlassov chỉ huy quân đoàn II, đã bị quân Đức bắt làm tù binh vào tháng 7 năm 1942. Chính nhóm này có ý chống lại Staline và đã chấp nhận hợp tác với Đức để giải phóng Liên Bang Xô Viết. Tướng Vlassov đã thành lập Ủy Ban Quốc Gia Nga và kêu gọi một số quân nhân thành lập hai sư đoàn quân giải phóng Nga.

Sau khi chiến tranh kết thúc, các nước Đồng Minh đã giao trả Tướng Vlassov và các sĩ quan cho Hồng Quân. Tất cả đều bị hành quyết. Quân lính của ông thì được hưởng luật ân xá được ban hành tháng 11 năm 1945. Họ bị đưa đi lưu đày trong 6 năm về các trại lao động ở vùng Sibérie, vùng Kazakhstan và các vùng cực Bắc.

Vào đầu năm 1946 đã có danh sách 148.079 người thuộc nhóm Vlassovtsy được Nha Quản Lý chuyển qua nơi khác để đi khẩn hoang, trực thuộc Bộ Nội Vụ. Cả ngàn hạ sĩ quan bị ghép vào tội phản quốc bị đày vào các trại lao động cưỡng bách chung thân.

Trong năm chiến thắng này, tổng số các trại di dân đặc biệt, các trung tâm lao động cưỡng bách khổ sai, các trung tâm khẩn hoang đặc biệt, các trại kiểm soát và thanh lọc, các khám đường trên lãnh thổ Liên Bang Xô Viết đã đạt đến con số kỷ lục. Con số tù lên đến 5 triệu người. Thành tích con số tù vĩ đại này đã bị che mờ bởi các cuộc liên hoan mừng chiến thắng được nhà nước Cộng Sản tổ chức liên tục trên toàn lãnh thổ Xô Viết. Chính vào lúc này, hơn lúc nào hết, Liên Xô đã mê hoặc hàng triệu dân nước khác.

Liên Bang Xô Viết đã trả một giá quá cao về con số người chết cho cuộc chiến thắng quân Đức Quốc Xã.

Sự kiện này đã che giấu tính chất độc tài của Staline.

Ở vào thời điểm đó, chiến thắng đã giúp cho chế độ vượt qua những nghi ngờ.

Và ngày nay, các vụ án ở Mạc Tư Khoa và hiệp ước của Đức Quốc Xã ký kết với Liên Bang Xô Viết hồi tháng 8 năm 1938 đã trở thành dĩ vãng.

CHƯƠNG 13
CAO ĐIỂM CỦA CÁC KHỦNG HOẢNG TRONG CÁC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

Vào những năm cuối cùng của Staline, ở Nga không còn xảy ra các vụ án do tòa án nhân dân xử công khai có quần chúng tham dự. Các vụ khủng bố cũng không còn. Tuy nhiên, không khí kinh hoàng của những năm trước vẫn còn đè nặng và bao trùm người dân vào những năm sau khi thế chiến thứ hai kết thúc.

Các vụ phạm pháp và tệ nạn xã hội đã diễn ra với mức độ cao nhất của nó. Những ước mơ cho một cuộc sống bình thường trong xã hội đã tan biến theo chiến tranh. Sự chờ đợi để hưởng một chút hơi thở tự do chỉ là những giấc mơ không bao giờ hiện thực.

Thi hào lừng danh Ilia Ehrenbourg đã viết trong tập hồi ký của ông, đề ngày 9 tháng 5 như sau:

Nhân dân đã quá đau khổ. Không thể để tái diễn những gì đã xảy ra trong quá khứ.

Ông ta là một người biết rất rõ bản chất của chế độ và guồng máy cai trị của nó. Ông vẫn thường lo âu cái gì sẽ xảy ra. Và nó đã xảy ra đúng như ông ta đã nghĩ.

Trong tháng 9 và tháng 10 năm 1945, Bộ Chính Trị Trung Ương đã gởi nhiều phái đoàn thanh tra về địa phương để khảo sát tình hình. Các bản báo cáo gởi về Trung Ương cho thấy nhân dân đang sống trong thất vọng. Họ đang sống trong khó khăn và họ hy vọng sẽ có cái gì đó để thay đổi cuộc sống. Theo các bản phúc trình thì đất nước đang lâm vào thời kỳ hỗn loạn.

Trong thời kỳ chiến tranh, các nhà máy phải dời về phía Đông để tránh rơi vào tay quân Đức Quốc Xã. Sự kiện này đã kéo theo hàng triệu nhân công phục vụ trong các nhà máy. Chính tình trạng này đã tạo một khoảng trống khó phục hồi lại mức sản xuất. Các cuộc đình công hàng loạt đã xảy ra tại các nhà máy luyện kim ở Oural. Sự kiện này chưa hề xảy ra trước đây. Trong nước đã có 25 triệu người dân không gia cư. Những người lao động nặng, hằng ngày nhận khẩu phần bánh mì không quá một cân Anh.

Cuối tháng 10 năm 1945, các Ủy Viên của các Ban Chấp Hành địa phương vùng Novossibirsk đã đề nghị hủy bỏ các cuộc diễn hành và lễ kỷ niệm cuộc cách mạng tháng 10 vì dân chúng không có quần áo và giày để đi diễn hành. Trong cuộc sống khốn khổ đó, nhiều tin đồn đưa ra là sẽ giải tán các hợp tác xã nông nghiệp vì

các tổ chức này không đủ tiền và lương thực để trả cho các thành viên và nông dân cho dù họ chỉ trả một vài ký lúa mì cho mỗi nông dân trong một vụ mùa lao động.

Giới nông nghiệp bị thảm bại nặng nề. Chiến tranh tàn phá ruộng vườn ở nông thôn. Thêm vào đó, nạn hạn hán, thiếu phương tiện cơ giới, thiếu nhân công, đã làm cho vụ mùa tháng 10 thất thu trầm trọng. Nhà nước phải kéo dài tình trạng phân phối lương thực hạn chế, trái với lời hứa của Staline là sẽ chấm dứt tình trang hạn chế lương thực này.

Tháng 2 năm 1946, Staline đọc một bài diễn văn với những hứa hẹn lạc quan. Nhưng những gì ông nói đều trái ngược với những gì đã diễn ra trong thực tế. Ông cho rằng nông dân chỉ thấy mối lợi trên mảnh đất nhỏ mà họ tự canh tác, không qua sự kiểm soát của chính quyền. Chính những người này đã không thi hành nghĩa vụ sản xuất tập thể theo chính sách của nhà nước. Do vậy, nhà nước phải ra tay thanh trừng những ai vi phạm vào quy chế của các hợp tác xã nông nghiệp. Nhà nước sẽ truy tố những ai đã phung phí tài sản, ăn cắp tài vật, phá hoại máy móc và ngăn chận các vụ thu mua nông phẩm.

Ngày 21 tháng 9, Staline ra lịnh thành lập một ủy ban chuyên lo các nghiệp vụ về các hợp tác xã nông nghiệp dưới quyền chỉ huy của một cán bộ cao cấp của đảng Cộng Sản là ông Andreiev. Ủy ban có nhiệm vụ thu hồi lại tất cả các phần đất nhỏ mà dân chúng đã chiếm đoạt bất hợp pháp làm của tư trong thời kỳ

đang xảy ra chiến tranh. Chính các phần đất canh tác nhỏ này đã giúp cho nông dân rất nhiều bởi vì khẩu phần do các hợp tác xã nông nghiệp phân phối không đủ nuôi sống họ để chờ đến vụ mùa tháng 10.

Ngày 25 tháng 10 năm 1946, chính phủ ban hành một nghị quyết bảo vệ các nông sản. Bộ Tư Pháp sẽ mở cuộc điều tra trong 10 ngày về các vụ thất thoát lương thực. Nhà nước cũng cho thi hành một đạo luật đã lỗi thời được ban hành vào ngày 7 tháng 8 năm 1932.

Chỉ trong vòng hai tháng, tháng 11 và tháng 12 năm 1946, nhà nước kết án 53.300 thành viên của các hợp tác xã nông nghiệp về các tội ăn cắp lúa và bánh mì. Những người này bị đày đi lao động khổ sai tại các trại lao động cưỡng bách. Hàng ngàn chủ nhiệm các hợp tác xã cũng bị kết án là đã phá hoại chiến dịch thu mua lương thực. Nhờ đó mà việc thu mua trong hai tháng này đã tăng từ 36% lên đến 77%. Nhưng phải trả với cái giá nào? Chính quyền Cộng sản lấy sự kiện chậm trễ việc thu mua để che giấu một thảm cảnh kinh hoàng đó là nạn chết vì thiếu ăn.

Nạn chết đói trong mùa Thu và mùa Đông 1946-1947 đặc biệt đã xảy ra vì hạn hán trong các tỉnh Koursk, Tambov, Voroneij, Orel và Rostov. Có ít nhất là nửa triệu người chết. Cũng giống như các nạn chết đói vào năm 1932, lần này chính quyền cũng giữ êm lặng. Nhà nước vẫn giữ mức thu mua 250 ký lúa trên một mẫu canh tác kể cả các vùng hạn hán này. Cho nên dân chúng của trong vùng vốn không đủ lương thực vì mất

mùa lại càng thêm thiếu lương thực. Đó là lý do con số người chết đói gia tăng. Chỉ còn có một cách là phải ăn cắp nông sản của hợp tác xã để sống qua ngày. Con số nhân viên ăn cắp này lên đến 44% trong vòng một năm.

Ngày 5 tháng 6 năm 1947, báo chí đã đăng tải hai đạo luật do chính phủ ban hành vào ngày hôm trước. Đạo luật nhấn mạnh là mọi vi phạm tài sản của nhà nước, của hợp tác xã nông nghiệp, cá nhân hay tập thể, đều bị trừng phạt từ 5 năm cho đến 25 năm lao động cưỡng bách.

Ai biết được người nào đó ăn cắp hay có ý đồ ăn cắp mà không truy tố cũng sẽ bị trừng phạt từ 2 đến 3 năm đi lao động cưỡng bách. Các văn thư riêng trong giới Tư Pháp cho biết các tội ăn cắp vặt tài sản của Tổ Hợp Nông Nghiệp cho đến nay chỉ bị phạt mất quyền tự do trong vòng một năm, bây giờ được lịnh phạt theo sắc luật ban hành ngày 4 tháng 7 năm 1947.

Vào cuối đệ nhị lục cá nguyệt của năm 1947, đã có 380.000 người bị kết án, trong đó có 21.000 thanh niên ở tuổi vị thành niên tức là dưới 16 tuổi. Chỉ cần ăn cắp vài kí lô khoai mì cũng đủ để bị kết án từ 8 đến 10 năm đi lao động cưỡng bách.

Sau đây là bản án do tòa án quận Souzdal thuộc tỉnh Vladimir tuyên án ngày 10 tháng 10 năm 1947: Hai tên N.A và B.S tuổi 15 và 16, được lịnh đi gác chuồng ngựa tại một công trình tổ hợp nông nghiệp, bị bắt quả tang ăn cắp 3 trái dưa chuột trong vườn rau của tổ hợp nông nghiệp. Nay tuyên án hai đương sự N.A và B.S 8

năm mất quyền tự do và đưa đi lao động theo chế độ thường ở các trại lao động tập trung.

Trong vòng 6 năm đã có 1.300.000 người bị kết án. 75% trong số này phải đi lao động cưỡng bách trong 5 năm theo sắc luật ngày 4 tháng 6 năm 1947.

Đến năm 1951, con số thường phạm chiếm 53%. Và tính trên toàn quốc, con số thường phạm ở tù lao động cưỡng bách với tỉ lệ 40%.

Vào những năm cuối của thập niên 40, do áp dụng chặt chẽ sắc luật ngày 4 tháng 6 năm 1947, con số bản án kết tội trên 5 năm lao động cưỡng bách đã tăng từ 2% vào năm đầu cho đến 29% vào những năm cuối của thập niên 40.

Ở vào thời điểm cai trị cao độ nhất của Staline, các cuộc khủng bố và đàn áp đã diễn ra hằng ngày. Tòa án nhân dân một hình thức chuyển tiếp của cái Tòa án siêu pháp lý của cơ quan An Ninh Nội Chính NKVD rất nổi tiếng trong những năm 1930-1940.

Trong số những người bị kết án có rất nhiều quả phụ của các quân nhân đã bị tử thương trong cuộc chiến vừa qua. Những quả phụ này sống với đám con nhỏ mà chồng họ đã bỏ lại, không đủ sức nuôi con nên phải đi ăn cắp, đi ăn xin. Vào cuối năm 1948, nhà nước Cộng Sản bắt giam 500.000 phụ nữ, tức là hai lần nhiều hơn so với năm 1945. Con của các quả phụ này dưới 4 tuổi đều phải được chuyển vào nhà trẻ tập thể cũng nằm trong các trại giam. Đến năm 1953, con số trẻ em tăng lên 35.000 em. Để tránh cho các trung tâm

lao động cưỡng bách trở thành các trung tâm giữ trẻ vĩ đại vì con số phụ nữ bị bắt quá nhiều bởi chính sách đàn áp tàn bạo ban hành năm 1947, nhà nước Cộng Sản phải ban hành sắc luật ký hồi tháng 4 năm 1949, ân xá cho 84.200 phụ nữ trẻ có trẻ em nhỏ tuổi. Nhưng đồng thời nhà nước Cộng sản vẫn tiếp tục kết án con số phụ nữ khác vì tội ăn cắp. Đến năm 1953, con số phụ nữ bị bắt giam trong các trại lao động cưỡng bách chiếm từ 25% đến 30% trên tổng số can phạm.

Trong hai năm 1947-1948 nhà nước còn gia tăng các vụ đàn áp qua các Đạo Luật biểu tượng tình cảnh xã hội thời đó. Như đạo luật ban hành ngày 15 háng 2 năm 1947, cấm người Nga kết hôn với người ngoại quốc. Một đạo luật khác ban hành ngày 9 tháng 6 năm 1947 quy định trách nhiệm về việc loan tin hay làm thất thoát các vấn đề bí mật của nhà nước. Đạo luật ban hành ngày 21 tháng 2 năm 1948 kết án các thành phần thuộc nhóm Xã Hội thiên hữu, Mensêvich, nhóm Xã hội có khuynh hướng Quốc Gia, nhóm Trotski, nhóm vô chính phủ, nhóm quân nhân Bạch Nga,... là các phần tử gián điệp chống lại nhà nước. Những người này sau khi mãn tù hay sau khi hết thời gian lao động khổ sai sẽ bị đưa đi lưu đày ở các vùng Kolyma thuộc tỉnh Novossibirsk và vùng Krasnoiarsk hay các vùng hẻo lánh ở Kazakhstan.

Để canh phòngvà kềm chế những người này, nhà nước Cộng Sản thường gia tăng thời gian tù thêm 10 năm mà không cần có một phiên tòa nào phán xét.

Những người tù bị bắt vào những năm 1937-1938, thường được đặt cho cái tên là những người tù 58. Có nghĩa là họ chỉ được phóng thích vào năm 1958, tức là phải ở tù 20 năm.

Vào cùng ngày 21 tháng 2 năm 1948, Hội Đồng Xô Viết Tối Cao cho ban hành một sắc luật trục xuất ra khỏi lãnh thổ Cộng Hòa Ukraine, tất cả các phần tử nào không chịu lao động trong một thời gian tối thiểu trong các trung tâm lao động hợp tác xã cưỡng bách. Họ bị coi là những phần tử ăn bám xã hội. Qua đến ngày 2 tháng 6 thì đạo luật này có giá trị trên toàn lãnh thổ Liên Xô.

Tình trạng sinh sống ở các trại lao động cưỡng bách hợp tác xã nông nghiệp tập trung thì hầu như không đủ trả tiền cho nhân công, kể cả phân chia sản phẩm. Vì thế, có rất nhiều công nhân không thực hiện đủ số ngày lao động do nhà nước ấn định. Như vậy đã có hàng triệu công nhân không đạt đúng tiêu chuẩn ngày lao động, trở thành phạm nhân. Chính quyền địa phương nhận rằng, nếu áp dụng đúng theo các điều luật của Trung Ương thì sẽ gây ra xáo trộn. Cho nên họ áp dụng một cách lơ là, làm cho có làm. Tuy vậy cũng đã có 38.000 người bị bắt đi lưu đày trong năm 1948.

Mặc dù án tử hình đã được bãi bỏ theo như đạo luật ký ngày 26 tháng 5 năm 1947, nhưng các đạo luật đàn áp đẫm máu nêu trên đã làm lu mờ đạo luật bãi bỏ án tử hình.

Ngày 12 tháng giêng năm 1950, nhà nước Cộng Sản

cho thi hành lại đạo luật tử hình, để xử các vụ án Leo ningrad.

Trong những năm của thập niên 1930, việc cho hồi hương những phần tử bị đưa lưu đày đã không được thi hành thống nhất và không liên tục trong các cơ quan của nhà nước. Mãi cho đến thập niên 40 thì vấn đề này mới được giải quyết trắng đen. Theo đó, các tù nhân bị kết án trong những năm 1941-1945, thì trở thành những tên tù vĩnh viễn. Con cái của họ sau này cũng trở thành những người dân khẩn hoang đặc biệt.

Trong những năm 1948-1953 con số người đi khẩn hoang gia tăng không ngừng. Đầu năm 1946, con số dân khẩn hoang là 2.342.000 người. Qua tháng giêng năm 1953, lên đến 2.730.000 người. Tại Lituanie, dân chúng nổi lên chống chính sách lao động cưỡng bách đã bị cơ quan công an nội chính lùng bắt vào hai ngày 22 và 23 tháng 5 năm 1948. Công an mở chiến dịch hành quân mùa xuân, trong vòng 48 tiếng đồng hồ, đã bắt 36.932 thanh niên và thiếu niên bỏ lên 32 đoàn xe chở đi lưu đày. Tất cả bị kết án là các phần tử ăn cướp, những người có tư tưởng quốc gia. Các đoàn xe chở họ đi trong suốt 4 hay 5 tuần lễ. Họ bị đưa về các vùng cực Đông của Sibérie và đặt dưới quyền kiểm soát của các toán xung kích thuộc Bộ Công An Nội Chính. Họ phải làm việc cực nhọc và khổ sai tại các trung tâm khai thác lâm sản.

Một bản phúc trình của cơ quan an ninh nội chính vùng Krasnoiarsk cho biết các gia đình người gốc

Lituanie được phân phối đến lao động ở tổ hợp khai thác lâm sản Igara. Họ phải sống trong các căn nhà dột nát, cửa sổ không có kính để chận gió lạnh. Họ không có giường, nên phải nằm ngủ trên nền đất với vài đống rơm. Không bàn, không ghế. Vì sống chen chúc nhau trong các gian nhà nhỏ và vì không có tiêu chuẩn vệ sinh cho nên đã sinh ra các bịnh truyền nhiễm, kiết lỵ, rận chấy,... Con số người chết mỗi lúc một gia tăng.

Trong năm 1948 có trên 50.000 dân Lituanie lưu đày khẩn hoang đặc biệt. Con số khác 30.000 dân lưu đày trong các trung tâm khổ sai. Theo bộ nội vụ, có đến 21.259 người bị giết chết trong các cuộc hành quân bình định vì nước Cộng Hòa này cương quyết chống lại chính sách cưỡng bách lao động của nhà nước Liên Xô. Mặc dù bị nhà nước Cộng Sản áp bức, nhưng tính đến cuối năm 1948, chỉ có 4% đất đai của vùng Baltique là vào tập thể.

Đầu năm 1949, nhà nước Cộng Sản cương quyết tập thể hóa và sát nhập ba nước vùng Baltique bằng cách khai trừ các phần tử có tư tưởng quốc gia của các nước này.

Ngày 12 tháng giêng năm 1949 Hội Đồng Bộ Trưởng Xô Viết ban hành đạo luật trục xuất ra khỏi lãnh thổ ba nước Baltique, tất cả gia đình của các phần tử điền chủ và các người có tư tưởng quốc gia đang sống bất hợp pháp và gia đình của các người bị giết trong cuộc hành quân bình định mùa xuân trước đây. Các cuộc

truy lùng diễn ra từ tháng 3 cho đến tháng 5 năm 1949 đã đưa 95.000 dân ba nước Baltique ra vùng Sibérie.

Bản phúc trình của Krouglov gởi cho Staline đề ngày 19 tháng 5 năm 1949, báo cáo rằng trong số dân lưu đày đó có đến 27.084 trẻ em dưới 16 tuổi; 1.785 trẻ thơ không có gia đình; 146 người tàn phế và 2.850 người già gần đến ngày chết.

Vào tháng 9 năm 1951 lại diễn ra các cuộc bố ráp. Cộng Sản bắt thêm 17.000 người đưa đi Sibérie. Tính từ năm 1940 đến năm 1953, đã có trên 200.000 dân vùng Baltique bị bắt đi lưu đày ở vùng Tây Bá Lợi Á. Trong đó có 120.000 dân Lituanie, 50.000 dân Lettonie và 30.000 dân Estonie.

Trong năm 1953, người ta cũng thấy có 75.000 dân ba vùng này bị giữ trong các trại tù chính trị khổ sai, chiếm 1/ 5 trên tổng số tù trong các trại này, và bằng 1/10 con số dân trưởng thành của ba nước này bị đưa đi lưu đày.

Một trong các dân sắc tộc bị ép vào Liên Bang Xô Viết là dân xứ Moldavie. Dân này rất bướng bĩnh, chống lại chính sách lao động tập thể của nhà nước Xô Viết.

Cuối năm 1949, chính quyền quyết định thi hành lịnh bố ráp để bắt đi lưu đày các phần tử được coi là xa lạ với Chủ Nghĩa Xã Hội. Cuộc hành quân do Đệ Nhất Bí Thư đảng Cộng Sản Moldavie chỉ huy. Đó là ông Leonid Ilitch Brejnev, sau này trở thành Tổng Bí Thư đảng Cộng Sản Xô Viết.

Ngày 17 tháng 2 năm 1950, Kroulov gởi về Staline

một bản phúc trình cho biết có tất cả 94.792 dân Moldavie bị lưu đày như là dân khẩn hoang đặc biệt.

Trong các cuộc lùng bắt khác trong năm 1949, đã có 57.680 dân Hy Lạp, Arménie, Thổ Nhĩ Kỳ và các người sinh sống quanh vùng Hắc Hải bị đưa đi lao động ở các vùng Kazakhstan, vùng Alta. Trong vòng 5 năm sau thế chiến thứ hai, các du kích quân võ trang chống Xô Viết, mang tên là UPA và OUN đã bị bắt và bị đưa đi lưu đày biệt xứ. Từ tháng 7 năm 1941 đến tháng 12 năm 1949 nhà nước Cộng Sản đã 7 lần lên tiếng kêu gọi các quân du kích bỏ súng đầu hàng sẽ được ân xá. Nhưng các lời kêu gọi này không đạt được kết quả. Quân du kích hoạt động ven biên giới của các nước Ba Lan và Tiệp Khắc. Quân du kích hành quân đánh phá liên tục và khá mạnh cho nên nhà nước Cộng Sản đã phải ký hiệp ước vào tháng 5 năm 1947 với hai nước Ba Lan và Tiệp Khắc để phối hợp với hai quốc gia này mở các cuộc hành quân thanh toán quân du kích gốc người Ukraine. Để có thể tiêu diệt các căn cứ du kích, chính quyền Ba Lan đã cho toàn thể dân Ukraine di chuyển về vùng Đông Bắc Ba Lan.

Nạn đói xảy ra vào cuối năm 1947 và đầu năm 1948 đã buộc hàng chục ngàn nông dân sống ở vùng phía Đông Ukraine chạy qua vùng Tây Ukraine. Vùng này tương đối có ăn. Chính do nhóm di dân vì đói này, du kích quân đã tuyển thêm được một số quân.

Ngày 30 tháng 12 năm 1949, trong bản đề nghị ân xá cuối cùng do Bộ Trưởng Nội Vụ ký cho các toán quân

nổi loạn không thuộc thành phần du kích. Họ là nông dân, các người bỏ trốn các công xưởng, học sinh các trường công nghệ. Mãi đến cuối năm 1950, các vùng phía Tây Ukraine mới được ổn định. Sau khi cho thi hành lịnh cưỡng bách lao động tập thể, đã có 300.000 dân Ukraine bị bắt giam và bị lưu đày. Theo bản thống kê của Bộ Nội Vụ, từ giữa năm 1944 đến năm 1952 có tất cả 172.000 quân kháng chiến UPA và OUN cùng với gia đình của họ bị đưa đi lưu đày thuộc toán khẩn hoang đặc biệt ở các vùng Kazakhstand và Sibérie.

Theo các tin tức từ Bộ Nội Vụ, các cuộc lưu đày dân vẫn diễn ra tiếp tục cho đến khi Staline qua đời. Từ năm 1951-1952, con số dân lưu đày định kỳ tương đối nhỏ. 11.685 người gốc Mingrélien, và 4.707 dân Ba Lan gốc Iran đang sống trong vùng Géorgie, 4.356 giáo dân Jehovah, 4.431 dân điền chủ sống trong vùng Tây Biéo lorussie, 1.145 điền chủ sống trong vùng Tây Ukraine, 1.415 điền chủ của vùng Pskov, 995 Tín đồ Chính Thống Giáo, 2.795 gốc Basmatchi và 591 thuộc những người vô gia cư. Những người này được hưởng một quy chế khá đặc biệt. Họ không bị lưu đày vĩnh viễn mà chỉ ở tù trong vòng 10 hay 20 năm.

Các văn kiện vừa mới cho nhân dân tham khảo xác nhận rằng vào các năm đầu thập niên 50 là những năm có con số lưu đày cao nhất từ trước đến nay.

Vào đầu năm 1953, các trại Goulag giam giữ 2.750.000 phạm nhân, và được sắp xếp thành ba loại: Độ chừng 500 khu trại lao động khẩn hoang được dựng

lên rải rác trong các khu rừng. Mỗi khu chứa chừng 1.000 đến 3.000 phạm nhân. Họ thuộc vào nhóm tội nhân thường phạm. Một nửa phạm nhân này bị kết án dưới 5 năm.

Độ chừng 60 khu lớn, tổng hợp các trại lao động, thiết lập ở vùng cực Bắc và ở về phía Đông của Liên Bang Xô Viết. Mỗi khu quy tụ chừng vài chục ngàn tù phạm, cùng với tù chính trị và thường bị kết án từ 10 năm tù trở lên.

15 trại có chế độ đặc biệt, được thiết lập theo chỉ thị mật của Bộ Nội Vụ duyệt ký vào ngày 7 tháng 2 năm 1948. Đây là trại giam những người tù chính trị đặc biệt. Con số tù chính trị ở các trung tâm này lên đến 200.000 người.

Ngoài những con số trên, còn có cả 2.750.000 dân bị đưa đi khẩn hoang, trực thuộc ban giám đốc các trung tâm Goulag. Vì con số tù nhân và dân lao động cưỡng bách quá lớn cho nên công việc quản lý và kiểm soát hiệu năng kinh tế vô cùng khó khăn.

Năm 1951, Tướng Krouglov, đương kiêm Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ đã bắt đầu lo âu vì con số sản lượng xuống quá thấp. Các ban kiểm soát các trung tâm tù Goulag phát giác một số sự kiện quan trọng. Khởi đầu, quy chế của các trại thuộc quy chế đặc biệt dành cho các tù chính trị bị bắt vào năm 1945. Đó là các thành phần quốc gia thuộc dân Ukraine và dân vùng Baltique đã từng tham dự vào lực lượng du kích, cùng với các phần tử xa lạ với Xã Hội Chủ Nghĩa của một số quốc gia vừa

mới bị cưỡng ép sát nhập vào Liên Bang Xô Viết, những người đã từng hợp tác với kẻ thù của nhân dân, các người thuộc diện phản quốc, phản động bị đày trong thập niên 30, những cán bộ đảng viên cũ,...

Các tù phạm chính trị bị kết án trên 20 năm biết rằng họ không bao giờ được thả trước thời gian ấn định cho nên chẳng sợ mất mát gì nữa cả. Họ bị giam cô lập. Như nhà văn Alexandre Soljénitsyne của Nga đã phải ở tù 7 năm chỉ vì ông đã cả gan chỉ trích đường lối lãnh đạo độc tài của Staline. Ông cho rằng sự hiện diện các thường phạm bên cạnh các tù nhân chính trị đã là một trở ngại cho việc thành lập các phong trào thống nhất của Tù Nhân. Ở các trại đặc biệt không có thường phạm sống chung, thường xảy ra các ổ kháng cự chống lại chính quyền Cộng Sản. Các mạng lưới kháng cự được bí mật thành lập lúc còn chiến đấu ở trong rừng của các người gốc Ukraine và người gốc Baltique. Các tổ kháng cự này đã tái hoạt động và rất là mạnh. Họ từ chối lao động, tuyệt thực, vượt ngục từng nhóm, chống đối bạo động và thường diễn ra đồng loạt.

Mặc dù người ta chưa kiểm chứng tất cả tài liệu, nhưng cũng có vài văn thư cho thấy vào năm 1950-1952 đã xảy ra 16 vụ nổi loạn quan trọng. Mỗi cuộc nổi loạn có cả hàng trăm tù nhân tham dự.

Các viên thanh tra của Bộ Trưởng Nội Vụ Krouglov báo cáo hồi năm 1951 tình trạng suy đồi ở các trung tâm Goulag vì kỷ luật không được thi hành nghiêm khắc. Trong năm 1951 ban giám đốc trại tù đã làm mất

1.000.000 ngày lao động vì các tù nhân từ chối làm việc. Đồng thời trong trại xảy ra nhiều cuộc va chạm giữa cán bộ quản giáo và tù nhân. Năng xuất sản xuất suy giảm rất nhiều. Theo nhận xét của Ban quản trại, các vụ xung đột thường xảy ra giữa các băng đảng. Một bên chống lại lịnh lao động và bên kia là các phần tử tù nhân chịu thi hành lịnh lao động. Các nhóm tù gia tăng thù địch và thường thanh toán nhau. Tình hình ở các trại vì thế trở nên rối loạn. Con số chết vì thế không phải chỉ do bệnh tật hay đói khát mà vì do hai bên giết nhau.Vào tháng 12 năm 1951, một cuộc họp giữa các nhân viên quản trại đã được tổ chức tại Mạc Tư Khoa. Trong phiên họp, họ thừa nhận là cho đến nay họ đã khéo léo đạt được những thắng lợi do sự xung đột giữa các phe nhóm tù nhân mà họ dần dần mất quyền quản lý. Ở một vài trung tâm, một số băng đảng đứng ra nắm quyền điều hành trại. Để tiêu diệt các băng đảng, họ phải thuyên chuyển một số tù phạm từ trại này qua trại khác và thường xuyên tái tổ chức các toán phạm nhân trong các trung tâm lao động. Con số tù phạm lao động trong các trung tâm này rất đông, từ 40.000 đến 60.000 người.

Bên cạnh sự náo loạn của các băng đảng đã làm khó khăn cho giới hữu trách, còn có một số vấn đề cần phải thay đổi đó là cải tổ chế độ lao tù, cơ cấu giam cầm và quy chế lao động sản xuất đối với tù nhân.

Theo các bản phúc trình củaTướng Dolguikh, chỉ huy trưởng các khu Goulag vào đầu năm 1952 và của

Đại Tá Zverev, chỉ huy vùng Norilsk nơi có tất cả 69.000 tù nhân, người ta thấy có một số biện pháp sau đây:

1./ Cô lập các thành viên của băng đảng. Nhưng vì các băng đảng có quá nhiều thành viên nên chỉ có thể cô lập các thành phần chủ chốt.

2./ Giải tán các vùng sản xuất rộng lớn vì không đủ nhân viên quản lý tù nhân.

3./ Tổ chức các đơn vị sản xuất nhỏ để ban quản giáo dễ theo dõi và kiểm soát.

4./ Xin gia tăng quản giáo nhưng nhà nước không thể cung cấp đầy đủ. Hiện con số nhân sự đang thiếu 50%.

5./ Đề nghị tách rời công nhân không bị kết án ra khỏi công nhân tù bị kết án. Nhưng vì nhu cầu sản xuất tập trung của vùng Norilsk, ban quản trị trại không thể có nhà đủ để hai nhóm này cư ngụ khi tách rời.

Nói một cách tổng quát, muốn có hiệu suất lao động tăng cao, thì phải phóng thích trước thời hạn 15.000 tù nhân với điều kiện là họ không được phép rời khỏi nơi mà họ đang lao động.

Đề nghị cuối cùng của Đại Tá Zverev không được coi là hợp lý trong bối cảnh lúc bấy giờ.

Vào đầu tháng giêng năm 1951, Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ Tướng Krouglov đã xin Béria cho phóng thích 6.000 tù nhân trước thời hạn và cho phép họ trở thành công nhân tự do, rồi chuyển họ đến làm việc ở các công trường lớn như trung tâm thủy điện Stalingrad. Nơi

đây hiện có 25.000 tù nhân đang lao động khổ sai, nhưng không gia tăng mức sản xuất.

Hiện tượng phóng thích trước thời hạn các tù nhân có tay nghề giỏi thường xảy ra vào các năm đầu của thập niên 50.

Vấn đề kiểm soát hiệu năng kinh tế trong các trại tù với số lượng to lớn như vậy thật là khó khăn cho ban quản trại.

Với con số 208.000 nhân viên quản trại, nhà nước không thể nào kiểm soát được bộ máy hành chánh này. Vì thế có rất nhiều báo cáo ma về năng suất lao động của tù nhân.

Để giải quyết vấn đề này, cơ quan quản trại có hai biện pháp để thi hành:

Hoặc là khai thác triệt để con số nhân công tù, không sợ thất thoát vì thương vong hay bệnh yếu. Hoặc chỉ khai thác một cách hợp lý con số công nhân tù còn đầy đủ sức khỏe.

Cho đến cuối năm 1948, người ta đã áp dụng giải pháp đầu. Vì thế đến cuối thập niên 40, con số nhân công tù còn sống sót để lao động rất thấp. Và vì chiến tranh đã làm tiêu hao dân số, cho nên nhà nước buộc lòng phải khai thác một cách tiết kiệm nhân công. Để khuyến khích họ gia tăng sản xuất, nhà nước phát phần thưởng, tăng lương và tăng khẩu phần ăn cho nhân công. Nhờ đó mà con số tử vong của nhân công tù giảm từ 2 đến 3%.

Vào cuối thập niên 50, các cơ cấu hạ tầng cơ sở của

nhà nước hoàn toàn tê liệt. Không có ngân sách canh tân cơ sở. Hàng chục đơn vị trại tù giam giữ hàng chục ngàn tù phạm trên một phạm vi quá rộng lớn. Các đơn vị này được thành lập từ những năm 1930 và 1940 với mục đích là để khai thác triệt để nguồn nhân lực của các tù nhân. Mặc dù sau đó có lịnh cải tổ từ năm 1949 nhưng phải đến năm 1952 với biện pháp thành lập các đơn vị lao động nhỏ mới đạt được chỉ tiêu quy mô.

Công nhân tù nhận lương hàng tháng vài trăm Rúp. Số tiền nay rất là nhỏ, 14 hay 15 ít hơn so với các công nhân tự do có cùng việc làm. Sự kiện này đã làm cho nhân công tù chán nản trong lao động, cho nên năng suất không được gia tăng. Từ đó lại nảy sinh băng đảng trong nhóm công nhân tù, gây rối loạn trong các trại lao động.

Nếu tổng kết các sự kiện trong các bản phúc trình của hai năm 1951 và 1952, người ta nhận thấy tình hình ở các trại tù Goulag trở nên bất trị. Các công trình xây dựng vĩ đại như công trình thủy điện ở Stalingrad, kinh đào Turkménistan và Volga-Don vào thời cuối của Staline đều tiến hành chậm trễ so với kế hoạch đã dự trù.

Để thực hiện đúng chỉ tiêu, nhà nước phải chuyển một số công nhân tự do đến các đại công trình này, đồng thời phải phóng thích trước thời hạn mãn tù, những tù nhân nhân công tỏ ra siêng năng, làm việc tốt.

Sau ngày Stalin qua đời, ngày 27 tháng 3 năm 1953, Beria ra lịnh ân xá 1.200.000 tù nhân.

Điều này đã nói lên sự khủng hoảng trong chính

sách lao tù Goulag. Ngoài các nguyên nhân chính trị và kinh tế, những người kế thừa Staline phải hiểu rằng tình trạng bắt giữ quá nhiều tù nhân cũng là một trong những nguyên nhân của sự khủng hoảng. Do vậy họ chấp thuận cho thi hành biện pháp ân xá.

Trong lúc các cơ quan quản lý các trại tù Goulag đòi giảm tù nhân và giảm nhân viên quản giáo, thì Staline ngày càng kiêu căng, nghi ngờ và ích kỷ. Staline đang chuẩn bị một cuộc đại thanh trừng, một cuộc đại khủng bố.

Những ngày cuối cùng của Staline, tình hình trở nên căng thẳng. Sự chống đối mỗi lúc một gia tăng và mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng.

CHƯƠNG 14
ÂM MƯU CUỐI CÙNG

Nhựt báo *Sự Thật* số ra ngày 13 tháng giêng năm 1953 loan tin:

Khám phá một âm mưu của bọn Bác Sĩ y khoa khủng bố.

Lần thứ nhất chỉ nêu lên 9 Bác sĩ nhưng sau đó con số Bác sĩ tăng lên 15 người. Họ là những chuyên gia y tế giỏi, đa số gốc người Do Thái. Họ bị truy tố vì đã lợi dụng chức vị cao cấp làm việc trong điện Cẩm Linh, âm mưu làm giảm tuổi thọ của Andrei Idanov, một thành viên của Bộ Chính Trị Trung Ương, chết ngày 8 tháng 5 năm 1948 và Alexander Chtcherbakov, chết vào năm 1950, và âm mưu ám sát các tướng lãnh cao cấp của Hồng Quân theo lịnh của cơ quan tình báo Anh và của Ủy Ban Bảo Trợ Người Do Thái.

Người đã đứng ra tố cáo là Bác sĩ Timachouk. Nhà nước đã tặng cho ông ta giải thưởng Lenine là một trong những giải thưởng cao quý nhất của Xô Viết.

Trong các lần điều tra, các Bác sĩ đã khai lời thú tội. Và cũng như thời kỳ 1936-1938, bên ngoài nhà giam là những đám biểu tình đòi hỏi phải trừng trị các Bác sĩ phạm tội, phải tiếp tục điều tra và phải lưu tâm đến thành phần Bônsêvich.

Sau khi phát hiện âm mưu của các vị lương y áo trắng, liên tục trong nhiều tuần lễ, báo chí loan tin về những diễn biến của thời kỳ đại khủng bố. Báo chí lên tiếng phải thanh toán dứt khoát các thành phần đầy tội ác nằm trong hàng ngũ Đảng. Báo chí tung ra các âm mưu rộng lớn của tập hợp trí thức, của các người Do Thái, của các quân nhân, các đảng viên cao cấp đang ở trong các ngành kinh tế, hành chính nhà nước của các Cộng Hòa không thuộc gốc người Nga. Và báo chí cũng báo động là các âm mưu này đang gia tăng. Nó giống như cái thời điểm tệ hại nhất của thời Iejovschina. Các văn khố cho tham khảo các tài liệu cho thấy đó là thời kỳ quyết liệt nhất của chế độ Staline sau thế chiến thứ hai. Giai đoạn này ghi lại thành quả của chiến dịch chống lại các ảnh hưởng của ngoại lai. Có nghĩa là chiến dịch chống lại người Do Thái, phát xuất từ năm 1946-1947 và chính thức công bố vào năm 1949. Đây chỉ là một kế hoạch sơ khởi, mở đầu cho một chiến dịch Đại Khủng Bố mới. Nhưng vài

tuần lễ sau khi Staline qua đời, những người thừa kế đã hủy bỏ chiến dịch khủng bố.

Vào thời điểm này cũng đã xảy ra các cuộc tranh quyền giữa cơ quan thuộc Bộ Nội Vụ và Bộ An Ninh. Hai Bộ này tách rời ra từ năm 1946. Các cuộc tranh quyền diễn ra ác liệt để đưa người của mình vào các chức vụ lãnh đạo đảng. Cao điểm là vụ công khai hóa về các trại diệt chủng dân của Đức Quốc Xã. Một bên cho rằng đó là kế hoạch của Nga Hoàng có tính bài Do Thái, trong khi đó nhóm người Bônsêvich chống lại. Như vậy âm mưu này là trái với chủ trương của Staline ở trong giai đoạn cuối cùng của nó.

Chúng tôi không muốn đi vào chi tiết về cái âm mưu đó, nhưng chuyện gì đã xảy ra trong giai đoạn cuối cùng?

Vào năm 1942, chính quyền Cộng Sản muốn làm áp lực với người Mỹ gốc Do Thái hầu mong những người này làm áp lực chính quyền Mỹ để mở mặt trận thứ hai ở Âu châu chống Đức Quốc Xã. Nhờ đó mà một lực lượng chống Đức Quốc Xã ở Nga dưới quyền lãnh đạo của giám đốc nhà hát lừng danh Yiddish là ông Salot mon Mikhoels.

Hàng trăm nhà trí thức có tên tuổi gốc Do Thái tham gia vào lực lượng chống Đức. Như văn hào Illia Ehrenbourg, thi sĩ Samuel Marchak và Peretz Markish, nghệ sĩ dương cầm Emile Guilels, nhà văn Vassili Grossman, nhà vật lý học Piotr Kapitza,...

Từ vai trò tuyên truyền, lực lượng này đã trở thành trung tâm sinh hoạt của người Nga gốc Do Thái. Tháng

hai năm 1944, một số lãnh tụ như Mikhoels, Fefer và Epstein đã gởi cho Staline một văn thư đề nghị Staline cho thành lập một Cộng Hòa lấy tên là Cộng Hòa Do Thái Tự Trị ở bán đảo Crimée. Mục đích là để thay thế vụ thí nghiệm thất bại trong năm 1930 khi chính quyền Cộng Sản đưa 40.000 dân Do Thái vào vùng hẻo lánh Birobidjan, thuộc vùng biển đông Sibérie, giáp với Trung Quốc.

Ủy Ban người Do Thái tiến hành thu thập các dữ kiện và nhân chứng về các vụ tàn sát tập thể người Do Thái dưới thời Đức Quốc Xã. Thực ra đó chỉ là những hình thức để ám chỉ các vụ biểu tình chống người Do Thái, hiện vẫn còn đang diễn ra ở Ukraine và một vài vùng khác.

Ở các vùng phía Tây, nơi mà Nga Hoàng chiếm ngự, nhiều người Do Thái cũng được sinh sống ở vùng này. Từ khi các cuộc chiến tranh mới khởi diễn và lúc mà Hồng Quân bắt đầu thua trận, dân chúng đã nổi lên chống sự hiện diện của người Do Thái.

Cơ quan An Ninh Nội chính đã tung ra rất nhiều tin cho rằng ở hậu tuyến có rất nhiều phần tử nhiều tầng lớp nhân dân đã tuyên nhiễm các lời tuyên truyền của quân Đức Quốc Xã. Theo đó, thì quân Đức chỉ tiến đánh người Do Thái và người Cộng Sản mà thôi.

Tại các vùng bị quân Đức chiếm đóng như Ukraine dân Do Thái bị tàn sát khủng khiếp trước mặt người dân, nhưng không tạo ra một xúc động nào cả. Quân Đức thu nhận thêm 80.000 người Ukraine vào quân đội

Đức để tiêu diệt người Do Thái. Nhà nước Cộng Sản đã mở nhiều chiến dịch kêu gọi hậu phương chống lại cuộc xâm lăng của Đức để bảo tồn đất nước. Nhưng họ không đề cập đến sự tàn sát độc ác của quân Đức đối với người Do Thái. Sự êm lặng này của chính quyền Xô Viết đã tạo ra thêm ý thức căm thù người Do Thái từ trên thượng tầng Trung Ương Đảng.

Vào tháng 8 năm 1942, Ủy Ban người Do Thái đã gởi cho Bộ Nội Vụ trình bày vai trò nồng cốt của người Do Thái trong các lãnh vực nghệ thuật, văn chương và truyền thông. Chính quyền Cộng Sản tỏ ra không hài lòng về các hoạt động của Ủy Ban người Do Thái.

Năm 1945, thi sĩ Peretz Markish bị cấm phát hành tập thơ của ông ta. Các tài liệu do Ủy Ban Do thái sưu tầm về tội ác của Đức Quốc Xã đối với Người Do Thái cũng bị hủy bỏ. Lý do là tài liệu chỉ lên án Đức Quốc Xã gây chiến tranh trên đất Nga chỉ nhằm mục đích duy nhất là tiêu diệt người Do Thái.

Theo như văn thơ đề ngày 12 tháng 10 năm 1946 do Bộ Trưởng An Ninh Nội Chính Abakoumov gởi cho Bộ Chính trị, thì Ủy Ban Do Thái có khuynh hướng Quốc Gia khi mở mặt trận chống Phát xít Đức.

Nhưng vì nhu cầu cần phải có một chính sách đối ngoại thuận lợi cho việc thành lập một nước DO THAI, cho nên Staline không có phản ứng. Chỉ sau khi Liên Hiệp Quốc và Liên Bang Xô Viết bỏ phiếu chấp thuận chia các phần đất Palestine, diễn ra ngày 29 tháng 11

năm 1946, Abakoumov mới được ủy quyền rộng lớn để giải tán Ủy Ban của người Do Thái.

Ngày 14 tháng 12 năm 1947, các thành viên của Ủy Ban Do Thái bị bắt giam. Vài tuần lễ sau, ngày 13 tháng 01 năm 1948, Solomon Mikhoels bị giết chết trong thành phố Minsk. Theo như lời tuyên bố chính thức của nhà nước, ông ta tử nạn trong một tai nạn lưu thông.

Vài tháng sau, ngày 21 tháng 11 năm 19489, Ủy Ban Do Thái chính thức bị giải tán với lý do tổ chức này là trung tâm chống Xô Viết. Cơ quan ngôn luận của tổ chức Do Thái là tờ Einikait viết bằng tiếng Yiddish, tiếng Do Thái cũ, bị tịch thu và cấm phát hành. Nhiều thanh niên gốc Do Thái bị bắt giam.

Tháng 2 năm 1949, nhà nước mở chiến dịch chống tư tưởng ngoại lai của người Nga gốc Do Thái. Báo chí lên án ngành sân khấu của các người Nga Gốc Do Thái. Họ cho rằng kịch nghệ không phản ảnh được tinh thần người Nga.

Trên tờ báo *Sự Thật* của đảng Cộng Sản, số ra ngày 2 tháng 2 năm 1949, các ký giả đặt câu hỏi ông Gourvitch hay ômg Iozovski có biết gì là tinh thần người dân Nga không?

Và từ đầu năm 1949, có hàng trăm người Do Thái sống trong các thành phố Mạc Tư Khoa và Leningrad bị bắt giam.

Tờ *Neva* loan các tin về vụ kết án ở Lenigrad vào ngày 7 tháng 7 năm 1949. Các ông Archille Grigorievitch

Leniton, Illia Zeilkovitch Serman, Rulf Alexandrovna Zevina bị kết án 10 năm tù chỉ vì các ông ấy đã nhận xét tư tưởng của Marx cùng với tư tưởng phản cách mạng, về tội ca ngợi các tư tưởng ngoại lai và có luận điệu xuyên tạc về vấn đề quốc tịch. Vì lý do chống án, họ bị toà án Tối Cao Xô Viết gia tăng thêm thời gian ở tù từ 10 năm lên đến 25 năm. Tòa án Tối cao khuyến trách tòa án Leningrad là đã không nghiêm chỉnh kết án các bị can. Họ là các phần tử phản cách mạng, có nhiều định kiến và cho rằng các nước khác hay hơn tốt chính quyền Liên Bang Xô Viết.

Chính sách sa thải các cán bộ gốc Do Thái được thi hành có phương pháp, nhất là trong các ngành thông tin, báo chí, văn hóa, trung tâm xuất bản, trung tâm y tế. Đó là các ngành nghề then chốt mà người Do Thái đang điều hành. Các cuộc lùng bắt diễn ra liên tục và nhắm vào mọi giới. Nhiều chuyên viên kỹ thuật bị ghép vào tội phá hoại bị bắt ở các khu hầm mỏ kim loại Stalino bị hành quyết vào ngày 12 tháng 8 năm 1952.

Vợ của ngoại trưởng Molotov là người Nga gốc Do Thái, tên là Paulina Jemtchoujina, giữ vai trò chính trong ngành kỹ nghệ dệt, bị bắt giam vào ngày 21 tháng 1 năm 1949 vì bị kết án về tội đánh mất tài liệu bí mật của nhà nước. Bà bị kết án 5 năm tù lao động khổ sai.

Một người khác, vợ của ông Alexandre Polskrebychev, thư ký riêng của Staline, cũng là người gốc Do Thái, bị bắt và bị xử bắn hồi tháng 7 năm 1952 vì tội làm gián

điệp. Trong khi đó Molotov và ông Alexandre vẫn tiếp tục phục vụ cho Staline, như không có chuyện gì xảy ra.

Các cuộc thẩm tra các bị can trong tổ chức chống Phát Xít của người Do Thái vẫn tiếp tục kéo dài. Các cuộc xử án kín bắt đầu từ đầu tháng 5 năm 1952, tức là gần hai năm rưỡi sau khi những người Do Thái bị bắt. Tại sao phải cần thời gian quá lâu vậy?

Ngày nay, một số tài liệu, mặc dù chưa đầy đủ cho lắm, cũng cho chúng ta thấy có hai lý do để giải thích cho việc kéo dài xử án người Do Thái.

Thứ nhất là Staline vẫn chủ trương các vụ án phải được xử trong vòng bí mật. Ông ta coi phong trào chống Phát Xít của người Do Thái có liên hệ đến một âm mưu khác, gọi là âm mưu Leningrad, một cuộc thanh trừng vĩ đại cuối cùng.

Song song với mục đích đó, Staline cho cải tổ sâu rộng các cơ quan an ninh. Ông ra lịnh cho bắt ông Bộ Trưởng Nội An Abakoumov vào tháng 7 năm 1951. Ông cũng nhắm vào một nhân vật rất có quyền lực lúc bấy giờ là ông Beria, phó chủ tịch Hội Đồng Bộ Trưởng và cũng là Ủy viên Trung Ương Đảng.

Vụ án Ủy ban chống Phát Xít của người Do Thái chỉ là cái cớ trong chiến dịch thanh trừng nội bộ Đảng Cộng Sản đồng thời cũng là nguyên nhân dẫn đến cuộc đại khủng bố lần thứ hai, nhắm vào những người mà Staline gọi là Âm mưu của các vị choàng áo trắng, các vị trong ngày Y dược.

Trong cuộc thanh trừng về vụ Âm mưu Leningrad

đã có rất nhiều nhân vật lãnh đạo cao cấp trong Đảng Cộng sản bị giết mà cho đến ngày hôm nay vẫn còn nằm trong bí mật.

Ngày 15 tháng 2 năm 1949, văn phòng Bộ chính trị ra một nghị quyết: Các đảng viên Kouznetsov, Rodinov và Popkov, Voznessenski và Gosplan, chủ tịch đảng tại thành phố Leningrad, vì có hành động chống đảng nên bị sa thải ra khỏi đảng. Staline luôn luôn nghi ngờ tổ chức đảng của thành phố Leningrad, là thành phần chống đối ông ta. Vào tháng 8 và 12 tháng 9 năm 1949, Staline ra lịnh cho bắt giam tất cả các đảng viên cao cấp ở thành phố Leningrad về tội có liên lạc với tình báo của Anh nhằm chống lại đảng.

Ông Abakoumov còn phát động cuộc lùng bắt các lãnh tụ đảng cộng sản đang giữ các chức vụ quan trọng trên khắp lãnh thổ Nga hay trên các Cộng Hòa khác. Hàng trăm đảng viên trong thành phố Leningrad bị bắt. Có trên 2.000 đảng viên bị loại ra khỏi đảng và bị đuổi ra khỏi sở làm.

Tháng 8 năm 1949, nhà cầm quyền ra lịnh đóng cửa Viện Bảo Tàng Phòng Thủ thành phố. Nơi đây là dấu vết của cuộc tử thủ oai hùng của quân Nga chống lại các cuộc tấn công của quân Đức Quốc Xã. Vài tháng sau, ông Mikhail Sonlov, Ủy Viên đặc trách Tư Tưởng của Bộ Chính Trị, được bổ nhiệm thành lập Tiểu Ban Giải tán Viện Bảo Tàng. Tiểu Ban này làm việc cho đến cuối tháng 2 năm 1953 thì giải thể.

Các thủ phạm chính bị buộc tội trong vụ án Âm

mưu Lenigrad gồm có: Kouznetsov, Rodionov, Popkov, Voznessenski, Kapoustine, Lazoutine,... đều bị xử kín vào ngày 30 tháng 9 năm 1950. Ngày hôm sau, tất cả đều bị tử hình, một giờ sau khi đọc bản án. Sự việc xảy ra trong vòng bí mật. Không một ai hay biết. Một bà vợ của bị can là con gái của vị chánh án, con dâu của Bộ trưởng Anastase Mikoian và cũng là Ủy viên Trung ương đảng cũng không hay biết gì. Qua đến tháng 10 năm 1950, các vụ án tương tự lại diễn ra. Hàng ngàn cán bộ lãnh đạo đảng bị kết án vì có liên hệ đến Âm mưu Lenigrad. Như ông Soloviev, đệ nhất bí thư thành phố Crimée; ông Badaviev, đệ nhị bí thư của Ủy Ban hành chánh Leningrad; ông Verbitski, đệ nhị bí thư vùng Mourmanski; ông Bassov, đệ nhất phó chủ tịch Hội đồng các Bộ trưởng Nga....

Phải chăng những vụ án này là cuộc thanh trừng nội bộ của đảng cầm quyền hay là khởi điểm của một chiến dịch đại khủng bố cuối cùng nhằm vào giới thầy thuốc?

Có nhiều chứng cớ cho thấy lý do thứ hai là hợp lý hơn.

Bản án Âm mưu Leningrad có thể là giai đoạn cuối cùng của một dự án chuẩn bị cho cuộc đại thanh lọc. Nhân dân Nga đã nhận ra dấu hiệu của của đại thanh lọc vào ngày 13 tháng 1 năm 1953. Những người bị kết án trong vụ Âm mưu Leningrad thật ra có liên hệ đến các vụ án vào những năm 1936-1938.

Tháng 10 năm 1949, nhân kỳ đại hội cán bộ toàn đảng vùng Lenigrad, viên đệ nhất bí thư Andrianov đọc một bản báo cáo, trong đó ông cho biết các vị cựu

lãnh tụ đảng đã cho phát hành các tài liệu do Trostki và Zinoviev viết. Mục đích của ông ta là cố tình cho thấy các cựu lãnh tụ đã có liên hệ đến các phần tử phản đảng, có tội với nhân dân như các ông Trostki, Zinovie, Kamenev,... Ông ta muốn nói rằng những vị cựu lãnh tụ này đang âm mưu khơi dậy thời kỳ 1936-1938.

Tháng 10 năm 1950, sau khi hành quyết các thủ phạm trong vụ Leningrad, các vụ chống đối và dàn cảnh chống đối diễn ra liên tục trong hai bộ Nội vụ và Công an.

Nạn nhân đầu tiên là ông Beria. Staline bày ra một âm mưu thâm độc. Ông cho sát nhập vùng Mingrelic, một vùng thuộc Cộng Hòa Georgie. Đó là quê hương của Beria. Trước kia vùng này thuộc về Thổ Nhĩ Kỳ. Với vụ sát nhập này, Staline hy vọng ông Beria sẽ ra tay tàn sát các đảng viên cộng sản đồng hương của ông và thanh trừng luôn đảng cộng sản Géorgie.

Vào tháng 10 năm 1951, Staline lại tìm cách gài bẫy Beria lần nữa. Staline ra lịnh cho bắt các cán bộ lão thành trong bộ Công an. Trong số này có cả Trung Tá Eitingon, một cận vệ của Beria trong chiến dịch ám sát Trostski vào năm 1940; Tướng Leonid Raikhman, người đã tham dự vào vụ án Mạc Tư Khoa vào năm 1938; Đại tá Lev Schwarzmann, người đã từng tra tấn các lãnh tụ cộng sản Babel và Meyrhold; Viên thẩm phán Lev Cheinine, cánh tay mặt của Vychinski, biện lý viên của các vụ án 1936-1938. Tất cả đều bị lên án là đã nhúng tay vào âm mưu lớn của người Do Thái mà

người cầm đầu là Abakoumov, bộ trưởng đặc trách nội an, một nhân vật thân cận của Beria.

Trước đó vài tháng, vào ngày 12 tháng 7 năm 1951, Abakoumov bị bắt và giam bí mật. Ông ta bị kết án vì đã thủ tiêu ông Jacob Etinguer, một bác sĩ nổi danh, gốc người Do Thái. Ông bác sĩ này bị bắt vào tháng 11 năm 1950 và bị chết trong tù. Bác sĩ Etinguer đã từng trị bịnh cho nhiều cán bộ cộng sản cao cấp như các ông Serge Kirov, Sergo Ordjonikidze, thống chế Toukhatchevski, lãnh tụ đảng cộng sản Ý Palmiro, TiTo và Georges Dimitrov.

Lý do mà ông Abakoumov thủ tiêu bác sĩ Eitinguer là để ngăn cản việc lột mặt nạ một số người Do Thái phạm tội ác, đã xâm nhập vào các chức vụ cao cấp trong guồng máy Công an.

Vài tháng sau, Abakoumov bị kết án là đầu não của cuộc âm mưu của nhóm người gốc Do Thái.

Vụ bắt giam Abakoumov là khởi điểm của một chính sách nhằm thủ tiêu và giải thể các tổ chức của người Do Thái và tổ chức của nhóm y giới, mở đầu cho cuộc đại thanh lọc.

Như vậy vào mùa hè 1951, chớ không phải là vào năm 1952, chiến dịch đại thanh trừng đã bắt đầu.

Từ ngày 11 đến ngày 18 tháng 7 năm 1951 đã diễn ra các vụ án bí mật xét xử những thành viên của Ủy ban chống phát xít của người Do Thái. Có 13 ủy viên nòng cốt của ủy ban bị kết án tử hình và bị hành quyết ngay.

Ngày 12 tháng 8 năm 1952, 10 kỹ sư gốc Do Thái

đang làm việc trong xưởng sản xuất xe hơi Staline, cũng bị kết án tội phá hoại và bị hành quyết.

Tính chung, có tất cả 125 vụ án, trong số đó có 25 bản án tử hình và số còn lại bị kết án từ 10 đến 25 năm tù và bị đưa đi lao động cưỡng bách.

Tháng 9 năm 1952, nhà nước cộng sản hoàn tất bản cáo trạng nhóm người Do Thái. Việc thi hành bản án được dời lại vài tuần vì lúc đó là thời gian đảng cộng sản tổ chức đại hội đảng cộng sản thống nhất lần thứ 19, vào tháng 10 năm 1952.

Khi đại hội kết thúc, tất cả cá bác sĩ người gốc Do Thái đều bị bắt giam bí mật.

Đến ngày 22 tháng 11 năm 1952, một vụ án xét xử cựu tổng bí thư đảng cộng sản Tiệp Khắc là ông Rudolf cùng với 13 lãnh tụ khác. 11 người trong số này bị kết án tử hình và bị treo cổ. Nó diễn ra giống như vụ án đã xảy ra ở Mạc Tư Khoa. Các đạo diễn của vụ án cũng chính là do cố vấn Nga, với mục đích là thanh toán các lãnh tụ cộng sản Tiệp gốc Do Thái. 11 trong số 14 bị can là người gốc Do Thái. Họ bị buộc tội nhúng tay trong tổ chức nhóm khủng bố Trotski-Tito và Do Thái. Đó là vụ án mở đầu cho cuộc thanh trừng người Do Thái ở các nước Đông Âu.

Ngay sau khi hành quyết 11 người, ngày 4 tháng 12 năm 1952, Staline đề nghị Hội Đồng Trung Ương ra lịnh cho Bộ Công an phải thông báo đến các đảng viên cộng sản hãy chấm dứt các việc làm không thể kiểm soát được. Như vậy là Bộ Công an bị khiển trách

và bị loại bỏ ra ngoài vì đã không kiểm soát được việc xâm nhập của những bác sĩ người Do thái vào trong các tổ chức quan trọng của chính quyền.

Như vậy là Staline đã thắng thêm một bước nữa khi ông ta dùng những vị choàng áo trắng để chống lại các lãnh tụ của ngành công an, tức là chống lại lãnh tụ Beria. Bởi vì ông Beria trong tư thế của người đứng đầu bộ an ninh, không thể bào chữa là ông không biết gì về chuyện xâm nhập phá hoại này.

Cho đến bây giờ chưa ai biết chuyện gì đã xảy ra trong khoảng thời gian vài tuần lễ trước khi Staline chết. Người ta chỉ được biết là phải thận trọng, người Bônsêvich phải đấu tranh chống lại các hình thức thụ động. Trong các cuộc họp quần chúng đều nêu ra các khẩu hiệu trừng phạt, và các vụ bắt giam và tra khảo các bác sĩ người Do Thái vẫn tiếp tục diễn ra.

Ngày 19 tháng 2 năm 1953, Phó bộ trưởng ngoại giao Ivan Maiski, cánh tay mặt của Bộ trưởng ngoại giao Molotov, là cựu đại sứ tại Luân Đôn bị bắt giam. Ông này thú nhận là đã được thủ tướng Anh Winston Churchil dùng làm gián điệp cùng một lúc với ông Alexandre Kollontai. Ông này là một trong những lãnh tụ cao cấp Bônsơvich đã cầm đầu phong trào thợ thuyền vào năm 1921.

Bà Kollontaii cũng đã từng là đại sứ của Liên Sô tại Thụy sĩ cho đến khi Thế chiến thứ hai kết thúc.

Mặc dù đã diễn ra rất tốt đẹp trong việc thụ lý hồ sơ Âm mưu, người ta không thể không nhận thấy có một

cái gì đó khác hẳn với các vụ án đã xảy ra trong những năm 1936-1938.

Không có một viên chức cao cấp nào của chế độ tham dự công khai vào các diễn tiến đã xảy ra trong suốt thời gian từ ngày 13 tháng 1 năm 1953 cho đến khi Staline chết.

Theo lời tiết lộ của Thống chế Boulganine vào năm 1970, chỉ có 4 lãnh tụ cao cấp đã tham gia vào Âm mưu này. Đó là các ông: Malenkov, Soulov, Rioumine và Ignatiev. Những lãnh tụ khác đều thấy rằng mình bị đe dọa.

Theo lời của Boulganine, vụ án của những người bác sĩ gốc Do Thái sẽ được khởi xử vào ngày 15 tháng 3 và sẽ tiếp diễn và sẽ đưa đi lưu đày một số lớn người gốc Do Thái ra vùng Birobidjan.

Ngày nay, người ta chỉ có thể tham khảo một phần các văn kiện của Phủ Chủ Tịch. Nơi này còn lưu trữ một số hồ sơ tối mật và rất là nhạy cảm. Người ta chưa biết sự thật về kế hoạch đưa một số lớn người Nga gốc Do Thái; nhưng có một điều chắc chắn: cái chết của Staline đã xảy ra đúng lúc để ngăn chặn một sự kiện là sẽ phải có thêm một danh sách của hằng triệu nạn nhân của chế độ độc tài Staline.

CHƯƠNG 15
GIÃ TỪ CHỦ NGHĨA STALINE

Staline qua đời đánh dấu nửa đoạn đường của bảy thập niên tồn tại của chế độ Liên Bang Xô Viết, và cũng đánh dấu một giai đoạn quyết định kết thúc một chế độ.

Một thành viên của Hàn Lâm Viện Pháp, ông Francois Furet đã viết: «*Cái chết của một nhân vật lãnh đạo tối cao đã biểu lộ sự nghịch lý của một chế độ. Mặc dù chế độ được ghi nhận là để phát triển xã hội nhưng tất cả các diễn biến của nó hoàn toàn tùy thuộc vào một cá nhân. Khi con người duy nhất không còn nữa, thì chính cái xã hội cũng mất đi một cái gì thiết yếu cho sự phát triển được tiếp diễn. Một trong những điểm thiết yếu này là cường độ vĩ đại của các cuộc đàn áp đã được thực hiện, dưới nhiều*

hình thức khác nhau do nhà nước chủ trương chống lại toàn thể xã hội."

Đối với các cộng tác viên quan trọng của Staline như các ông Malenkov, Molotov, Vorochilov, Mikoian, Kaganovtch, Kroutchev, Boulganine và Beria, việc chọn người để thay thế Staline trở nên vô cùng phức tạp. Một mặt là họ phải làm sao duy trì chính sách của Staline, chia sẻ trách nhiệm.

Mặt khác họ phải tìm cách quân bình hóa quyền lực của mỗi cá nhân sao cho người này không vượt trội hơn người khác. Họ phải thống nhất đưa ra một số chính sách của nhà nước để đáp ứng với tình hình hiện tại, sao cho mọi cộng tác viên đều đồng ý.

Vấn đề dung hòa chính sách của nhà nước kể từ khi Staline qua đời cho đến khi ông Beria bị bắt giam vào ngày 26 tháng 6 năm 1953 đã gặp phải rất nhiều khó khăn.

Ngày nay, khi đọc các văn bản tóm tắt của phiên họp Ủy Viên Trung ương đảng vào ngày Staline chết, ngày 5 tháng 3 năm 1953 và của phiên họp từ ngày 2 đến ngày 7 tháng 7 năm 1953 [sau khi loại trừ Beria], chúng ta tìm thấy những lý do thúc đẩy các nhà lãnh đạo kế tiếp Staline phải làm: Giã từ chủ nghĩa Staline. Từ đó Kroutchev quyết định giải thể chủ nghĩa Staline nhân kỳ đại hội thứ 20 của đảng cộng sản Xô Viết vào tháng 2 năm 1956, thành lập Đảng Cộng Sản thống Nhất. Và Đại hội đảng lần thứ 22, tổ chức vào tháng 10 năm 1962.

Lý do thứ nhất là bản năng tự vệ để sinh tồn.

Vào những tháng cuối cùng của Staline, tất cả lãnh tụ Bônsêvich đều cảm thấy tính mạng của họ không an toàn. Chẳng ai tránh được tai tiếng. Ông Vorochilov thì bị coi như là nhân viên tình báo của Anh. Ngoại Trưởng Molotov và Mikoian bị Staline loại ra khỏi Trung Ương đảng. Trùm công An Beria bị nghi ngờ có chân trong âm mưu đen tối đang diễn ra trong các cơ quan Nội an. Ở các cơ sở trung cấp thì ai nấy cũng lo sợ và tìm cách tránh né các hình thức khủng bố của chế độ. Muốn cho người dân có được đời sống ổn định là phải dẹp bỏ cơ quan công an nội chính đầy quyền lực. Khởi đầu là hủy bỏ bộ máy chính trị mà nhà độc tài đã xây dựng với chủ đích riêng của ông ta. Nhờ đó mà không một lãnh tụ nào còn có thể lợi dụng quyền hạn để tìm cách khống chế người khác. Thêm vào đó, đã có nhiều ý kiến bất đồng xảy ra trong nội bộ về chính sách cải cách ruộng đất. Cũng có nhiều hoạt động ngầm trong việc cấu kết bè phái để tìm cách thay thế Staline. Nhân vật được coi như sáng giá nhất lúc bấy giờ là trùm công an Beria đầy quyền thế. Người ta biết rất rõ một điều là không thể có một guồng máy đàn áp nào ngoài vòng kiểm soát của đảng. Đảng là vũ khí của một cá nhân dùng để đàn áp các thế lực chính trị khác.

Lý do thứ hai và cũng là lý do căn bản là cần phải có sự thay đổi để cải cách kinh tế và xã hội.

Theo như hai nhà lãnh tụ cộng sản, ông Kroutchev và ông Malenkov thì chính sách đàn áp để quản lý kinh

tế, áp đặt các hình thức trừng phạt, việc mở rộng các trung tâm lao động khổ sai Goulag là những lý do dẫn đến sự khủng hoảng kinh tế và làm bế tắc phát triển xã hội. Chính sách kinh tế được thiết lập trong những năm 1930 đã làm ngược lại nguyện vọng của tầng lớp xã hội lúc bấy giờ. Các cuộc chống đối của nhân dân và các cuộc đàn áp đẫm máu của những năm 1936-1938 như đã đề cập trước đây, không còn thích hợp nữa.

Lý do sau cùng của sự thay đổi là diễn biến tất yếu của trào lưu đấu tranh chính trị để tiến tới một bước cao hơn.

Một nhân vật điển hình là ông Nikita Kroutchev. Chúng tôi không đề cập đến quía khứ chính trị của ông ta là một người theo Staline hay không, nhưng chắc chắn ông ta đã thật sự hối tiếc về những gì ông đã làm trong quá khứ. Ông ta rất khéo léo trong sinh hoạt chính trị, rất bình dân, tỏ ra tin tưởng vào tương lai rực rỡ của Xã Hội Chủ nghĩa. Ông cương quyết xây dựng một xã hội hợp pháp. Điều này đã gây cho ông ta một thế chính trị vững mạnh hơn tất cả các lãnh tụ đồng thời. Ông cương quyết từng bước và từng phần dẹp bỏ chủ nghĩa Staline. Ông xây dựng một xã hội cấp tiến hơn. Nhưng qua những hình ảnh khủng khiếp vừa xảy ra phải làm cho người ta tự hỏi, liệu trong vài năm hoạt động, ***Kroutchev có thể biến đổi chế độ độc tài khủng bố dã man, trở thành một chế độ chuyên quyền công an trị, bảo đảm cho một xã hội trật tự hậu Staline?***

Không mấy tuần lễ sau khi Staline qua đời, chính sách nhà tù Goulag lại được tái tổ chức sâu rộng và đặt dưới quyền quản lý của Bộ Tư Pháp. Về việc tổ chức hạ tầng cơ sở kinh tế thì thuộc thẩm quyền của các cơ quan dân chính địa phương.

Về cơ chế hành chánh, nhà nước mới cho thi hành một số quyết nghị nhằm giảm bớt quyền hành của Bộ Nội Vụ. Như nghị quyết của chủ tịch đoàn Xô Viết do chủ tịch Vorochilov ấn ký, đăng trên tờ *Sự Thật* số ra ngày 23 tháng 3 năm 1953 thông báo về việc ân xá:

Tất cả các phạm nhân bị kết án dưới 5 năm.

Tất cả các phạm nhân bị kết án vì lý do kinh tế, lộng quyền và không thi hành nhiệm vụ.

Tất cả nữ tù nhân đang có thai, các nữ tù nhân trên 50 tuổi, các tù nhân dưới 10 tuổi, các nam tù nhân trên 55 tuổi.

Ngoài ra nghị quyết còn cho ân xá một nửa thời gian tù cho các tù nhân nào không phải bị kết án vì lý do chính trị, giết người có âm mưu và trộm cướp có tầm vóc lớn.

Trong vài tuần lễ, đã có 1.200.000 phạm nhân, gần một nửa con số phạm án, được phép rời khỏi các trại tập trung Goulag, các trại khẩn hoang đặc biệt và các trung tâm nhà tù. Phần lớn những người này thuộc vào tội tiểu hình, như ăn cướp vặt, bỏ sở làm, vi phạm giấy thông hành…

Lịnh ân xá không được áp dụng đối với tù chính trị. Hơn thế nữa, nội dung của nghị quyết cũng rất mù mờ,

với mục đích là tạo sự hiểu lầm để tranh giành quyền lực.

Vào mùa xuân 1953 là thời điểm để cho ông Lavrenti Beria, Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ, kiêm đệ nhất phó chủ tịch Hội Đồng Bộ Trưởng, chứng tỏ ra mình là một nhà đại cải cách.

Tại sao lại có cuộc ân xá sâu rộng như vậy?

Theo như nhận định của Amy Knight, tác giả của tập sách về cuộc đời của Beria, do nhà xuất bản Aubier cho ra mắt tại Paris ngày 27 tháng 3 năm 1953, thì chính Beria tự ý quyết định áp dụng biện pháp chính trị này để gây thế lực trong mục tiêu trở thành người thừa kế Staline.

Để chứng tỏ tính cách pháp lý về biện pháp ân xá này, ngày 24 tháng 3 năm 1953, Beria chính thức gởi một văn thư đến Chủ tịch đoàn Ủy ban Trung ương để giải thích. Beria cho rằng trong số 2.526.402 phạm nhân trong các Goulag chỉ có 221.453 thật sự là phạm tội và bị giam cầm trong các trại tù đặc biệt. Và ông ta cho rằng một số lớn tù nhân không gây nguy hiểm gì đến nền an ninh của nhà nước. Như vậy, một cuộc đại ân xá là điều cần thiết để giải tỏa gánh nặng kinh tế cho nhà nước trong công cuộc quản lý lao tù.

Từ năm 1950 trở về sau, vấn đề mở rộng các trung tâm tù Goulag và sự quản lý của nó đã trở thành câu hỏi thường xuyên trong nội bộ đảng. Các nhà lãnh tụ biết rõ vấn nạn này, ngay cả trong thời kỳ trước khi Staline qua đời. Cho nên nghị quyết ân xá ngày 27

tháng 3 năm 1953 có đủ lý do pháp lý của nó trong lúc đưa ra thi hành.

Bất kỳ lãnh tụ cao cấp trong đảng nhằm có ý định thay chân Staline đều biết rất rõ yếu tố khủng hoảng chính trị cũng như yếu tố kinh tế sa sút trầm trọng của chính sách Goulag. Cho nên họ đã đồng thuận cho thi hành biện pháp ân xá.

Khi Staline còn sống, không có một biện pháp cấp tiến nào, cho dù trong bất kỳ lãnh vực nào được phép thi hành. Sử gia Moshe Lewin nhận định rằng tất cả những gì xảy ra trong thời kỳ Staline lâm bịnh đều bất động, như là một xác chết ướp khô.

Nhưng sau khi Staline qua đời, không phải là việc gì cũng được cải tiến. Như chuyện ân xá cho các tù nhân chính trị, những người bị ghép vào tội phản cách mạng vẫn không được thi hành. Chính việc không cho ân xá các tù nhân chính trị này là nguyên nhân của các vụ nổi loạn trong các trại có quy chế đặc biệt về Goulag của Retchlag và Steplag.

Ngày 4 tháng 4 năm 1953, tờ *Sự Thật* loan tin vụ tàn sát các tù nhân thuộc giới Y Dược là do sự khiêu khích. Tờ báo cũng viết, theo lời khai thì những nạn nhân bác sĩ này bị ép buộc phải khai những điều không thật.

Vài ngày sau đó, biến cố này được thổi phồng lên khi Trung ương đưa ra một nghị quyết cho rằng đó là do quyết định sai lầm của cơ quan công an khi ra tay đàn áp nhóm tù nhân y sĩ.

Đây không phải là một vụ sai lầm duy nhất. Và như

vậy có nghĩa là cơ quan an ninh đã tự ý thi hành quá nhiều biện pháp bất hợp pháp. Đảng cộng sản chính thức phê phán những hành động này của công an. Sự kiện này đã tạo ra hai sự kiện trái ngược. Một mặt, nhiều đơn tố cáo đã gởi đến các văn phòng tòa án để xin tái xác nhận thân nhân của họ hiện còn đang giam giữ. Trong khi đó các tù nhân trong các trại thì phản đối sự thanh lọc do ban giám đốc trại, để cho phép người nào thuộc diện ân xá vào ngày 27 tháng 3 năm 1953. Các tù nhân phản đối về sự đàn áp của cai tù, phản đối ban quản trại, không thi hành các công tác lao động, bất tuân lịnh của trại.

Ngày 14 tháng 3 năm 1953, có trên 10 tù nhân thuộc các nhóm khác nhau của trại tù Norilsk tổ chức đình công. Họ tổ chức thành các nhóm thuộc các sắc dân khác nhau mà trong đó dân Ukraine và dân vùng Balc tique nắm chủ chốt. Yêu sách của họ là giảm giờ lao động; hủy bỏ in số đính bài trên quần áo; hủy bỏ quy chế hạn chế thư từ liên lạc gia đình; trục xuất các tên chỉ điểm; nới rộng các điều kiện ân xá cho tù nhân chính trị.

Ngày 10 tháng 7 năm 1953, tin Beria bị bắt đã được chính thức công bố. Beria bị tố cáo là làm gián điệp cho cục tình báo Anh. Sự việc này đã làm cho những tù nhân nghĩ rằng có cái gì đó đang diễn ra ở thủ đô Mạc Tư Khoa. Chính vì thế họ gia tăng yêu sách với nhà nước. Các hình thức không tham gia lao động của các phạm nhân ở các trại tù bắt đầu lan rộng.

Ngày 14 tháng 7, trên 12.000 tù nhân ở khu lao tù Vorkouta đồng loạt tổ chức đình công tập thể. Có nhiều dấu hiệu cho thấy nhà nước không mở các cuộc đàn áp tù nhân. Trái lại, đã xảy ra các cuộc thương thuyết ở khu Norilsk cũng như ở Vorkouta.

Từ suốt mùa hè năm 1953 cho đến kỳ đại hội đảng lần thứ 20 vào tháng 2 năm 1956, liên tục xảy ra các vụ đình công trong các trại tù đặc biệt. Cuộc nổi loạn lâu dài và quan trọng nhất diễn ra vào tháng 5 năm 1954, tại khóm 3 của khu tù Steplag, nằm trong vùng Kenguir thuộc địa hạt Karganda Cộng hòa Kazakhstan. Cuộc nổi loạn kéo dài 40 ngày và chỉ bị dẹp tắt khi các lực lượng đặc biệt của bộ Nội Vụ có xe thiết giáp yểm trợ can thiệp vào.

Sáu thành viên của Ủy Ban điều khiển cuộc nổi loạn bị hành quyết. 400 tù nhân trong nhóm nổi loạn bị bắt và bị gia tăng án tù.

Tình hình chính trị, một phần nào đó đã được thay đổi sau khi Staline qua đời.

Một số yêu sách của tù nhân đưa ra vào những năm 1953-1954 được giải quyết. Như giờ lao động đã giảm xuống, chỉ còn làm việc 9 giờ trong một ngày. Chế độ ẩm thực cũng được cải thiện khá hơn.

Trong hai năm 1953-1954, sau cái chết của trùm Beria, chính quyền đã cho thi hành một số biện pháp nhằm làm giảm quyền hành của cơ quan an ninh nội chính. Bãi bỏ xét xử vụ án chính trị Trotski. Cơ quan công an chính trị đặc biệt được cải tổ trở thành cơ quan tự

trị Cục Tình Báo Nga KGB [Komitet Gossudarstvennoi Bezpasnosti]. Con số nhân viên chỉ còn 80% so với con số nhân sự vào tháng 3 năm 1953. Tướng Servo được bổ nhiệm làm chỉ huy trưởng cơ quan KGB, đã duyệt xét lại tất cả các hồ sơ tù nhân thuộc các sắc dân bị bắt giam trong suốt thời kỳ chiến tranh.

Tướng Servo là bạn thân của Nikita Khroutchev, một người không được dân chúng biết nhiều trong quá khứ. Và chính trong giai đoạn chuyển tiếp này, ông được giao phó cho giữ một trong những chức vụ then chốt trong chính quyền.

Vào tháng 9 năm 1955, chính quyền cho ân xá thêm một số tù quan trọng. Họ bị bắt trong năm 1945 vì đã hợp tác với quân Đức Quốc Xã và một số tù binh Đức bị bắt giam trên lãnh thổ Nga.

Và cuối cùng, nhà nước cũng ban hành nhiều biện pháp khoan hồng cho các tù khẩn hoang đặc biệt. Những người này được phép đi lại trong những vùng rộng lớn hơn mà không cần phải trình diện tại các cơ quan quản lý. Chiếu theo hiệp ước Đức - Liên Xô, có tất cả 1 triệu người trên tổng số 2.750.000 người Nga gốc Đức bị đưa đi lưu đày trong tháng 9 năm 1945, là những người đầu tiên được hưởng quy chế ân xá. Nhưng chính sách ân xá chỉ nhằm bãi bỏ một số biện pháp pháp lý giới hạn của những người tù, không đủ để thoả mãn những gì họ mong đợi. Họ không có quyền trở về quê quán; họ không được phép nhận lại những tài sản của họ.

Chính sách hạn chế từng phần, từng bộ phận của Khroutchev được người dân coi như là chính sách hạ bệ Staline. Cũng nên nhớ lại rằng Khroutchev là một trong những lãnh tụ thân cận với Staline.

Ông ta cùng với các lãnh tụ khác đã tham dự trực tiếp vào các cuộc đàn áp trong quá khứ, dưới triều Staline. Nhờ giải thế các khu vực canh tác theo lối chủ điền; thanh trừng cán bộ cộng sản; cho lưu đày các sắc dân; hành quyết những người đối lập; thực hiện chính sách đấu tranh giai cấp. Cho nên dưới triều của Khroutchev, chiến dịch hạ bệ Staline thật ra chỉ diễn ra trong giới hạn nhỏ. Ông ta chỉ tố cáo việc sùng bái cá nhân quá đáng của thời Staline mà thôi.

Trong bản phúc trình mật đọc vào đêm 24 tháng 2 năm 1956 nhân kỳ đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 20, ông Khroutchev chỉ lên án một phần nhỏ của chủ nghĩa Staline. Ông ta không đặt lại vấn đề và những lý do chính vì sao Đảng đã quyết định hồi năm 1917. Ông đưa ra các sự kiện lịch sử sai lầm có hệ thống của chủ nghĩa Staline khởi đi từ năm 1934. Bản phúc trình mật không đề cập đến các tội ác của Staline trong chính sách cưỡng bách kinh tế tập thể hoá. Ông cũng không nói đến vụ hàng triệu người chết trong những năm 1932-1933 vì đói kém, do chính sách kinh tế sai lầm của Staline. Ông ta chỉ liệt kê con số nạn nhân của Staline là những đảng viên cộng sản, những người dưới tay của Staline, mà không hề đề cập đến hàng triệu dân chúng, chính là những nạn nhân trực tiếp của chế độ.

Khroutchev đã khéo léo không trả lời câu hỏi chính: trách nhiệm của đảng cộng sản đối với nhân dân kể từ khi đảng cộng sản lên nắm chính quyền từ năm 1917.

Sau đại hội đảng lần thứ 20, nhiều biện pháp cụ thể đã được thi hành. Các biện pháp này đã bổ túc cho một số chính sách trước đây.

Trong tháng 3 và 4 năm 1956, các người bị đưa đi khẩn hoang đặc biệt thuộc thành phần sắc tộc, hay bị tình nghi hợp tác với Đức, bị bắt vào những năm 1943-1945 đều được các cơ quan thuộc bộ Nội Vụ giảm bỏ các thủ tục kiểm soát hành chánh. Nhưng họ cũng chẳng được quyền đòi hỏi lại những tài sản của họ, bị nhà nước tịch thu trước đây.

Biện pháp ân xá nửa chừng này chỉ gây thêm sự phẫn nộ. Một số lớn không chịu ký tên xin ân xá khi họ bị buộc phải chấp nhận là không đòi lại tài sản và cũng không xin trở về nguyên quán. Người ta nhận thấy chính phủ có phần nhượng bộ. Điều này chứng tỏ có thay đổi trong chính sách của chính quyền vào lúc bấy giờ.

Ngày 9 tháng 1 năm 1957, nhà nước cho thi hành nghị quyết nhằm giải tán các cộng hòa và các vùng tự trị của các sắc dân, trừ cộng hòa Tatars ở vùng Crimée.

Suốt trong 3 thập niên, người Tatar quyết tâm tranh đấu để đòi cho được trở về quê quán của họ.

Từ năm 1957, đã có hàng chục ngàn người thuộc các sắc dân Karakchais, Kalmouks, Balkars, Tchetchènes và Ingouches lục đục trở về quê hương của họ. Nhà

nước không trợ giúp họ tái định cư. Nhiều vụ chống đối giữa những người tù trở về quê cũ và những người Nga đến đang chiếm ngự nhà cửa của họ. Những người Nga này trước kia cư ngụ ở những vùng lân cận, được nhà nước chuyển về các khu vực này định cư, khi dân ở đây bị nhà nước bắt đi lưu đày. Khi những người tù trở về vì không có hộ khẩu nên không thể đăng ký chính quyền địa phương để có nơi cư ngụ chính thức. Họ phải tự tìm chỗ ở bằng cách cất chòi, lều vải hay nhà tạm bợ bằng gỗ thông thường. Họ sống trong tình trạng bị đe dọa thường xuyên. Họ bị bắt và bị truy tố về các tội không có giấy thông hành, không hộ khẩu. Chính quyền địa phương không chịu cung cấp cho họ các loại giấy tờ hợp pháp đó. Với các lý do đó, họ có thể bị 2 năm tù.

Tháng 7 năm 1958, tại thủ đô Grozny của xứ Tchetchène đã xảy ra vụ thảm sát đẫm máu giữa dân Nga và dân Tchetchène. Sau đó nhà nước phải chấp nhận cất nhà ở cho dân tù Tchetchène. Từ đó quan hệ giữa hai sắc dân tạm thời lắng dịu.

Nhưng phải đợi mãi đến tháng giêng năm 1960, quy chế của người dân đi khẩn hoang đặc biệt mới chính thức bãi bỏ. Những người lưu đày thuộc sắc dân Ukraine và dân vùng Baltique là những người được phóng thích sau cùng. Nhưng vì hệ thống hành chánh quá rườm rà và gặp quá nhiều trở ngại trong lúc lập thủ tục ân xá, cho nên có rất nhiều người chán nãn, đành phải ở lại chọn nơi này làm quê hương; trong khi

một số khác ít hơn quá bán lên đường trở về quê nhà.

Một số lớn tù nhân bị ghép vào tội phản cách mạng chỉ được ân xá sau kỳ đại hội đảng lần thứ 20.

Có chừng 90.000 người được trả tự do trong năm 1954-1955.

Vào năm 1956-1957 có gần 310.000 tù nhân thuộc diện phản cách mạng được hồi hương.

Tính đến đầu năm 1959, chỉ còn 11.000 tù nhân chính trị còn bị giam.

Để tiến hành nhanh chóng thủ tục ân xá và hồi hương, nhà nước đã thành lập 200 uỷ ban tư pháp về các trại giam. Nhưng được phóng thích ra khỏi trại giam không có nghĩa là được phục hồi quyền công dân để hưởng được các quyền lợi khác.

Trong hai năm, 1956-1957, chỉ có chừng 60.000 người trở về được phục hồi quyền công dân. Con số đông còn lại phải chờ nhiều năm sau, có khi hàng chục năm mới được cấp giấy chứng minh nhân dân cần thiết này. Trong tác phẩm *Mọi việc rồi sẽ qua đi* nhà văn Vassili Grossman gọi năm 1956 là năm của các cuộc trở về. Ông đã dùng nhóm từ các cuộc trở về thật là đầy đủ ý nghĩa, thật là vĩ đại. Nó phản ảnh sự êm lặng hoàn toàn về phía nhà nước và chính nó đã gợi lại trong đầu của những người đã không có cơ hội để trở về nơi chôn nhau cắt rún của mình. Nó gây chấn thương tâm lý trong quần chúng và đã làm xáo động trong đời sống của người dân.

Trong tác phẩm *Hai nước Nga đối diện*, nhà văn

Lydia Tchoukovskaia đã tả cái thảm kịch mặt đối mặt trong cùng một xã hội. Một nước Nga cầm tù và một nước Nga bị cầm tù. Trong cái khung cảnh thù hận đó, chính quyền quyết định không giải quyết các thư tố cáo cá nhân, thư tố cáo các viên chức, trước đây có nhúng tay bất hợp pháp trong các vụ đàn áp, tra tấn và đưa đi tù đày. Cơ quan duy nhất có quyền tái cứu xét các bản án đó là Ủy ban kiểm soát của đảng cộng sản.

Trong các văn thư của nhà nước gởi đến các văn phòng biện lý có rất nhiều phần đề cập đến vấn đề ưu tiên giải quyết cho các cán bộ cộng sản và quân nhân.

Sau khi cho ân xá tù chính trị, các trại giam sau thời kỳ Staline đã giảm xuống đến con số tương đối ổn định.

Vào năm 1959-1960 có chừng 900.000 phạm nhân, trong đó có chừng 300.000 người thuộc diện cứng đầu. Những người này hoặc đã tái phạm hay bị kết án tù nhiều năm. Con số còn lại 600.000 người thuộc diện thường tội.

Vai trò chính ở các Goulag là dùng nhân lực của tù nhân để khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên ở các vùng Cực Bắc và vùng Viễn Đông của nước Nga. Nhưng rồi theo tình thế, vai nhiệm vụ này của Goulag cũng biến mất dần. Vì các trại tù dưới thời Staline được phân tán mỏng ra cho nên các địa hình của Goulag cũng bị biến thể. Một số trại tù về sau được tái thiết lập ở vùng nằm về khu vực của Nga nằm trong lục địa Âu châu.

Mặc dù có cải thiện hệ thống nhà tù sau khi Staline

qua đời, nhưng chính sách quản trị các trại tù vẫn còn xa lạ với hệ thống luật pháp của nhà nước pháp trị. Nó vẫn còn dấu vết của thời kỳ giam cầm trong chế độ Xô Viết đưới thời Staline. Con số tù vẫn tiếp tục gia tăng khi nhà nước mở chiến dịch bài trừ du đãng, rượu chè, không nhà không cửa, thất nghiệp,... và nạn nhân của các điều lệ 70 và 190 của bộ hình luật mới vừa cho áp dụng từ năm 1960.

Chiếu theo các điều lệ trong bộ hình luật mới, các biện pháp khác nhau về việc trao trả phạm nhân thay đổi liên tục.

Một trong các biện pháp cải tổ đầu tiên sau thời Staline được ban hành vào ngày 25 tháng 4. Đó là hủy bỏ điều lệ chống lại công nhân của năm 1940. Theo điều lệ này, trước đây nhà nước cấm công nhân đình công hay bỏ sở làm. Nhà nước dùng phương pháp cải tổ từng phần để dẫn dư luận quần chúng đến việc chấp thuận đạo luật về những điểm căn bản mới của Bộ Hình Luật, ban hành ngày 25 tháng 12 năm 1958. Các điểm căn bản này đã thay đổi hoàn toàn các cụm từ của Bộ Hình Luật trước. Như kẻ thù của nhân dân; tội ác phản cách mạng...

Hơn thế nữa, người dân chỉ chịu trách nhiệm trước pháp luật khi đúng 16 tuổi trở lên, thay vì 14 tuổi như trước kia. Công an không được tra tấn trong lúc hỏi cung. Các bị can khi ra tòa đều có luật sư, tham khảo tài liệu trước khi bào chửa cho bị can. Ngoại trừ vài

trường hợp đặc biệt, đa số các phiên tòa đều được xử công khai có quần chúng tham dự.

Nhưng Bộ Hình Luật năm 1960 vẫn còn giữ lại một số điều lệ nhằm trừng phạt mọi hình thức sai lệch định hướng chính trị và ý thức hệ. Chiếu theo điều 70 của Bộ Hình Luật này, bất kỳ người nào có ý tuyên truyền để làm giảm uy tín của chế độ và quyền lực của nhà nước Liên Xô đều bị trừng phạt từ 6 tháng cho đến 7 năm tù và sau đó bị đưa lưu đày từ 2 đến 5 năm.

Điều 130 lên án những ai biết các hoạt động chống lại chế độ mà không chịu đi tố cáo. Những người này sẽ bị tù từ 3 đến 5 năm và bị phạt lao động không công cho nhà nước.

Trong hai thập niên 1960-1970, nhà nước đã cho áp dụng sâu rộng hai điều luật 70 và 190 là điều luật nói về các hình thức đi lạc hướng chính trị và ý thức hệ. Có đến 90% thường dân bị bắt giam vì những lời phát biểu hay có hành động chống lại chính quyền Xô Viết.

Trong những năm thay đổi đường lối lãnh đạo chính trị cũng như cải thiện đời sống kinh tế, người ta thấy dường như có rất ít hay không có xảy ra các hình thức tranh cải hay bất đồng ý kiến. Có lẽ là do cái quá khứ bị đàn áp ghê rợn vẫn còn ghi đậm trong ký ức của người dân, cho nên chẳng ai muốn phản kháng.

Lần thứ nhất trong 5 năm đầu của chế độ, một bản báo cáo của KGB được ghi nhận như sau: Năm

1961 có 1.300 vụ chống đối; năm 1962, 2.500 vụ; năm 1964, 4.500 vụ và năm 1965 1.300 vụ. Ở vào thời điểm của những năm 1960-1970, cơ quan KGB có nhiệm vụ theo dõi ba loại người. Nhóm nhất nhất là những người thiểu số hoạt động trong các Tôn Giáo;

Nhóm thứ hai là nhóm thiểu số có khuynh hướng quốc gia như các người gốc Baltique, gốc Tatar ở vùng Crimée, người Đức, người Ukraine,...

Nhóm thứ ba là giới trí thức, tham gia vào các phong trào ly khai vào những năm 1960.

Năm 1957, nhà nước mở chiến dịch chống Tôn Giáo. Một số tín đồ bị bắt giam và đóng cửa các giáo đường, nhà thờ mà trước đây trong thời kỳ chiến tranh với Đức được phép hành đạo.

Sự hợp tác của Giáo Hội Chính thống Giáo với nhà nước không còn nữa. Sự xung đột gia tăng. Cơ quan KGB đặc biệt lưu ý đến nhóm người thiểu số sinh hoạt trong các Tôn Giáo vì nhà nước cho rằng những người này được sự trợ giúp của các tổ chức Tôn Giáo của nước ngoài. Một vài dẫn chứng cho thấy các sự kiện này đã diễn ra. Năm 1973-1975, KGB bắt giam 116 tín đồ Tin Lành; năm 1984 có đến 200 người bị bắt giam trung bình từ một năm tù trở lên.

Ở vùng phía Tây Ukraine, chính sách Xô Viết hóa đã gặp nhiều khó khăn. Có lúc phải ngưng lại vì sự chống đối của nhóm người quốc gia, trước kia có chân trong phong trào kháng chiến OUN. Một số người trong tổ chức ở các vùng Ternopol, Zaporojre-Ivano-Frankovsk,

Lviv bị phát hiện và bị trừng phạt vào những năm 1961-1973. Họ bị kết án từ 5 đến 10 năm tù.

Tại Lituanie thuộc vùng Baltique, từ năm 1940 bị sát nhập vào Liên Xô, vào những năm 1960-1970 đã có nhiều vị Linh Mục Thiên Chúa Giáo bị bắt giam.

Cho đến ngày Liên Bang Xô Viết tan rã, vấn đề của người Tatars thuộc vùng Crimée vẫn chưa được giải quyết. Họ bị Staline đưa đi lưu đày tập thể vào năm 1944.

Vào những năm cuối của thập niên 1950, phần lớn dân Tatars định cư ở vùng Trung Á. Khi tình hình chính trị ở Liên Xô bắt đầu thay đổi, họ phát động chiến dịch, đưa kiến nghị, đòi được trở về quê cha đất tổ của họ.

Vào năm 1966, một thỉnh nguyện thơ với 130.000 chữ ký của dân Tatars đã được chuyển đến Đại Hội Đảng lần thứ 23.

Tháng 9 năm 1967, văn phòng Chủ Tịch Xô Viết Tối Cao ra nghị quyết bải bỏ tội phản bội tập thể mà nhà nước trước kia đã kết án.

Ba tháng sau, một nghị quyết khác thừa nhận quyền tự trị của dân Tatars. Họ được quyền chọn nơi sinh sống nhưng phải tôn trọng luật pháp của nhà nước. Họ được cấp thẻ thông hành nội địa và như vậy họ được hưởng các quy chế lao động cũng giống như những người khác.

Từ năm 1968 đến năm 1978 chỉ có 15.000, tức là khoảng 2% người Tatars đủ tiêu chuẩn pháp lý để được cấp giấy thông hành nội địa.

Một tướng lãnh trong quân đội Nga ông Grigorenko,

ủng hộ phong trào tự trị của dân Tatars. Ông bị bắt vào tháng 9 năm 1969 trong lúc đó ông ta đang phục vụ ở Tachkent thuộc Cộng Hòa Ouzbékistan. Ông bị đưa vào bịnh viện tâm thần. Sau này mỗi năm, nhà nước Cộng Sản cũng bắt giam khoảng 10 người chống đối khác trong các nhà thương điên như trên.

Nói một cách tổng quát, sau thời kỳ Staline, các vụ án chính trị đều được xử công khai và dân chúng có quyền tham dự.

Như vụ án nhà văn Andrei Siniaviski và Iouri Daa niel diễn ra vào tháng 2 năm 1966. Cả hai bị kết án 5 năm tù và 7 năm lao động cưỡng bách.

Các nhà viết sử đánh giá bản án này khởi đầu cho một phong trào ly khai.

Ngày 5 tháng 12 năm 1965, vài ngày sau tin hai nhà văn bị bắt, một cuộc biểu tình có chừng 50 người tham dự để bày tỏ ủng hộ tinh thần hai nhà văn tại công trường Pouchkine ở Mạc Tư Khoa.

Từ năm 1960, có chừng trăm người trong nhóm ly khai. Mười năm sau, con số này tăng lên 2.000 người. Hình thức chống đối của nhóm người này khác với các hình thức trước kia. Thay vì đòi hỏi bải bỏ chế độ, họ đòi nhà nước phải thi hành nghiêm chỉnh các nghị quyết, hiến pháp và các hiệp ước quốc tế mà Liên Bang Xô Viết đã ký kết. Nhóm ly khai thay đổi hình thức đấu tranh. Họ không hoạt động bí mật nữa. Họ hoạt động công khai và quảng bá các hình thức đấu tranh của họ đến quần chúng, trong các xí nghiệp. Họ thường tổ

chức các cuộc họp báo và nếu được nhà nước cho phép họ mời các nhà báo ngoại quốc đến tham dự.

Về phương diện tương quan quyền lực thì con số vài trăm người trong nhóm ly khai chẳng thể nào so sánh với bộ máy cai trị khổng lồ và đầy quyền lực của nhà nước. Do vậy thông tin quốc tế là vũ khí quyết định của họ. Như sự xuất hiện tập hồi ký của nhà văn Alexandre Soljenitsine vào năm 1973, quyển *Quần đảo ngục tù Goulag* cùng với sự trục xuất nhà văn lừng danh này đã làm cho nền chính trị của Liên Xô lung lay.

Trong vòng hai năm, nhờ các hoạt động của nhóm người này mà vấn đề nhân quyền đã trở thành vấn đề quan trọng mang tính cách quốc tế trong cuộc hội nghị về vấn đề An Ninh và Hợp Tác Âu Châu vào đầu năm 1973 tại thủ đô Helsinki của Phần Lan. Văn kiện của cuộc hội nghị này đã được Liên Xô ký tên và điều này đã làm gia tăng tiếng nói của nhóm người ly khai. Ngay sau đó, các nhóm người ly khai đã rầm rộ thành lập các uỷ ban để theo dõi sự thi hành hiệp ước Helsinki tại các thành phố Mạc Tư Khoa, Leningrad, Kiev, Vilnus,...

Họ thông báo cho quốc tế biết về các hành động vi phạm nhân quyền của nhà nước như đã ghi trong hiệp ước.

Trong bối cảnh quốc tế hóa vấn đề nhân quyền ở Liên Xô đã làm cho cơ quan công an KGB tê liệt. Khi Công an bắt người nào đó, thì lập tức cả thế giới biết

đến. Sự việt bắt bớ không còn là vấn đề bí mật của nhà nước nữa. Qua các dữ kiện chính trị và con số bị bắt, người ta lưu ý đến sự liên hệ giữa biến chuyển bên ngoài và sự bắt bớ ở bên trong nước Nga.

Trong những năm 1968-1972 và trong năm 1979-1982, con số người ly khai bị bắt nhiều hơn so với những năm 1973-1976.

Cho tới giờ này, người ta chưa có được con số chính thức về những người ly khai chính trị bị bắt giam trong những năm 1960 đến 1985.

Các nguồn tin do nhóm người đối lập chính trị cho biết là có chừng vai trăm người bị bắt giam trong những năm căng thẳng nhất.

Trong năm 1970, trong tờ *Biên Niên Sử*, người ta đọc thấy có đến 600 người bị kết án. Trong số này có 21 người bị giam trong các nhà thương Tâm Thần với lý do là để phòng ngừa.

Qua năm 1971, con số tù chỉ có 85 người và 24 đi nhà thương Tâm Thần.

Trong những năm 1979-1982, là những năm căng thẳng vì đối đầu với các vấn đề quốc tế, nhà nước Liên Xô cho bắt giam trên 500 người.

Ở trong một quốc gia mà nhà cầm quyền luôn luôn xa lạ với dư luận tự do, những diễn đạt của sự bất đồng ý kiến không phù hợp chánh sách của nhà nước, hiện tượng đối lập chính trị, hiện tượng chống đối cấp tiến, nhân quyền, không thể có ảnh hưởng trực tiếp đến việc hình thành một xã hội.

Một sự thay đổi thực sự còn tùy thuộc ở một số điều kiện nào đó. Nó bắt nguồn từ một nền văn hóa và một xã hội tự trị, xuất hiện vào những năm 1960, những năm 1970, kéo dài nhiều năm trong thập niên 1980 và cùng với sự phản tỉnh chính trị của các phần tử cấp tiến ưu tú cần thiết như những gì đã diễn ra trong năm 1953.

CHƯƠNG 16
KẾT THÚC PHẦN NHÀ NƯỚC CHỐNG LẠI NHÂN DÂN

Trong lúc tổng hợp các chương trên, mục đích của chúng tôi không phải là nêu lên các hành động tàn bạo và các biện pháp đàn áp mà nhà nước Liên Xô đã chủ trương trong suốt thời gian chế độ này ngự trị. Cũng không phải để nêu lên sự khác biệt trong cái nhìn của các sử gia trước và sau khi được phép tham khảo tài liệu mật khi viết về cường độ và hậu quả của các cuộc khủng bố và đàn áp.

Ngược lại, khi được phép tham khảo, chúng tôi muốn thiết lập một bản thống kê toàn bộ các diễn tiến có tính cách hệ thống theo thời gian về số lượng cũng như phương thức áp dụng bạo lực, và ý nghĩa của những lời dẫn giải khác nhau.

Trong suốt 10 năm gần đây, có nhiều cuộc nghiên

cứu sâu rộng đã xảy ra ở Nga cũng như ở Âu Châu. Với chính sách mở cửa - cho dù chỉ mới hé mở - các sử gia cũng đã bắt đầu sưu tầm các tài liệu của các văn kiện trước kia được coi như là bất bình thường mà ngày nay được cho phép truy lục. Nhờ vậy, nhiều sử gia, nhất là sử gia người Nga đã tung ra nhiều tài liệu, làm nền tảng cho các cuộc nghiên cứu sâu rộng đang diễn tiến.

Nhiều lãnh vực nghiên cứu được đặt lên hàng đầu. Đặc biệt là các trung tâm tù vĩ đại; các cuộc nổi dậy của nhân dân chống lại nhà nước; chính sách, các hình thức ban hành các đạo luật và thực thi các quyết nghị của nhà nước Cộng sản.

Hai sử gia người Nga, ông V.N. Zemsov và N. Bougai viết một bản thống kê về số lượng của tất cả các cuộc lưu đày trong suốt thời gian Staline cai trị, nghĩa là từ khi Lenine cho đến khi Staline tắt hơi thở cuối cùng.

Các ông V.P Danliov ở Nga và ông A. Graziosi ở Ý viết về các cuộc đụng độ liên tục của nông dân với tân chế độ Xô Viết.

Dựa theo tài liệu của Trung ương đảng, sử gia O. Klevniouk đã đưa ra ánh sáng về các cuộc họp vòng tròn ở điện Cẩm Linh. Nghĩa là tất cả những gì trước khi cho thi hành đều có sự quyết định và được sự đồng ý của các lãnh tụ Bônsêvích.

Căn cứ vào kết quả các cuộc nghiên cứu trên, chúng tôi cố gắng sắp xếp lại cho có hệ thống những diễn biến của các chu kỳ bạo động và đàn áp, khởi đầu từ năm 1917. Các chu kỳ này đã trở thành mục tiêu chính

của các cuộc nghiên cứu rộng lớn về lịch sử và xã hội Nga. Nó cũng trở tránh tài liệu nghiên cứu của khoa Xã Hội Học trên toàn thế giới.

Khi xử dụng các tài liệu quý giá của các sử gia đàn anh đã dày công khảo cứu các diễn biến bi thảm của lịch sử, chúng tôi đã cẩn thận chọn lựa những sử liệu biểu tượng trong các hình thức đàn áp bạo động đa dạng. Các cuộc đàn áp đã diễn ra cho từng nhóm nạn nhân chuyên biệt và xảy ra trong từng thời kỳ khác nhau. Có khi giữa hành động đàn áp cùng với những bản văn tuyên cáo cũng không đồng nhất. Như khi Lenine tuyên án đem xử bắn tất cả các thành viên của nhóm Mensêvích, thì thật ra Lenine chỉ bắt họ bỏ tù mà thôi. Như hành động của các toán trưng thu lương thực ở miền quê.

Các toán này chỉ được lệnh thi hành trưng thu lương thực cưỡng bách trước ngày Lenine ban hành chính sách kinh tế mới vào năm 1921. Thế nhưng các toán trưng thu vẫn tiếp tục thi hành chính sách này cho đến cuối năm 1922, mặc dù chính sách kinh tế mới đã ban hành hơn một năm qua.

Trong những năm 30, trong khi nhà nước Trung ương ra lịnh phóng thích tù nhân vì nhà tù không còn chỗ để chứa, thì ngược lại, các toán công an cứ tiếp tục lùng bắt người.

Trong số quá nhiều sự việc đã xảy ra như một vài sự kiện điển hình kể trên, chúng tôi có ý định làm một bản thống kê các cuộc đàn áp bạo động hầu để giải

đáp một phần nào những câu hỏi về cơ cấu của guồng máy cai trị, mức độ và ý nghĩa của các cuộc khủng bố mà nhà nước Liên Xô nhắm vào đám đông quần chúng.

Các diễn tiến đàn áp thường xuyên diễn ra một cách ngẫu nhiên cho đến khi Staline qua đời đã làm chúng tôi quyết định, trong giai đoạn đầu, đưa mục đích của cuộc nghiên cứu về lịch sử chính trị của nước Nga xuống hàng thứ hai.

Trong lúc sắp xếp các tài liệu cho có hệ thống, nhiều sự kiện trước đây hay những sử liệu vừa mới được công bố, đã đặt cho chúng tôi một số vấn đề cần phải giải quyết. Các câu hỏi thường nảy sinh ra khi chúng tôi bắt gặp một số bản phúc trình của các nhân viên thi hành công tác, viết tại chỗ gởi về trung ương. Đó là các bản phúc trình của các toán công an Tchéka địa phương nói về nạn chết đói, các cuộc đình công ở Toula; các bản phúc trình của các ban quản lý các trại lao động tập trung viết về tình trạng sức khỏe của các tù nhân cải tạo. Tất cả các sự kiện đó kết tụ thành một hình ảnh thực tế của một thế giới bạo lực đang ngự trị.

Chúng tôi cố tình nhắc lại chu kỳ đàn áp với mục đích để chúng ta thử đặt lại một số vấn đề. Và đó chính cái đích của cuộc nghiên cứu này.

Chu kỳ đầu tiên xảy ra vào cuối năm 1917 cho đến cuối năm 1922 với việc cướp chính quyền. Theo sách lược của Lenine, chỉ có con đường bạo lực nội chiến mới đạt mục đích này.

Sau một thời gian ngắn hình thành các điều kiện

khả thi như sức phản kháng bộc phát của quần chúng, Lenine đã dùng nó như một vũ khí cần thiết để phá vỡ trật tự của chế độ cũ. Vào mùa Xuân 1918, người ta chứng kiến một cuộc tấn công xã hội nông thôn đã được nghiên cứu kỹ từ trước. Đó là cuộc chiến làm mẫu mực cho các cuộc đàn áp diễn tiếp trong mấy thập niên sau này. Các cuộc khủng bố đã gây nên sự bất mãn tột độ của dân chúng đối với chính quyền Xô Viết, và đã gây ra cuộc nội chiến giữa hai lực lượng Hồng và Bạch quân.

Một điều đáng lưu ý là, mặc dù chính quyền Xô Viết đang ở trong thời kỳ bấp bênh, chính quyền Bônsêvích từ chối các cuộc thương thuyết. Họ tiếp tục tiến lên và tiếp tục đàn áp nhóm người Mensêvích, đàn áp công nhân thợ thuyền nổi loạn ở thành phố Kronstadt. Và chu kỳ đàn áp này vẫn tiếp tục diễn ra khi Bạch quân thua trận và cả sau khi Lenine cho ban hành chính sách kinh tế mới NEP. Nó diễn ra một cách liên tục và mãnh liệt mà hệ quả của nó là nạn chết đói kinh hoàng trong năm 1922.

Từ năm 1923 - 1927, các cuộc khủng bố tạm ngưng. Với mục đích gì?

Nhiều sự kiện cho thấy đó là hậu quả của cuộc nội chiến.

Con số nhân viên của cơ quan công an nội chính giảm xuống. Nhà nước muốn đổi cuộc chiến đàn áp nông dân qua con đường pháp lý. Nhưng nhà nước vẫn chưa cho giải tán toàn bộ bộ máy công an. Các toán

này chỉ thay đổi nhiệm vụ. Từ công tác đàn áp, các toán này làm công việc kiểm soát, canh phòng và thiết lập phiếu cá nhân. Đó là mục đích của cuộc ngưng bắn.

Chu kỳ đàn áp lần thứ nhất đã diễn ra trực tiếp và toàn bộ. Trong khi đó, chu kỳ đàn áp lần thứ hai chỉ xảy ra giữa các một nhóm người thân Staline chống lại tầng lớp nông dân, vào lúc mà các lãnh tụ cộng sản cao cấp đang tranh nhau để chiếm chiếc ghế của nhà độc tài Staline. Cả hai phe đều nghĩ rằng, tiếng súng của chu kỳ đàn áp đã thực sự tái diễn. Nhà nước cộng sản đem áp dụng lại một số biện pháp mà trước kia họ thi hành khi ra tay đàn áp nông dân. Và cũng chính các hành động đàn áp này đã dẫn đến sự thoái hoá của nhà nước 25 năm sau đó.

Cuộc tuyên chiến lần thứ hai của nhà nước đối với tầng lớp nông dân đã quyết định sự hình thành một định chế khủng bố như là một chính sách cai trị. Có nhiều hình thức định chế khủng bố khác nhau. Nhà nước tìm cách gây hận thù giữa lớp người nghèo và người giàu, như trước kia họ vẫn thường hay áp dụng ở thông thôn. Chính quyền cũng mở chiến dịch cho lưu đày một số đông quần chúng. Đồng thời trong thời gian này, nhà nước cố đào tạo cán bộ chính trị phục vụ cho chế độ. Sau đó, nhà nước cũng diễn lại cái trò thu mua nông sản cưỡng bách theo lối ăn cướp tài sản của nhân dân. Sự kiện này đã gây xáo trộn hệ thống sản xuất của tầng lớp nhà nông. Nó mở đường cho cuộc thử nghiệm giết người kinh tởm nhất dưới thời Staline.

Năm 1933 đã xảy ra ở Liên Xô một trận đói làm chết hàng chục triệu người. Đó là thời kỳ có con số người chết cao nhất dưới triều Staline. Con số nông dân chết quá nhiều và nhà tù nhốt quá nhiều tù nhân cho đến nỗi không còn đủ người để gieo hạt giống trong các vụ mùa. Đứng trước tình cảnh này, nhà nước tạm thời hưu chiến với nông dân và cho ân xá một số tù nhân. Nhưng biện pháp hòa giải đã dẫn đến tình trạng căng thẳng khác. Nhà nước lại ra lịnh không cho con cái của những người điền chủ trở về quê quán mặc dù những người này đã được phục hồi quyền công dân.

Làm thế nào để hiểu được tính liên tục của các chu kỳ khủng bố đã xảy ra trong suốt thập niên 30 và các thập niên sau đó?

Để có một cái nhìn chính xác, chúng tôi căn cứ theo các mốc thời gian và mức độ diễn tiến của các cuộc đàn áp. Thời gian xảy ra cuộc Đại Khủng Bố trong vòng hai năm, từ cuối năm 1936 đến cuối năm 1938. Có đến 85% án tử hình trên tổng số án tử hình trong suốt thời kỳ Staline cầm quyền, do các toà án nhân dân đặc biệt thi hành. Trong suốt thời gian khủng bố này, người ta không thể hiểu nổi về thành phần cán bộ bị hành quyết và con số nạn nhân phải được thủ tiêu theo con số nhà nước ấn định trước. Cuộc đàn áp man rợ và thủ tiêu mù quáng đã được coi như là phượng tiện duy nhất nhằm giải quyết một số khủng hoảng tranh chấp nội bộ.

Nhìn vào đối tượng của các cuộc đàn áp, người ta có thể biết được tầng lớp nạn nhân của các vụ khủng bố

trong suốt thập niên 30. Nạn nhân cuối cùng của nhà nước cộng sản đó là những người dân cùng đinh nhỏ bé sống trong các thành phố, khởi đầu từ năm 1938 bằng các đạo luật mang tính chất chống lại nhân dân.

Trong bối cảnh của chính sách Liên Xô hóa các vùng vừa mới chiếm, và cuộc chiến Ái Quốc, từ năm 1940, người ta nhận ra một giai đoạn đàn áp mới. Biểu tượng cho thời kỳ khủng bố này là một tầng lớp nạn nhân mới. Đó là những người có tinh thần quốc gia và các nhóm người thuộc các quốc gia thù nghịch bị truy lùng và cho đi lưu đày tập thể. Triệu chứng của các đợt lưu đày cũng đã được ghi nhận vào những năm 1936-1937. Một số dân Nga gốc Triều Tiên nằm dọc biên giới là những nạn nhân bị lưu đày đầu tiên.

Từ năm 1939, việc sát nhập các vùng đất nằm ở phía Đông Ba Lan rồi đến ba nước vùng Baltique đã dẫn đến sự loại trừ các Đại Biểu của các sắc dân này. Nhà nước cộng sản kết tội những người này thuộc tầng lớp trung lưu tư sản quốc gia. Họ bị đưa đi lưu đày cùng với một số nhóm dân thiểu số khác, điển hình là dân Ba Lan cư ngụ ở vùng Đông Galicie. Chiến dịch lưu đày tập thể gia tăng khi chiến tranh Nga-Đức bùng nổ. Nhà nước không quan tâm đến nhu cầu tối yếu của quốc phòng đang đe dọa tiêu diệt. Và rồi các cuộc lưu đày tập thể dân Nga gốc Đức, gốc Tatar, gốc Kalamouk, gốc Tchetchene vẫn diễn ra liên tục nhờ vào kinh nghiệm của các năm vừa qua. Chiến tranh không làm cản trở chính sách lưu đày. Nó vẫn diễn ra có hệ thống và kéo

dài trong suốt thập niên 40 trong chính sách bình định và Xô Viết hóa các vùng đất mới được sát nhập vào đế quốc. Sự hiện diện của các nạn nhân bị lưu đày thuộc tầng lớp những người Đại Diện cho các dân tộc bị trừng phạt đã làm thay đổi hẳn bộ mặt của thế giới ngục tù Goulag.

Sau thế chiến thứ hai, người ta thấy tình hình quản lý trong các ngục tù trở nên cứng rắn hơn. Như việc gia tăng các bản án cũ. Người bị kết án 5 năm, bấy giờ tăng lên 10 năm. Thêm vào đó, con số tù nhân mỗi lúc một gia tăng. Vào thời điểm này, con số tù tại các trại giam Goulag đã đạt đến cao điểm của nó và đó cũng là khởi điểm của một giai đoạn khủng hoảng trong các trại tù. Điều này đã dẫn đến tình trạng sa sút hiệu năng kinh tế càng ngày càng trầm trọng.

Có rất nhiều chi tiết của những năm cuối của Staline vẫn còn nằm trong bí mật. Nhưng vẫn có một số bằng chứng cụ thể để xác nhận như việc cho tái thi hành chính sách bài Dân Do Thái, gây chia rẽ các thế lực trong các cơ quan nhà nước, tranh giành quyền lực trong Đảng ở các địa phương. Những diễn tiến trên đủ để cho người ta đưa một câu hỏi là phải chăng đã đến lúc diễn ra một cuộc Đại khủng Bố mới mà nạn nhân chính là những công dân người Nga gốc Do Thái?

Phần viết tóm lược lịch sử của Liên Bang Xô Viết trong suốt 35 năm này đặc biệt lưu tâm đến các hành động bạo lực đã diễn ra liên tục và đạt đến cao điểm nhất của nó. Và chính bạo lực là chính sách quản trị xã

hội của nhà nước cộng sản.

Có cần phải đặt lại câu hỏi quá cũ về sự liên hệ của hai chu kỳ Lenine và Staline hay không? Qua đó, chu kỳ thứ nhất là biểu tượng đã dẫn đến chu kỳ thứ hai. Dĩ nhiên là các cơ chế lịch sử của hai thời kỳ không thể nào so sánh với nhau được. Vào mùa thu năm 1915 cuộc khủng bố đỏ phát sinh trong một hoàn cảnh phải đối phó toàn diện. Và những biện pháp đặc biệt trong lúc thi hành các cuộc khủng bố vì thế cũng mang tính chất đặc thù.

Ngược lại, cuộc chiến chống lại nông dân trong chu kỳ thứ hai đã diễn ra trong một một quốc gia đã được ổn định, nhưng tại sao lại cũng diễn ra các cuộc tàn sát đẫm máu lâu dài chống lại toàn xã hội. Mặc dù tình thế có khác biệt giữa hai chu kỳ này, nhưng bạo lực vẫn là vũ khí chính để thực hiện kế hoạch chính trị của Lenine đã vạch ra trước, trước khi cuộc nội chiến hình thành. Và nó đã được đem ra thi hành một cách có chủ đích như là một chương trình hành động mang tính chất tạm thời.

Dưới cái nhìn này, cuộc hưu chiến trong thời kỳ thi hành Chính Sách kinh Tế Mới NEP của Lenine đã tạo ra một cuộc tranh luận rất gay cấn giữa các lãnh tụ trong đảng Bônsêvích về việc tìm một hướng phát triển cho đất nước. Câu hỏi vẫn còn phải đặt ra, có phải việc bình thường hóa đời sống và việc gia tăng các cuộc đàn áp là phương tiện duy nhất để giải quyết tình trạng căng thẳng kinh tế và xã hội?

Trên thực tế, trong suốt thời gian này, những người ở miền quê, sống tách rời ra khỏi thế giới bên ngoài. Và như vậy, những hoạt động tương quan giữa nhà cầm quyền và xã hội chẳng có ai biết đến. Cuộc chiến nông dân, một gạch nối giữa hai chu kỳ bạo động, đã diễn ra trong cùng một khuôn mẫu. Bởi vì cuộc chiến này đã khơi lại những sự kiện đã được thử nghiệm và đã được khai thác trong những năm 1918-1922. Như nhà nước mở chiến dịch thu mua cưỡng bách, công cụ hóa sự căng thẳng của xã hội nông dân, các cuộc đụng độ trực tiếp đã được dàn xếp trước, gây bạo động cục bộ... Cả hai bên, chính quyền cũng như nông dân cùng nghĩ rằng họ đang sống trở lại cái thời trước đây mà họ đã nếm mùi.

Cho dù triều đại Staline đã chiếm một vị trí đặt biệt trong chúng ta, nhưng vì có những lý do quá rõ ràng liên hệ đến hình thức khủng bố được dùng như phương tiện để cai trị, chúng ta cũng phải tự hỏi những điều gì đã cấu kết nên cuộc đàn áp. Về vấn đề này, việc đưa đi lưu đày đầu tiên được coi như là chính sách giải thể toàn diện người Cosaque trong các năm 1919-1920. Nằm trong kế hoạch tịch thu lại các phần đất mà dân Cosaque đang định cư, nhà nước cộng sản mở chiến dịch đưa đi lưu đày tất cả dân địa phương trong vùng.

Trước hết nhà nước nhắm vào một số người giàu có, sau đó, do nhiệt tình của các cơ quan địa phương, nhà nước bắt lưu đày tất cả những người còn lại. Dưới nhiều hình thức khác nhau, các cuộc đàn áp này chính

là những cái gương cho các chiến dịch đàn áp sẽ diễn ra ở vào một hoàn cảnh khác, trong một môi trường khác và trong khoảng thời gian khác, mười năm sau.

Sự việc phân chia các nhóm người trong xã hội, việc làm quá mức chỉ tiêu của các toán công tác địa phương, cái ý nghĩ nhổ tận gốc qua hình thức đưa đi lưu đày, giống hệt như là chính sách giải thể giới điền chủ sau này.

Ngược lại, nếu chúng ta suy nghĩ sâu xa hơn về các hiện tượng chính trong chính sách khai trừ tập thể rồi cô lập các nhóm chống đối và việc thiết lập một hệ thống nhà tù xảy ra trong khi đang lâm vào cuộc nội chiến, người ta thấy có một khoảng cách lớn giữa hai thời kỳ đàn áp này. Việc phát triển các trại giam trong thời kỳ nội chiến, rồi trong thập niên 1920, việc thi hành các chính sách quản thúc, không phải là biện pháp chung có cùng một mục tiêu với những gì đã xảy ra trong thực tế đã xảy ra trong thập niên 1930. Vì vậy việc thi hành công cuộc cải cách lớn trong năm 1929 không phải là cuộc lùng bắt thông thường. Trái lại nó đặt nền tảng cho một chế độ ngục tù mới thể hiện dưới hình thức lao động cưỡng bách. Sự xuất hiện các trại lao động cưỡng bách Goulag dẫn chúng ta đến vấn đề chính yếu về việc phải chăng đã có một kế hoạch để loại trừ con người lâu dài trong một dự án được thực hiện với mục đích là để thay đổi toàn diện cơ chế xã hội và kinh tế. Có nhiều dấu hiệu cho thấy giả thuyết

này trở thành sự thật. Giả thuyết này cũng đã được các nhà độc tài triển khai.

Trước hết, kế hoạch khủng bố thực hiện theo chỉ tiêu như đã xảy ra từ khi bắt đầu chính sách giải thể cho đến xảy ra cuộc Đại Khủng Bố, có thể được coi như là hình thức biểu tượng cho kế hoạch. Công tác nghiên cứu các văn kiện xác nhận sự kiện này bằng những con số chính xác. Các bảng kế toán với những con số được ghi đều đặn đã chứng minh rõ ràng các nhà lãnh đạo nắm vững sự việc xảy ra cùng với diễn tiến của các cuộc đàn áp.

Nhờ vậy, sử gia có thể diễn lại, mặc dù rất phức tạp, thứ tự cường độ của các cuộc đàn áp theo từng bậc. Ngày hôm nay, tài liệu về các cuộc khủng bố theo từng thời điểm, đã được biết rõ, nó giúp cho ta xác định được một chuỗi đàn áp có hệ thống.

Tuy nhiên việc thiết lập lại toàn bộ các cuộc đàn áp, của hệ thống ban lịnh và thi hành lịnh, của những gì đã xảy ra, sẽ làm mất đi rất nhiều sự kiện quan trọng mà chính các nhà độc tài đã khai thác và thi hành trong một thời gian lâu. Nếu chúng ta đặt vấn đề việc kế hoạch hóa các cuộc đàn áp, chúng ta sẽ nhầm lẫn và sơ sót một số sự kiện trong các giai đoạn đàn áp khác nhau. Theo cái nhìn này, một thí dụ điển hình nhất là đưa đi lưu đày các thành phần điền chủ mà không cho họ biết đi đến nơi nào. Nói một cách khác, nhà nước muốn để cho số phận của những người lưu đày luôn luôn ở trong tình trạng khủng hoảng. Và cũng giống

như kế hoạch giảm tù nhân trong các trại tù không hề được thực hiện theo kế hoạch. Nếu chúng ta lưu ý đến diễn tiến công việc chuyển lịnh và thi hành lịnh, người ta không thể nào không nhận thấy tầm quan trọng về các hình thức thi hành theo trước kỳ hẹn, làm quá chỉ tiêu hay làm không theo lịnh trên.

Nếu chúng ta đề cập đến vấn đề trung tâm nhà tù Goulag, đó cũng chính là lợi ích và mục tiêu của chế độ, có lẽ chúng ta sẽ gặp phải nhiều khó khăn và vô cùng phức tạp khi viết bài nghiên cứu.

Trái với quan điểm cho rằng những quyền lực của Staline trong thời kỳ xây dựng hệ thống nhà tù Goulag là những gì cần phải cho qua vì nó đã diễn ra trong quá khứ, tài liệu ngày hôm nay đã ghi rõ mối tương phản trong thế giới ngục tù. Việc tiếp nhận hàng loạt con số người tù bị đàn áp chỉ làm rối loạn cơ chế tổ chức sản xuất hơn là làm gia tăng năng suất lao động.

Mặc dù nhà nước có soạn thảo quy chế riêng biệt cho từng loại công nhân tù, nhưng người ta không thấy sự khác biệt khi đem ra thi hành. Và sau cùng là vấn đề kinh tế. Câu hỏi được đặt ra là chính sách giam cầm và khai thác sức lao động của tù nhân có lợi hay không?

Trước một số sự kiện tương phản đó, người ta phải tự đưa ra một số lý luận, giả thuyết khác nhau để giải thích về những lý do tại sao các nhà lãnh đạo độc tài cứ cho tái diễn các cuộc đàn áp tàn bạo như vậy.

Trong nỗ lực tìm hiểu những lý do sống thực, có lẽ cũng chính là nền tảng cho chính sách phát động chu

kỳ đàn áp vĩ đại của Staline, các sử gia đã minh chứng mối tương quan mật thiết giữa chính sách hiện đại hóa quốc gia và chính sách cai trị tùy hứng của Staline. Nhà nước cho rằng khi dứt khoát phá bỏ hệ thống nhà nước cũ thay vào đó chính sách cai trị rộng lớn mới bằng vũ lực và đàn áp, họ sẽ sống trong cái ảo tưởng khống chế được toàn xã hội. Từ đó, người ta bị lôi cuốn vào cơn lốc bạo lực kỳ quái mà từ cơ chế, phản ứng dây chuyền cho đến bản chất của nó, không một sử gia hay một người đương thời nào hiểu được.

Chính quá trình diễn tiến các cuộc đàn áp, được coi như là phương tiện duy nhất để trả lời cho các cuộc chống đối hay những cản trở, đã làm nảy sinh các phong trào bạo động ngoài tầm kiểm soát. **Chính sách khủng bố trong lịch sử chính trị và xã hội của Liên Bang Xô Viết đã đặt cho chúng ta những câu hỏi ngày càng phức tạp hơn.**

Các cuộc nghiên cứu gần đây đã đánh đổ một phần nào những lý thuyết cũ của khoa Xô Viết học.

Nếu các nhà nghiên cứu không quan tâm đến việc đi tìm câu giải đáp toàn bộ và dứt điểm về hiện tượng khủng bố, thì một cuộc khảo cứu có thể chuyên hướng trong công tác phân tích về cơ chế và tính hiếu động của bạo lực.

Trong cái viễn ảnh đó vẫn còn có nhiều điều bí ẩn mà một trong những điều quan trọng hơn cả là bản tính xã hội đã được hình thành trong khi thi hành bạo lực. Nếu chúng ta muốn lưu tâm đến bộ phận thiếu sót này trong

công tác tái dựng lại lịch sử - ai sẽ là người đùng ra làm chuyện này? - thì chúng ta phải liên tục nghiên cứu toàn bộ xã hội. Vì chính xã hội vừa là nạn nhân cũng vừa là tác nhân của tất cả những gì đã xảy ra.

PHẦN II
CÁCH MẠNG THẾ GIỚI – NỘI CHIẾN VÀ KHỦNG BỐ

CHƯƠNG 1
KOMINTERN ĐƯỢC PHÁT ĐỘNG VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NÀY

Sau khi đã nắm được chính quyền, Lénine mơ mộng sẽ mang ngọn lửa cách mạng lan rộng khắp Âu Châu, rồi luôn cả thế giới. Giấc mộng này đáp ứng với khẩu hiệu (slogan) của Karl Marx trong bản tuyên ngôn của Cộng sản đưa ra vào năm 1848: Hỡi tất cả những người vô sản của tất cả mọi nước, hãy cùng nhau họp lại. Về tổng quát, đó là một điều tối cần: cuộc cách mạng Bolchévik chỉ có thể đứng vững nắm chính quyền và có thể phát triển được với điều kiện là sẽ được che đỡ, ủng hộ, giữ vững vị trí nắm chính quyền và được nâng đỡ cùng tiếp liên (relayée) bằng những cuộc cách mạng khác ở những nước mở mang hơn. Trước tiên Lénine nghĩ rằng, nước Đức với giai cấp vô sản được tổ chức cùng với khả

năng kỹ thuật phong phú. Những nhu cầu phối hợp của hoàn cảnh không bao lâu nửa sẽ biến thành một kế hoạch chính trị thực thụ: cuộc cách mạng thế giới. Trong hoàn cảnh của thời điểm này, những việc đã xảy ra hình như chứng minh cho những suy tư của nhà lãnh đạo Bolchévik là đúng. Với việc tan rã của hai đế quốc Đức và Áo Hung, gây ra do cuộc bại trận vào năm 1918 đã gây ra một cơn chấn động ghê gớm, gần như một cơn động đất lớn về chính trị, và được tiếp nối bởi cơn lốc lớn (tourbillon) về cách mạng. Trước khi những người Bolchévik có được một sáng kiến nào khác ngoài ra những khẩu ngữ tuyên truyền, cuộc cách mạng hình như bất giác xảy ra trong cơn lốc do cuộc bại trận của Đức và Áo Hung.

Cuộc cách mạng ở Âu châu

Nước Đức là nước đầu tiên bị cơn chấn động gây ra, trước khi xảy ra cuộc đầu hàng, đã có xảy ra cuộc nổi loạn (multinerie) của toàn thể lực lượng Hải quân. Cuộc bại trận của nước Đức được tiếp nối với việc thiết lập một nền cộng hòa do những người thuộc đảng xã hội dân chủ lãnh đạo. Những vị lãnh đạo này không thể ngăn cản được sức phản kháng dữ dội từ mọi phía; khi thì phát xuất từ phía quân đội, khi thì do những cơ quan công an, khi thì do những nhóm nghĩa dũng binh (France tireur) thuộc những phái siêu quốc gia, cùng với những người thán phục chế độ độc tài Bolchévik.

Tháng 12 năm 1918, tại Berlin, hai vị Rosa Luxemă

burg và Karl Liebknecht đã cho phát hành chương trình của nhóm Spartakus và vài ngày sau đó hai vị này đã rời hàng ngũ Đảng Xã hội Dân chủ để thành lập Đảng Cộng sản Đức. KDP cùng với sự liên hợp với những tổ chức khác. Hai khuynh hướng khác nhau đã xảy ra trong hàng ngũ của KDP, ngay từ đầu tháng Giêng năm 1919, khuynh hướng cực đoan do Karl Liebknecht cầm đầu và khuynh hướng ôn hòa do của Rosa Luxemburg. Khuynh hướng cực đoan muốn theo gương Lénine, từ chối việc thành lập một Quốc hội Lập hiến, cả hai điều toan tính tạo một cuộc dấy loạn ở Berlin nhưng theo lịnh của những nhà lãnh đạo Xã hội Dân chủ, quân đội đã dẹp tan cuộc dấy loạn này. Hai vị lãnh đạo này liền bị bắt và đến ngày 15 tháng Giêng năm 1919 thì bị giết chết. Và ngày 13 tháng 4 năm 1919, vị lãnh đạo KDP ở vùng Bavière, đó là ông Eugen Leviné đã cầm đầu một cộng hòa của những ủy viên vì ông này đã ra lịnh quốc hữu hóa những ngân hàng, và bắt đầu thành lập một đạo Hồng quân. Công xã Munich (commune de Munich) đã bị quân đội đánh tan vào ngày 30 tháng 4 năm 1919, ông Leviné bị bắt ngày 13 tháng 5, đã bị đưa ra xử trước tòa án quân đội, bị kết án tử hình và bị xử bắn vào ngày 5 tháng 6 năm 1919. Cơn thúc đẩy cách mạng (poussée révoC lutionnaire) lừng danh hơn hết và là một gương mẫu chính là cuộc cách mạng đã diễn ra ở Hung Gia Lợi. Nước này là thành phần của đế quốc Áo Hung Gia Lợi (Austro Hongroise) sau cuộc bại trận và bị tan rã vào

tháng 11 năm 1918 đã không chấp nhận việc chia cắt phần đất của mình do những nước đồng minh quyết định, đó là việc cắt phần đất vùng Transylvanie, đã thành lập và đó là nước duy nhất mà những nhà lãnh tụ Bolchévik đã xuất cảng được đường lối của họ. Khởi đầu từ năm 1918, đảng Bolchévik đã quy tụ được tất cả những tổ chức có cảm tình với họ, những người này không phải là người Nga, họ được tổ chức thành một Liên Đoàn những người Cộng sản người ngoại quốc. Ở Moscou có một nhóm người Hung Gia Lợi, nhóm này gồm những cựu tù binh chiến tranh và đến tháng 10 năm 1918, nhóm người này gồm có 20 người được gởi trở về Budapest. Ngày 4 tháng 11 năm 1918, đảng Cộng sản Hung Gia Lợi (PCH) được thành lập dưới sự lãnh đạo của Béla Kun. Là một tù binh chiến tranh, Béla Kun đã nhiệt tình tán thành và gia nhập cuộc cách mạng Bolchévik và đã trở thành vị chủ tịch liên đoàn những người Cộng sản ngoại quốc vào tháng 4 năm 1918. Ông trở về đất Hung vào tháng 11 năm 1918 cùng với 80 vị lãnh tụ khác và được bầu lên làm chủ tịch đảng. Cuối năm 1918 và đầu năm 1919, người ta ước lượng được một số khoảng từ 250 đến 300 người quấy rối và đặc phái đã được đưa vào đất Hung. Nhờ sự viện trợ tài chánh của những người Xô Viết, những người Cộng sản Hung đã có thể phát triển được những việc tuyên truyền và tăng cường ảnh hưởng của họ.

Tờ công báo của đảng xã hội dân chủ: *Tiếng nói của nhân dân* / NEPSZAVA, đã kịch liệt chống lại những

người Bolchévik, đã bị tấn công vào ngày 18 tháng 2 năm 1919, do một số đông những người thất nghiệp và những quân nhân do những người Cộng sản động viên với mưu đồ hoặc là chiếm lấy nhà in hoặc là phá bỏ nhà in này. Cơ quan công an phải can thiệp và đã có 8 người chết cùng lối 100 người bị thương tích. Cùng vào đêm đó Béla Kun và bộ tham mưu của ông đều bị bắt. Ở tại khám đường trung ương, những nhân viên công an đã đánh đập những người bị bắt để trả thù cho bạn đồng sự của họ đã bị giết chết trong lúc tấn công vào nhà in báo *Nepszava*. Chủ tịch nước Hung, Michel Karolyi đã gởi vị bí thư của ông đến vấn an tình trạng sức khỏe của vị lãnh đạo Cộng sản và nhờ vậy vị này được hưởng một chế độ gần như tự do, nhân dịp này vị lãnh đạo này mới có dịp tiếp tục những hành động của mình và chẳng bao lâu, lật ngược lại được tình thế. Trong lúc còn đang ở khám đường, vị lãnh tụ này đã đạt được một sự thành công đáng kể: đó là việc sát nhập đảng PCH vào đảng Xã hội Dân chủ. Được tiếp diễn theo đó là sự từ chức của vị chủ tịch Karolyi mở đường cho việc tuyên cáo thành lập cộng hòa những vị cố vấn, trả lại tự do cho những người Cộng sản bị bắt và chấp nhận tổ chức theo khuôn mẫu những người Bolchévik, thành lập một hội đồng nhà nước cách mạng quy tụ những vị uỷ viên nhân dân. Cộng hòa này tồn tại được 133 ngày, từ ngày 21 tháng 3 đến 1 tháng 8 năm 1919.

Vừa vào cuộc họp đầu tiên, những ủy viên nhân dân quyết định ngay việc thành lập những tòa án nhân dân

với những vị thẩm phán do nhân dân lựa chọn. Được liên lạc thường xuyên bằng điện tín với Budapest và khởi đầu vào ngày 22 tháng 3, Lénine đã có 218 bức điện văn được trao đổi, Béla Kun đã chấp nhận và coi Lénine là vị lãnh tụ của vô sản thế giới. Lénine đã khuyên Béla Kun hãy xử bắn những người xã hội dân chủ và những người tiểu tư sản. Trong lời kêu gọi của ông vào ngày 27 tháng 5 năm 1919: *Hỡi những công nhân người Hung*, ông đã chứng minh việc dùng sách lược khủng bố, cuộc chuyên chế này phải cần đến sự bạo động không nguôi, phải được quyết định ngay để đập tan những sự đối kháng của những người trục lợi, những người tư bản, những đại điền chủ và những tên tay sai của họ. Kẻ nào không hiểu những việc này không phải là người cách mạng. Chẳng bao lâu, Mathias Rakosi ủy viên phụ trách thương mãi và Eugen Varga ủy viên phụ trách những vấn đề kinh tế, cùng những người có trách nhiệm ở những tòa án nhân dân đã bán đứng những người buôn bán, những người làm công và những vị luật sư. Một tờ tuyên cáo, dán trên những vách tường đã tóm tắt tinh thần vào thời đó: Trong một nhà nước của những người vô sản chỉ có những người nào có lao động mới có quyền sống còn. Việc lao động trở nên bắt buộc, những xí nghiệp trên 20 công nhân, rồi đến lượt những xí nghiệp có trên 10 công nhân, rồi đến những xí nghiệp có 10 công nhân đều lần lượt bị quốc hữu hóa và truất quyền sở hữu.

Lực lượng quân đội và công an đều bị giải tán và

được thay thế bởi một lực lượng quân đội mới gồm những người cách mạng tình nguyện là thành phần nòng cốt và tin cẩn. Chẳng bao lâu một đội khủng bố của Hội đồng Cách mạng của chính phủ được tổ chức dưới tên: những người của Lénine. Họ đã ám sát lối một chục người, trong số này có một vị thiếu úy hải quân trẻ tuổi Ladisla Dobsa, một vị phó đệ nhất Quốc vụ khanh, và người con của vị này là giám đốc cục hỏa xa, ba vị sĩ quan hiến binh. Những người của Lénine vâng lịnh của một cựu thủy thủ József Czerny, người này đã động viên những người Cộng sản tiến bộ nhứt, nhứt là những cựu tù nhân chiến tranh đã tham gia vào cuộc cách mạng Bolchévik. Czerny đã liên minh với Szamuely, một vị lãnh tụ Cộng sản cấp tiến và là đối lập với Béla Kun vì ông này đã đòi giải tán những toán người của Lénine. Để phản ứng lại, Czerny đã quy tụ những tay chân của y và bắt đầu tấn công vào tòa nhà của những Xô Viết vì Béla Kun đang làm việc tại đây với sự hỗ trợ của József Haubrich, một đảng viên xã hội Dân chủ đang kiêm nhiệm ủy viên phó nhân dân phụ trách quốc phòng. Sau hết là một cuộc thương lượng và những người của Czerny chấp nhận hội nhập vào cơ quan Ủy viên nhân dân phụ trách bộ nội vụ hay là gia nhập vào quân đội, đó là trường hợp của đa số.

Tybor Szamuely cầm đầu một toán những người của Lénine gồm có 20 người đã đi đến Szolnok, thành phố đầu tiên do Hồng quân Hung Gia Lợi chiếm đóng và đã ra tay hành quyết nhiều người thân hào bị buộc

tội đã hợp tác với những người Lỗ Ma Ni (Roumains) và đã coi những người này là kẻ thù của nước Hung vì vấn đề những lãnh thổ thuộc vùng Transylvanie và về chính

trị vì chế độ ở Lỗ Ma Ni đã chống lại chế độ Bolchévik đang được thiết lập tại Hung. Một học

sinh trung học gốc người Do Thái đã đến xin ân xá cho cha mình, đã bị giết chết vì cậu học sinh này đã dại dột gọi Szamuely là con dã thú. Vị chỉ huy Hồng quân Hung đã cố gắng chận lại sự hăng say cách mạng của Szamuely vì người này đi trên đoàn hỏa xa mà y đã trưng dụng (réquisitionné) để đi qua một vùng đất của nước Hung và ra lịnh treo cổ những người nông dân nào đã chống lại việc tập thể hóa đất đai (collectivisation des terres). Người phụ tá của Szamuely là Jósef Kerekes bị cáo là đã tàn sát một trăm năm chục người, y đã thú tội là đã xử bắn năm người và chính tay y đã treo cổ 13 người khác. Con số chính xác những người bị tàn sát không bao giờ được biết rõ. Arthur Koestler nhà văn nổi danh với tác phẩm nổi danh *Giờ thứ 25* nhất định cho biết là có lối 500 người đã bị giết. Tuy vậy ông đã ghi: Tôi không thể nghi ngờ là chủ nghĩa Cộng sản ở Hung Gia Lợi, với thời gian sẽ biến thành một nhà nước công an và chuyên chế và sẽ bắt buộc đi theo khuôn mẫu của nước Nga. Nhưng sự nhận định này, với những điều hiểu biết vừa được trưng ra, đã không làm giảm sự hăng say chứa nhiều nguồn hy vọng nơi những ngày đầu của cuộc cách mạng. Những

vị sử gia đã xác nhận là những toán người của Lénine đã là thủ phạm của việc giết 80 người trong số 129 người đã bị hành quyết, con số này đã được chính thức kiểm kê, nhưng nếu đúng ra thì phải có xảy ra lối vài trăm nạn nhân đã được biết đến.

Với cao trào chống đối gia tăng và việc suy sụp của tình hình quân sự trước quân lực Roumanie, chính phủ cách mạng phải dùng đến chính sách bài Do Thái. Một bản yết thị đã tuyên cáo: những người gốc Do Thái đã từ chối đi ra tiền tuyến, hãy tiêu diệt những người này vì họ đã từ chối hiến thân cho chính sách thiêng liêng của chuyên chế vô sản. Béla Kun ra lịnh bố ráp năm ngàn người dân Ba Lan gốc Do Thái khi những người này đến Hung để tìm lương thực và những tiếp tế khác. Những tiền bạc của họ đều bị tịch thu và họ bị trục xuất ra khỏi đất Hung. Những người cấp tiến của đảng Cộng sản Hung PCH đã đòi đưa Szamuely lên lãnh đạo những thường vụ và đòi phải có một cuộc tàn sát đỏ như kiểu Saint Barthélemy của cuộc cách mạng 1789 của Pháp, coi là như cách duy nhất để làm ngưng lại việc tình hình suy sụp nền Cộng hòa của những Ủy ban. Czerny cố gắng tái tổ chức lại những toán người của Lénine. Vào trung tuần tháng 7, một lời kêu gọi được đăng trên báo *Nepszava*: Chúng tôi kêu gọi những thành viên, của toán khủng bố này, đã giải ngũ, hãy đến trình diện để được tái tuyển mộ lại tại chỗ làm việc của József Czerny. Ngày hôm sau, một bản đính chính đã được đăng: Chúng tôi sẽ thông báo

riêng cho mỗi cá nhân, việc tái hoạt động của những người Lénine cũ. Việc này không thể dự trù được: những người này đã vi phạm và làm những việc xấu xa quá nặng và đã làm thương tổn đến danh dự của những người vô sản và việc tái tuyển dụng họ để phục vụ cho nền cộng hòa của Ủy ban, đã bị hủy bỏ.

Những tuần lễ cuối cùng của Công xã Budapest rất là hỗn độn, Béla Kun phải lo đương đầu chống lại một cuộc putsch (nổi dậy) để loại ông và hình như âm mưu này do Szamuely cầm đầu. Ngày 1 tháng 8 năm 1919, Béla Kun rời Budapest dưới sự che chở của phái đoàn quân sự của Ý; vào mùa hè năm 1920 ông tỵ nạn ở Liên Bang Xô Viết; vừa đến nơi ông đã được tuyển là ủy viên chính trị của Hồng quân Xô Viết và trên mặt trận ở về phía Nam, ông đã nổi danh vì đã ra lịnh hành quyết những sĩ quan Bạch quân thuộc quân đoàn Wrangel, đã được kêu gọi nếu họ đầu hàng thì mạng sống của họ sẽ được bảo đảm. Ngày 2 tháng 8 năm 1919, Szamuely toan vượt biên để trốn qua nước Áo, y bị bắt và đã tự tử sau đó.

Komintern và trận nội chiến

Trong lúc Béla Kun và những đồng chí của ông toan tính việc thành lập một đệ nhị cộng hòa của những Sô Viết thì Lénine đã có sáng kiến thành lập một tổ chức quốc tế để đưa cuộc cách mạng ra toàn thế giới. Đó là tổ chức được mang danh là Quốc tế Cộng sản và với tên viết tắt là Komintern hay là Đệ Tam Quốc Tế đã được thành lập vào tháng 3 năm 1919 và trên mọi bình diện

đã trở thành địch thủ của Quốc tế Thợ thuyền đã được coi là Đệ nhị Quốc tế được thành lập vào năm 1889. Tuy vậy, đại hội thành lập tổ chức Komintern đã giải đáp những nhu cầu về tuyên truyền khẩn cấp và toan tính để dụ được những phong trào đột khởi đang làm rung chuyển Âu châu, hơn là một khả năng thực tế về tổ chức. Sự thật về sự thành lập tổ chức Komintern bắt nguồn từ đại hội 2, được tổ chức vào mùa hè năm 1920 với việc chấp thuận 21 điều kiện gia nhập mà những người xã hội phải chấp nhận phục tùng nếu họ mong ước được thu phục và được hội nhập vào một tổ chức siêu trung ương tập trung đó sẽ là bộ tham mưu của cuộc cách mạng thế giới và đảng Bolchévik, với những uy tín, những kinh nghiệm và nắm quyền nhà nước (riêng về tài chính, quân sự và ngoại giao) đã là thành phần nặng ký.

Tổ chức Komintern, liền khi đó đã được Lénine nghĩ ra và có quan niệm là một công cụ khuynh tả (subversion) quốc tế giống như những ngành khác: Hồng quân, Ngành Ngoại giao, những cơ quan Gián điệp v.v... và học thuyết chính trị của tổ chức Kominv tern được bắt chước y nguyên theo những tổ chức Bolchévik: Đây cũng là thời điểm để thay thế những vũ khí bị chỉ trích bằng những cuộc chỉ trích về vũ khí. Bản tuyên ngôn của đại hội 2 đã được chấp nhận, hiên ngang thông báo: Quốc tế Cộng sản đó là đảng Quốc tế để dấy loạn của chuyên chính vô sản. Để kết thúc, điều kiện thứ 3 ở trong 21 điều kiện đã quyết

định: Gần như toàn những nước ở Âu châu và ở Mỹ châu, việc đấu tranh giai cấp đã bước vào giai đoạn nội chiến. Những người Cộng sản không thể tin cậy vào sự hợp pháp của bọn trung lưu trưởng giả. Bổn phận của họ là phải tổ chức ở khắp mọi nơi, song song với những cơ quan hợp pháp, một cơ quan bí mật có thể, và quyết định khi thời gian thuận tiện sẽ thi hành và làm đủ bổn phận đối với cuộc cách mạng thế giới. (Cộng sản Việt Nam đã thực hành điều này). Định thức uyển khúc (formules euphémisées): Giai đoạn quyết định là cuộc dấy loạn cách mạng, và bổn phận đối với cuộc cách mạng đó là bắt buộc lao mình vào một cuộc nội chiến hay là bắt buộc tạo ra một cuộc nội chiến. Một chính sách không dành riêng cho những nước sống dưới chế độ độc tài mà chỉ áp dụng cho những nước dân chủ, những nước cộng hòa hay vương quốc lập hiến.

Điều kiện thứ 12 ghi rõ ràng là nhiều sự cần thiết về những tổ chức dính liền với nhau để chuẩn bị cho một cuộc nội chiến: về thời điểm hiện nay của cuộc nội chiến ác liệt đang xảy ra, đảng Cộng sản chỉ có thể hoàn thành nhiệm vụ, nếu được tổ chức tập trung về trung ương, với một kỷ luật thép tiếp cận với kỷ luật quân đội được chấp thuận, và cơ quan trung ương được tập trung nhiều quyền lực rộng rãi và thi hành một quyền uy không tranh luận và được hưởng một sự tín nhiệm nhất trí của toàn thể những lãnh tụ. Điều kiện thứ mười ba cũng đã dự định về những vị lãnh đạo không nhất trí: Những đảng Cộng sản phải thi

hành những cuộc khai trừ định kỳ ở trong những tổ chức của họ để loại bỏ những phần tử bị dính líu và những tiểu tư sản.

Tháng 6 năm 1921, lúc đại hội 3 họp tại Moscou, với việc tham dự của nhiều đảng Cộng sản của những nước đã được thành lập, những khuynh hướng đã trở nên rõ rệt: luận đề về những chiến thuật đã chỉ rõ: đảng Cộng sản có bổn phận giáo dục nhiều từng lớp của quảng đại quần chúng, bằng lời nói và những việc làm, quan niệm là những cuộc xung đột hay tranh chấp về kinh tế hay về chính trị, được sự trợ lực của nhiều trường hợp thuận tiện, có thể trở thành một cuộc nội chiến và khi ấy bổn phận của giai cấp vô sản là nắm lấy quyền chính trị. Những luận đề về những cách cấu tạo, những đường lối cùng những hành động của những đảng Cộng sản phải được tổ chức bí mật, dù là ở trong lòng của đảng, những luận đề này đã nhấn mạnh về những việc chuẩn bị rất cần thiết và những biện pháp rất cần là: không phải bất cứ lúc nào vấn đề tổ chức một đạo Hồng quân cũng có thể thực hiện được.

Từ lý thuyết đến thực hành, chỉ có một bước đã đạt được ở nước Đức vào tháng 3 năm 1921, cơ quan Komintern dự định thực hành một hành động cách mạng rộng rãi, dưới sự lãnh đạo của Béla Kun, trong thời gian này đã được bầu vào chức Chủ tịch đoàn của tổ chức Komintern. Được phát động vào thời điểm những người Bolchévik đang đàn áp công xã Krong

stadt, cuộc khởi động tháng 3 một mưu toan nổi loạn thiệt thọ được diễn ra ở vùng Saxe, đã thất bại dù nhiều phương tiện đã được cung cấp và những cuộc bạo động dữ dội như việc đặt cốt mìn phá hoại đoàn xe hỏa tốc hành đi từ Halle đến Leipzig. Cuộc thất bại này đã đưa đến việc diễn ra cuộc thanh trừng đầu tiên ở trong hàng ngũ của tổ chức Komintern. Paul Levi, chủ tịch đảng Cộng sản Đức (KPD) và là một trong những người thành lập tổ chức Komintern đã bị loại ra khỏi hàng ngũ vì những lời chỉ trích của ông đã nói về cuộc phiêu lưu này. Dù đã nằm dưới ảnh hưởng nặng nề của khuôn mẫu Xô Viết, những đảng Cộng sản trên quan điểm của định chế chỉ là những phân chi quốc gia của Quốc tế Cộng sản, những phân chi này đã dần dần đi đến việc không lệ thuộc; việc này đã diễn ra trước việc không phục tòng và được quyết định vào thời điểm thẩm cấp sau cùng (dernière instance) cho đường lối chính trị và tổ chức của Komintern. Khuynh hướng nổi loạn ở những nơi của Grigori Zinoniev đã bị chính Lénine chỉ trích. Nhưng Zinoniev, trên căn bản đã cho Paul Lévi có lý khi trao quyền lãnh đạo KPD lại cho những người đối nghịch của Lévi. Sức mạnh của tổ chức Komintern đã cũng cố địa vị của nó.

Quân đội Pháp và Bỉ vào chiếm đóng vùng kỹ nghệ nặng Ruhr vào tháng Giêng năm 1923, để bắt buộc nước Đức phải trả tiền bồi thường thiệt hại do chiến tranh gây ra; theo với tinh thần hòa ước Versailles ngày 23 tháng 6 năm 1919. Một kết quả cụ thể do việc chiếm

đóng của quân đội hai nước, đưa đến việc thỏa hiệp của những người quốc gia và người Cộng sản Đức để chống lại chủ nghĩa đế quốc của Pháp, cùng đưa đến việc đối kháng thụ động của dân Đức ở vùng bị chiếm đóng, việc đối kháng thụ động này được chính phủ Đức ủng hộ. Tình hình kinh tế đang bất ổn, bỗng mỗi ngày mỗi suy sụp thêm. Đồng tiền của nước Đức đã trở nên vô dụng, một đồng Mỹ kim đổi được 13 triệu đồng tiền Mark của Đức. Những cuộc đình công, biểu tình và dấy loạn tiếp tục diễn ra. Ngày 13 tháng 8 trong một bầu không khí cách mạng, chính phủ của Thủ tướng Wilhelm Cuno bị bắt buộc phải từ chức.

Tại Moscou, những nhà lãnh đạo Komintern suy tính là sẽ xảy ra một cuộc cách mạng giống như cuộc cách mạng tháng 10 tại Nga. Khi cuộc bất đồng ý kiến giữa những người lãnh đạo này đã được giải quyết, vậy một trong những người sau đây: Trotski, Zinoviev, hay là Staline, sẽ là người lãnh đạo cuộc cách mạng thứ hai này? Tổ chức Komintern khởi đầu một cuộc tổ chức võ trang nghiêm chỉnh để khởi loạn to, có tổ chức chu đáo. Nhiều phái viên như August Gouralski, Mathias Rakosi được phái sang nước Đức và cùng đi theo với họ là viên tướng Alexandre Skoblewski với bí danh Gorev, là một chuyên viên tổ chức nội chiến. Họ dự định là dựa vào những chính phủ của thợ thuyền (vì nước Đức được tản quyền cho những vùng) nơi những vùng gồm những người xã hội dân chủ thiên tả và những người Cộng sản, những chính phủ này đang trên đường thành

lập để lấy cho được một số nhiều vũ khí. Được phái đi về vùng Saxe, Rakosi dự định cho nổ chiếc cầu hỏa xa nối liền vùng này cùng với nước Tiệp Khắc, để mong Tiệp Khắc sẽ can thiệp vào và từ đó gây thêm được sự hỗn loạn.

Tất cả những cuộc bạo động được dự trù là sẽ phát khởi vào ngày kỷ niệm cách mạng tháng 10 của cuộc putsch Bolchévik. Sự kích thích lan tràn ở Moscou, họ tin tưởng là cuộc khởi loạn sẽ thành công và động viên Hồng quân tập trung ở biên giới Nga Đức sẵn sàng tiến quân vào nước Đức để hỗ trợ những người người dấy loạn. Đến trung tuần tháng 10, những người Cộng sản chịu gia nhập vào những chính phủ thuộc vùng Saxe và Thuringe và nhận được lịnh phải tăng cường cho những lực lượng quân dân vô sản (lối vài trăm người) gồm có 25% là những đảng viên Cộng sản. Nhưng qua ngày 13 tháng 10, chính phủ do Gustav Stresemann đã ban hành lịnh khẩn trương cho vùng Saxe và đặt vùng này dưới quyền lãnh đạo trực tiếp của chính phủ trung ương, tước quyền của chính phủ vùng, và kêu gọi sự hỗ trợ của quân lực Đức Reichswehr. Mặc dù sự kiện này đã xảy ra, Moscou vẫn kêu gọi việc võ trang cho những công nhân và khi Heinrich Brandler trở về Moscou đã ra lịnh tổng đình công nhân dịp có một đại hội công nhân được tổ chức ở Chemnitz vào ngày 21 tháng 10. Mưu đồ này bị thất bại vì những người thuộc đảng xã hội cách mạng phe khuynh hữu đã từ chối không nghe theo những người Cộng sản.

Những người Cộng sản đành lùi bước, nhưng vì sự thông tin bị chậm trễ, cuộc bạo động đã xảy ra ở Hamn bourg: những toán chiến đấu người Cộng sản (khoảng từ 200 đến 300 người) đã tấn công vào những trụ sở của cảnh sát. Cơn bất ngờ trải qua, những người nổi loạn đã không đạt được mục tiêu của họ; lực lượng cảnh sát cùng với sự hỗ trợ của quân đội Đức Reichswehr, đã phản công lại và sau 33 giờ đồng hồ chiến đấu, cuộc nổi dậy đã bị cô lập hoàn toàn, những người Cộng sản ở Hambourg đã bị bóp tắt (juguler). Một cuộc cách mạng thứ hai mà Moscou đã đặt nhiều hy vọng đã không xảy ra. Và tổ chức M. Apparat được tồn tại cho đến những năm 1930 và là một cơ cấu quan trọng của KPD và được mô tả rõ ràng do người lãnh đạo là Jan Valtin với tên thật là Richard Krebs.

Sau nước Đức, nước cộng hòa Estonie là nơi đã diễn ra cuộc toan tính nổi loạn thứ hai. Và cũng là lần thứ hai Cộng sản Nga đã gây sự chống lại dân tộc nhỏ bé này. Ngày 27 tháng 10 năm 1917, một hội đồng những Xô Viết đã nắm lấy quyền ở Tallinn Reval, họ đã giải tán Cộng sản, hủy bỏ những cuộc bầu cử thất lợi cho những người Cộng sản Estonie. Trước áp lực của đoàn quân viễn chinh Đức, những người Cộng sản tháo lui. Trước khi quân viễn chinh Đức chiếm đóng, người dân Estonie đã tuyên cáo độc lập vào ngày 24 tháng 2 năm 1918. Vì bị bại trận vào ngày 11 tháng 11 năm 1918, quân đội viễn chinh Đức bị bắt buộc phải triệt thoái; những người Cộng sản trở lại nắm lấy sáng kiến: ngày

18 tháng 11, một chính phủ được thành lập ở Petrograd và hai sư đoàn Hồng quân xâm lăng nước Estonie. Mục tiêu của cuộc tấn công này đã được giải thích rõ ràng trong nhựt báo *Severnaïa Kommuna* (công xã miền Bắc): chúng tôi phải xây dựng một chiếc cầu để nối liền nước Nga Sô Viết với nước Đức và Áo vô sản... Cuộc thắng trận của chúng tôi sẽ nối liền những lực lượng cách mạng, không ai ngăn cản nổi, từ Tây Âu với cách mạng Nga và nơi đó sẽ tạo lên một cuộc cách mạng xã hội toàn cầu. Tháng Giêng năm 1919, khi tiến quân còn cách thủ đô Estonie ba chục cây số thì Hồng quân đã bị quân lực Estonie phản công và bị chận đứng lại. Hồng quân tái tấn công lại lần thứ hai nhưng rồi cũng bị thất bại. Ngày 2 tháng 2 năm 1920, do hòa ước ký ở Tartu, những người Cộng sản Nga nhìn nhận nền độc lập của Estonie. Trong những vùng tiến quân xâm lăng, những người Bolchévik đã thực hành những cuộc tàn sát: trước khi rút lui ngày 14 tháng Giêng năm 1920 tại Tartu họ đã tàn sát 250 người và ở địa hạt Rakvere cũng đã có trên 1.000 người đã bị giết chết. Khi quân lực Estonie giải phóng được thị trấn Wesenberg vào ngày 17 tháng Giêng, họ đã phát giác ra ba hố chôn tập thể với 86 tử thi. Ở thị trấn Dorpad, những con tin bị xử bắn ngày 26 tháng 12 năm 1919, những người nạn nhân đã bị tra tấn, tay chân đều bị đánh gãy, có nhiều người đã bị móc mắt. Ngày 14 tháng Giêng, trước khi rút lui, những người Bolchévik chỉ còn đủ thời gian để hành quyết 20 người trong đó có vị tổng giám mục

Platon, những người này ở trong số 200 người còn bị bắt giam. Họ đã bị dùng bá súng và búa rìu đánh chết, có một số sĩ quan đã bị lấy đinh sắt đóng hai chiếc cầu vai (épaulette) vào thân thể, những người bị giết này đã khó có thể nhận ra được dạng người (difficilement identifiable).

Tuy là đã ký hòa ước những người Bolchévik Nga vẫn tiếp tục tìm cách lôi kéo nước cộng hòa bé nhỏ này vào vùng quỹ đạo ảnh hưởng của họ. Tháng 4 năm 1924, đã diễn ra một cuộc họp mật ở Moscou, giữa Zinoviev và những người Cộng sản Estonie để bàn thảo cách thức tạo nên một cuộc nổi loạn bằng vũ lực. Những người Cộng sản đã thâu nhận được lối 1.000 người tổ chức thành nhiều đại đội với những cấu tạo căn bản và bắt đầu việc lũng đoạn cùng làm khủng hoảng tinh thần của quân lực Estonie. Họ dự định tạo một cuộc khởi loạn và một cuộc đình công để ủng hộ cuộc khởi loạn. Khi ấy đảng Cộng sản Estonie có khoảng 3.000 đảng viên và họ bị đàn áp dữ dội. Qua ngày 1 tháng 12 năm 1924, họ toan tính cướp chính quyền ở Tallin để tuyên cáo thành lập một Cộng hòa Xô Viết với nhiệm vụ chính là xin gia nhập vào nước Nga Xô Viết, như vậy chứng minh được việc đưa Hồng quân vào lãnh thổ Estonie. Mưu toan này đã thất bại cùng trong ngày đó. Trong khi mưu toan này đang diễn tiến, những vị sĩ quan đã đầu hàng những người nổi loạn hay là đã tỏ ra thái độ không theo bên nào liền bị xử bắn vì thái độ của họ: những người đảo chính không chấp nhận

thái độ này, chỉ có người chịu theo họ thì được an toàn mạng sống. Người chỉ huy cuộc đảo chánh này là Jan Anvelt, đã tẩu thoát được sang Nga. Y là một cán bộ của tổ chức Komintern trong nhiều năm và đã biến mất sau những cuộc thanh trừng.

Sau nước Estonie, đến lượt nước Bulgarie. Năm 1923 tại nước này đã xảy ra nhiều cuộc rối loạn trầm trọng. Lãnh tụ đảng Điền địa là Alexandre Stamboliski đã liên minh với những người Cộng sản, ông này đã bị ám sát vào tháng 3 năm 1923 và người thay thế ông ở ghế Thủ tướng là Alexandre Tsankov, ông đã được sự ủng hộ và hỗ trợ của quân đội và công an. Qua đến tháng 9, những người Cộng sản phát động một cuộc nổi loạn kéo dài trong vòng một tuần lễ và cuộc nổi loạn này đã bị đàn áp dữ dội. Bắt đầu từ tháng 4 năm 1924, họ đổi chiến thuật và thi hành những hành động trực tiếp và tạo ra những cuộc ám sát. Ngày 8 tháng 2 năm 1925, họ tấn công vào quận Godetch và gây ra 4 người chết. Ngày 11 tháng 2, tại thủ đô Sofia, dân biểu Nikolas Mileff, giám đốc nhật báo *Slovet* và là chủ tịch của nghiệp đoàn những ký giả, đã bị ám sát chết. Ngày 24 tháng 3 một bản tuyên cáo của đảng Cộng sản Bulgarie BKP, đã báo trước là chính phủ của Tsankov sẽ không tránh khỏi được việc bị lật đổ, như vậy đã tiết lộ ra sự liên quan những hành động khủng bố với những mục tiêu chính trị của những người Cộng sản. Đầu tháng 4, một cuộc âm mưu ám sát vua Alexandre đệ nhất đã gần như thành công, và đến ngày 15 tháng

4, tướng Kosta Georghieff một người thân cận của vua đã bị ám sát chết.

Rồi một loạt biến cố khác đã xảy ra trong những năm bạo động về chính trị: Ngày 17 tháng 4, trong lúc cử hành tang lễ cho tướng Georghieff, ở tại nhà thờ Septs Saints tại thủ đô Sofia, một tiếng nổ lớn đã xảy ra khiến cho những nóc chính của nhà thờ bị sụp đổ: người ta ghi nhận được biết có 14 vị tướng, 16 vị sĩ quan cao cấp, 3 nghị viên trong số 140 người chết. Theo lời tường thuật của Victor Serge thì chính phân chi quân sự của đảng Cộng sản Bulgarie đã tổ chức cuộc phá hoại giết người này. Những thủ phạm chính là Kosta Iankov và Ivan Minkov. Họ đã bị giết chết vì đã chống cự lại lúc bị bắt, khi trên tay còn cầm vũ khí.

Sau khi lãnh chịu những cuộc thất bại tơi bời ở Âu châu, tổ chức Komintern dưới sự thúc đẩy của Staline đã tìm ra một chiến trường mới, họ hướng những cố gắng của họ về Trung Quốc.

Nước này đang ở vào một tình trạng hỗn loạn, vì xảy ra những cuộc nội chiến và những cuộc tranh chấp xã hội; với đà tiến (élan) của tinh thần quốc gia, nước rộng bao la này hình như đã chín mùi cho cuộc cách mạng chống lại đế quốc. Dấu hiệu của thời đại: mùa Thu năm 1925 những sinh viên Trung Quốc đang theo học tại Đại học Cộng sản của những công nhân Phương Đông KUTV, thành lập vào tháng 4 năm 1921 được tập họp lại ở một viện Đại học Sun Yat Sen (Tôn Dật Tiên). Hồ Chí Minh từ Pháp sang là học viên đầu tiên của KUTV.

Dưới sự huấn luyện của những vị lãnh tụ tổ chức Komintern và những cơ quan Xô Viết, những người Cộng sản Trung Quốc, vào lúc này Mao Trạch Đông chưa lãnh đạo đảng Cộng sản Trung Quốc, những người sinh viên Cộng sản đã được khuyến khích liên minh chặt chẽ với đảng quốc qia, đảng Quốc dân và vị lãnh đạo của đảng này, là viên tướng trẻ tuổi Tưởng Giới Thạch. Chiến thuật mà những người Cộng sản đã chọn lựa là bao vây Quốc Dân Đảng để biến đảng này thành một con ngựa của thành Troie khi cuộc cách mạng được phát động. Đặc phái viên của tổ chức Komintern tên Mikhaïl Borodine đã đạt được chức cố vấn bên cạnh Tưởng Giới Thạch. **Năm 1925, phe tả khuynh của Quốc Dân Đảng, phe này chủ trương hợp tác chặt chẽ với Liên bang Xô Viết, phe này đã nắm được quyền lãnh đạo Quốc Dân Đảng.** Những người Cộng sản gia tăng những cuộc tuyên truyền của họ, khuyến khích những cuộc sôi nổi về xã hội để cũng cố ảnh hưởng của họ, và gần như đã chế ngự được Đại hội 2 của Quốc Dân Đảng. Nhưng chẳng bao lâu, một chướng ngại vật đã hiện ra trước mặt họ: Tưởng Giới Thạch đã lo âu trước sự bành trướng của ảnh hưởng Cộng sản. Ông đã kết luận và kết luận đúng là những người Cộng sản muốn loại ông ra khỏi cơ quan lãnh đạo. Ra tay trước, ngày 12 tháng 3 năm 1926 ông tuyên bố thiết quân luật, cho bắt giam những phần tử Cộng sản nằm trong lòng Quốc Dân Đảng, luôn cả những vị cố vấn Xô Viết, những người này được trả tự do vài

ngày sau đó và bất tín nhiệm người cầm đầu những người thiên tả nằm trong đảng của ông, sau đó ông đưa ra một hiệp ước (pacte) gồm có 8 điểm để hạn chế những đặc quyền và những hành động Cộng sản trong lòng đảng. Tưởng Giới Thạch đã trở thành vị lãnh đạo, không thể chối cãi được của quân lực quốc gia. Đứng trước sự tương quan những lực lượng, Borodine đành phải chấp nhận.

Ngày 7 tháng 7 năm 1926, được viện trợ của Liên bang Xô Viết một số vũ khí quan trọng, Tưởng Giới Thạch liền phát động một cuộc Bắc phạt, ra lịnh cho những đạo quân quốc gia tiến công vào những vùng Bắc nước Trung Quốc còn nằm dưới quyền những vị sứ quân. Ngày 29 tháng 5, ông tuyên bố thiết quân luật ở Quảng Châu. Những vùng nông thôn thuộc những tỉnh Hồ Bắc và Hồ Nam, đã là những con mồi cho cuộc cách mạng điền địa và do tính cách hiếu động (dinamique) đã đặt lại vấn đề liên minh giữa những người Cộng sản và những người quốc gia. Trong những thành phố lớn vào thời đó có nhiều cơ xưởng quan trọng, những nghiệp đoàn đã kêu gọi đình công như thành phố Thượng Hải, khi những lực lượng quân đội tiến quân đến gần những thành phố này. Những người Cộng sản trong số này có ông Chu Ân Lai đã kêu gọi nổi loạn, hy vọng là quân lực quốc gia sẽ tiến mau vào những thành phố. Nhưng không có việc gì xảy ra. Cuộc nổi loạn ngày 22 và 24 tháng 2 năm 1927 đã thất bại và những người đình công đã bị viên tướng Li Baozhang đàn áp dữ dội.

Ngày 21 tháng 3, một cuộc tổng đình công lớn đã diễn ra và một cuộc nổi loạn lớn đã lật đổ chính quyền tại chỗ. Một sư đoàn của Quốc quân với vị tướng chỉ huy đã nhận định là cần phải can thiệp, đã ra lịnh tiến quân vào Thượng Hải và vị tướng này đã được Tưởng Giới Thạch tiếp tay và quyết định nắm lại tình thế. Họ đã thành công và Staline đã bị bao vây bởi những ám ảnh những chiều hướng chống đế quốc của Tưởng Giới Thạch và nơi quân đội quốc gia của ông; vào cuối tháng 3, ông đã ra lịnh chôn dấu vũ khí và tiếp tục đường lối chung với Quốc Dân Đảng. Ngày 12 tháng 4 năm 1927, Tưởng Giới Thạch cho tái diễn lại Quảng Châu cuộc hành quân mà ông đã thi hành ở Thượng Hải: những người Cộng sản bị truy bắt và bị bắn hạ.

Nhưng Staline cần phải thay đổi chính sách vào lúc thời điểm đang vào lúc đen tối; để khỏi phải mất mặt trước những lời chỉ trích của những người đối lập, ông đã phái đi hai người thân cận, Vissarion Lominadze và Heinz Neumann để tái phát động lại phong trào nổi loạn, sau khi đã dứt bỏ liên minh với Quốc Dân Đảng. Mặc dầu bị thất bại do cuộc nổi loạn vào mùa gặt mùa Thu do 2 phái viên nói trên chủ đạo, họ vẫn kiên trì để tạo được cuộc nổi loạn ở Quảng Châu để có thể, theo như nhận thức của Souvarine là tạo cho vị thủ lãnh một bản tin thắng trận, vào cùng lúc đại hội thứ 15 của đảng Bolchévik được họp và Staline đã nhân dịp này khai trừ những người đối lập với ông. Thủ đoạn này (manoeuvre) đã cho thấy rõ cường độ

của việc coi rẻ mạng sống của con người, mà nhiều người Bolchévik đã thực hành dù là đối với những người cùng phe hay thân họ và đây cũng là một việc mới mẻ. Việc tạo dựng một cách vô ý thức Công Xã Quảng Châu đã chứng minh cùng một ý nghĩa và cũng không khác gì những hành động khủng bố đã xảy ra ở Bulgarie vài năm trước đó.

Vài ngàn người nổi loạn đã phải chiến đấu ròng rã trong 48 giờ đồng hồ để đương đầu lại một lực lượng đông hơn họ gấp 5 hay 6 lần, tính về nhân số. Công xã ở Trung Quốc đã không được chuẩn bị trước: từ số vũ khí không đủ và nằm vào một hoàn cảnh chính trị bất lợi, những công nhân người Quảng Đông chỉ còn sống trong tình cảnh chờ đợi. Trong buổi tối đêm 10 tháng Chạp năm 1927, những lực lượng trung tín đã tiến chiếm vị trí tại những nơi tập họp đã được dự định trước cho những vệ binh đỏ. Cũng giống như những gì đã xảy ra tại Hambourg, những người nổi loạn đã hưởng được những lợi điểm của những sáng kiến nhưng những lợi điểm này mất dần dần. Trong buổi sáng ngày 12 tháng Chạp, việc tuyên cáo thành lập một cộng hòa Xô Viết không gây được một tiếng vang nào ở trong dân chúng. Trong buổi trưa, những lực lượng thuộc quân lực Quốc Dân Đảng bắt đầu phản công. Sau hai ngày, lá cờ đỏ được treo trên mái nhà của cơ quan công an được kéo xuống. Cuộc đàn áp đã diễn ra một cách man rợ và đã có nhiều ngàn người bị giết.

Tổ chức Komintern cần phải đúc kết những bài

học của những cuộc thử nghiệm này, nhưng khó có thể cho họ bàn đến những vấn đề chính trị căn bản. Một lần nữa, sự bạo động đã được chứng minh đối với và chống tất cả bằng những danh từ đã được thấm nhuần trong một nền văn hóa nội chiến, cho những người cán bộ Cộng sản. Được đọc trong *Võ trang bạo động* nơi câu dẫn nhập của một lời kiểm thảo khủng khiếp với một lời kết thúc rõ ràng: Người ta đã không chú ý đến việc loại bỏ những người phản cách mạng suốt trong thời gian của Công xã Quảng Châu, người ta chỉ giết có lối 100 người, nằm ở trong tay những người nổi loạn. Tất cả những người bị bắt giam chỉ bị hành quyết sau khi được một ủy ban chống lại bọn phản động. Trong lúc đang giao tranh và giữa cuộc nổi loạn, hình thức tố tụng đã quá chậm chạp và bài học này đã được ghi nhớ.

Sau cuộc thảm bại này, những người Cộng sản rút lui ra khỏi những thành phố và tái tổ chức lại ở những vùng xa xôi của nông thôn và khởi đầu vào năm 1931, tổ chức ở những vùng Hồ Nam, Giang Tây những vùng giải phóng được sự che chở của một đạo quân đỏ. Một tư tưởng chế ngự những người Cộng sản Trung quốc là: hãy còn quá sớm cho cuộc cách mạng diễn ra, trước tiên là vấn đề quân sự, đề cử ra việc tạo những cơ cấu chính trị bộ máy quân sự cho đến khi Mao Trạch Đông đủ tóm tắt công thức lừng danh của ông: Quyền lực và mũi súng tạo ra, những diễn tiến về sau này đã chứng tỏ rằng đó là những tinh túy mà nhãn quan của Cộng sản dùng để

nắm lấy quyền lực hay duy trì quyền lực này.

Nhưng với những thất bại liên tiếp ở Âu châu trong những năm đầu của thập niên 1920, và cuộc thảm bại ở Trung Quốc đã không làm sờn lòng những người lãnh đạo tổ chức Komintern để đeo đuổi đường hướng. Tất cả những đảng Cộng sản, gồm cả những đảng hợp pháp ở những nước dân chủ đều có trong lòng họ (en son sein) một bộ máy quân sự bí mật, và có thể sẽ công khai ra mặt nếu trường hợp cho phép. Khuôn mẫu của KDP ở Đức quốc và được đặt dưới sự kiểm soát chặt chẽ của những cố vấn quân sự Xô Viết, đã tổ chức một M. (militar) Apparat có nhiệm vụ thủ tiêu những lãnh tụ đối lập (dành riêng cho những người đối lập cực hữu) và những tên mật thám chỉ điểm (mouchard) len lỏi vào hàng ngũ của đảng Cộng sản. Họ cũng có nhiệm vụ huấn luyện và chỉ huy những toán bán quân sự, những đội Rote Front (mặt trận đỏ) và họ có hàng ngàn đảng viên. Sự thật là trong thời điểm của nền cộng hòa Weimar những cuộc bạo động về chính trị được coi là đã diễn ra toàn diện; và nếu những người Cộng sản đã chiến đấu chống lại những phần tử cực hữu và phong trào Quốc xã đang chớm vươn lên, họ không ngần ngại gì mà không tấn công những cuộc tập họp xuống đường của những người thuộc đảng xã hội mà họ đã gán cho danh từ: những người xã hội phản bội và những người xã hội Phát Xít. Họ cũng tấn công những nhân viên cảnh sát, những cộng hòa mà họ coi là phản động và cũng là Phát Xít. Những diễn biến xảy ra sau

năm 1933, đã cho biết ai là kẻ Phát Xít thứ thiệt đó là phong trào Quốc xã và nếu họ khôn ngoan hơn, họ cần phải liên minh với những người thuộc đảng xã hội để chống giữ một nền dân chủ mà họ gọi là của những người tư sản trưởng giả. Nhưng những người Cộng sản đã từ khước nền dân chủ này.

Ở nước Pháp không khí chính trị trầm lặng hơn, đảng Cộng sản Pháp PCF cũng có tạo lập những toán võ trang. Một ủy viên thuộc bộ chính trị trung ương tên Albert Treint được giao phó nhiệm vụ này. Trong thời chiến tranh ông đã mang chức Đại úy của quân lực Pháp và ông có nhiều khả năng về quân sự. Ngày 11 tháng Giêng năm 1924 nhân dịp một nhóm người vô chính phủ (anarchiste) phản đối chống lại một cuộc mít tinh của đảng Cộng sản Pháp tổ chức, Albert Treint đưa toán tổ chức võ trang xông vào diễn đàn để can thiệp, họ đã chĩa súng lục và bắn vào những người chống đối: kết quả có 2 người chết và có nhiều người bị thương! Vì không có bằng chứng, không có một kẻ sát nhân nào bị truy tố. Hơn một năm về sau, một vụ tương tự lại xảy ra: ngày thứ năm 23 tháng 4 năm 1925, vài ngày trước ngày bầu cử những thị xã, những lực lượng giữ trật tự của đảng Cộng sản Pháp đã đến phá rối lúc tan cuộc họp bầu cử, của những toán thanh niên ái quốc, một tổ chức của phe cực hữu, ở trong quận 18 Paris, đường Damrémont. Vài người lãnh đạo có võ trang và không ngần ngại gì mà không dùng đến súng. Ba người lãnh đạo của những thanh niên ái quốc

bị bắt giữ và cảnh sát đã đến khám xét những nơi cư ngụ của những nhà lãnh đạo Cộng sản.

Mặc dầu gặp những khó khăn, đảng Cộng sản Pháp vẫn duy trì đường lối. Năm 1926, đảng ủy nhiệm cho Jacques Duclos, một dân biểu Cộng sản vừa trúng cử và được hưởng quyền miễn truy tố nghị trường, đứng ra thành lập những toán tự vệ chống Phát Xít gồm những cựu chiến binh của trận chiến 1914 1918 và những vệ binh chống Phát Xít gồm những thanh niên Cộng sản; những tổ chức bán quân sự này được tổ chức theo khuôn mẫu của Rote Front của Đức và ngày 11 tháng 11 năm 1926 đã diễn hành và vận đồng phục. Song song Jacques Duclos tổ chức những cuộc tuyên truyền chống lại chủ nghĩa quân sự và cho phát hành một nguyệt san tên *Người chiến sĩ đỏ*, nguyệt san này huấn luyện về nghệ thuật nội chiến, mô tả và nghiên cứu cách chiến đấu trong thành phố, trên những đường phố v.v. Năm 1913 tổ chức Komintern cho phát hành với nhiều thứ tiếng khác nhau, quyển sách *Nổi loạn võ trang*, ký tên tác giả Neuberg nhưng thực sự là một việc làm của tập thể những người lãnh đạo Xô Viết: cuộc nổi loạn ở Tallin do tướng Iossif Ounschlicht, phân tích và nghiên cứu, cuộc nổi loạn ở Hambourg do Hans Kippenberger phụ trách, cuộc nổi loạn ở Quảng Châu do tướng Vassili Blücher và Hồ Chí Minh và cũng đã đề cập đến việc những người nông dân nổi loạn khởi đầu từ năm 1920; quyển sách này được tái xuất bản ở Pháp vào năm 1934. Và khi ở Pháp đã diễn ra khúc

quẹo về chính trị vào năm 1934 với việc thành lập Mặt trận bình dân (Front populaire) và vì vậy vai trò căn bản của việc bạo động trong thực hành chủ nghĩa căn bản, đã tạm thời được xếp vào loại hai, nhưng không vì vậy mà làm giảm bớt việc thi hành bạo động. Tất cả những sự chứng minh của những hành động bạo động, việc thi hành hàng ngày những sự thù ghét về giai cấp, việc lý thuyết hóa nội chiến và những cuộc khủng bố đã gặp được môi trường thuận lợi để nảy sinh với cuộc chiến tranh ở Tây Ban Nha xảy ra vào năm 1936. Tổ chức Komintern đã gởi qua đây rất nhiều cán bộ và những cán bộ này đã nổi tiếng trong những việc đàn áp của người Cộng sản.

Tất cả những việc tuyển lựa, huấn luyện và sửa soạn cho những cán bộ bản xứ để tổ chức những cuộc nổi loạn võ trang trong tương lai đều được thực hiện với việc liên lạc chặt chẽ của cơ quan mật vụ Xô Viết hay nói đúng hơn với cơ quan mật tên GROu, tên viết tắt của Glavsnoe Razvedatelnoe Oupravlenie, hay là Tổng Nha Trung Ương Tình Báo, đã được thành lập dưới sự che chở của Strotski với sự giám sát của phòng Đệ Tứ của Hồng quân và trong những sách vở bằng tiếng Anh được biên là GRU. Cơ quan này không bao giờ ngừng việc giáo dục là dù ở trong nhiều trường hợp đã bắt buộc họ phải rút lui đại qui mô. Việc đáng ngạc nhiên là những cán bộ trẻ tuổi được sự tin cậy của đảng Cộng sản Pháp, vào đầu những năm của thập niên 1970 còn được gởi sang Liên bang Xô Viết, để thụ

huấn những lớp dạy cách xử dụng những vũ khí thông thường (tập bắn, tháo ráp và xử dụng những loại vũ khí) chế tạo những vũ khí thô sơ, những kỹ thuật phá hoại, những kỹ thuật truyền tin; do những toán thuộc lực lượng đặc biệt Xô Viết tên Spetsnaz phụ trách, những toán này được đặt dưới quyền xử dụng của những cơ quan mật vụ Xô Viết. Ngược lại, cơ quan GROu có sẵn những chuyên viên về quân sự và sẵn sàng phái những người này sang phục vụ những đảng Cộng sản anh em khi nào cần. Một thí dụ: Alfred Stern người gốc Áo-Hung đã được biệt phái qua phục vụ M. Apparat thuộc đảng KPD để tổ chức cuộc nổi loạn ở Hambourg vào năm 1923. Sau y được phái sang hoạt động ở Trung quốc và ở Mãn Châu trước khi mang tên là tướng Klée ber chỉ huy Trung đoàn Quốc tế đã nổi danh trong trận nội chiến xảy ra ở Tây Ban Nha.

Những bộ máy quân sự bí mật này với những thành viên không phải là những thiếu niên ngây thơ ở những giáo đường. Họ là những con người gần như là những giới kẻ cướp (bandit) và những toán người này họp lại thường trở thành những đảng ăn cướp. Một trong những việc điển hình đã xảy ra vào cuối những năm thuộc thập niên 1920: những toán vệ binh đỏ, hay những trung đội đỏ của đảng Cộng sản Trung Quốc. Họ đã hoạt động ở Thượng Hải lúc ấy được coi là trung tâm khủng bố của đảng. Dưới sự chỉ huy của Gu Shunzhang, một tên cựu đạo tặc thuộc hội kín Thanh đảng (bande verte), một băng đảng mafia mạnh

nhứt trong hai băng đảng đang lộng hành vào thời đó ở Thượng Hải, những thuộc hạ của Gu đã đương đầu với những toán áo sơ mi màu lam, một tổ chức thanh niên của Quốc Dân đảng theo khuôn mẫu của Phát Xít, trong những trận đánh đáng nghi ngờ, khủng bố chống lại khủng bố, phục kích chống lại phục kích, những vụ ám sát cá nhân chống lại ám sát cá nhân. Tất cả đều được hưởng sự giúp đỡ của tòa Lãnh sự Liên bang Xô Viết ở Thượng Hải và tòa Lãnh sự này cũng có những chuyên viên quân sự như tên Gorbatiouk cùng những tên khác để thi hành những lệnh dơ dáy.

Năm 1928, những thuộc hạ của Gu đã thủ tiêu một đôi vợ chồng lãnh tụ theo y đã trở cờ về phe công an trong khi họ đang ngủ, đó là He Jia Xing và He Je Hua bằng cách bắn đầy người họ trên chiếc giường ngủ. Để làm lấn át tiếng súng nổ, họ đã cho đốt một tràng pháo ở ngoài đường. Và trong lòng đảng, để loại những người chống đối họ cũng đã dùng những phương pháp tương tợ. Chỉ cần những lời tố cáo là cũng đủ để bị giết chết ngay. Ngày 17 tháng Giêng năm 1931, quá giận vì đã bị mưu mô của Pavel Mif, đại diện tổ chức Komintern, cùng với những lãnh tụ còn trung thành với Moscou, lãnh tụ He Meng Xiong cùng với lối 20 đồng chí thuộc phân bộ công nhân đã hội họp ở nhà hàng Đông Phương ở Thượng Hải. Họ vừa khởi đầu cuộc thảo luận thì những công an viên cùng với những nhân viên của văn phòng Trung ương Điều tra của Quốc Dân đảng tên Diaocha tonzhi ập vào, tay

cầm vũ khí và bắt tất cả bọn. Những người quốc gia đã được một tên vô danh báo cho biết nơi họp.

Tháng 4 năm 1931, Gu đào ngũ và trở về hàng ngũ của Thanh đảng (bande verte) cùng với việc y đầu hàng Quốc Dân đảng (y đã gia nhập tổ chức sơ mi xanh), một ủy ban đặc biệt do 5 lãnh tụ Cộng sản thành lập để nối tiếp những hoạt động ở Thượng Hải. Ủy ban này gồm có Kang Sheng, Guang Huian, Pan Hannian, Chen Yun và Ke Qingshi.

Đến năm 1934, tất cả những cơ quan của Cộng sản Trung Quốc trong thành phố Thượng Hải, đã bị phá vỡ hoàn toàn. Hai lãnh tụ những toán võ trang là Ding Mocun và Li Shiqun đều bị lần lượt lọt vào tay Quốc Dân đảng. Họ chịu đầu hàng, và sau đó đến năm 1937, khi quân đội Nhật chiếm đóng thành phố này họ quay sang phục vụ cho người Nhật. Cả hai đều chết thê thảm. Ding Mocun bị xử bắn vào năm 1947 với tội phản quốc, còn Li Shiqun bị viên sĩ quan Nhật mà y phục vụ, đã thuốc độc giết y. Về phần Kang Sheng từ năm 1949 đến năm y chết vào năm 1975 là viên chỉ huy cơ quan công an mật vụ của chế độ Mao Trạch Đông và là một trong những tay đao phủ chính chống lại nhân dân Trung Quốc dưới chính quyền Cộng sản.

Việc thường xảy ra là những đảng viên của những đảng phái khác và những đảng viên của đảng Cộng sản thường được những cơ quan Xô Viết đặc biệt chiếu cố để dùng vào những dịch vụ đặc biệt mà họ cần thi hành. Đó là vụ Koutiepov đã diễn ra năm

1924. Đại Quân Công Nicolas, người được coi là có thể kế vị Nga Hoàng đã gọi tướng Alexandre Koutiepov đến Paris để chỉ huy ủy ban liên họp tổng quát quân sự (ROVS). Đến năm 1928 cơ quan Guépou quyết định làm tan vỡ ủy ban ROVS. Ngày 26 tháng Giêng tướng Koutiepov mất tích. Có nhiều tin đồn đưa ra và cũng có nhiều tin do những người Xô Viết tung ra. Hai cuộc điều tra độc lập đã cho biết ai là kẻ chủ mưu của vụ bắt cóc: cuộc điều tra của đảng viên cao niên thuộc đảng xã hội Nga là Vladimir Bourtzev, ông này đã trở nên lừng danh khi ông lột mặt nạ tên Evno Azev, một nhân viên của cơ quan Okhrana đã len lỏi vào cấp lãnh đạo của tổ chức tranh đấu của những người xã hội cách mạng và cuộc điều tra của ký giả Jean Delage thuộc tờ báo *Tiếng Vang* của Paris (l'Écho de Paris). Delage đã cho biết là tướng Koutiepov đã bị bắt cóc và đưa ra Houlgate, một thành phố ở bờ biển Manche và chuyển xuống một chiếc tàu Xô Viết tên là Spartak và chiếc tàu này đã rời bến vào ngày 19 tháng 2. Từ đó không còn ai biết viên tướng này ra sao? Ngày 22 tháng 9 năm 1965 viên tướbng Xô Viết Chimanov đã thuật lại tất cả diễn biến của việc này mà ông biết người phụ trách, tờ báo *Ngôi Sao Đỏ* của Hồng quân đã cho biết tên của người chịu trách nhiệm: Serguei Pouzitski, ngoài tham dự việc bắt giam, tên ăn cướp Savinkov đã oai nghiêm chỉ huy việc bắt cóc tướng Koutiepov và nhiều vị chỉ huy khác của Bạch quân. Tổ chức những người di cư tỵ nạn Cộng sản đã bị những nhân viên của cơ

quan Guépou xâm nhập. Từ năm 1929, cựu Bộ trưởng chính phủ của Đề đốc Koltchak thuộc Bạch quân, tên là Serguei Nicolavevitch Trétiakov đã bí mật gia nhập hàng ngũ Xô Viết và dưới bí số UJ/1 và tên mật mã là Ivanov. Qua những tin tức và những chi tiết của Tré–tiakov đã thông báo cho viên chức liên lạc với y, người này tên là Vetchinkine, Moscou đã nắm vững những cuộc di chuyển của tướng Koutiepov.

Một toán còm măng đô đã chận xe của viên tướng này ngay giữa những đường phố dưới dạng là một cuộc kiểm soát của cảnh sát. Một người Pháp tên là Honel, làm nghề sửa xe hơi ở Levallois Perret hóa trang bận sắc phục của cảnh sát lưu thông đã yêu cầu tướng Koutiepov đi theo y. Một người Pháp khác dính líu vào vụ này tên là Maurice Honel, em của tên nói trên, đã có liên lạc với mật vụ Xô Viết. Tên Maurice Honel trúng cử dân biểu Cộng sản vào năm 1936. Koutiepov từ chối quy thuận, ông đã bị đâm chết bằng một lưỡi dao găm và Xác của ông được chôn ngay ở dưới hầm xưởng sửa xe của tên Honel.

Người thừa kế của Koutiepov là tướng Miller, ông có người phụ tá là tướng Nikolai Skobline, lại là một nhân viên của bọn Xô Viết. Với người vợ là ca sĩ Nadejda Plevitskaia, Skobline tổ chức ở Paris cuộc bắt cóc tướng Miller. Ngày 22 tháng 9 năm 1937 Miller mất tích. Ngày 23 tháng 9 chiếc tàu Xô Viết Maria Oulianovna rời bến Le Havre. Đến lượt tướng Skobline cũng biến mất, những sự nghi ngờ đã trở nên chính xác. Tướng

Miller thật sự đã hiện diện trên tàu Maria Oulianovna mà chính phủ Pháp đã từ chối không chận xét. Được đưa về Moscou và sau khi chịu cuộc hỏi cung, tướng Miller đã bị giết chết.

Tài liệu tham khảo *Lịch sử tình báo thế giới Quyển 1 từ 1870-1939* / nhà xuất bản Laffont 1993; *Những tội ác Xô Viết trước tòa đại hình quận Sein 5 14 tháng 12*; *Vụ bắt cóc tướng Miller do tướng Skobline*; *Vụ án Plevitzkaia và lời biện hộ của luật sư Me Maurice Ribet*: nhà in Tòa án 1939. *Viên tướng sẽ chết vào nửa đêm* / nhà xuất bản Plon 1981. *Nước Nga của những con ma*; *Những di dân Nga từ 1920 1950* / nhà xuất bản Harmattan 1955.

Chế độ độc tài - Tội ác hóa những người chống đối - Đàn áp trong lòng tổ chức Komintern

Theo lịnh của Moscou, tổ chức Komintern duy trì ở những đảng Cộng sản một toán võ trang và chuẩn bị tổ chức những cuộc nổi loạn để gây ra nội chiến chống lại chính quyền đang tại chức, tổ chức này cũng đưa vào lòng của tổ chức mình những phương pháp công an và khủng bố đã được thực hành ở Moscou và ở Liên bang Xô Viết. Nhân cuộc Đại hội lần thứ 10 của Đảng Cộng sản Xô Viết, được tổ chức từ ngày 8 đến 16 tháng 3 năm 1921, trong lúc chính quyền Xô Viết đang phải đương đầu với cuộc nổi loạn ở Kronstadt, những văn bản về một chế độ độc tài đã được thảo ra, ngay cả trong lòng đảng. Trong lúc chuẩn bị cho cuộc đại hội, tám hình thức khác nhau đã được đề nghị và đưa ra để

bàn thảo. Những cuộc tranh luận này là những di tích chót của nền dân chủ và nền dân chủ đã không được tự đặt trên đất Nga. Và một loại dân chủ chấp nối, vá víu (ersatz) cũng không còn tồn tại bao lâu. Ngày thứ hai của đại hội, trong lúc xúc tiến những công việc, Lénine đã lên tiếng: những đồng chí, chúng ta không cần đối lập, vì lúc này không phải là lúc. Những đồng chí có trách tôi cũng chả được việc gì vì đó là do hoàn cảnh tạo ra. Hỡi những đồng chí, từ nay trở đi đừng nói đến đối lập nữa. Theo ý kiến của tôi, những đồng chí ở đây hay là ra chiến đấu ở Kronstadt, tay cầm súng. Hội nghị phải đi đến kết luận đã đến lúc chấm dứt việc đối lập, hãy hạ màn về việc này, chúng ta đã quá chán ngán về việc đối lập. Lénine đã nhắm vào những người tuy là không tạo thành một nhóm, theo nghĩa chính không có một bản báo cáo, đã tập họp dưới hình thức được gọi là Công nhân chống đối, những tên Alexandre Chliapnikov, Alexandra Kollontai, Loutovinov và với hình thức Trung ương Dân chủ gồm có Timothée Sapronov, Gabriel Miasnikov.

Ngày 16 tháng 3 khi Đại hội đã gần như sắp bế mạc, có hai nghị quyết được đưa ra vào lúc chót: Nghị quyết thứ nhất nói về việc đồng nhất của đảng và nghị quyết thứ hai nói về những việc trật hướng của những phong trào nghiệp đoàn và tinh thần vô chính phủ nằm trong lòng đảng, nhắm vào nhóm Công nhân chống đối. Nghị quyết thứ nhất đòi việc giải tán tức thời tất cả những nhóm được thành lập đúng theo những hình thức

riêng biệt, nếu từ chối sẽ bị đuổi ra liền khỏi hàng ngũ của đảng. Một bản không được đưa ra của nghị quyết này và được giữ mật cho đến tháng 10 năm 1923 đã ủy quyền cho Ủy ban Trung ương được quyền tuyên án những cuộc trừng phạt. Cơ quan công an của Feliks Dzerjinski lại có dịp để mở rộng tầm truy xét: tất cả những nhóm đối lập nằm trong lòng đảng sẽ bị luôn luôn theo dõi, canh gác và nếu cần đuổi ra khỏi đảng. Việc này đối với những người lãnh đạo chân chính là cái chết trên trường chính trị.

Nhận thấy việc cấm tự do bàn cãi mâu thuẫn với quy chế của đảng, dù vậy hai bản nghị quyết này cũng được đồng chấp thuận. Riêng về bản nghị quyết thứ nhất Radek đã đưa ra một chứng minh có tính cách báo trước: tôi nhận định là nghị quyết này có thể dùng để chống lại chúng ta và vì vậy tôi chấp nhận. Trong lúc nguy hiểm Ủy ban Trung ương đã quyết định những biện pháp tối nghiêm nghị chống lại những đồng chí, tôi nhận thấy là rất cần thiết. Dù là Ủy ban Trung ương có lầm lộn vì đó còn ít nguy hiểm hơn việc lừng chừng mà người ta nhận thấy trong lúc này. Cuộc lựa chọn này đã được thực hiện dưới sự đe dọa của hoàn cảnh và đã đáp ứng lại những khuynh hướng sâu rộng của những người Bolchévik, từng đè nặng với tính cách quyết định về tương lai của đảng Cộng sản Xô Viết và là kết quả quan trọng đối với phân bộ của tổ chức Komintern.

Đại hội 10, cũng quyết định việc tái tổ chức lại ủy

ban kiểm soát với nhiệm vụ được chỉ định: canh chừng việc củng cố và quyền lực ở trong đảng. Từ đó, ủy ban này thành lập và những hồ sơ cá nhân của những vị lãnh tụ và những đảng viên để xử dụng, đến khi cần dùng làm tài liệu căn bản để truy tố những việc như: thái độ đối với công an chính trị, có cảm tình hay gia nhập những nhóm chống đối, v.v. Sau khi đại hội 10 bế mạc, những người có cảm tình hoặc thuộc nhóm khuynh hướng công nhân đối lập đã chịu nhiều việc bắt nạt hay ngược đãi. Về sau Alexandre Chliapnikov đã giải thích: cuộc đấu tranh sẽ không diễn ra riêng trong lãnh vực ý thức hệ mà còn phải dùng những phương tiện khác như việc sa thải những người ra khỏi địa vị hay thuyên chuyển từ địa hạt này qua địa hạt khác, cùng lắm là đuổi ra khỏi đảng. Đến tháng 8, cuộc kiểm soát khởi đầu và kéo dài trong nhiều tháng. Một phần tư những vị lãnh tụ Cộng sản đã bị khai trừ. Từ việc xử dụng đến việc thanh trừng tchistka, từ đây đã trở nên một phần đời sống của đảng. Ông Aino Kuusienn đã biểu lộ về chu kỳ của phương pháp này: bị cáo được gọi tên và được mời lên diễn đàn, những thành viên của ủy ban thanh lọc và những người khác hiện diện đặt những câu hỏi. Một vài người đã minh oan dễ dàng nhưng nhiều người khác đã phải chịu đựng lâu cuộc thử thách gay go này. Nếu người nào có oán thù riêng với một người nào và đây là cơ hội để giải quyết dứt khoát về diễn tiến của việc này. Nhưng việc sa thải ra khỏi đảng thuộc quyền quyết định của ủy ban kiểm

soát. Nếu bị cáo nhìn nhận là không phải là thủ phạm về những hành động mà y bị cáo, thủ tục sẽ được xếp qua một bên và không có cuộc bầu. Nếu trường hợp ngược lại, không có người nào can thiệp cho người bị cáo, vị chủ tịch chỉ hỏi có một câu: Kto protiv, không có một người nào ngỏ ý chống lại, vụ này được coi như là nhất trí chấp nhận.

Những hậu quả của những quyết định tại đại hội 10, đã được ghi nhận mau chóng: tháng 2 năm 1922 lãnh tụ Gabriel Miasnikov bị tạm ngưng một năm, và coi như bị khai trừ ra khỏi đảng vì đã bảo vệ việc tự do báo chí, chống lại ý kiến của Lénine về việc này. Những người có khuynh hướng thuộc nhóm công nhân chống đối đã kháng nghị với tổ chức Komintern (tuyên ngôn 22), liền đó Staline, Dzerjinski và Zinoviev đã đòi khai trừ Chliapnikov, Kollonyai và Medvediev. Nhưng đại hội lần thứ 11 đã từ khước. Càng lúc càng chịu sự lôi cuốn của quyền lực Xô Viết, tổ chức Komintern đã chẳng bao lâu bị cưỡng bách chấp nhận chế độ nội bộ của đảng Bolchévik. Một kết quả rất bình thường (logique) và không lấy gì là ngạc nhiên.

Năm 1923, Dzerjinski đã đòi hỏi một nghị quyết chính thức của bộ chính trị (Politburo), để bắt buộc những đảng viên phải tố cáo với cơ quan GPU mọi hành động chống đối. Đề nghị của Dzerjinski là nguồn gốc tạo ra một loạt khủng hoảng ở trong lòng đảng Bolchévik: ngày 8 tháng 10, Trotski đã gởi một văn thư cho ủy ban trung ương, và theo đó ngày 15 tháng 10 tuyên ngôn của

46. Cuộc bàn thảo đã diễn ra và quy tụ chung quanh đường lối mới của đảng Cộng sản Nga và đưa đến việc kéo dài qua những bộ phận của Komintern.

Đồng thời vào cuối năm 1923, đời sống của những phân bộ Komintern được đặt dưới khẩu hiệu Bolchévik hóa; tất cả đều phải tái tổ chức lại những cơ cấu và lấy làm căn bản là nơi những tổ ở xí nghiệp cùng tăng cường sự trung thuận với trung ương tại Moscou. Xảy ra những việc nói nửa chừng của việc biến đổi đã đưa đến kết quả là làm tăng thêm nhiều vai trò và quyền lực của những thông điệp của quốc tế Cộng sản trên đề tài về tiến triển của chính quyền ở Liên bang Xô Viết.

Ở Pháp, một vị lãnh tụ của đảng Cộng sản Pháp PCF, là Boris Souvarine đã chống đối lại đường lối mới và tố cáo những phương pháp hèn hạ mà Troika (Kamenev, Zinoviev và Staline) đã xử dụng đối với người đối lập với họ là Trotski: Nhân dịp đại hội thứ 13, của đảng Cộng sản Xô Viết thống nhất, Boris Souvarine đã được đòi đến để giải thích. Đó là ngày 12 tháng 6 năm 1924, một buổi họp đã biến thành một cuộc tố cáo trên khuôn mẫu một cuộc kiểm thảo bắt buộc. Một ủy ban được triệu tập đặc biệt để xét về vụ Souverine và ủy ban này đã tuyên cáo: tạm thời khai trừ Souvarine. Những phản ứng của ban lãnh đạo của đảng Cộng sản Pháp PCF, đã chỉ định rõ ràng và minh bạch về tình trạng tinh thần từ nay trở đi, cần phải có trong những hàng ngũ của Đảng Thế giới: ở trong đảng của chúng tôi, đảng Cộng sản Pháp PCF, đã không hoàn toàn khai trừ

những căn bản xưa, cũ của chủ nghĩa xã hội dân chủ, ảnh hưởng của những cá nhân còn giữ một vai trò lớn.

Nằm trong những biện pháp mà những sự nhỏ nhen còn sót lại của tinh thần tiểu tư sản với cái tôi cá nhân sẽ bị phá bỏ để họp thành một đội quân sắt vô danh của những người Bolchévik Pháp. Đảng Cộng sản Pháp phải đập tan ở trong lòng đảng và sẽ không nương tay đối với tất cả những đảng viên từ chối không phục tùng luật của đảng, để đảng được xứng đáng là thành viên của Quốc tế Cộng sản và nếu đảng muốn noi gương những thành quả vẻ vang của đảng Cộng sản Nga. Báo *Humanité* ngày 19 tháng 7 năm 1924, vị chủ nhiệm viết bài này đã không ngờ là những nhận định của y đã trở thành quy luật và quy luật này đã được dùng để làm kim chỉ nam cho đời sống của đảng trong nhiều thập niên. Một thành viên nghiệp đoàn tên Pierre Monate đã đúc kết việc tiến triển này là: chế độ hạ sĩ quân đội (caporalisation).

Cũng vào mùa hè năm 1924, trong cuộc đại hội 5 của tổ chức Komintern, vị lãnh tụ Bolchévik Zinoviev đã đe dọa: Bẻ gãy xương những người đối lập, đã làm nổi bật những tính nết về chính trị đang xâm lấn vào phong trào Cộng sản. Đen tối cho Zinoviev: chính y đã bị Staline bẻ gãy xương, vì sang đến năm 1925 đã cách chức chủ tịch tổ chức Komintern của y. Boukharine được chỉ định thay thế nhưng chả bao lâu y cũng nếm mùi chua cay như Zinoviev.

Ngày 11 tháng 7 năm 1928 trước ngày khai mạc

Đại hội 6, của tổ chức Komintern (từ 17 tháng 7 đến 1 tháng 9 năm 1928) lãnh tụ Kamenev bí mật gặp Boukharine và đã lập một biên bản về cuộc nói chuyện. Là nạn nhân của chế độ công an Boukharine đã giải thích là đường giây điện thoại của ông đã bị rình nghe và ông bị cơ quan GPU theo dõi; hai lần ông đã tỏ ra rất lo sợ và nói: nó sẽ thắt cổ chúng ta. Chúng ta không muốn can thiệp, vì bị coi là ly khai và nó sẽ thắt cổ chúng ta. Nó đây là Staline.

Người đầu tiên mà Staline toan tính thắt cổ là Trotski. Cuộc đấu tranh của Staline chống lại Trotski chủ nghĩa có một đặc điểm riêng biệt, đó là sự lan rộng ra. Tất cả bắt đầu từ năm 1927. Nhưng trước đó vào tháng 10 năm 1927, dấu hiệu báo trước sự hung xấu để cảnh cáo, đã được đưa ra trong một cuộc họp của đảng Bolchévik: hoặc là khai trừ hay là đập bỏ hợp pháp những sự chống đối, hoặc là giải pháp những phát súng đại bác trong đường phố giống như những người xã hội cách mạng thiên tả, đã xảy ra vào tháng 7 năm 1918 tại Moscou. Đây là một câu mà Larine đã viết trên báo *Pravda*. Hành động chống đối thiên tả, đó danh xưng chính thức, đã bị cô lập và càng ngày càng suy yếu, đã là nạn nhân của những cuộc khiêu khích của cơ quan GPU và cơ quan này đã mạo chế ra một nhà in lậu do một vị cựu sĩ quan của tướng Bạch quân Wrangel, điều khiển. Vị cựu sĩ quan này là một nhân viên của GPU trá hình. Những tài liệu của nhóm chống đối đều do nhà in này in ra. Nhân cuộc kỷ niệm

lần thứ 10 cách mạng tháng 10, nhóm đối lập đã quyết định biểu tình với những biểu ngữ mang khẩu hiệu của họ. Một cuộc can thiệp mạnh tay của công an đã ngăn chận họ. Đến ngày 14 tháng 11, Trotski và Zinoviev bị khai trừ ra khỏi đảng Bolchévik. Giai đoạn kế tiếp, từ tháng Giêng năm 1928 đã xảy ra việc đưa đi quản thúc ở những vùng xa xôi những vị lãnh tụ Bolchévik được nhiều người biết đến. Christian Rakovski cựu đại sứ Xô Viết ở Pháp, đều bị đưa đi về Astrakhan nằm trên sông Volga, sau đưa đi Barnaoul ở Sibérie. Victor Serge, năm 1933 bị gởi đi Orenbourg ở Oural hoặc là đi ra nước ngoài. Còn về phần Trotski bị dùng sức mạnh đưa đi Alma Ata ở Turkestan, cách Moscou bốn ngàn kí lô mét. Một năm sau vào năm 1929, ông bị trục xuất qua nước Turquie, và nhờ vậy thoát khỏi nhà tù, còn những người thân ông đều bị bắt giam. Càng ngày con số những người bị bắt giam càng gia tăng, gồm có những người thuộc khuynh hướng Công nhân Chống đối cũ hay là những người thuộc Tập trung ương dân chủ. Họ đều bị bắt và đưa vào những nhà tù riêng biệt, với tên polit isolators.

Khởi đầu từ lúc này, những người Cộng sản ngoại quốc là thành viên của tổ chức Komintern, hay đang sinh sống ở Liên Bang Xô Viết đã bị bắt giam hay bị quản thúc cũng giống như những lãnh tụ Nga; trường hợp của họ cũng được hội nhập như những người dân Nga, nằm trong biện pháp là tất cả những người Cộng sản ngoại quốc nếu ở lâu ngày trên lãnh

thổ Xô Viết phải bắt buộc gia nhập vào đảng Bolchévik và phải phục tùng kỷ luật của đảng. Đó là trường hợp của Ante Ciliga, thành viên của bộ chính trị của đảng Cộng sản Nam tư PCY, được phái đi Moscou vào năm 1926 như là đại điện của PCY tại tổ chức Komin9 tern. Ông đã có vài lần gặp gỡ những người đối lập tập họp chung quanh Trotski và lần lần tách xa tổ chức Komintern vì tại nơi đây những cuộc bàn thảo thật sự đã bị bãi bỏ và những người lãnh đạo đã không ngần ngại dùng những lối đe dọa đối với những người nói ngược lại họ, điều mà Ciliga đã gọi là: phương pháp nô lệ, hèn hạ của phong trào Cộng sản quốc tế. Tháng 2 năm 1929 nhân kỳ tổng đại hội, những người dân Yougoslave ở Moscou đã chấp thuận một nghị quyết lên án chính sách của ban lãnh đạo tổ chức Komintern. Một nhóm người bất hợp pháp, theo những điều lệ của kỷ luật, sau đó đã được những người đối lập tổ chức chống lại đường lối chính thức đã liên lạc với những người Xô Viết. Chẳng bao lâu, một ủy ban đã điều tra ông Ciliga và khai trừ ông này ra khỏi tổ chức Kog mintern trong vòng một năm. Không vì vậy mà Ciliga ngưng không thi hành những hành động bất hợp pháp và đến cư ngụ ở thành phố Léningrad. Ngày 1 tháng 5 năm năm 1930, ông đã đi Moscou để gặp những thành viên của nhóm người Nga và Yougoslaves vì họ đồng phản đối việc thi hành kỹ nghệ hóa với đường lối hiện nay đang thực hành và dự định thành lập một đảng mới. Ngày 21 tháng 5 ông bị bắt giam, cùng với những

bạn của của ông và được đưa vào những polit isolaơ tor ở Verkhné Ouralks, chiếu theo điều luật 59. Trong vòng 3 năm liên tiếp, từ nhà tù này qua nhà tù khác, từ những đơn thỉnh nguyện đến việc tuyệt thực, Ciliga không ngừng đòi hỏi quyền được ra khỏi xứ Nga. Khi được trả tự do, ông đã toan tính tự tử. Cơ quan GPU đã toan tính ép buộc ông từ bỏ quốc tịch Ý của ông. Bị đày đi Sibérie, sau cùng ông bị trục xuất ra khỏi lãnh thổ Nga vào ngày 3 tháng 12 năm 1935, đây là một trường hợp đặc biệt hiếm có.

Nhờ có những lời tố cáo của Ciliga, người ta đã được biết rõ về những trại polit isolators: Những đồng chí trao cho chúng tôi những tờ báo phát hành trong nhà tù. Biết bao nhiêu là tư tưởng và mỗi bài báo đều được tự do viết. Biết bao nhiêu say mê và tình ngay thật trong việc trình bày những vấn đề không những trừu tượng và lý thuyết mà luôn cả những gì liên quan đến những thời sự còn nóng bỏng. Nhưng sự tự do của chúng tôi không chỉ giới hạn ở điểm này. Trong lúc được đi thả bộ ở trong sân của nhà tù và lúc mà nhiều phòng được ra ngoài cùng lúc; những người bị giam thường hay có thói quen tụ họp ở một góc sân để có một buổi họp đàng hoàng có chủ tịch, thơ ký và những người diễn giả, thay phiên nhau trình bày những ý kiến. Về đời sống vật chất như sau đây: Những thức ăn theo thực đơn thường lệ của người moujik thường dân hay nông dân nghèo: buổi sáng bánh mì và cháo, buổi chiều cũng vậy, suốt cả năm. Ngoài ra

bữa ăn trưa được ăn súp, cá thuộc loại tồi, những thức ăn đóng hộp và thịt gần đến tình trạng hư thối. Cũng món súp đó nhưng không có cá và thịt được cho ăn vào buổi cơm tối. Mỗi ngày được 700 gờ ram bánh mì, mỗi tháng được một kí lô đường. Ngoài ra người ta phát cho chúng tôi những khẩu phần thuốc điếu, thuốc lá hay là sa von. Những thức ăn đều đều này, đã không đầy đủ cho sức khỏe. Chúng tôi phải tranh đấu kịch liệt để người ta không giảm bớt số lượng cho những phần ăn ít ỏi này: phải nói là biết bao nhiêu cuộc đấu tranh gian khổ để chúng tôi đạt được một chút ít cải thiện trong những thức ăn hàng ngày. Nhưng dù sao chế độ mà chúng tôi được hưởng phải coi là ưu đãi nếu so sánh với chế độ của những nhà tù cho những tội thường phạm và những triệu người bị giam cầm trong những trại ở miền Bắc.

Nhưng những điều ưu đãi này nó chỉ là tương đối. Ở Verkhné Ouralsk những người tỵ nạn đã ba lần tuyệt thực vào tháng 4 và mùa hè năm 1931 và tháng 12 năm 1933 để bảo vệ những quyền lợi của họ và để chống lại việc tái thi hành những án giam. Như bị án ở tù 3 năm, khi mãn hạn thì bị coi là như chưa thọ án, lại ở thêm 3 năm. Khởi từ năm 1934, gần như ở mọi nơi chế độ những tù chính trị đều bị bãi bỏ trừ Verkhné Ouraksk thì chế độ này còn duy trì cho đến năm 1937. Cách thức giam giữ mỗi ngày trở nên tồi tệ hơn như: những phạm nhân đã chết vì bị đánh đập, những phạm nhân khác bị xử bắn và có nhiều người bị biệt giam vào hầm kín

như trường hợp của Vladimir Smirnov đã xảy ra vào năm 1933 tại Souzdal.

Việc tội ác hóa những phạm nhân, loại thật hay loại phỏng định, nằm ở trong lòng đảng Cộng sản và chẳng bao lâu đã lan tràn đến những lãnh tụ cao cấp Cộng sản. Người lãnh đạo đảng Cộng sản Tây Ban Nha, José Bullejos và nhiều đồng chí của ông đã được triệu tập đến Moscou vào mùa Thu 1932, và đã bị chỉ trích, cùng phê bình về đường lối, chính sách của đảng ông. Vì đã từ chối những đường lối bắt buộc (diktat) của tổ chức Komintern, họ đã bị khai trừ toàn khối vào ngày 1 tháng 11 năm 1932, và từ đó bị quản thúc ở khách sạn LUX, nơi trú ngụ của những vị lãnh tụ. Lãnh tụ người Pháp, ông Jacques Duclos cựu đại diện của tổ chức Komintern, ở Tây Ban Nha đã đến thông báo cho họ quyết định khai trừ họ, và cho họ biết là: tất cả những mưu toan nổi loạn sẽ bị trừng phạt theo những hình luật Xô Viết. Bullejos và những đồng chí của ông đã rời khỏi nước Nga sau hai tháng thương lượng gay go để lấy lại được giấy thông hành của họ.

Năm 1932, cũng kết thúc một vụ không thể tưởng tượng được, đã liên quan đến đảng Cộng sản Pháp PCF. Đầu năm 1931, tổ chức Komintern đã gởi một đại diện đến đảng PCF và nhiều huấn luyện viên, để tái nắm vững đảng này. Tháng 7, người chỉ huy thiệt thọ của tổ chức Komintern là Dimitri Manouilski đã bí mật đến Paris. Ông này đã tiết lộ với bộ chính trị của đảng Cộng sản Pháp là ở trong lòng đảng có một

nhóm người đang hoạt động để phân chia đảng này. Trên thực tế đây chỉ là một sự dàn cảnh, để gây ra một cuộc khủng hoảng trong đảng này và bộ chính trị khi giải quyết được khủng hoảng này sẽ yếu đi; sự tự trị của đảng chỉ còn lại chút ít và sẽ trở nên hoàn toàn lệ thuộc vào Moscou. Trong những đám người bị chỉ định là có ý làm phân chia hàng ngũ là tên Pierre Celor, một vị lãnh tụ chính từ năm 1928 đã bị triệu tập đi Moscou dưới chiêu bài là sẽ được bổ nhiệm làm đại diện cho đảng Cộng sản Pháp ở tổ chức Komintern. Nhưng vừa đặt chân đến Moscou, ông đã bị đối đãi như là một tên khiêu khích (provocateur). Bị đặt ra ngoài lề đảng, không có lương tháng, Célor chỉ sống trong túng thiếu và đói suốt mùa đông nhờ vào thẻ tiếp tế của vợ ông, bà này làm việc ở tổ chức Komintern ở Moscou. Ngày 8 tháng 3 năm 1935, ông được đòi đến dự một cuộc họp trong số cử tọa có mặt những nhân viên NKVD và trong một cuộc hỏi cung dài 12 giờ đồng hồ, họ đã cố gắng bắt ông thú nhận là một người của công an Pháp đã xâm nhập vào hàng ngũ của đảng Cộng sản Pháp. Celor không thú nhận gì cả và sau nhiều cuộc áp lực và quấy nhiễu, ông đã trở về nước Pháp ngày 8 tháng 10 năm 1932, và liền sau đó bị tố cáo là Flic, tiếng lóng của Pháp chỉ vào những người cảnh sát công an.

Bắt đầu từ năm 1932, theo khuôn mẫu của đảng Bolchévik, phần lớn những đảng Cộng sản của những nước khác đã tổ chức những phân đội, những cán bộ trực thuộc thẳng với phân đội cán bộ trung ương của

tổ chức Komintern ở Moscou; những phân đội này có nhiệm vụ thành lập những hồ sơ đầy đủ của những người lãnh tụ đảng Cộng sản của nước mình gồm có những câu hỏi về thân thế và những lời tự khai của những lãnh tụ cùng với tất cả những chi tiết. Riêng về đảng Cộng sản Pháp đã có trên 5.000 hồ sơ được chuyển về Moscou trước khi xảy ra chiến tranh thế giới lần thứ hai.

Những câu hỏi về thân thế gồm có trên 70 câu hỏi, được chia ra dưới 5 tiết mục: 1/ Nguồn gốc và thân thế trong xã hội; 2/ Nhiệm vụ ở trong đảng; 3/ Học vấn và trình độ trí thức; 4/ Gia nhập vào đời sống xã hội; 5/ Tư pháp lý lịch và nếu có, lịch trình bị đàn áp. Tất cả những tài liệu này dùng trong việc lựa chọn những lãnh tụ, cho tất cả những đảng Cộng sản ngoại quốc, được tập trung tại tổ chức Komintern ở Moscou, và tất cả những hồ sơ tài liệu này đều do những lãnh tụ Bolchévik: Anton Krajevski, Tchernomordik hay Geo vork Alikhanov lần lượt là những người chỉ huy phân bộ này quản lý và phân bộ này lại liên lạc với phân bộ những nước ngoài của cơ quan NKVD đã được chỉ định làm tổng thư ký của Ủy ban Hành pháp tổ chức Komintern với nhiệm vụ kiểm soát những cán bộ. Dưới bí danh là Mikhail Moskvine, y đã thâu thập những tin tức và những lời tố cáo, quyết định những việc thất sũng (disgrace) và là giai đoạn đầu tiên đưa đến việc thủ tiêu trong tương lai. Nhiệm vụ của những cán bộ này là thành lập những danh sách đen những người bị

coi là kẻ thù của chủ nghĩa Cộng sản và là kẻ thù của Liên bang Xô Viết.

Ngay từ lúc mới thành lập và liền sau đó, những phân bộ của tổ chức Komintern và những phân bộ ngoại quốc trực thuộc phân bộ trung ương, đã được coi là những lò tuyển mộ những nhân viên tình báo cung cấp những tin tức cho Liên bang Xô Viết. Trong vài trường hợp, những người lãnh tụ tình nguyện làm những việc bất hợp pháp này, lẽ dĩ nhiên là làm ngầm (clandestin) họ không biết là thực tế họ đã làm việc cho những cơ quan tình báo của Hồng quân là GRU hay là phòng 4, cơ quan chuyên về thâu thập những tin tức ở nước ngoài của Tchka, GPU (Inostrany Otdel, Ino), NKVD, v.v. Những cơ quan này liên hệ chằng chịt với nhau, và họ có một sự ganh đua rất mạnh, đưa đến việc cơ quan này tìm cách tuyển mộ nhân viên của cơ quan khác. Trong cuốn hồi ký, Elsa Poretski đã đưa ra nhiều việc do sự cạnh tranh này gây ra:

Những danh sách đen của đảng Cộng sản Pháp PCF

Khởi đầu từ năm 1932, đảng Cộng sản Pháp đã cho thiết lập những nguồn tin mà họ thâu thập được, vào một danh sách những cá nhân, những người bị nghi ngờ hay có thể trở nên nguy hiểm cho họ. Vì dưới mắt họ những hoạt động của những cá nhân này đã ngược lại với chủ trương của họ. Những danh sách này được thành lập song song với việc tổ chức Komintern, nắm lấy những cán bộ của bộ phận mới được thành lập, theo lịnh của tổ chức trung ương Komintern. Việc thiết lập

danh sách những lãnh tụ đã đưa ra mặt trái của việc này: danh sách những lãnh tụ đã thất bại dưới hình thức này hay hình thức khác. Từ năm 1932 đến tháng 6 năm 1939, đã cho ra công bố bản danh sách Đen dưới những tựa đề khác nhau nhưng tương tự: Danh sách đen những tên khiêu khích (provocateur), những tên phản bội, những tên điểm chỉ đã bị đuổi ra khỏi những tổ chức cách mạng ở Pháp, hay là danh sách đen những tên khiêu khích, ăn cắp, lường gạt, trotskiste, phản bội đã bị đuổi ra khỏi hàng ngũ tổ chức công nhân Pháp. Để chứng minh cho những danh sách đen này, tính đến khi xảy ra đệ nhị thế chiến, đã có trên 1.000 tên người được công bố. Đảng Cộng sản Pháp dùng một lý lẽ đơn giản: cuộc đấu tranh giai cấp tư sản trưởng giả chống lại giai cấp những công nhân và những tổ chức cách mạng, xảy ra ở trong nước ta, đã trở nên mỗi ngày mỗi gay cấn hơn.

Những lãnh tụ phải cung cấp cách tả tướng mạo: chiều cao, màu tóc và lông mày, vầng trán, màu của mắt, mũi, miệng, cằm, hình khuôn mặt, màu da, những dấu hiệu riêng. Danh sách số 10 năm 1938. Phải cho biết tất cả những chi tiết để hầu làm dễ dải việc tìm kiếm những người bị tố cáo, và những nơi họ cư ngụ. Mỗi một lãnh tụ là một người phụ lực công an họ chơi trò những nhân viên Tchéka nhỏ.

Vài người bị tình nghi lại đúng là những tên xảo trá có hạng, còn những người khác là những người chống đối đường lối của đảng, hoặc là công khai, hoặc là

ngầm. Trong những thập niên 1930 họ nhắm vào những lãnh tụ đã đi theo Jacques Doriot và vùng hoạt động cũng là vùng Saint Denis; rồi đến những người thuộc nhóm trotskiste. Riêng đối với những người Cộng sản Pháp, họ đã dùng lại những lý lẽ của người đàn anh Xô Viết: Những người trotskiste đã trở thành một đám người điên khùng và là những người phá hoại không nguyên tắc, là những nhân viên để làm xao lãng, và là những sát nhân theo lịnh của những tổ chức gián điệp ngoại quốc (mục lục 1 của những bản danh sách đen từ số 1 đến số 8).

Đệ nhị thế chiến xảy ra, và lịnh cấm của chính quyền được ban ra do đảng Cộng sản Pháp, vì đảng này đã ủng hộ cuộc liên minh Đức Quốc xã với Nga Xô Viết. Rồi đến cuộc chiếm đóng của quân đội Đức trên nước Pháp đã đưa đến việc tăng cường những hành động cảnh sát. Những người lãnh tụ Cộng sản Pháp, vì lòng ái quốc không ủng hộ liên minh Staline-Hitler đều bị tố cáo, luôn cả những người tham gia vào cuộc kháng chiến chống Đức như: Adrien Langumier, tham gia kháng chiến nhưng ông này núp dưới bình phong là chủ nhiệm của nguyệt san *Thời Mới* (Les temps noup veaux). Cộng sản không tố cáo nhà Bác học Fréderic Joliot Curie về bài báo ông này viết ngày 15 tháng 2 năm 1941 có tính cách liên lụy ông. Ông René Nicod, cựu dân biểu của vùng Oyonnax, tuy ông cư xử không có điều gì đáng phàn nàn đối với những đồng chí của ông cũng bị tố cáo. Công an của đảng cũng tìm đủ mọi

cách để thủ tiêu Jules Fourrier, lãnh tụ và là dân biểu, ông đã là người bỏ thăm tín nhiệm trao toàn quyền hành động cho Thống chế Pétain và cuối năm 1940, đã tham gia vào tổ chức kháng chiến chống lại Đức; ông bị quân Đức đưa đi đày ở trại Buchenwald sau đưa qua trại Mauthausen.

Ngoài những người này, có những người vào năm 1941, đã tham gia vào việc thành lập đảng những công nhân và những nông dân Pháp tập hợp chung quanh cựu Tổng thư ký đảng Cộng sản Pháp là Marcel Gitton, bị bắn chết vào tháng 9 năm 1941, do những lãnh tụ Cộng sản ra tay. Đảng Cộng sản tự ban ra quyền để tuyên án: phản bội đảng và nước Pháp, và khi họ hạ sát một nạn nhân, họ gài trên thi thể nạn nhân một miếng giấy có ghi: *Đã xứng đáng đền tội*. Cũng có xảy ra trường hợp người lãnh tụ đã bị nghi ngờ phản bội, bị ám sát chết và sau chiến tranh đã được phục hồi danh dự, đó là trường hợp của George Déziré.

Trong việc truy lùng người Do Thái, đảng Cộng sản đã dùng nhiều hình thức kỳ lạ để tố cáo những người Do Thái: C. Renée tự Tania, tự Thérèse ở quận 14 là người Do Thái gốc bessarabie. Hay là B.

Do Thái gốc ngoại quốc dèm pha đảng Cộng sản và Liên bang Xô Viết. Cơ quan MOI phụ trách những nhân công di dân - một tổ chức tập họp những lãnh tụ Cộng sản người ngoại quốc đã dùng một ngôn ngữ đặc biệt: R., người Do Thái đã hoạt động với một nhóm người Do Thái thù địch, và họ cũng không hề bỏ sự thù ghét

những lãnh tụ trotskiste: D. Yvonne ở số 1, công trường Gal, Beurêt Paris 7è là Trotskiste có liên lạc với tổ chức Poum, dèm pha Liên bang Xô Viết. Chuyện có thể xảy ra là khi cơ quan công an Pháp thời Vichy và cơ quan Gestapo của Đức Quốc xã khi truy bắt những người bị tố cáo, cũng có thể tìm thấy những danh sách những đồng chí của người bị bắt. Vậy số phận của những người bị tố cáo sẽ ra sao?

Năm 1945, đảng Cộng sản Pháp cho công bố một loạt những danh sách đen, để đưa ra quản thúc của quốc gia theo ý nghĩa của nó, những đối thủ chính trị trong đó đã có vài người đã thoát được những mưu toan ám sát. Định chế hóa việc lập ra những danh sách đen, lẽ dĩ nhiên đưa trở lại việc tạo ra danh sách những bị cáo hiện hữu của cơ quan an ninh Xô Viết (Tcheka, GPU, NKVD). Đây là một hành động chung cho toàn thể những người Cộng sản, được phát minh vào thời lúc vừa xảy ra cuộc nội chiến ở Nga. Ở Ba Lan vào lúc chiến tranh vừa chấm dứt, những loại danh sách đen đã có 48 hạng người cần phải canh chừng.

Chẳng bao lâu sự hỗn độn của những cơ quan đã được vượt qua với một yếu tố quyết định, tổ chức Komintern cũng như những cơ quan đặc biệt đều phải chịu dưới quyền tối cao của ban lãnh đạo đảng Cộng sản Xô Viết thống nhất và phải phúc trình những hành động trước mặt và chỉ lo cho Staline thôi. Năm 1932, Martemiam Rioutine, người đã lãnh đạo và thi hành triệt để những cuộc đàn áp những

người chống đối, đến lượt ông trở nên chống đối Staline. Ông đã thảo ra một bản định hướng và đã viết: Staline, ngày hôm nay đã có ở trong vị trí tổ chức Komintern ngôi vị của một vị giáo hoàng không thể sai lầm. Staline đã nắm trong tay, bằng một sự lệ thuộc về vật chất trực tiếp hay bán trực tiếp, tất cả những vị lãnh đạo của tổ chức Komintern ở Moscou hay ở tại chỗ. Và đó là lý lẽ quyết định để xác nhận sự vô địch trong lãnh vực lý thuyết. Vào những năm cuối thập niên 1930, tổ chức Komintern đã lệ thuộc tài chính vào nhà nước Liên Xô, và đã mất hết phương tiện để có thể độc lập. Nhưng sự lệ thuộc về vật chất lại làm nặng thêm về sự lệ thuộc chính trị và thêm vào đó là sự lệ thuộc về công an.

Sức ép càng ngày càng mạnh của những cơ quan công an, vào những lãnh tụ của tổ chức Komintern, đã đưa đến kết quả là việc gây ra sự sợ hãi và sự nghi kị lẫn nhau. Đồng thời việc tố cáo đã làm băng hoại những việc giao tế, sự nghi ngờ xâm nhập vào óc mọi người. Việc tố cáo có hai loại: tố cáo do tự ý chí và tố cáo do những cuộc tra tấn thể xác, được tạo ra bằng những sự hành hạ tâm thần. Nhiều khi việc tố cáo nó cũng do sự sợ hãi gây ra. Trường hợp của lãnh tụ Cộng sản Pháp André Marty, là điển hình của cơn cuồng say nghi ngờ, ích kỷ, kiêu ngạo quá đáng, dễ giận và cùng với lòng nhiệt thành không bị kềm chế, để tự tỏ ra là người Cộng sản có được sự cẩn trọng. Trong một bức thư tuyệt đối riêng mật gởi cho Tổng thư ký của tổ chức Komintern, đề ngày 23 thánh 6 năm 1937, ông đã viết một bản cáo

trạng dài để tố cáo người đại diện cho Quốc tế Cộng sản ở Pháp là Eugen Fried và ông tỏ ra rất là ngạc nhiên vì sao cảnh sát Pháp chưa bắt giam người này và điều này đối với ông là điều đáng nghi ngờ.

Cũng nằm trong loại này, trích dẫn của nhiều bức thư gởi cho đồng chí L.P. Béria, ủy viên kiêm nhiệm những thường vụ Bộ Nội Vụ của Liên bang Xô Viết do nữ đồng chí người Bulgarie Stella Blagoieva, một nhân viên loại hạ cấp phục vụ tại phân bộ những cán bộ của ủy ban hành pháp của tổ chức Komintern: cơ quan hành pháp có được nhiều báo cáo tin tức do những đồng chí, lãnh tụ những đảng anh em gởi tới mà chúng tôi nhận xét rất cần thông báo cho đồng chí để đồng chí phối kiểm, và thi hành những biện pháp cần thiết. Một người thư ký của Ủy ban trung ương đảng Cộng sản Hongrie, tên Karakach, trong những cuộc đàm thoại đã tỏ ra thiếu tận tâm vào đảng của Lénine và Staline. Những đồng chí đã đặt ra câu hỏi nghiêm trọng: tại sao vào năm 1932, tòa án Hongrie chỉ kết án đồng chí có 3 năm tù giam, trong lúc ấy ở Hongrie trong thời gian chế độ vô sản chuyên chế nắm quyền, Karakach đã hành quyết những người bị tòa án cách mạng kết án tử hình. Những bài diễn văn của những đồng chí người Đức, Áo, Lettonie, Ba Lan và những nước khác đã nói lên những giới di cư về chính trị đã bị làm ô uế. Cần phải quyết tâm loại bỏ hạng người này.

Arkadi Vaksberg đã xác định là trong những văn khố lưu trữ của tổ chức Komintern, đã có hàng chục

và có thể có đến hàng trăm bức thư tố cáo, một hiện tượng đã chứng tỏ sự suy thoái về tinh thần và đạo đức của những thành viên và cán bộ của đảng Cộng sản Xô Viết. Tinh thần suy thoái đã nổi bật khi diễn ra những cuộc xử án lớn, xử những vị lãnh tụ thuộc giới lão thành Bolchévik, những người đã đóng góp công sức, trí tuệ vào việc xây dựng một chính quyền dựa vào sự nói dối tuyệt đối.

Những vụ xử án lớn ở Moscou

Những hiện tượng về những cuộc khủng bố cùng những vụ xử án đã nêu lên nhiều câu hỏi khác nhau. Và Boris Souvarine đã ghi chép về những điều này:

Nếu ta nói là những vụ xử án ở Moscou là một hiện tượng riêng biệt của người Nga, thì đấy là một nhận định quá đáng. Dưới sự ghi dấu có tính cách quốc gia, người ta có thể nhận định dưới khía cạnh tổng quát nhiều điều khác nhau.

Trước tiên cần phải từ bỏ định kiến là những điều gì đã đến cho người Nga sẽ không có thể xảy ra cho người Pháp. Nói về những lời thú tội mà những người Nga đã bị cưỡng bách phải cung khai, nó cũng sẽ đến với người Pháp mà ta tưởng là họ sẽ lưỡng lự không chịu làm dù dưới sự tra tấn.

Và đối với những đảng viên cuồng tín của chủ nghĩa Bolchévik, việc tự nhiên là nó cũng sẽ xảy ra ở ngoài nước Nga hơn là ở trong nội địa nước Nga.

Vào những ngày đầu của cuộc cách mạng tháng mười, việc giải quyết mau lẹ những việc khó khăn,

người ta có thể dựa vào điều gọi là linh hồn người slave. Nhưng sau đó, với những việc xảy ra ở nước Đức và nước Ý; những sự tái diễn cũng đặc biệt giống y những việc đã xảy ra ở nước Nga.

Những Thú tính của con người, khi những cơn này đã nổi lên thì dù là những người La Tinh, Đức hay Slave, cũng sẽ xảy ra những hiệu quả tương tự dù dưới những hình thức và địa bàn khác nhau.

Ngoài ra, người ta cũng nhận thấy ở Pháp và ở những nơi khác có nhiều loại người khi biết được những việc tàn ác dữ tợn do Staline gây ra, họ cảm thấy dễ chịu hơn. Ban biên tập của nhật báo *Humanité* đã không chịu thua nhật báo *Pravda*, đã cùng tỏ ra quy lụy và hèn hạ, mà không thể nói là không biết đã bị nằm vào gọng kềm (tenaille) của chuyên chế toàn diện. Ông Kamarou, nghị viên của viện hàn lâm Nga, đứng ở công trường đỏ của Moscou đã lên tiếng đòi hỏi là cần phải có thêm nhiều thủ cấp nữa, ông này đã tự làm ố danh (déshonorer) nhưng ông đã không từ chối làm việc này, vì ông tự biết rằng nếu không làm tức là phải chọn con đường tự tử (suicide). Vậy ta nghĩ sao với những nhân vật như Romain Rolland, Langevin hay Malraux, những người đã từng ngợi khen chế độ mà người ta gọi tên Xô Viết, nền văn hóa của nó cùng với nền công lý nếu họ không bị đe dọa bởi cái đói hay cái tra tấn.

Báo *Figaro Littéraire* (văn chương) ngày 1 tháng 7

năm 1937 - Cuộc đại khủng bố diễn ra trong khuôn viên điện Kremlin

Ngày 1 tháng 12 năm 1934, đã xảy ra vụ ám sát lãnh tụ Kirov đã cho Staline có thể có cớ để cho thi hành ở tổ chức Komintern cùng với đảng Cộng sản Nga, một cuộc đàn áp và khủng bố nghiêm trọng. Lịch sử của đảng Cộng sản Nga thống nhất cùng với lịch sử của Komintern đã đồng bước vào một giai đoạn mới. Những cuộc khủng bố đã từng nhắm vào xã hội dân chính, nay được hướng vào những người nắm quyền tuyệt đối (sans partage) của đảng Cộng sản Xô Viết thống nhất và một tổng thư ký quá nhiều quyền lực.

Những nạn nhân đầu tiên là những người đối lập đang bị giam cầm. Khởi đầu vào cuối năm 1935, những phạm nhân đã mãn án tù đều bị bắt giam trở lại. Nhiều ngàn người bị kết tội là trotskiste đã bị bắt giam và bị tập trung ở Vorkuta. Có khoảng 500 người lao động ở trong những hầm mỏ, một ngàn người bị giam ở trại Oukhto Petchora; và tất cả có hơn nhiều ngàn người bị giam cầm trong vùng Petchora. Ngày 26 tháng 10 năm 1936, một ngàn người trong số bị bắt này đình công và tuyệt thực, cuộc tuyệt thực này kéo dài trong 132 ngày. Họ đòi hỏi được giam riêng biệt, không giam chung với những phạm nhân thường tội hay giam chung với những người phạm tội ác, và được sống chung với gia đình của họ. Sau bốn tuần lễ, phạm nhân đầu tiên qua đời. Rồi những phạm nhân khác lần lượt chết vì cuộc đình công này kéo dài cho đến khi ban quản đốc chấp

thuận những yêu sách của họ. Vào mùa Thu năm sau, một ngàn hai trăm phạm nhân (trong số này có hơn một nửa là những người trotskiste) đã được tập họp ở gần một lò gạch cũ. Cuối tháng 3, ban quản đốc đưa ra danh sách 25 phạm nhân, mỗi người được lãnh 1 ký bánh mì và được lịnh ra đi. Một lát sau, người ta nghe tiếng nổ của một loạt súng. Giả thuyết bi quan đã được đưa ra và người ta thấy đội lính giải những phạm nhân trở về nơi tập họp. Sau hai ngày, lại một cuộc kêu tên và tấn tuồng cũ lại diễn ra; và liên tiếp như vậy cho đến cuối tháng 5. Những người lính đã tưới xăng (essence) vào những thi thể để đốt cháy hầu không còn dấu vết nữa. Cơ quan NKVD cho phát thanh trên đài vô tuyến điện tên những người bị xử bắn vì đã phạm vào những tội hoạt động phản cách mạng, phá hoại, ăn cướp, từ chối lao động và toan vượt ngục. Những người đàn bà cũng không được chừa ra: vợ của một lãnh tụ đã bị hành quyết cũng phải chịu chung một số phận và luôn những trẻ em trên 12 tuổi cũng chung cảnh ngộ.

Khoảng 200 phạm nhân trotskiste ở trại Magadan được coi là thủ đô của vùng Kolyma cũng đã tuyệt thực để đòi được hưởng quy chế chính trị. Trong bản tuyên ngôn của họ, họ đã tố cáo những tên đao phủ thủ ăn cướp và chế độ Phát Xít của Staline còn tệ hại hơn chế độ (fascisme) của Hitler. Ngày 11 tháng 10 năm 1937, họ bị tuyên án tử hình và 74 người trong số này đã bị xử bắn vào những ngày 26-27 tháng 10 và ngày 4 tháng

11. Những vụ hành quyết tương tợ được tiếp diễn trong năm 1937 và 1938.

Ở trong những nước mà có sự hiện diện của những người Cộng sản chính thống họ đều nhận được mệnh lệnh bài trừ ảnh hưởng của những thiểu số lãnh tụ đã kết hợp chung quanh Trotski. Một hành động mới đã diễn ra từ khi khởi đầu cuộc chiến ở Tây Ban Nha, đó là một phương cách thủ xảo để ghép lại (assuer) chủ nghĩa Phát Xít với chủ nghĩa Quốc xã (nazisme) trong lúc đó thì Staline sửa soạn việc xích gần lại với Hitler.

Chẳng bao lâu, cuộc Đại Khủng Bố do Staline chủ trương đã khởi phát nhắm vào tổ chức trung ương cũa Komintern. Năm 1965, ông Branko Lazitch đã toan tính nghiên cứu những công việc đầu tiên là tìm hiểu về việc thủ tiêu những thành viên của tổ chức này với tựa đề là:

Sự tuẩn giáo (martirologie) khổ nhục của tổ chức Komintern. Boris Souvarine đã bình phẩm và kết luận về bài nghiêm cứu của Branko Lazitch cùng với bài viết tiếp theo của ông này, một nhận định về những người hợp tác loại tầm thường với tổ chức Komintern, chính là những nạn nhân vô danh của cuộc đại thanh trừng. Việc ghi nhớ vào ký ức không phải là một việc làm vô ích, khi người ta đề cập tới chương đặc biệt lịch sử của chủ nghĩa Cộng sản Xô Viết: phần lớn những người đã biến mất (disparaître) trong cuộc tàn sát của tổ chức Komintern vào lần này chỉ là một phần nhỏ nhất (partie infime) của số tàn sát không thể đếm được

đã xảy ra cho hàng triệu người lao động và nông dân siêng năng bị tàn sát một cách vô lý bởi một chính sách vô nghĩa (rime) bạo tàn quái đản mang chiêu bài vô sản.

Những cán bộ của tổ chức trung ương cùng những người ở những phân bộ của những nước đều bị guồng máy đàn áp nó hút vào và nghiền nát cùng một lượt với những thường dân. Với cuộc đại thanh trừng của hai năm 1937-1938, không chỉ có những người đối lập là những nạn nhân của những cơ quan đàn áp mà luôn luôn có cán bộ của tổ chức Komintern và những tổ chức phụ thuộc: Thanh niên quốc tế Cộng sản KIM, Công đoàn (syndicat) ĐỎ quốc tế Profintern, Cứu tế (secours) ĐỎ MOPR, Trưởng chủ thuyết Lénine quốc tế, Đại học những sắc tộc thiểu số ở phương Tây KUMNZ, v.v. Người con gái của người bạn già và đồng chí của Lénine tên Wanda Pampuch Bronska, đã thuật lại, dưới một bí danh (prendonyme), vào năm 1936 toàn thể đại học KUMNZ đã bị giải tán, tất cả nhân viên đều bị bắt và gần như toàn thể những học viên cũng vậy.

Sử gia Milhail Panteleico, khi tra xét về những căn bản từ mọi phân bộ và tất cả những bộ phận của tổ chức Komintern đã truy ra con số 133 nạn nhân ở trong số 492 cán bộ (tỷ lệ 27%). Vào ngày 1 tháng giêng đến ngày 17 tháng 9 năm 1937, ủy ban hành pháp gồm có Mikhail Moskvine (còn có tên khác là Meir Trilissier), Wilhelm Florin và Jan Anvelt rồi đến tháng 5 năm 1937 ủy ban đặc biệt gồm có Georgi Dimitrov, M. Moskvine

và Dimitri Manouilski đã ra lệnh sa thải 256 người. Thông thường thì cán bộ nào đã bị sa thải, tùy theo thời gian sớm muộn gì cũng sẽ bị bắt giam: Elena Walter, phục vụ tại văn phòng của Dimitrov bị sa thải vào ngày 16 tháng 10 năm 1938, sau hai ngày liền bị bắt giam. Jan Borowski (Ludwik Komorowski) cán bộ thuộc ủy ban hành pháp Komintern bị sa thải vào ngày 17 tháng 7 thì bị bắt giam vào ngày 7 tháng 10. Trong năm 1937 đã có 88 cán bộ của tổ chức Komintern bị bắt giam và năm 1938 lại có thêm 18 cán bộ khác cũng chịu chung số phận. Nhiều người khác đã bị bắt tại nơi họ đang làm việc như Anton Krajewski (còn có tên khác là Wladyslaw Stein) đang phụ trách về báo chí và tuyên truyền, bị nhốt vào khám ngày 26 tháng 5 năm 1937. Nhiều cán bộ khác, sau khi đi công tác ở những nước ngoài liền bị bắt khi trở về quốc nội. Tất cả những nhiệm sở, từ văn phòng thư ký đến những đại diện những đảng Cộng sản của những nước ngoài đều bị dính líu đến những việc bắt giam. Trong hai năm 1937 1938, 41 người cán bộ thuộc văn phòng thư ký của ủy ban hành pháp đã bị bắt giam. Trong lòng của tổ chức liên lạc OMS, đến năm 1936 đã có 34 người bị bắt giam. Chính bản thân Moskvine cũng bị bộ máy đàn áp thộp cổ (happer) vào ngày 23 tháng 11 năm 1938 và bị kết án tử hình vào ngày 1 tháng 2 năm 1940 và liền bị xử bắn. Jan Anvelt đã chết vì bị tra tấn và cán bộ A. Munch Petersen gốc người Đan mạch đã chết trong nhà thương của một khám đường vì bịnh lao phổi. Năm chục cán

bộ trong số này có 9 phụ nữ đã bị xử bắn; Cô Lydia Du Ùbi, người gốc Thụy sĩ và là người chịu trách nhiệm một hệ thống bí mật ở Paris của tổ chức Komintern, đã bị triệu hồi về Moscou vào đầu tháng 8 năm 1937. Vừa về đến nơi cô liền bị bắt cùng với hai người hợp tác là Brichman và Wolf, bị buộc tội là đã tham dự vào tổ chức trotskiste chống Xô Viết và làm gián điệp cho nước Đức, nước Pháp, nước Nhật Bản và luôn cả... Thụy sĩ. Cô đã bị tập đoàn quân sự của tòa án tối cao Liên bang Xô Viết tuyên án tử hình ngày 3 tháng 11 và vài ngày hôm sau thì bị hành quyết; việc có quốc tịch Thụy sĩ không thể che chở cho cô và gia đình của cô thì được thông báo một cách tàn nhẫn về án này mà không có một lời giải thích nào cả. Stanislaw Skoulski (còn có tên là Martens) bị bắt giam vào tháng tám và bị xử bắn vào ngày 21 tháng 9 năm 1937. Vợ của ông là L. Jankovski người gốc Ba lan bị kết án tám năm tù giam vì có tội là thành viên trong một gia đình của một tên phản tổ quốc. Nguyên tắc và trách nhiệm gia đình đã được áp dụng cho thường dân cũng đã lan tràn qua những thành viên của bộ máy chính trị.

Ossip Piatnitski (có tên là Tarchis) là lãnh tụ số 2 cho đến năm 1934 của tổ chức Komintern, chỉ đứng sau Manouilski. Ông được ủy nhiệm trách vụ tổ chức (lo riêng về những vụ tài chánh cho những đảng Cộng sản của nước ngoài và những liên lạc bí mật của Komintern toàn thế giới) và sau được bổ nhiệm phụ trách phân bộ chính trị và hành chánh của ủy ban trung ương đảng

Cộng sản thống nhất Xô Viết PCUS. Ngày 24 tháng 6 năm 1937, ông đã lên tiếng tại đại hội toàn đảng của ủy ban trung ương để phê bình về việc những biện pháp đàn áp và việc ban những quyền đặc biệt cho vị chỉ huy của cơ quan NKVD là Iejov. Staline trở nên giận giữ và bắt buộc phải tạm ngưng cuộc họp và cho làm những áp lực tồi tệ nhất để Piatnitski hối cải. Nhưng việc không thành, ngày hôm sau họp trở lại Iejov đã tố cáo Piatnitski, ngày xưa là nhân viên công an của nhân viên Nga hoàng và ông này liền bị bắt vào ngày 7 tháng 7. Iejov đã cưỡng bức Boris Muller (Melnikov) đã tố cáo chống lại Piatnitski, đến ngày 29 tháng 7 năm 1938 Muller bị hành quyết. Tập đoàn quân sự tòa án tối cao của Xô Viết đã xử Piatnitski nhưng ông này đã không nhận mình là thủ phạm làm giám điệp cho Nhật Bản. Bị kết án tử hình, ông này bị xử bắn vào lúc 2 giờ rạng ngày 30 tháng 7 năm 1938. Nhiều cán bộ thuộc tổ chức Komintern đã bị hành quyết vì bị tố cáo là thuộc vào tổ chức chống Komintern, dưới sự chỉ huy của Piatnitski, Knorin (Wilhelm Hugo) và Béla Kun. Còn có nhiều người khác được coi là thuộc phe Trotskiste hay là phản cách mạng. Người cựu chỉ huy công xã Hung Gia Lợi (Hongrie) là Béla Kun vào đầu năm 1937 đã chống lại Manouilski, đã bị người này (có lẽ theo chỉ thị của Staline) cho là những lời phê bình của Béla Kun là nhắm thẳng vào Staline. Béla Kun đã phản đối và để tỏ lòng thành thật của mình, ông ta đã phản công trở lại nhắm vào Manouilski và Moskvine

và theo ý của Béla Kun hai người này phải chịu trách nhiệm về việc làm đại diện xấu cho tổ chức Komintern bên cạnh đảng Cộng sản thống nhất Xô Viết PCUS, và cũng theo sự nhận định của ông, đây là nguyên do của những việc đã đưa đến sự vô hiệu lực của tổ chức Komintern. Hiện diện trong buổi họp này có những lãnh tụ của những đảng Cộng sản nước ngoài: Palmiro Togliatti, Otto Kunsinen, Wilhelm Pieck, Klément Gottwald, Arvo Tuominen, không một người nào lên tiếng bảo vệ. Sau cuộc họp, Georgi Dimitrov đã xin chấp thuận một nghị quyết: vụ Béla Kun sẽ do một ủy ban đặc biệt cứu xét. Theo đường lối của ủy ban đặc biệt, Béla Kun chỉ có quyền bị bắt giam lúc rời khỏi phòng họp. Ông này đã bị hành quyết ở dưới hầm nhà tù Loubianka vào lúc nào không ai biết.

Theo sự nhận xét của M. Panteleiev, mục đích tối thượng của những cuộc thanh trừng là tận diệt tất cả những cuộc chống đối lại chính sách độc tài của Staline. Tất cả những ai có thiện cảm với những Thợ thuyền chống đối, hay là những người nào còn có liên lạc với những người lãnh tụ ngày xưa gần với Trotski là những cái mục tiêu đầu tiên của những việc đàn áp. Những lãnh tụ người Đức đã từng thuộc vào phân bộ do Heinzheumann (bị thủ tiêu vào năm 1937) hay là những lãnh tụ thuộc nhóm dân chủ trung ương, tất cả cùng đều chịu chung số phận là bị đàn áp. Vào thời đó, theo lời khai của chứng nhân Jalov Matousov, chỉ huy phó của phân bộ công an mật của GUGB NKVD, mỗi

một chỉ huy cao cấp của bộ máy điều khiển nhà nước đều có một hồ sơ riêng, mà người này không được biết, trong hồ sơ này thâu thập mọi tin tức và tài liệu để có thể dùng chống lại y khi nào cần đến. Những vị lãnh tụ như Kliment Vorochilov, Andrei Vychinski, Lazare Kaganovitch, Mikhaïl Kalinine, Nikita Kroutchev, đều có hồ sơ cá nhân. Vì vậy, việc có thể có là những nhà lãnh đạo của tổ chức Komintern đều bị đặt dưới sự ngờ vực như những lãnh tụ có tên được kể ở phần trên.

Chúng tôi xin thêm vào là những vị lãnh tụ cao cấp gốc không phải là người Nga, thuộc tổ chức Komintern cũng tham gia đắc lực vào những cuộc đàn áp. Một trường hợp điển hình là lãnh tụ người Ý Palmiro Togliatti, một trong những người thư ký của tổ chức này và sau khi Staline qua đời được coi là người cởi mở và chống đối lại những hành động cùng phương pháp khủng bố. Nhưng chính Togliatti đã đứng lên tố cáo Hermann Schubert, một cán bộ của tổ chức Cứu giúp đỏ quốc tế và đã cản trở cán bộ này đứng lên giải thích những điều bị tố cáo trong cuộc họp. Bị bắt giam sau đó, Schubert đã bị xử bắn. Hai vợ chồng Petermann là người Cộng sản đã tỵ nạn ở Nga sau khi Hitler nắm chính quyền ở Đức vào năm 1933 đã bị Togliatti tố cáo trong một buổi họp, là những nhân viên của Hitler, vì hai vợ chồng này vẫn liên lạc thư từ với gia đình. Vài tuần lễ sau đó, họ đều bị bắt. Togliatti đã hiện diện trong cuộc tế thần Béla Kun và đã ký tên vào bản nghị quyết lên án tử hình người này. Ông cũng tham dự vào

cuộc thủ tiêu đảng Cộng sản Ba Lan vào năm 1938. Vào dịp này ông đã chấp thuận vụ xử án lần thứ ba ở Moscou và đã kết thúc: *Hãy giết những tên gây ra chiến tranh, hãy giết những tên gián điệp, và những tên Phát Xít! Hoan hô đảng của Lénine và của Staline, là những người bảo vệ nhiệt tình cuộc cách mạng tháng 10, bảo đảm thắng lợi cho cuộc cách mạng thế giới! Hoan hô người tiếp tục sự nghiệp của Feliks Dzerờ jinski, hoan hô Nicolas Iejov*.

Khủng bố trong lòng đảng Cộng sản

Sau khi đã thanh trừng xong những phần tử mà đã bị Staline nghi ngờ là chống lại ông ta trong ủy ban trung ương của tổ chức Komintern, ông quay sang tiếp tục thanh trừng những phân bộ của Quốc tế Cộng sản. Phân bộ đầu tiên được ông chiếu cố đến là phân bộ của đảng Cộng sản Đức. Cộng đồng người Đức sống trên đất Nga gồm có: (ngoại trừ những người mang quốc tịch Nga) mà nguồn gốc là hậu duệ của những người dân Đức, đã di cư sang vùng sông Volga, theo lời kêu gọi của nữ hoàng Catherine II vào thế kỷ thứ 18, những người của đảng Cộng sản Đức KDP, những người chống Phát Xít tỵ nạn ở Nga và những công dân của nền cộng hòa Weimar đã tình nguyện sang Nga để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tất cả những đức tính thuộc loại này đã không có một hiệu năng nào có thể bảo vệ họ khi mà khởi điểm của những cuộc bắt giam diễn ra vào năm 1933. Tổng số là 2/3 số người Đức chống Phát Xít di cư sang Nga là nạn nhân của những cuộc đàn áp.

Còn số phận của những lãnh tụ đảng Cộng sản Đức đã được định đoạt trên những danh sách có tên là: Kaderlisten do những lãnh tụ của họ là Wilhelm Pieck, Herbert Welner và Wilhelm Florin đồng chịu trách nhiệm lập nên danh sách này dùng để khai trừ hay là hành quyết những đảng viên. Danh sách đầu tiên đề ngày 3 tháng 9 năm 1936, và danh sách chót đề ngày 21 tháng 6 năm 1938. Sau chiến tranh đảng Cộng sản ở Đông Đức đổi tên là đảng Xã Hội Thống Nhất SDE, đã cho lập một ủy ban kiểm soát về những bản danh sách của Kaderlisten và đã thông báo con số là 1.136 người. Vào năm 1937 con số những người bị bắt giam lên đến 619 và tiếp tục cho đến năm 1941 thêm 21 người. Người ta không biết số hơn phân nửa số phận của những người bị tù đày này (trong số 666 người bị án), có lẽ họ đã chết trong lúc bị đưa đi đày hay đã chết ở những trại giam cưỡng bách lao động. Được biết rõ là đã có 82 người bị hành quyết, 197 người đã chết vì bị tra tấn hoặc là ở trong những khám đường và 132 người đã bị giao trả lại cho công an của nước Đức vào thời bấy giờ là cơ quan Gestapo. Còn lại 150 người khác đã bị kết án tù rất là nặng, và họ đã sóng sót, sau khi đã ở đủ số năm bị kết án và được rời đất Nga. Một trong những lý do buộc tội những người này là họ đã thất bại trong những hành động chống lại cuộc thắng bầu cử để cho Hitler lên nắm chính quyền và để chủ nghĩa Quốc Xã đã thành công trên đất Đức. Giai đoạn thê thảm và tệ hại nhất đã xảy ra khi mà Staline đã tỏ ra

thái độ vô liêm sỉ thái quá; đó là việc ông chuyển giao cho Hitler những người chống Phát Xít. Từ đầu năm 1937, những người cầm quyền Xô Viết đã quyết định trục xuất những người dân Đức này ra khỏi đất Nga. Ngày 16 tháng 2, mười người được biết tên sau đây: Emil Larisch, một chuyên viên sinh sống tại Nga từ năm 1921, Arthur Thils, kỹ sư sang Nga vào năm 1931, Kurt Nixdorf, giáo sư đại học phục vụ ở học viện Marx-Engel và Wilhelm Pfeiffer, người Cộng sản. Họ bị bắt từ năm 1936 với tội trạng là làm gián điệp và có những hoạt động thân Phát Xít, và đại sứ của Đức quốc là Von Schulenburg đã can thiệp cho họ với bộ ngoại giao Xô Viết, thời đó do Maxime Litvinov lãnh đạo. Lúc giải giao cho công an Đức, Pfeiffer đã mưu toan tự tử sau khi xin được trục xuất sang nước Anh bị thất bại, vì y biết chắc chắn rằng nếu về đến Đức thì y sẽ bị giết. Sau 18 tháng bị giam cầm, họ bị giải giao qua biên giới Nga-Ba Lan và từ đó không có ai biết rõ được số phận của họ ra sao. Trong lúc di chuyển xuyên qua Ba Lan để đến nước Đức, khi đi qua Varsovie, Arthur Thils đã may mắn chạy thoát vào tòa đại sứ Anh quốc để xin tỵ nạn chính trị. Những người khác đã không có được sự may mắn này. Otts Walther làm nghề in trên thạch bản và cư ngụ ở Léningrad từ năm 1908, khi bị đưa về đến Berlin ngày 4 tháng 3 năm 1937, và tạm trú ở một trung tâm tiếp cư, ông này đã nhảy lầu qua cửa sổ để tự tử. Cuối tháng 5 năm 1937, đại sứ Von Schulenburg đã chuyển giao cho nhà cầm quyền Xô

Viết, hai danh sách người Đức bị bắt giam và mong là họ sẽ bị trục xuất ra khỏi nước Nga. Trong số những tên nơi hai danh sách này có tên nhiều người chống Phát Xít và Kurt Nixdorf. Những cuộc thương lượng được diễn ra dưới một thể thức mới: những người Xô Viết chấp thuận việc trục xuất những người Đức theo lời yêu cầu của tòa đại sứ Đức (một số là 37 người đã bị trục xuất rồi). Trong 2 tháng, tháng 11 và tháng 12 năm 1937, 148 người Đức đã bị trục xuất; và trong năm 1938 có thêm 445 người bị trục xuất. Bị giải giao đến biên giới những nước Ba Lan và Lettonie, có khi từ Finland, những người bị trục xuất này, trong số đó có những người Áo thuộc Schutzbünder , họ liền bị những người đại diện cho nước Đức kiểm soát họ. Trong trường hợp của Paul Meisel, người Cộng sản Áo bị trục xuất, y bị giải đến biên giới nước Áo vào tháng 5 năm 1938 và giao cho cơ quan Gestapo. Là người Áo, y bị đưa vào trại Auschwitz và biệt tích luôn từ đó.

Việc thông đồng cực tốt giữa nước Đức Quốc xã và nước Nga Xô Viết đã báo trước về bản thỏa ước Xô Viết-Quốc xả được ký kết vào mùa thu năm 1939 và đã nói lên thực chất của việc hội tụ nơi những chế độ độc tài (nhận xét của Lorge Semprun.) Sau khi thỏa ước được ký kết, việc trục xuất những người dân Đức đã diễn ra trong những điều kiện thê thảm hơn. Sau khi đã đánh bại Ba Lan nhờ Hitler và Staline thông đồng, hai cường quốc này đã có một biên giới chung và có thể đưa những người bị trục xuất từ những khám đường

Xô Viết qua thẳng những khám đường Đức quốc xã. Từ năm 1939 đến năm 1941 đã có từ 200 đến 300 người Cộng sản Đức được giải giao cho cơ quan Gestapo, để người đồng minh mới (Xô Viết) được dịp chứng tỏ thiện chí của mình. Ngày 27 tháng 11 năm 1939, một thỏa ước mới được hai bên ký kết. Từ tháng 11 năm 1939 đến tháng 5 năm 1941 khoảng 350 người đã bị trục xuất trong đó có 85 người Áo. Trong số người này có Franz Koristchoner, một trong những người sáng lập ra đảng Cộng sản Áo, và sau đã là cán bộ của tổ chức quốc tế công đoàn đỏ; sau khi bị đưa đi đày ở miền cực Bắc, ông bị giải giao cho cơ quan Gestapo, được giải về Vienna, ông bị tra tấn và hành quyết ở Auschwitz ngày 7 tháng 6 năm 1941. Những nhà cầm quyền Xô Viết bất chấp việc những người bị trục xuất là gốc Do thái (họ thi hành chính sách: tao muốn giết nhưng sợ mang tiếng ác, giải giao cho bọn Quốc xã, sớm muộn gì nó cũng giết chết như thế sẽ tạo thêm sự căm thù với bọ Đức Quốc xã). Nhạc trưởng và nhạc sĩ sáng tác nhạc Hans Walter David, người Do thái và đảng viên KDP đã bị giải giao cho cơ quan Gestapo và bị giết trong phòng hơi ngạt vào tháng 6 năm 1942 tại trại Madjanek; cùng nhiều trường hợp khác: nhà vật lý học Alexandre Weissberg đã sốngsót và đã viết hồi ký. Người vợ của Heinz Neumann, người đã bị khai trừ ra khỏi ban lãnh đạo của KDP và đã di cư qua Nga, tên là Magarete Buber Neumann đã là chứng nhân và đã tố cáo việc thông đồng giữa Xô Viết và Đức Quốc xã. Sau

khi bị đưa đi lưu đày ở Karaganda thuộc vùng Sibérie, bà cùng những người vô phước khác đã bị giải giao cho cơ quan Gestapo vào tháng 2 năm 1940. Cuộc trao đổi này đã khiến bà bị giam ở trại giam Ravenbruck. Bà Neumann đã thuật lại trong quyển hồi ký của bà như sau:

Chuyện xảy ra trên cầu Brest Litovsk

Ngày 31 tháng 12 năm 1939, người ta đã gọi chúng tôi thức dậy vào lúc 6 giờ sáng, sau khi bận quần áo và cạo râu, chúng tôi ngồi chờ đợi một vài giờ trong một căn phòng. Cùng với chúng tôi còn có một người Hung Gia Lợi gốc Do thái, người này tên Bloch, y đã trốn qua Đức sau cuộc thất bại của công xã 1919. Nhờ dùng giấy tờ giả mạo, y đã sinh sống ở Đức với giấy tờ giả mạo này và tiếp tục hoạt động cho đảng. Về sau y cũng di cư sang Nga, và vẫn dùng giấy tờ giả mạo. Y đã bị bắt và mặc dầu đã phản đối liên tục, y vẫn bị giải giao cho cơ quan Gestapo. Trong đêm 31 tháng 12 qua sáng 1 tháng giêng năm 1940, đoàn xe lửa vẫn tiếp tục chạy, chuyến tàu này đã đưa trở về đất Đức 70 người chiến bại. Đi xuyên qua nước Ba Lan bị tàn phá vì chiến tranh, chúng tôi tiếp tục đi về thành phố Brest Litovsk. Trên chiếc cầu tên Bug chúng tôi đợi những nhân viên của chế độ độc tài của Âu châu, đó là cơ quan Gestapo.

Alexandre Weissberg trong chuyến di chuyển này đã đào thoát được. Ông này đã liền gia nhập vào đội ngũ kháng chiến người Ba Lan và cùng chiến đấu với những người này. Sau khi chiến tranh chấm dứt, ông

đã vượt thoát qua Thụy Điển và sau ông qua nước Anh. Trong quyển hồi ký của ông và của bà Neumann với tựa đề *Tôi tố cáo*, nhà xuất bản Fasquella 1953, ông viết: Có ba người đã từ chối đi qua cầu: một thầy giáo người Đức mà tôi quên mất tên, một người thợ tên Bloch người Hung Gia Lợi, và một người Do thái. Họ đã bị dùng sức mạnh lôi qua cầu. Những người lính SS đã nổi cơn phẫn nộ và họ trút lên đầu người Do thái. Chúng tôi được chuyển lên một đoàn xe lửa khác và đưa về Lublin..., tại đây cơ quan Gestapo tiếp quản chúng tôi và chúng tôi biết thêm rằng khi cơ quan NKVD giao chúng tôi cho những người lính SS quốc xã, họ cũng giao luôn tất cả hồ sơ cá nhân của chúng tôi. Vì vậy trong hồ sơ với tên thật của tôi, còn có ghi tôi là vợ của lãnh tụ Cộng sản Neumann và chồng tôi là người bị những người Đức Quốc xã khinh ghét nhất.

Bà Magarete Buber Neumann đã là nhân chứng và lời tố cáo trên. Bà đã khai trước tòa án, nhân vụ xử án của Lettres françaises chống lại (kiện) Kravchenko, phiên xử thứ 14. Bản ghi chép tốc ký đăng trên báo *La Jeune Parque* 1949. Bà Magarete Buber Neumann bị cơ quan NKVD bắt đưa đi đày ở Sibérie vào năm 1937. Sau bà bị giải giao cho những người quốc xã Đức và bị đưa đi giam ở trại tập trung Ravensbruck. Bà sống sót và được giải thoát vào năm 1945.

Cùng một lượt với những người Cộng sản Đức, những người lãnh đạo của đảng Cộng sản Palestine, trong số này có một số người đã di cư trước khi xảy

ra chiến tranh, cũng bị bộ máy khủng bố tóm (happer) luôn. Joseph Berger (1904 1978) cựu thư ký của đảng Cộng sản Palestine (tên viết tắt PCP) từ năm 1929 đến năm 1931, đã bị bắt giam ngày 27 tháng 2 năm 1935 và chỉ được trả tự do sau đại hội lần thứ 20 của đảng Cộng sản Xô Viết vào năm 1956. Nhiều lãnh tụ Cộng sản khác đã bị hành quyết vào nhiều ngày khác nhau hay đã biến mất trong những trại cưỡng bách lao động. Ông Wolf Averbuch đã được làm giám đốc xưởng chế tạo máy kéo ở Rostsv trên sông Don, đã bị bắt giam vào năm 1936 và bị hành quyết vào năm 1941. Chính sách tiêu diệt có phương pháp những đảng viên của PCP hay là những nhóm xã hội Do thái, những người này đã di cư sang Nga, chính sách này có liên lạc với chính sách Xô Viết đối với thiểu số dân gốc Do Thái với việc thành lập vùng tự trị ở Birobidjan với những người chịu trách nhiệm đã bị cáo buộc tội kẻ thù của nhân dân. Sau ông này, những nhà lãnh đạo của vùng tự trị này cũng bị khiển trách (réprimé). Samuel Augurskij (1884 1947) đã bị tố cáo là thuộc vào nhóm judéo Phát Xít. Tất cả thành viên của phân bộ Do thái của đảng Cộng sản Nga (tên Jewsekija) đều bị giải tán. Mục đích là phá bỏ những cơ cấu Do Thái trong lúc nhà nước Xô Viết đang tìm sự giúp đỡ của tất cả những người Do Thái sinh sống ngoài đất Nga.

Một trong những nhóm chịu sự khủng bố khốc hại và nặng nề hơn mọi nhóm khác là nhóm những người Cộng sản Ba Lan. Trong những bản thống kê về những

cuộc đàn áp, họ đứng vào hàng thứ hai sau những người Nga. Vì ở một hoàn cảnh đặc biệt, đảng Cộng sản Ba Lan đã bị tuyên bố giải tán chính thức sau một cuộc biểu quyết mau chóng của ủy ban hành chánh trung ương Komintern ngày 16 tháng 8 năm 1938. Stan line luôn luôn nghi ngờ đảng Cộng sản Ba Lan (tên viết tắt KPP) là đã liên tục có nhiều khuynh hướng sai lạc và trật đường lối. Có nhiều lãnh đạo của đảng này đã là những người thân cận của Staline vào trước năm 1917 và đã sống lẫn lút ở nước Nga, không được một sự bảo vệ pháp lý nào cả. Năm 1923, KPP ngã theo phía Trotski. Trước khi Lénine qua đời, ban lãnh đạo đã chấp thuận một nghị quyết thuận lợi cho phái công nhân chống đối. Và sau đó đã theo khuynh hướng của người Lục Xâm Bảo (Luxembourgisime) và bị phê bình. Nhân kỳ đại hội 5 của tổ chức Komintern, Staline đã sa thải ban lãnh đạo lịch sử của KPP là Adolf Warski, Maximilian Walecki và Wera Kostrewa Kochtchva bước đầu tiên để nắm lấy quyền kiểm soát của tổ chức Komintern. Về sau KPP bị tố cáo là cái ổ của tổ chức Trotskiste. Việc tóm tắt ngắn ngủi này đã có thể giải thích riêng cho việc thanh trừng cấp tiến đối với nhiều vị lãnh tụ của đảng này mà phần lớn là gốc Do Thái. Và cũng có vụ Tổ chức quân sự Ba lan (tên viết tắt là POW) vào năm 1933.

(xin xem phần đóng góp của Andrzej Pacj Paczkowski). Và cũng xin ghi nhớ yếu tố sau đây: chính sách của tổ chức Kominternlà bắt buộc phân bộ Cộng sản Ba Lan

là phải làm suy yếu chính quyền quốc gia Ba Lan để có lợi cho liên bang Xô Viết và nước Đức. Có giả thuyết (hypothèse) theo đó việc giải tán KPP đã do yếu tố của nhu cầu sửa soạn việc ký kết thỏa ước Đức Quốc xã và Nga Xô Viết, giả thuyết này đáng được chú ý. Đường lối hành sự của Staline đáng được chú ý, với những lịnh và những chỉ thị của Komintern đã lần lượt ra lịnh cho những lãnh tụ Cộng sản Ba Lan, những người này ít lâu sau đó sẽ là nạn nhân của những cuộc thanh trừng do Staline chủ xướng, họ nhận lịnh triệu hồi về Moscou và vì vậy gần như không có được một người nào thoát khỏi bị thanh trừng. Trong số người bị bắt giam chỉ có Wladyslaw Gomulka. Tháng 2 năm 1938 tờ báo *Thư tín quốc tế* (Correspondance internationale) xuất bản mỗi tuần 2 số, dưới bút hiệu của J. Swiecicki đã viết bài tố cáo toàn thể những đảng viên đảng KPP. Trong cuộc thanh trừng khởi đầu từ tháng 6 năm 1937, Tổng thư ký tên Julian Lenski đã được triệu hồi sang Moscou và biến mất từ đó. Mười hai người của ủy ban chấp hành trung ương cùng nhiều lãnh tụ thuộc loại hai và hàng trăm đảng viên bị thủ tiêu. Việc thanh trừng lan tràn qua những đảng viên đang chiến đấu ở trong đội ngũ của Trung đoàn quốc tế (Brigade nationale) đang xung kích ở mật trận nội chiến Tây Ban Nha: những chánh trị viên trung đoàn Dombrowski, Kazimerz, Cichowski, và Gustav Reicher liền bị bắt khi trở về Moscou. Mãi đến năm 1942, vì nhu cầu chính trị để có tiếng nói chống lại ảnh hưởng của chính phủ Ba Lan hợp pháp tỵ nạn tại

Londre, khi ấy Staline mới cho lịnh tái thành lập đảng Cộng sản Ba Lan dưới tên là Đảng Công nhân Ba Lan (Parti ouvrier Blonais) viết tắt là PPR và đảng này về sau là nòng cốt cho chính phủ Ba Lan sau chiến tranh.

Đảng Cộng sản Yougoslave cũng đã chịu quá nhiều đau khổ do những cuộc khủng bố của Staline ra lịnh. Năm 1921 đảng cộngsản này đã chính thức bị cấm hoạt động, những đảng viên thoạt đầu di tản sang Vienna vào những năm từ 1921 đến 1936, rồi sang Paris từ năm 1936 đến 1939. Nhưng một số đông đảng viên đã chạy qua Moscou vào năm 1925 và nơi đây được coi là trung tâm. Họ là những học viên trường đại học của những dân thiểu số Cộng sản, của trường Quốc tế chính sách Lénine, và của trường Đại học Cộng sản Serdlov. Đến năm 1929, vị vua Yougoslave la Alexandre thiết lập chế độ độc tài, lại thêm một lớp mới dân Yougoslave chạy qua Xô Viết, tăng cường thêm số người Yougoslave đã sống tại đây. Trong những năm của thập niên 1930, tại liên bang Xô Viết đã có từ 200 đến 300 người dân Yougoslave sinh sống và là những cán bộ của cơ quan Komintern, hay trong những tổ chức quốc tế khác và riêng cho tổ chức thanh niên Cộng sản Quốc tế. Lẽ dĩ nhiên những tổ chức này đều do đảng Cộng sản Xô Viết thống nhất lãnh đạo. Những người Cộng sản Yougoslave viết tắt là PCY.

Trong nhiều trường hợp đã phải có sự can thiệp của tổ chức Komintern vào những cuộc tranh giành, những cuộc can thiệp đã thường xuyên diễn ra và nhiều khi có

tính cưỡng bức. Vào giữa năm 1925 đã diễn ra một cuộc kiểm soát khai trừ (tên gọi là Tchistka) ở trong tổ chức KUMMZ, những học viên của trường Đại học này có khuynh hướng thiên về phía những người thuộc nhóm Công giáo chống đối - Opposition Ouvrière, chống lại viện trưởng là Maria J. Fzoukina. Vài học viên đã bị đuổi ra khỏi trường và bị khiển trách, có bốn người trong số này đã bị bắt giam (Ante, Ciliga, Dedic, và Eberling đã bị bắt và đưa đi đày tại Sibérie). Đến năm 1932, lại xảy ra một cuộc thanh trừng trong đảng PCY và 16 người lãnh tụ khác đã bị khai trừ.

Sau khi Kirov bị ám sát, việc kiểm soát những người dân thuộc nước ngoài trên bình diện chính trị đã được tăng cường vào mùa Thu năm 1936. Những người lãnh tụ của PCY đều phải chịu sự kiểm thực (vérification) trước khi họ chịu sự khủng bố. Khác với số phận những công nhân vô danh, số phận của những di dân thuộc diện chính trị đã cho biết rõ: 8 thư ký của ủy ban trung ương PCY, và 15 thành viên của ủy ban trung ương cùng 21 thư ký thuộc những phân bộ địa phương đã bị bắt và tất cả đều mất tích. Một trong những thư ký có tên là Sima Marksvitch, đang phục vụ tại Viện Hàn Lâm Khoa Học, người này bị bắt buộc phải di cư sang Nga Xô Viết, đã bị bắt vào tháng 7 năm 1939, đã bị kết án 10 năm tù giam không có quyền liên lạc với bất cứ một ai và y đã chết trong tù. Những người khác sau khi bị bắt đã bị hành quyết liền như trường hợp của hai anh em Vujovic, Radimir là thành viên của ủy ban trung ương

PCY và Gregor thành viên của ủy ban trung ương quốc tế; em của họ là Voja cựu thành viên trách nhiệm của thanh niên quốc tế Cộng sản đã liên đới với Trotski vào năm 1927 đã biệt tích và làm cho em của y cũng bị bắt giam. Milan Gorkic, thư ký của ủy ban trung ương đảng PCY từ năm 1932 đến năm 1937 đã bị buộc tội tổ chức một toán người chống lại Xô Viết trong lòng quốc tế Cộng sản và đã lãnh đạo một nhóm người khủng bố ở trong lòng của tổ chức Komintern, tổ chức khủng bố này do ông Knorin và Piatnitski chỉ huy. Vào giữa năm 1960, PCY đã phục hồi danh dự cho cả hơn hàng trăm nạn nhân nhưng không có làm một cuộc điều tra nào. Lẽ dĩ nhiên là những cuộc điều tra này, nếu có sẽ đặt ra vấn đề gián tiếp cho những người đã là nạn nhân của những cuộc đàn áp dùng để nhắm vào những người thân Nga Xô Viết xảy ra tại Yougoslavie sau cuộc ly khai giữa Yougoslavie và Liên bang Xô Viết vào năm 1948. Nhưng lại đưa ra ánh sáng vấn đề nhức nhối là việc Tito (Josip Broz) lên làm chủ tịch đảng vào năm 1938 đã diễn ra sau một cuộc thanh trừng đẫm máu. Truyện xảy ra khi Tito chống lại Staline, đã không làm bớt được trách nhiệm của Tito trong những cuộc thanh trừng vào những năm 1930, diễn ra trong đảng PCY.

Cuộc săn bắt những người trotskiste

Sau khi đã tàn sát những người Cộng sản sống trên đất Nga Xô Viết, Staline khởi cuộc tấn công những người Cộng sản ly khai sống ở nước ngoài. Và đây chỉ là dịp để cơ quan NKVD phô trương quyền lực của họ

trên khắp thế giới.

Trường hợp điển hình và ngoạn mục là của Ignaz Reiss, tên thật là Nathan Poretski. Reiss là một người Do thái trẻ tuổi làm cách mạng từ lúc chiến tranh 1914 1918 còn đang diễn ra, như ở Trung Âu đã từng xảy ra, tổ chức Komintern đã tuyển mộ những người cách mạng trẻ tuổi. Là một người khuấy rối chuyên nghiệp (agitateur professionnel), Reis phục vụ trong những hệ thống bí mật quốc tế và đã hoàn thành tốt những nhiệm vụ mà y được giao phó và y đã được tặng huy chương Cờ Đỏ vào năm 1928. Sau năm 1935, y được cơ quan NKVD chiếu cố vì cơ quan này được bổ nhiệm kiểm soát tất cả những bí mật ở nước ngoài cùng với nhiệm vụ về gián điệp ở nước Đức. Cuộc xử án đầu tiên ở Moscou đã làm đảo lộn tinh thần của Reiss và y quyết định cắt đứt liên hệ cảm tình với Staline. Hiểu rõ nội bộ cùng đường lối xử sự và những mánh khóe của Cộng sản, Reiss đã chuẩn bị chu đáo cuộc đào tẩu của y và ngày 17 tháng 7 năm 1937, y cho công khai công bố bức thư của y gởi cho ủy ban đảng Cộng sản Nga thống nhất. Trong bức thư y đã giải thích và nêu đích danh Staline và chủ nghĩa Stalinisme mà y gọi là lợi dụng một cách tồi tệ những cơ hội chủ nghĩa, mà nơi đó những cơ hội chủ nghĩa này không có một nguyên tắc hành sự; chỉ biết làm đổ máu, thực hiện những lời nói láo, và với những việc này sẽ đầu độc toàn thế giới, sẽ đưa đến việc tiêu diệt những phong trào công nhân. Reiss cũng đồng thời cho biết là y sẽ

gia nhập vào hàng ngũ của Léon Trotski. Như vậy là Reiss đã không ngờ là y tự ký vào lịnh tử hình đối với y. Cơ quan NKVD, lập tức huy động mạng lưới bí mật của cơ quan này tại Pháp và đã tìm ra chỗ Reiss đang ở tại Thụy Sĩ và gài bẫy để hạ sát Reiss. Tại Lausanne buổi tối ngày 4 tháng 9 nam 1937, hai đảng viên người Pháp đã bắn chết Reiss, trong lúc đó một nữ nhân viên NKVD toan tính ám sát vợ và đứa con trai của Reiss bằng cách đem biếu họ một hộp sô cô la (chocolat) có tẩm thuốc độc. Mặc dầu với những việc điều tra cẩn mẫn của cơ quan công an Pháp và Thụy Sĩ đều không tìm ra được hai tên sát nhân và nữ nhân viên hầu có thể truy tố họ được. Trotski đã tố cáo Jacques Duclos lúc ấy là một trong những người thư ký của đảng Cộng sản Pháp (PCF). Ông yêu cầu thư ký riêng của mình là Jan van Heijenoort gởi một bức công điện cho thủ tướng Pháp Chantemps, chủ tịch hội đồng bộ trưởng, *tố cáo Duclos trong vụ ám sát Ignaz Reiss, vụ ăn trộm những văn khố của tôi và những tội ác tương tự, tôi xin phép nhấn mạnh phải hỏi cung, hay ít nửa là như nhân chứng Jacques Duclos, phó chủ tịch của phòng những dân biểu và là nhân viên kỳ cựu của cơ quan Guépou*. Bức điện văn này không đạt được một kết quả nào và Jacques Duclos là phó chủ tịch phòng những dân biểu từ năm 1936.

Vụ ám sát Reiss lẽ dĩ nhiên là ngoạn mục và nằm trong một kế hoạch rộng lớn để thủ tiêu những người trotskiste. Vì vậy không lấy gì làm ngạc nhiên về việc

tàn sát những người thuộc phe trotskiste ở Nga cũng như việc tàn sát những người khác. Việc làm ngạc nhiên mọi người là dù ở nước ngoài, những cơ quan đặc biệt của NKVD ở các nước ngoài đã sốt cuồng lên (avec hargne) để thủ tiêu những người đối lập, hay là những người theo phe trotskiste được thành lập tại những nước này. Căn bản của công tác này là việc kiên nhẫn để xâm nhập (infiltration) vào những nhóm trotskiste này. Tháng 7 năm 1937, vị lãnh tụ chịu trách nhiệm của văn phòng đối lập trotskiste quốc tế tên là Rudolf Klément đã mất tích. Ngày 28 tháng 8 người ta khám phá ra một tử thi cụt đầu và tay chân, nổi lên trên sông Seine gần Paris, và người ta đã nhận diện được là Klément. Người con trai của Trotski, tên là Leon Sedov, đã chết ở Paris sau khi chịu một cuộc giải phẫu; những điều kiện về cái chết này có nhiều điều đáng nghi ngờ và thân nhân của kẻ quá cố đã nghĩ đây là một vụ ám sát do những cơ quan đặc biệt của Nga Xô Viết tổ chức khéo léo. Trái lại trong cuốn hồi ký của Pavel Soudsplatov đã ghi là không hề có việc này. Nhưng việc được xác nhận là Léon Sedov đã bị đặt dưới sự theo dõi chặt chẻ (surveillance) của cơ quan NKVD. Một người thân cận của Sedov, tên là Mark Zborowski, là một nhân viên của cơ quan NKVD được phái xâm nhập vào số những người thân cận Sedov.

Ngược lại, Soudoplatov đã nhìn nhận là vào tháng 3 năm 1939, chính Béria và Staline đã ra lịnh ám sát, cũng chính Staline cùng với Soudoplatov lo phụ trách

việc này. Staline đã nói với y: phải thanh toán y nội trong năm nay trước khi chiến tranh xảy ra, việc chiến tranh xảy ra là một việc không thể tránh được và còn thêm: (đồng chí sẽ tùy thuộc vào Béria và không người nào khác, vậy đồng chí chịu hoàn toàn trách nhiệm về nhiệm vụ này). Một cuộc lùng bắt tàn nhẫn đã diễn ra và đưa đến Mexico, là nơi người lãnh tụ của phong trào của Đệ Tứ Quốc Tế đang cư ngụ, sau khi người này đã bôn tẩu qua những nơi như Paris, Bruxelles và Mỹ quốc. Với sự đồng loã của đảng Cộng sản Mexico, những nhân viên của Soudsplatov sửa soạn và thi hành một cuộc mưu sát đầu tiên vào ngày 24 tháng 5. Trotski đã thoát được cuộc mưu sát này và coi như là một phép lạ (micracle).

Với sự xâm nhập vào giới thân cận của Trotski, tên Ramon Mercader, một tên giả của nhân viên của Soudsplatov để tìm cách trừ bỏ Trotski. Mercader lần lần gây được lòng tin của một nữ lãnh tụ trotskiste và đã đến gần được ông già. Vì ít nghi ngờ, Trostki đã chấp nhận cho tên này gặp theo lời yêu cầu của hắn vì hắn muốn xin ý kiến của Trotski về một bài viết của hắn để bào chửa cho Trotski, một người cách mạng. **Trong lúc Trostki đang ngồi bên bàn giấy chú ý đọc bài viết của Mercader thì tên này đến đứng bên cạnh Trotski và dùng một cái búa nhọn bằng sắt đập vào đầu Trotski. Bị vết thương quá nặng, Trotski rú lên một tiếng lớn. Vợ của Trotski và những người hộ viên liền chạy ùa vào, còn tên Mercader thì đứng im, hắn đã thành**

công việc mưu sát. Ngày hôm sau Trotski qua đời.

Louis Aragon năm 1931:

Tiên triệu cho thời hoa anh đào.

Tôi ca tụng cơ quan Guépou đã thành hình, ở Pháp vào thời điểm này.

Tôi ca tụng cơ quan Guépou, cần thiết cho nước Pháp.

Tôi ca tụng cho cơ quan ở mọi nơi, và không có tại mọi nơi.

Tôi ca tụng cho cơ quan để chuẩn bị cho kết thúc một xã hội.

Hãy xin cơ quan Guépou để bảo vệ cho những người bị phản bội.

Và để bảo vệ cho những người luôn luôn đã bị phản bội.

Hãy xin một cơ quan Guépou, anh mà người ta đè nén và người ta giết.

Hãy xin một cơ quan Guépou, anh cần có một cơ quan Guépou.

Hoan hô cơ quan Guépou hình ảnh của biện chứng pháp của sự anh hùng.

Và người ta có thể chống lại hình ảnh của những người phi công ngu độn.

Do những thằng ngu độn là những anh hùng khi chúng không còn, cái mõm của chúng xuống đất.

Hoan hô cơ quan Guépou, hình ảnh vĩ đại của biện chứng pháp.

Hoan hô cơ quan Guépou chống lại trời Chiappe và

bài quốc ca Marseillaise.

Hoan hô cơ quan Guépou chống lại giáo hoàng và những con rận.

Hoan hô cơ quan Guépou chống lại sự nhẫn nhục của những ngân hàng.

Hoan hô cơ quan chống lại những cuộc thao luyện ở hướng Đông.

Hoan hô cơ quan Guépou chống lại gia đình.

Hoan hô cơ quan Guépou chống lại chủ nghĩa xã hội loại của Caballero Boncour và Mac Donald Zoera gibel.

Hoan hô cơ quan Guépou chống lại tất cả kẻ thù của giới vô sản.

Hoan hô cơ quan Guépou.

Do Jean Malaquais sao lục. *Tên Louis Aragon người yêu nước nhà nghề*. Phụ trương của nguyệt san *Những khối quần chúng*. Tháng 2 năm 1947.

Việc xâm nhập vào các đảng Cộng sản và các chi bộ thuộc tổ chức Komintern, do cơ quan NKVD chủ động đã bị Trotski tố cáo và ông đã nhận thức là tổ chức Komintern đã bị cơ quan Guépou và NKVD chi phối. Trong văn thư đề ngày 27 tháng 5 năm 1940 gởi cho ông tổng biện lý của nước Mexico, ba ngày sau khi bị mưu sát hụt Trotski, và ông là nạn nhân; ông đã viết: cơ quan Guépou đã có những truyền thống và những phương pháp đã được tạo dựng ở ngoài lãnh thổ của Liên bang Xô Viết. Cơ quan Guépou cần sự che chở hợp pháp hay bán hợp pháp để tuyển mộ những nhân viên;

cơ quan này đã tìm được môi trường thuận tiện và sự che chở nơi cái gọi là những đảng Cộng sản. Trong bản văn cuối cùng, cũng nói về những câu chuyện ở một cuộc mưu sát xảy ra ngày 24 tháng 5, ông đã trở về những chi tiết của hành động mà ông suýt là nạn nhân. Đối với ông, ông vẫn dùng danh hiệu GPU được chấp nhận năm 1922 khi ông còn làm chỉ huy trưởng cơ quan này đó là bộ phận quyền lực chính của Staline và đó cũng là công cụ dùng để khủng bố thống trị độc tài ở URSS với một tinh thần toi đòi và vô liêm sỉ, tinh thần này đã lan tràn trên toàn tổ chức Komintern và đã đầu độc phong trào những công nhân đến tận xương tủy. Ông đã nhấn mạnh rất dài dòng về chiều hướng đặc biệt này đã quyết định nhiều đến những tầng lớp của các đảng Cộng sản. Về phương diện tổ chức, cơ quan GPU và tổ chức Komintern không giống nhau, nhưng họ có sự liên kết không thể nào làm rời nhau ra. Họ đã bị bắt buộc phải lệ thuộc vào nhau, không phải tổ chức Komintern ra lịnh cho GPU mà trái lại cơ quan GPU đã chế ngự hoàn toàn tổ chức Komintern.

Việc phân tích này đã dựa vào nhiều nguyên tố hay khái luận là do những thành quả của hai chiến cuộc mà Trotski đã từng sống qua: thứ nhất, khi còn là một trong những người lãnh đạo một nhà nước Xô Viết đang thành hình và thứ hai, khi trở thành một người bị phóng trục (proscrit) bị săn đuổi qua mọi nước bởi những nhân viên của cơ quan NKVD, tên những người này ai cũng đều biết chắc chắn. Vào thời gian này đó là

những người chỉ huy những đặc vụ tổ chức này được Nikolai Iejov thành lập vào tháng 12 năm 1936: Serguei Spiegeglass (ý đã thất bại), Pavel Soudoplatov (chết vào năm 1996) và Naoum Eitingon (chết vào năm 1918), những người này đã thành công nhờ vào những đồng lõa. **Về việc ám sát Trotski xảy ra ngày 20 tháng 8 năm 1940, tất cả những chi tiết đã được những cuộc điều tra cho biết hết và do những cuộc điều tra tại chỗ, về sau Julian Gorkin đã tiếp tục cứu xét lại những hồ sơ của những cuộc điều tra đã được thực hành.** Hơn nữa người ta đã biết được ai là người chủ chốt (commanditaire) trong vụ này, những nguồn tin đã được công nhận bởi Soudoplatov, tên sát nhân là Jaime Raimon Mercader, con của Caridad Mercader một người Cộng sản phái nữ đã từ lâu làm việc cho tổ chức đặc vụ, và cô này đã trở thành người tình của Naoum Eitignon. Tên sát nhân Mercader đội lốt dưới tên Jacques Mornard để tìm cách đến gần Trotski. Tên Jacques Mornard là tên của một người có thật, người này ở Belgique và đã từ trần vào năm 1967. Jacques Mornard đã gia nhập Trung đoàn quốc tế và đã chiến đấu bên Tây Ban Nha. Có thể là giấy thông hành của Mornard đã bị đặc vụ Xô Viết mượn tạm, Mercader còn dùng một tên khác là Jacson, người Canada đã chết khi chiến đấu tại Tây Ban Nha cũng trong Trung đoàn quốc tế và giấy thông hành của y cũng để cho Mercader xử dụng. Ramon Mercader đã chết vào năm 1978 ở La Havane. Fidel Castro đã mời y đến làm việc

ở đây với tư cách là cố vấn cho những việc thuộc về bộ nội vụ. Mercader đã được thưởng huân chương cao quý nhất của Liên Bang Xô Viết và đã được đem chôn ở Moscou trong vòng kín đáo.

Staline sau khi đã trừ bỏ được đối thủ cuối cùng về chính trị, nhưng không phải vì vậy mà những cuộc truy lùng những phần tử trotskiste chấm dứt. Gương mẫu của Cộng sản Pháp đã biểu lộ tâm tính trong những phản ứng mà những người lãnh tụ Cộng sản Pháp đã hấp thụ được để đối phó với những lãnh tụ của các nhóm nhỏ người Trotskiste. Trong khi nước Pháp bị quân Đức chiếm đóng, có nhiều người trotskiste Pháp đã bị tố cáo cho công an Pháp hay là cơ quan Gestapo bắt giam họ, việc này là việc có thể xảy ra. Ở trong những khám đường của Pháp và ở trong những trại tập trung thời Vichy, những người trotskiste đều bị biệt giam. Tại Nontron thuộc vùng Dordogne, Gérard Bloch đã chịu sự ngược đãi bằng cách biệt đãi (ostracimes) trong tổng số những người Cộng sản Pháp cùng bị giam do sự mưu đồ của Michel Bloch (con của nhà văn Jean Richard Bloch. Sau đó, Gérard Bloch đã được dời qua khám đường ở Eysses, có một thầy giáo phe kháng chiến người công giáo bị bắt giam chung đã báo trước cho Gérard Bloch

Nằm trong bối cảnh hận thù mù quáng này, vụ mất tích của bốn người trotskiste trong số này có Pietro Tresso, sáng lập viên đảng Cộng sản Ý xảy ra trong khu rừng kháng chiến (maquis) FTP wodli thuộc vùng

Haute Loire đã nói lên tất cả ý nghĩa. Họ cùng vượt ngục Puy en Velay ngày 1 tháng 2 năm 1943 cùng với những người bạn Cộng sản, năm người đấu tranh trotskiste đã được sự bao quản (pris en charge) của những người kháng chiến (maquis) Cộng sản. Một trong 5 người này, vì sự tình cờ đã được tách rời ra khỏi nhóm trotskiste. Tên người này là Albert Demazière và là người may mắn được sống sót: Tresso, Pierre Salini, Jean Reboul, Abraham Sadek đều đã bị những người FTP hành quyết vào tháng 10, sau một vụ giả dạng (simulacre) tòa xử đáng chú ý. Những nhân chứng và những diễn viên còn sống sót đã thuật lại là 4 người đấu tranh này đã bị buộc tội là toan tính bỏ thuốc độc vào nước uống, một lối tố cáo của thời trung cổ và đưa trở lại nguồn gốc Do Thái của Trotski. (Con của Trotski tên là Serguei còn ở lại nước Nga cũng bị tố cáo giống như 4 người đấu tranh trotskiste), và hơn nữa cũng có thêm một người tù của những người kháng chiến gốc Do Thái tên là Abraham Sadeck. Như vậy, phong trào Cộng sản đã chứng tỏ họ đã không tránh khỏi việc bài Do Thái một cách vụng về. Trước khi họ bị ám sát, bốn người đấu tranh trotskiste đã được chụp hình, có lẽ để cho những tổ chức cao cấp của đảng Cộng sản Pháp nhận diện và họ bị bắt buộc phải viết bản mô tả tiểu sử của họ cùng những hoạt động đấu tranh.

Trong những trại tập trung, (camp de concentration) ở Đức, những người Cộng sản tìm cách tiêu diệt những đối thủ chính trị ở gần họ bằng cách lợi dụng những địa

vị mà họ đã đạt được trong hệ thống những nấc thang quản trị (échelle de gestion) của những trại giam. Ông Marcel Beaufrère người có trách nhiệm tại vùng Bretagne của đảng thợ thuyền quốc tế bị bắt giam vào tháng 10 năm 1943 và đưa qua trại Buchenwald vào tháng giêng năm 1944, đã bị nghi ngờ là người của phe trotskiste bởi một người Cộng sản làm xếp của những liên trại (interblocs). Mười ngày sau, một người bạn báo cho anh biết là tổ Cộng sản của trại 39, nơi anh đang ở đã lên án tử hình anh và muốn đưa anh qua trại của những người sẽ được làm vật thử nghiệm về y khoa, nơi đây họ sẽ chích vào người anh những vi trùng của bệnh chấy rận (typhus). Ông Marcel Beaufrère vào giờ chót đã được những người đấu tranh người Đức cứu sống? Họ chỉ cần xử dụng phương pháp tập trung của người Đức để trừ bỏ (débarrasser) những đối thủ chính trị, dù là những người này cũng là những nạn nhân của cơ quan Gestapo hay bọn SS, bằng cách gởi những người này đi vào những toán lao động nguy hiểm nhất (commando). Hai người Marcel Hic và Roland Filatre đều bị đưa đi trại Buchenwald và đã bị chuyển qua trại khủng khiếp Dora, với sự ưng thuận của những cán bộ KPD, những cán bộ này đang làm những việc hành chánh ở trong trại. Marcel Hic đã chết tại trại này. Tài liệu của Rodslphe Prager viết trong bài: *Những người trotskiste ở trại Buchenwald* in trên nguyệt san *Phê Bình Cộng sản* số 25 tháng 11 năm 1978. Còn về phần Roland Filatre sống sót và được giải phóng đã trở về

đời sống dân sự sau chiến tranh; nhưng ông vẫn bị theo dõi và năm 1948 đã thoát được một cuộc mưu sát tại nơi ông làm việc.

Nhiều vụ thủ tiêu những người đấu tranh trotskiste khác đã diễn ra sau khi nước Pháp được giải phóng. Là một công nhân trẻ tuổi thuộc nhóm đấu tranh giai cấp ở vùng Paris, Mathieu Bucholz đã biệt tích ngày 11 tháng 9 năm 1947, tờ báo của nhóm ông đã nêu lên thủ phạm của cuộc biệt tích này là những người Cộng sản thân Staline.

Ở Hy Lạp (Grèce) phong trào trotskiste không có thể nói là không đáng kể. Một thư ký của đảng Cộng sản Hy Lạp viết tắt là KKE tên Pandelis Pouliopoulis, đã bị những người lính Ý xử bắn. Ông này đã gia nhập đảng Cộng sản trước khi xảy ra chiến tranh. Khi xảy ra chiến tranh, những người trotskiste với tư cách cá nhân, họ đã gia nhập vào hàng ngũ của mật trận giải phóng quốc gia (EAM) thành lập vào năm 1941 bởi những người Cộng sản. Tướng Aris Velouchiotis chỉ huy quân đội nhân dân giải phóng quốc gia (ELAS) đã ra lịnh xử bắn lối 20 người lãnh đạo trotskiste. Sau ngày giải phóng việc bắt cóc những người đấu tranh trotskiste vẫn tiếp diễn. Thường thường họ bị tra tấn để phải khai báo và cho địa chỉ của những đồng chí của họ. Năm 1946, trong bản phúc trình cho ủy ban trung ương đảng Cộng sản, Vassilis Bartzistas đã nêu lên con số 600 người trotskiste đã bị tổ chức OPLA (tổ chức bảo vệ những cuộc đấu tranh bình dân) hạ

sát. Trong con số 600 người này có thể gồm có những người vô chính phủ (anarchistes) hay là những người xã hội ly khai, những người Archéomarxistes, những người đấu tranh được tổ chức ngoài vòng lệ thuộc của đảng Cộng sản Hy Lạp và được thành lập từ năm 1924, những người này cũng bị lùng bắt và ám sát.

Những người Cộng sản của Albanie cũng không bị bỏ sót. Sau khi đã được thống nhất vào năm 1941, những nhóm tả huynh đã tụ tập chung quanh Anastaste Loula, những nguồn bất đồng chính kiến đã diễn ra giữa những người trotskiste với những người chính thống (Enver Hoxha, Memet Chehu) được sự cố vấn của những người Cộng sản Yougoslaves. Trong năm 1943, Loula, đã bị hành quyết đơn giản. Sau nhiều cuộc toan tính mưu sát, Sadik Premtag, và những người lãnh đạo trotskiste khác được sự ủng hộ của dân chúng đã trốn thoát qua nước Pháp; tháng 5 năm 1951, ông là nạn nhân của một cuộc mưu sát khác do Djemal Chami tự ra tay, y là một cựu chiến binh của Trung đoàn quốc tế và là người của sứ quán Albanie tại Pháp.

Bên Trung Quốc, một phôi phai (embryon) của phong trào trotskiste được thành lập vào năm 1928 dưới quyền của Chen Duxiu, một người sáng lập và là thư ký của đảng Cộng sản Trung Quốc (viết tắt là PCC) và cùng với những người khác thi hành chung lý tưởng Cộng sản. Trong lúc xảy ra chiến tranh với Nhật, một phần những người trotskiste đã gia nhập vào đội ngũ của Bát lộ quân của Quân đội nhân dân (viết tắt là APL).

Chính Mao Trạch Đông đã ra lịnh hành quyết những người theo phong trào trotskiste và thanh toán những tiểu đoàn do những người trotskiste chỉ huy. Sau khi cuộc nội chiến chấm dứt, những người trotskiste đã bị săn đuổi và giết chết. Số phận của những người này đến nay vẫn không được biết.

Ở Đông Dương tình thế vào giai đoạn đầu lại khác. Những người trotskiste thuộc nhóm tranh đấu và những người Cộng sản cùng có đường lối, khởi đầu từ năm 1933. Ảnh hưởng của riêng nhóm trotskiste ở về phía Nam nói riêng là mạnh. Năm 1937, theo một chỉ thị của Jacque Duclos cấm đảng Cộng sản Đông Dương tiếp tục cuộc hợp tác với những người trots–kiste thuộc nhóm tranh đấu. Trong những tháng sau cuộc đầu hàng của nước Nhật, một chi nhánh của nhóm trotskiste Liên đoàn Cộng sản quốc tế đã tạo được một ảnh hưởng khá đủ để làm những người lãnh đạo Cộng sản lo ngại. Tháng 9 năm 1945, khi quân đội Anh đến Sài gòn, Liên đoàn Cộng sản quốc tế (tên viết tắc là LCJ) đả kích Mật trận Việt minh (mật trận dân chủ tranh đấu cho độc lập) về việc đón tiếp ôn hòa đối với quân đội Anh. Ngày 14 tháng 9, Việt minh mở cuộc tấn công rộng lớn chống lại những cán bộ trotskiste, nhưng những người này không trả đũa lại. Bị bắt giam, và phần lớn đã bị giết sau đó. Những toán võ trang của những người yêu nước trong số này có những người trotskiste, sau khi đã chiến đấu chống lại quân đội Anh, Pháp, họ đã rút vào Đồng Tháp Mười và bị những

toán võ trang của Việt minh đè nát. Qua đến giai đoạn hai: Việt minh quay trở lại chống những người trotskiste, thuộc nhóm tranh đấu, những người bị bắt giam ở gần Bến Súc đã bị giết khi quân đội Pháp tiến đến gần nơi đây. Bị bắt sau đó, ông Tạ Thu Thâu, người lãnh đạo lịch sử của phong trào đã bị giết vào tháng 2 năm 1946. Chính Hồ Chí Minh đã viết: *những người trotskiste là những người phản bội, và là những tên gián điệp đê hèn*.

Ở Tiệp Khắc (Tchécoslavaquie), định mệnh của Zavis Kalandra đã tượng trưng riêng cho ông số phận của tất cả những đồng chí của ông. Năm 1936, Kalandra đã bị trục xuất ra khỏi đảng Cộng sản Tiệp (PCT), vì ông đã viết một cuốn sách tố cáo những vụ xử án ở Moscou. Tham gia vào kháng chiến ông đã bị quân đội Đức bắt giam và đưa đi trại Oranienbourg. Ông sống sót và khi chiến tranh chấm dứt, ông được hồi hương. Tháng 11 năm 1949 ông bị bắt và bị buộc tội đã lãnh đạo một cuộc âm mưu lật đổ nền cộng hòa. Ông đã bị tra tấn. Phiên tòa xử ông diễn ra vào tháng 6 năm 1950; tại phiên tòa này, ông đã làm bản tự kiểm thảo (autocritique). Ngày 8 tháng 6 năm 1950 ông bị tuyên án tử hình. Trong nhật báo *Trận chiến* (Le Combat) số ra ngày 14 tháng 6 năm 1950, André Breton, đã nói với Paul Eluard can thiệp cho một người mà cả hai đều biết từ trước chiến tranh. Eluard đã trả lời: tôi làm đã quá nhiều cho những người vô tội, những người vô tội này đã kêu gào sự vô tội của mình và trước những

người thủ phạm họ đã kêu gào sự phạm tội của họ. Zavis Kalandra đã bị hành quyết ngày 27 tháng 6 cùng với 3 đồng chí của ông.

Những người chống Phát Xít và những người cách mạng ngoại quốc, nạn nhân của những cuộc khủng bố ở Liên bang Xô Viết

Tổ chức Komintern, với việc tàn sát những người trotskiste cùng với những người Cộng sản ly khai không phải là việc duy nhứt mà tổ chức này đã hành động. Vào những năm của thập niên 1930, ở trên lãnh thổ Liên Bang Xô Viết có một số đông người ngoại quốc đã sinh sống ở đây dù họ không phải là Cộng sản, nhưng đã bị lôi cuốn vào ảo ảnh Xô Viết. Rất nhiều người ngoại quốc này đã trả giá quá cao về việc mất tự do và thường bị mất mạng vì việc đam mê của họ đối với đất nước của người Xô Viết.

Vào đầu những năm 1930, những người Xô Viết đã mở một cuộc tuyên truyền ở trong vùng Carélie, vùng này nằm trong vùng cận biên giới Phần Lan và Liên bang Xô Viết, một sự tuyên truyền cho sự xây dựng chủ nghĩa xã hội để lôi cuốn những người dân. Đã có 12.000 người dân Phần Lan cộng thêm với 5.000 người dân Phần Lan sống trên đất Hoa kỳ, phần đông là hội viên (ở Hoa kỳ); vì họ gặp quá nhiều khó khăn trong cuộc khủng hoảng kinh tế vào năm 1930 như thất nghiệp, không nhà ở, v.v. Cơn sốt Carélie đã mạnh hơn khi những nhân viên của tổ chức thương mãi Xô Viết tên là Amtorg đã hứa với họ là họ sẽ có việc làm với đồng

lương cao, nhà ở và những cuộc du lịch không tốn tiền từ New York về Léningrad. Họ được nhắn nhủ là hãy đem theo tất cả những gì họ có.

Cuộc đua nhau đi về ảo tưởng (ruée vers l'utopie), theo định nghĩa của Ains Küsinen, đã biến thành cơn ác mộng. Khi họ đi đến nơi, những máy móc công nghệ của họ cùng với những tài sản, những tiền để tiết kiệm của những người dân di cư này đều bị tịch thu (việc như vậy đã tái diễn đối với những Việt kiều từ Thái Lan và Tân Calédonie, hồi hương về miền Bắc vào những năm đầu của thập niên 1960). Những giấy thông hành của họ đều bị giữ lại và họ bị đưa về những vùng kém mở mang và bị giữ lại như những người tù sống ở những vùng mà chung quanh toàn là rừng và những điều kiện sinh sống rất là cực khổ (lời người dịch: hình thức Kinh Tế Mới mà Cộng sản Việt Nam đã áp dụng cho dân tộc Việt nam sau 30 tháng 4 năm 1975). Theo sự nhận định của Arvo Tuominen người lãnh đạo đảng Cộng sản Phần Lan và được bầu vào thành viên dự khuyết của chủ tịch đoàn ủy ban hành pháp của tổ chức Komintern cho đến cuối năm 1939, sau bị kết án tử hình và y đã xin xét lại án, còn giảm xuống 10 năm tù giam; hơn nữa đã có trên hai chục ngàn người dân Phần Lan đã bị giam cầm trong những trại tập trung.

Bị cưỡng bách phải sống ở vùng Kirovakan, Aino Kuusinen đã chứng kiến sau đệ nhị thế chiến, lúc những người Amnien, nạn nhân của những cuộc tuyên truyền khéo léo của những cơ quan tuyên truyền Xô

Viết, những người này đã chấp nhận đến định cư ở cộng hòa Xô Viết Arménie. Đáp lời kêu gọi của Staline, kêu gọi những người dân gốc Nga đang sống ở ngoại quốc hãy trở về Liên Bang Xô Viết. Những người Arménien, dù là họ đã di cư sống trên đất của Turquie, họ được động viên để trở về vùng đất của cộng hòa Arménie mà trong trí tưởng tượng của họ là vùng đất của tổ tiên của họ. Tháng 9 năm 1947, nhiều ngàn người đã tụ họp ở Marseille và chiếc tàu Rossia đã chở 3.500 người về Liên Bang Xô Viết. Khi ấy đã có nhiều người hiểu ngày này là một chiếc bẫy ghê tởm (piège odieux) đã khép chặt vào họ và khi chiếc tàu này đã đi vào hải phận Nga, thái độ của những người cầm quyền Xô Viết thay đổi hoàn toàn. Vào năm 1948, hai trăm người Arménien đã biểu tình ở thủ đô Erevan khi vị ngoại trưởng Pháp tên Christian Pineau thăm viếng nơi đây. Chỉ có 60 gia đình được phép đi khỏi lãnh thổ Liên Bang Xô Viết; trong khi ấy cuộc đàn áp đã rơi lên đầu những người còn bị ở lại.

Cuộc khủng hoảng không những áp đặt lên những người tự nguyện đến Liên bang Xô Viết mà luôn cả những người đã phải đến đây để tìm chỗ dung thân vì bị cưỡng bách bởi những chế độ độc tài tại đất nước của họ. Theo điều 129 của bản hiến pháp Xô Viết: Liên Bang Xô Viết ban quyền tỵ nạn (droit d'asile) cho tất cả những công dân ngoại quốc đã bị truy tố vì đã bảo vệ quyền lợi của những công nhân, hay là vì những hoạt động của họ về lĩnh vực khoa học, hoặc vì do cuộc đấu

tranh của họ cho nền độc lập quốc gia. Trong cuốn tiểu thuyết của Vassili Grossman tựa đề là *Cuộc sống và định mệnh*, ông đã đưa ra một hài kịch về sự đối đầu giữa một quân nhân SS của Hitler và một người đấu tranh bolchévik là tù nhân của tên lính SS. Trong một cuộc độc thoại (monologue) dài, tên lính SS đã phát biểu một bản án của định mệnh cho hàng chục ngàn người gồm đàn ông, đàn bà, lão ông, lão bà và những thiếu nhi họ đã đến Liên Bang Xô Viết để tìm chỗ tỵ nạn; và sau đây là bản án: Ai đã ở trong những trại trong thời gian hòa bình, khi không có những tù nhân vì chiến tranh. Tại những trại này người ta đã gặp những người được gọi là kẻ thù của đảng, kẻ thù của nhân dân. Đây là một loại mà anh được biết rõ, đó là những người trong trại của anh. Và nếu trong thời gian hòa bình, những trại của anh nằm trong chế độ SS, chúng tôi sẽ không để những tù nhân này ra đi. Những tù nhân của anh là những tù nhân của chúng tôi.

Dù họ từ ngoại quốc đến theo lời kêu gọi của chính phủ của những người Xô Viết, hay là họ tìm nơi an toàn mà họ đã không tìm được ở đất nước của họ vì những việc tham gia vào chính trị, tất cả những người di cư này vẫn bị coi là có thể trở thành một lực lượng gián điệp (potentiels espions) Đó là lý do thường được ghi trên những bản xử án.

Một trong những cuộc di cư quá sớm của những người chống Phát Xít gốc Ý, diễn ra vào những năm giữa thập niên 1920. Một số trong những người này họ

tưởng rằng đã tìm thấy xứ sở của xã hội chủ nghĩa xã hội là nơi ẩn náu những giấc mộng của họ. Họ đã bị thất vọng chua cay, và họ đã bị khủng bố. Những người Cộng sản Ý và những người cảm tình của Liên Bang Xô Viết vào giữa những năm của thập niên 1930, lên đến khoảng 600 người; khoảng 250 người là cán bộ chính trị di cư và 350 người là những học viên theo học trong 3 trường đào tạo về chính trị. Rất nhiều học viên này đã rời Liên Bang Xô Viết sau khi đã thụ huấn xong và 100 người đấu tranh đã tham gia chiến đấu ở Tây Ban Nha trong cuộc nội chiến 1936-1937, cuộc đại khủng bố đã giáng xuống những người còn ở lại. Khoảng 200 người Ý đã bị bắt giam và bị khép vào tội làm gián điệp; khoảng 40 người đã bị xử bắn và người ta biết rõ lý lịch của những người này; những người khác bị gởi đi những Goulag hoặc là những mỏ khai thác vàng ở Kolyma hay ở vùng Kazahstan. Romols Caccavale đã viết một quyển sách rất cảm động, đã kể lại hành trình và định mệnh thê thảm của cả chục người đấu tranh. Một ví dụ tronh những ví dụ: Nazareno Scarioli, một người chống Phát Xít đã trốn ra khỏi nước Ý vào năm 1923, và từ đó anh đã đi Berlin rồi qua Moscou. Được phân bộ của Cứu tế đỏ secours Rote đón tiếp, anh kiếm được việc làm ở một tổ hợp canh nông ở vùng Moscou trong vòng một năm. Sau anh được thuyên chuyển đi Yalta và làm việc trong một tổ hợp có 20 người Ý thuộc nhóm vô chính phủ dưới sự hướng dẫn của Tito Scarh selli. Đến năm 1933 tổ hợp này bị giải tán, anh Scarioli

trở về Moscou và tìm được việc làm ở trong một xưởng sản xuất bánh biscuit. Anh đã tham gia những hoạt động của cộng đồng người Ý. Rồi đến những năm xảy ra cuộc đại thanh trừng (La grande Purge); sự sợ hãi và sự khủng bố đã làm tan rã cộng đồng người Ý; mỗi người đều có sự nghi ngờ đối với những đồng hương (compatriote). Người Cộng sản chịu trách nhiệm tên Paolo Robotti đã thông báo cho câu lạc bộ việc bắt giam 36 người di cư bị coi là kẻ thù của nhân dân, những người này làm việc trong một xưởng chế tạo ổ bi (roulements à billes). Robotti đã bắt buộc cữ tọa phải chấp nhận việc này đối với những người thợ mà y đã biết rõ. Lúc dơ tay lên để tán thành, Scarioli đã không đồng ý. Ngày hôm sau anh đã bị bắt giam. Ở trong nhà tù Loubianca y đã bị tra tấn và đã ký một bản thú tội. Bị đưa đi đày ở Kolyma, anh ta đã làm việc trong mỏ khai thác vàng. Nhiều người Ý khác cũng đồng chung một số phận như anh và có nhiều người đã chết... Nhà điêu khắc Arnoldo Silva, kỹ sư Cerquetti, người lãnh đạo Cộng sản Aldo Gorellimà, người em gái là vợ của... về sau này là dân biểu công sản Siloto, cựu thư ký chi bộ Cộng sản thành phố Rome, tên là Vincenzo Bazala; người ở Toseau tên Otello Gaggi đang làm người gác cửa ở Moscou; một thành viên nghiệp đoàn ở Venise tên Carlo Costa làm thợ ở Odessa và Edmundo Peluzo đã từng quen biết Lenine khi ông này còn ở Zurich. Năm 1950, Scarioli, lúc ấy chỉ còn 36 kílô được phép rời khỏi Kolyma nhưng vẫn còn là người nô lệ của chế

độ Xô Viết, bị bắt buộc làm việc ở Sibérie. Chỉ đến năm 1954 anh mới được ân xá và phục hồi danh dự, và anh phải đợi hơn 6 năm nữa mới được cấp chiếu kháng để trở về Ý với một hưu bổng nhỏ nhoi.

Tất cả những người tỵ nạn không phải là người Cộng sản hay là những cảm tình viên, cùng với những người vô chính phủ, họ bị tìm bắt và đã chọn Liên bang Xô Viết làm nơi tỵ nạn. Trường hợp mà nhiều người biết đến là của Francesco Gezzi, một người thuộc nghiệp đoàn tự do, anh đã đến Nga vào năm 1921, để đại diện cho Liên hiệp Nghiệp đoàn Ý bên cạnh tổ chức Nghiệp đoàn Quốc tế đỏ. Năm 1922, anh đã đi sang Đức và chính phủ Ý đã xin trục xuất anh vì tội khủng bố. Một cuộc vận động dư luận của dân chúng đã giúp anh tránh khỏi phải nếm mùi của nhà tù Ý nhưng anh phải bắt buộc trở lại nước Nga, vào mùa Thu năm 1924, vì đã dính líu với Pietre Pascal và Nicolas Lazarévitch khiến anh đã có lôi thôi với cơ quan Guépou. Năm 1929 anh đã bị bắt giam và bị kết án 3 năm tù giam tại khám đường ở Souzdal, trong nhà ngục dành cho những tội đại hình mặc dầu anh đã bị bịnh ho lao! Các bạn anh và người thông tin đã tổ chức một cuộc vận động dư luận để giúp anh tại Pháp và Thụy Sĩ. Trong lúc ban đầu Romain Rolland và những người khác đã gởi một bản thỉnh nguyện thư, chính quyền Xô Viết liền tung ra tin đồn anh là một gián điệp của một tòa đại sứ Phát Xít. Được trả tự do vào năm 1931, anh Gezzi đi làm công nhân cho một xưởng máy, sang đến năm 1937 anh

lại bị bắt. Lần này những người bạn của anh ở ngoại quốc không thể nào biết được tin tức và số phận của anh. Anh đã coi như bị giết chết vào cuối tháng 8 năm 1941 ở Vorkouta.

Vào ngày 11 tháng 2 năm 1934 ở Linz, những người trách nhiệm của Schutzbund, liên minh (ligue) để bảo vệ chế độ cộng hòa của đảng xã hội Áo Autriche, đã quyết định chống lại mọi cuộc tấn công của Heimwehị ren. Vệ binh ái quốc, nhằm cấm đảng xã hội hoạt động, có ai có thể tưởng tượng được số phận của những đồng bạn của họ.

Việc gây sự của những vệ binh ái quốc Heimwehren ở Linz đã buộc những người xã hội dân chủ phát động một cuộc tổng đình công rồi đưa đến một cuộc dấy loạn. Lãnh tụ Dollfus của đảng Thiên Chúa xã hội và đồng thời là chưởng ấn (chancelier) hay là Thủ tướng ở Áo và Đức, sau 4 ngày chiến đấu đẫm máu đã nắm lại được tình thế, những người xã hội nào chạy thoát không bị vào những khám đường hay những trại tập trung thì đã trở thành hoạt động bí mật hay trốn qua Tiệp Khắc và sau đó tiếp tục đi chiến đấu ở Tây Ban Nha trong cuộc nội chiến. Một số người đã quyết định tỵ nạn ở Liên bang Xô Viết và bị lôi cuốn bởi một cuộc tuyên truyền liên tục, từ đó khiến họ đã chống lại những người lãnh đạo xã hội dân chủ. Ngày 23 tháng 4 năm 1934, ba trăm người đã đến đất Nga và liên tục kéo thêm một số người nữa cho đến tháng 12 năm 1934. Tòa đại sứ Đức quốc đã biết được con số là 807 người

Schutzbündler đã di cư qua Liên bang Xô Viết cùng với gia đình lên đến gần 1.400 người đều xin tỵ nạn tại Liên bang Xô Viết.

Đoàn người đầu tiên đến Moscou đã được những người có trách nhiệm của đảng Cộng sản Áo (PKO) đón tiếp và những chiến sĩ này đã tuần hành trên đường phố ở Moscou. Họ được Ủy ban trung ương các nghiệp đoàn đăm nhiệm việc ăn ở. 120 em thiếu nhi mà cha đã chết hay bị kết án tử hình được gởi đi Crimée, sau được đưa về nhà số 6 được thành lập riêng cho trẻ em.

Sau vài tuần lễ nghỉ ngơi, những người thợ được phân phối đi làm ở những công xưởng tại Moscou, Kharkov, Leningrad, Gorki hay Rostov. Chẳng bao lâu họ bị thất vọng (déchanter) về những điều kiện sinh sống mà họ đã phải bị cưỡng bách chịu đựng, những người Cộng sản Áo phải can thiệp. Chính quyền làm áp lực với họ để họ phải xin vào quốc tịch Xô Viết. Ba trăm người trong số người làm việc này đã xin vào quốc tịch Xô Viết. Ngược lại, nhiều nhóm người toàn diện đã liên lạc với tòa đại sứ Áo với hy vọng là sẽ được hồi hương về Áo. Theo tin tức của tòa Đại sứ Đức quốc thì có một số là 400 người đã được trở về nước họ cho đến mùa xuân 1938. (Sau biến cố Anschluss vào tháng 3 năm 1938, người dân Áo trở thành thuộc dân (sujet) của Reich Đức. Một trăm sáu chục người còn ở lại Nga đã đi qua Tây Ban Nha để tham gia vào cuộc nội chiến trong hàng ngũ cộng hòa.

Rất nhiều người đã không có cái may mắn để rời

khỏi Liên bang Xô Viết. Người ta đã được biết con số 278 người Áo đã bị bắt giam trong khoảng thời gian từ năm 1934 cho đế năm 1938. Vào năm 1938, Karls Stajner đã gặp ở Norilsk một người dân của thành phố Vienna tên là Fritz Koppensteiner và từ đó về sau không còn ai biết đến tin tức của người này nữa. Có người bị hành quyết như Gustl Deutch, đã từng chiến đấu ở quận Floridsdorf và cựu chỉ huy trung đoàn Karl Marx mà những người Xô Viết đã cho xuất bản một cuốn sách *Những trận đánh ở Floridsdorf* (sách xuất bản năm 1934).

Còn về số phận của nhà trẻ em số 6 cũng không được chừa ra. Mùa Thu năm 1936, việc bắt giam những người hay cha mẹ còn sống sót, đã bắt đầu diễn ra. Những người con của họ được đưa qua sống dưới quyền kiểm soát của cơ quan NKVD, và cơ quan này phân phối những trẻ em đi những viện cô nhi. Ba Mẹ của cậu Wolfgang Leonhart đã bị bắt giam và biệt tích vào tháng 10 năm 1936, mãi đến mùa Hè năm 1937, cậu này mới nhận được một bưu thiếp từ cộng hòa Komis của Mẹ cậu gởi cho cậu. Bà này đã bị kết án 5 năm giam ở trại vì những hoạt động phản cách mạng trotskiste.

Cuộc phiêu lưu bi thảm của gia đình Sladek

Tờ báo xã hội *Arberter Zeitung* số ra ngày 10 tháng 2 năm 1963 đã đăng truyện của gia đình Sladek. Vảo trung tuần tháng 9 năm 1934, bà Sladek cùng với 2 người con đã đi Kharkov để gặp lại người chồng là Jog sef Sladek, một cựu Schutzbündler là một nhân viên

hỏa xa ở Semmering sang Liên Bang Xô Viết xin tỵ nạn. Bắt đầu từ năm 1937, cơ quan NKVD khởi sự những cuộc bắt giam trong cộng đồng những người dân Áo ở Kharkov, rồi sau đó đến Moscou và Léningrad, đến lượt Josef Sladek bị bắt giam ngày 15 tháng 2 năm 1938. Đến năm 1941 trước khi quân đội Đức xâm lăng vào nước Nga, bà Slakek đã đến sứ quán Đức quốc để xin được hồi hương. Ngày 26 tháng 7, cơ quan NKVD đã bắt giam bà và người con trai lúc ấy đã được 16 tuổi còn đứa con trai 8 tuổi tên Victor thì được gởi đi vào một trại cô nhi thuộc cơ quan NKVD. Những nhân viên NKVD đã đánh đập Alfred và để khủng bố tinh thần cậu này đã nói là mẹ của cậu đã bị xử bắn hầu đạt được một bản cung khai thú tội. Họ được di tản vì cuộc tiến công của quân đội Đức Quốc Xã, và một sự tình cờ hai mẹ con đã gặp lại nhau ở trại Ivdel trong vùng Dural. Bà Sladek đã bị kết án 5 năm tù giam ở trại vì tội làm gián diệp và Alfred cũng bị kết án 10 năm tù giam vì tội làm gián điệp và khuấy rối chống lại Xô Viết. Được chuyển qua trại ở Sarma, họ đã gặp lại Josef Sladek đã bị kết án 5 năm tù giam lúc còn ở Kharkov. Và chả bao lâu, họ lại bị chia rẽ. Được phóng thích vào năm 1946, bà Sladek đã bị cưỡng bách cư trú tại Solikansk ở trong vùng Dural và một năm sau chồng của bà đã được phép đến ở cùng bà. Ông này đã bị bịnh ho lao và tim suy nên không thể làm việc được. Ông phải đi ăn xin để sống và đã chết ngày ngày 31 tháng 5 năm 1948. Đến năm 1951 Alfred được phóng thích và

gặp lại mẹ của cậu. Đến năm 1954, sau nhiều lần chạy chọt (démarche) khó khăn, cả hai mẹ con mới trở về được Simmening Áo quốc. Hai mẹ con đã gặp lại cậu Victor một lần vào 7 năm về trước. Những tin tức cuối cùng mà họ nhận được về cậu Victor là vào năm 1946.

Vào năm 1917, số người Yougoslave sống ở Nga là 2.600 và họ lựa chọn ở lại đây và sang đến năm 1924 con số những người này đã lên đến 3.750 người. Họ được tăng thêm một số người đồng hương di cư sang từ Canada và Mỹ quốc đã theo lời kêu gọi của cơ quan tuyên truyền Xô Viết, lần này lại di cư sang Liên Bang Xô Viết với tất cả dụng cụ nghề nghiệp để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cộng đồng người Yougoslave đã ở rải rác khắp vùng đất từ Léninsk ở Magnitsgorsk và đi qua vùng Saratov. Một số người lối từ 50 đến 100 đã tham gia vào việc xây dựng đường hầm cho xe métro ở Moscou. Giống như những sắc dân khác, những công nhân Yougoslave cũng bị đàn áp. Anh Bozidor nói là anh đã chịu một số phận tàn ác và thêm vào: phần lớn những công nhân đồng hương với anh đã bị bắt giam vào những năm 1937-1938 và số phận họ đã không biết ra sao. Một sự nhận định chủ quan (subjective) đã được nuôi dưỡng bởi việc nhiều trăm người di cư đã biến mất. Đến ngày hôm nay chưa có được những con số chính xác liên quan đến những người Yougoslave lao động ở Liên Bang Xô Viết và riêng về những người đã lao động ở đường hầm xe métro ở Moscou vì họ đã

phản đối những việc làm quá cực nhọc và họ bị đàn áp quá cứng rắn (durement réprimés).

Cuối năm 1939, cuộc phân chia nước Ba Lan bị chiếm đóng, đã diễn ra giữa nước Đức Quốc Xã và nước Nga Xô Viết đã được bí mật thỏa thuận trước vào ngày 23 tháng 8 năm 1939, đã trở nên thực thụ. Hai nước xâm lăng này đã phối hợp hành động của hai bên để thực hiện việc kiểm soát tình hình và dân chúng. Hai cơ quan Gestapo và NKVD hợp tác với nhau. Cộng đồng người Do Thái cũng bị phân chia. Trong số 3.300.000 người, có 2.000.000 người sống ở những vùng quân Đức chiếm đóng và 1.300.000 người sống ở vùng Hồng quân. Những vụ ngược đãi người gốc Do Thái xảy ra liên tục, những giáo đường bị đốt cháy, những vụ tàn sát diễn ra; tiếp theo liên tục là việc giam nhốt vào những khu vực dành riêng cho người gốc Do Thái (ghetto). Khu vực Ghetto ở Lodz được thành lập ngày 30 tháng 4 năm 1940 và khu vực Varsovie tổ chức vào tháng 10 và đóng cửa ngày 15 tháng 11 năm 1940.

Trước sự tiến quân của Đức Quốc Xã đã có nhiều dân Ba Lan gốc Do Thái chạy trốn về hướng Đông. Trong mùa Đông 1939-1940, quân đội Đức Quốc Xã đã không tìm cách ngăn cản việc vượt biên mới: đó là những lính biên phòng Xô Viết với huyền thoại giai cấp, họ trang phục những áo choàng bằng lông và đội nón kết (casquette), súng có gài lưỡi lê (baisonnette), đã đón những người du mục đi về miền đất hứa này, với con mắt chó săn của cảnh sát cùng với những tràng

đạn súng tiểu liên. Từ tháng 12 năm 1939 đến tháng 3 năm 1940 những người Do Thái này sống trong một vùng mà người ta gọi là vùng không có người ở (no man land), rộng từ 1.000 đến 1.500 thước dài theo con sông Bug, ở về hướng Đông và họ đã phải ngủ ngoài trời. Phần lớn những người này đành phải trở về vùng quân đội Đức Quốc Xã chiếm đóng.

Một người lính của đạo quân do tướng Anders tên L.C số quân 15015 đã là nhân chứng và đã tiết lộ về tình cảnh không thể tưởng tượng được: vùng đất này có diện tích lối 600 mét và 700 mét và tại đây đã có từ 700 đến 800 người tụ họp từ vài tuần lễ; 90 phần trăm là người gốc Do Thái họ đã vượt thoát được sự kiểm soát của người Đức. Vì bị ướt do những cơn mưa của mùa Thu, không nơi trú ẩn chúng tôi tất cả đều đau ốm. Chúng tôi đã ôm lấy nhau để cho đỡ lạnh, những người Xô Viết nhân đạo không đoái hoài gì đến chúng tôi và không hề cho chúng tôi một mẩu bánh mì hay một ít nước nóng. Họ cũng cấm những người nông dân ở trong vùng này đến gần chúng tôi vì những người nông dân này xót thương chúng tôi; họ muốn làm một cái gì để chúng tôi được sống còn. Kết quả chúng tôi để lại một số mả trên khoảng đất này. Tôi quả quyết là những người đã trở về vùng của Đức Quốc Xã chiếm đóng là họ có lý, vì cơ quan NKVD (với một cái nhìn không ở một khía cạnh nào) đã giỏi hơn cơ quan Gestapo trong việc thâu ngắn thời gian giết người. Ngược lại cơ quan NKVD giết người và tra tấn một cách còn ác độc hơn

cái chết và đưa đến việc là người nào thoát khỏi nanh vuốt của cơ quan này là một phép lạ; nhưng nếu còn sống sót thì đều trở thành phế nhân. Được tượng trưng Israël Joshua Singer đã đặt người anh hùng của ông, trở nên một kẻ thù của nhân dân và đã chết ở tại vùng đất không người ở (no man land) này khi tìm cách trốn khỏi Lãnh thổ Liên Bang Xô Viết. Vào tháng 3 năm 1940, nhiều trăm ngàn người tỵ nạn, có một người nào đó đã nói ra con số là sáu trăm ngàn người, đã bị bắt buộc phải nhận một giấy thông hành của Xô Viết. Những thỏa hiệp Đức Nga đã dự phòng việc trao đổi những người tỵ nạn. Những gia đình bị ly tán, sự thiếu hụt lương thực công với những việc khủng bố của cơ quan NKVD, càng ngày càng nặng nề hơn; một số người đã quyết định trở về vùng người Đức chiếm đóng của nước Ba Lan. Ông Jules Margoline, vào mùa Xuân năm 1940, đã hiện diện tại tỉnh LVDV thuộc vùng phía Tây Ukraine đã nói: những người gốc Do Thái thích những khu vực Ghetto của Đức hơn sự bình đẳng của Xô Viết. Họ tưởng tượng là có thể rời khỏi vùng cai trị của chính quyền Đức Quốc Xã được dễ dàng hơn là trốn tránh qua ngã của Liên Bang Xô Viết để đến một nước Trung Lập.

Đầu năm 1940, việc đưa đi lưu đày những công nhân Ba Lan khởi đầu (xin tham khảo những đóng góp của Andrzej Packowski) và tiếp tục đến tháng sáu. Tất cả những người dân Ba Lan của mọi khuynh hướng tôn giáo đều bị đưa lên vùng Bắc bao la và vùng Kazakhstan

bằng những đoàn xe hỏa. Đoàn xe của Jules Margoline phải chạy 10 ngày mới đến vùng Mourmansk. Là một nhà quan sát tỉ mĩ kỷ lưỡng về xã hội tập trung, ông đã viết: việc khác biệt với những trại Xô Viết ở tất cả mọi nơi giam cầm trên thế giới, đó không phải riêng về tầm rộng bao la, không thể tưởng tượng được cùng những điều kiện sinh sống chết người. Đó là nhu cầu nói láo không ngừng để tự bảo vệ lấy sự sống còn của mình, nói láo luôn luôn, đeo một cái mặt nạ (masque) trong nhiều năm và không bao giờ có thể nói ra những tư tưởng của mình. Vì vậy việc nói láo và việc tự giấu diếm hay giả vờ đã trở thành cách thức duy nhất để tự bảo vệ. Những cuộc mít tinh, những cuộc gặp gỡ, những tờ báo dán ở trên những bức tường đều dùng những câu chính thức êm dịu và không một câu nào về sự thật. Tại nước Nga Xô Viết, công nhân tự do cũng bị bắt buộc phải nói láo. Con người ở phương Tây khó có thể hiểu được ý nghĩa của sự cấm đoán những quyền và trong hoàn cảnh không thể được. Trong 5 hay 10 năm, có thể nói ra tự do, cho đến tận cùng (jusqu'au bout) của sự bắt buộc phải đè nén những tư tưởng bất hợp pháp (pensée illégale) và phải câm như nằm ở trong một cái mả (tombe). Dưới sức ép không thể tưởng tượng được, tất cả đều bị biến dạng, méo mó và làm tan rã thể chất của con người.

Cái chết của những người tù nhân số 41 và 42

Là thành viên của văn phòng Công nhân Xã hội Quốc tế, Victor Alter sanh năm 1890, là thẩm phán phó thị xã

trưởng ở Varsovie; ông đã từng giữ chức chủ tịch của Liên đoàn những nghiệp đoàn Do Thái. Ông Henryk Er–lich là nhân viên của hội đồng xã ở Varsovie và là chủ nhiệm của nhật báo tiếng Yçish Folkstaytung. Cả hai đều là đảng viên của đảng Xã hội Do Thái của Ba Lan. Tên đảng gọi là Bund. Năm 1939 họ đều tỵ nạn qua vùng Hồng quân Xô Viết chiếm đóng. Alter bị bắt giam vào ngày 26 tháng 9 tại Kowel, còn về phần Erlich đã bị bắt giam vào ngày ngày 4 tháng 10 tại Brest Litovsk. Được giải về nhà giam Loubianha ở Moscou, ông Alter đã bị kết án tử hình ngày 20 tháng 7 năm 1941 với tội danh là đã có những hoạt động chống Xô Viết (ông đã bị tố cáo là đã điều khiển những hành động bất hợp pháp của đảng Bund ở Liên Bang Xô Viết và đã liên lạc với an ninh Ba Lan. Bản án này đã do tập đoàn quân sự của Tòa án tối cao của Liên bang Xô Viết tuyên và sau khi xét lại ông bị án 10 năm giam cầm ở những trại tập trung. Ngày 2 tháng 8, Erlich bị tòa án quân sự của những lực lượng võ trang của cơ quan NKVD ở Saratov tuyên án tử hình; ngày 27 tháng 8, án này được giảm xuống còn 10 năm giam cầm ở những trại tập trung. Được phóng thích vào tháng 9 năm 1941 theo thỏa ước của Sikorski Maïski, Alter và Erlich đã được Béria đòi đến trình diện, và đề nghị hai người này cổ võ cho Ủy ban Do Thái chống lại những người Quốc xã (nazis) và hai người này đồng chấp thuận. Trước sự tiến quân của Đức, hai người này rút lui về Kouibychev và lại bị bắt

giam trở lại vào ngày 4 tháng 12 và bị buộc tội đã liên lạc với những người Nazi!

Béria ra lịnh giam họ dưới bí số 41 (Alter) và 42 (Era lich) và không ai được biết căn cước của hai

người này. Ngày 23 tháng 12 năm 1941, hai người này bị coi như là công dân Xô Viết, họ bị kết án tử hình vì đã phạm tội phản bội. Trong những tuần lễ sau đó, họ đã gởi nhiều đơn xin lên những người có quyền, nhưng vô hiệu quả và hai người này cũng không được biết là mình đã bị án xử tử. Ngày 15 tháng 5 năm 1942, Erlich đã tự treo cổ mình lên những cây song sắt ở trong xà lim nhà giam. Đến khi mở hồ sơ của ông, người ta vẫn tưởng là ông bị hành quyết.

Victor Alter đe doạ sẽ tự sát. Bérin ra lịnh tăng cường việc kiểm soát. Victor Alter đã bị hành quyết ngày 17 tháng 2 năm 1943. Bản án ngày 23 tháng 12 năm 1941 đã được Staline đích thân duyệt y. Đáng chú ý là việc hành quyết ông này đã diễn ra vào một thời gian ngắn sau cuộc thắng trận ở Stalingrad. Cộng thêm với việc ám sát ông Victor Alter còn thêm sự vu khống: Alter và Erlich đã tuyên truyền cho việc ký kết một hòa ước với nước Đức Quốc Xã.

(Tài liệu trích từ văn khố của cơ quan NKVD đăng trên nguyệt san *East European Jewish Affairs* số 2 mùa Đông năm 1992)

Vào mùa Đông 1945 1946, bác sĩ Jacques Pat, thư ký của Ủy ban những công nhân gốc Do Thái ở Mỹ quốc đã nhận nhiệm vụ đi sang Ba Lan để mở một cuộc điều

tra về những tội ác của những người Nazi. Khi trở về Mỹ, ông đã cho đăng một loạt bài trên tờ báo *Jewish Daily Forward* viết về số phận những người Do Thái tỵ nạn ở Liên bang Xô Viết. Ông đã ước lượng là đã có 400.000 người đã chết vì bị đưa đi lưu đày, ở trong những trại cưỡng bách lao động hay là ở những tổ lao động. Vào lúc chiến tranh chấm dứt, 150.000 người này khi đã được đi vượt qua khỏi biên giới BA Lan- Xô Viết không bao giờ nói đến nữa tổ quốc Xã hội Chủ nghĩa Liên bang Xô Viết, chế độ độc tài và dân chủ nơi này.

Đối với họ những cuộc tranh luận đã chấm dứt và câu nói chót của họ là chạy trốn khỏi nơi này, Bác sĩ Jacques Pat đã hỏi hàng trăm người này.

Những người tù binh Xô Viết bị cưỡng bách trở về nước

Nếu ai có liên lạc với người nước ngoài, hay là vì nhu cầu gì cần phải liên lạc với những người của nước ngoài hay là một ai từ nước ngoài đến URSS là trở thành một người đụng đến chế độ. Bị bắt làm tù binh và đã sống 4 năm khỏi lãnh thổ quốc gia đã khiến cho những người quân nhân Nga bị lính Đức bắt làm tù binh lại trở thành một con người đáng chịu một hình phạt. Đạo luật số 270 của năm 1942 đã thay đổi điều 193 của bộ hình luật, được coi là một người tù binh bị quân thù bắt được là (ipro facto) một người phản bội. Không đếm xỉa gì đến hoàn cảnh bị bắt và việc bị giam cầm đã diễn ra, việc bị giam cầm đối với những tù binh Nga thật là đáng ghê sợ. Những người Slaves bị coi là hạng người thấp kém (sous homme) và số phận của

họ đã được quyết định là họ sẽ phải biến mất (disparaître) theo như Weltans Chaung của chủ nghĩa Quốc xã - Nazi - vì vậy trong số 5.700.000 tù binh Nga bị bắt vì chiến tranh, đã có 3.300.000 người đã chết vì bị ngược đãi và chết đói, cùng với những chứng bịnh mà không được săn sóc.

Vì vậy theo lời yêu cầu rất sớm của những đồng minh, mà Staline đã quyết định cho hồi hương tất

cả những người Nga đang ở trên những phần đất về phía Tây. Các nước đồng minh rất lấy làm bối rối về vấn đề nuôi ăn số quá đông tù binh Nga bị quân đội Đức Wehmacht bắt. Việc này được giải quyết rất mau. Cuối tháng 10 năm 1944 cho đến tháng Giêng năm 1945 đã có 332.000 tù binh người Nga (trong số này có 1.179 người từ San Francisco) đã được đưa trả trở về dù chưa có sự chấp thuận của URSS. Không những các nhà ngoại giao Anh và Mỹ đã vô tình (aucun état d'âme) mà đề cập đến vấn đề này với một lượng tính vô liêm sỉ mà họ không biết, như ngoại trưởng Anthony Eden đã nói phải dùng đến sức mạnh để giải quyết vấn đề này.

Trong lúc diễn ra những cuộc thương nghị ở Yalta từ ngày 5 đến 12 tháng 2 năm 1945, cả ba thủ lãnh (Xô Viết-Anh-Mỹ) đã ký kết những thỏa ước bí mật bao gồm những quân nhân cùng những thường dân đã bị di chuyển vì chiến tranh. Churchill và Eden đã chấp nhận để Staline quyết định số phận những người tù binh đã chịu gia nhập và chiến đấu trong hàng ngũ của đạo quân Nga giải phóng ROA do tướng Vlassov

chỉ huy và mong là những người này sẽ được hưởng một sự xử án công bằng và được bảo đảm.

Staline biết rõ là một phần những người bị bắt làm tù binh là do sự rối loạn về tổ chức trong lúc mới xảy ra chiến tranh, xảy ra trong lúc những đội ngũ của Hồng quân mà Staline là người đầu tiên phải chịu trách nhiệm, về sự thiếu khả năng của những vị tướng và của chính Staline. Và có một điều là những người quân nhân này đã không muốn chiến đấu để bảo vệ một chế độ ghê tởm (exécré) này và đã nhắc lại một câu diễn tả của Lénine: đã bầu với đôi chân (a voté avec leurs pieds).

Sau khi hiệp định Yalta được ký kết, không có một tuần nào mà lại không có những đoàn tàu, rời những đảo của Anh quốc để chở trả về nước Nga những người tù vì chiến tranh. Trong hai tháng 5 và 6 năm 1945, có tất cả là 1.300.000 người đã được đưa hồi hương luôn cả những thường dân đang cư ngụ trong những vùng chiếm đóng mà Moscou coi là những công dân Xô Viết, gồm luôn những người Ukraine và 3 nước ở ven biển Baltique. Cuối tháng 8 năm 1945 đã giải giao 2 triệu người cho những người Xô Viết, và đã có rất nhiều trường hợp dữ tợn thường xảy ra: những việc tự sát cá nhân và nhiều khi có những vụ tự sát tập thể (toàn thể một gia đình) và luôn cả việc tự hủy hoại thân thể để trở nên tàn phế; những người tù binh kháng cự lại một cách thụ động và những người Anh Mỹ đã không ngần ngại xử dụng sức mạnh để đàn áp

những người tù binh này hầu để đáp ứng những sự đòi hỏi của những người Xô Viết. Khi đến nơi, những người hồi hương được đặt dưới sự canh gác của những toán công an chính trị. Trong ngày chiếc tàu Almanzora đến bến Odessa, vào ngày 18 tháng 4 đã xảy ra những cuộc hành quyết đơn giản. Và màn ảnh này lại tái diễn khi chiếc tàu Empire Pride cặp bến tàu ở trong biển Hắc Hải (Mer Noire).

Những nước phương Tây lo ngại là URSS sẽ giữ làm con tin những tù binh người Mỹ-Anh-Pháp và dùng những người tù binh này làm món hàng trao đổi, thái độ rất rõ ràng trong những khuynh hướng của họ trước những sự đòi hỏi tuyệt đối (diktat) của những người Xô Viết, bắt buộc phải đưa hồi hương tất cả những người dân Nga đã di cư sau cuộc cách mạng năm 1917. Chính sách này đã được những người ở phương Tây hiểu rõ, dù có thỏa mản những sự đòi hỏi tuyệt đối của những người Xô Viết, vẫn không đạt được kết quả để làm dễ dãi việc trở về của những công dân của nước họ. Trái lại, nó còn cho phép một số cán bộ Xô Viết được đi truy lùng những người ương ngạnh và những cán bộ Nga đã hành động coi thường những luật lệ của những nước đồng minh.

Về phần nước Pháp, Bản Thông báo của Bộ Tư lịnh Quân sự Pháp chiếm đóng nước Đức xác nhận là đến ngày 1 tháng 10 năm 1945 đã trả trở về cho những người Xô Viết Nga một số là 101.000 người đã bị chiến tranh di chuyển họ đi. Và luôn tại nước Pháp, chính

quyền đã cho thiết lập 70 trại để tiện việc tái tập họp lại (regrouper) và được hưởng quyền bất xâm phạm như trại Beauregard ở tại vùng ngoại ô Paris, và trên những trại này chính quyền đã từ khước làm những việc kiểm soát và đã chấp nhận cho những cán bộ vủa cơ quan NKVD hoạt động ở Pháp không bị trừng phạt (impunité), đã làm trái lại và mâu thuẫn với chủ quyền tội cao của Quốc gia (souveraineté nationale).

Những người Xô Viết đã suy tính kỹ lưỡng và sâu sắc về những hành động đem những người có liên hệ với họ trở về nước, cùng với sự hỗ trợ của đảng Cộng sản Pháp, họ phát động một cuộc tuyên truyền khéo léo. Vào tháng 11 năm 1947 trại Beauregard đã xảy ra vụ xìcăndan (scandale) về việc bắt cóc những trẻ em của một gia đình đang ở trong tình trạng ly dị, ông Robert Wybot một công chức Pháp người chịu trách nhiệm về việc đóng cửa trại này đã tuyên bố: theo những tin tình báo mà tôi có được, những trại tập họp này, nói đúng nghĩa hơn là những trại bắt cóc trẻ em. Những việc phản kháng về chính sách của người Xô Viết đã xảy ra quá trễ và hiếm hoi. Mãi đến mùa Hè (tháng 7 năm 7947) tờ nguyệt san xã hội *Quần chúng* (la Masse) mới đăng:kKhi Gengis Khan (Thành Cát Tư Hãn) đã ra lịnh khép kín những biên giới của nước ông để những người nô lệ không thể chạy trốn được, đây là một chuyện dễ hiểu!, nhưng ông ấy lại có thêm một quyền trục xuất ra khỏi lãnh thổ của những nước khác? Việc này vượt qua quá nhiều nền luân lý suy đồi của thời hậu chiến.

Lấy quyền gì mà người ta bắt buộc con người phải sinh sống trong một nước mà sự nô lệ bản thân và luân thường được áp đặt? Thế giới đang mong đợi gì ở nơi Staline, để rồi phải lặng câm trước những tiếng kêu than của những công dân Nga, khi những công dân này muốn tự sát hơn là bị cưỡng bách trở về đất nước của họ..

Những vị chủ nhiệm của nguyệt san này đã tố cáo những vụ trục xuất sau đây: trước sự thờ ơ của quảng đại quần chúng đã khuyến khích việc xâm phạm những quyền xin ẩn trú (droit d'asile) những vị tư lịnh quân sự người Anh đóng tại nước Ý đã vi phạm một tội ác không thể nói được. Ngày 8 tháng 5, người ta đã đem ra khỏi trại số 7 ở tại Ruccioné 175 người Nga và cho họ biết rằng họ sẽ được đưa sang Tô Cách Lan (Ecosse), và cùng ngày họ cũng đem ra khỏi trại số 60 người (trại này chỉ gồm có toàn phần là những gia đình). Khi số 185 người này đã rời xa các trại, những quân nhân người Anh đã lục soát tất cả số người và tịch thu tất cả những đồ vật gì có thể dùng để tự sát, và sau đó, họ mới nói ra sự thật là tất cả những người này sẽ được đưa về nước Nga chớ không phải đi sang nước Tô Cách Lan (Ecosse). Cùng ngày này, người ta cũng đã đem đi 80 người thuộc dân gốc vùng Caucase, lấy ra từ trại ở Pise. Tất cả những người xấu số này đã được đưa đi sang nước Áo, chở trên những toa xe lửa và do những người lính Anh canh giữ. Có một vài người toan tính chạy trốn nhưng đã bị những người lính Anh bắn chết.

Những người Nga hồi hương này đã bị tập trung vào những trại gọi là thanh lọc và kiểm soát? Những trại này đã được thành lập từ năm 1941 và cũng ở cùng với những trại lao động và đã được sát nhập vào hệ thống những Goulag vào năm 1946. Trong vòng năm 1945 đã có 210.000 người tù bước qua ngưỡng cửa của những trại này và những người tù này đã được hội nhập vào những Goulag vào thời cao điểm của tổ chức này; nói tổng quát chiếu theo điều luật số 58 1 b, họ đã bị tuyên án tập thể 6 năm tù giam ở những trại lao động. Trong số những người vô phước này có một số người đã tham gia vào lực lượng quân đội giải phóng người Nga và đã chiến đấu chống lại quân đội SS của Đức Quốc Xã để giải phóng thành phố Prague ở Tiệp Khắc (Tchécolovaquie).

Việc đối xử với những tù binh địch

Năm 1929, tại Genève có một cuộc họp và để ký một thỏa ước về những tù binh chiến tranh. Liên Bang Xô Viết không có tham gia ký kết thỏa ước này. Trên lý thuyết thì những tù binh đều được bảo vệ tuy là nước của họ đã không có ký vào thỏa ước này. Nhưng Liên Bang Xô Viết không có đếm xỉa gì thỏa ước này và đối với họ là vô giá trị. Là nước thắng trận, URSS còn giam giữ từ 3 đến 4 triệu tù binh người Đức. Trong số những tù binh người Đức này, có một số tù binh được quân đội Mỹ Anh Pháp đã phóng thích; họ trở về quê hương của họ trong những vùng do Hồng quân Nga chiếm

đóng, họ đã bị bắt trở lại và bị đưa đi lưu đày ở những trại lao động trong nước Nga.

Đến tháng 3 năm 1947, ngoại trưởng Nga Viatcheslav Molstov đã tuyên bố là đã có một triệu người Đức được hồi hương, (đúng số là 1.003.000 người) và còn lại một số là 890.532 người còn bị quản thúc ở nước Nga. Con số này đã bị bác bỏ. Đến tháng 3 năm 1950, Liên Bang Xô Viết tuyên bố là việc hồi hương những tù binh đã hoàn tất. Tuy vậy, những tổ chức nhân đạo đã báo cáo là còn lại một số là 300.000 tù binh còn bị giam giữ lại cùng với 100.000 thường dân. Ngày 8 tháng 5 năm 1940, chính phủ Lục Xâm Bảo (Luxembourg) phản kháng việc chấm dứt hồi hương và đóng cửa những trại vì còn có 2.000 công dân của họ vẫn còn bị giữ lại trên đất Nga. Việc giữ lại những thông tin về số phận những tù binh đã có dụng ý là che dấu những sự thật đáng buồn về định mệnh của những tù binh? Người ta liền nghĩ đến con số tử vong của những người tù binh trong những trại giam.

Một ủy ban đặc biệt, mang tên Machke ước lượng rằng đã có 1.000.000 tù binh Đức đã bị Hồng quân Nga bắt sau trận chiến thắng ở Stalingrad, chỉ còn có 6.000 người sống sót được trả về. Bên cạnh hay là cùng với những người tù binh người Đức cũng có 60.000 tù binh người Ý đã sống sót vào tháng 2 năm 1947 (con số 80.000 người cũng được đưa ra. Chính phủ Ý đã công bố là đến ngày tháng kể trên, chỉ có 12.513 tù binh Ý được phóng thích và được đưa trả trở về nước Ý. Và phải tính

thêm vào số tù binh người Hongrie và Roumanie, chiến đấu với quân đội Đức Quốc xã trên mặt trận Nga cũng chịu chung một số phận. Tháng 3 năm 1954, một trăm người tình nguyện Tây Ban Nha thuộc sư đoàn AZUL chiến đấu với quân đội Đức quốc xã được phóng thích. Và với việc nhìn tổng quát về số tù binh địch sẽ còn thiếu sót nếu không nói đến số phận 900.000 tù binh Nhật bị bắt ở những mặt trận ở Mãn châu vào những ngày cuối của đệ nhị thế chiến.

Thảm cảnh của những người ở trong những trại giam của Cộng sản, có một câu nói (dicton) đã diễn ra hoàn toàn về đa số những nguồn gốc của những sắc tộc trong toàn số dân của chế độ lao tù Xô Viết: Nếu nước nào không có người đại diện ở trong những Goulag, nước đó không có trên thế giới này. Nước Pháp cũng có một số người tù giam mà bộ Ngoại giao Pháp đã không tích cực để bảo vệ và phản kháng cho những tù binh này được trở về Pháp.

Mùa Xuân năm 1940, quân đội Pháp đã xin ngưng chiến (armistice) ngày 17 tháng 6. Ba tỉnh Moselle Thượng và Hạ sông Rhin đã được những người Nazi (Quốc xã) đối xử một cách đặc biệt: những vùng Alsace Loraine đã bị sát nhập vào lãnh thổ Đức quốc, bị Đức hóa và kể cả Quốc xã hóa. Năm 1942, những người Quốc xã đã quyết định cưỡng bách những thanh niên ở tuổi quân dịch (sinh từ những năm 1920 đến 1924) phải nhập ngũ vào quân đội Đức. Rất nhiều thanh niên là dân của những vùng Moselle và Alsace, không hề

muốn phục vụ dưới lá cờ của Đức Quốc Xã và tìm mọi cách để trốn tránh cái việc này mà người Quốc Xã đã đặt cho cái tên Đặc quyền (privilège). Cho đến ngày chiến tranh chấm dứt, đã có tất cả những thanh niên 21 tuổi bị động viên ở vùng Alsace và những thanh niên 14 tuổi bị động viên ở vùng Moselle. Tổng số là 130.000 thanh niên đã bị cưỡng ép phải đi chiến đấu trên mật trận ở đất Nga. 22.000 thanh niên này đã tử trận. Phong trào nước Pháp tự do của tướng De Gaulle đã thông báo tình trạng của những thanh niên bất đắc dĩ này cho những nhà cầm quyền quân sự Xô Viết để họ hiểu rõ hoàn cảnh của những thanh niên này. Ở tại mật trận Nga, những người Xô Viết đã kêu gọi những thanh niên này hãy đào ngũ, hứa với họ là họ sẽ được đưa trả vào cho phong trào nước Pháp tự do hầu họ có thể chiến đấu chống lại quân đội Đức. Dù vậy và trong mọi trường hợp, đã có 23.000 người lính bất đắc dĩ này đã bị bắt làm tù binh; đó là con số mà mãi đến năm 1995 cơ quan của nước Nga đã trao những hồ sơ liên hệ cho chính phủ Pháp. Một số lớn những người lính bất đắc dĩ này được tập họp tại trại giam số 188 ở Tambov và đặt dưới sự canh gác của cơ quan MVD (cựu NKVD) với sự sống còn rất là kinh hoàng: thiếu ăn vì mỗi ngày được phát có 600g bánh mì đen, lao động khổ sai trong càc khu rừng, chỗ ở đơn sơ trong những căn nhà bằng gỗ với phân nửa được chôn dưới đất và không có được hưởng một sự săn sóc y tế nào cả. Những người sống sót ở đây đã ước lượng là đã

có 14.000 người tử vong vào những năm 1944 và 1945. Ông Pierre Rigoulot đã cho xuất bản cuốn sách *Thảm kịch của những người Bất Đắc Dĩ. Tambov trại giam người Pháp*. Nhà xuất bản Denoel 1990, đã đưa ra con số 10.000 người mất tích. Sau nhiều cuộc thương lượng lâu dài, 1.500 người tù binh đã được trả tự do vào mùa hè năm 1944 và được chở trả về Alger. Nếu Tambov là nơi có trại giam một số lớn người dân Alsace Lorraine, còn có nhiều trại giam khác ở nhiều nơi khác đã giam giữ nhiều người Pháp và tạo lên hình ảnh của những tiểu quần đảo đã cản trở những người Pháp này không chiến đấu được để giải phóng tổ quốc của họ.

Nội chiến và chiến tranh giải phóng Quốc gia

Khi hiệp ước Đức Quốc Xã và Liên bang được ký kết, đó là việc làm và thời điểm mà những đảng Cộng sản của những nước đã sụp đổ vì những đảng viên không chấp nhận chính sách chống Phát Xít bị bỏ rơi nhưng đến ngày 21 tháng 6 năm 1941 khi quân đội Đức Quốc Xã tấn công vào lãnh thổ Nga thì phản ứng chống Phát Xít được phát động liền trở lại liền. Ngày 23 tháng 6 tổ chức Komintern đã dùng đài phát thanh và đánh những điện tín cho những chi bộ của tổ chức này trên toàn thế giới và giải thích lúc này hãy xếp qua một bên những việc cách mạng xã hội mà là giờ đấu tranh chống lại Phát Xít và trận chiến để giải phóng quốc gia. Đồng thời, tổ chức Komintern đòi hỏi tất cả những nước Cộng sản của những nước bị quân đội Đức chiếm đóng phải lập tức có những hành động võ trang. Chiến

tranh là một hình thức giúp cho đảng Cộng sản có cơ hội để thử nghiệm một hành động mới: đấu tranh võ trang và phá hoại bộ máy chiến tranh của Hitler và tạo những điều kiện để phát triển chiến tranh du kích. Những bộ máy bán quân sự được tăng cường để tạo thành những cán bộ của những toán võ trang Cộng sản, và tùy theo từng nước hay tùy theo những địa hình (géographie) cùng những hoàn cảnh sẽ trở thành những tổ chức du kích đáng kể như ở Hy Lạp và ở Nam tư. Khởi đầu từ năm 1942 và đến năm 1943 ở Albanie và miền Bắc Ý vào cuối năm 1943. Nếu gặp trường hợp thuận lợi, những hoạt động của những tổ chức du kích sẽ cướp lấy chính quyền không từ nan có thể xảy ra cuộc nội chiến.

Điển hình về Định hướng mới này là những việc đã diễn ra ở Yougoslavie. Từ mùa xuân năm 1941 Hiler đã phải gởi quân đội qua Hy Lạp để cứu đồng minh của mình là Ý đang sa lầy tại đây vì phải đương đầu với một đạo quân nhỏ bé quyết chiến. Và đến tháng 4 năm 1941, Hitler đã phải gởi quân đội qua Yougoslavie và chính phủ thân Đức ở đây đã bị lật đổ bởi một cuộc đảo chính của nhóm thân nước Anh. Ở tại hai nước này đã từng có những đảng Cộng sản yếu ớt nhưng lại giàu kinh nghiệm. Họ đã hoạt động trong vòng bí mật từ nhiều năm qua vì những chế độ độc tài của Stojadinovic và Metaxás đã cấm các đảng Cộng sản hoạt động công khai.

Sau khi chính phủ Yougoslavie xin đình chiến, nước

Yougoslavie đã bị chia cắt cho những nước Ý, Bulgarie và Đức. Thêm vào đó một cái gọi là nước Croatie độc lập đã do những người cực hữu nắm chính quyền, những người được gọi là Outachi do Ante Paveclic lãnh đạo và đã thi hành chính sách kỳ thị đối với những người Serbe; đưa đến những việc tàn sát những người Serbe rồi lan luôn qua những người Do thái và Tziganes. Chủ trương không chấp nhận một sự đối lập nào đã khiến cho nhiều Croatie tham gia vào cuộc kháng chiến. Ngày 18 tháng 4 năm 1941, sau khi quân đội Yougoslavie đầu hàng quân đội Đức, những người đầu tiên bỏ trốn vô rừng để tổ chức kháng chiến là những sĩ quan hoàng gia tập hợp chung quanh Đại tá Drazá Mihailovic và chẳng bao lâu sau ông được chỉ định là người chỉ huy kháng chiến Yougoslave, rồi trở thành Bộ trưởng Bộ Chiến tranh của Chính phủ Hoàng gia Yougoslave lưu vong sang Anh. Chỉ sau khi quân Đức xâm lăng Liên bang Xô Viết ngày 21 tháng 6 năm 1941, thì những người Cộng sản mới quy tụ lại với sứ mạng mới là đấu tranh để giải phóng quốc gia khỏi ách Phát Xít nhưng chưa phát động cuộc cách mạng xã hội. Về phần Đại tá vừa được thăng lên tướng Mihailovic thì lo tổ chức tại vùng Serbie một quân đội toàn người Serbe và họ đượt đặc tên là Tchetniks. Trong lúc Moscou muốn vị nể càng lâu càng tốt nơi chính phủ hoành gia lưu vong Yougoslave để đừng làm những đồng minh người Anh lo ngại. Lãnh tụ Cộng sản Tito cảm thấy mình có đủ sức mạnh để hành động theo ý muốn và đường hướng

của mình, từ chối sự đặt mình dưới sự tuân lệnh của chính phủ hợp pháp đang lưu vong. Không đặt vấn đề khác biệt sắc tộc trong việc tuyển mộ những chiến sĩ vì Tito là người thuộc sắc dân Croate, ông thiết lập những căn cứ du kích quân ở Bosnie. Trở thành những đối thủ, hai phong trào đồng phát triển những mục tiêu đối chọi nhau đã quay lại chống nhau. Để đối phó với những kỳ vọng của những người Cộng sản, Mihailovic đã nương những người lính Đức và gần như đồng minh với những người Ý. Tình hình đã trở nên một sự hỗn độn thật sự, trộn lẫn một sự chiến tranh giải phóng với một cuộc nội chiến, những sự đối chọi về chính trị cùng với hận thù sắc tộc đã tăng lên vì chịu sự chiếm đóng của một quân đội ngoại quốc. Đã xảy ra biết bao nhiêu cuộc tàn sát lẫn nhau do từ mọi phía, mà nơi đó mọi phía tìm cách tiêu diệt những đối thủ chính của mình hầu áp đặt được quyền lực lên dân chúng.

Những sử gia đã đưa ra con số một triệu người đã chết trên dân số mười sáu triệu cho toàn quốc. Bị hành quyết, tù binh bị xử bắn, những người bị thương cũng bị giết luôn và sự trả thù dưới mọi hình thức không hề ngưng và chuyện này đã trở nên dễ dàng vì nền văn hóa vùng Ba Lan này là môi trường của sự nuôi dưỡng việc chống đối những bộ lạc hay bè đảng. Nhưng có một sự khác biệt giữa những cuộc tàn sát do phe tchetnik và những cuộc tàn sát do những người Cộng sản chủ trương: những người tchetnik chỉ chịu lịnh của bộ chỉ huy trung ương một cách lỏng lẽo và đã có nhiều nhóm

đã không chịu sự kiểm soát của tướng Mihailovic đã chủ trương những cuộc tàn sát này trên tiêu chuẩn sắc tộc hơn là chính trị. Về phần những người Cộng sản họ hành động theo những tiêu chuẩn quân sự và chính trị; Milovan Djilas, một người phụ tá đắc lực của Tito, về sau đã biểu lộ: chúng tôi rất lấy làm oán hận về những lý do vì sao những nông dân đã ủng hộ những người tchetnik, họ nói họ sợ vì những nhà của họ sẽ bị đốt hủy và sẽ phải chịu những sự trả thù khác. Vấn đề này đã được nêu lên trong một buổi họp với Tito, và lý lẽ sau đây đã được đưa ra: Chúng ta phải giải thích cho những nông dân để họ hiểu là nếu họ ủng hộ những người xâm lăng trong đó có sự chen vào của những người tchetnik, những người kháng chiến thân hoàng gia và những người Đức xâm lăng, chúng ta cũng đốt phá những nhà cửa của họ; như vậy họ sẽ đổi lập trường. Sau cùng Tito đã quyết định dứt khoát: thôi được thỉnh thoảng chúng ta cũng đốt phá một cái nhà hay một xóm làng. Về sau Tito cũng đã ra lịnh nằm trong chiều hướng này, những lịnh này quyết định hơn vì nó đã được giải thích rõ ràng hơn.

Tháng chín năm 1943, nước Ý đầu hàng Đồng minh. Thủ tướng Churchill quyết định viện trợ quân sự của Đồng minh cho Tito thay vì cho Mihailovic, rồi đến việc Tito thành lập Hội đồng chống Phát Xít và giải phóng quốc gia Yougoslavie (AVNOJ) vào tháng chạp năm 1943, những người Cộng sản đã đạt được một thắng lợi về chính trị trên những đối thủ cũa họ. Cuối năm 1944

sang đầu năm 1945, những thân binh Cộng sản đã sửa soạn để lan tràn và chiếm đóng toàn diện lãnh thổ của Yougoslavie. Khi quân lực Đức quốc xã sắp sửa đầu hàng Đồng minh, Pavelic và quân lực của ông, những công chức cùng với gia đình, tổng cộng vài chục ngàn người, đã rút chạy về phía biên giới Áo quốc. Những Bạch quân người slovène và những tchetniks người monténégrins đã cùng với những người lính của Croatie đã họp nhau tại Bleiburg, nơi đó họ đã đầu hàng quân lực Anh quốc và đồng bị giải giao cho Tito.

Những người lính, những người công an và cảnh sát đủ mọi loại đã bị cưỡng ép ra đi trên một khoảng đường dài vài trăm kí lô mét xuyên qua hết nước Yougoslavie và cuộc đi này được biết dưới tên là hành trình của tử thần. Những tù binh slovènes này được đưa về vùng Slovénie trong địa phận Kocevje và đã có khoảng hai hay ba chục ngàn người đã bị hạ sát. Là kẻ chiến bại, những người Tchetnik không tránh được sự trả thù của những thân binh Cộng sản vì những người này không bắt tù binh. Milovan Djilas đã nói lên giai đoạn cuối cùng của những người Serbes nhưng không dám tiết lộ những chi tiết thật sự của những hành động rùng rợn nơi cuộc hành quân cuối cùng này: những người lính của Drazá (Mihailovic) đã bị tiêu diệt một lúc cùng với những người lính Slovénie. Những toán nhỏ người Tchetniks họ chạy thoát được về vùng Monténégro sau cuộc bị đè nát này, đã thuật lại những sự việc rùng rợn đã xảy ra tại nơi đó. Không một ai dám nói lại tất cả

những diễn biến đã xảy ra, dù là những người đã từng nêu cao tinh thần cách mạng. Và đó là sự kết thúc của một cơn ác mộng. Bị bắt, bị đem ra xử và bị tuyên án tử hình, Drazá Mihailovic đã bị xử bắn ngày 17 tháng 7 năm 1945. Trong lúc xử án, những vị sĩ quan Đồng minh đã được biệt phái đến cố vấn ở bộ tham mưu của tướng Mihailovic và đã từng chiến đấu với vị tướng này chống lại quân đội Đức Quốc Xã, những lời chứng của những vị sĩ quan Đồng minh để minh oan cho tướng Mihailovic đều bị tòa án bác bỏ. Sau chiến tranh trong một cuộc đàm thoại của Staline với Milovan Djilas ông đã bày tỏ căn bản triết lý của ông: kẻ nào chiếm đoạt được một vùng lãnh thổ có quyền áp đặt chế độ xã hội của họ tại nơi đây.

Với cuộc đệ nhị thế chiến, những người Cộng sản Hy Lạp cũng đã ở cùng một trường hợp với những người đồng chí Yougoslave của họ. Ngày 2 tháng 11 năm 1940, sau vài ngày quân đội Phát Xít Ý đã xâm lăng Hy Lạp, ông Nikos Zachariadis, thư ký của đảng Cộng sản Hy Lạp viết tắt là KKE, bị cầm tù từ tháng 9 năm 1936 đã kêu gọi quân dân đứng lên kháng chiến: quốc gia Hy Lạp ngày hôm nay đã đang chiến đấu trong một cuộc chiến tranh giải phóng quốc gia chống lại Phát Xít Moussolini.(...) Tất cả phải chiến đấu, mỗi người ở vị trí của mình. Nhưng qua ngày 7 tháng 12, một bản tuyên ngôn của Ủy Ban Trung Ương bí mật của đảng Cộng sản đã nêu lên vấn đề của sự định hướng trong lời kêu gọi nơi Nikos Zachariadis và KKE vẫn giữ

đường lối chính thức của tổ chức Komintern, đường lối chủ bại cách mạng. Ngày 22 tháng 6 năm 1941 diễn ra một cuộc trở mặt ngoạn mục: KKE ra lịnh cho tất cả đảng viên tổ chức một cuộc đấu tranh để bảo vệ Liên bang Xô Viết và lật đổ ách Phát Xít ngoại quốc.

Những kinh nghiệm đấu tranh và hoạt động trong bóng tối rất là quý cho những người Cộng sản cùng những điều liện thuận lợi. Ngày 16 tháng 7 năm 1941, cũng như những đảng Cộng sản của những nước khác, họ đã thành lập Mặt trận Công nhân Giải phóng quốc gia viết tắt là EEAM (Ergatiko Ethniko Apélevthériko Métopo), và tập hợp được 3 tổ chức nghiệp đoàn. Đến ngày 27 tháng 9, được tổ chức thành một tổ chức khác tên là EAM (Ethniko Apélevthériko Métopo). Mặt trận quốc gia là cánh tay chính trị của đảng Cộng sản. Đến ngày 10 tháng 2 năm 1942, lại thêm một tổ chức Quân đội nhân dân giải phóng quốc gia, viết tắt là ELAS (Ellinikos Laikos Apélevthérotikos Métopo) và những tổ chức ở trong bưng đã được thành lập vào tháng 5 năm 1942, theo sáng kiến của Aris Velouchiotis (và còn có tên khác là Thanassis Klaras) một người đấu tranh có nhiều kinh nghiệm và y đã ký một tờ tuyên bố quy thuận để được ra khỏi khám đường. Và từ đó nhân số của ELAS tiếp tục gia tăng. ELAS không phải là một tổ chức quân sự duy nhứt để kháng chiến. Còn có thêm tổ chức EDES (Ethnikos Démokratikos Ellinikos Syndesmos) tên viết tắt của tổ chức đoàn kết quốc gia dân chủ Hy Lạp đã do những nhân dân và thường dân cộng hòa,

được tổ chức từ tháng 9 năm 1941 do một vị đại tá hồi hưu tên Napoléon Zervas, chỉ huy một nhóm du kích quân. Một tổ chức thứ ba được thành lập vào tháng 10 năm 1942 do đại tá Psarros chỉ huy, tên viết tắt là EKKA (Ethniki Kai Koiniki Apélevthérosis) phong trào giải phóng xã hội và quốc gia. Mỗi một tổ chức đều mưu tính thu nhập những đoàn viên và những người đấu tranh thuộc những tổ chức khác.

Nhưng với những thành công và sức mạnh của tổ chức ELAS đã khiến cho những người Cộng sản lạnh lùng mưu toan ép đặc bá quyền (hégémonie) lên toàn thể những người kháng chiến. Những căn cứ ở trong bưng (maquis) của tổ chức EDES đã bị tấn công nhiều lần cũng như những căn cứ của tổ chức EKKA, đã bắt buộc phải phân tán những lực lượng vũ trang của mình và chờ khi có dịp hành sự sẽ quy tụ lại. Cuối năm 1942, ở vùng phía Tây của Thessalie, dưới chân của những dải núi Pinde, thiếu tá Kostopoulos, một người ly khai của tổ chức EAM và đại tá Safaris đã thành lập một đơn vị kháng chiến nằm trong trung tâm của một vùng mà tổ chức EAM đã thiết lập được; tổ chức ELAS liền tung quân bao vây và tàn sát những chiến sĩ thuộc tổ chức EAM, những người chiến sĩ nào không chạy thoát được và từ chối tham gia vào đội ngũ của ELAS. Bị bắt làm tù binh, đại tá Safaris sau cũng đã đành chấp nhận trở thành vị tham mưu trưởng của tổ chức ELAS.

Sự hiện diện của những sĩ quan người Anh được phái đến để giúp đỡ những người kháng chiến đã làm

cho những người chỉ huy tổ chức ELAS lo ngại; những người Cộng sản lo ngại là những người Anh sẽ bắt buộc họ phải phục hồi chế độ quân chủ. Trong khi ấy đã có hai thái độ khác nhau giữa ngành quân sự do Velouchiotis và KKE chính thống do Giorgos Siantos những người này tuân theo những chỉ thị của Moscou.

Một chính sách liên minh chống Phát Xít: Các cuộc hành động của những quân nhân người Anh vào tháng 7 năm 1943, đạt được việc ba tổ chức kháng chiến ký với nhau một thỏa hiệp, vào lúc đó lực lượng ELAS có lối 18 ngàn người lính, lực lượng EDES có 5 ngàn lính và lực lượng có khoảng 1000 lính.

Tình hình ở tại đây thay đổi liền vào ngày 8 tháng 9 năm 1943 khi nước Ý ký giấy đầu hàng. Một trận chiến tranh huynh đệ tương tàn liền diễn ra ngay, trong khi đó quân đội Đức Quốc Xã đóng tại đây tấn công những vị trí của tổ chức EDES và bắt buộc những lực lượng của tổ chức này phải rút lui. Do đó, họ sẽ gặp phía trước mặt trên đường lui quân là những tiểu đoàn của tổ chức ELAS và những tiểu đoàn này tìm cách bao vây họ để tiêu diệt. Quyết định thanh toán những lực lượng võ trang của EDES đã được ban chỉ đạo của đảng Cộng sản KKE quyết định và họ mưu toan khai thác tình thế mới này hầu làm thất bại chính sách của người Anh. Sau bốn ngày đánh nhau, những chiến sĩ của Zervas đã phá vỡ vòng vây và tẩu thoát.

Cuộc nội chiến xảy ra trong lòng của cuộc chiến tranh giải phóng đã cho quân đội Đức nhiều cơ hội để

hành quân, những quân đội Đức liên tục tấn công khi thì tổ chức kháng chiến này, lúc thì tổ chức những cuộc kháng chiến khác. Những nước đồng minh có sáng kiến quyết định chấm dứt cuộc nội chiến này: những trận đánh giữa hai tổ chức ELAS và EDES được ngưng vào tháng 2 năm 1944 và một thỏa ước được ký kết ở Plaka, nhưng chỉ phù du (éphémère): vài tuần lễ sau những lực lượng của ELAS lại tấn công những lực lượng của EKKA do đại tá Psarros chỉ huy. Ông và những sĩ quan của ông đều bị tàn sát và riêng về phần ông thì bị chặt đầu. Những hành động của những người Cộng sản đã đưa đến kết quả là làm mất tinh thần của những tổ kháng chiến và làm mất uy tín của EAM, cánh tay chính trị của đảng Cộng sản; trong nhiều vùng toàn thể dân chúng đều oán hận đối với những người Cộng sản và thù hận đã đến độ sâu sắc khiến cho nhiều người kháng chiến đã bỏ ngũ, gia nhập vào những tiểu đoàn an ninh do người Đức thành lập. Cuộc nội chiến này chỉ chấm dứt khi tổ chức ELAS chịu tham gia và hợp tác với chính phủ hợp pháp lưu vong của Hy Lạp ở Le Caire (Ai Cập). Tháng 9 năm 1944, sáu người đại diện cho EAM ELAS trở thành nhân viên của chính phủ đoàn kết quốc gia do ông Georges Papandréous lãnh đạo. Ngày 2 tháng 9 năm 1944, khi quân đội Đức Quốc Xã bắt đầu cuộc rút quân ra khỏi lãnh thổ Hy Lạp, tổ chức ELAS tiến quân để chiếm đóng vùng Péloponnèse nằm ngoài vùng kiểm soát của họ, vì có sự hiện diện của những tiểu đoàn an ninh của quân Đức để lại.

Những thành phố và những làng mạc đã bị trừng phạt. Tại Meligala, một ngàn bốn trăm người gồm có nam, nữ và trẻ em đã bị tàn sát cùng với lối 50 sĩ quan và hạ sĩ quan của những tiểu đoàn an ninh.

Hình như không có gì có thể làm chướng ngại vật cho bá quyền của EAM ELAS. Mặc dù thủ đô Athènes đã được giải phóng ngày 12 tháng 10, nhưng đã thoát khỏi bá quyền của Cộng sản vì quân lực của hoàng gia Anh đã đổ bộ lên vùng Pirée. Ban lãnh đạo KKE do dự không dám dùng sức mạnh chống lại quân lực Anh quốc. Họ toan tính chơi trò chính phủ liên hiệp? Chả có gì có thể gọi là chắc chắn? Và họ đã từ chối giải ngũ những lực lượng võ trang thuộc ELAS, theo lời yêu cầu của chính phủ đoàn kết quốc gia, Iannis Zegvos, Bộ Trưởng Bộ Canh Nông là người Cộng sản đã yêu cầu giải tán những đơn vị riêng đã tuân theo lịnh của chính phủ. Ngày 4 tháng 12 những đơn vị tuần tiểu thuộc Elas tiến vào Athènes và đã phải đụng đầu với những đơn vị quân đội của chính phủ. Ngày hôm sau, gần như tất cả thành phố Athènes đều nằm dưới sự kiểm soát của những đơn vị võ trang của tổ chức Elas vì họ đã huy động gần 20.000 người; nhưng quân đội hoàng gia Anh đã chống cự lại mong đợi những viện binh được gởi đến. Ngày 18 tháng 12 những lực lượng Elas tấn công vào những vị trí đóng quân của lực lượng EDES ở vùng Épire. Song song với những trận đánh đang diễn ra những người Cộng sản đã phát động một cuộc thanh trừng đẫm máu chống lại phe nhà vua.

Cuộc tấn công của Cộng sản đã bị thất bại, và họ đành chịu miễn cưỡng ký kết, trong một cuộc họp được diễn ra ở Varkiza, một thỏa ước ấn định việc giải giới những lực lượng võ trang thuộc tổ chức võ trang ELAS. Nhưng trên thực tế đã có rất nhiều súng và những vũ khí khác đã được bí mật chôn dấu. Aris Velouchiotis, một trong những người lãnh đạo đã từ chối không chấp nhận thỏa ước được ký kết ở Varkiza và đã chạy vào bưng cùng lối 100 chiến sĩ thân tín của ông, rồi ông chạy sang ẩn náu ở Albanie, hy vọng sẽ trở lại chiến đấu võ trang. Được hỏi ông về những lý do của cuộc thất bại nơi những tổ chức ELAM ELAS, Vélouchiotis đã thẳng thắn trả lời: đó là việc chúng tôi đã giết một số quá ít người. Những người Anh đã chú ý đến cái ngã tư này mà người ta gọi là nước Hy Lạp; nếu chúng tôi không để một bạn nào người Anh sống sót, những người Anh không thể nào đổ bộ được ở một phần đất nào. Nhưng những người khác gọi tôi là tên giết người: và coi bây giờ tình hình đã đưa đẩy chúng tôi vào tình trạng này. Và ông thêm vào: những cuộc cách mạng chỉ thành công khi nào những con sông đều nhộm đỏ máu đào và đáng công để làm đổ máu. Đó là phần thưởng cho việc thay đổi hoàn toàn xã hội loài người. Người sáng lập ra ELAS, Aris Velouchiotis đã bị giết chết vào tháng 6 năm 1945 trong một trận chiến xảy ra ở vùng Thessalie, vài ngày sau khi ông bị khai trừ ra khỏi tổ chức KKE của đảng Cộng sản Hy Lạp. Cuộc thua trận của hai tổ chức ELAM ELAS đã giải thoát được những phản ứng, những

mối oán thù chống lại những người Cộng sản và những người đồng minh. Nhiều nhóm bán quân sự đã giết chết nhiều người tranh đấu; những người lãnh đạo thì bị đưa đi lưu đày ra những hòn đảo nhỏ.

Tháng 5 năm 1945, Nikos Zachariadis, tổng thơ ký của đảng Cộng sản Hy Lạp KKE từ trại Dachau ở Đức quốc, được quân đội đồng minh phóng thích trở về Hy Lạp. Những lời tuyên bố đầu tiên của ông đã phát biểu rõ ràng đường lối chính trị của KKE: hoặc là chúng ta sống trở lại dưới chính sách độc tài còn ngặt nghèo hơn cả chế độ độc tài quân chủ Phát Xít hay là tiếp tục cuộc đấu tranh của EAM để giải phóng quốc gia để đạt được việc hình thành cho nước Hy Lạp một chính thể dân chủ nhân dân. Nước Hy Lạp đã đổ máu và bị tàn phá quá nhiều lại không có hy vọng sẽ được hưởng một cuộc hòa bình dân chính. Vào tháng 10 năm 1945, đại hội 7 của đảng Cộng sản Hy Lạp đã chấp thuận những mục tiêu do Zachariadis đề ra. Giai đoạn đầu tiên là vận động để quân đội hoàng gia Anh quốc triệt thoái ra khỏi Hy Lạp. Tháng Giêng năm 1946, Liên Bang Xô Viết đã biểu lộ về những quyền lợi của họ ở Hy Lạp và đã kêu gọi Hội Đồng Bảo An của Liên Hiệp Quốc về những nguy cơ của sự hiện diện đóng quân của quân đội hoàng gia Anh tại nước này. Ngày 12 tháng 12, khi cuộc tổng tuyển cử để bầu những vị đại biểu thành lập Cộng sản và cảm thấy sự thua phiếu và thất cử của đảng Cộng sản, họ liền kêu gọi việc bỏ không tham dự (abstention), đảng KKE quyết định tổ chức một cuộc

tổng nổi dậy với sự giúp đỡ của những người Cộng sản Yougoslave.

Vào tháng chạp đã diễn ra một cuộc họp giữa những đảng viên Cộng sản, của ủy ban trung ương KKE, với những viên sĩ quan yougoslave và bulgare. Những người Cộng sản Hy Lạp đã được đảm bảo là họ có thể sử dụng lãnh thổ Albanie, Yougoslavie và Bulgarie làm hậu cứ. Trong 3 năm kế tiếp những chiến sĩ Cộng sản đã có thể xử dụng những hậu cứ để ẩn náu, săn sóc những thương binh và dùng những vũ khí mà họ đã dự trữ ở những hậu cứ này. Tất cả những cuộc chuẩn bị này đã bắt đầu vài tháng sau khi tổ chức Kominform (tên viết tắt của Kommunist Information) và sự kiện đã hiện ra rõ ràng là cuộc nổi dậy của những người Cộng sản Hy Lạp là nằm trong chính sách mới của điện Kremlin. Ngày 30 tháng 3 năm 1946, đảng Cộng sản Hy Lạp KKE đã đảm nhận trọng trách phát động cuộc nội chiến lần thứ ba. Những cuộc tấn công đầu tiên do những lực lượng võ trang mà họ tự gọi là quân đội dân chủ (viết tắt là AD). Được thành lập từ ngày 28 tháng 10 năm 1946 và do tướng Markos Vafiadis chỉ huy, đã diễn ra theo những khuôn mẫu cũ, họ tấn công vào những đồn trại của quân cảnh, những quân cảnh bị tàn sát cùng những vị thân hào. Suốt cả năm 1946, KKE liên tục hành động công khai!

Trong những tháng đầu năm 1947, tướng Markos gia tăng những cuộc hành quân: những làng xã bị tấn công đã gia tăng con số lên nhiều chục làng, cùng với hàng

trăm nông dân bị hành quyết. Quân sĩ của AD đã gia tăng, nhờ vào những việc cưỡng bách tòng quân xảy ra ở những nông thôn. Nếu có một đơn vị làng nào từ chối, không đáp ứng những đòi hỏi của AD, làng đó phải chịu sự trả thù; một ngôi làng ở Macédoine đã bị trả một giá quá cao: 48 ngôi nhà bị đốt, 12 người nam, sáu người nữ và 2 em bé bị hành quyết. Khởi đầu từ tháng 3 năm 1947, những vị chủ tịch những hội đồng xã lần lượt bị ám sát cùng với những vị linh mục. Và cũng vào tháng này số người tỵ nạn đã lên đến 40.000 người.

Chính sách khủng bố đã khiến diễn ra chính sách chống khủng bố: những người thuộc những nhóm cực hữu đã giết hại những người tranh đấu Cộng sản hay là thuộc tả phái.

Tháng 6 năm 1947, sau một cuộc đi thăm viếng những thủ đô Belgrade, Prague và Moscou, Zachariadis đã tuyên bố việc sẽ thành lập một chính phủ tự do. Những người Cộng sản Hy Lạp tưởng là họ có thể tái xử dụng lại đường lối của TiTo đã xử dụng 4 năm về trước. Chính phủ tự do này được chính thức thành lập vào tháng 12. Những người Yougoslave đã cung cấp những chiến sĩ tình nguyện, gần 10.000 người lấy ra từ quân đội Yougoslave. Nhiều bản phúc trình điều tra Ủy ban Đặc biệt của Liên Hiệp Quốc cho những vùng Balkan đã nêu lên tầm quan trọng của cuộc viện trợ này cho Đạo Quân Dân Chủ AD. Xảy ra việc tuyệt giao giữa Staline và TiTo vào mùa xuân năm 1948 đã đưa đến những hậu quả chính cho những người Cộng

sản Hy Lạp. Nếu những nguồn viện trợ vẫn tiếp tục được gởi đến những vùng biên giới cho đến mùa thu 1948, TiTo bắt đầu ra lịnh cho những người lính tình nguyện Yougoslave rút lui và đóng chặt biên giới. Đến mùa hè, những lực lượng của chính phủ Hy Lạp khởi sự tấn công rộng lớn, vị lãnh tụ Cộng sản Albanie là Enver Hoxha, đã bắt buộc phải đóng chặt biên giới với Hy Lạp. Những người Cộng sản Hy Lạp đã bị cô lập và những cuộc tranh chấp nội bộ và những niềm bất hòa bắt đầu diễn ra. Những trận chiến vẫn tiếp diễn cho đến mùa thu năm 1949. Một số những chiến sĩ Cộng sản chạy sang ẩn náu ở Bulgarie và ở những nước Đông Âu, đặc biệt là ở nước Roumanie và tại Liên bang Xô Viết. Tachkent thủ đô của Ouzbékistan đã có cả chục ngàn người tỵ nạn trong số này có 7.500 người Cộng sản. Sau cuộc chiến bại, đảng KKE lưu vong, đã thi hành một loạt khai trừ, đến nỗi vào tháng 9 năm 1955 đã đưa đến một cuộc tranh chấp giữa hai phe ủng hộ và chống đối Zachariadis và đưa đến những cuộc xung đột dữ dội; quân đội Xô Viết đã phải can thiệp để tái lập lại trật tự và đã có hàng trăm người bị thương.

Cuộc đón tiếp những người chiến bại, của cuộc nội chiến Hy Lạp, ở Liên Bang Xô Viết lại là một việc nghịch lý vì Staline vào thời điểm này đã phá hủy cộng đồng người Hy Lạp sinh sống trên đất Nga từ nhiều thế kỷ, và đến năm 1917, đã được ước lượng khoảng từ 500.000 đến 700.000 người, phần lớn cư ngụ ở vùng Caucase và dọc theo ven bờ Hắc Hải. Đến năm 1939,

cộng đồng người Hy Lạp chỉ còn có khoảng 410.000 người và sang đến năm 1960 con số này tuột xuống còn 177.000 người. Bắt đầu từ tháng Chạp năm 1937, Staline đã ra lịnh đưa đi lưu đày 285.000 người Hy Lạp sống ở những thành phố lớn đã bị đưa đi về những vùng Arkhangelsk, về vùng thuộc Cộng Hòa Komis và về vùng Tây Bắc Sibérie. Có nhiều người khác đã trở về Hy Lạp. Và cùng vào thời điểm này những ông A. Haitas, cựu thơ ký của đảng Cộng sản Hy Lạp (KKE) và nhà sư phạm J. Jordinis đã bị thủ tiêu ở URSS. Năm 1944, mười ngàn người Hy Lạp sinh sống ở vùng Crimée bị tố cáo là đã có những hành động thân người Đức trong thời gian chiến tranh, và là những người sống sót của cộng đồng Hy Lạp ngày xưa, đã bị đưa đi lưu đày ở cộng hòa Kazakhstan. Và đến thánh 4 năm 1940 tất cả những người Hy Lạp đang sinh sống ở Batoum cũng phải chịu chung một số phận.

Ở những nước thuộc về phương Tây của Âu châu (được gọi tắt là Tây Âu), những mưu toan của những đảng Cộng sản để cướp lấy chính quyền về tay riêng cho đảng, nhân dịp có những cuộc kháng chiến và giải phóng đã bị mau chóng phá vỡ vì sự hiện diện của những quân đội Anh Mỹ. Và bắt đầu vào cuối năm 1944, những chỉ thị của Staline đã khuyến cáo những lực lượng võ trang của Cộng sản và thân Cộng sản: hãy chôn dấu những vũ khí, đạn và chờ đợi một dịp tốt hơn để cướp chính lấy quyền. **Thẩm quyền này đã được tỏ ra rõ ràng sau cuộc hội kiến giữa Staline và Maurice**

Thorez, diễn ra tại điện Kremlin vào ngày 19 tháng 11 năm 1944. Là Tổng thư ký của đảng Cộng sản Pháp,

Thorez đã sống ở Nga, trong suốt thời kỳ xảy ra chiến tranh và sắp sửa lên đường trở về Pháp. Số phận của những thiếu nhi Hy Lạp và con quái vật Minotaure Xô Viết

(Theo truyện thần thoại của Hy Lạp, Minotaure là một con quái vật, nửa người nửa bò mộng. Mỗi năm phải tế thần cho Minotaure một thiếu niên để y dùng vào việc riêng)

Trong lúc xảy ra cuộc nội chiến từ năm 1946 cho đến năm 1948, những người Cộng sản Hy Lạp đã kiểm kê tất cả những trẻ em nam và nữ từ 3 tuổi đến 14 tuổi, trên toàn thể những vùng mà họ kiểm soát. Tháng 3 năm 1948, tất cả những trẻ này đều được tập họp về những vùng gần những biên giới và cả chục ngàn trẻ em được đưa qua những nước Albanie, Yougoslavie và Bulgarie. Những người dân làng phải đem giấu những trẻ em vào trong những khu rừng. Hội Hồng Thập Tự sau muôn ngàn khó khăn đã kiểm kê được con số 28.296 trẻ em. Mùa hè năm 1948, với những việc tuyệt giao TiTo Kominform, một số 11.600 trẻ em đã từ Yougoslavie chuyển qua những nước Tiệp Khắc, Hung, Bảo và Ba Lan, bất chấp những lời kháng cáo của chính phủ Hy Lạp và vào cuộc họp lần thứ 3 của Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc đã ra một nghị quyết lên án việc bắt cóc những trẻ em Hy Lạp. Tháng 11 năm 1949, Hội Đồng Liên Hiệp Quốc đã đòi phải đưa những

trẻ em Hy Lạp hồi hương. Tất cả những nghị quyết của Liên Hiệp Quốc đều không hề được đáp ứng. Những chế độ Cộng sản hàng xóm đều trả lời là những trẻ em này được sống sung túc ở nước họ hơn là ở Hy Lạp; vắn tắt là những cuộc lưu đày những trẻ em này là một hành động nhân đạo.

Vậy mà, cuộc cưỡng bách lưu đày những trẻ em đã diễn ra trong những hoàn cảnh khốn khổ, thiếu ăn và những chứng bịnh thời khí đã khiến nhiều trẻ em đã chết. Được tập họp trong những làng thiếu nhi, những em ngoài những chương trình học tổng quát phải học tập thêm về chính trị, nói đơn giản là nhồi sọ các em. Và bắt đầu từ 13 tuổi, những em phải lao động như những tiêu chuẩn của người lớn, như việc khẩn hoang những vùng đầm lầy ở Hung Gia Lợi, tên vùng là Hartchag. Hậu ý của những người lãnh đạo Cộng sản là đào tạo một thế hệ mới, tuyệt đối đấu tranh tận tụy cho chủ nghĩa. Việc thất bại đã hiển nhiên xảy ra: vào năm 1956, một người Hy Lạp tên Constantinidès đã chiến đấu chống lại Hồng quân Xô Viết và đã tử thương cùng những bạn người Hung. Nhiều người Hy Lạp khác đã chạy thoát qua Đông Đức.

Trong những năm 1950 đến năm 1952 chỉ có 684 trẻ em được trả về cho chính phủ Hy Lạp. Đến năm 1963, khoảng 4.000 trẻ em được trả về trong số này có nhiều em đã sinh ra ở những nước Cộng sản. Ở Ba Lan, cộng đồng người Hy Lạp vào những năm đầu của thập niên 1980, đã được con số là vài chục ngàn người. Có một số

người tham gia vào phong trào Solidarnosc và bị cầm tù sau cuộc đảo chánh của tướng Jaruzelski. Sau năm 1989, với việc dân chủ hóa đang diễn ra, nhiều ngàn người Hy Lạp ở Ba Lan đã trở về nước của họ (Trích từ: Vấn đề Hy Lạp trước Hội Đồng Liên Hiệp Quốc, bản phúc trình của Ủy ban đặc biệt cho vùng Balkans, 1950).

Sau chiến tranh và cho đến ngày Staline qua đời, những đường lối hành động bạo ác cùng với những cuộc khủng bố đã được thiết lập trong lòng tổ chức Komintern từ thời trước khi xảy ra chiến tranh, vẫn được duy trì ở trong phong trào Cộng sản quốc tế. Ở Đông Âu, việc đàn áp những người ly khai, những người có tư tưởng này hay là những người bị khép vào cảnh giả định đã diễn ra gắt gao và riêng những vụ xử án gian lận đã được dàn cảnh lớn lao. Cao điểm những cuộc khủng bố đã đạt được khi xảy ra vụ khủng hoảng giữa Staline và Tito vào năm 1948. Vì đã từ chối không chịu tự phục tòng và đã làm tan vỡ quyền uy tối cao của Staline; Tito đã bị gán cho là một tên Trotski mới. Staline toan tính cho ám sát Tito, nhưng Tito là một con người đa nghi và được sự bảo vệ của bộ máy nhà nước do ông thiết lập. Vì không thể thủ tiêu được Tito, những đảng Cộng sản liên kết trên thế giới đã lần lượt phát động những hành động phóng đảng (débauche) những vụ giết người vì chính trị với tư tưởng tương tự và khai trừ ra khỏi đảng những phần tử mà họ gán cho là theo chủ nghĩa Tito. Nạn nhân đầu tiên để chuộc tội (expiatoires) là vị Tổng Thư Ký của đảng Cộng sản

Na Uy Peder Furubotn một lão thành viên của tổ chức Komintern, sau một thời gian lưu trú lâu dài ở Mosi cou và đã trở về nước vào năm 1938, nhờ vậy ông mới cứu được mạng sống của ông. Ngày 20 tháng 2 năm 1949, nhân một cuộc họp của đảng Cộng sản Na Uy, một đảng viên Cộng sản tay sai của Moscou tên là Strand Johansen đã tố cáo Furubotn là ngã theo chủ nghĩa Tito. Được sự tín nhiệm của nhiều đảng viên Cộng sản, Furubotn liền triệu tập đại hội đảng vào ngày 25 tháng 10 và tuyên bố từ chức cùng với đoàn thể những thành viên của Ủy ban trung ương đảng với điều kiện là trong thời gian ngắn phải có một cuộc bầu để có một Ủy ban trung ương mới và những lời tố cáo ông phải được một Ủy ban quốc tế Cộng sản xét xử. Những đối thủ của Furubotn đã bị hụt giò. Ngày hôm sau, dưới sự ngạc nhiên và phẫn uất của toàn thể những đảng viên Cộng sản, Johansen và những đảng viên Cộng sản thân tín của y, đã xông vào trụ sở của Ủy ban trung ương, tay cầm súng đã đuổi tất cả những đảng viên thân Furubotn ra khỏi trụ sở. Và liền sau đó Johansen tổ chức một cuộc họp và bầu cử khai trừ Furubotn và ông này đã từng biết rõ những lối hành động của những người Cộng sản Xô Viết, liền bế môn tỏa cảng ở trong nhà ông cùng với những bạn ông, tất cả đều có vũ khí để chống cự lại nếu bị tấn công. Sau những việc đã xảy ra như một film cinéma trinh thám, đảng Cộng sản Na Uy / PCN đã mất những phần tử đấu tranh nòng cốt và sống động. Còn Johansen bị những

nhân viên Xô Viết dùng y thử nghiệm từ mưu toan này đến mưu toan khác đã lần lần mất trí nhớ.

Và màn diễn chót, của những hành động khùng bố trong phong trào Cộng sản, đã diễn ra vào năm 1957, Imre Nagy, một người Cộng sản Hung Gia Lợi, đã một lúc cầm đầu cuộc nổi loạn vào năm 1956 ở Budapest, (coi lại chương Karel Bartosek) phong trào bị đè nát, ông chạy vào tòa Đại sứ Yougoslavie xin tỵ nạn và không chịu đi ra, e sợ cho tính mạng của mình. Sau những cuộc mưu toan quanh co và mờ ám, những người Nga Xô Viết đã bắt được ông và quyết định đưa ông ra xử tại Hung Gia Lợi. Nhưng không muốn chịu trách nhiệm về việc sát hại này, đảng Cộng sản Hung Gia Lợi đã thừa dịp cuộc Hội Thảo lần thứ nhất của đảng Cộng sản trên thế giới lần thứ nhất nhóm họp ở Moscou vào tháng 11 năm 1957, để bỏ phiếu lên án tử hình Imre Nagy, có sự hiện diện của những vị lãnh tụ những đảng Cộng sản, trong đó có Maurice Thorez người Pháp và Paimiro Togliatti người Ý. Trừ phiếu chống lại của Gomulka, tổng thư ký đảng Cộng sản Ba Lan. Imre Nagy bị kết án tử hình và bị treo cổ ngày 16 tháng 6 năm 1958.

CHƯƠNG 2
BÓNG ĐEN CỦA CƠ QUAN NKVD TRÊN LÃNH THỔ TÂY BAN NHA

Ngày 17 tháng 7 năm 1936, lực lượng quân đội Tây Ban Nha trú đóng tại Maroc, vào thời đó là thuộc địa của Tây Ban Nha, dưới sự lãnh đạo đồng là chỉ huy trưởng là tướng Franco đã nổi loạn chống lại chính phủ Cộng Hòa Tây Ban Nha.

Ngày hôm sau, cuộc nổi loạn lan tràn trên toàn chính quốc. Đến ngày 19 cuộc nổi loạn đã bị thất bại ở tại nhiều thành phố như Madrid, Barcelone, Valence, Bilbao, vì tất cả ở các nơi đã xảy ra các cuộc tổng đình công và việc động viên nhiều lớp nhân dân. Cuộc nội chiến này đã thai nghén từ nhiều tháng qua. Ngày 16 tháng 2 năm 1936, Mặt trận bình dân thắng sát nút cuộc tổng tuyển cử với số 4.700.000 phiếu (267 ghế đại biểu), thắng hữu phái chỉ có được 3.977.000 phiếu (132

ghế dân biểu) và các người trung tâm 499.000 phiếu. Đảng xã hội được 89 ghế dân biểu và đảng cộng hòa thiên tả 84 ghế đại biểu, và đảng POUM (đảng công nhân marxiste thống nhứt được thành lập do sự tập hợp của khối công nhân và nông dân của Joaquin Maurin và tả phái Cộng sản của Andreu Nin) được 1 ghế dân biểu. Các lực lượng chính trị lớn của nước Tây Ban Nha gồm có những người vô chính phủ (anarchistes) của Tổng Liên Đoàn Lao Động (viết tắt là CNT) và Liên đoàn những người vô chính phủ ở bán đảo Ibéria. Hai phe Tổng Liên Đoàn và Liên Đoàn họp lại có 1.577.547 đoàn viên chống lại 1.444.474 đoàn viên thuộc đảng Xã hội và Tổng Liên Hiệp Lao Động, và đúng theo học thuyết (doctrine) của họ, đã không cử người đại diện, nhưng nếu không có số thăm của các đoàn viên và các người cảm tình viên các lực lượng chính trị kể trên đã hỗ trợ, thì Mặt Trận Bình Dân khó mà đắc cử. Mười sáu người trúng cử của đảng cộng sản Tây Ban Nha (viết tắt là PCE) đã là đại diện nhiều hơn so với lực lượng đúng sự thật của họ: họ tuyên bố là họ có 40.000 đoàn viên nhưng trên thực tế họ chỉ có lối 10.000 đoàn viên và những người này đã lèo lái các tổ chức vệ tinh để có được con số trên một trăm ngàn người đã gia nhập vào các tổ chức vệ tinh này.

Một tả phái chia rẻ và hỗn hợp phức tạp (composite), một hữu phái có thế lực và một cực hữu phái quyết liệt (tên là Phalange), trong một khuôn cảnh sôi động của các đô thị và ở nông thôn (đình công và tổng bãi

thị - Xâm chiếm đất đai), một lực lượng quân đội được hưởng nhiều đặc quyền, một chính phủ yếu kém, các cuộc âm mưu khác nhau, các vụ bạo động chính trị mỗi lúc mỗi gia tăng: tất cả các sự kiện này đã làm phát động một cuộc nội chiến mà nhiều người mơ ước. Cuộc nội chiến này có tầm vóc (dimension) đặc biệt: trên bình diện của Âu châu, cuộc nội chiến này đã tượng trưng cho cuộc ngang sát nhau (affrontement) giữa các nước Phát Xít và các nước Dân Chủ. Với việc gia nhập vào đấu trường (lice) của Liên Bang Xô Viết, các kết quả của hai cực (effet de polarisation) tả và hữu đã trở nên rõ ràng.

Lập trường chính của những người cộng sản

Trước kia, tổ chức Komintern ít chú ý đến tình hình của Tây Ban Nha và sau khi chế độ quân chủ sụp đổ vào năm 1931, tổ chức Komintern đã bắt đầu chú ý từ khi này và nhất là họ càng để tâm hơn với cuộc nổi dậy, của các người công nhân ở vùng Asturia vào năm 1934. Nhưng nhà nước Xô Viết cũng không thấy có lợi ích gì về sự công nhận lẫn nhau. Vào tháng 8 năm 1936, giữa chính phủ cộng hòa Tây Ban Nha và Liên Bang Xô Viết. Sau khi cuộc nội chiến bùng nổ và tránh việc làm lan rộng để có thể xảy ra cuộc can thiệp quốc tế, Liên Bang Xô Viết và hai nước Pháp-Anh đã ký với nhau một thỏa ước không can thiệp vào cuộc nội chiến. Ngày 27 tháng 8 năm 1936, đại sứ Xô Viết tên Marcel Israelevitch Rosenberg đến Tây Ban Nha nhận nhiệm sở.

Để có thêm nhiều ảnh hưởng, những người Cộng

sản đã đề nghị với đảng xã hội việc hợp nhất hai đảng. Nhưng chỉ được ở cấp bực các tổ chức thanh niên là thành tựu được việc hợp nhất với việc thành lập phong trào Thanh Niên Thống Nhất vào ngày 1 tháng 4 năm 1936 và thành tựu thứ hai là việc thành lập Đảng Xã Hội Thống Nhất ở vùng Catalogne ngày 26 tháng 6 năm 1936. Trong chính phủ cộng hòa được ủy nhiệm, lãnh đạo nước Tây Ban Nha, vào tháng 9 năm 1936 do Thủ Tướng Largo Caballero, đảng Cộng sản Tây Ban Nha viết tắt là PCE chỉ được giao có 2 bộ: Jesús Hernández giữ bộ Học Chính (Instruction publique) tương đương với bộ giáo-dục và Vincente Uribe giữ Bộ Canh Nông. Nhưng họ đã gây ảnh hưởng (influence) rất mau. Nhờ các mối cảm tình họ đã được các bộ trưởng của chính phủ dành cho họ, là các ông Alvarez de Vayo, Juan Negrin và đại sứ Xô Viết là Rosenberg đã xử sự với họ như là đệ nhất phó Thủ Tướng; ông Rosenberg có được một điều kiện rất lớn và thuận lợi đó là việc Liên Bang Xô Viết sẵn sàng cung cấp vũ khí cho các người cộng hòa.

Đây là một việc mà nước này đã can thiệp trắng trợn vào nội bộ một nước khác. Việc can thiệp của một Đảng, Nhà nước Xô Viết đã nằm ở ngoài vòng các thường vụ và đã tạo lên một sự nổi bật đặc biệt, vì nó đã diễn ra vào một lúc then chốt; thời điểm gần ngày 20 năm sau các người Bolchévik cướp lấy chính quyền của Nga và nằm trong khuôn khổ quốc tế đã là việc mở đường trong hai giai đoạn kế tiếp, các năm 1941-1934 và các năm -1944

1945 để bành trướng ảnh hưởng của Liên Bang Xô Viết ở lục địa Âu-Châu - Trung và Đông Âu.

Tại Tây Ban Nha việc phối hợp một phong trào xã hội sâu rộng, đã nhắc lại các tình thế giống như vậy đã xảy ra sau đệ nhất thế chiến và với cuộc nội chiến và với cuộc nội chiến ở Nga đã đưa đến việc can thiệp vào nội bộ Tây Ban Nha, việc mà họ hằng hy vọng. Tình hình chính trị và xã hội ở Tây Ban Nha trong những năm 1936-1939 đã trở thành một phòng thí nghiệm (laboratoire) cho các người Xô Viết vì họ đã có nhiều kinh nghiệm và đã xử dụng tại nước này một loạt các phương tiện hành động (panoplie) về chính trị mà họ đã có sẵn và thử nghiệm các kỹ thuật mà họ sẽ tái xử dụng vào lúc khởi đầu đệ nhị thế chiến và toàn dụng khi chiến tranh chấm dứt. Họ có rất nhiều mục tiêu, nhưng mục tiêu ưu tiên là làm sao cho đảng Cộng sản Tây Ban Nha (đã hoàn toàn bị các cơ quan của tổ chức Komintern và NKVD kiểm soát) đoạt được việc kiểm soát quyền lực của nhà nước hầu để nền cộng hòa này sẽ làm theo các ý muốn của Moscou. Muốn đạt được mục này phải cần áp dụng các phương pháp Xô Viết mà hàng đầu là sự hiện diện của chế độ cảnh sát và việc thủ tiêu các lực lượng không phải là Cộng sản.

Lãnh tụ Cộng sản Ý tên Palmiro Togliatti và là thành viên lãnh đạo tổ chức Komintern, được phái sang Tây Ban Nha để hoạt động và mang tên là Ercoli (1936), đã giải thích tính chất căn bản của cuộc nội chiến và gọi là chiến tranh giải phóng quốc gia. Theo các lời

giải thích của Ercoli, cuộc cách mạng Tây Ban Nha là cuộc cách mạng nhân dân, quốc gia và chống phát xít đã đặt cho các người cộng sản nhiều nhiệm vụ mới: nhân dân Tây Ban Nha giải quyết các nhiệm vụ của cuộc cách mạng tư sản dân chủ với một đường lối mới. Và mau chóng, Ercoli đã chỉ mặt các kẻ thù của quan niệm về cách mạng ở Tây Ban Nha: các người lãnh đạo cộng hòa cùng với các người lãnh đạo đảng xã hội là các phần tử núp dưới chiêu bài của các nguyên tố vô chính phủ đã làm suy yếu sự kết hợp và sự đồng tâm nhất trí của mặt trận bình dân bằng cách đề ra quá sớm các chương-trình tập thể hóa cưỡng bách,...

Ercoli đã đưa ra một mục tiêu: thực hành bá quyền cộng sản sẽ thành đạt được nhờ việc thành lập một mặt trận duy nhất giữa hai đảng Cộng sản và đảng xã hội hợp lại, thành lập một tổ chức duy nhất các thanh niên lao động, tổ chức một đảng duy nhất vô sản ở vùng Catalogne, tên viết tắt là PSUC và biến đổi đảng Cộng sản thành một đảng lớn của toàn dân. Vào tháng 6 năm 1937, cô Dolorès Ibarruri một nữ đảng viên lừng danh với các lời kêu gọi kháng chiến của cô. Cô đã đề nghị một mục tiêu mới: thành lập một nền cộng hòa dân chủ và lập hiến kiểu mới.

Sau khi xảy ra việc cướp lấy chính quyền bất hợp pháp (promunciamiento) của tướng Franco, Staline đã tỏ ra thờ ơ với tình hình ở Tây Ban Nha, việc này được Jef Last cùng văn hào Pháp André Gide viếng Moscou trong mùa hè 1936 đã viết: chúng tôi rất bất mãn vì

việc vắng và thiếu chú ý đến các tình hình xảy ra. Và trong các cuộc hội kiến ở những lần nói chuyện riêng, chúng tôi đã đề cập đến vấn đề này, tất cả đều thận trọng tránh né để nói ra các quan niệm của mình. Nhưng sau hai tháng với các việc biến chuyển đã thay đổi tình thế, Staline đã hiểu rõ sẽ thu đạt được tất cả các lợi điểm về hai mặt Ngoại-giao và tuyên-truyền. Để thực hành đường lối không can thiệp, Liên Bang Xô Viết đã hội nhập vào các nước mà có thể cho ông cơ hội để hành động một đường lối tự trị (autonome) rộng lớn của nước Pháp đối với nước Anh. Song song, URSS đã bí mật cam kết cung cấp vũ khí cho chính phủ cộng hòa Tây Ban Nha, giúp đỡ về quân sự và dự định khai thác các khả năng có thể có của chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp có thể đóng góp cho mưu toan của Staline, là hợp tác để tổ chức các giúp đỡ vật chất cho các người cộng hòa Tây Ban Nha. Theo các chỉ thị của Léon Blum chủ tịch đảng xã hội Pháp kiêm Thủ Tướng, ông Gaston Cusin phó trưởng phòng Bộ Trưởng Tài Chính đã chính thức tiếp đón các mật viên Xô Viết, các người này đã đặt trủ sở tại Paris và họ đã tổ chức việc chuyển vận các vũ khí và tuyển mộ các chiến sĩ tìnhnguyện sang chiến đấu ở Tây Ban Nha. Nếu Liên Bang Xô Viết tuyên bố là không tham dự vào tình thế ở Tây Ban Nha, thì tổ chức Komintern đã huy động tận lực các phân bộ của tổ chức này ở khắp nơi trên thế giới, để giúp cho các người cộng hòa Tây Ban Nha; và đã biến cuộc chiến này thành một trục kéo để hỗ trợ

cho các cuộc tuyên truyền chống phát xít, và thuận lợi riêng cho phong trào Cộng sản.

Ở Tây Ban Nha, chiến thuật của Cộng sản là chiếm đoạt được các ngôi vị, càng nhiều càng tốt; hầu để chuyển hướng chính trị của chính phủ cộng hòa trong chiều hướng đảng. Nhà nước theo khuôn mà đường hướng của đảng và nhà nước Xô Viết hầu để khai thác các lợi điểm về tình trạng chiến tranh. Julian Gorkin, một nhà lãnh đạo của đảng POUM, đã là người đầu tiên (việc này thì không thể nghi ngờ được) đã nhận xét sự liên quan của chính sách nơi các người Xô Viết ở Tây Ban Nha với việc thành lập các nước Dân chủ Nhân dân ở Đông Âu sau chiến tranh, ông đã viết một sách lược luận (essai) với tựa đề *Espanã, primer ensayo de democracia popular* (Nhà xuất bản Buenos Aires, 1961);

Ông Gorkin đã chứng kiến việc thi hành một chính sách được hoạch định từ trước và sử gia người Tây Ban Nha Antonio Elorza đã nhận xét là đường lối chính trị của các người Cộng sản Tây Ban Nha xuất phát từ quan niệm nhất phiến (monolithique) không phải là đa nguyên (pluraliste) về các liên quan chính trị trong lòng của Mặt trận Bình dân và vai trò của Đảng là việc biến đổi tự nhiên liên minh này trở thành một bàn đạp để đoạt được bá quyền. Antonio Elorza ccũng nhấn mạnh về một điểm bất di dịch (invariant) và sẽ trở thành chính sách Cộng sản: áp đặt bá quyền của đảng PCE lên trên tất cả các người hay phần tử chống

phát xít, không những chống phát xít ở ngoài đảng mà cũng đối với các cuộc chống đối ở nội bộ. Ông lại thêm vào: vì đó là kế hoạch và là một tiền đề trực thẳng vào chiến lược để đoạt được chính quyền ở trong các nước được gọi là Dân chủ Nhân dân.

Kế hoạch này đã gần như thực hiện được vào tháng 9 năm 1937, Moscou toan tính ra chỉ thị thực hành một cuộc tuyển cử: các danh sách duy nhất đã được đưa ra và có thể cho phép đảng Cộng sản PCE đạt được các lợi điểm về cuộc toàn dân đầu phiếu. Kế hoạch này đã do chính Staline hoạch định và chú ý theo dõi để đưa việc tức vị (avènement) của một nền Cộng Hòa Dân Chủ một loại mới. Ông đã dự định việc loại ra các vị bộ trưởng thù nghịch Cộng sản. Nhưng mưu toan của ông đã không thành vì gặp phải sự chống đối của các đảng liên minh với đảng PCE và sự diễn tiến đáng lo ngại về tình cảnh của chính phủ cộng hòa sau cuộc phản công thất bại của quân lực của họ ở Teruel vào ngày 15 tháng 12 năm 1937.

Các vị cố vấn và các nhân viên

Khi Staline đã nhận định được đất Tây Ban Nha là nơi đã dành cho ông nhiều hợp thời cho URSS và ông đã quyết định đây là thời cơ hữu ích để can thiệp. Moscou liền biệt phái sang Tây Ban Nha một số lớn các cán bộ đủ loại và trực thuộc vào nhiều cơ quan khác nhau. Khởi đầu là lối từ khoảng 700 đến 800 cố vấn quân sự thường trực và theo nguồn tin Xô Viết thì tổng số các cố vấn và nhân viên, lên đến 2.044 người; trong

số này có các vị cố vấn quân sự về sau đã được thăng lên đến chức Thống chế như các ông Koniev và Joukov, tùy viên quân sự vào thời đó là tướng V.E Goriev phục vụ ở tòa đại sứ quán URSS ở Madrid. Đồng thời Moscou cũng huy động các đoàn viên thuộc tổ chức Komintern, các mật viên được gởi đi chính thức và bán chính thức thuộc một loại khác. Nhiều nhân viên đã cư ngụ thường trực như Vittorio Codovilla, người Argentine đoàn viên tổ chức Komintern đã giữ một vai trò quan trọng trong đảng Cộng sản PCE từ các năm đầu thuộc thập niên 1930 và đã dự vào việc lãnh đạo đảng này. Ernö Gerö còn có bí danh là Pedro là người Hongrie và sau chiến tranh đã trở thành một trong các chủ nhân của nước Hongrie Cộng sản, Vittorio Vidali người Ý (đã bị nghi ngờ là vào năm 1929 tham gia vào việc ám sát sinh viên Cộng sản Julio Antonio Mella người Cuba). Vittorio Vidali sau này đã là đệ nhất ủy viên chính trị của trung đoàn 5 do Cộng sản tổ chức vào tháng 2 năm 1937. Minev-Stepanov người Bulgarie đã từng làm việc ở văn phòng thường vụ của Staline từ các năm 1927 đến 1929 và Palmiro Togliatti người Ý đã được phái đến đây vào tháng 7 năm 1937 và là đại diện chính thức của tổ chức Komintern. Các đoàn viên cốt cán khác của tổ chức này được biệt phái với nhiệm vụ thanh tra như tên Jacques Duclos, Cộng sản Pháp sau chiến tranh và trong chính phủ Pháp đã lên tới chức Phó chủ tịch Quốc hội Pháp.

Song song, Moscou đã biệt phái sang Tây Ban

Nha một hạn số lớn các thành viên cốt cán của đảng cộng sản Nga như: V.A Antonov-Ovseenko, người đã chỉ huy vào cuộc tấn công vào Lâu đài Mùa Đông ở Petrograd vào tháng 10 năm 1917 và tên này đã đổ bộ lên Barcelone ngày 1 tháng 10 năm 1936. Tên Alexandre Orlov (tên thật là L. Feldbine), người chỉ huy cơ quan NKVD ở Tây Ban Nha; tên Arthur Stachevsky người Ba Lan cựu sĩ quan của Hồng quân Nga dưới lốt là tùy viên thương mãi, tướng Ian Berzine, chủ sự phòng tình báo Hồng quân. Mikhaïl Koltsov chủ nhiệm nhật báo Pravda và là người được coi là phát ngôn cho Staline và có văn phòng ở Bộ Chiến tranh của chính phủ Cộng hòa Tây Ban Nha. Leonid Eitingon, chỉ huy các lực lượng an ninh nhà nước của cơ quan NKVD và Pavel Soudoplatov là phụ tá của Eitingon, họ đều đi đến Barcelone; từ năm 1936 Eitigon được ủy nhiệm các công tác khủng bố, Soudoplatov mãi đến năm 1938 mới sang tới nơi. Tóm tắt là khi Staline quyết định can thiệp vào nội tình của Tây Ban Nha, ông đã tập trung một bộ tham mưu có khả năng hành động trong mọi lãnh vực đến vấn đề này. Hình như là vào đêm 14 tháng 9 năm 1936, chỉ huy trưởng của cơ quan NKVD là Iagoda đã triệu tập tại trụ sở Loubianka ở Moscou, một cuộc họp để phối hợp toàn thể các đầu não trong cuộc can thiệp của Cộng sản vào Tây Ban Nha. Họ có các nhiệm vụ: chiến đấu chống lại các lực lượng quân sự của tướng Franco, được các cố vấn quân sự người Đức và người Ý giúp đỡ triệt để, kiểm soát và canh

chừng hoặc loại trừ các đối thủ của đảng cộng sản và của URSS ở trong lòng của đội ngũ cộng hòa Tây Ban Nha. Cuộc can thiệp của các người Xô Viết Nga phải được giữ bí mật và được trá hình nếu có thể làm được để đừng liên lụy đến chính phủ Xô Viết. Nếu tin theo lời của tướng Krivitsky, người chỉ huy phụ trách các thường vụ hải ngoại của cơ quan KNVD ở Tây Âu thì trên khoảng 3.000 người Xô Viết hiện diện trên lãnh thổ Tây Ban Nha, chỉ có 40 người là tham gia vào các cuộc hành quân chiến đấu, các người khác thì lãnh các nhiệm vụ: cố vấn quân sự, cố vấn chính trị hay làm các nghiệp vụ về tình báo.

Khởi đầu các người Xô Viết dồn nỗ lực vào vùng Catalogne. Từ đầu từ tháng 9 năm 1936, cơ quan tổng ủy trật tự công cộng coi về tất cả các nghiệp vụ ngành công an ở Catalogne đã bị các người Cộng sản xâm nhập và các người này đã tổ chức trong lòng của cơ quan này do nghị định của sở mật vụ Catalogne (services secrets catalans, viết tắt là SSI), mang danh xưng là Grupo de Información do tên Mariano Gomez Emperador chỉ huy; cơ sở chính thức này đã có ngay 50 nhân viên làm việc, nhưng đây là một ăn ten (antenne) trá hình của cơ quan NKVD. Song song, đảng Xã hội thống nhất của vùng Catalogne, danh xưng này đã được các người Cộng sản chọn cho đảng Xã hội, đảng này đã tổ chức một cơ sở mang tên Servicio Extranjero với văn phòng đặt ở phòng số 340 của khách sạn Colon, nằm trên công trường Plaza de Catalunya được ủy nhiệm

kiểm soát các người Cộng sản ngoại quốc muốn đến chiến đấu giúp chính phủ cộng òa Tây Ban Nha và họ đã di chuyển qua Barcelone; và cơ sở này đã bị cơ quan NKVD hoàn toàn kiểm soát và dùng cơ sở trá hình này để bao che các hành động của họ.

Một thành viên của hai tổ chức này (SSI và Servicio Extranjero) đã tiết lộ: viên chỉ huy địa phương của cơ quan NKVD được đặt dưới quyền kiểm-soát của Orlov và Gerõ Tên Alfredo Hertz một người Cộng sản Đức (căn cước chính của tên này không ai biết được) đã xâm nhập vào cơ sở Cuerpo de Investigación y Vigilancia của chính phủ về các việc tổng quát và kiểm soát sở cấp phát giấy thông hành (service des passports) có nhiệm vụ nhập và xuất cảnh trên lảnh thổ Tây Ban Nha. Hertz được quyền xử dụng lực lượng Vệ Binh Xung Phong (Gardes d Assaut) là các toán quân tinh nhuệ của cơ quan An-Ninh. Với hệ thống của hắn đặt nằm vùng trong cơ quan tổng ủy trật tự công cộng, Hertz đã nhận được tất cả các tin tình báo về các đảng Cộng sản khác, các danh sách đen của các người chống phát xít, các lời tố cáo của các người Cộng sản hay chỉ trích và lý lịch của tất cả các cán bộ của các cơ sở trong mỗi đảng Cộng sản và đã chuyển giao các hồ sơ này cho Bộ Nhà Nước (Departamento de Estado) do tên Cộng sản Victorio Sala chỉ huy. Hertz đã tổ chức cơ sở của hắn và đặt tên là Servicio Alfredo Hertz với sự bao che chính thức (hợp pháp) là một cơ sở công an chính

trị song song; gồm có các người Cộng sản Tây Ban Nha và Cộng sản ngoại quốc.

Dưới sự chỉ huy của Hertz, cơ sở này có nhiệm vụ là: thiết lập tất cả các hồ sơ của các người ngoại quốc cư ngụ tại vùng Catalogne trước và sau đó là tất cả các người cư ngụ trên toàn lảnh thổ Tây Ban Nha và danh sách đen các người làm trở ngại cần phải loại trừ. Trong giai đoạn đầu từ tháng 9 đến tháng 12 năm 1936, việc sự ngược đãi các người đối lập đã xảy ra nhưng thiếu phương pháp. Ưu tiên được nhắm vào các người xã hội dân chủ, các người nghiệp đoàn vô chính phủ, các người trotskiste, các người Cộng sản bất đồng chủ trương và họ đã tỏ ra các đường lối chính trị rẻ tách nhau. Và dần dần cơ quan NKVD đã thiết lập ra các chương trình đàn áp đối với các lực lượng chính trị chống lại nền cộng hòa. Và đúng như dự tính, đã có nhiều kẻ thù chỉ trích, và tình trạng khẩn trương đã đến với các người Cộng sản phản đối đường lối để đạt được bá quyền, đi theo đường lối và chính sách của URSS. Lẽ dỉ nhiên là trong hoàn cảnh này, việc thanh toán các mối thù cá nhân, hoặc là trả thù sẽ đương nhiên diễn hay xảy ra trong các cuộc đàn áp.

Các phương pháp của công an và cảnh sát từ trình độ sơ khai, đến tối tuyệt hảo (sophistiqué) đã được các nhân viên xử dụng, các nhân viên này ẩn dưới 2 hoặc 3 lý lịch khác nhau. Nhiệm vụ đầu tiên của các viên công an đã được chính trị hóa tối đa là biến thể các guồng máy hành chính của chế độ cộng hòa non nớt này, biến

công an và quân đội thành ra các thuộc địa nơi họ có thể nói nôm na là muốn làm gì thì làm. Việc chinh phục lần lượt các địa vị then chốt, việc làm nồng cốt của các cơ sở đã dựa trên sự kiện là URSS cung cấp vũ khí cho các người cộng hòa đang thiếu các trang bị quân sự và URSS cũng đòi hỏi lại sự bù đắp bằng sự nhiều hơn về chính trị. (Sau cuộc thắng trận, tướng Franco hỏi đến số dự trữ vàng của ngân hàng quốc gia thì hỡi ơi, chính phủ cộng hòa đã gởi số vàng dự trữ để bảo đãm số giấy bạc in ra là 600 tấn đã được chở sang URSS. Việc này mãi đến năm cuối của thập niên 1980 mới được công bố) Trái lại với các hành động của Hitler và Mussolini để giúp các người quốc gia, nước URSS đã bắt phải trả tiền trước các số vũ khí được chuyển giao với số vàng của Ngân Hàng Quốc Gia Tây Ban Nha và các nhân viên của cơ quan NKVD đã hộ tống sang đến tận Moscou; mỗi một lần chuyển giao vũ khí là các người Cộng sản Tây Ban Nha PCE lại làm các cuộc tống tiền (chantage) thêm, để khai thác các lợi ích về chính trị.

Julian Gorkin đã đưa một gương mẫu về việc xen lẫn nhau giữa chiến tranh và chính trị: đầu năm 1937, thủ tướng của chính phủ cộng hòa Tây Ban Nha Largo Caballero được sự ũng hộ của Tổng thống cộng hòa Manuel Azana, đã cho phép vị đại sứ của Tây Ban Nha ở Paris Luis Araquistain để thương lượng bí mật với đại sứ Ý tại Londres, tên Dino Grandi và Hjalmar Schacht, cố vấn về tài chính cho Hitler, dưới quyền giám hộ của Léon Blum (Thủ-tướng Pháp) và Anthony

Eden đại diện cho chính phủ Anh quốc để tìm một thỏa hiệp chấm dứt cuộc chiến nội bộ. Vị ngoại trưởng của chính phủ Tây Ban Nha tên Alvarez del Vayo, ông này có tư tưởng triết lý Cộng sản (philocommuniste), liền thông báo việc thương lượng này cho các người Cộng sản PCE. Các người lãnh đạo PCE đã thỏa thuận với các vị chịu trách nhiệm của các cơ quan Xô Viết là xa lánh Caballero và cấm không được làm việc thương lượng cùng các giải pháp để chấm dứt cuộc nội chiến với căn bản là việc triệt thoái các quân nhân người Ý và Đức quốc đang làm cố vấn cho quân lực nổi loạn của tướng Franco. Sau các việc bị vu khống... một viên đạn vào đầu.

Bài của Victor Serge

Và đây là lời tuyên bố của Victor Serge, một nhà văn Nga lai Bỉ đã được phóng thích từ URSS vào tháng 4 năm 1936, đã nói với Julian Gorkin khi hai người gặp nhau vào năm 1937; đã báo trước cho người tranh đấu POUM về các hành động liên kết tai hại về chính trị. Một chính sách đã gặp phải nhiều chướng ngại: khối các người nghiệp đoàn vô chính phủ thuộc tổng liên đoàn lao công CNT, đã thoát được sự ảnh hưởng của các người Cộng sản Tây Ban Nha PCE, và đảng POUM cũng chống lại đường lối Cộng sản. Đảng POUM là một nạn nhân được chỉ định với lý do là đảng này là lực lượng đối nghịch khác cùng với địa vị ở ngoài lề trên bàn cờ chính trị. Đối với các người cộng sản cần phải khai thác các lợi điểm về chính trị hợp thời trong địa

hình chính trị vào thời điểm này. Ngoài các lẽ trên, đảng POUM đã bị coi là dính líu với Trotski: trong năm 1935 các vị lãnh đạo của POUM là Andreu Nin và Julian Gorkin đã thực hành các cuộc vận động với chính quyền của vùng Catalogne để cho Trotski, vừa bị trục xuất ra khỏi nước Pháp, có thể định cư ở Barcelona. Trong khuôn khổ của việc săn đuổi các người thân hoặc thuộc Trotskiste đang diễn ra ở URSS, việc xảy ra đương nhiên là văn phòng của tổ chức Komintern họp vào ngày 21 tháng 2 năm 1936, tức là 5 ngày sau khi Mặt trận Bình dân đã thắng cử trong cuộc tổng bầu cử. Tổ chức Komintern đã ra mệnh lệnh cho đảng Cộng sản PCE phải chiến đấu quyết liệt chống lại các môn phái trotskiste phản cách mạng. Cộng thêm vào việc là trong mùa hè năm 1936, đảng POUM đã dám táo bạo lên lời chống đối lại các vụ xử án lớn đầu tiên ở Moscou để bảo vệ các nạn nhân.

Ngày 13 tháng Chạp năm 1936, các người Cộng sản đã loại được Andreu Nin ra khỏi Hội đồng Hành pháp của vùng Catalogne. Họ đã viện cớ là Andreu Nin đã phạm tội vu khống nước URSS và các người Cộng sản đã dùng việc chuyển giao vũ khí để làm một cuộc tống tiền và đạt được kết quả mà họ mong muốn. Ngày 16 tháng Chạp, báo *Pravda* đã phát động một chiến dịch quốc tế chống lại những người chống đối đường lối chính trị của Xô Viết Nga: ở tại vùng Catalogne, việc loại trừ các người trotskiste và các người thuộc các nghiệp đoàn vô chính phủ đã bắt đầu; việc loại trừ này

chỉ ngừng với sự quyết tâm như đã diễn ra ở URSS.

Tất cả các người bất đồng hoặc đi tách ra về đường hướng chính trị đều bị các người Cộng sản coi là một cuộc phản bội, và luôn luôn bất cứ ở đâu, hay bất cứ thời gian nào cũng có một cuộc xử lý liền hay là dời lại. Các lời vu khống, và các lời nối dối đều đổ lên đầu các thành viên của đảng POUM, các đơn vị chiến đấu của đảng này trong cuộc nội chiến, đã bị tố cáo là đã chạy bỏ các vị trí chiến đấu mà họ có nhiệm vụ chống giữ, trong lúc ấy các đơn vị Cộng sản đã từ chối trợ chiến cho họ. Nhật báo *Humanité* của đảng Cộng sản Pháp đã tạo ra thành tích riêng biệt trong việc này bằng cách cho đăng các bài của Mikhail Koltsov, một người bạn thân của cặp Aragon-Triolet. Đề tài chính của cuộc vận động này đã được tóm tắt là việc quyết liệt được nhắc đi nhắc lại nhiều lần: đảng POUM là đồng lỏa với Franco, họ đã phản bội và làm lợi cho phát xít. Các người Cộng sản đã cẩn thận lo trước và đã cho người xâm nhập vào hàng ngũ của POUM, các nhân viên này dùng để thu thập các tin tức về tình báo và lập trước các danh sách đen, hầu để dễ nhận diện lúc cần tới; các người đấu tranh của POUM hầu bắt giam họ. Một trường hợp được biết rõ: đó là trường hợp của Léon Narvich đã liên lạc với Andreu Nin, đã bị lộ và đã bị một toán tự vệ POUM hành quyết, sau khi Andreu Nin đã biệt tích và các người lãnh đạo POUM bị bắt giam.

Tháng 5 năm 1937 và việc thanh toán đảng POUM

Ngày 3 tháng 5 năm 1937, các đơn vị của Vệ Binh

Xung Phong do các người Cộng sản chỉ huy, đã tấn công vào trung tâm các máy téléphone ở Barcelone do các người công nhân của CNT và UGT kiểm soát. Cuộc hành quân này do Rodriguez Salas chỉ huy. Y là đảng viên của PSUC và là chỉ huy trưởng công an. Cuộc tấn công này đã được chuẩn bị với các cuộc tuyên truyền và hành động ngược đãi như đóng cửa đài phát thanh của POUM, cùng đình bản tờ báo của họ là La Batalla. Ngày 6 tháng 5, năm ngàn nhân viên cảnh sát do các người Cộng sản chỉ huy đã được di chuyển và đưa đến Barcelone. Cuộc chiến đấu giữa các lực lượng Cộng sản và không Cộng sản đã diễn ra dữ dội, việc này đưa đến kết quả là có 500 người chết và 1.000 bị thương. Nhân xảy ra tình thế hỗn độn, các người làm tay sai cho các người Cộng sản, đã nắm lấy cơ hội để thủ tiêu các người đối lập lại đường lối chính trị của đảng Cộng sản. Ông Camillo Berneri một người Ý và là triết gia vô chính phủ đã bị ám sát cùng với người bạn của ông là Barbieri, thi thể của họ với nhiều vết đạn đã được tìm thấy ngày hôm sau. Camillo Berneri đã trả một giá về sự can đãm của ông về chính trị, vì ông đã viết trong tờ báo của ông: Cuộc chiến tranh giai cấp: Ngày hôm nay chúng ta chiến đấu chống lại Burgos, ngày mai chúng ta sẽ phải chiến đấu chống lại Moscou, để bảo vệ các sự tự do của chúng ta. Alfredo Martinez, thư ký của phong trào Thanh niên Tự do tuyệt đối vùng Catalogne và người tranh đấu trotskiste tên Hans Frend và cựu thư ký của Trotski tên Erwin Wolf, tất cả đều bị giết.

Kurt Landau, người nước Áo và là người Cộng sản hoạt động đã từng đấu tranh ở Đức quốc, ở Áo quốc và ở Pháp trước khi đến Barcelone và tham gia vào đảng POUM. Người này bị bắt giam vào ngày 23 tháng 9 và cũng biệt tích trong các trường hợp tương tự. Vợ của Kurt Landau tên Katia cũng bị bắt giam đã khai về các cuộc thanh trừng trong các trụ sở của đảng tại: Pedrera, Paseo de Garcia; ở trong các trại lính Carlos Marx và Vorocholov, ở tại các nơi này là các bẫy chuột và ổ để cắt cổ. Ở tại Pédréra các nhân chứng đã thấy lần cuối cùng hai chiến hữu mất tích (làm việc tại Radio Poum). Người ta, các người Cộng sản PCE, đã giải các thanh niên trẻ tuổi thuộc phe phái vô chính phủ về các trại lính, để tra tấn các người này một cách mà chúng ta không thể tưởng tượng được. Đánh gãy hoặc chặt tay chân và sau cùng ám sát họ. Tình cờ người ta đã tìm lại được các tử thi. Và bà Katia đã viết trên một bài báo của cơ quan nghiệp đoàn vô chính phủ Solidaredad Obrera: Trên các tử thi mà tình cờ người ta gặp được, người ta đã nhận thấy là trước khi các người này chết, họ đã bị tra tấn một cách dã man, vì trên các tử thi này đã có các vết bầm tím và các vết thương tét da thịt, các vết thương bầm tím ở trên bụng đã sưng phù lên. Có một tử thi đã có cái đầu và cái cổ đã trở màu tím thẫm, chứng tỏ là người này đã bị treo hai chân lên, đầu ngược xuống đất. Trên đầu của cậu thanh niên chiến hữu xấu số này còn in hằn lên vết đánh bằng bá súng.

Nhiều người tranh đấu đã biến mất luôn, người ta không bao giờ tìm lại được dấu vết của các người tên sau đây: Guido Picelli, George Orwell, đã tình nguyện nhập ngũ đoàn chiến sĩ POUM, và đoàn này đã sống những ngày bị tàn sát giống như cuộc tàn sát Saint-Barthélemy (xảy ra vào thời chiến tranh tôn giáo vào thế kỷ thứ 16 ở Pháp), họ phải chạy trốn và ẩn nấp để được sống còn, và đã tả lại cảnh sống trong bầu không khí săn bắt đã diễn ra ở Barcelone. Trong một bản đính kèm những gì đã xảy ra trong những ngày rối loạn váo tháng 5 tại Barcelone, ở trong sách *Tôn kính cho vùng Barcelona* - Các công an Cộng sản đã kế hoạch hóa các vụ mưu sát, không riêng gì ở Barcelona. Tại Tortosa, ngày 6 tháng 5 đã có 20 chiến sĩ đấu tranh của CNT đã bị các quân nhân của chính quyền ở Valence bắt giam ở dưới ngục tối của tòa đô sảnh, họ bị các tên giết thuê lôi ra và bắn chết. Ngày hôm sau, ở Tarragona 15 người đấu tranh thuộc phái tự do tuyệt đối cũng bị hạ sát không nương tay.

Tất cả những gì người Cộng sản không đạt được trên bình diện của các nơi xảy ra các cuộc chiến, họ đã đạt được trên mặt chính trị. Thủ tướng của chính phủ Largo Caballero đã từ chối các đề nghị như là những lời trách mắng, của các người Cộng sản đòi hỏi phải thi hành việc giải tán đảng POUM, tên José Diaz tổng thư ký đảng Cộng sản PCE đã tuyên bố vào tháng 5: Đảng POUM phải được loại ra khỏi đời sống chính trị của nước này. Sau khi đã xảy ra các cuộc ngang sát nhau ở Barcelone,

Caballero đã bắt buộc phải từ chức Thủ tướng chính phủ vào ngày 15 tháng 5 và ông Juan Negrin, một người xã hội ôn hòa được cử làm Thủ-tướng thay. Nhưng than ôi! Ông này lại là người tùy thuộc vào các người Cộng sản và tất cả các chướng ngại vật cản trở họ để đạt được mục tiêu đã được tháo gỡ. Thủ tướng Negrin đã chấp nhận đường lối của Cộng sản và ông đã bắt buộc phải viết cho tuần san tiếng Anh *Times* do phóng viên chuyển giao về tòa soạn, đó là ký giả Herbert L. Matthews là đảng viên POUM đã bị các phần tử quá dị ứng kiểm soát, để đối lại tất cả những gì có ý nghĩa là chỉ đạo duy nhất và tối cao, để tranh đấu dưới một kỹ luật chung. Nhưng ông đã chấp thuận cuộc khủng bố áp đặt lên đảng POUM. Ông Julian nhận thấy sự thay đổi cấp tiến đã diễn ra và ghi lại như sau: Sau vài ngày thành lập chính phủ Negrin, Orlov đã hành động và coi nước Tây Ban Nha như là một vệ tinh của Nga Xô Viết. Y đã đến cơ quan Tổng An ninh Quốc gia và đã đòi hỏi vị chỉ huy là Đại tá Ortega phải hành động theo lịnh của y, và coi vị đại tá này là một sĩ quan cấp dưới lệ thuộc. Các lịnh bắt giam các thành viên của Ủy ban Hành pháp POUM đã được tống đạt.

Ngày 16 tháng 6 năm 1937, Negrin cấm đảng POUM hoạt động vì các người lãnh đạo đã bị bắt giam. Quyết định chính thức này đã cho phép các nhân viên Cộng sản hành động dưới sự che chở của sự hợp tác hoàn toàn phe phái. Cùng ngày này, vào lúc 1 giờ trưa Andreu Nin đã bị các cảnh sát viên chận bắt ở ngoài phố. Các

chiến hữu của ông đã không bao giờ gặp lại ông, dù là sống hay chết. Các cảnh sát viên và công an viên từ Madrid được phái đến Barcelone, vì họ đáng tin cậy hơn các người này đã hoàn toàn lệ thuộc vào các người cộng sản, họ đã xông vào trụ sở của ban biên tập tờ báo *La Batella* và các trụ sở khác của đảng POUM. Hai trăm chiến sĩ đấu tranh đã bị bắt giam, trong số này có các vị lãnh tụ: Julian Gorkin, Jordi Arquer, Juan Andrade, Pedro Bonet, v.v. Để chứng minh cho việc mai hậu, việc thủ tiêu đảng POUM, các người Cộng sản đã ngụy tạo ra đủ các loại giấy tờ để có bằng chứng là POUM đã phản bội và tố cáo là họ đã hoạt động gián điệp cho tướng Franco. Ngày 22 tháng 6 một tòa án đặc biệt đã được thiết lập, và một cuộc tuyên truyền đã được phát động: cảnh sát và công an trong các cuộc lục soát các trụ sở của đảng POUM, đã phát giác ra các tài liệu đã xác định việc các hoạt động gián điệp do các người Cộng sản đề ra, Max Rieger một ký giả, đã theo lịnh từ một cái được gọi dưới tên tập thể, đã thu thập các tài liệu ngụy tạo hay giả tạo này để làm ra một cuốn sách với tựa đề: Nghiệp vụ gián điệp ở Tây Ban Nha, và cuốn sách này đã được phát hành dưới nhiều thứ tiếng khác nhau.

Dưới sự chỉ huy của Orlov và với sự che chở của Vidali, Ricardo Burillo và Gero, các tên giết thuê đã bắt Andreu Nin và tra tấn ông này, cuộc tra tấn này đã không đạt được một lời thú tội, để chứng minh các lời buộc tội đối với ông và làm hại đảng của ông; và cũng

không ép buộc được ông phải ký một văn kiện nào hay một lời khai nào. Từ đó họ chỉ còn có giải pháp là thủ tiêu ông và dùng sự mất tích của ông để làm mất danh dự của ông, bằng cách phao tin là ông đã trốn sang hàng ngũ của tướng Franco. Các cuộc ám sát và các cuộc tuyên truyền đi đôi với nhau. Về sau trong các việc tra cứu các hồ sơ tồn trữ ở văn khố tại Moscou, đã cho phép xác nhận các điều mà các chiến hữu của Andreu Nin đã giả định vào tháng 9 năm 1937 là đúng.

Chỉ sau khi phát động các hành động đánh phá đảng POUM, ngày 16 và 17 tháng 6, các người Cộng sản bắt đầu cuộc săn bắt người có phương pháp, những tên phản bội trotskiste cùng với các người chống đối khác. Để điều hành các hành động của họ, các người Cộng sản đã xử dụng các hồ sơ về lý lịch nơi các cơ quan cảnh sát và công an. Họ đã trở thành các tên tchékit của nước Tây Ban Nha. Họ đã tổ chức các khám đường bất hợp pháp và song song với các nơi giam giữ của chính quyền mà dân chúng đã gọi là các ceka (họ dùng tiếng Nga là Tchéka, nhưng bỏ chữ T và chữ H đi nên còn lại là Céka). Tên của các nơi dùng làm céka được biết là: Céka trung ương của Barcelone ở số 24, Avenida Puerta del Angel, với chi nhánh ở Hotel Colon nơi công trường Catalogne, và một ở Tu viện cũ Atocha tại Madrid, Santa Ursula ở Valencia và Acalá de Henares. Đã có nhiều tư thất bị trưng dụng làm nơi giam cầm, hỏi cung và hành quyết.

Đầu năm 1938 đã có 200 người bị giam cầm ở céka

Santa Ursula, vì bị tố cáo là chống phát xít và chống các người thân Staline. Vào thời điểm này, céka Santa Ursula, đã được coi như trại Dachau của Tây Ban Nha (trại Dachau của Hitler đã lừng danh là nơi giam cầm và thủ tiêu các người chống đối chế độ Đức quốc xã và các người Do Thái). Khi các người Cộng sản quyết định thiết lập một céka, chúng tôi đang lo quét dọn một nghĩa trang nhỏ, đó là lời thuật lại của một nhân chứng. Các người tchékit đã có một hành động yêu quái: họ để nghĩa trang này trong tình trạng với các chiếc mả đã được mở nắp ra, để trông thấy các bộ xương và các xác chết đang tan rữa ra. Cũng tại các mả này, hàng đêm họ nhốt các người bị bắt cứng đầu nhứt. Họ đã dùng các cực hình cục súc nhất bằng cách: treo chân các người bị bắt đầu ngược xuống đất, trong suốt cả ngày. Các người khác bị nhốt trong các chiếc tủ và họ chỉ đục vài cái lổ để cho người bị nhốt có đủ khí trời để thở. Còn có một hình thức tra tấn khác còn cục súc hơn nữa: người ta bắt buộc các tù nhân phải ngồi chồm hỗm trong các cái thùng hình vuông trong nhiều ngày; có người bị bắt ngồi như vậy từ 8 đến 10 ngày mà không được cử động. Để thực hành các công việc đồi bại này, các nhân viên Xô Viết đã dùng các người thuộc thành phần các tên tù về tội ác, và hình như các việc làm của họ được cô Pasionaria chấp thuận. Trong một cuộc biểu tình và hội-thảo của Cộng sản ở Valencia cô này đã tuyên bố: tốt hơn là lên án một trăm người vô tội, còn hơn tha bổng một thủ phạm.

Xử dụng các cuộc tra tấn là một phương pháp: tra tấn bằng cách trói tay chân cho nằm vào một chiếc bồn tắm, rồi đổ đày nước có savon, vì nước này sẽ khiến nạn nhân ụa mửa ra. Có nhiều loại tra tấn khác thuần túy Xô Viết, đó là bắt không cho các nạn nhân ngủ và phải thức nhiều ngày liên tiếp. Nhốt nạn nhân vào một cái tủ chật hẹp tên là: celda armario mà nạn nhân không thể đứng hay ngồi hoặc cử động tay chân và chỉ khó khăn để thở. Một ngọn đèn rất sáng thắp suốt ngày, đêm. Nhà văn Soljenitsyne đã tả chân loại xà lim này trong các chương của Quần Đảo các Goulag, khi ông tả cảnh lúc ông vào trụ sở Loubianka của cơ quan NKVD ở Moscou.

Việc hành quyết đơn sơ là việc xảy ra thường xuyên: trung úy Astorga Vayo thuộc sở điều tra về quân sự và cơ quan NKVD đã tìm ra phương pháp để chế ngự các việc đào tẩu: các tù nhân được tập họp bằng cách thức mỗi hàng có 5 người. Nếu để có một người đào tẩu bốn người còn lại sẽ bị đưa ra xử bắn. Và y còn hăm dọa là sẽ xử bắn luôn cả các người của hàng đứng trước cũng như hàng đứng sau có người đào tẩu. Hành động này đã làm bất mãn các đồng đội của ông, nhưng Vayo, tuy là bị tước quyền chỉ huy nhưng lại được thăng cấp và được giao cho chỉ huy một trại tập trung chính ở vùng Catalogne, đó là trại Onells de Nagaya ở trong tỉnh Lérida.

Con số các người bị bắt giam, được ước lượng do nhiều người: Katia Landau đưa ra con số 15.000 tù nhân

bị bắt giam ở trong các khám đường chính thức và bí mật, trong số này có 1.000 người thuộc đảng POUM. Yves Lévy sau các cuộc điều tra tại chỗ đã đưa ra con số là khoảng 10.000 tù nhân cách mạng, thường dân và quân nhân bị giam cầm thuộc đảng POUM, tổ chức CNT và FAL. Đã có nhiều người chết vì bị hành hạ xấu như: Bob Smile, phóng viên độc lập của báo *Labour Party* ở bên cạnh đảng POUM, như trường hợp của Manuel Maurin, em của Joaquin Maurin đã bị quân của tướng Franco bắt làm tù binh và nhờ vậy đã được sống sót, Manuel Maurin ở khám đường kiểu mẫu tại Bacelona. Cuối năm 1937, theo như Julian Gorkin, tại khám đường Santa Clara đã có 72 người bị tuyên án tử hình.

Đảng POUM đã bị phá tan, các người thuộc đảng xã hội đã bị loại ra hay đã bị lung lạc, còn lại các người vô chính phủ. Trong những tháng đầu các người cộng hòa đã chống trả lại pronunciamiento của tướng Franco và dưới ảnh hưởng của các người cộng hòa tại vùng Aragon các đoàn thể nông nghiệp đã tập họp lại. Vài tuần lễ sau tháng 5 năm 1937, các thành phố và các làng xã đã bị các vệ binh xung phong chiếm đóng. Đại hội các đoàn thể nông nghiệp dự định được dời lại một ngày khác và đến ngày 11 tháng 8 một sắc lịnh được ban ra giải tán Hội đồng vùng Aragon. Chủ tịch của hội đồng Joaquin Ascaso bị tố cáo là đã ăn trộm nữ trang, đã bị bắt giam và được thay thế bởi một viên toàn quyền cai trị tên là José Ignacis Mantacon, một

thành viên của tả phái cộng hòa nhưng thiệt ra là một tàu ngầm của Cộng sản. Đó là một cuộc tấn công thẳng vào tổ chức CNT với dụng ý là phá hoại ngấm ngầm các căn bản của ảnh hưởng tổ chức CNT.

Sư đoàn 11, dưới sự chỉ huy của tên cộng sản Enrique Lister đã làm nhiều cuộc đổ máu ở Castilla như: hành quyết các người tự do tuyệt đối, bạo động chống lại các tập đoàn nông dân tập thể hóa. Sư đoàn 27 còn có tên là Karl Marx của PSUC và sư đoàn 30 đã dùng võ lực để giải tán các tập đoàn nông dân. Hàng trăm người tự do tuyệt đối đã bị bắt hoặc đã bị loại ra khỏi các hội đồng thành phố và được thay thế bởi các người Cộng sản, trong lúc đó các vùng đất đã canh tác tập thể được trả về và chia lại cho các chủ cũ. Hành động này được phối hợp với việc loan tin một cuộc tấn công đại quy mô vào thành phố Saragosse để có cách chứng minh việc quét sạch các vùng hậu tuyến hầu sửa soạn cuộc tấn công. Mặc dầu đã xảy ra cuộc tàn sát cả trăm nông dân nhưng những người này cũng tái lập lại các tập đoàn của họ. Ở vùng Castilla, tên tướng Cộng sản lừng danh El Campesino (tên thật là Valentin Gonzles) đã chỉ huy các cuộc hành quân chống lại các nông dân. Theo như các tin do ông César M. Lorenzo đưa ra, các hành động của El Campesino đã vượt qua quá xa các hành động của Lister. Lại diễn ra các cuộc tàn sát hàng trăm nông dân, nhiều làng xã bị thiêu hủy, nhưng tổ chức CNT đã phản ứng lại dữ dội để chống lại các hành động gây

hắn này và nhờ vậy đã chấm dứt được các hành động của El Campesino.

Cơ quan NKVD ra tay

Vào năm 1937 ở Tây Ban Nha, cơ quan NKVD đã trở thành một loại cơ quan phụ thuộc cho bộ Nội vụ của chính phủ cộng hòa dưới tên là Grupo de Informatión. Các nhân viên Cộng sản đã kiểm soát Tổng Nha An Ninh. Mùa Xuân 1937 và mùa Hè, các tổ chức Servicio Alfredo Hertz đã hoạt động tối đa. Julian Gorkin được gọi là một trong các vị thầy giỏi về hỏi cung và hành quyết. Cùng làm việc với Hertz có người tay chân của Ernö Gerö tên là Hubert Von Ranke, người này đã phục vụ Gerö từ năm 1930 và có một lúc làm Ủy viên Chính trị của tiểu đoàn Thaelmann thuộc trung đoàn quốc tế, nay y được ủy nhiệm kiểm soát các người ngoại quốc nói tiếng Đức. Hình như, nếu là đúng theo sự thật là chính Von Ranke đã với chức vụ của y bắt Erwin Wolf và sau đó đã thả ra, nhưng rồi một thời gian sau đã tuyệt tích.

Hai nhân viên chính phủ của Grupo de Información đã bắt giam bà Katia Landau ngày 11 tháng 9 năm 1937. Bà Katia đã kể lại phương pháp bỉ ổi đê hèn mà Von Ranke đã xử dụng: nó là một những nhân viên đê hèn của cơ quan GPU, lúc đó nó mang tên là Mortiz Bressler, và đã làm rất ít các cuộc tố cáo. Hắn và vợ hắn là Seppl Kapalanz đã cho bắt một người bạn vì nghi ngờ là người này biết Kurt Landau đang ở đâu và nói: Nếu anh không cho địa chỉ của nó, không bao giờ

anh ra khỏi khám đường. Nó là một kẻ thù của Mặt trận Bình dân và của Staline. Khi mà chúng tôi biết nó ở đâu, chúng tôi sẽ đi đến đó để giết nó.

Trong đêm 9 rạng ngày 10 tháng 4 năm 1937, một thanh niên người Norvège mà không ai biết đến tên là Marc Rein đã tham gia vào các phong trào cực tả của nước Norvège, anh đang cư ngụ ở trong một khách sạn ở Barcelone bỗng nhiên mất tích. Vài ngày sau các bạn hữu của anh được biết là anh đã mất tích, liền báo động cho dư luận quần chúng. Marc Rein là con trai của Rafaël Abramocitch, một người Nga di cư và là lãnh tụ của đệ nhị quốc-tế. Tư cách của nạn nhân đã khiến cho gia đình của nạn nhân và các người bạn kịch liệt tìm kiếm để biết về số phận của nạn nhân, đã gây ra một sự xúc động lớn ở hải ngoại và tạo ra các mối bối rối cho chính phủ cộng hòa Tây Ban Nha. Chính phủ Tây Ban Nha bắt buộc phải ủy nhiệm cho một nhân viên của chính phủ mở cuộc điều tra và được biết là tổ chức Servicio Alfredo Hertz là thủ phạm của việc Marc Rein đã mất tích. Một cuộc tranh chấp gay gắt đã xảy ra giữa cơ quan NKVD và chính phủ Tây Ban Nha, đã đưa đến việc là ngày 9 tháng 7 năm 1937, vị quốc vụ khanh của Bộ trưởng Bộ Nội-vụ đã cho thực hành trước mặt các nhân chứng một cuộc đối chất của nhân viên tình báo của chính phủ (bí số SSI 29) với hai tên đồng lỏa Hertz và Gomez Emperador. Ngày hôm sau, nhân viên SSI 29 liền bị tổ chức của Hertz bắt giam. Lúc ấy văn phòng tình báo xử dụng SSI 29 còn

đủ uy lực để giải thoát cho nhân viên của mình. SSI 29 tên thật là Laurencic, đã bị truy tầm ra do các nhân viên của mật vụ Franco, bị bắt và đưa ra trước tòa án binh của Franco và bị xử tử với tội danh là nhân viên của cơ quan NKVD.

Vụ Marc Rein đến nay chưa ai biết được sự kết thúc nó ra sao, và cũng không ai biết được số phận của nạn nhân. Nhưng đã đưa đến việc là vào cuối tháng 7 trở về sau các hành động của Hertz đã không còn quá lộ liễu: các tổ chức của y đều bị giải tán, nhưng được tái tổ chức lại dưới quyền của Victorio Sala. Bắt đầu từ 15 tháng 8, bộ trưởng Bộ Quốc phòng thuộc đảng xã hội tên Indalecio Prieto đã tổ chức Servicio de Investigación Militar (SIM) với nhiệm vụ là quy tụ tất cả các tổ chức kiểm soát chính trị và các tổ chức phản gián điệp. Trong một thời gian ngắn, tổ chức SIM đã có 6.000 nhân viên. Một số nhân viên của Hertz, có trình độ đã gia nhập vào SIM. Và năm 1939, Prieto đã biểu lộ là tổ chức SIM, trên nguyên tắc là để dùng vào các việc phản gián điệp đã được tổ chức, vì các lời thúc giục của các người Xô Viết và chẳng bao lâu dù là đã dùng các biện pháp ngăn ngừa, vì ngay từ lúc đầu tổ chức này đã do một người bạn thân tín của Prieto lãnh đạo, các người Cộng sản đã đoạt được tổ chức SIM và dùng nó để thực hành các mục tiêu của họ. Dưới áp lực của các người Xô Viết và các người Cộng sản, đến ngày 5 tháng 4 năm 1938 Priéto bị loại ra khỏi chính phủ.

Julian Gorkin đã mô tả các hoạt động của SIM: họ

bắt mọi người tùy theo các tính hay thay đổi của họ, bắt ngang bắt ngữa, để tuân theo các kế hoạch đàn áp trả đũa về chính trị. Kẻ nào bị bắt liền bị giam vào khám đường và người ta bắt đầu nghiên cứu liền vụ xử án mà không cần điều tra. Tổ chức SIM giữ các hồ sơ, từ tháng này qua tháng khác nói là để điều tra bổ túc. Và tổ chức SIM chính là sự khũng bố đối với các vị thẩm phán và các vị luật sư cùng các ông dự thẩm khi họ biết rằng tù nhân là kẻ vô tội.

Rudolf Frei là một người Cộng sản Thụy Sĩ, trước kia anh là một người thợ máy và anh đã theo các lớp học của trường Lénine Quốc tế ở Moscou vào năm 1931-1932. Anh được ủy nhiệm lo việc đưa các người tình nguyện đi từ Bâle, Thụy-Sĩ) đi sang Tây Ban Nha. Theo lời yêu cầu của anh, anh đi sang Tây Ban Nha vào cuối năm 1937, và phục vụ tại sở kiểm soát của SIM, đặc biệt là để theo dõi các người dân Thụy Sĩ. Vào mùa Xuân 1938, rất nhiều tù nhân chống phát xít bị bắt giam ở trong các khám đường do các người Cộng sản kiểm soát, đã bị cưỡng bách đưa ra các mặt trận, cùng với các người tù thuộc phe của tướng Franco để làm các việc đào những giao thông hào, và các việc khác rất là cực khổ mà không có lương thực, săn sóc y tế kèm theo sự đe dọa thường xuyên là sẽ bị bắn bỏ.

Một trong những người sống sót, đã vượt ngục được, anh tên là Karl Brauning, anh thuộc vào nhóm các người Cộng sản Đức ly khai, đã biểu lộ với nhiều người bạn thân vào tháng chạp năm 1939, trên sáu tháng sau

khi anh trốn thoát: những điều mà chúng tôi đã sống từ tháng bảy rất là tàn ác và kinh khủng. Các hình ảnh trong cuốn sách của Dostoïevski: ngôi nhà của các người chết chỉ là các bản sao lợt lạt. Thêm vào đó việc chịu đói triền miên đã đưa đến việc mê sảng. Thân thể của tôi chỉ còn một nửa của ngày trước, chỉ còn da bọc xương và lại đau ốm không còn sức lực. Vào đến giai đoạn này, biên giới giữa người và con thú không còn nữa. Người ta đã đạt được đến giai đoạn đầu của sự dã man. Các người phát xít còn phải học hỏi thêm rất nhiều ở cái thằng ăn cướp này và các người phát xít còn có thể tự cho mình xa xỉ là đã còn giữ lại một ít văn hóa. Có lẽ các người Cộng sản đã ghi trên hồ sơ của anh: cần phải tiêu diệt thể xác bằng các phương tiện hợp pháp. Đó là việc người ta đã toan tính cho tận cùng.

Tái diễn lại tại Barcelone một Tòa án ở Moscou

Mặc dầu đã tái tổ chức lại các cơ cấu, cơ quan NKVD đã gặp một vài chướng ngại vật, do các việc xâm nhập trá hình: sau khi đã chịu đựng các cuộc đàn áp dã man, đảng POUM đã nhận được sự trợ giúp của các nhóm người cách mạng Tây Ban Nha; họ tổ chức thành một hiệp hội bảo vệ các người cách mạng bị cầm tù ở Tây Ban Nha trong các khám đường của chính phủ cộng hòa. Các hành động quần chúng công khai diễn ra để chống lại các hành động đen tối và đầy tội ác của các người Xô Viết. Đó là 3 phái đoàn đã đi đến tại chỗ để mở các cuộc điều tra. Phái đoàn thứ ba do John MacGovern thuộc đảng Lao động độc lập và giáo

sư Felicien Challaye đã có thể viếng khám đường ở Barcelone đó là cárcel modelo, nơi đây đã giam cầm 500 người chống phát xít. Phái đoàn đã ghi chép và thâu thập được các lời khai về các sự ngược đãi mà các tù nhân này đã phải hứng chịu. MacGovern và Challaye đã xin tha cho lối 12 tù nhân. Hai ông này cũng đã cố gắng để đi thăm nhà tù, nơi giam giữ bí mật của cơ quan NKVD tọa lạc tại công trường Junta. Dầu có được sự ủng hộ của bộ Tư pháp là Manuel de Irijo, hai vị này đã không vào được nhà tù này. MacGovern đã kết luận rằng: Chiếc mặt nạ đã rớt xuống, chúng tôi đã vén được bức màn lên và chỉ rõ rằng quyền lực nằm tại chỗ nào. Các vị Bộ trưởng muốn nhưng không làm được.

Ngày 11 và 12 tháng 10, các thành viên của ủy ban Hành-pháp của đảng POUM gồm có: Gorkin, Andrade, Gironella, Rovira, Arquer, Rebull, Bonet, Escuder đều bị đưa ra xử trước một tòa án đặc biệt trong một vụ tố tụng, đã bắt chước theo các vụ xử án tại Moscou. Trên thực tế, phiên tòa này làm vững chắc hơn các việc mà người ta muốn phải tin, các cuộc tố cáo ở URSS chống lại các người đối nghịch mà người ta gom lại, dưới chữ tổng quát là các người trotskiste. Nhưng tất cả các người tranh đấu kể trên, đã phản đối chống lại những lý lẽ dùng để buộc tội họ. Các danh nhân ngoại quốc gồm có: André Gide, Georges Duhamel, Roger Martin de Gard, François Mauriac và Paul Rivet, đã gởi bằng điện tín một thông điệp cho Thủ tướng Juan Negrin,

đòi hỏi là tất cả các bị cáo phải được hưởng các sự bảo đãm về pháp lý. Các lời tố cáo đã dựa trên các lời khai đã bị cưỡng đoạt, cuộc xử án đã trở thành sự hỗn độn nơi các người tố cáo. Các báo chí Cộng sản đòi phải kết án tử hình, nhưng không có án tử hình nào được tuyên ra. Các người tranh đấu của đảng POUM đã bị kết án với 15 năm tù giam, trừ Jordi Arquer bị xử 11 năm tù giam và David Rey. Bản án này được tuyên ra vào ngày 2 tháng 11, vì tội đã đăng tin vu khống trên báo *La Batalla* là chính phủ cộng hòa Tây Ban Nha đã chịu các lịnh của Moscou, và truy tố tất cả mọi người không chịu theo lịnh của Moscou, và coi đây là một lời nhận tội.

Vào tháng 3 năm 1939, chính phủ cộng hòa đã thua trận chiến, các người có trách nhiệm của SIM mưu toan giao các người bị kết án cho phe Franco để phe này xử bắn các người này, với toan tính là để cho các kẻ thù của chính phủ cộng hòa làm xong cái việc dơ dáy này, mà các nhân viên của NKVD đã không hoàn thành được. Nhờ được sự may mắn, các người sống sót của Ủy ban Hành pháp đảng POUM đã vượt thoát được.

Trong hàng ngũ của trung đoàn quốc tế

Tiếng vang ở trên toàn thế giới, của cuộc chiến đấu nơi những người cộng hòa đã khiến một số người tình nguyện, và tự nhiên quyết định đi sang Tây Ban Nha để chiến đấu chống lại các người quốc gia, và đã gia nhập vào các đoàn quân tự vệ hay các đoàn quân do các tổ chức. Họ đã thâu nhận được cảm tình của các

người tình nguyện. Việc thành lập các trung đoàn quốc tế là do sáng kiến của Moscou và đã trở thành một đạo quân của Cộng sản, dù tại đây họ đã không tập hợp được tất cả những người Cộng sản. Nhưng phải phân biệt được các chiến sĩ đã ra đi tuyền tuyến và các người thuộc về bộ máy tại hậu phương, không đi chiến đấu. Vì lịch sử của các trung đoàn không thể chỉ tóm tắt ở các trận giao phong anh hùng của các chiến sĩ nơi các trung đoàn.

Vào mùa Thu-Đông năm 1936 các trung đoàn này đã bành trướng mau lẹ, với quân số của hàng chục ngàn người từ khắp nơi trên thế giới đổ về. Với các người Cộng sản họ chỉ chấp nhận việc gia nhập của các người này, sau khi thi hành các sự kiểm soát. Họ muốn tránh các sự xâm nhập của các điệp viên hàng hai của tướng Franco, quốc xã hay những cái khác. Và mau chóng, các người Cộng sản kiểm soát tất cả các người tình nguyện về trình độ giáo điều chính thống của họ, trong khi ấy thì cuộc đại khủng bố đang diễn ra ở Moscou và trên toàn nước Nga. Dịch vụ nơi những cán bộ của các đảng Cộng sản các nước được ủy nhiệm để điều khiển cuộc đấu tranh chống lại những kẽ khiêu khích, nghĩa là tìm ra các người Cộng sản ly khai, các người bị phê bình và vô kỷ luật. Họ còn có bổn phận tuyển mộ các người Cộng sản tình nguyện ở ngoại quốc: cơ quan công an Thụy Sĩ ở Zurich đã bắt được trong người của tên Cộng sản người Đức tên là Alfred Adolf, dấu một danh sách tố cáo với các người Xô Viết ở Tây Ban Nha, danh sách

các người tình nguyện mà người ta không muốn có. Trong một tài liệu mà ủy ban hành pháp của tổ chức Komintern đề ra từ mùa Thu 1937, đã ra lịnh phải trừ bỏ ra khỏi các trung đoàn các phần tử về chính trị thuộc về loại đáng nghi ngờ và kiểm soát việc tuyển lựa các người tình nguyện; hầu tránh việc xâm nhập vào đội ngũ của các trung đoàn các nhân viên tình báo, các gián điệp phát xít và các người trotskiste. Đó là vì sao hồ sơ cá nhơn của mỗi người tình nguyện lại nằm trong các hồ sơ lưu trữ của tổ chức Komintern ở Moscou hiện có hàng vài chục ngàn hồ sơ.

Đến nước Tây Ban Nha vào tháng 6 năm 1936, đảng viên Cộng sản Pháp André Marty được coi là đại diện của tổ chức Komintern ở bên cạnh chính phủ cộng hòa. Ông là thành viên của văn phòng chính trị của đảng Cộng sản Pháp-PCF, và là thơ ký của tổ chức Komintern và cũng giữ vai trò chủ nhân ông chính thức của căn cứ Albacete, tại nơi đây đã tổ chức thành lập các trung đoàn quốc tế. Song song với các trung đoàn, các người Cộng sản đã thành lập liên đội 5 dưới sự chỉ huy của Enrique Lister, người này đã ở URSS vào năm 1932 để thụ huấn tại viện đại học quân sự Frounzé. Lẽ dỉ nhiên là cơ quan SIM cũng hiện diện ở Albacete.

Tính rộng lớn của các cuộc thủ tiêu, các người tình nguyện thuộc các trung đoàn cho đến ngày nay còn là đầu đề của các cuộc tranh luận. Có vài người đã chối cãi các trách nhiệm của Marty, dù đã có các chứng cớ hiển nhiên đè trên các hành động của Marty, và các chứng

cớ khác để minh giải các trọng trách của Marty. El Campesino đã giải thích: không còn nghi ngờ gì Marty đã phải trừ bỏ các phần tử nguy hiểm. Ông này đã ra lịnh hành quyết vài người, việc này không chối cãi được, nhưng đó là các người đã phản bội, đào ngũ hay đã ám sát một người khác. Một nhân chứng Gustave Regler đã từng làm ủy viên phó của trung đoàn 12 đã xác nhận các phương pháp này: trong cuộc giao tranh gần Escurial, hai chiến sĩ của trung đoàn (2 người này khi trước thuộc phe vô chính phủ) đã thối chí, Régler đã ra lịnh bắt giam 2 người này và đề nghị gởi 2 người này vào viện nghĩ dưỡng sức. Ông Régler đã báo cáo cho Marty và ông này đã quyết định gởi 2 người chiến sỉ đi Alcalá de Henares. Chỉ mãi lâu về sau này, Régler mới được biết là Alcalá de Henares không phải là một viện nghỉ dưỡng sức, mà là nơi trú quân của một phân đội chiến sĩ người Nga chuyên việc hành quyết; trong các văn khố tìm được ở Moscou, người ta đã tìm thấy một bản viết tay, với chữ ký của Marty, để giải thích cho ủy ban trung ương đảng Cộng sản PCE: tôi đã lấy làm tiếc việc người ta đã gởi trở về Valencia các tên gián điệp và các tên phát xít, mà đáng lẽ người ta phải gởi họ về Valencia để thủ tiêu. Các anh cũng hiểu rằng các trung đoàn quốc tế không thể làm được việc này ở tại đây, ở Albacete. Người ta cũng hiểu là việc hành quyết các tên gián điệp hay là phát xít không phải là một chuyện dễ làm; ngay ở trung tâm một căn cứ quân sự và người ta cũng không hiểu là Marty muốn chỉ

định đến một người nào; nhưng trong các trường hợp, Marty đã không muốn làm cái việc bẩn thỉu này và muốn để ở một nơi khác, một người khác thay thế làm các việc này, nhưng sẽ không vì vậy làm giãm bớt các trách nhiệm về tinh thần và luân lý của Marty.

Một cuốn phim sản xuất vào tháng 11 năm 1937, đã diễn tả lại cảnh một cuộc hành quyết của Erich Frommelt, chiến sĩ của tiểu đoàn Thaelmann, thuộc về trung đoàn 12 đã bị tuyên án tử hình vào hồi 23 giờ 15 và bị hành quyết vào ngày hôm sau vào lúc 16 giờ 45. Nhưng chính thức, Frommelt đã tử trận trong trận đánh ở Téruel. Một việc giấu diếm như vậy khiến người ta phải đặt câu hỏi về loại các người đào ngũ. Chiến sĩ trung đoàn tên Roger Codou người Pháp, đã có dịp tham khảo các hồ sơ ở trong nhà tù của các chiến sĩ các trung đoàn, đã nhận thấy xảy ra nhiều vụ chết đuối và theo sự suy tư của Codou đã che dấu các vụ hành quyết đơn giản. Hai khám đường được dành riêng cho các chiến sĩ của những trung đoàn: một ở trong ở khu Harta ở Barcelone với 165 người bị giam vào năm 1937 và một ở Castellon de la Plana. Rất khó mà biết được con số của các chiến sĩ trong các trung đoàn đã bị thủ tiêu. Julian Gorkin đã tố cáo André Marty là người chịu trách nhiệm và chỉ riêng y mà thôi về việc thủ tiêu lối 500 người vì tội vô kỷ luật hay là bị nghi ngờ là lợi dụng thời cơ.

Từ Glasgow thuộc nước Anh, Robert Martin đã nhận thấy ở Albacete thường xảy ra các cuộc bắt giam.

Chính Martin cũng bị bắt giam với 70 chiến sĩ, trong số này có nhiều người bị thương tích. Việc giam cầm ở đây đã diễn ra rất là khốn khổ, đã khiến các người bị giam cầm đã tuyệt thực để phản đối. Mặc dầu đã có tin là họ sẽ được trả lại tự do, các người được phân ra thành các nhóm nhỏ và đưa đi Barcelone. Robert Martin và các người bạn tù được đưa về Hôtel Falcon, trụ sở củ của đảng POUM đã được biến đổi thành nhà tù, và sau được đưa sang Calle Corsiga, nơi đây họ đã được chụp hình và lấy dấu tay. Một phép lạ đã giúp Georges Martin vượt ngục được và anh đã chạy trốn sang nước Pháp, và từ đó trở về sau anh không được biết gì cả về số phận các người bạn tù của anh. Anh Max Reventlow đã thuật lại là trong lúc lui quân liên tục, các toán quân cộng hòa đã đem theo lối 600 người tù, khi phòng tuyến án ngữ của họ đã bị quân của tướng Franco xuyên thủng ở nhiều nơi. Các toán quân cộng hòa lui quân về hướng biển Méditerranée, các toán quân của trung đoàn quốc tế cũng rút về vùng Catalogne. Về đến nơi sau này số 600 người tù đã bị giam ở Horta và Castellón, hai nhà tù dưới sự quản đốc của Copic người Croatie, và khi số người này vừa đến nơi đã bị xử bắn hết 16 người. Ở trong các nhà tù, các ủy ban đã tuyên án tử hình mà không có công lý hay một can thiệp nào: sau khi xảy ra cuộc vượt ngục của 50 người tù, các ủy ban này đã ra lịnh xử bắn 50 người tù khác. Việc tra tấn các tù nhân xảy ra thường xuyên; trung úy người Đức Hans Rudolph đã bị tra tấn

liên tục trong sáu ngày: tay và chân đều bị gãy, các móng tay đều bị nhổ hết và đã bị hành quyết ngày 14 tháng 6 năm 1938 với 6 người tù khác bằng cách bị bắn đằng sau đầu một viên đạn. Về sau tên Copic bị đưa ra xử trước tòa án, vì bị tố cáo là làm gián điệp, hắn được em của hắn là đại tá Vladimir Copic, của de Luigi Longo Marty can thiệp nên được tha bổng.

Vì đã giết một tên lính SS của quân lực Đức, anh Hans Beimler, một vị dân biểu Đức người Cộng sản đã bị giam vào trại Dachau và anh đã vượt thoát khỏi trại giam này và đi sang Tây Ban Nha để tham gia cuộc nội chiến ở đây và tham dự vào việc tổ chức tiểu đoàn Thaelmann. Anh đã tử trận ở Palacete ngày 1 tháng 12 năm 1936. Gustav Regler đã quả quyết là Beimler đã bị chết bởi một viên đạn của quân Franco. Người bạn gái của anh Antonia Stern đã nói ngược lại: Beimler đã phê bình và chỉ trích các vụ xử án lớn ở Moscou do Staline đã ra lịnh và thêm nữa là anh đã liên lạc lại được với các người đảng viên Cộng sản KPD là Ruth Fisher, hai người này đang hoạt động với một nhóm người chống đối ở Paris. Cô Antonia Stern đã bị tước đoạt tất cả các tài liệu riêng và giấy tờ của cô và bị trục xuất ra khỏi Tây Ban Nha. Căn cứ trên bản phúc trình của Servicio Secreto Intelligente, một ban đặc biệt của công an vùng Catalogne, ban này có các người điềm chỉ riêng trong hàng ngũ cộng sản, ông Pierre Broué trong quyển sách viết chung với Julian Gorkin thiên về ý nghĩ đó là một cuộc ám sát. Các trung đoàn

quốc tế đã quy tụ một số đông chiến sĩ nam và nữ trong hàng ngũ của họ. Các chiến sĩ này với lý tưởng liên kết với nhau và quảng đại và họ đã sẵn sàng để tự hy sinh tính mạng của họ. Một lần nữa, Staline và các tổ chức của ông đã khai thác vô liêm sỉ tấm lòng cao cả của các chiến sĩ này và sau cùng đã bỏ rơi các chiến sĩ của trung đoàn quốc tế mặc cho số phận buồn thảm của họ và luôn cả nước Tây Ban Nha: Staline bắt đầu cuộc chuẩn bị để lại gần Hitler.

Cuộc đi đày xứ xa và cái chết ở tổ quốc vô sản

Sau cuộc bại trận của chính phủ cộng hòa Tây Ban Nha, Togliatti đã tổ chức ở Paris vào tháng 3 năm 1939 một ủy ban để tuyển lựa những người dân Tây Ban Nha được phép đi sang di trú ở tổ quốc các người vô sản. Và sau đây El Campesino đã mô tả ở trong các điều kiện nói về chuyến đi của ông qua lãnh thổ URSS. Ngày 14 tháng 5 năm 1939, từ bến Havre ông đã lên tàu Sibéria cùng với 350 người gồm có các thành viên của văn phòng chính trị và của ủy ban trung ương của đảng Cộng sản PCE, các vị dân biểu Cộng sản, các vị chỉ huy trung đoàn 5 và lối 30 vị chỉ huy của các trung đoàn quốc tế. El Campesino đã dự kiến việc tái tổ chức lại ủy ban trung ương đảng cộng sản PCE dưới sự che chở của các nhân viên của cơ quan NKVD. Tân ủy ban này có nhiệm vụ kiểm soát số người là 3.961 người tị nạn dân Tây Ban Nha và được chia ra làm 18 nhóm, được phân chia đi định cư ở nhiều thành phố khác nhau. Trong lúc sống ở xứ lạ, ủy ban này có nhiệm vụ gián

điệp kiểm soát và tố cáo các đồng bào, các đồng chí của mình như trường hợp viên cựu thư ký đảng PCE ở Jaén đã tố cáo để bắt giam nửa số các người dân Tây Ban Nha di cư sang sinh sống ở tỉnh Kharkov, hay là tên Cortina đã tố cáo để đưa đi lưu đày ở Sibérie nhiều phế nhân. El Campesino bị đuổi ra khỏi viện đại học quân sự Frounzé vì bị tố cáo là có khuynh hướng trotskiste và đã phải đi làm công nhân sở xe điện dưới đất ở Moscou. Về sau ông bị đày đi Ouzbékistan, rồi sau đưa sang Sibérie cho đến năm 1948 ông đã trốn thoát được qua Iran.

Ngày 19 tháng 3 năm 1942, trong lúc vợ và con gái của ông đi vắng, ông José Diaz tổng thư ký đảng Cộng sản PCE, đã nhảy từ từng lầu thứ 4 qua cửa sổ để tự tử và đã chết. Ông El Campesino cùng các bạn của ông đều tin chắc đây là một cuộc ám sát. Trong thời gian trước khi qua đời, Diaz đã viết một quyển sách nói về các kinh nghiệm đấu tranh của cá nhân ông, và ông tỏ vẻ đã bị lợi dụng và cũng đã gởi nhiều bức thư cho các nhà cầm quyền Tiflis, để phản đối các hình phạt và đối xử tệ với các trẻ em người Tây Ban Nha ở trong các trại thiếu nhi ở vùng này.

Trong thời gian xảy ra nội chiến hàng ngàn thiếu nhi Tây Ban Nha đã được đưa sang URSS. Các em này tuổi từ 5 cho đến 12 tuổi. Khi chế độ cộng hòa đã thua trận chiến, thì ở bên URSS nếp sống vật chất của các em liền thay đổi. Đến năm 1939, các vị giáo viên người Tây Ban Nha cùng với các em, đã bị tố cáo là có tư

tưởng trotskiste và 60 % các vị giáo viên này đã bị bắt giam tại nhà giam Loubianka ở Moscou. Còn các vị giáo viên khác thì bị đưa đi lao động ở các công xưởng, El Campesino đã tiết lộ sự kiện này. Một nữ giáo viên đã bị tra tấn suốt 20 tháng liền và sau thì bị xử bắn. Số phận của các thiếu nhi trở nên khốn khổ và các giáo viên người Nga Xô Viết thay thế các người Tây Ban Nha. Ở Kalouga, vì không tôn trọng kỷ luật, các trẻ em dưới sự kiểm soát toàn quyền của tên Juan Modesto, một vị tướng đã phục vụ ở trung đoàn 5, và của tên Lister. Vào năm 1941, theo sự tiết lộ của Jésus Hernandez, 50% các trẻ em đã mắc bệnh ho lao, và 750 trẻ em (tức là lối 15%) đã chết trong lúc di tản vì quân đội Đức Quốc xã xâm lăng đã tiến tới quá gần. Các trẻ em đã được đưa về vùng Oural và vùng trung Sibérie ở Kokand. Cắc trẻ em này đã họp thành đoàn để đi ăn cắp, còn các em gái thì làm mãi dâm. Có nhiều em đã tự sát. Cũng do sự tiết lộ của Jésus Hernandez, trong số 5.000 thiếu nhi thì 2.000 đã chết. Đến năm 1947, kỷ niệm 10 năm các thiếu nhi này đến đất Nga. Một cuộc lễ đã được tổ chức ở rạp hát Stanilavski ở Moscou và có 2.000 thiếu nhi Tây Ban Nha tham dự; sau đó 534 em được đưa trả về Tây Ban Nha vào tháng 9 năm 1956. Cuối cùng chỉ còn 1.500 em được trả về Tây Ban Nha. Nhiều người Tây Ban Nha khác đã nếm mùi sinh sống và chết ở trên đất URSS. Đó là các người lính hải quân và không quân người Tây Ban Nha, không phải là Cộng sản được gởi sang URSS, để thụ huấn kỹ thuật. Ông

El Campesino đã được biết rõ về số phận của 218 phi công trẻ tuổi được gởi đi huấn luyện vào năm 1938; theo một khóa học dài từ 6 đến 7 tháng ở Kirovabad. Cuối năm 1939, viên đại tá người Tây Ban Nha tên Martinez Carton thành viên của văn phòng chính trị của đảng Cộng sản PCE và cũng là nhân viên của cơ quan NKVD đã họp các sinh viên phi công lại và bắt buộc họ phải lựa chọn: ở lại đất URSS hay là đi ra nước ngoài. Những người nào lựa chọn đi ra nước ngoài liền bị gởi đi lao động trong các cơ xưởng. Đến ngày 1 tháng 9 năm 1939 tất cả các người này đều bị bắt giam và một cuộc tố tụng được bắt đầu cho họ. Có nhiều người đã bị tra tấn, có nhiều người khác đã bị hành quyết, phần lớn đều bị kêu án từ 10 đến 15 năm và giam ở các trại lao động. Một nhóm người được gởi đi Petchoraliev, chả còn có người nào sống sót. Và kết cuộc trong số 128 phi công này chỉ còn có 6 người sống sót.

Vào năm 1947, chỉ có vài người Tây Ban Nha đi tị nạn ở URSS đã thoát khỏi ra nước này. Những người còn ở lại được yêu cầu là phải ký giấy xin ở lại URSS. Vào tháng 4 năm 1948, José Ester (tù bị đi đày vì chính trị, số tù là 64533 ở Mauthausen) và José Domenech (tù chính trị bị đưa đi đày ở Neuengamme số tù 40202) đã tổ chức một cuộc họp báo ở Paris, nhân danh liên đoàn các người Tây Ban Nha bị lưu đày, và các người bị quản thúc về chính trị (Fédéración Espagnola de Déportados e Internados Politicos) hầu để phổ biến công khai các tin tức về số phận của các người Tây Ban Nha bị giam ở

trại số 99 Kanraganda nằm ở tây-bắc vùng hồ Balkach thuộc Kazakhstan. Họ đã phổ biến một danh sách gồm có tên của 59 người bị đưa đi lưu đày, trong số này có tên của 24 phi công và 33 người lính hải quân. Trong một bản tuyên ngôn ra ngày 1 tháng 3 năm 1948, hai người tù chính trị này đã tuyên bố lý do của cuộc vận động này: đây là bổn phận khẩn thiết của chúng tôi, cho tất cả các ai đã phải chịu nạn đói và lạnh giá băng cùng với sự sầu não, tiêu điều dưới sự thống trị tra khảo của cơ quan Gestapo và của các tên lính SS. Và đây cũng chính là chức vụ của mọi người công dân, khi mà các câu tự do và nhân quyền của con người đã được các đạo luật ghi thành văn, phải đòi hỏi và bắt buộc, vì tình liên đới, phải giải phóng các người này vì họ đang bị sự chết chóc đe dọa họ nặng nề.

Sau đệ nhị thế chiến, các người Cộng sản và các tổ chức đặc biệt của họ vẫn tiếp tục việc thủ tiêu các người đối lập: Ông Joan Farré Gasso cựu lãnh tụ của đảng POUM ở Lézida, đã tham gia kháng chiến ở Pháp chống lại Đức-quốc-xã. Ông bị chế độ Vichy bắt giam ở Moissac và sau khi được trả tự do, ông muốn trở về một làng nhỏ nằm ở vùng Catalogne thuộc Pháp để thăm vợ ông. Trên đường đi Montauban ông đã bị các người kháng chiến Cộng sản Tây Ban Nha chận bắt và đã đơn giản hạ sát ông. Việc ám sát này đã làm kéo dài cuộc nội chiến Tây Ban Nha, và có thêm một hành động tai hại: xử dụng đến phương tiện ám sát và thủ tiêu, mà nạn nhân là là hàng ngàn người chiến

sĩ chống phát xít, những người quyết liệt và can đảm. Trường hợp của nước Tây Ban Nha đã chứng minh việc không thể có là tách rời các tổ chức tội ác, công an và của các người Cộng sản, mà mục tiêu của họ là đạt được những gì họ muốn về chính trị. Phải nhìn nhận sự thật là trong thời gian giữa hai cuộc thế chiến, bạo động vẫn thường xảy ra ở Tây Ban Nha, và trận nội chiến đã cho phép các vụ bạo động tự do diễn ra, và lại còn được cộng thêm với sự hỗ trợ của các người Xô Viết. Họ đã đem thêm vào sức mạnh toàn bộ của một đảng-nhà nước đã thoát thai và trưởng thành bằng chiến tranh và bạo động, để đạt được các mục tiêu đã được quyết định về quyền lợi của URSS được che dấu dưới hình thức chống phát xít. **Việc rõ ràng là Staline cùng với các người thân tín của ông đã mưu tính và với mục đích thiết thực là kiểm soát được nền cộng hòa Tây Ban Nha. Để đạt được mưu toan này, việc thủ tiêu các người chống đối tả khuynh, các người thuộc đảng: đảng xã hội, nghiệp đoàn vô chính phủ, đảng POUM và thiên trotskiste, cũng là việc không kém quan trọng như là việc đánh bại hay chiến thắng tướng Franco.**

CHƯƠNG 3
CỘNG SẢN VÀ KHỦNG BỐ (RÉMI KAUFFER)

Trong những năm thuộc các thập niên 1920 và 1930, phong trào quốc tế cộng sản đã tập trung tất cả các hoạt động vào việc tổ chức các cuộc nổi loạn có võ trang, và họ đã hoàn toàn thất bại.

Họ đã tạm để qua một bên hình thức bạo động này và đã lợi dụng thời cơ các cuộc chiến tranh giải phóng chống lại chủ nghĩa Quốc Xã và quân phiệt Nhật Bản, đã diễn ra trong các năm của thập niên 1940. Sang đến các năm của thập niên 1950 và 1960 lợi dụng các cuộc chiến tranh giải phóng các thuộc địa, họ đã tổ chức các đơn vị quân đội thật sự, các thân binh các toán du kích quân và dần dần lớn mạnh lên thành các đạo quân chính quy và từ đó biến thành các đạo Hồng-quân. Các

Diễn biến ở Yougoslave, ở Trung Quốc, ở Bắc Hàn, ở Việt Nam và ở Cambodge các hình thức của các hành động này đã cho phép những đảng Cộng sản nắm lấy chính quyền. Tuy vậy, ở châu Mỹ La Tinh các du kích quân Cộng sản đã thất bại, vì sự phản ứng mạnh mẽ của các lực lượng đặc biệt của chính phủ do các người Bắc Mỹ huấn luyện và viện trợ, đã khiến các tổ chức Cộng sản của các nước dùng lại các thủ đoạn khủng bố, mà họ đã xử dụng như vụ đặt chất nổ ở tại giáo đường lớn ở thành phố Sophia thủ đô của nước Bulgarie xảy ra vào năm 1924. Trên thực tế có việc phân chia việc khủng bố ra làm hai loại: một là việc khủng bố thông thường và một là việc khủng bố để chuẩn bị cho một cuộc nổi loạn cướp chính quyền và cùng là một nhóm người hoạt động để đạt được cả hai mục tiêu nói trên, dù đó là hai nhiệm vụ khác nhau. Danh từ thông dụng là phong trào giải phóng quốc gia được xử dụng đã phối hợp các cuộc khủng bố, với các cuộc tấn công của các du kích quân được võ trang như lính chính quy, và điển hình là mặt trận giải phóng quốc-gia Algérie và quân-đội giải phóng Algérie.

Trường hợp của Algérie khiến cho chúng ta phải chú ý và nằm trong môi trường của các người thuộc phe Algérie thuộc Pháp, với nhãn quan của họ, họ đã nhìn thấy sự nổi loạn của dân Algerie là một phong trào do các người Cộng sản ở Moscou đã hoạch định và lèo lái; nhận định của họ đã được chứng minh bởi diễn tiến là trong những năm 1956-1957, đã xảy ra các cuộc khủng

bố bằng cách đặt chất nổ ở nhiều nơi giữa trung tâm của thành phố Alger và đảng Cộng sản Algérie đã cung cấp cho người lãnh đạo của Mặt trận giải phóng quốc gia viết tắt là FLN, tên là Yacef Saadi, những chuyên viên lỗi lạc nhất về chất nổ.

Như vậy là đã chứng minh việc phong trào quốc gia đã lệ thuộc vào chủ nghĩa Cộng sản.

Nhưng trên chiến địa, đảng Cộng sản Algérie đã phải chịu sự chi phối độc đoán của các vị chỉ huy của FLN. Ở các nước khác FLN đã được sự hỗ trợ không dấu diếm của Moscou. Vì các lý do chính trị Moscou tránh không muốn có các cuộc xung đột với nước Pháp, trừ các trường hợp đã xảy ra những vụ commando do các lực lượng đặc biệt của Moscou nhúng tay vào. Các vụ cung cấp võ khí cho FLN là của Ai Cập dưới sự lãnh đạo nơi Yougoslavie bởi Tito, và đại diện cho các nước Đông Âu là nước Tchécolosvaquie đã cung cấp võ khí và huấn luyện các chiến sĩ FLN về cách thức hoạt động trong bóng tối. Phải chăng Moscou đã tiên liệu là trong tương lai, nước Algérie về mặt chính trị sẽ gần hơn với Moscou, nhưng lập trường của FLN có sự độc lập của họ. Việc này được thể hiện là các tổ chức đặc biệt của Moscou không hề đạt được các sự xâm nhập vào cơ quan an ninh quân đội (viết tắt là SM - Sécurité Militaire) của Algérie, không như họ đã làm với cơ quan an ninh quân đội của Cuba viết tắt là DGI. Các chế độ mới coi các cơ quan an ninh là cơ quan tâm

linh quan trọng hơn tất cả các cơ quan tâm linh khác. (le saint des saints du nouveau régime).

Một ví dụ khác về sự thận trọng của Moscou đối với các phong trào quốc gia khác, mà các mục tiêu còn trong tình trạng mờ ảo: đó là trường hợp của nước Irlande. Phần đặc hữu của tổ chức IRA (quân đội cộng hòa Irlande) được thành lập ở Dublin trong cuộc nổi dậy bị thất bại vào năm 1916, nhân mùa Phục sinh, chủ nghĩa cộng hòa là một ý thức hệ có một đặc tính riêng biệt của người Irlande, ta cần phải có một suy tư. Không để qua một bên vấn đề xã hội, vấn đề này đã để qua một bên vấn đề quốc gia sau năm 1921 việc thống nhất hòn đảo này, và đạt được việc đòi lại sáu quận thuộc quyền của Vương quốc Anh, và hiện nay là trọng tâm của mọi hành động đấu tranh. Đảng Cộng sản Ireland chỉ mới được thành lập vào năm 1933 và là nhóm thân Xô Viết hiện nay, đã dần dần tách ra đấu tranh cho chủ nghĩa quốc gia mà lại thiên về đấu tranh giai cấp.

Tổ chức IRA muốn có được võ khí để chống lại người Anh. Trong khoảng thời gian giữa hai cuộc thế chiến, tổ chức này đã mong đợi ở sự hỗ trợ võ khí nơi URSS. Nhiều lần Moscou đã tránh khéo vấn đề này: Vì trên vấn đề công pháp quốc tế, việc cung cấp võ khí cho tổ chức IRA quá độc lập này sẽ được coi như một cuộc gây hấn với Anh quốc và sẽ làm mất lòng nước này. Dù đã xảy ra việc có hàng trăm thành viên của tổ chức IRA đã tình nguyện tham gia chiến đấu trong hàng ngũ

các trung đoàn quốc-tế, trong cuộc nội chiến ở Tây Ban Nha cũng không làm thay đổi đường lối của các người Xô Viết. Trong hai năm 1939-1940, một chiến dịch đánh phá nước Anh bằng các cuộc đặt chất nổ ở nhiều nơi đã diễn ra. Các sự hoạt động này do một nhóm nhỏ người đấu tranh quốc gia bí mật, nhưng những người này lại theo đạo cải cách (confession protestante) vì họ bị thuộc thành phần ít bị nghi ngờ. Nhưng nhóm nhỏ các người đấu tranh quốc gia này đã bị các người Cộng sản xâm nhập dưới sự lãnh đạo của tên Betty Sinclair. Ở toàn Âu châu, nhiều toán người phá hoại, như nhóm do ông Ernst Wollweberg chỉ huy đã sẵn sàng để đặt chất nổ trên các chiếc tàu chở hàng của các nước Đức và luôn của Anh và Pháp. Và đồng thời Moscou cũng toan tính xử dụng tổ chức IRA. Nếu phá hoại các tàu chiến của Vương quốc Anh, tổ chức IRA sẽ che dấu các chiến dịch của Xô Viết chống lại Anh quốc, như vậy tuy là một việc nhưng lại có lợi cho cả IRA và người Xô Viết. Nhưng sau cùng việc này cũng thất bại. Moscou đã rút được một bài học về sự nghi ngờ đối với người Irlande vì các người này sẵn sàng liên kết với tất cả các đồng minh nào có thể cung cấp tất cả các nhu cầu trang bị (võ khí và tiền) mà họ cần dùng, nhưng với chính sách là từ chối quyết liệt phải trả lại một giá về chính trị, là chịu qui thuận chiến lược của họ vào chiến lược những người đã cung cấp các trang bị. Vào các năm đầu của các năm 1970, tổ chức IRA cho phát khởi lại một ngành chuyên môn của họ, là các cuộc đặt

chất nổ chống lại người Anh sau khi xảy ra các cuộc nổi loạn ở các ghetto (khu ở riêng biệt) của các người theo đạo Gia tô giáo ở vùng Bắc Irlande. Trái lại là các tin đồn hoang đường, các chất nổ dùng trong các cuộc đặt bom này không phải do người Nga cung cấp gián tiếp hay trực tiếp. Trong các việc xảy ra, những người nâng đỡ chính là những người dân Irlande di cư sang ở Bắc Mỹ và nằm trong cộng đồng các người Irlande cư ngụ ở đây hơn là từ các nước Nga hay Đông Âu.

Bàn tay của Moscou không phải là ở khắp mọi nơi. Nhưng dù sao bàn tay này cũng có một vai trò tích cực, trong việc hỗ trợ dưới một vài hình thức nào đó của các cuộc khủng bố ở Trung Đông. Xuất phát từ các cuộc nhận định và phân tích về các tổ chức đấu tranh của các người Palestine tượng trưng cho cuộc mưu đồ giải phóng quốc gia giống như tổ chức FLN của Algérie, các người Xô Viết đã sớm chính thức nhìn nhận tổ chức OLP của Yasser Arafat và thành phần chính phủ của tổ chức này là tổ chức El Fatah. Nhưng cơ quan KGB vẫn có các sự chú ý với một thành phần của tổ chức OLP, có một khuynh hướng khác về khuynh hướng quốc gia Palestine la FPLP (mặt trận giải phóng miền Nam), do bác sĩ Georges Habache, ông này đã tự nhận mình là thuộc về ý thức hệ marxiste cấp tiến, tổ chức này được cấu tạo một cách chặt chẽ, đã hoạt động và tổ chức các cuộc đặt chất nổ cùng mưu sát hay các cuộc phá hoại. Đã nhìn nhận là thủ phạm những việc cướp phi cơ chuyên chở hành khách trên các đường bay quốc tế.

Được phát động vào tháng 7 năm 1968 và khởi đầu là việc đánh cướp chiếc máy bay Boeing của hãng hàng không El Al của Do Thái, rồi đến tháng 12 năm 1968 với việc đặt chất nổ ở phi cảng Athènes và cao điểm của các cuộc khủng bố này là việc đánh cắp 3 chiếc phi cơ chở hành khách, và buộc 3 chiếc này phải đáp xuống phi trường nhỏ ở Zarka, nằm ở trong bãi sa mạc của Jordanie. Sau đó, vì các bất đồng chính kiến, các lực lượng võ trang của tổ chức OLP đã xung đột với quân lực của Hoàng gia Jordanie và các lực lượng võ trang OLP đã thua trận và phải lui quân ra Liban. Về ba chiếc phi cơ bị đánh cướp và các hành khách bị giữ làm con tin, đó là chiếc phi cơ Boeing của hãng hàng không Mỹ TWA, chiếc phi cơ DC8 của hãng hàng không Thụy Sĩ Swssair và chiếc phi cơ Viscount CC 10 của hãng hàng không BOAC của Anh quốc. Vụ cướp phá 3 chiếc phi cơ này xảy ra trước các cuộc xung đột giữa các lực lượng võ trang OLP và quân lực của hoàng gia Jordanie.

Vì lo ngại trước việc xảy ra các cuộc khủng bố quá mức này, một cán bộ của tổ chức OLP là

Nayef Hawatmech, đã tách rời ra khỏi tổ chức này và lập ra một tổ chức khác vào năm 1970-1971 đó là tổ chức FDPLP (mặt trận dân chủ và nhân dân để giải phóng Palestine) Với chủ đích là: vận động đại khối dân chúng và quốc tế hóa vô sản, tổ chức này càng ngày càng đi theo đường lối của các người Cộng sản chính thống (communiste orthodoxe), đã từ bỏ đường lối khủng bố mà đã một thời họ xử dụng. Như vậy

tổ chức FDPLP đã trở thành một đồng minh của các người Cộng sản Palestine. Nhưng ngoài mặt, sự nghịch lý là cơ quan KGB đã gia tăng sự giúp đỡ cho tổ chức FPLP. Nhưng có những chuyện cũng xảy ra, là người khủng bố bao giờ cũng có một người khác hành động khủng bố hơn. Đó chính là bác sĩ Goerges Habache đã bị quá độ hay nói nôm na hơn là bị qua mặt bởi người cộng tác tin cẩn và là cánh tay mặt của bác sĩ tên là Waddi Haddah, một cựu nha sĩ tốt nghiệp ở đại học đường của Mỹ ở Beyrouth, vì Haddah là người chỉ huy các cuộc tổ chức khủng bố mà chính bác sĩ Georges Habache lãnh đạo.

Nha sĩ Haddah là một người có rất nhiều kinh nghiệm về tổ chức các cuộc khủng bố. Theo các sự nhận định của ông Pierre Marion trưởng phòng phản gián nước ngoài, đó là cơ quan DGSE và cũng là cơ quan đặc biệt của Pháp. Haddah, là người sáng tạo ra chế độ khủng bố hiện đại: chính Haddah đã sáng tạo ra các cấu tạo và cũng chính ông đã huấn luyện các người chỉ huy có trách nhiệm, và cũng chính ông đã cải thiện các công thức tuyển mộ và đào tạo và cũng chính ông đã tinh luyện các chiến thuật và các kỹ thuật. Cuối năm 1973 đầu năm 1974, ông đã tách rời ra khỏi tổ chức FDLP để tổ chức các cấu tạo riêng của ông và đặt tên là FDLP-COSE (FDLP- ban chỉ huy các hành động ở các nơi ngoài tổ chức), hoàn toàn đãm nhiệm các vụ khủng bố quốc tế trong lúc tổ chức của Habache cố gắng để hoạt động trong các lãnh vực khác như: mưu toan tổ

chức các cuộc chiến đấu du kích với quân lực Israel và vận động quần chúng trong khối dân Palestine còn sống ở trong các trại tị nạn người Palestine. Các trại tị nạn này ở rải rác trong những vùng Jordanie, Liban, Egypte và vùng Gaza.

Tuy vậy, cơ quan KGB cũng quyết định ủng hộ các tổ chức kể trên, căn cứ trên văn thư không giấu sự thật đề ngày 23 tháng 4 năm 1974 dưới số 1071-1/05 gởi cho chủ tịch Leonid Brejnev (văn thư riêng): Ủy ban an ninh nhà nước đã từ năm 1968, có các sự liên lạc mật với Waddi Haddah, thành viên của văn phòng chính trị của tổ chức FPLB, đồng thời cũng là trưởng ban công tác các hành động ở các nước ngoài. Nhân cuộc hội kiến với vị chỉ huy của mạng lưới KGB ở Liban, Waddi Haddad đã tín cẩn trình bày chương trình về các kế hoạch hoạt động phá hoại, khuynh đảo và khủng bố cùng các điểm cốt yếu được trình bày theo đây.

Và tiếp theo là một danh sách của các mục tiêu, các hoạt động khủng bố và phá hoại trên lãnh thổ của Israel, tấn công vào các doanh nghiệp liên hợp về kim cương ở trên thế giới, ám sát các nhân viên ngoại giao của Israel, phá hoại các cơ xưởng và các giếng dầu Arabie Saoudite, phá hoại các chiếc tàu chở dầu to lớn chạy ở vịnh Persia và luôn cả ở Hong Kong. Cơ quan KGB đã chính thức xác nhận điều này.

Ông Waddi Haddad đã yêu cầu giúp đỡ tổ chức của ông để có được các loại võ khí đặc biệt, cần thiết cho các hoạt động khuynh đảo mà ông dự trù: hợp tác với

chúng ta, ông yêu cầu chúng ta giúp đỡ ông, Waddi Haddad biết đích xác là chúng ta bài xích trên nguyên tắc sự khủng bố và không đặt cho chúng ta các câu hỏi dính líu về các hành động của FPLP. Từ các liên lạc với Waddi Haddad đã cho phép chúng ta đặt các biện pháp để kiểm soát các hoạt động của các công tác mà FPLP ở nước ngoài, và đạt được những ảnh hưởng có lợi cho chúng ta. Thực hiện cho quyền lợi chúng ta, nhờ vào các lực lượng tổ chức này, các công tác tích sản, mà vẫn tôn trọng giữ được hoàn cảnh cần yếu. Đây là một ví dụ quá tốt về việc xử dụng hai ngôn ngữ, và việc kết thúc được xuất phát từ nguồn gốc: hãy vứt bỏ đi cho con quỷ, những nguyên tắc khi mà ta đã đánh cho địch thủ các đòn đau, mà không bị ai bắt được hay là giản dị hơn: ném đá dấu tay.

Văn thư này được chuyển cho các lãnh tụ Xô Viết cao cấp là: Souslov, Podgorny, Kossyguine và Gromyko và các tài liệu này được chuẩn y vào ngày 26 tháng 4 năm 1974 (các tài liệu này đã được đăng bằng tiếng Pháp trên tờ báo *Các Tin Tức Từ Moscou*, số 25 phát hành ngày 23 tháng 6 năm 1992).

Người học trò giỏi của Waddi Haddad là một thanh niên người Venézuelien tên là Ilitch Ramirez-Sanchez được nhiều người biết đến dưới biệt hiệu là Carlos. Haddad và Carlos đã cộng tác với các người sống sót của một toán người khủng bố gốc người Á châu, đó là đạo quân đỏ của Nhật (viết tắt là ARJ), mà cuộc hành trình đáng cho ta học hỏi. Được tổ chức

vào các năm cuối của thập niên 1960, vào thời điểm của sinh viên cấp tiến không nhượng bộ của Nhật, và cũng vào lúc cao điểm của phong trào theo chủ nghĩa của Mao Trạch Đông. Tổ chức ARJ liền liên lạc với các nhân viên của ban công tác Bắc Hàn (được biết là cộng đồng người Hàn quốc sinh sống ở nước Nhật rất là đông, lối 4.000.000 người). Các nhân viên công tác Bắc Hàn đã huấn luyện và cung cấp võ khí cho các cán bộ của tổ chức ARJ, nhưng đã không ngăn cản được các cuộc trả thù đẫm máu giữa các phe giáo điều và đi trật chính sách, đã xảy ra vào các năm đầu của thập niên 1970. Kết quả là một sự chia rẽ: một nhóm người ARJ liền quay qua phục vụ cho Bắc Hàn. Các người tỵ nạn này, ngày hôm nay ở tại Bình Nhưỡng (Pyongyang) đã trở thành các nhà doanh thương và là các người trung gian với phương Tây. Một phần khác của các người ARJ liền lựa chọn việc quốc tế hóa các hoạt động của họ. Họ liền đi theo Waddi Haddad. Đó là ba người của tổ chức ARJ đã hành động cho tổ chức FPLP, đã phóng tay trong cuộc tàn sát ở phi cảng Lod-Tel-Aviv / Israel diễn ra vào tháng 5 năm 1972 và giết chết 28 người.

Tổ chức FPLP-COSE đã cộng sự chặt chẽ với ông chủ nhà băng Thụy Sĩ, ông này là người của tổ chức Quốc xã Thụy Sĩ tên là François Genoud, như ký giả Pierre Péan tiết lộ trên tờ tuần báo *Expresse* là con người quá khích. Theo như lời thú nhận của Genoud, thì đã không gây ra một cuộc trở ngại nào cho cơ quan KGB mà ngược lại, cũng đã không tạo ra một trở ngại nào

cho các việc phát triển các hoạt động ngoạn mục của Calos: trước là làm công cho tổ chức FPLP-COSE, sau thì làm lợi cho các cuộc tuyên truyền của Cộng sản.

Carlos: các việc liên quan với 15 sở công tác mật vụ của các nước Đông Âu và các nước Á Rập

Bị sở mật vụ Pháp dàn xếp với cơ quan mật vụ Soudan bắt và giao cho Pháp, việc này xảy ra ở thủ đô Khartoum-Soudan, và sau đây là lời cung khai của Carlos với ông Thẩm phán Bruguière: vào năm 1969, tôi tên là Ilitch Ramirez, con của một luật sư người Vénézuela và là người ngưỡng mộ Lénine (ông đã liên tiếp đặt tên các con trai của ông với các tên Vladimir, Ilitch và Oulianov), lần thứ nhất đã gặp một nhân viên của FPLP, tên là Rifaat Aboul Aoum ở tại Moscou. Tại nơi đây Carlos là một sinh viên theo học môn chủ nghĩa Marxisme-Léninisme cùng với các môn vật lý và hóa học. Ở tại đây Carlos đã buồn vì các hoạt động của các đảng Cộng sản châu Mỹ-La Tinh đã hoạt động quá yếu ớt, Carlos muốn hoạt động tích cực hơn và quyết liệt hơn. Carlos đã được toại nguyện sau một cuộc đi du lịch ở nước Jordanie và nơi đây Carlos đã gặp các tay chỉ huy của tổ chức FPLP khi y vừa đặt chân đến đây. Sau một thời gian thụ huấn Carlos đã có thể khởi đầu hoạt động vào đầu năm 1971, được đi lại dễ dàng ở các nước Đông Âu và URSS cùng với các nước Tây Âu nhờ vào sự lịch thiệp của y là con cái của một gia đình trung lưu để thi hành các cuộc xâm nhập mưu sát đẫm máu và ngoạn mục.

Ngày 27 tháng 6 năm 1975, Carlos lúc bị xét hỏi tại nơi trú ngụ ở Paris, trong lúc các nhân viên công lực bất cẩn và không đề phòng, đã ra tay bắn chết hai công an viên Pháp thuộc sở kiểm soát lãnh thổ, viết tắt là DST và bắn bị thương nặng một viên công an khác. Đến tháng Chạp năm 1975, Carlos cầm đầu một toán cảm tử tấn công vào trụ sở OPEC ở thành phố Vienna thủ đô nước Áo. OPEC là tên viết tắt của tổ chức của các nước xuất cảng dầu hỏa. Kết toán: ba người chết và bắt làm con tin tất cả các đại diện của các nước tham dự cuộc hội thảo tại đây. Carlos và đồng lỏa đòi hỏi một số tiền rất lớn lối gần cả chục triệu đô la và một chiếc phi cơ cho các người con tin và toán cảm tử của y đi qua nước Algérie. Tại đây với các người của toán cảm tử, họ thả các người con tin rồi đi qua nước Libya. Các người của toán cảm tử này là các người Đức thuộc tổ cách mạng do tên Johannes Weinrich chỉ huy. Sau cuộc hành động ngoạn mục này, Carlos từ Lybia đã đi qua Yémen, rồi đi Irak và Yougoslavie. Và nhất là Đông Đức, các cơ sở của cơ quan mật vụ Đông Đức là STASI (đây là tên viết tắt của Staatsi tức là an ninh của nhà nước) đã chú ý đặc biệt đến con người quá khích này, có khả năng thực hiện các việc táo bạo. Và đã coi như là thâu nhận Carlos với tên mật mã là Séparat. Vào cuối năm 1980, một hồ sơ tối mật đã được đệ trình lên cho tướng Erich Mielke là chỉ huy trưởng của cơ quan Stasi. Hồ sơ này có tên rất là đơn giản: Kế hoạch về các cách thức của cơ quan Stasi về việc đối xử và kiểm soát các hành

động của nhóm Carlos. Trong một cuốn sách nghiên cứu và phân tích của Bernard Violet Weinrich và Kopp, một người là cộng sự đắc lực đồng thời là bạn chăn gối của Carlos, và một người là cánh tay mặt của Carlos, hai người này vừa mới bị mật vụ Pháp bắt ở Pháp sau 26 năm lẩn trốn. Cả hai người này đều không phải là nhân viên của mật vụ Stasi và cũng không được lĩnh một đồng lương nào của cơ quan này. Họ chỉ là một sợi giây liên lạc giữa cơ quan Stasi và nhóm người của Carlos. Các vị sĩ quan của cơ quan Stasi là các vị Đại tá Hary Dahl, Hörst Franz, Günter Jackel và Helmut Voigt thường hay liên lạc với hai người thân tín của Carlos và Carlos cũng biết việc này.

Carlos cũng có liên lạc chặt chẽ với các cơ quan mật vụ của nước Roumanie vì vậy y đã làm quấy rầy cơ quan an ninh nhà nước Hongrie vì Carlos có khuynh hướng dùng thủ đô Budapest làm hậu cứ. Nhóm người của Carlos đã đổi tên là Tổ chức võ trang đấu tranh để giải phóng các người Arabe (tức là lực lượng võ trang), liên tiếp thực hiện các cuộc mưu hại gây tử vong. Đại tá Voigt của cơ quan Stasi đã chỉ đích danh tổ chức Séparat là thủ phạm vụ đặt chất nổ tại trụ sở của Nhà Pháp Quốc nằm vùng phía Tây ở Berlin, việc này xảy ra vào ngày 25 tháng 8 năm 1983 và đã có 2 người chết. Theo lời của đại tá Voigt thì nhóm người của Séparat đã có một phần trách nhiệm lớn vì đã liên lạc với một nhóm người khủng bố khác dính líu với khối Đông Âu

và đặt căn cứ ở Beyrouth, đó là tổ chức ASALA (quân đội bí mật để giải phóng xứ Arménie).

Việc làm hơi ngạc nhiên là cơ quan Stasi đã có nhiều hành động khoan dung đối với các hành động của các nhóm mà cơ quan Stasi không hề xử dụng để thi hành các mục tiêu của cơ quan Stasi. Nếu chất vấn về tâm lý thì khó mà chứng tỏ về trường hợp của Erich Mielke, ông từng là chỉ huy của nhóm tranh đấu võ trang của đảng Cộng sản Đức KPD trước chiến tranh, và bị buộc tội đã giết hai người công an, cùng có các tư cách hay hành động tương tự như Carlos và các thuộc viên của nhóm toán người Baader. Vì các đường lối và quyết định của cơ quan Stasi đều do cấp chỉ huy cao hơn định đoạt. Không thể nghi ngờ được là phải đi tìm kiếm xa hơn các hội tụ có tính cách khách quan hơn về sự kiên hệ của các nhóm khủng bố quốc tế và cơ quan Stasi. Ông Mielke và các nhà lãnh đạo Đông Đức đã thường cho chúng ta biết về sự trắc ẩn có tính cách lãng mạng của cách mạng. Vì vậy, dây không phải là một sự ngẩu nhiên khi nhóm Carlos đã có các cuộc giao thiệp liên tục với lối 15 cơ quan mật vụ của các nước Đông Âu và Á Rập.

Việc khoan dung của các nước Cộng sản đối với các nhóm người quá khích thuộc về lãnh vực ở Trung Á không dành riêng cho nhóm Carlos. Vì phản đối và thù nghịch với tổ chức OLP và Yasser Arafat, lãnh tụ Abou Nidal và tổ chức El Fatah - Hội đồng cách mạng đã khởi đầu phục vụ cho các người Irak, sau lại quay sang

phục vụ các người Syrie. Họ cũng hưởng được các sự khoan dung nhưng kém hơn vì rất khó kiểm soát được họ. Vị chỉ huy của El Fatah tuy là lâm bệnh cũng đã được giải phẫu ở sau bức màn sắt.

Một vụ trực tiếp liên can đến các nước Đông Âu và cuộc khủng bố quốc tế hiện đại, là việc điều khiển tổ chức Rote Armee Fraktion, viết tắt là RAF mà báo chí ở Tây Đức gọi là toán người của

Baader. Xuất phát từ các cuộc bác bỏ của phong trào sinh viên, tổ chức nhỏ này với khoảng 50 thành viên hoạt động tích cực ở trong một cao trào của hơn một ngàn người đã phóng tay phát động, vào các năm của thập niên 1970, các cuộc khủng bố có tính cách biểu diễn để chống lại các quyền lợi của Mỹ quốc. Sau năm 1977 và việc bắt cóc và ám sát ông Hans Martin Scheleyer chủ tịch của nghiệp đoàn các người chủ nhân và giám đốc các xí nghiệp thương mãi và công kỹ nghệ ở Đức quốc, song đến việc tự sát của các người chỉ huy nhóm toán người của Baader tên là Ulrike Meinholf và Andreas Baader, các thành viên của toán người này đã sang ẩn náu ở Đông Đức và nhận sự lệ thuộc càng ngày càng gia tăng của cơ quan Stasi và dưới con mắt của mọi người họ đã trở thành lực lượng võ trang của cơ quan này. Sau ngày bức tường ngăn hai thành phố Berlin bị sụp đổ, đưa đến sự thống nhất của nước Đức, các người còn sống sót của toán người của Baader sinh sống ở Đông Đức đều bị bắt giam.

Việc vận dụng cùng xử dụng các tổ chức du kích và

các tổ chức khủng bố không phải là một việc dễ dàng. Phải cần có các sự khéo léo và một chính sách về chính trị rất nhạy bén. Có lẽ vì lý do này vào các năm 1969-1970, cơ quan KGB do cá nhân của một nhân vật xuất sắc là Oleg Maximovitch Netchiporenko đã cộng tác với các người Bắc Hàn và tổ chức một phong trào do ông lãnh đạo, Movimiento de Ación Revolucionaria viết tắt là MAR, đã bị công an Mexico phá tan vào năm 1971. Với mục tiêu nhất định, đây là một cuộc vận động khéo léo để tránh các cuộc đòi hỏi quá đáng, vô kỷ luật và các sáng kiến ngẫu nhiên của các nhóm có khuynh hướng theo chủ nghĩa của Castro hay Mao Trạch Đông. Một vài nhóm đã thoát khỏi ảnh hưởng của các người được coi như đỡ đầu hướng dẫn họ, như nhóm FRAP (mặt trận cách mạng Ái-quốc chống phát-xít) người xứ Tây Ban Nha một thời đã ve vãn các người Cộng sản Trung-quốc, sau đến các người Albanie để có được võ khí. Nhưng các cuộc vận động của nhóm này không đi đến đâu, họ bèn tách ra và thành lập một tổ chức mang tên GRAPO (nhóm kháng chiến chống phát xít của ngày 1 tháng 10) Còn về tổ chức du kích của Abimael Guzman ở nước Pérou và lấy tên là các con đường nhỏ soi sáng, họ tự nhận là xuất phát từ nguồn gốc của chủ nghĩa Mao Trạch Đông nguyên thủy và cứng rắn, tức là chiến tranh nhân dân lâu dài, nhưng trái lại họ đã chuyên chú chủ tâm ghê tởm sâu rộng đối với Đặng Tiểu Bình và các người lãnh đạo mới của Bắc Kinh. Tháng Chạp năm

1983, họ đã mưu toan tấn công vào tòa nhà của đại sứ Trung Quốc ở Lima thủ đô của nước Pérou.

Ở vào một vài trường hợp hiếm hoi, vì các sự rủi ro quá lớn trong thời điểm hiện đại, các nước Cộng sản đã thực hành thẳng do các cơ quan mật vụ của họ, các cuộc tấn công khủng bố. Đó là trường hợp xảy ra vào tháng 11 năm 1987, do hai cộng tác viên Bắc Hàn gồm có một cán bộ nhiều kinh nghiệm tên Kim Seung Il và một nữ cộng tác viên trẻ tuổi tên Kim Hyoun Hê đã được huấn luyện trong vòng 3 năm ở đại học quân sự Kem Sung. Họ đã lấy vé phi cơ và đi trên một chuyến phi cơ của Korean Air của Nam Hàn bay đi Bangkok. Đến trạm hàng không Abou Dhabi họ đã xuống và ở lại đây, trước khi họ xuống phi cơ, họ đã để lại một máy thu thanh transistor có gài chất nổ. Chiếc phi cơ này đã nổ tung trên trời khi còn bay trên vùng biển vịnh Bengale.

Kết quả: 115 người đã chết. Bị truy tầm ra tung tích và bị bắt, cộng tác viên Kim Seung Il đã tự sát bằng cách nuốt thuốc độc, còn nữ cộng tác viên Kim Young Hê thì sau khi bị bắt đã cung khai tất cả các chi tiết của cuộc khủng bố này. Nữ cộng tác viên này cũng đã viết một quyển sách nhưng hãy còn quá sớm để biết rõ đâu là sự thật, đâu là sự mờ ám. Tựa của cuốn sách này là: *Ở trong hố của các con cọp* (Dans la fosse aux tigres) do nhà xuất bản Presses de la Cité xuất bản vào năm 1994. Ở mọi trường hợp, sự thật đã được coi là hiển nhiên: Bắc Hàn là nước Cộng sản duy nhất, vào năm 1997 đã thực thi có phương pháp các cuộc khủng bố do Nhà Nước chủ trương.

MỤC LỤC

Lời tựa /7/
Lời nói đầu 9
Phần I **Tàn Sát, Khủng Bố, Đàn Áp** /53/
Chương 1 **Nghịch biện và sự hiểu lầm cuộc cách mạng tháng 10** /54/
Chương 2 **Lực lượng võ trang của chuyên chính vô sản** /81/
Chương 3 **Khủng bố đỏ** /111/
Chương 4 **Cuộc chiến bẩn thỉu** /129/
Chương 5 **Các diễn biến từ tambov cho đến khi xảy ra nạn đói lớn** /172/
Chương 6 **Từ cuộc hưu chiến đến đoạn quanh lớn** /203/
chương 7 **Giải tán quy chế điền chủ và cưỡng bách canh tác tập thể** /236/
Chương 8 **Nạn đói** /253/
chương 9 **Thanh toán các phần tử xa lạ của xã hội và chu kỳ đàn áp** /275/
Chương 10 **Cuộc khủng bố vĩ đại trong những năm**

1936 - 1938 /304/
Chương 11 **Đế quốc ngục tù** /338/
Chương 12 **Mặt trái của cuộc chiến thắng** /360/
Chương 13 **Cao điểm của các khủng hoảng trong các hợp tác xã nông nghiệp** /389/
Chương 14 **Âm mưu cuối cùng** /409/
Chương 15 **Giã Từ Chủ Nghĩa Staline** /424/
Chương 16 **Kết thúc phần nhà nước chống lại nhân dân** /447/
Phần II **Cách mạng thế giới - Nội chiến và khủng bố** /463/
Chương 1 **Komintern được phát động và hành động của cơ quan này** /464/
Chương 2 **Bóng đen của cơ quan NKVD trên lãnh thổ Tây Ban Nha** /611/
Chương 3 **Cộng sản và Khủng bố (Rémi Kauffer)** /658/